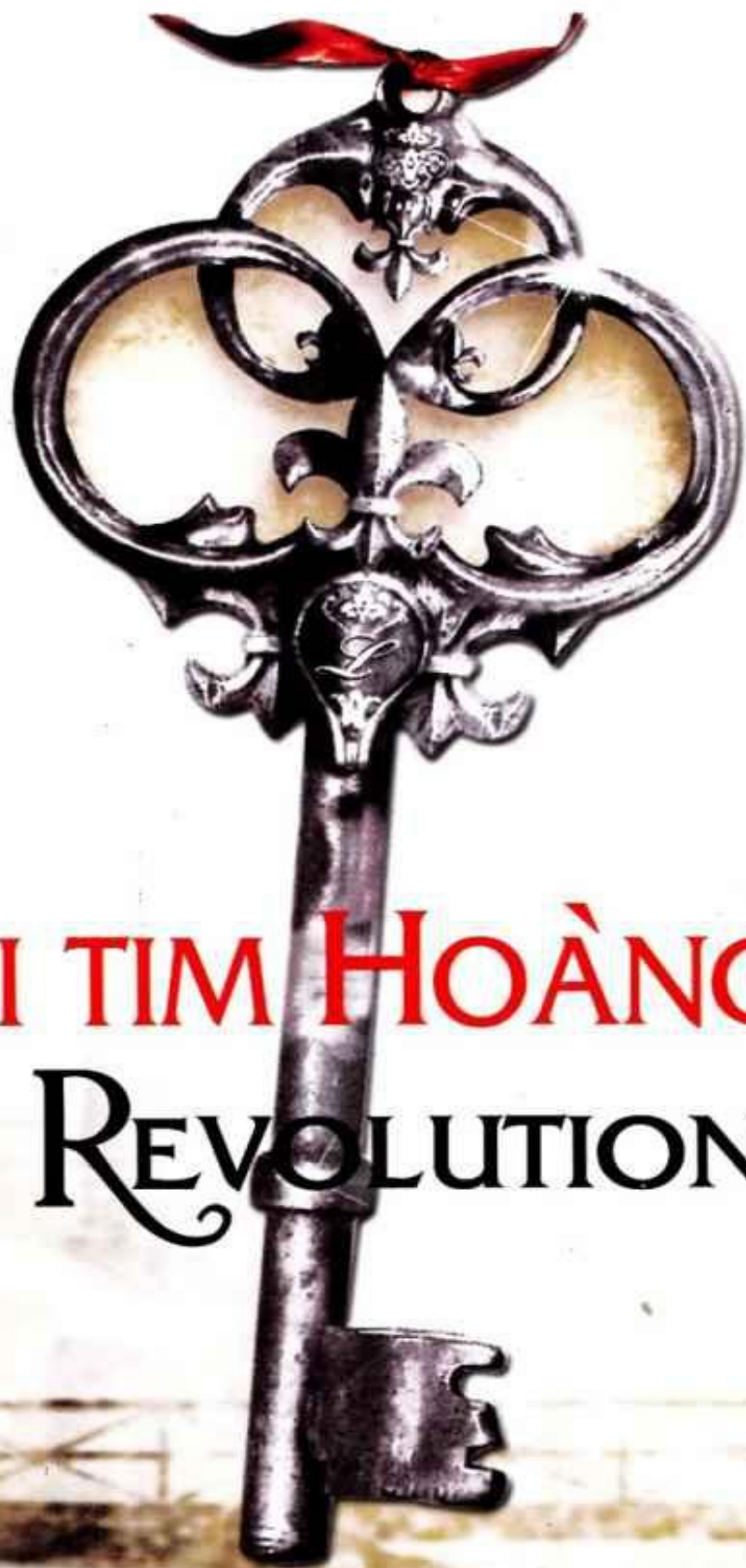


JENNIFER DONNELLY



TRÁI TIM HOÀNG GIA
REVOLUTION

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC **vh** **im** **One**

Trái tim hoàng gia

Jennifer Donnelly

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

- [1](#)
- [2](#)
- [3](#)
- [4](#)
- [5](#)
- [6](#)
- [7](#)
- [8](#)
- [9](#)
- [10](#)
- [11](#)
- [12](#)
- [13](#)
- [14](#)
- [15](#)
- [16](#)
- [17](#)
- [18](#)
- [19](#)
- [20](#)
- [21](#)
- [22](#)
- [23](#)
- [24](#)
- [25](#)
- [26](#)
- [27](#)
- [28](#)
- [29](#)
- [30](#)
- [31](#)
- [32](#)
- [33](#)
- [34](#)
- [35](#)
- [36](#)
- [37](#)
- [38](#)

[39](#)
[40](#)
[41](#)
[42](#)
[43](#)
[44](#)
[45](#)
[46](#)
[47](#)
[48](#)
[49](#)
[50](#)

Giới thiệu

Cái chết của cậu em trai Truman đã khiến Andi ngày càng suy nhược. Tình trạng đó chỉ có thể giảm bớt đi khi cô dùng thuốc chống trầm cảm hoặc mỗi khi chơi guitar đến bật cả móng tay, máu chảy lan xuống thùng đàn. Tình trạng của mẹ cô cũng bi đát không kém.

Trước sự suy sụp của cả mẹ và cô, cha Andi vẫn tỏ ra ghẻ lạnh và chỉ chăm chăm vào nghiên cứu để giành giải Nobel. Ông nhanh chóng gửi mẹ cô đến một bệnh viện tâm thần và nhấn mạnh rằng Andi sẽ cùng ông đến Paris trong kỳ nghỉ đông, ở đó ông sẽ kiểm tra gen một quả tim mà người ta tin rằng thuộc về Thái tử Louis Charles, người đã bị giam cầm và đối xử tồi tệ đến mức phải tìm đến cái chết trong cuộc Cách mạng Pháp.

Trong thời gian ở Paris, Andi tìm thấy cuốn nhật ký của Alexandrine Paradis, một người bạn của thái tử, giấu trong hộp đựng đàn guitar từ thế kỷ XVIII. Những trang đầu tiên của Alex viết trong cuốn nhật ký khẳng định tình cảm yêu mến mà cô dành cho Thái tử và tội lỗi của cô trong vai trò mà cô tình cờ chơi cùng số phận trước cái chết của thái tử. Mối liên hệ giữa họ trở nên không thể tách rời, dệt thành câu chuyện đau buồn trong điểm nhìn tự sự của Andi - nơi cô thâm nhập vào thế giới phức tạp của Alex để tiếp cận với một thái tử bị hại có nét gì đó tương đồng với số phận của em trai cô.

Cuốn sách là một câu chuyện đa tầng bao gồm vô vàn những chi tiết tỉ mỉ, chất chứa sự thông minh cũng như nỗi lòng của các nhân vật. Andi và Alex là hai nghệ sĩ rạn nứt, đã sáng tạo nên thời gian của chính họ. Sự tương tác giữa hiện tại và lịch sử diễn ra liên tục trong cả hai cốt truyện và chủ đề. Bạn đọc thích thú với lịch sử Pháp, sức mạnh của âm nhạc, và tiểu thuyết hiện thực đương đại sẽ tìm thấy trong tác phẩm tuyệt vời này những điều hấp dẫn đến cực điểm.

Tác giả



Jennifer Donnelly là tác giả của bộ 3 cuốn sách ăn khách: *The Tea Rose*, *The Winter Rose* và *The Wild Rose*. Các tác phẩm của bà được xây dựng và dựa trên những chi tiết lịch sử có thật xen kẽ cùng những mối tình đầy trắc trở hay những câu chuyện đượm tính nhân văn. Giành giải CILIP Carnegie, với tác phẩm “A Northern Light - Ánh sáng phương Bắc” (giải thưởng thường niên

mang tên Andrew Carnegie vinh danh các tác giả viết sách cho thanh thiếu niên, được trao tặng bởi Viện Chuyên Gia Thông Tin Thư Viện) Jennifer Donnelly đã khẳng định sự lựa chọn đúng của mình đối với dòng văn học mà bà đang theo đuổi. Hiện bà đang sinh sống ở New York cùng chồng và các con gái.

Báo chí giới thiệu

(TT&VH Online) - **Một câu chuyện đẹp, sâu sắc và đầy cuốn hút, *Revolution* (Trái tim hoàng gia - tên tiếng Việt) thoát tiên sẽ khiến người đọc tưởng lầm đây là tác phẩm kén người đọc bởi chính tựa đề tiếng Anh của mình.**

Cấu trúc của cuốn tiểu thuyết được kể theo lối diễn tiến song song giữa cuộc đời của hai cô gái: một ở Paris thế kỷ mười tám, trải nghiệm sự khốc liệt của cuộc Cách mạng Pháp, một ở Brooklyn thời hiện tại, đang phải vật lộn với cái chết bi thương của em trai mình.

“Cái chết của em trai, Truman, đã làm cho thần kinh của Andi ngày một suy nhược. Cô phải dùng thuốc chống trầm cảm và chỉ thấy nhẹ nhõm mỗi lần chơi guitar đến bật cả móng tay.

Trước sự suy sụp của cả mẹ cô, cha Andi tỏ ra ghẻ lạnh và chỉ chăm chăm vào nghiên cứu khoa học. Ông gửi mẹ cô vào trại tâm thần và buộc Andi phải theo đến Paris trong kỳ nghỉ, ở đó ông sẽ kiểm tra gen quả tim được cho là của Thái tử Louis Charles.

Trong thời gian ở Paris, Andi tìm thấy cuốn nhật ký của Alexandrine Paradis, một người bạn của Thái tử, giấu trong hộp đựng đàn guitar từ thế kỷ XVIII. Cuốn nhật ký đưa Andi trở lại thời khắc cuộc cách mạng Pháp nổ ra và hé lộ những bí mật trong quá khứ mà lịch sử chưa từng nhắc tới.”

Cuốn tiểu thuyết bao hàm rất nhiều điều lý thú, nó vượt qua ranh giới giữa các thể loại nghệ thuật, làm tái hiện một cách sống động về thời kỳ lịch sử dữ dội. Không những thế cuốn tiểu thuyết lý thú này còn góp phần khai phá sự quan trọng của hội họa và âm nhạc mà còn đề cập đến các mối quan hệ của gia đình trong khủng hoảng, bệnh tâm thần, và sự bất bình đẳng giai cấp, chủng tộc.

Có hai câu hỏi sâu sắc khiến ta phải suy nghĩ đặt ra ở tâm điểm cuốn tiểu thuyết: Làm người trong một thế giới đầy rẫy khốc liệt như thế thì có ý nghĩa gì? Và chúng ta với tư cách những cá nhân phải đưa ra những lựa chọn thế nào để tồn tại được trong một thế giới như vậy?

Dĩ nhiên, cụm từ “Cách mạng” không phải lúc nào cũng liên quan đến sự đổi thay của một quốc gia hay dân tộc sau mỗi cuộc chiến. Mà chính cuộc chiến với bản thân mình còn quan trọng hơn thế nhiều - những cuộc “Cách mạng” mà chỉ chính chúng ta mới có thể khởi xướng.

Sự tương tác giữa hiện tại và lịch sử diễn ra liên tục khiến bạn đọc thích thú với lịch sử Pháp, sức mạnh của âm nhạc, tiểu thuyết hiện thực đương đại sẽ được tìm thấy trong tác phẩm tuyệt vời này cũng như những điều hấp dẫn đến cực điểm để có thể trải nghiệm và khám phá. Đọc tiểu thuyết này khiến bạn sẽ liên tưởng tới sức mạnh mà tất cả chúng ta đều sở hữu để thay đổi vận mệnh đời mình và thậm chí thay đổi cục diện thế giới.

Cúc Đường

Mục lục

[1](#) - [2](#) - [3](#) - [4](#) - [5](#) - [6](#) - [7](#) - [8](#) - [9](#) - [10](#) - [11](#) - [12](#) - [13](#) - [14](#) - [15](#) - [16](#) - [17](#) - [18](#) - [19](#) - [20](#) - [21](#) - [22](#) - [23](#) - [24](#) - [25](#) - [26](#) - [27](#) - [28](#) - [29](#) - [30](#) - [31](#) - [32](#) - [33](#) - [34](#) - [35](#) - [36](#) - [37](#) - [38](#) - [39](#) - [40](#) - [41](#) - [42](#) - [43](#) - [44](#) - [45](#) - [46](#) - [47](#) - [48](#) - [49](#) - [50](#) - [51](#) - [52](#) - [53](#) - [54](#) - [55](#) - [56](#) - [57](#) - [58](#) - [59](#) - [60](#) - [61](#) - [62](#) - [63](#) - [64](#) - [65](#) - [66](#) - [67](#) - [68](#) - [69](#) - [70](#) - [71](#) - [72](#) - [73](#) - [74](#) - [75](#) - [76](#) - [77](#) - [78](#) - [79](#) - [80](#) - [81](#) - [82](#) - [83](#) - [84](#) - [85](#) - [86](#) - [87](#) - [PHẦN KẾT](#)

Tôi thấy mình lạc trong rừng tối:

Lạc mất đường chính đạo!

Ôi, nói sao cho hết bao điều cay đắng,

Rừng hoang vu, hiểm trở, trập trùng...

Chỉ nhớ lại đã xiết bao điều kinh hãi!

Cay đắng sao, cái chết cũng khôn bằng!

— DANTE, Thần Khúc

ĐỊA NGỤC

Đến một nơi không còn ánh sáng,

— DANTE**[1]** —

1

Những ai có khả năng thì chơi nhạc.

Những ai không có khả năng, thì làm DJ.

Như Cooper van Epp. Đứng trong phòng mình - toàn bộ tầng năm của một căn nhà đá nâu trên phố Hicks - cố beatmatch[2] John Lee Hooker[3] bằng đoạn nhạc trip-hop[4] kinh khủng. Bộ nhạc cụ trị giá hai mươi ngàn đô vậy mà gã vẫn mù tịt cách dùng.

“Giời, blue đây này!” gã reo lên. “Là Memphis mod[5].” Gã dừng chơi, rót cho mình ly scotch thứ hai trong buổi sáng. “Nó như thể hồi đó và bây giờ. Brooklyn và Beale Street cùng một lúc. Giống như tham gia một bữa tiệc tại gia với John Lee. Rít Kents và nốc bourbon vào bữa sáng. Tất cả những gì thiếu sót, tất cả những gì chúng ta cần...”

“... là cái đói, bệnh tật, và hoàn toàn rỗng túi,” tôi nói.

Cooper xoay chiếc mũ phớt lại trên đầu và cười ré lên.

Gã vận một chiếc áo ba lỗ và một áo vest cũ. Gã mười bảy tuổi đầu, trắng bóc và giàu sụ, cổ ăn vận giống một tay chơi nhạc blue vùng Mississippi. Nhưng trông gã không giống thế chút nào. Trông gã như Norton trong *The Honeymooners*[6].

“Nghèo khổ, Coop ạ,” tôi nói thêm. “Đó là thứ mà cậu cần. Đó là nơi khởi nguồn của dòng nhạc blue. Nhưng thế thì khó cho cậu lắm. Ý tớ là, con trai của một ông trùm quỹ phòng hộ này nọ ấy.”

Nụ cười ngơ ngẩn của gã héo đi.

“Giời, Andi, sao lúc nào cậu cũng cay nghiệt với tớ thế? Sao lúc nào cậu cũng rất...”

Simone Canovas, con gái một nhà ngoại giao, cắt lời gã. “Oài, đừng bận tâm, Cooper. Cậu biết tại sao mà.”

“Chúng ta đều biết. Nhặt nhầm rồi đấy.” Arden Tode, con của một minh tinh màn bạc cất tiếng.

“Và một thứ cuối cùng,” tôi nói, lờ bọn nó đi. “Tài năng. Cậu cần tài năng. Bởi vì John Lee Hooker có cả núi tài năng. Cậu đã thực sự viết một bài nhạc nào chưa hả Coop? Cậu có chơi bất cứ thứ gì không? Hay là cậu chỉ ghép thứ của người khác lại với nhau rồi coi cái thứ thảm họa đó là của cậu?”

Mắt Cooper sầm xuống. Miệng gã nhăn nhó.

“Cậu là đồ cay nghiệt. Cậu biết không?”

“Tớ biết chứ.”

Tôi đúng là như vậy. Chẳng nghĩ ngờ gì.

Tôi thích sủ nhục Cooper. Tôi thích làm gã tổn thương. Cảm giác rất thích thú. Thích thú hơn rượu whiskey của bố gã, hơn thuốc lá của mẹ gã. Bởi trong vài giây, ai đó cũng bị tổn thương. Chỉ trong vài giây thôi, tôi không cô độc.

Tôi cầm guitar lên chơi những nốt đầu tiên trong bản “Baby Please Don’t Go” của Hooker. Dở ẹc, nhưng có tác dụng. Cooper chửi tôi rồi sầm sầm bỏ đi.

Simone trừng trừng giận dữ. “Thế hơi ác đấy, Andi ạ. Tâm hồn nó mỏng manh lắm,” ả nói; rồi bỏ đi theo gã. Arden bỏ đi theo ả.

Simone chẳng quan tâm khi gì tới Cooper hay tâm hồn gã. ả chỉ lo gã sẽ phá bĩnh bữa tiệc sáng thứ Sáu của bọn tôi. ả chưa bao giờ tới trường học mà không gây ra một vụ ồn ào nào. Đứa nào cũng vậy. Bọn tôi cần phải có thứ gì đó, loại rào chắn do của cái đem lại để đẩy bật đi những áp lực nặng nề có nguy cơ sẽ bóp nát bọn tôi như những lon bia ngay giây phút bọn tôi đặt chân vào trường.

Tôi thôi chơi “Baby” mà chuyển dần sang “Tupelo.” Chẳng ai để ý. Cha mẹ Cooper đang đi nghỉ ở Cabo. Người hầu gái không để ý, chị này đang chạy quanh nhà mở cửa sổ để khói thuốc bay ra ngoài. Và đám bạn cùng lớp của tôi cũng không để ý, bọn nó đang bận bấm tới bấm lui iPod, nghe hết bài này sang bài khác. Bọn tôi không thèm nghe Billboard Hot 100[7]. Bọn tôi khá hơn thế. Những giai điệu đó là dành cho bọn nhóc tí ở trường công khi gì cũng được. Bọn tôi học ở St. Anselm’s, trường tư danh giá nhất ở Brooklyn. Bọn tôi đặc biệt. Bọn tôi là những ngoại lệ. Bọn tôi siêu phàm, đứa nào cũng siêu phàm. Giáo viên dạy bọn tôi nói vậy và bố mẹ bọn tôi trả ba mươi ngàn đô một năm để được nghe điều đó.

Năm nay, năm cuối cấp, là năm của nhạc blue. Và William Burroughs, nhạc soul Balkan, những giọng nam cao Đức, các ban nhạc nữ Nhật, và New Wave. Nó đã được tính trước, cái hỗn hợp này. Như mọi thứ khác bọn tôi làm. Sở thích của bọn tôi càng khó hiểu bao nhiêu, bằng chứng chúng tôi là thiên tài càng mạnh mẽ bấy nhiêu.

Khi ngồi đây bất bỗng lung tung bài “Tupelo,” tôi thoáng nghe thấy một đoạn trò chuyện ngắt quãng đang diễn ra ở gần tôi.

“Nhưng thiệt tình, cậu không thể tiếp cận được Flock of Seagulls[8] mà không bị dính líu vào hệ hình siêu tiểu thuyết,” một người nói.

Và, “tớ nghĩ Plastic Bertrand có thể được hiểu đúng nhất là nhà quan niệm âm nhạc có ý nghĩa theo thuyết hư vô hậu châm biếm[9].”

Và: “Nhưng, chẳng hạn như, ý nghĩa của New Wave khởi phát từ sự vô nghĩa của chính nó. Bởi, sự lặp lại là hết sức có chủ định.”

Và rồi, “*Chẳng phải đó là một thời vĩ đại sao, chẳng phải đó là một thời vĩ đại sao...*”

Tôi nhìn lên. Đứa đang hát bài “Tupelo,” một thằng dâm dật khét tiếng ở Slater, học ở một trường Heights khác, đột nhiên ngồi xuống đầu bên kia chiếc sofa mà tôi đang ngồi. Nó dịch lại gần cho đến khi đầu gối bọn tôi chạm nhau.

“Cậu chơi hay đấy,” nó nói.

“Cám ơn.”

“Bạn chơi trong ban nhạc à?”

Tôi tiếp tục chơi, đầu cúi xuống, vì thế nó làm một việc sỗ sàng.

“Cái gì thế?” nó hỏi, nhào tới kéo sợi ruy băng đỏ tôi đeo ở cổ. Trên sợi dây có chiếc chìa khóa bạc. “Chìa khóa mở cửa trái tim cậu à?”

Tôi muốn giết nó vì đã sờ vào chiếc chìa khóa. Tôi muốn nói những lời khiến nó bị bầm vụn ra, nhưng tôi chẳng có lời nào cả. Chúng khô khốc trong cổ họng tôi. Tôi không nói nổi, vì thế tôi giơ tay lên, bàn tay đeo đầy những chiếc nhẫn hình xương sọ, và siết chặt thành nắm đấm.

Nó thả chìa khóa xuống. “Ồi, xin lỗi nhé.”

“Đừng có bao giờ làm thế,” tôi bảo nó, nhét chìa khóa vào lại trong áo.

“Được rồi, được rồi. Đừng có nổi nóng, cô rồ,” nó khoan nhượng đáp.

Tôi bỏ guitar vào hộp và tìm lối đi ra. Cửa trước. Cửa sau. Cửa sổ. Cái gì cũng được. Khi tôi đang băng qua phòng khách, tôi cảm thấy một bàn tay gần cánh tay mình.

“Thôi nào. Mới có tám giờ mười lăm mà.”

Đó là Vijay Gupta. Chủ tịch Hiệp hội Danh dự, Hiệp hội Tranh luận, Câu lạc bộ Cờ vua, và Liên hiệp Người mù. Tình nguyện viên tại một bếp ăn miễn phí cho người nghèo, một trung tâm xóa mù chữ, và ASPCA[10], đã đạt được học bổng Davidson Fellow[11], Presidential Scholar[12], người đạt giải thưởng thơ ca của trường Princeton, nhưng khốn nỗi, nó không phải là đứa sống sót sau khi bị bệnh ung thư.

Orla McBride là đứa sống sót sau khi bị ung thư, và trong đơn xin nhập học, nó đã viết về chuyện đó và được vào Harvard theo diện xét tuyển sớm. Điều trị hóa chất, bị rụng tóc và nôn mửa mọi thứ ra ngoài đã chiến thắng những hoạt động ngoại khóa thông thường. Vijay chỉ vào được danh sách dự bị, vì vậy nó vẫn phải đi học như thường.

“Tớ không đi,” tôi bảo nó.

“Sao lại không?”

Tôi lắc đầu.

“Chuyện gì?”

Vijay là bạn thân của tôi. Đứa bạn duy nhất của tôi, ở thời điểm này. Tôi không hiểu nổi sao nó vẫn còn chơi với tôi. Tôi nghĩ nó coi tôi như một đối tượng cải huấn, như mấy người khốn khổ mà nó chăm sóc ở trại tể bắn.

“Andi, thôi nào,” nó nói. “Bạn phải đi. Bạn phải hòa nhập. Beezie sẽ tổng cổ cậu ra ngoài đấy. Năm ngoái nó đã đá đít hai đứa năm cuối vì không chịu chơi.”

“Tớ biết thế. Nhưng tớ không đi.”

Vijay nhìn tôi lo ngại. “Hôm nay cậu uống thuốc chưa?” nó hỏi.

“Rồi.”

Nó thở dài. “Gặp cậu sau.”

“Ừ, gặp sau.”

Tôi ra khỏi Castle van Epp, xuống Promenade. Tuyết đang rơi. Tôi chọn ghế cao trên BQE, nhìn xuống Manhattan, và rồi tôi chơi đàn. Bốn tiếng đồng hồ. Tôi chơi cho đến khi tay mình bồng rớt. Cho tới khi tôi dứt một cái móng tay ra và máu vương trên dây đàn. Cho tới khi tay tôi đau đến nỗi tôi quên đi nỗi đau trong tim mình.

“Khi còn nhỏ chú tin vào tất cả mọi điều mà người ta nói với chú,” Jimmy Shoes nói khi chúng tôi nhìn một đứa bé trai chập chững đi qua ôm một con búp bê Grinch. “Tất cả mọi thứ. Chú tin là có ông già Noel. Thỏ Phục sinh. Ông ba bị. Và tin vào Eisenhower.” Chú nốc một ngụm lớn từ chai bia bọc trong túi giấy. “Cháu thì sao?”

“Cháu vẫn còn nhỏ, chú Jimmy ạ.”

Jimmy là một chú người Ý già. Thỉnh thoảng chú ngồi cùng tôi ở Promenade. Chú thực sự không nắm bắt tình hình lắm. Chú nghĩ LaGuardia vẫn là thị trưởng và đội Dodgers chưa bao giờ rời khỏi Brooklyn. Chú đi giày cũ. Vì thế người ta mới đặt cho chú cái tên như vậy. Loại giày chú đi là giày cho dân mê nhạc jazz từ hồi những năm năm mươi, đỏ choét và bóng loáng.

“Chúa thì sao? Cháu có tin vào Chúa không?” Chú hỏi tôi.

“Của ai cơ?”

“Đừng tỏ ra thông minh quá.”

“Xin lỗi chú. Quá muộn rồi.”

“Cháu đi nhà thờ St. Anselm’s phải không? Ở đó họ không dạy gì về tôn giáo cho cháu à?”

“Chỉ còn cái tên thôi. Vị thánh ấy đã bị tống đi xa, nhưng người ta vẫn giữ lại tên của ông ấy.”

“Họ cũng làm thế với Betty Crocker, cái lũ khốn nạn. Vậy ở đó họ dạy gì cho cháu?”

Tôi ngả người ra ghế và nghĩ một lúc. “Họ bắt đầu với thần thoại Hy Lạp - Zeus, Poseidon, Hades, những ông đó,” tôi nói. “Cháu vẫn giữ thứ đầu tiên cháu viết trong đời. Hồi học mẫu giáo. Lúc đó cháu bốn tuổi. Viết về Polyphemus. Hắn là một tên chần chừ. Và là tên khổng lồ một mắt Cyclops. Và là một kẻ ăn thịt người. Hắn chuẩn bị ăn thịt Odysseus nhưng Odysseus trốn được. Ông ta dùng một cây gậy chọc mù mắt Polyphemus.”

Jimmy sững sờ nhìn tôi. “Họ dạy cháu cái thứ của nợ đó ở trường mẫu giáo á? Dẹp đi.”

“Cháu thề. Sau đó thì bọn cháu học thần thoại La Mã. Rồi những huyền thoại Norse. Các vị thần dân Da đỏ. Các truyền thống Phiếm thần. Các vị thần Celtic. Đạo Phật. Những kiến thức cơ bản Judeo-Christian. Và những kiến thức đạo Hồi.”

“Để làm cái khỉ gì?”

“Bởi vì họ muốn ta phải biết. Việc ta biết rất quan trọng với họ.”

“Biết cái gì?”

“Biết rằng đó là huyền thoại.”

“Huyền thoại là gì?”

“Tất cả, chú Jimmy ạ. Tất cả mọi thứ.”

Jimmy im lặng một lúc; rồi chú nói, “VẬY cháu học xong cái trường hay ho đó mà không thu nhận được gì? Không có gì để giữ lại? Không có gì để mà tin vào ư?”

“Chà có lẽ là có một điều...”

“Điều gì?”

“Quyền năng biến hình của nghệ thuật.”

Jimmy lắc đầu. “Đó là một tội ác. Họ không nên làm thế với một đứa trẻ. Đó là đối xử tàn tệ với trẻ em. Cháu có muốn chú báo cảnh sát không?”

“Chú báo được à?”

“Để chú lo vụ đó. Chú có bạn làm trong sở cảnh sát,” chú nói với một cái gật đầu đầy ẩn ý.

Hay quá, tôi nghĩ. Sẽ có một Dick Tracy trong vụ này đây.

Tôi thu dọn đồ đạc. Chân tôi lạnh buốt. Tôi đã ngồi ngoài này rất lâu. Giờ là hai rưỡi. Còn nửa tiếng nữa là tới giờ học. Chỉ có một thứ và là thứ duy nhất khiến tôi tới trường: thầy Nathan Goldfarb, trưởng khoa âm nhạc của St. Anselm.”

“Này nhóc,” Jimmy nói khi tôi đứng lên đi về.

“Vâng?”

Chú lấy một đồng xu trong túi ra. “Mua một cái kem trứng mà ăn. Một cái cho cháu và một cho bạn.”

“Thôi nào chú Jimmy. Cháu không nhận được đâu.”

Jimmy không có nhiều tiền. Chú sống trong một căn nhà trên phố Hicks. Mỗi tuần chú chỉ có vài đô tiêu vặt.

“Nhận đi. Chú muốn thế. Cháu còn nhỏ. Cháu nên ngồi ở quán nước với bồ, chứ không ngồi ngoài trời rét như thế không có nơi nào để đi, nói chuyện với những kẻ vô gia cư như chú.”

“Được rồi. Cám ơn chú,” tôi nói, cố mỉm cười. Nhận tiền của chú khiến tôi thấy rất khổ sở, nhưng không nhận thì lại khiến chú khổ sở.

Jimmy mỉm cười đáp lại. “Để nó hôn cháu một cái. Cho chú.” Chú giơ một ngón tay lên. “Chỉ một cái thôi. Trên má.”

“Cháu sẽ làm thế,” tôi nói. Tôi không nỡ lòng nào bảo với chú là tôi có hàng tá bạn bè. Hay chuyện hôn lên má giờ không còn nữa. Giờ là thế kỷ hai mốt rồi, hoặc là phang nhau hoặc là ngậm mồm lại.

Tôi giơ tay nhận đồng tiền. Chú Jimmy khẽ huýt sáo.

“Sao?”

“Tay cháu.”

Tôi nhìn tay mình. Móng tay bị bật ra vẫn còn chảy máu. Tôi chùi chỗ máu vào quần.

“Cháu nên băng bó lại đi. Trông kinh quá,” chú nói.

“Chắc vậy.”

“Cháu đau lắm nhóc nhỉ. Đau không?”

Tôi gật đầu. “Vâng, chú Jimmy. Đau miết.”

“Trò Alpers?”

Bị tóm rồi. Tôi dừng lại, rồi từ từ quay người trên hành lang. Tôi biết giọng nói đó. Ai ở trường St. Anselm’s cũng biết. Đó là Adelaide Beezemeyer, hiệu trưởng nhà trường.

“Em rảnh không?”

“Không hẳn, thưa cô Beezemeyer. Em đang trên đường tới buổi học nhạc.”

“Cô sẽ gọi thầy Goldfarb để báo thầy biết là em đến trễ. Mời em vào văn phòng tôi.”

Cô vẫy tôi vào trong và gọi thầy Nathan. Tôi đặt guitar xuống và ngồi xuống. Đồng hồ trên tường chỉ 3:01. Trọn một phút học hành quý giá của tôi vừa trôi qua. Sáu mươi giây âm nhạc tôi sẽ không bao giờ lấy lại được. Chân tôi bắt đầu nhịp. Tôi ép chặt đầu gối để bắt nó dừng lại.

“Trà thảo dược nhé?” Beezie hỏi khi cô đặt điện thoại xuống. “Cô vừa pha một ấm.”

“Không ạ, cảm ơn cô.”

Tôi nhìn thấy một tập hồ sơ trên bàn. Trên đó có tên tôi - Diandra Xenia Alpers, đặt theo tên cả hai bà nội ngoại. Tôi đổi sang là Andi ngay khi biết nói.

Tôi đánh mắt khỏi tập hồ sơ - chuyện không lành rồi - và nhìn Beezie khi cô đi quanh. Trông cô như một người lùn Hobbit - thấp và tóc tai bờm xờm. Dù là thời điểm nào trong năm, cô cũng đi giày Birkenstock, và mặc đồ màu tím. Cô đột ngột quay lại và thấy tôi đang nhìn, thế nên tôi đưa mắt nhìn quanh phòng. Trên bậu cửa sổ có đặt các loại bình hoa, những chậu hoa treo lủng lẳng trên trần nhà, chén bát đựng trong một tủ búp phê - tất cả đều được tráng men những sắc màu của bùn đất.

“Em có thích chúng không?” cô hỏi tôi, hất đầu về mấy cái bát.

“Đẹp lắm ạ.”

“Của cô đấy. Cô đã nặn các chậu hoa.”

Mẹ tôi cũng vậy. Trên tường.

“Chúng là phương tiện thỏa mãn sự sáng tạo của cô,” cô nói thêm. “Nghệ thuật của cô.”

“Chà.” Tôi chỉ vào một giỏ hoa. “Cái đó làm em nhớ tới Guernica.”

Beezie mỉm cười. Mặt cô sáng ngời lên. “Thật à?”

“Không ạ.”

Nụ cười biến khỏi mặt cô, rơi xuống sàn, vỡ tan tành.

Giờ thì chắc chắn là cô sẽ tổng tôi ra khỏi đây. Tôi sẽ đi. Nhưng cô không làm thế. Cô đặt một cốc trà lên bàn và ngồi vào ghế của mình. Tôi lại nhìn đồng hồ. 3:04. Chân tôi nhún bần bật.

“Andi, cô sẽ đi thẳng vào vấn đề. Cô lo ngại,” cô nói, mở tập hồ sơ của tôi ra. “Mai là kỳ nghỉ đông, và em chưa nộp đơn theo học đại học nào cả. Không một trường nào. Em cũng chưa nộp đề cương cho luận văn năm cuối. Ở đây cô thấy là em đã chọn đề tài... một nhà soạn nhạc người Pháp thế kỷ mười tám, Amadé Malherbeau... một trong những nhà soạn nhạc đầu tiên viết cho guitar.”

“Cho dụng cụ sáu dây,” tôi nói. “Các nhà soạn nhạc khác viết cho đàn luyt, măng đô lin, viola, và ba rốc.”

“Thú vị quá,” Bezie nói. “Cô thích tiêu đề... ‘Bố của bạn là ai? Lặn theo DNA về mặt Âm nhạc của Amadé Malherbeau tới Jonny Greenwood’.”

“Cám ơn cô. Vijay nghĩ ra tên đó. Cậu ấy bảo tên cũ em đặt - ‘Di sản âm nhạc của Amadé Malherbeau’ không hề đủ độ hoành tráng.”

Bezie lờ tịt câu đó đi. Cô đặt tập hồ sơ xuống và nhìn tôi. “Sao không có tiến triển gì?”

Vì em không quan tâm nữa, cô Bezemeyer ạ, tôi muốn nói thế. Không phải vì Amadé Malherbeau, trường lớp, đại học, hay cái gì cả. Mà bởi cái thế giới xám xịt hai năm qua tôi vất vả sinh tồn đã bắt đầu chuyển sang màu đen ở ngoài rìa. Nhưng tôi không thể nói như thế. Nó chỉ khiến tôi nhận tíc-kê trở lại văn phòng bác sĩ Becker để tái diễn một đợt trị liệu bằng thuốc tê cứng cảm giác. Tôi vén một lọn tóc trên mặt, cố câu giờ nghĩ ra cái gì đó để nói.

“Chúa ơi, Andi. Tay của em,” cô nói. “Em bị sao thế?”

“Bach.”

Cô lắc đầu. “Tất cả là về nỗi đau, phải không? Bỏ học, điểm kém, và giờ thậm chí em còn tìm ra cách dùng thứ âm nhạc đẹp để để làm đau mình. Như thế em đang hành xác miên viễn vậy. Em phải chấm dứt ngay chuyện này, Andi. Em phải tìm được sự tha thứ cho chuyện đã xảy ra. Tha thứ cho bản thân em.”

Cơn giận bắt đầu dâng lên trong tôi, đỏ ngầu và chết chóc. Hệt như lúc thằng nhỏ ở trường Slater chạm vào cái chìa khóa. Tôi nhìn đi chỗ khác, cố gắng nén giận, ước gì Bezie sẽ nhảy qua cửa sổ và mang theo những cái bình xấu xí của cô đi. Ước gì tôi đang nghe những nốt nhạc và gam nhạc, chứ không phải giọng cô ta. Ước gì tôi đang nghe bản Suite no. 1 viết cho cello và chuyển thể cho guitar của Bach. Nhẽ ra tôi đang phải chơi bản đó với thầy Nathan. Ngay lúc này.

“Cục cụng diên rồ của tôi thế nào?” thầy lúc nào cũng nói vậy khi tôi bước vào lớp. Nhạc sĩ yêu thích của thầy là Bach, Mozart, và ban Pink Floyd.

Nathan già rồi. Thầy bảy mươi lăm. Khi còn nhỏ, thầy mất cả gia đình ở Auschwitz. Mẹ thầy và chị gái bị xử tử bằng hơi ngạt cái ngày họ đến vì họ không đủ mạnh khỏe để làm việc. Nathan sống sót vì là thần đồng, một bé trai tám tuổi chơi violon như một thiên thần. Thầy chơi trong nhà ăn tập thể của các sĩ quan hàng đêm. Các sĩ quan thích âm nhạc của thầy, vì thế họ cho thầy ăn đồ ăn thừa. Thầy sẽ về lại trại của mình lúc đêm khuya và nồn thức ăn ra cho bố thầy ăn. Thầy cố làm thật khế khàng, nhưng một đêm bọn cai ngục bắt được. Chúng đánh thầy thừa sống thiếu chết và đưa cha thầy đi.

Tôi biết thầy Nathan sẽ nói gì về tay tôi. Thầy sẽ nói chảy máu vì Bach thì chả là gì cả. Thầy sẽ bảo rằng những người như Beethoven và Billie Holiday và Syd Barrett từ bỏ mọi thứ họ có cho âm nhạc của họ, vậy một cái móng tay thì có xá gì? Thầy sẽ chẳng coi chuyện đó bi thương. Thầy hiểu đời hơn. Thầy biết thế nào là bi thương. Thầy biết thế nào là mất mát. Và thầy biết không có thứ gì gọi là sự thứ tha.

“Andi? Andi, em có nghe cô đang nói gì không đấy?”

Beezie vẫn đang lải nhải.

“Vâng có ạ, thưa cô Beezemeyer,” tôi nghiêm nghị nói, hy vọng nếu trông tôi hối lỗi tôi có thể thoát ra khỏi đây trước nửa đêm.

“Cô đã gửi thư về nhà em. Về việc em không nộp đề cương luận văn. Có lẽ em đã biết chuyện thư từ này. Cô gửi một lá cho bố em và một cho mẹ em.”

Tôi biết lá thư gửi cho mẹ tôi. Người đưa thư nhét qua khe cửa. Nó nằm trên sàn trong sảnh trước một tuần liền cho đến khi tôi đá nó qua một bên. Tôi không biết là Beezie đã gửi một lá nữa cho bố tôi nhưng chuyện đó cũng chả quan trọng. Bố không mở thư. Thư từ là dành cho những chuyện ít trọng đại hơn.

“Em có gì để nói về tất cả những chuyện này không, Andi? Bất cứ điều gì?”

“Chà, em đoán là... Ý em là, chỉ là em nghĩ sẽ không xong, cô Beezemeyer, cô biết không? Chuyện luận văn năm cuối ấy. Chắc là không xong. Em nhận bằng vào tháng Sáu rồi ra đi thôi thì có được không?”

“Hoàn thành luận văn tốt nghiệp giá chót cũng ở mức điểm trung bình là điều kiện để em nhận được bằng. Em biết điều đó. Cô không thể cho em tốt nghiệp mà không có luận văn. Thế sẽ là bất công với các bạn khác.”

Tôi gật đầu. Không quan tâm. May mắn. Tuyệt vọng muốn đến lớp nhạc.

“Thế còn đơn xin nhập học đại học thì sao? Vào trường Juilliard? Curtis? Eastman School?” Beezie hỏi. “Em viết các bài luận chưa? Có kế hoạch đi diễn thử nào chưa?”

Tôi lắc đầu, ngắt lời cô. Giờ thì cả hai chân tôi đều rung bần bật. Tôi đổ mồ hôi. Run rẩy. Tôi cần lớp học. Thầy giáo của tôi. Tôi cần nhạc của tôi. Cực kỳ. Cần. Ngay bây giờ.

Beezie thở dài sườn sượt. “Em cần phải khép lại chuyện cũ, Andi ạ,” cô nói. “Cô biết là vẫn còn khó khăn. Cô biết em cảm thấy thế nào. Về Truman. Về chuyện đã xảy ra. Nhưng đây không phải là về Truman. Đây là về em. Về tài năng xuất chúng của em. Tương lai của em.”

“Không. Không phải thế, thưa cô Beezemeyer.”

Tôi muốn ngăn những lời đó lại, nhưng tôi không thể. Beezie có ý tốt. Cô ấy tốt theo kiểu của cô ấy. Cô ấy quan tâm. Tôi biết cô quan tâm. Nhưng tôi không dừng được. Lẽ ra cô không nên nói về Truman. Không nên nói tên em. Cơn giận lại nổi dậy, trào lên cao hơn, và tôi không ngăn nổi nó.

“Đây không phải là về em. Mà là về cô,” tôi nói với cô. “Nó là về các con số. Nếu năm ngoái có hai đứa cuối cấp được vào Princeton, năm nay cô muốn có bốn đứa. Ở đây mọi chuyện là vậy và chúng ta đều biết tổng. Không ai trả tiền học phí ngang với mức lương trung bình hàng năm ở bang New Hampshire để con họ vào một trường vô vấn. Các bậc phụ huynh muốn Harvard,

MIT, Brown. Em vào đại học Juilliard thì cô thêm phần danh giá. Chỉ riêng cô thôi, cô Beezemeyer ạ, không phải em. Chuyện ở đây là thế.”

Beezie trông như thể cô vừa bị tát. “Chúa ơi, Andi,” cô nói. “Nếu em cố gắng thì cũng không thể nào nói những lời gây tổn thương hơn những lời này.”

“Em đã cố đấy.”

Cô im lặng vài giây. Mắt cô ngấn lệ. Cô hắng giọng nói, “Hạn nộp đề cương luận văn cuối năm là lúc trường mở cửa lại - mừng năm tháng Giêng. Cô thực lòng hy vọng là em sẽ nộp. Nếu không, cô e là em sẽ bị đuổi học.”

Giờ thì tôi chả nghe cô nói gì nữa. Tôi đang tan rã. Trong đầu tôi và tay tôi có nhạc, và tôi cảm giác như thể mình sẽ nổ tung ra nếu tôi không cho nó thoát ra ngoài.

Tôi túm lấy cây đàn. Đồng hồ chỉ 3:21. Chỉ còn có ba mươi chín phút. May là hành lang gần như trống không. Tôi chạy như điên. Tôi không để ý, co giò chạy thẳng, thì đột nhiên chân tôi vấp phải gì đó và tôi bay vèo lên. Tôi nện đánh bộp xuống sàn nhà, cảm thấy đầu gối, ngực, cảm mình nện xuống. Chiếc thùng đựng guitar cũng nện xuống sàn và trượt văng đi chỗ khác.

Đầu gối phải của tôi đang hát. Tôi có thể nếm được máu trong miệng mình, nhưng tôi không quan tâm. Tất cả những gì tôi quan tâm là chiếc guitar. Nó là một chiếc Hauser từ những năm 1940. Nó là của Nathan. Thầy cho tôi mượn. Tôi bò về phía cái hộp. Phải một lúc tôi mới mở được khóa vì tay tôi run bần bật. Khi cuối cùng tôi nâng nắp hộp lên, tôi thấy mọi thứ đều ổn. Không có gì bị vỡ cả. Tôi đóng hộp lại, thở phào nhẹ nhõm.

“Ồi.”

Tôi nhìn lên. Là Cooper. Nó đang đi lại trên hành lang, cười đều. Arden Tode đi cùng nó. Tôi hiểu rồi. Nó chơi tôi. Trả đũa vụ sáng nay.

“Cẩn thận đấy Andi. Chạy kiểu đó thì gãy cổ có ngày,” nó nói.

Tôi lắc đầu. “Không, không gãy đâu,” tôi nói. “Kiểu đó không gãy. Tớ thử rồi. Cám ơn cậu vì đã giúp, Coop ạ. Tớ rất cảm kích.” Máu nhỏ ra từ miệng tôi khi tôi nói.

Cooper đứng chết trân. Nụ cười khênh của nó biến mất. Trông nó bối rối, rồi sợ hãi.

“Thần kinh,” Arden rít lên. Cô ả khoác tay cậu ta.

Tôi đứng dậy và khập khiễng bước đi. Xuống hành lang. Vòng qua góc. Và rồi tôi đến nơi. Cuối cùng cũng đến nơi. Tôi mở toang cửa lớp.

Nathan nhìn lên từ một bảng nhạc. Thầy mỉm cười. “Cục cung diên rồ của tôi thế nào?”

“Diên rồ,” tôi nói, giọng nức nở.

Đôi mày bạc trắng rậm rịt của thầy nhướng cao. Cặp mắt thầy mở to đằng sau cặp kính dày, nhìn từ cái miệng đầy máu tới bàn tay đầy máu của tôi. Thầy băng qua phòng và nhấc một chiếc guitar ra khỏi bụi.

“Ta chơi chứ?” thầy nói.

Tôi dùng ống tay áo chùi miệng. “Vâng, thầy Nathan,” tôi nói. “Mình chơi đi. Xin thầy. Mình

chơi đi ạ.”

4

Lúc nào về nhà tôi cũng chọn đường xa.

Lên Willow từ Pierrepont. Qua các phố của Brooklyn cổ. Những gì còn sót lại của nó. Rồi tôi rẽ phải trên phố nhà mình, Cranberry. Nhưng tối nay tôi co ro dưới trời lạnh, đầu cúi xuống, ngón tay mãi chơi bản Suite no.1 đến nỗi tôi lại đi lên Henry.

Thầy Nathan và tôi chơi nhiều giờ liền. Trước khi chúng tôi bắt đầu, thầy lấy khăn trong túi ra và đưa cho tôi.

“Bị làm sao thế?” thầy hỏi.

“Em ngã.”

Thầy nhìn tôi qua kính - cái nhìn đòi nghe sự thật.

“Cô Beezemeyer nói về Truman. Và chuyện khép lại quá khứ. Mọi thứ trở nên hồng бет kể từ đó,” tôi nói.

Thầy Nathan gật đầu, rồi thầy nói, “Cái từ khép lại... nó là một từ ngu xuẩn, nhỉ? Bach không tin vào cái gọi là khép lại. Handel không. Beethoven không. Chỉ có người Mỹ mới tin vào chuyện khép lại bởi vì người Mỹ như bọn con nít - dễ bị lừa. Bach tin vào chuyện tạo ra âm nhạc, nhỉ?”

Thầy vẫn nhìn tôi, chờ đợi một câu trả lời.

“Vâng,” tôi dịu dàng đáp.

Rồi chúng tôi chơi. Mặc dù tôi bị thương, thầy cũng không thương tình và chửi bới như cướp biển khi tôi chơi nhanh một đoạn hoặc không tạo được âm rung. Lúc tôi về là đã tám giờ tối.

Phố xá mùa đông vừa tối tăm vừa lạnh lẽo. Đang kỳ lễ, đèn xung quanh sáng nhấp nháy. Xanh và đỏ cho Santa. Xanh da trời cho Judah Mccabee. Trắng cho Martha Stewart. Cảm giác khí lạnh trên mặt thật dễ chịu. Tôi mệt phờ. Tôi thanh thản. Và tôi không để ý tới gì cả.

Vì đột nhiên, nó ở đó, ngay trước mặt tôi - Templeton.

Nó là một cao ốc căn hộ, xây dựng từ nơi từng là khách sạn St. George cũ. Nó cao tám tầng, hai khối vuông, và tỏa cái bóng xấu xí của nó xuống khắp mọi thứ, ngay cả vào ban đêm. Các cửa hàng ở tầng trệt lúc nào cũng sáng chói, dù cho ngay cả lúc đóng cửa. Họ bán kem húng quế, mút mộc qua và hàng tỉ những thứ khác không ai muốn mua. Tầng trên là nhà ở. Giá từ nửa triệu trở lên.

Phải gần hai năm rồi tôi mới đến gần chỗ này như vậy. Tôi đứng yên, nhìn thẳng vào nó mà lại không thấy nó. Thay vào đó tôi lại thấy George. Chú Jimmy Shoes bảo với tôi rằng trước đây nó là khách sạn hạng sang. Hồi những năm ba mươi. Chú bảo nó có bể bơi nước mặn trên tầng thượng, và cả đèn pha rọi nữa. Đội Dodgers ăn ở đó, bọn găng-tơ tay ôm gái nhảy bước vào, và các ban nhạc chơi tới tận sáng mai.

Hai năm trước thì nó chẳng đẹp để gì. Nó đang đổ nát. Một phần của nó bị thiêu rụi. Phần còn lại là chỗ trú cho những kẻ vô gia cư và nghiện ngập. Bọn bán ma túy lớn vồn phía ngoài. Bọn trộm cắp lò dò ở hành lang. Cửa ra vào lúc nào cũng mở, như một cái miệng dâm dật, và tôi có thể ngửi thấy mùi hơi thở hôi thối của nó mỗi khi tôi đi ngang qua - một hỗn hợp của nước đá mèò, nấm mốc và nỗi buồn. Tôi cũng nghe được âm thanh phát ra từ nó. Tôi nghe tiếng nhạc giân dũ vọng ra từ những chiếc radio, nghe bà Orgeta quát tháo lũ con, nghe trận đấu Yankees trên chiếc đài cổ lỗ sĩ của bà Flynn, và Max. Tôi vẫn nghe thấy hắn. Hắn ở trong đầu tôi và tôi không thể bắt hắn ra ngoài.

“Maximilien R. Peters! Liêm khiết, tất lẽ dĩ ngẫu và bất biến!” Hắn hét lên. “Đây là lúc bắt đầu cuộc cách mạng, bé con ạ!”

Tôi đứng chết trân và nhìn chằm chằm vĩa hè. Tôi không muốn nhưng không ngăn được mình. Nó ở đó, ngay đó, cách tôi hơn một mét, bởi cái kẽ nứt dài nham nhở đó, nơi Max lao vào phố. Và mang Truman đi.

Mưa xóa sạch vết máu không lâu sau đó nhưng tôi vẫn thấy nó. Chảy dài dưới cơ thể nhỏ bé gãy nát của em trai tôi như những cánh hoa hồng đỏ. Và đột nhiên cái nỗi đau lúc nào cũng ở bên trong tôi, vốn cuộn chặt, giờ nở bung ra mạnh mẽ và dữ dội đến mức có cảm giác như nó sẽ làm nổ tung trái tim tôi, chẻ đôi sọ tôi, và xé tung tôi ra.

“Dừng lại đi,” tôi thì thầm, nhắm chặt hai mắt.

Rồi khi mở mắt ra, tôi thấy em trai mình. Nó chưa chết. Nó đang đứng trên phố, nhìn tôi. Không thể nào. Nhưng đúng thế. Chúa ơi, đúng như thế! Tôi chạy trên phố.

“Truman! Chị xin lỗi, Tru! Chị xin lỗi em!” Tôi nức nở, vươn tới ôm nó.

Tôi muốn bảo với nó rằng không sao đâu, chỉ là một nhầm lẫn vớ vẩn và nó ổn cả. Nhưng thay vì giọng nói, tôi nghe tiếng bánh xe kít lại. Tôi quay lại và thấy một chiếc ô tô đang sắp sửa lao vào mình.

Mọi thứ trong tôi gào lên bảo tôi chạy đi, nhưng tôi không nhúc nhích. Vì tôi muốn điều đó. Tôi muốn kết thúc nỗi đau. Chiếc xe đánh hướng dữ dội và dừng phắt lại. Tôi ngửi thấy mùi cao su cháy. Mọi người đang gào hét.

Người lái xe lập tức đứng trước tôi. Cô ta khóc lóc và run rẩy. Cô túm lấy áo khoác của tôi và lắc tôi. “Cái con điên này!” cô gào lên. “Suýt tí là tao giết mày rồi!”

“Xin lỗi,” tôi nói.

“Xin lỗi?” cô ta gào lên. “Trông mày không có vẻ gì là xin lỗi cả. Mày...”

“Xin lỗi là cô giết hụt,” tôi nói.

Thế là cô ta buông tôi ra. Lùi lại một bước.

Những chiếc xe dừng lại sau chúng tôi. Có người bắt đầu bóp còi. Tôi tìm Truman, nhưng nó đã biến mất. Dĩ nhiên là nó biến mất. Nó không có thật. Nó là trò do những viên thuốc gây ra. Bác sĩ Becker bảo tôi có thể thấy ảo ảnh nếu tôi uống quá nhiều.

Tôi cố di chuyển, ra khỏi con phố này, nhưng chân tôi run bần bật đến độ tôi không bước nổi. Có một gã trên vĩa hè trở mắt nhìn tôi. Tôi làm dấu tặc tữu với hắn và loạng choạng bước về

nhà.

Mẹ ơ?” Tôi gào khi mở cửa nhà. Không có tiếng trả lời. Không ổn rồi.

Tôi lội qua đồng thư trên sàn. Hóa đơn. Lại hóa đơn. Thư của gã môi giới bất động sản muốn bán căn nhà hộ chúng tôi. Thiếp từ các phòng tranh. Một bản Immolation, thứ tạp chí sinh viên rác rưởi của St. Anselm's. Thư gửi cho bố tôi từ những người vẫn chưa nghe tin ông đã chuyển tới Boston hơn một năm trước làm chủ nhiệm khoa di truyền học ở Harvard. Bố tôi là một chuyên gia về gen. Nổi tiếng thế giới. Mẹ tôi thì phát điên.

“Mẹ ơ? Mẹ!” Tôi gào.

Vẫn không có tiếng trả lời. Tiếng chuông báo động vang lên trong đầu tôi. Tôi chạy vào phòng khách. Bà đang ở đó. Không phải đang đứng chân không ở sân sau, hai tay vốc đầy tuyết. Không đập nát mọi cái đĩa trong nhà. Không cuộn tròn trên giường của Truman. Chỉ đứng trước giá và vẽ. Tôi hôn lên đầu bà, thở phào.

“Mẹ ổn chứ?” tôi hỏi bà.

Bà gật đầu và mỉm cười, chạm tay vào má tôi, và không rời mắt khỏi bức tranh.

Tôi muốn bà hỏi tôi có ổn không. Tôi muốn nói với bà chuyện tôi suýt làm. Mấy phút trước trên phố Henry. Tôi muốn bà bảo với tôi đừng bao giờ làm như vậy nữa. Mắng mỏ tôi. Vòng tay ôm lấy tôi. Nhưng bà không làm vậy.

Bà đang vẽ một bức nữa về Truman. Vốn đã có rất nhiều rồi. Treo trên tường. Dựa vào ghế. Đặt trên đàn piano. Chồng ở bậu cửa. Em ở khắp mọi nơi khi tôi đưa mắt nhìn.

Trên sàn có các loại dụng cụ. Mùn cưa. Đinh ốc và đinh. Những mẫu vải thừa. Bà thích tự mình căng lấy tranh. Có những mẫu vải nhàu nhĩ và những ống màu bị nặn bẹp, những đoạn màu trên sàn. Tôi ngửi thấy mùi sơn dầu. Đây là thứ mùi mà tôi yêu thích nhất trên đời. Trong một giây, tôi đứng đó hít hà, và cảm giác như ngày xưa. Trước khi Truman mất.

Đó là một buổi tối mùa thu giá lạnh, trời đổ mưa và tất cả chúng tôi tập trung trong phòng khách, bà người, mẹ, tôi, và Truman. Lửa được nhóm trong lò sưởi và mẹ đang vẽ. Bà vẽ tranh tĩnh vật. Chúng tuyệt đẹp. Nhà phê bình tranh ở tờ Times nói bức tranh trong bộ sưu tập ở bảo tàng Met là “thế giới được thu nhỏ.” Có lần bà vẽ một cái tổ chim nhỏ xíu có một quả trứng màu xanh, nằm dưới một cái máy may màu đen cũ kỹ. Lần khác nó là một cái hộp đựng đồ may vá màu đỏ, bị nghiêng và những thứ bên trong đổ ra ngoài, cạnh một tách cà phê bị mẻ. Và bức tranh yêu thích của tôi - một bông loa kèn đỏ cạnh hộp nhạc. Truman giống mẹ, em cũng vẽ trong lúc bà vẽ. Tôi chơi guitar. Mưa rơi nặng hạt hơn, bóng tối buông. Chúng tôi không quan tâm. Cùng nhau ở trong nhà, trong ánh sáng hắt ra của lò sưởi, chúng tôi là thế giới được thu nhỏ.

Có vài lần, bố ở cùng chúng tôi. Về nhà muộn, như mọi khi, nhàu nhĩ, mắt mờ và có mùi từ phòng thí nghiệm. Ông sẽ bước vào không gây ra chút tiếng động và ngồi xuống mép sofa như thể ông chỉ ghé thăm. Xa cách. Khỏi chúng tôi. Một người ngưỡng mộ e thẹn.

“Ăn thịt hoa quế mẹ nhé?” Tôi hỏi mẹ.

Bà gặt đầu, rồi cau mày. “Mắt trông không đúng,” bà nói. “Mẹ cần phải vẽ cho đúng đôi mắt.”

“Mẹ vẽ được mà,” tôi nói.

Nhưng bà không làm được. Vermeer với Rembrandt và da Vinci có hợp lại cũng không vẽ được. Dù họ có vẽ được đúng bóng - một màu xanh da trời như nước Windex - họ vẫn không thành công bởi mắt Truman hoàn toàn trong suốt. Cửa sổ tâm hồn ấy? Em chính là thế. Khi nhìn vào mắt em, ta có thể thấy mọi điều em nghĩ, em cảm thấy và em yêu thương. Ta có thể thấy Lyra và Pan. Đèn Dendur. Tên lửa đồ chơi làm từ chai. Garry Kasparov. Beck. Kyuma. Bánh mỳ bơ kẹp xúc xích có ớt. Derek Jeter. Và chúng tôi.

Tôi vào bếp và gọi điện thoại đặt món: thịt hoa quế, hai trứng cuộn, mỳ có trộn dầu mè. Willie Chen mang tới. Tôi quen với tất cả những người đưa đồ ăn đến nhà. Tôi làm hai đĩa và phần của mẹ đặt trên bàn cạnh giá vẽ. Bà không để ý, nhưng bà sẽ ăn một chút lúc nửa đêm. Tôi biết vì tôi thường thức dậy lúc hai giờ đi xuống lầu kiểm tra xem bà thế nào. Thỉnh thoảng bà vẫn vẽ. Thỉnh thoảng bà đứng nhìn ra ngoài cửa sổ.

Tối nay tôi ăn bữa tối một mình, như mọi tối. Phòng ăn rộng trống trải. Cũng không tệ lắm. Tôi có thể nghiền ngẫm nhạc và không ai hỏi tôi về bài thi toán mà tôi bị trượt; hay nhắc tôi nhớ giờ phải về nhà; hay bắt tôi phải biết tên, địa chỉ, và mục đích của cái thang hư hỏng nằm vạ vật trên giường tôi.

“Mẹ ăn chút đi,” nửa tiếng sau tôi nói với mẹ khi hôn bà chúc ngủ ngon.

“Ừ ừ. Mẹ sẽ ăn,” bà nói bằng tiếng Pháp, vẫn cau mày nhìn đôi mắt của Truman. Bà là người Pháp, mẹ tôi. Tên bà là Marianne LaReine. Thỉnh thoảng bà nói tiếng Anh, thỉnh thoảng tiếng Pháp. Phần lớn thời gian bà chẳng nói gì.

Tôi lên lầu, iPod trong tay. Tôi định ngủ bằng Pink Floyd. Nó là bài tập về nhà.

Vài hôm trước tôi đưa cho thầy Nathan vài thứ. Demo những bản nhạc tôi viết. Tôi đã dùng nhiều loại nhịp khác nhau và một số ứng dụng hay ho. Tôi tạo chèn giữa các bè guitar và giọng ca bằng hiệu ứng âm thanh vòm. Tôi đặt tên cho nó là Plaster Castle. Tôi nghĩ mấy bài nhạc đó khá ổn. Kiểu Sonic Youth gặp gỡ Dirty Projectors. Thầy Nathan thì không nghĩ là chúng ổn.

“Tồi tệ,” thầy bảo tôi. “Một mớ hỗn độn ồn ào. Em phải học cách tạo ra nhiều hơn với ít tiếng ồn hơn.”

“Cám ơn thầy, thầy Nathan. Cám ơn thầy rất nhiều,” tôi nói, thực sự bốc hỏa. “Nói cho em biết bằng cách nào được không?”

Lời khuyên tuyệt vời của thầy là nghe đoạn guitar khoảng bốn phút trong bài đầu tiên của “Shine On You Crazy Diamond.” Thầy nói David Gilmour viết nó và nó chỉ dài có bốn nốt, nhưng nghe nó đúng như cảm giác của nỗi buồn. Tôi bảo thầy tôi không cần một lão già bảo tôi biết nỗi buồn cảm thấy như thế nào. Tôi biết nỗi buồn.

“Thế không đủ,” thầy nói. “Chú chó của thầy cũng biết nỗi buồn như thế nào. Quan trọng là: Em có thể diễn tả được cái sự biết đó không? Cảm giác đó? Đó chính là thứ làm em khác biệt.”

“Với ai? Với một con chó?”

“Làm em khác biệt giữa một nghệ sĩ và một kẻ ngu xuẩn.”

“Vậy giờ em là đứa ngu xuẩn à? Đây là lần cuối cùng em đưa cho thầy bài nhạc em sáng tạo ra.”

Thầy Nathan đáp lại như thế này: “Một ngày hồi năm 1975, một người đàn ông tên là David Gilmour rất buồn, được chưa? Vậy thì sao? Ai quan tâm? Thầy quan tâm. Vì sao? Vì cái giai đoạn tuyệt vời đó. Vì nó tồn tại. Khi em có thể viết ra thứ âm nhạc tồn tại được, hoan hô em. Cho đến lúc đó, hãy im lặng và học hỏi tác phẩm của những người làm được sản phẩm tồn tại lâu dài.”

Hầu hết mọi giáo viên ở St. Anselm's bảo tôi là thiên tài. Rằng tôi có thể làm mọi thứ, trở thành bất kỳ thứ gì. Rằng tiềm năng của tôi là vô hạn và tôi sẽ vươn tới những vì sao. Thầy Nathan là người duy nhất bảo tôi ngu xuẩn và bảo tôi phải luyện tập Chaconne trong bản Sonata giọng Rê thứ của Bach năm trăm lần một đêm nếu cần phải làm như vậy để nó lọt vào cái sọt tối tăm của tôi. Và thật nhẹ nhõm là tôi khóc được.

Lên phòng mình, tôi cởi thắt lưng và quần jean thả xuống sàn. Đi ngủ tôi chỉ mặc đồ lót. Khi băng qua phòng, tôi thoáng nhìn thấy bóng mình trong gương. Gầy gò xương như thằng con trai, xanh nhợt, mắt thâm quầng, tóc nâu ngắn mọc lả chĩa, tết thành những bím nhỏ, và trên người tôi có nhiều kim loại đến mức mỗi bước tôi đi đều gây ra những tiếng xúng xoảng.

Arden Tode sáng tạo ra trò tên là Bị Tráo Đổi Từ Khi Mới Sinh khi nó nhắn tin trên yahoo cho cả lớp tên một ai đó và bảo vừa mới phát hiện ra đứa đó là con nuôi. Rồi mọi người phải nhắn lại cho nó tên bố mẹ ruột của đứa đó. Nó chọn hai cái tên hay nhất và gửi chúng, kèm ảnh nạn nhân của nó lên Facebook. Bố mẹ tôi là Marilyn Manson và thuyền trưởng Jack Sparrow. Thảo nào nó trượt môn Sinh.

Khi tôi kéo áo phông qua đầu, chiếc chìa khóa - mà tôi đeo ở ngực - bị vướng vào tóc. Tôi gỡ ra và thấy nó lóe sáng. Nó tỏa sáng. Dù trong căn phòng mờ tối, nó tỏa sáng. Hệt như Truman.

Tôi nhớ lúc em tìm thấy chiếc chìa khóa này. Buổi tối - một buổi tối thứ bảy - trước khi cha mẹ tôi cãi nhau to. Có tiếng khóc lóc và gào thét. Rất nhiều. Tôi lên lầu vào phòng và bật tivi to lên cố để át đi. Tôi đưa Truman lên theo, hy vọng em sẽ xem chương trình đở tê hời tưởng quá khứ về Nick với tôi, nhưng em không xem. Em đứng ở ngưỡng cửa và nghe. Vẫn là chuyện cũ. Mẹ giận bố vì không bao giờ ở nhà. Bố giận mẹ vì nghĩ rằng mẹ bắt ông phải ở nhà.

“Em nghĩ tiền tự nhiên mọc ra à?” ông hét. “Anh làm việc khổ cực để cuộc sống sung túc. Cho em. Cho bọn nhỏ. Để chúng ta được sống trong căn nhà này. Để Andi và Truman được đi học ở St. Anselm's...”

“Vớ vẩn. Chúng ta có cả đồng tiền. Em biết điều đó, ngân hàng biết điều đó, St. Anselm's biết điều đó, và anh cũng biết điều đó.”

“Nghe này, chúng ta thôi đi được không? Muộn rồi. Anh mệt lắm. Anh làm việc cả ngày.”

“Và cả đêm nữa! Vấn đề là ở đó!”

“Mẹ kiếp, Marianne, em muốn gì ở anh chứ?”

“Không. Anh muốn gì, Lewis? Em nghĩ anh muốn em. Và bọn trẻ. Nhưng em sai rồi. Vậy nói em nghe. Nói đi. Nói ngay đi. Anh muốn gì?”

Lần này thì tôi bỏ cuộc ở “Lost in Space”. Tôi cũng đứng ở ngưỡng cửa. Một vài giây im lặng và rồi tôi nghe ông đáp. Giọng ông thê thọt. Ông không hét lên nữa. Ông không cần phải hét.

“Anh muốn chìa khóa,” ông nói. “Chìa khóa vào vũ trụ. Vào cuộc sống. Vào tương lai và quá khứ. Vào tình yêu và sự căm thù. Sự thật. Chúa. Nó ở đó. Bên trong chúng ta. Trong gen. Câu trả lời cho mọi câu hỏi. Giá như anh có thể tìm ra nó. Đó là thứ anh muốn,” ông kết thúc, nhẹ nhàng. “Anh muốn chiếc chìa khóa.”

Rồi tôi đóng cửa phòng ngủ lại. Truman và tôi không nói gì với nhau; chúng tôi chỉ ngồi đó trên giường tôi và xem tiến sĩ Smith xuất hiện trong bộ vest không gian của ông. Chúng tôi còn làm được gì cơ chứ? Làm sao chúng tôi cạnh tranh nổi với thời gian và không gian và Chúa và sự thật? Mẹ với những bức tranh vẽ trứng chim và tách cà phê, tôi và Truman với những trò trẻ con ngu xuẩn vớ vẩn của chúng tôi. Thật nực cười. Bố không thèm quan tâm những ban nhạc tôi yêu thích hay nhân vật hoạt hình yêu thích gần đây của Truman. Tại sao ông lại cần quan tâm chứ? Ông có những lựa chọn tốt hơn. Ý tôi là, bạn sẽ chơi với ai nếu bạn có quyền - Johnny Ramone, Magneto, hay Chúa?

Sáng hôm sau mẹ dậy sớm. Tôi nghĩ là mẹ không hề chớp mắt. Mắt bà đỏ ngầu, khi tôi và Truman xuống bếp ăn sáng, chúng tôi ngửi thấy nồng nặc mùi thuốc lá.

“Đi chợ trời nhé. Con muốn đi không?” Bà hỏi.

Bà thích chợ trời Brooklyn. Bà tìm thấy cảm hứng ở đó. Trong tất cả những thứ vỡ nát và buồn thảm. Ruy băng cũ, những bức tranh nhàu nát và đồ chơi hỏng. Tất cả chúng đều có quá khứ và bà thích tưởng tượng ra chúng như thế nào, rồi kể chuyện cho chúng tôi nghe.

Chúng tôi lên xe và đi về phía Fort Greene. Hôm đó bà tìm được một chậu hoa ba chân. Bà bảo chậu hoa đó đặt trong phòng của Elizabeth Tudor, bà còn tìm được một cái kính lúp mà thám tử Sherlock Holmes đã dùng ở Baskerville Hall, và một cái nhẫn khắc hình con rồng bằng bạc mà Mata Hari đã đeo khi bà đối mặt với đội tử hình. Tôi tìm thấy một chiếc áo phông Clash cổ điển. Còn Truman, em lục tìm mọi cái thùng đựng đồ đồng nát - xới tìm những cái khóa cũ, những cây bút mực gãy, và những cái mở nắp chai - cho đến khi em tìm thấy cái mình đang tìm: một cái chìa khóa, đen xỉn, dài cỡ năm phân.

Lúc em tìm thấy chìa khóa tôi đang ở cùng em. Em mua với giá một đô. Người bán bảo cô tìm thấy nó ở Bowery trong thùng đựng đồ đồng nát quảng bên vệ đường bên ngoài rạp hát cũ Paradise.

“Chủ bỏ đi còn trần nhà rơi xuống,” bà nói. “Giờ thành phố sẽ phá đi để lấy chỗ xây một phòng tập thể thao. Lão thị trưởng mắc dịch. Cái rạp hát đó xây dựng hồi 1808. Ai sẽ sử dụng hết cái đồng nhà thể thao đó chứ? Cái thế giới này béo ú hết rồi hay sao?”

“Nhà mình có thứ đánh bóng đồ bạc không ạ?” Truman hỏi khi chúng tôi về lại xe.

“Ở dưới bồn rửa,” mẹ nói. “Nhìn này, Tru, có hoa thị ở trên đầu. Một dấu thể hiện sự trung thành. Mẹ cá là nó thuộc về vua Louis XIV.”

Bà bắt đầu kể một câu chuyện về chiếc chìa khóa, nhưng Truman bắt bà dừng lại. “Đây không phải là đồ giả đâu mẹ. Nó là thật đấy,” em nói. Khi chúng tôi về nhà, em đánh bóng nó cho tới khi nó sáng lóa lên.

“Đẹp quá!” mẹ nói khi nó đã sáng bóng. “Nhìn này, có chữ L khảm trên cùng. Mẹ nói đúng mà! Viết tắt của Louis, con có nghĩ thế không?”

Truman không trả lời. Em bỏ chìa khóa vào túi và hai ngày sau chúng tôi mới nhìn thấy lại nó. Đó là tối thứ ba. Cả nhà ngồi trong phòng khách - tôi và Truman làm bài tập về nhà, mẹ thì vẽ. Và đột nhiên chúng tôi nghe tiếng cửa trước mở. Bố về. Chúng tôi ngạc nhiên nhìn nhau.

Bố bước vào cầm theo một bó hoa. Ngượng ngịu. Như thể ông là con trai của ông chủ cối xay đến tán tỉnh công chúa, nghĩ là mình bị sẽ cười chê trong cung điện. Nhưng công chúa không cười chê. Nàng chỉ mỉm cười và vào bếp lấy một cái bình. Khi bà đi, bố nhìn những phân số của Truman và thuật toán của tôi. Tìm kiếm gì đó để làm. Để ông không phải nói chuyện với chúng tôi. Rồi ông ngồi xuống sofa và xoa mặt.

“Bố mệt ă?” Truman hỏi ông.

Bố bỏ tay xuống và gật đầu.

“Quá nhiều T và A ă?”

Bố bật cười. Khi Truman còn nhỏ, em nghe bố nói chuyện về DNA, nhưng khi True cố phát âm từ đó, nó lại hóa thành “T và A”. Kể từ đó em cứ gọi như thế.

“Quá nhiều, Tru ă. Nhưng bọn bố gần làm được rồi. Rất gần.”

“Được cái gì?”

“Giải mã bộ gen. Tìm ra câu trả lời. Chìa khóa.”

“Nhưng bố không phải làm như thế nữa.”

“Không phải gì cơ?”

Truman cho tay vào túi quần, lấy chiếc chìa khóa nhỏ bằng bạc ra, và đặt lên tay bố. Ông nhìn chăm chăm vào nó.

“Nó là một chiếc chìa khóa,” Truman nói.

“Bố có thấy.”

“Một chiếc chìa khóa đặc biệt.”

“Sao lại thế?”

“Nó có chữ L ở trên đó. L là tình yêu. Bố thấy không? Nó là chìa khóa vào vũ trụ, bố ă. Bố bảo bố đang đi tìm nó. Bố bảo với mẹ thế. Con đã tìm cho bố để bố không phải đi tìm nữa. Để tối bố có thể về nhà.”

Bố cầm chìa khóa trong tay. Ông nắm tay lại và siết chặt nó. “Cám ơn con, Tru,” ông nói, giọng khan khan. Và rồi ông kéo em trai tôi lại và ôm nó.

“Bố yêu con. Cả hai đứa. Các con biết điều đó chứ?” ông nói, ôm Truman và nhìn tôi.

Có một tiếng văng vẳng nghèn nghẹt từ phía Truman. Tôi gật đầu, hơi xấu hổ. Cảm giác thật là kỳ quặc, như thể nhận một món quà quá đẹp từ một người họ hàng mình gần như không quen biết. Tôi nghe thấy tiếng sụt sịt. Mẹ đứng ở ngưỡng cửa. Mắt bà đầm lệ.

Mọi chuyện tốt đẹp. Trong một hai tháng gì đó. Và rồi ông đã làm được - giải mã bộ gen. Ông nhận giải Nobel và rồi gần như không về nhà nữa. Các chuyến công tác đến Stockholm, Paris, London, và Moscow. Ngay cả khi ông ở New York, ông cũng về nhà sau khi bọn tôi đi ngủ, và ông lại đi trước khi bọn tôi thức dậy. Thêm nhiều chuyến bay xa. Và rồi, một đêm, sau hai tuần

chúng tôi không nhìn thấy ông, Truman vào phòng làm việc của ông và lấy chiếc chìa khóa lại. Tôi thấy em ngoài sân sau, siết chặt chìa khóa trong tay và nhìn lên ngôi sao đầu tiên của buổi tối. Em không cần phải nói cho tôi biết em đang ước điều gì. Tôi biết. Tôi cũng biết nó sẽ không bao giờ thành sự thật. Thiên tài không là một môn thể thao đồng đội.

Chiếc chìa khóa ở trên người em khi em mất. Tôi đã lục quần áo của em sau khi một ông ở phòng khám nghiệm tử thi mang chúng lại. Nó nằm trong túi trước quần jean của em. Tôi rửa sạch máu, cột vào một sợi ruy băng, và đeo quanh cổ. Tôi chưa bao giờ tháo nó ra.

Giờ tôi uống thuốc. Một viên Qwellify 25 milligram một ngày hai lần. Trên chai thuốc viết thế. Tôi uống 50 milligram một ngày hai lần. Và đôi khi là 75. Bởi vì 25 Qwelling giờ chẳng là gì cả - không phải cơn giận hay nỗi buồn hay cái hành động bộc phát khiến tôi bước ra trước những chiếc xe đang chạy. Tuy vậy nó lại rất nguy hiểm. Không đủ thì tôi không thể ra khỏi giường, quá nhiều thì tôi bắt đầu nhìn thấy ảo ảnh. Những thứ nhỏ nhất, hầu hết là thế - như nhện bò trên tường. Nhưng thỉnh thoảng cũng có những thứ lớn - như đứa em trai đã chết của tôi đứng trên đường.

Tôi tắt đèn, nằm xuống giường, bật Floyd trên iPod, và nghe bài tập về nhà của mình. Chừng hai phút hoặc hơn, các nhạc cụ điện tử, tiếng guitar rầu rĩ xuất hiện, một đoạn ngắt, và rồi bốn nốt, rõ ràng và ấn tượng: Xi giáng, Fa, Sol, Mi.

Tôi chơi theo trong bóng tối, tay nhấn vào bảng vô hình. Bốn nốt. Thầy Nathan nói đúng. David Gilmour chuyển được nỗi buồn chỉ trong bốn nốt.

Tôi tiếp tục nghe. Những bài hát về sự giận dữ, tình yêu và nỗi mất mát. Tôi nghe đi nghe lại. Cho đến khi ngủ thiếp đi. Và mơ.

Mơ thấy bố tôi cầm một tổ chim đầy những quả trứng màu xanh.

Mơ thấy một thằng bé con chơi violon với những người đàn ông có mắt như những lỗ đen trên bầu trời.

Mơ thấy Truman.

Em ở trong phòng khách, bước ra từ một bức tranh. Em băng qua phòng về phía tôi, bước chậm rãi, kỳ lạ. Lưng em bị gãy. Em cúi đầu xuống đầu tôi, hôn lên má tôi. Mũi em, lạnh ngắt không một chút máu, thì thào vào tai tôi: Nào anh kẻ điên, anh nhà tiên tri, nào anh người họa sĩ, anh người thổi kèn, anh tù nhân, và tỏa sáng...

Này, Ard! Mẹ cậu đâu rồi?" Tillie Epstein, một đứa học sinh năm cuối ở Slater, gọi với từ bên kia đường.

"Đi thăm mỹ rồi," Arden hét lại, hất mái tóc vàng óng.

Arden đang trên đường về nhà vào một buổi chiều thứ Bảy đẹp trời, làm mọi người phải ngoái đầu mà nhìn bởi đôi chân rám nắng, đôi nốt da lộn, và chiếc váy siêu ngắn. Nó đeo một chiếc thắt lưng to đùng ở eo. Trên đó có cái khóa với dòng chữ PRADA sáng chói, mà tiếng Ý có nghĩa là bất an. Nó vừa ra khỏi một tiệm đồ ăn cầm theo lon Diet Coke, một gói thuốc lá, và một chai Evian. Hai thứ đầu tiên là bữa trưa, còn nước Evian là dành cho cái tẩu thuốc. Nước uống ở vòi thật độc hại.

"Tiêm Bo hay liệu pháp Dee?" Tillie hét lên.

"Dee."

Các bà mẹ tiêm botox thật khó lường. Việc tiêm diễn ra không lâu. Nửa tiếng đồng hồ ở phòng khám, mua sắm chút đỉnh, ăn trưa, và bà về nhà rồi bất thành linh xuất hiện ở bữa tiệc buổi chiều của bạn. Thật vô cùng bất tiện.

Cách bà mẹ dùng liệu pháp detox thì an toàn hơn. Để dùng liệu pháp detox thường phải bay tới California, rồi nào tẩy độc cơ thể, nào là phương pháp tinh dưỡng trong lều, nào là đốt ngải đắng, và những pha đau đớn rớt nước mắt khi phải đương đầu với cái tôi trẻ con trong mình. Đau, dĩ nhiên rồi, nhưng còn dễ chịu hơn nhiều việc đối phó đầy khó khăn với những rắc rối nếu không dùng liệu pháp này.

"Tuyệt! Tiệc ở nhà cậu nhé?"

"Không được. Có ông thầy phong thủy đang ở đó. Nghiệp chương của nhà tớ thực sự bị tắc ấy, cậu hiểu không?"

Cải biến Phật tử. Chỉ có ở Heights.

"Mà tối nay Nick mời mấy đứa đến đấy," nó nói.

Tillie giơ ngón tay cái lên và biến mất vào phòng tập yoga.

Nick là bạn trai của Arden. Nó cũng học ở trường St. Anselm. Khi tôi tiếp tục bước sau Arden, đủ xa để không phải nói chuyện với nó, thằng Nick bước ra từ Mabruk's Falafel, ôm nó và hôn hít nồng nhiệt.

Tên đầy đủ của nó là Nick Goode, biệt danh Không Có Tội, bởi luật sư của bố nó bao lâu nay cứ nói đúng những từ đó trước quan tòa. Vì DUI. Vì nôn ở Starbucks ba buổi sáng liên tục. Và vì đứng trên cầu trượt trong sân chơi ở phố Pierrepont mà đá xuống đất. Nó là người Anh. Bố nó và mẹ kế, Ông và Bà Goode, nuôi rất nhiều vẹt.

Những lọn tóc xoăn của Nick ánh lên dưới mặt trời mùa đông. Cầm nó lỏm chỏm râu.

Nó đi boots, mặc váy của người Scotland, và một chiếc áo dài tay. Không áo khoác, dù đang là tháng Mười hai. Người đẹp thì không cần áo khoác. Họ có hào quang giúp họ ấm rồi.

Nó nhìn thấy tôi khi buông con bé kia ra. Nó bước lại, cầm tay tôi, và hát “Tôi biết một cô nàng, ngọt ngào nhưng cứng rắn. Nàng đẹp xinh, tôi không thể với tới... Tôi muốn Andi, tôi muốn Andi...” theo nhạc bài “Tôi muốn Candy”.

Giọng nó hay tuyệt, khàn khàn xào xạo khiến đầu gối ta run lên. Người nó đầy mùi thuốc lá và rượu. Đột nhiên nó thôi hát và hỏi tôi có tới bữa tiệc của nó không.

“Nicky!” Arden lo lắng rít lên từ bên vỉa hè.

“Bình tĩnh nào, Ard,” nó quay đầu đáp. “Ard, viết tắt của từ arduous đấy,” nó thì thầm với tôi, toét miệng cười.

Nó cầm lấy chỗ túi tôi đang mang và đặt xuống vỉa hè. Trong một cái túi có bánh sandwich. Túi kia có mười bảy túyp sơn dầu màu xanh. Mẹ vẫn đang vật lộn với đôi mắt của Truman. Sáng nay bà phát rồ lên vì nó. Cách duy nhất tôi nói để giúp bà bình tĩnh lại là bà đã chọn sai màu, vì thế bà không vẽ được đúng đôi mắt, và rồi hứa sẽ đi Pearl Paint để mua đúng các màu cho bà.

“Tới bữa tiệc của tớ đi,” Nick nói. “Sau cùng thì tớ là dân quý tộc, còn cậu chỉ là thân phận trâu ngựa, vì thế cậu phải làm theo những gì tớ bảo. Chơi guitar của cậu. Giải trí cho tớ. Đòi tớ nhảm chán đến độ tớ khóc được ấy.”

“Chà, lời đề nghị hấp dẫn nhỉ. Thăng hê trong cung đình.”

Nó nắm lấy tay tôi, áp trán vào trán tôi. “Thôi nào, cô quý cái sexy này. Cái cô phù thủy nhỏ tim đen miệng lưỡi như dao găm này. Cậu là cô gái thú vị duy nhất ở khắp cái xứ Brooklyn này.”

Tôi đảo mắt. “Hôm nay cậu hút bao nhiêu rồi? Một ký lô?”

“Xin cậu đấy, đến nhé. Tớ muốn cậu đến,” nó nói. Môi nó quệt qua môi tôi. Nó cố hôn.

Ý kiến tồi. Tồi tệ nhất. Tôi đẩy nó ra. “Thôi đi cậu hai, tớ không phải radicchio.”

“Cái gì cơ?”

“Radicchio. Cậu biết đấy? Cái loại rau diếp đỏ ghê tởm. Tất cả những nữ thần mà cậu từng ngủ ấy, Nick ạ, họ bày đầy trên đĩa của cậu rồi. Cậu đã có quá nhiều thứ ngọt ngào nên giờ cậu thèm thứ gì đắng chát.”

Nick cười ngơ ngẩn. Cắn sa khiến người ta kỳ cục. Ngay cả Letterman.

“Tớ phải đi đây,” tôi nói và dứt ra.

“Andi, đợi đã.”

Nhưng tôi không đợi. Tôi không thể đợi. Đứng đó trên phố Henry với nó khiến cho tất cả quá khứ quay về. Nó chẳng nhớ gì mấy. Ít nhất thì nó nói vậy. Nhưng tôi nghĩ nó nhớ mọi thứ và đó là lý do vì sao nó phê thuốc liên tục.

Nó đợi tôi bước mười bước trên vỉa hè rồi nói, “Tớ sẽ lấy cây guitar của ông bố đỡ đầu.”

Chà. Kinh rồi đây. Bỏ đỡ đầu của nó tình cờ lại là Keith Richards.

Tôi quay lại. “Bạn muốn gì ở tớ hả Nick?” tôi hỏi nó. Giọng tôi lộ vẻ khó chịu.

“Cây đàn tuyệt đẹp,” nó nói. “Ông ấy đã dùng nó khi sáng tác bài ‘Angie’.”

“Bạn muốn gì? Không thể là sex. Bạn có đầy ra rồi. Không thể là thuốc. Bạn có nhiều thuốc hơn cả hiệu CVS rồi. Bạn cần người giúp bài tập tiếng Pháp? Phải vậy không?”

“Ông ấy cho tớ tháng trước. Khi tớ đến Anh,” nó nói. Giọng nó lúc này dịu dàng. Năn nỉ.

Tôi suýt nói to lên. Tôi suýt đã phun từ đó vào nó, cái từ cho thứ nó muốn - sự tha thứ. Nhưng rồi cơn say thuốc phiên qua đi và mắt nó gặp mắt tôi và tôi có thể thấy nỗi đau ở đó. Vì thế tôi không nói ra. Tôi để cho nó đối xử tử tế với tôi. Đó không phải là thứ nó muốn, nhưng đó là việc tốt nhất tôi có thể làm.

“Bạn đang chém gió,” tôi bảo nó. “Không phải của chú Keith. Bạn mua trên ebay chứ gì.”

Nó mỉm cười. “Không phải. Của chú ấy thật,” nó nói.

“Ờ? Nó loại gì?” tôi nói, kiểm tra nó.

“À ừ... nó là một chiếc... Fender Bender... Không, nó là loại Paul Gibson... kiểu stratoblaster. Tiêu rồi, tớ không biết nó loại gì đâu. Nhưng nó là của ông ấy, tớ thề đấy. Bọn mình gọi cho ông ấy và ông ấy sẽ nói cho cậu biết. Ông ấy tặng tớ. Nếu cậu tới, tớ sẽ cho cậu chơi.”

“Được rồi. Tớ tới.”

Tôi cầm mớ túi lên, chào tạm biệt, rồi bước qua Arden. Nếu ánh mắt có thể giết người được, tôi thà làm làn khói mỏng manh. “Này, cảm ơn vì đã mời tớ,” tôi nói với nó. Nó không buồn trả lời tôi. Nó đang dành tất cả yêu thương của mình cho Nick.

“Sao cậu không phang nó luôn ngay trên vỉa hè hả Nicky? Cậu muốn thế mà. Cả thế giới có thể nhìn thấy!”

“Biến đi, Arden, được không? Cậu đang làm tớ đau đầu đấy.”

A, tình yêu non trẻ.

Tôi mỉm cười khi rẽ vào phố nhà mình. Sắp tới là kỳ nghỉ đông. Tôi quyết định sẽ gọi Vijay, xem cậu có muốn đi với tôi không. Ngoài chiếc guitar, mà tôi rất muốn chơi, bữa tiệc này còn có nhiều chuyện vui: những thằng bé nhà giàu buồn chán, những đứa con gái nhà giàu ghen tuông, rất nhiều thứ bất hợp pháp, có khi có một khẩu lên cò.

Nếu tôi may mắn.

Hóa ra là tôi chả may mắn. Không một chút nào.

Bữa tiệc chán ngắt. Quả thực thế. Tôi vừa vào nhà Nick chưa được mười giây thì một đồng phân trắng rơi xuống vai tôi.

Tôi nhìn lên. Phía trên, một con vẹt màu nâu to dùng ngòi dùng đưa trên một cái đèn chùm.

Rupert Goode, bố của Nick, lúng túng tiến lại sau tôi, tay cầm cái giẻ rửa bát. “Iago, cái con khỉ này!” ông quát, chỉ cây gậy ba toong vào con chim. “Tao sẽ vặn cổ mày! Tao sẽ nhổ lông mày, lấy sạch ruột mày ra và tống mày vào lò nướng!”

“Tại sao, ông lão ngờ nghệch kia!” Iago quát lại, bay đi tấn công kẻ khác.

“Chú xin lỗi, cưng ời,” Rupert nói. “Nó hư hỏng quá, con chim đó. Cho phép chú...”

Ông là một diễn viên, Rupert Goode. Ông đóng mọi vai nam chính mà Shakespeare đã viết ra, tham gia hàng tấn phim chi phí thấp, rồi chấm dứt sự nghiệp diễn viên của ông khi thủ vai trong bốn hay năm tập Harry Potter. Giờ ông không còn làm được nhiều nữa. Ông run lấy bầy. Nhưng giọng ông vẫn hay. Căn bệnh Parkison vẫn chưa hủy hoại được chất giọng ấy.

Tôi nhìn quanh khi ông chúi đồng phân khỏi người tôi, nhìn thấy giấy dán tường ố màu do ẩm ướt trong sảnh và vữa trần nhà bở ra phía trên. Một bức tranh đã bạc màu trong cái khung méo mó. Một con chó hôi hám nằm ngủ trên một chiếc áo khoác. Những chồng kịch bản lớn sắp đổ sập. Nếu chủ nhân căn nhà là một ai khác, nó đã nằm trong danh sách cần phải ủi sập của thành phố rồi, nhưng do chủ nhân nó là Rupert Goode, nên nó được lên tạp chí Vogue.

“Lâu lắm rồi chú không gặp cháu,” Rupert nói. “Chú thường thấy cháu mua cà phê buổi sáng ở Cranberry’s với Marianne.” Ông là bạn của mẹ tôi. Hay từng là bạn. Hồi bà còn qua lại với bạn bè.

“Gần đây cháu bận lắm ạ. Luận văn cuối năm. Đơn xin học đại học. Chú biết mà.”

Chú biết là tôi đang nói dối.

“Cháu thế nào, Andi? Thật thế không?” Ông hỏi, nhìn tôi bằng ánh mắt dò hỏi.

“Cháu ổn ạ,” tôi nói, nhìn đi chỗ khác. Ông quan tâm. Tôi biết điều đó. Đó chính là lý do vì sao tôi không nói cho ông biết tôi thực sự thế nào.

“Không, chú không nghĩ vậy. Sao cháu có thể ổn được?” ông nói. “Chú chưa bao giờ nghĩ đến ngày đó mà không nghĩ đến lời vua Lear nói với cô con gái út Cordelia khốn khổ đã chết đi của ông. ‘Tại sao một con chó, con ngựa, con chuột, có cuộc sống/ Còn con lại không hề có chút hơi thở nào?’ Tác phẩm của Shakespeare là một niềm an ủi. Cháu có thấy thế không? Shakespeare đặt ra những câu hỏi thật vĩ đại.”

“SpongeBob cũng vậy. Vấn đề là, cả hai đều chả có những câu trả lời vĩ đại.”

Rupert bật cười nhưng mắt ông buồn bã. “Nick nhớ cháu. Chú cũng vậy,” ông nói. Rồi ông ôm tôi. Mọi người rất hay làm thế. Đường như nó có ích. Cho họ.

“Cháu vào đi. Chơi cho vui,” ông nói, đưa cho tôi một cái dù bằng giấy màu hồng.

“Ừm chú Rupert à, ở trong này không có nắng.”

“Nó là tấm che, con gái ạ. Iago đã hư rồi, nhưng còn con vệt mới Edmund thì thật quý quyết.”

Tôi mở cái dù ra và bước từ phòng này sang phòng kia, cảm giác như thể Cio-Cio-San đang đi tìm Pinkerton. Một nửa bọn lớp tôi ở trong bếp. Chai không ở khắp nơi, những gói thuốc đã hút hết, vệt và dù, nhưng không thấy Nick.

Có đưa mời tôi một ly rượu, nhưng tôi từ chối. Đồ có cồn không hợp với chỗ thuốc tôi uống. Nó gây ra một số tác dụng phụ rất tởm.

Tôi bắt đầu uống thuốc một năm trước. Tôi đến khám bác sĩ Becker, một bác sĩ tâm lý trị liệu, vì tôi không ăn, ngủ hay đi học. Cô Beezie khuyên ông ấy và cha tôi hãy buộc tôi đi bằng cách đe dọa không cho tôi học đàn với thầy Nathan nữa nếu tôi không đi khám. Nhẽ ra tôi phải nói chuyện tâm sự các thứ với bác sĩ Becker, nhưng tôi gần như không mở miệng - trừ việc nói là tất cả chuyện này thật lãng phí thời gian. Sau một vài tuần, bác sĩ Becker kê đơn Paxil. Rồi Zoloft. Khi những thứ đó không có tác dụng, ông ấy cho tôi uống Qwellify, một thứ thuốc chống trầm cảm có tác dụng ba trong một. Nếu thuốc này không có tác dụng, thì đã đến lúc phải dùng thuốc cho bệnh nhân tâm thần.

Tôi tiếp tục đi quanh nhà Goode, tìm Nick. Tôi ước giá như Vijay đi cùng tôi để tôi có người trò chuyện, nhưng hôm nay là tối thứ Bảy giữa kỳ nghỉ đông, vì vậy dĩ nhiên cậu ấy phải ở nhà để viết luận văn “Nguyên tử và Eve: Công nghệ, Tôn giáo, và Cuộc chiến cho Kỷ nguyên 21.” Đến lúc này, cậu đã có được lời trích dẫn từ năm nhà lãnh đạo thế giới.

Tôi rẽ vào phòng khách. Nhạc nhéo om sòm. Bọn kia đang trần truồng làm tình trên sofa, trên ghế, trên sàn nhà. Có một bức chân dung trên bệ lò sưởi, một bức tranh khỏa thân đen trắng lớn do Steven Meisel vẽ cô Goode IV. Cô hai mươi ba. Và là một người mẫu. Và không có mặt ở nhà nhiều lắm. Nhưng như đích thân chú Rupert sẽ nói với bạn, và vẫn luôn nói, “Với bộ ngực như thế, ta có thể làm chuyện mà ta thích.”

Tôi vào thư viện. Shiva Mendez đang chia sẻ những slide trong tác phẩm nghệ thuật xếp đặt gần đây nhất của nó, Void, gồm ba trăm sáu mươi lăm chai thuốc nhuận tràng và những cảnh tởm hết chỗ nói. Đây là một phần trong luận văn tốt nghiệp của nó. Whitney cho nó vào một chương trình những nghệ sĩ đang nổi. Bender Kutz, ra khỏi bệnh viện cai nghiện lần thứ hai trong năm, đang nói về luận văn của nó - hồi ức về việc nghiện ngập. Nó đã kiếm được hợp đồng bán sách. “Đại diện của tứ hào hứng cực kỳ,” nó đang nói với một đứa con gái. “Có khi Hội giám lý sẽ tham gia đấy.”

Bọn cùng lớp khiến tôi thấy mệt mỏi. Mệt mỏi đến đau đớn, vô độ. Nghe bọn nó nói chỉ khiến tôi muốn nằm vật xuống sàn mà ngủ hai mươi năm, nhưng tôi không làm thế được - trên thảm có quá nhiều phân chim - vì vậy tôi quyết định đi về. Chả thấy Nick đâu cả. Ít nhất ở dưới này thì chả thấy đâu. Có lẽ nó ở trên lầu, nhưng tôi không đủ dũng cảm để mở các cửa phòng ngủ trong căn nhà này. Khi tôi tiến ra phía hành lang, tôi cảm thấy một cánh tay quàng lấy eo tôi và môi dí sát vào gáy tôi. Giọng nói trầm đục cất lên, “Tớ biết là cậu sẽ đến. Nhưng cậu đến vì ai? Cây guitar của tớ hay tớ?”

“Guitar của cậu. Chắc chắn rồi.”

“Đồ tim bằng đá,” nó nói, giật một cái khuyên tai của tôi, và rồi đưa chiếc guitar cho tôi. Như thể chả là gì cả. Như thể nó đưa cho tôi một thanh kẹo cao su.

“Tớ chơi được không?” Tôi hỏi. Giọng trầm thì.

“Ờ. Dĩ nhiên rồi,” nó nói, hầu như chả để tâm. Arden đang cười khúc khích vào tai nó và chĩa ngón cái về phía bếp. Rồi bọn nó biến mất, còn tôi thì cầm cây guitar của Keith Richard, và cùng lúc tay tôi cảm thấy vừa hào hứng vừa sợ hãi. Như thể tôi đang cầm một con rắn hổ mang, một túi kim cương, một quả bom.

Tôi gảy đàn. Các ngón tay tôi đặt vào gam La thứ, Mi 7, rồi Sol - những nốt đầu tiên của bài “Angie” - nhưng tôi hầu như không nghe được những nốt này vì tôi đang đứng ở sảnh trước với hàng đông người xung quanh. Tôi chạy lên lầu, tới chiều nghỉ đầu tiên, và rồi cái thứ hai, nhưng cũng chả khác gì mấy. Vì thế tôi chạy tiếp, lên tận mái nhà. Ở đó lạnh, nhưng yên tĩnh.

Vài bộ bàn ghế gỗ cũ nằm rải rác. Tôi ngồi lên một chiếc cũ mềm và kéo chiếc dây đeo guitar qua đầu mình. Dù cho cố gắng thế nào, tôi cũng không xứng được có nó, nhưng loại ý nghĩ kiểu này chỉ ngăn những gì tốt đẹp nhất trong chúng ta, chứ chẳng ngăn nổi điều xấu xa nhất. Vì vậy tôi chơi. Tôi chơi bài “Angie”, “Wild Horses” và “Waiting on a Friend.”

Tôi chơi cho đến khi ngón tay tôi tím bầm và cứng đờ lại vì giá lạnh, và rồi tôi tiếp tục chơi. Cho đến khi tôi chìm đắm trong âm nhạc. Cho tới khi tôi là âm nhạc - những nốt nhạc, những giai điệu. Tôi bị đau, nhưng khi tôi là âm nhạc mà không phải là chính mình thì mọi việc không sao cả. Không buồn bã. Không sợ hãi. Không tuyệt vọng. Không tội lỗi.

Tôi chơi chừng một tiếng, rồi rút tay vào túi và đi quanh, nhìn lên bầu trời đêm. Tôi chẳng thấy vì sao nào. Ở Brooklyn hầu như chẳng bao giờ thấy sao. Chúng nhặt nhòa đi trong ánh sáng chói lóa của đèn cao áp. Nhưng tôi có thể nhìn thấy Templeton, đen xì và xấu xí. Những khung cửa sổ các căn hộ mới đều sáng bừng lên. Đây đó, một cây thông Noel lấp lánh.

Ngày Truman mất cũng là sắp tới Giáng sinh. Trời lạnh ngắt và đèn trong các cửa hàng đều sáng bừng. Một gã đứng ở góc phố, bán cây thông. Những bài hát Giáng sinh vang lên. Max đứng trên vỉa hè la hét.

Tôi không nhớ Giáng sinh năm đó. Tôi chỉ nhớ lúc hạ cây thông xuống. Vào tháng Tư. Nó đã biến thành màu nâu và rụng hết lá. Các món quà vẫn còn nằm ở gốc cây. Không ai muốn mở chúng ra vì vậy bỏ cho vào túi và mang tới tổ chức Thiện nguyện.

Tôi bắt đầu bước đi. Chín bước từ chỗ tôi đang đứng tới rìa mái nhà. Tôi đếm bước khi mình đi. Rồi một bước lên chỗ gờ. Lúc này đây tôi đang nhìn xuống đường. Thật quá dễ dàng. Chỉ cần một bước nữa và mọi thứ sẽ kết thúc. Một bước nhỏ nữa, và không còn đau đớn, tức giận, hay bất cứ gì khác nữa.

Một giọng nói đằng sau tôi vang lên: “Xin đừng. Thật đấy. Xin cậu.”

Tôi quay lại. “Sao lại không?”

Nick nói, “Bởi vì tớ sẽ nhớ cậu. Tất cả mọi người sẽ nhớ cậu.”

Tôi bật cười lớn.

“Được rồi, tớ sẽ nhớ cái guitar vậy. Tớ sẽ rất nhớ nó. Vì vậy bỏ nó xuống rồi hăng nhảy, được không?”

Tôi nhận ra mình vẫn đeo cây guitar của Keith Richard. Suýt tí nữa là tôi đã mang nó mà nhảy xuống và khiến nó tan thành từng mảnh. Tôi hoảng sợ. Tôi bước một bước về phía nó, xuống khỏi cái gờ. “Tớ xin lỗi. Chúa ơi, tớ thực sự xin lỗi, Nick...”

Rồi chân tôi bị trượt trên một vũng nước đóng băng và tôi mất thăng bằng. Tôi chới vói, gào lên, Nick túm lấy cánh tay tôi và tôi có cảm giác như cả hai chúng tôi chết đến nơi rồi, nhưng nó kéo tôi về phía nó và tôi loạng choạng ngã xuống mái nhà.

Nó buông tôi ra và tuôn một tràng. Nó gào lên. Rất to. Giọng nó vừa khàn vừa khó nghe. Tôi không biết nó nói gì vì tim tôi đang nện như muốn văng ra ngoài. Tôi không biết phải làm gì, vì thế tôi đặt cây guitar xuống và cố ra về bởi vì tôi nghĩ nó muốn thế, nhưng không phải.

“Cầm lên đi!” nó hét. “Cầm lên và chơi bài gì đó. Ít ra cậu phải làm thế. Suýt tí nữa cậu làm cả hai đứa toi rồi.”

Và tôi chơi. Dở tệ. Vì tay tôi đang run. Tôi bắt đầu với bài “You Can’t Always Get What You Want,” mà có lẽ hợp với cảnh huống này. Rồi tới bài “Far Away Eyes.” Và “Fool to Cry.” Và rồi tôi dừng lại để xoa hai tay cho ấm.

Nick không nói gì cả. Nó cầm bật và tôi đoán là nó vẫn giận, hoặc nghĩ là tôi chơi tệ quá, nhưng rồi nó nói, “Hay quá. Chơi bài gì khác đi.”

“Không nổi. Tay tớ đông cứng lại rồi.”

Nó lại gần, cầm lấy tay tôi và thổi. Hơi thở của nó ấm áp và có mùi rượu ngọt ngào. Người nó thơm tho. Và nó rất điển trai. Và khi nó ôm lấy mặt tôi và hôn tôi, tôi thấy nó thật tuyệt.

Tôi vẫn đeo chiếc guitar. Tôi cởi ra và đặt xuống đất. Tôi muốn chạm vào nó. Cảm nhận hơi thở của nó trên cổ mình. Làn da ấm áp của nó. Để cảm thấy gì đó khác ngoài nỗi buồn.

Ôm tớ đi, tôi khẽ nói với nó. Ôm tớ ở đây. Ngay nơi này. Trên cuộc đời này. Khiến tớ khao khát cậu. Khao khát thứ gì đó. Xin cậu.

Rồi đột nhiên tôi nghe thấy, “Ôi trời ơi.”

Là Arden. Nó ở đây. Trên mái nhà.

“Anh đúng là đồ đểu, Nick ạ!”

“Arden... Không phải... Không có gì cả... Bọn anh chỉ... Cô ấy đang buồn, em biết đấy? Và anh chỉ...”

Arden ném một chai bia vào người nó. Chai bia đập vào ống khói vỡ tan tành. Tiếng gào hét bắt đầu nổi lên.

“Cậu nên đi đi,” nó bảo tôi.

Tôi vội rút. Xuống cầu thang, xuống ba tầng dài vô tận, và ra khỏi cửa. Tôi đã đi được nửa phố Pineapple rồi mà vẫn còn nghe tiếng bọn nó cãi nhau trên mái nhà.

“Em không tin nổi anh! Em chẳng có ý nghĩa gì với anh phải không?”

“Anh đã bảo với em là không có gì mà!”

Đúng là không có gì. Chưa bao giờ là gì cả. Sao tôi không nhảy đi khi tôi có cơ hội?

Mẹ ơi?” tôi gọi lớn khi mở cửa vào nhà. Không có tiếng trả lời, đây là chuyện thường tình, nhưng ngôi nhà lại bật đèn sáng trưng cả lên. “Sao trong nhà sáng thế nhỉ?” tôi lầm bầm. “Mẹ ơi?”

Có tiếng bước chân nhanh và nặng nề từ phòng khách.

“Con đi đâu thế?”

Giọng nói đó. Những tiếng đó. Chúng khiến tôi sửng sờ. Đó chính là những từ mà em nói với tôi sáng hôm đó. Cái ngày Truman mất. Chỉ có điều em hét lên với tôi. Hét khản cổ.

“Ô, con chào bố,” tôi nói. “Lâu lắm không gặp bố. Máy cái D, N, A sao rồi ạ?”

“Con đi đâu thế?”

“Con tới một bữa tiệc. Ở nhà Goode.”

“Nhà Goode? Andi, đừng nói với bố là con đang hẹn hò với Nick Goode.”

“Con không có.”

“Ờn Chúa.”

“Con hẹn hò với Rupert.”

Mặt ông sầm xuống. “Con nói cho vui à? Vì nó chẳng vui chút nào. Sao lúc nào con cũng phải...”

Khó chịu? Khủng khiếp? Kinh tởm? Bố cứ nói thế đi, để tôi có thể giả vờ chúng tôi đang đứng cách nhau hai mét không ôm hôn, không chào hỏi sau khi không gặp nhau đến bốn tháng trời vì tôi rất kinh tởm. Không phải bởi vì chúng tôi ghét nhau.

“... chưa chát. Chuyện này không thể chấp nhận được. Hoàn toàn không chấp nhận được. Sao con không gọi cho bố? Sao con không gọi cho bố?”

“Về bữa tiệc của Nick ạ?” tôi bối rối nói.

“Về trường St. Anselm! Về điểm số của con. Các bức tranh. Mẹ con. Vì thế quái nào mà con lại không kể cho bố nghe về tình trạng của mẹ?”

Tôi hoảng loạn. “Có chuyện gì thế? Mẹ đâu? Mẹ có biết là bố về không?”

Tôi sợ là ông sẽ làm bà buồn. Ông có cách làm chuyện đó. Tôi lao qua ông và chạy vào phòng khách. Tôi nhẹ cả người khi thấy bà đứng đó. Vẽ. Chỉ vẽ mà thôi.

“Con chào mẹ,” tôi nói. “Mẹ đói không? Muốn ăn chút ngũ cốc không?”

Bà lắc đầu.

“Bố thì sao? Ăn ngũ cốc không?”

“Không, bố...”

“Bánh mì nướng vậy?”

“Thứ bố muốn là một lời giải thích!” ông hét lên, chỉ vào bức tường.

“Chúng là tranh vẽ. Mẹ là họa sĩ, bố nhớ không?”

Ông quay một vòng chậm chậm. “Tất cả các bức tường đều treo tranh. Treo kín.”

Chuyện này thì ông nói đúng. Mẹ bắt đầu treo chúng lên trần nhà.

“Phải đến hai trăm bức,” ông nói. “Đều vẽ Truman. Chuyện này diễn ra bao lâu rồi?”

“Con không biết. Vài tháng.”

“Vài tháng?”

“Bố nghe này, như thế này mẹ hạnh phúc hơn. Khi vẽ mẹ không khóc hay gào thét hay quăng quật các thứ, được chứ? Bố muốn gì? Sao bố lại về đây?”

Ông thôi nhìn lên trần nhà mà trân trân nhìn tôi. “Bởi vì bố...,” ông cất tiếng. Nhưng những lời của ông tắt lịm. Trông ông bối rối. Trông ông hoang mang và đầy ân hận. Như thể khi ta chạy tới chỗ một ai đó ta nghĩ là ta biết và cầm lấy tay cô ấy và cô ấy quay lại và ta biết là mình nhầm.

“Bởi vì bố nhận được thư của trường St. Anselm,” cuối cùng ông nói. “Bố đã gọi cho con. Hai mươi lần. Không ai trả lời. Bố để lại tin nhắn. Không ai gọi lại cả. Vì thế bố bay về đây. Cô Beezemeyer bảo con thi trượt tất cả các môn. Rằng con sẽ bị đuổi học. Chuyện quái gì đang diễn ra thế, Andi? Con vẫn đang uống thuốc đấy chứ?”

“Có, con vẫn uống thuốc, mà xin nói cho rõ, con không trượt tất cả các môn. Âm nhạc con được điểm A. Cô Beezie có nhắc chuyện đó không?”

Ông không nghe tôi nói. Hoặc giả vờ không nghe.

“Hai năm trước con là học sinh chuyên đạt điểm A. Con nhận giải thưởng môn tiếng Pháp và Sinh học...”

“Và âm nhạc.”

“Bố không hiểu chuyện này. Bố không hiểu con. Chuyện gì xảy ra với con thế?”

Tôi kinh ngạc nhìn ông. “Bố nói nghiêm túc đấy chứ? Bố đang hỏi con chuyện đó? Một cách nghiêm túc. Bố bị Alzheimer hay gì đó à?”

Ông im lặng một vài giây. Tất cả những gì tôi nghe thấy là tiếng cây cọ của mẹ trên vải canvas và tiếng đồng hồ tích tắc.

Rồi ông nói, “Mẹ kiếp, Andi, Truman chết rồi.”

“Con ý thức được chuyện đó.”

“Vì thế hãy quên em đi.”

“Hệt như bố đã làm chứ gì? Một cuộc sống mới. Không đấu tranh.”

“Truman chết. Truman. Không phải con,” ông nói.

“Con biết. Thật bất hạnh, phải không? Đối với cả bốn chúng ta ấy.”

Trông ông như thể vừa bị ai đó đẩy ngã. Ông ngồi xuống ghế, tay ôm lấy mặt. “Lạy Chúa, bố phải làm gì đây?” Ông khẽ khàng nói.

Đây rồi. Cái cảnh hòa giải đây rồi. Khi mà tôi chạy lại với ông, ông ôm tôi và chúng tôi òa khóc nức nở, rồi mọi thứ trở nên tốt đẹp hơn. Tôi đợi âm nhạc nổi lên. Tôi đợi ai đó kéo violon. Để thứ âm nhạc rẻ tiền của Hollywood bắt đầu khơi mào. Nhưng nó không diễn ra. Nó sẽ không diễn ra. Tôi biết điều đó. Tôi đã đợi hai năm rồi.

“Kỳ nghỉ đông bắt đầu khi nào?” ông hỏi tôi, buông tay xuống.

“Hôm nay.”

“Khi nào con đi học lại?”

“Mùng năm.”

Ông lấy chiếc BlackBerry ra. “Được rồi,” ông nói, sau một vài giây. “Thế được rồi. Thực ra thế là quá ổn. Con có thể đi với bố.”

“Mình thử làm như thế một lần rồi, bố nhớ không? Không được đâu. Minna ghét con.”

“Ý bố là đi Paris. Bố sẽ bay tới đó vào thứ Hai từ Boston. Để làm việc. Chừng nào mà công nhân hàng không không đình công thì kế hoạch là vậy. Họ đã đe dọa đình công suốt cả tuần. Bố đang ở với bác G và cô Lili. Họ có chỗ mới. Nhiều phòng. Con sẽ đi với bố.”

Tôi bật cười lớn. “Không con không đi.”

“Không cãi, Andi. Con sẽ đi Paris và con sẽ mang laptop theo. Chúng ta sẽ ở đó ba tuần. Rất nhiều thời gian cho con viết đề cương luận văn.”

“Bố quên chuyện gì à? Mẹ thì sao? Mình tính sao với mẹ? Cứ thế để mẹ một mình à?”

“Bố sẽ cho mẹ con vào bệnh viện,” ông nói.

Tôi nhìn ông trân trối, choáng không nói nổi nên lời.

“Bố đã gọi bác sĩ Becker. Ngay sau khi về đây. Ông ấy sẽ cho mẹ vào Archor-Rand. Nơi đó tốt. Họ có chương trình tốt. Con sắp xếp một ít quần áo cho mẹ được không? Bố sẽ đưa mẹ đi vào sáng sớm mai, và...”

“Tại sao? Tại sao bố lại làm việc này?” tôi hét lên giận dữ. “Bố đã không bao giờ có mặt ở đây khi lẽ ra phải vậy. Giờ lẽ ra bố không nên có mặt ở đây thì bố lại về. Không ai gọi bố về cả. Con và mẹ vẫn ổn khi không có bố. Hoàn toàn ổn. Cả nhà lúc nào cũng ổn mà không cần có bố.”

“Ổn? Con gọi thế này là ổn ư?” ông hét lại. “Cả căn nhà như một bãi rác. Mẹ con thì điên loạn. Con thì sắp sửa bị đuổi học. Không có gì ổn cả, Andi ạ. Không có gì.”

“Con sẽ không đi. Con thề là con không đi.”

Tôi cầm túi lên và đi về phía cửa.

“Con đi đâu đấy? Andi? Andi, bố đang hỏi con...”

Có tiếng ầm ở phòng khách.

“Marianne? Em không sao chứ?” Bố hét lên. Bố chạy vào phòng khách.

“Con sẽ không đi Paris.” Tôi nói, đóng sầm cửa lại sau lưng mình. Con sẽ không đi đâu với bố cả. Con thề với Chúa.”

Ngoài phố Brooklyn thật lạnh lẽo.

Tôi đang đứng ở góc phố giao giữa Cranberry và Henry. Một ông già Noel bằng đèn neon đang sáng trưng từ cửa sổ cửa hàng Kim's Deli. Bên dưới khuôn mặt béo phì đang mỉm cười của ông là ba chữ sáng lên rồi tắt rồi lại sáng: Ho, Ho, ho.

Cửa hàng Kim đã đóng cửa. Mabruk cũng đóng. Ở cửa hàng giặt khô cạnh Mabruk, chiếc đồng hồ hiển thị giờ của mọi nơi trên thế giới cho tôi biết bây giờ là 5:35 sáng ở London và 6:35 sáng ở Prague.

Tôi cần phải vào trong nhà. Tôi lạnh muốn chết. Tôi quên áo khoác. Tôi thối vào tay mình. Tôi ôm lấy mình. Trong một vài giây, tôi cho phép mình tưởng tượng ra cảnh về nhà, nhóm lò sưởi, uống ca cao nóng với bố mẹ, và trò chuyện giải quyết hiểu lầm.

Ông già Noel bằng đèn neon nói Ho, Ho, Ho.

Tôi lại nhìn đồng hồ. 5:36 sáng ở Reykjavik. 8:36 sáng ở Riyadh. Riyadh... Ở Ả rập Xê út chủ nhật có phải đi làm không nhỉ? Nếu có, chắc chắn là vua Abdullah đã dậy rồi, và Vijay Gupta cũng vậy - và hẳn cậu đang cố gắng gọi điện thoại cho đức vua.

Tôi đi về phía phố Hicks. Số 32 là một tòa nhà gạch nâu nhỏ với một bức tượng Ganesha ở sân trường. Căn nhà tối thui, ngoại trừ một ngọn đèn sáng ở cửa sổ tầng hai. Tôi thấy Vijay ngồi ở cửa sổ đó. Cậu đeo headphone. Tôi lấy vài đồng xu trong túi và ném vào gương cửa. Một cái trúng. Vijay lại chỗ cửa sổ và vẫy tay. Vài phút sau, cửa trước mở. Cậu bảo tôi cậu đang bấm nút ngừng khi nói chuyện điện thoại với vua Kabul.

Ngoài hành lang tối đen nhưng bọn tôi không bật đèn lên. Tôi theo cậu lên cầu thang và vào phòng cậu. Khắp sàn là những tờ The Economist và The New Republic. Trên laptop thì cậu bật kênh Aljazeera, còn trên máy tính để bàn thì bật BBC. Tôi chưa quen một ai quá lưu tâm đến cái thế giới khủng khiếp này đến vậy.

Tôi nhảy lên giường cậu và kéo chăn quanh người. Cậu đặt một cái đĩa lên trên gối. Món samosa. Nhà Guptas làm chủ mười nhà hàng Ấn Độ.

"Chuyện gì thế?" cậu nói, ngồi xuống bàn mình.

"Tớ có thể..." tôi cất tiếng với một cái mồm đầy thức ăn, nhưng cậu giơ một ngón tay lên.

"Vâng thưa bà, tôi đã liên lạc tới văn phòng báo chí," cậu nói vào điện thoại. "Họ cho tôi số của bà. Không, tôi không phải là phóng viên. Tôi chỉ đang cố để có được lời nhận xét của tổng thống Karzai về luận văn của tôi. Tôi là học sinh. Một học sinh Mỹ. Ở trường St. Anselm. Ừm... trường St. Anselm's ư? Ở Brooklyn? Alo? Alo?"

Cậu bỏ headphone xuống. Chửi thề.

"Chà, V, tớ sốc đấy," tôi nói. "Tớ cứ đinh ninh là ông tổng thống Karzai sẽ cho quân phiến loạn

Taliban ngừng bắn một giây để ông ấy có thể nhận điện thoại cơ đấy. Nhất là khi cậu đã nói cậu học ở St. Anselm.”

Cậu lườm tôi. Tôi chuẩn bị hỏi cậu là tối nay tôi ngủ nhờ phòng cậu được không thì cả hai nghe thấy tiếng bước chân nhanh và mạnh mẽ trên hành lang. Rồi một giọng nói cất lên: “Vijay? Viiiiijay!”

“Trốn kín vào đi,” cậu nói. “Mẹ tớ đến đấy.”

Bà Gupta không biết sợ là gì. Tôi có thể nghĩ tới hàng lô những thứ chả mấy hay ho gì mà một thằng nhóc mười bảy tuổi có thể làm trong phòng nó sau nửa đêm nhưng bà Gupta thậm chí không buồn gõ cửa; bà mở toang cửa ra và đứng đó, tay chống nạnh, mắt trợn lên - nữ thần thời khắc Kali mặc áo choàng ngủ.

“Vijay! Mẹ nghe tiếng con nói chuyện!”

“Con nói chuyện điện thoại!”

“Mẹ nghe hai tiếng người! Hai! Sao con không học bài? Con muốn quấy cà ri suốt cả đời hả? Con nghĩ là Harvard muốn nhận những đứa chơi bời suốt ngày suốt đêm hả? Sao con lại tiêu tốn thời gian thế này?”

“Trời ơi, cảm ơn bác, bác Gupta,” tôi nói. Tên bà là Rupal. Tôi chưa bao giờ nghe ai gọi tên bà như vậy cả.

“A! Cháu à, Andi. Cháu làm gì trên giường con trai bác vào giờ này?”

“Cố ngủ ạ.”

“Giường của cháu đâu? Trong nhà của cháu ấy? Nếu thế này thì làm sao Vijay học hành được? Làm sao cháu học hành được? Cuộc đời không phải là tiệc tùng, tiệc tùng, tiệc tùng! Cháu phải được điểm cao. Cả hai đứa. Cháu có biết điều gì chờ đợi cháu nếu không đạt điểm cao không? Không, vậy thì bác sẽ cho cháu biết...”

Vijay ngã người ra ghế và rên rỉ.

“...Cả đời phải làm tôi tớ cho Tanmay, Deepak, và Hari ! Cháu sẽ phải ở trong một căn hộ bẩn thỉu ở Jackson Heights với mười đứa khác bởi vì cháu không thể sống nổi ở Brooklyn Heights với số lương ít ỏi. Không, không, không! Cháu sẽ ăn gì? Cháu thanh toán hóa đơn bằng cách nào? Đây không phải là thế giới ATV mà hai đứa đang nghĩ...”

“Thế giới MTV,” Vijay nói.

“... với những đứa ngớ ngẩn sẫm siếc đầy mình chơi guitar suốt ngày và không ai làm việc cả!” Bà dừng lại để thở, rồi nói thêm, “Các cháu thật vô tâm, thật trẻ con. Làm cho bố mẹ lo lắng!” Khi nói xong, bà ném cho Vijay một cái nhìn bi kịch nhất có thể, như thể bà có một đứa con trai là kẻ giết người hàng loạt chứ không phải là đứa sẽ đỗ thủ khoa vào trường Harvard.

“Về nhà đi, Andi,” bà bảo tôi. “Tổ ấm là nơi các quý cô đoan trang nên ở vào giờ này. Mẹ cháu chắc là lo lắng lắm.”

Bà nói với Vijay, “Con đã thử gọi cho tổng thống Zardari chưa?”

“Mẹ đi ngủ đi!” cậu hét lên.

Bà Gupta đi khỏi. Vijay nói, “À, này, tớ sẽ nghỉ đông ở Mumbai. Không nơi nào thích hơn. Mà này, sao cậu lại ở trên giường tớ vào giờ này?”

“Vì tớ muốn cậu, cưng ạ.”

Cả hai bọn tôi cười như điên dại vì câu nói đó. Vijay hẹn hò với thủ khoa trường Slater, một đứa con gái xinh đẹp tên là Kavita muốn làm bác sĩ nhi. Bọn nó chạy bộ ở Prospect Park. Tôi hẹn hò với những đứa trông như Joey Ramone. Bọn nó cũng chạy. Chủ yếu là ra khỏi cửa hàng. Và bảo vệ rượt theo sau.

“Chuyện gì xảy ra thế?” cậu lại hỏi tôi.

“Không có gì. Sao cậu lại nghĩ là có chuyện xảy ra?”

“Luôn có chuyện gì đó xảy ra với cậu. Cậu có tới bữa tiệc của Nick không?”

“Có.”

“Rồi?”

Tôi nháy mắt với cậu. “Ngày mai tớ sẽ lên trang bìa tờ Post.”

“Thật tình, Andi.”

Tôi muốn nói với cậu là suýt nữa chuyện đó đã lên tờ Post. Tôi muốn nói rằng tối nay suýt nữa tôi đã kết thúc. Trên mái nhà nhà Nick. Chỉ còn một chút xíu nữa thôi. Một bước. Tất cả những gì tôi cần là một bước chân. Tôi muốn kể cho cậu nghe về cha tôi. Về mẹ tôi. Và Paris. Đó là lý do vì sao tôi đến đây. Tôi muốn nói với cậu là tôi sợ. Nhưng tôi không làm thế. Bởi vì khi nhìn cậu, với cái headphone cùng những sách và vở, tôi biết cậu không nên nghe chuyện của tôi tối nay. Hay bất cứ lúc nào. Cậu nên gọi điện tới phủ thủ tướng Anh ở phố Downing, cung điện Elysee và Nhà Trắng. Bởi cậu cực kỳ thông minh và xuất sắc.

Tôi ngồi dậy. “Tớ về đây,” tôi nói. “Tớ sẽ tự ra ngoài.”

“Ở lại đi. Cậu có thể ngủ ở đây.”

Tôi hôn lên trán cậu, nhanh và mạnh, bởi cậu vẫn cố khi mọi người đã từ bỏ và tôi không hiểu tại sao. “Tổng thống Zardari đang đợi cậu đấy,” tôi bảo cậu. “Giờ thì Pakistan đang chứa vũ khí nguyên tử đấy. Tốt hơn là cậu không nên chọc giận ông ấy.”

Và rồi tôi đi. Lại ra ngoài đường, trên đường về nhà. Tôi không muốn về nhưng tôi lạnh và mệt và tôi còn đi đâu được nữa?

Tôi khom vai cúi đầu để không phải nhìn thấy nó khi rẽ vào phố nhà mình. Nhưng khi vào nhà thì lại không thể không thấy nó. Cụm TRÉT ĐI ĐỒ ĐI THỎA được viết trên vỉa hè chỗ bậc thêm lên xuống nhà tôi. Dòng chữ to dùng phun sơn. Tôi biết đứa nào làm việc này. Ở Brooklyn chỉ có một đứa duy nhất có thể viết chữ chết sai chính tả.

Chuyện này tệ quá, nhưng thú tôi thấy tiếp theo còn tệ hơn. Tệ hơn rất nhiều. Cây đàn guitar của Keith Richard. Nằm trên vỉa hè. Vỡ tan nát.

Arden ghét tôi. Chuyện này rất rõ ràng. Chắc Nick cũng vậy. Một chút sờ sẫm thế là nó mất cây guitar tuyệt đẹp. Và một khi Arden đã bận rộn gửi tin nhắn thì bất cứ ai học ở St. Anselm chưa

ghét tôi cũng sẽ ghét tôi. Tất cả mọi người ở Brooklyn Heights sẽ ghét tôi. Bang New York. Bờ Đông. Bắc Mỹ.

Và đột nhiên, có vẻ như Paris không phải là tệ lắm.

10

Tất cả phi trường nên thuộc về cùng một quốc gia. Crappacia. Hay Bleakovania. Hay Suckitan.

Tất cả đều tệ như nhau. Dù cho ta có đi đâu trên thế giới này thì khi hạ cánh, thế nào cũng là nhựa đường, cỏ dại, và cốc cà phê vứt linh tinh. Chúng tôi đến Orly và đợi một tiếng đồng hồ để lấy hành lý vì những người làm việc trong bộ phận giao hành lý đang biểu tình. Rồi chúng tôi gọi taxi. Giờ chúng tôi bị tắc trong dòng giao thông tối thứ Hai trên A106 gần Pungis ngoại ô Paris. Nhưng chúng tôi có thể ở Queens. Hoặc Newark. Hoặc Địa ngục.

Hai mươi - hai mươi - hai mươi tư giờ nữa

Tôi muốn được bình tĩnh

“Con thôi đi có được không?”

Không gì mà làm

Không chỗ mà đi

Tôi muốn được bình tĩnh

“Andi...”

Hãy đưa tôi đến phi trường ngay

Cho tôi lên máy bay

Nhanh nhanh nhanh lên trước khi tôi phát điên.

“Thôi đi!”

Bố tôi lấy cái tai nghe của tôi ra vì vậy tôi phải thôi giả vờ là tôi không nghe thấy ông nói gì.

“Sao ạ?”

“Bố đang bận gọi điện thoại!”

Tôi hát hò làm ông cáu. Nhạc của Ramones làm ông cáu. Chiếc guitar của tôi chiếm quá nhiều chỗ trên ghế giữa hai chúng tôi và chuyện đó làm ông cáu. Mọi thứ ở tôi đều làm ông cáu. Đường kẻ mắt quá đậm. Tóc tai. Kim loại đeo trên người. Đặc biệt là chỗ kim loại. Chúng tôi phải mất đến mười lăm phút ở cổng an ninh Logan trong khi vốn đã bị muộn rồi. Tôi làm cho máy khám kim loại kêu lên hàng chục lần. Tôi phải cởi ra hết. Áo khoác. Sợi dây lưng có hình đầu lâu. Vòng tay, nhẫn, và khuyên tai.

“Cưng đang trên đường ra mặt trận à?” nhân viên an ninh hỏi tôi khi cô nhìn một đồng đồ trong khay nhựa.

Tôi lại bước qua. Lại bíp ầm ỉ cả lên. BỐ giận phát điên. Rồi nhân viên an ninh kiểm tra tôi bằng tay. Dưới cánh tay. Nhìn vào trong vớ. Lăn ngón tay vào trong cổ áo sơ mi.

“Cái gì đây?” cô hỏi, giật mạnh sợi ruy băng đỏ ở cổ tôi.

Tôi không muốn tháo ra nhưng tôi không còn lựa chọn nào khác. Tôi kéo nó qua đầu và đưa cho cô. Rồi tôi lại bước qua máy dò kim loại một lần nữa. Không có tiếng bíp. Tôi liếc bố tôi, nghĩ ông chắc thấy nhẹ nhõm khi cuối cùng tôi cũng qua được. Nhưng tôi không thấy ông nhẹ nhõm. Mặt ông biến sắc.

“Con giữ cái đó à?” ông hỏi tôi khi cô kia trả chiếc chìa khóa lại cho tôi.

Ông vớ tay chụp lấy nó, nhưng tôi nhanh chóng trông qua đầu và thả nó vào trong áo - chỗ này thì bố tôi không thể làm gì được.

“Bố không... Bố không biết là con giữ nó,” ông nói. “Làm thế nào...”

“Trong quần áo của em. Trong túi quần.”

“Bố đã đi tìm. Bố nghĩ nó nằm ở bàn bố.”

“Em lấy lại.”

“Khi nào?” Giọng ông thì thào.

“Sau khi bố đoạt giải Nobel.”

“Tại sao?”

Tôi không trả lời.

“Andi... tại sao?”

“Bởi vì bố đã tìm thấy chiếc chìa khóa vào thế giới của riêng bố.”

Tại sao hàng tuần hàng tháng hàng năm vùn vụt trôi qua rất nhanh như bóng câu qua thềm, mà có những khoảnh khắc lại tồn tại vĩnh viễn. Truman quay sang vẫy tôi lần cuối cùng. Mẹ ngắt xỉu trong tay của cảnh sát. Và lúc này đây: Cha tôi đứng bên cạnh máy X-ray ở phi trường Logan, rũ ra như một con rối đã bị cắt đứt hết toàn bộ dây rợ.

Chúng tôi đến được cổng lên máy bay đúng giờ. Đó là chuyến bay sớm. Tôi nghe nhạc và ngủ. Ông làm việc.

“Mình gọi cho mẹ được không?” tôi hỏi ông sau khi ông gọi điện thoại xong.

“Không. Bố tin là con vẫn nhớ lời căn dặn của bác sĩ Becker.”

Tôi có nhớ. Sáng hôm qua chúng tôi đến văn phòng ông. Sau khi tạm biệt mẹ. Chúng tôi để bà ở lại phòng mình, ngồi ở mép giường, được tiêm thuốc an thần. Bà mặc bộ đồ bệnh viện màu hồng. Bà ghét màu hồng. Bà cũng ghét đồ bệnh viện.

Tôi hỏi bác sĩ Becker số điện thoại phòng bà để tôi có thể gọi cho bà từ Paris. Ông bảo các phòng không có điện thoại.

“Vậy làm thế nào cháu liên lạc với mẹ?”

Ông trao cho tôi một nụ cười dành cho bệnh nhân tâm thần rồi nói, “Andi, bác nghĩ là không nên...”

“Không nên.”

Nụ cười biến mất. “Bác nghĩ là mẹ cháu không nên nhận điện thoại trong vài ngày. Có lẽ là một tuần, khi mẹ cháu ổn định và chấp nhận hoàn cảnh mới. Bác nghĩ cháu nên đồng ý với bác đây là điều tốt nhất dành cho bà.”

Nhưng tôi không đồng ý với ông. Với bất cứ chuyện gì. Tôi không đồng ý với việc mẹ phải tiêm và uống thuốc. Tôi không đồng ý chuyện mẹ ở trong những bức tường màu hồng đào. Những bức rèm hoa. Hay bức ảnh trên tường. Tôi đặc biệt không đồng ý với bức tranh đó.

“Bác phải lấy nó xuống,” tôi nói.

“Sao cơ?”

“Bức tranh. Bức tranh đóng chặt vào tường ở phòng mẹ cháu ấy. Căn nhà tranh chìm trong hoàng hôn màu tím. Thật là buồn nôn. Nó là cái thử nghệ thuật tầm thường làm đầu óc mê muội. Bác lấy cái đấy ở đâu ra thế. Paramus à?”

“Andi!” bố tôi rống lên.

“Bác có biết mẹ cháu suốt ngày nhìn cái gì không? Bác có biết cái gì được treo trên tường nơi mẹ cháu làm việc không? Tranh tĩnh vật Táo của Cezanne, Bình cà phê tráng men màu xanh của Van Gogh. Tranh tĩnh vật cá thu của ...”

“Con dừng lại ngay cho bố,” bố nói với tôi. Rồi nói với bác sĩ Becker, “tôi xin lỗi, Matt, tôi...”

“Lấy nó xuống,” tôi nói, giọng vỡ òa.

Bác sĩ Becker giơ tay lên. “Được rồi, Andi. Nếu cháu muốn bác lấy xuống thì bác lấy xuống.”

“Ngay bây giờ.”

“Mẹ kiếp, Andi! Con nghĩ con đang nói chuyện với ai hả?” bố quát lên.

“Ngay bây giờ thì bác không làm được,” bác sĩ Becker nói. “Bác phải gọi người bảo vệ làm việc đó. Nhưng bác hứa với cháu là nó sẽ được tháo xuống, được chưa?”

Tôi gật đầu cứng rắn. Đây là một chiến tích. Một chiến tích nhỏ nhoi. Tôi không thể bảo vệ mẹ tôi khỏi cái ông bác sĩ này nhưng ít nhất tôi cứu bà thoát khỏi tranh của Thomas Kinkade.

Vụ tắc đường giải tỏa được chút ít. Chúng tôi tăng tốc và vài phút sau chúng tôi đã ở ngoại ô Paris. Hai bên đường vào thành phố đầy những ngôi nhà xây bằng đá xập xệ, khu bán ô tô bãi, những căn nhà lụp xụp bẩn thỉu, các cửa hiệu làm đầu, tất cả những biển hiệu của chúng đều sáng rực lên trong bóng tối.

“Con biết không, chuyển đi có thể có ích cho con,” bố tôi nói khi chúng tôi đã tới Boulevard Périphérique. “Nó giúp đầu óc con thư giãn.”

“Cái gì cơ?”

“Thay đổi phong cảnh. Paris.”

“Vâng, chắc chắn rồi. Em trai con chết. Mẹ con bị điên. Bố dùng một cái bánh kẹp đi.”

Chúng tôi không nói chuyện trong suốt chặng đường còn lại.

“Lewis! Thằng khốn nạn này! Thằng già bẩn thỉu này! Cái thằng khốn khổ người toàn mùi formaldehyde tâm hồn khô khan này!”

Những lời này không phải tôi nói ra. Mặc dù tôi rất muốn. Vào rất nhiều lần.

Đó là bạn cha tôi, bác G - một người đàn ông mập tròn mặc quần jean màu vàng, áo len đỏ và đeo kính đen. Ông là một sử gia tên tuổi lấy lòng chẳng kém gì ngôi sao nhạc rock. Thật là nghịch hợp, nhưng đúng như vậy. Ông viết một cuốn sách về cách mạng Pháp thuộc hàng siêu phẩm. Nó giành hết phần lớn các giải thưởng. Kênh BBC làm cả một xêri phim dựa theo những gì cuốn sách viết. Đạo diễn Lý An thì đang làm phim điện ảnh.

Bác G và cha tôi gặp nhau ở Stanford khi họ là nghiên cứu sinh. Tên thật của bác là Guillaume Lenôtre, nhưng bố gọi bác là G vì lần đầu tiên họ gặp nhau, bố gọi bác là Gwillomay. Rồi Geeyoom. Và rồi bác G rút ngắn tên mình lại chỉ còn chữ cái đầu tiên.

Bác G nói tiếng Pháp với chúng tôi. Ở đây cha tôi và tôi nói tiếng Pháp. Tôi học tiếng Pháp khi còn nhỏ. Cha tôi vẫn đang học.

“Ồi giời ời! Ai thế này...” Mắt bác G nhìn xuống chiếc áo jacket da, đồng kim loại và tóc tôi. Giọng vui vẻ của ông xịu đi. “...cô gái Visigoth quá đã này? Andi bé bỏng của bác đây ư? Lớn tướng và trang bị sẵn sàng để chiến đấu với lính Roma.”

“Và cần cấu bất kỳ ai,” cha tôi nói.

“Vào đi! Vào đi!” bác G nói. “Lili đang đợi hai người.”

Ông dẫn chúng tôi qua cửa, khóa lại rồi đưa chúng tôi vào sân trong dải ánh sáng mờ mờ đầy những thứ phế thải kiến trúc - cột đá hoa cương, đèn đường, vòi phun nước, máng ăn cho xe ngựa, hàng chục bức tượng không đầu.

“Bố có chắc đúng địa chỉ này không thế?” Tôi đã hỏi bố khi xe dừng lại bên ngoài nhà. Người ta chở chúng tôi tới quận St. Antoine, ở rìa phía Đông thành phố, một nơi chả ai biết là đâu. Tôi nhìn ra ngoài cửa xe và tất cả những gì tôi thấy là hai cái cửa sắt khổng lồ bên sườn bức tường đá cao chất ngất. Trên đó phủ đầy những tranh vẽ grafiti và những bức poster rách nát quảng cáo các chương trình đua xe và câu lạc bộ thoát y vũ. Nơi này trông như bị bỏ hoang. Phía bên kia đường có một cửa hàng bán mỹ phẩm dưỡng da, một quán cà phê Hy Lạp tồi tàn, và một nơi sản xuất ống dẫn nhiệt. Hết.

“Số 18 Rue Saint-Jean. Bố chắc chắn là đây,” bố nói khi ông trả tiền cho tài xế. “Bác G bảo bố nó là một nhà máy đồ nội thất cũ. Bác bảo mới mua chỗ này vài tháng trước.”

Bố tìm được cái nút bấm chuông bạc phếch treo lơ lửng trên dây và nhấn vào, vài phút sau bác G mở cái cửa nhỏ xíu trên một cái cửa sắt khổng lồ và hôn hai bố con tôi trên đường.

“Trông nơi này như chỗ tận cùng thế giới vậy,” lúc này bố nói. “Như thể là phim trường cho một bộ phim ngày tận thế.”

"Nơi này là tận cùng thế giới, bạn của tôi ạ! Thế giới thế kỷ mười tám. Lối này!" Bác G nói, dẫn chúng tôi vào trong một tòa nhà cao bằng đá. "Đi thẳng lên cầu thang. Nào, nào, nào!"

Ông tắt đèn đi trước. Tầng trệt là một căn phòng rộng thênh thang, đầy những hộp vớ rọ. Một con đường hẹp chạy ở giữa. Tôi phải cẩn thận để không va phải thứ gì trên đường đi.

"Chỗ này vẫn chưa sắp xếp gì," bác G nói, vỗ vào một cái thùng. "Tầng hai thì ngăn nắp hơn," ông nói thêm.

"Tất cả những thứ này là cái gì thế?" bố hỏi.

"Những khúc xương của Paris ngày xưa, bạn của tôi ạ! Những bóng ma của Cách mạng!"

Bố dừng sững lại. "Cậu đang đùa tôi đấy hả. Tất cả chỗ này là của cậu? Tôi tưởng cậu chỉ có vài hộp đồ thôi."

Bác G cũng dừng lại. "Tôi có mười bốn phòng đựng đồ, tất cả đều chất đầy tận nóc, và nơi này mới được rao bán một năm trước và ngay lập tức tôi biết nó sẽ là chỗ hoàn hảo. Vì thế tôi mua và chuyển toàn bộ bộ sưu tập về đây. Giờ tôi có nhà tài trợ rồi, cậu biết rồi đấy. Sáu công ty Pháp và hai công ty Mỹ. Hai năm - nhiều nhất là ba - và bọn tôi sẽ khởi công."

"Làm cái gì?" tôi hỏi, tự hỏi không biết bác định làm gì với tất cả cái đồ này.

"Làm bảo tàng, cháu gái của bác ạ! Một viện bảo tàng về Cách mạng. Ở đây trong cái nhà máy cũ này."

"Ở đây á?" bố tôi nghi ngờ nói, nhìn chỗ cửa sổ nứt toác, những thanh gỗ mục ruỗng.

"Thì dĩ nhiên rồi. Còn ở đâu được nữa?"

"Có lẽ là trung tâm Paris chẳng? Nơi có khách du lịch ấy?" Tôi gợi ý.

"Không, không, không! Nó phải ở đây, St. Antoine!" bác G nói. "Đây là khu phố của công nhân, ngay trung tâm của cách mạng. Từ đây những cơn giận dữ, máu và sức lực đã thúc đẩy cuộc tranh đấu. Danton tranh cãi là ở Hội đồng. Desmoulins thì gào lên bảo Cung điện Hoàng gia. Nhưng khi các nhà chính trị cần một việc được thực hiện, thì họ kêu gọi ai? Kêu gọi những cơn thịnh nộ ở St. Antoine! Các công nhân nhà máy, những người bán thịt, các bà bán cá và thợ giặt. Những con người nghèo đói tức giận khổ sở. Và vì vậy bảo tàng phải ở đây. Nơi đây, nơi những con người đó sống, tranh đấu, và chết."

Đây là cách bác G nói chuyện. Lúc nào cũng vậy. Ngay cả khi bác không quay phim cho BBC.

Bố đẩy bác qua một bên để nhìn rõ hơn một thứ ở sau lưng bác. "Đây có phải là thứ mà tôi nghĩ không thể?" ông nói, lật rìa tấm vải dầu lên.

"Nếu cậu nghĩ nó là chiếc máy chém thì đúng rồi đấy," bác G nói, quăng tấm vải dầu ra sau. "Nó được tìm thấy vài năm trước trong một kho chứa đồ cũ. Tớ phải may mắn lắm mới mua được nó đấy. Chỉ còn lại vài cái từ thế kỷ mười tám. Nhìn xem thiết kế tiện lợi thế nào này - một chút gỗ, một lưỡi dao bén, thế thôi. Hồi chế độ cũ, quý tộc bị kết tội chết là bị chém đầu. Thường dân thì treo cổ - đau đớn hơn nhiều. Những người làm cách mạng mong muốn sự công bằng ở tất cả mọi chuyện - ngay cả trong cái chết. An mày, thợ rèn, hầu tước - dù địa vị thế nào, tất cả kẻ thù của nền cộng hòa đều gặp một kết cục như nhau. Cái này được coi là nhanh và nhân đạo. Nhìn riêng cái này thôi là thấy có vẻ như nó đã được sử dụng khá nhiều. Cậu thấy không?"

Bác chỉ ra phía trước cỗ máy. Thanh gỗ bên dưới nơi đặt đầu nạn nhân bị chặt có màu nâu rỉ sét. Nhìn nó, tôi tự hỏi liệu những người bị cái máy này chặt đầu có coi cái chết của họ là nhanh chóng và nhân đạo không.

“Ở đỉnh cao cách mạng, hàng trăm người đã bị chém chỉ ở Paris thôi,” bác nói. “Nhiều người chỉ bị buộc tội mà không có được một phiên tòa tử tế. Máu chảy thành dòng. Chính xác là như vậy đấy. Việc xử tử là một cảnh tượng hoành tráng. Những người đến xem tìm những chỗ để nhìn thấy rõ nhất, và...”

“Guillaume!” một giọng gọi lên từ chỗ nào đó bên trên chúng tôi. “Thôi giảng bài mà đưa khách lên lầu đi. Họ mệt và đói rồi!”

Đó là Lili, vợ của bác G. Tôi nhận ra giọng cô.

“Lên ngay đây, tình yêu của anh!” Bác G hét đáp lại.

Chúng tôi đi lên tầng hai. Bác G mở các thứ trong thùng và hộp khi chúng tôi đi qua. Bác chỉ cho chúng tôi cờ cách mạng, một biểu ngữ lớn có dòng Nhân quyền in trên đó, và một huy hiệu hình hoa hồng đỏ, bị xuyên qua và có máu nhỏ, ở ngay chính giữa.

“Cái này có từ hồi thế kỷ mười lăm,” ông nói. Nó là huy hiệu của bá tước xứ Auvergne. Nó treo trong lầu đài của gia đình cho tới khi Cách mạng bùng nổ, khi vị bá tước cuối cùng và vợ của ông bị đưa lên máy chém vì đã bảo vệ đức vua. “Từ máu hoa hồng, lili mọc lên,” tiếng Latinh nói vậy. Cậu thấy không? Bông hoa hồng này nhỏ máu của nó lên hoa ly trắng, biểu tượng của nhà vua nước Pháp. Những bá tước hùng mạnh xứ Auvergne luôn trung thành với nhà vua, chiến đấu vì họ, và đôi khi bỏ mạng vì họ.”

Chúng tôi đã đi qua tầng ba - là studio của cô Lili - đến tầng bốn, nồng nặc mùi tỏi, gà, và củi cháy. Cô Lili đứng đợi chúng tôi ở chiếu nghỉ. Cô hôn chúng tôi, và khi bố tôi và bác G vào trong, cô lại hôn tôi và ôm tôi thật chặt. Tôi ôm cô. Cô mặc hai chiếc áo len nhàu nhĩ. Mái tóc đen của cô xám đi vì bụi đá hoa cương. Cô đưa chúng tôi vào nhà - một căn phòng lớn ở tầng trên cùng của nhà máy cũ.

“Cô rất vui khi bố Lewis của cháu gọi báo là cháu sẽ đi cùng!” cô nói. “Bố cháu bảo cháu sẽ làm một công trình nghiên cứu khi ở đây. Thích nhỉ!”

“Vâng. Thích lắm ạ,” tôi nói dối.

Cô hỏi thăm mẹ tôi, và khi tôi kể chuyện xảy ra, mắt cô ngấn nước. Họ là bạn cùng phòng hồi còn học ở Sorbonne, cô Lili và mẹ tôi. Cô đưa mẹ tôi tới một bữa tiệc tại căn hộ của bác G. Cha tôi cũng ở đó. Bố mẹ tôi gặp nhau như thế. Tôi biết cô Lili và bác G từ khi còn đỏ hỏn.

“Ôi, Marianne khốn khổ tội nghiệp,” cô nói. Cô dùng tay áo lau mắt và lại ôm tôi. Người cô đầy mùi thức ăn và nước hoa. Hadrien. Mẹ tôi cũng dùng loại nước hoa này. Bà cũng thường nấu nướng, như cô Lili. Nhà tôi từng có mùi tỏi và húng tây, thay vì nổi buồn. Cô Lili hỏi tôi thế nào và tôi bảo cô tôi khỏe. Cô ôm mặt tôi bằng đôi bàn tay nhà điêu khắc mạnh mẽ của mình và nói, “Cháu thực sự thế nào?”

“Cháu ổn mà, cô Lili. Thật đấy,” tôi lại nói, cố nặn ra một nụ cười. Tôi không muốn khơi ra chuyện. Tôi không muốn khóc lóc ở nhà cô. Chuyển đi đã khiến tôi mệt mỏi và mù mẫm và tôi muốn cứ để yên như thế. Như thế dễ dàng hơn. Tôi hỏi cô để áo khoác ở đâu. Cô bảo là tôi cứ mặc áo. Lò sưởi điện thì thất thường mà lò sưởi thường cũng chả ấm gì mấy.

Cô bảo còn một tiếng nữa mới tới bữa tối, rồi đưa cho tôi một cái khay có ly và một chai rượu. Tôi lại chỗ bố và bác G, hai người đang ngồi cách cái bếp mấy mét tại một bàn gỗ dài. Tôi rót rượu cho họ nhưng họ mãi xem giấy tờ và ảnh iếc không buồn nhìn lên.

“Quý chỉ cho phép chúng ta một mẫu nhỏ xíu để xét nghiệm,” bác G nói với bố tôi. “Chỉ một chút xíu thôi. Tổng cộng khoảng một gram.”

“Một gram cho ba phòng thí nghiệm á?” bố tôi hỏi, trông quan ngại. “Brinkmann và Cassiman đồng ý với việc này chứ?”

“Họ buộc phải đồng ý. Nhận được thể nào thì làm thể đó thôi. Không nhiều hơn.”

Bố không kể cho tôi nhiều lắm về công việc ông đang làm. Chỉ biết là bác G có liên quan tới tổ chức Sử học gì đó và ông gọi bố tới Paris để làm vài xét nghiệm DNA cho họ. Nếu bạn hỏi tôi thì chuyện này như kiểu dùng dao mổ trâu để giết ruồi. Như thể yêu cầu Stephen Hawking giải thích một cái ròng rọc hoạt động như thế nào.

Bác G và bố tiếp tục nói chuyện công việc, vì vậy tôi đi quanh xem căn phòng. Khi nhìn quanh, tôi thấy phải cẩn thận đi lại giữa đồng thùng với hộp, khỉ nhồi bông, manơcanh, một bộ sưu tập súng hỏa mai dựng thẳng đứng trong một cái thùng cũ, và một cái mặt đồng hồ khổng lồ. Tôi nhìn thấy một vòng hoa làm bằng tóc, những biển hiệu cửa hàng, nhãn cầu bằng thủy tinh, và một hộp bằng các tông được buộc bằng một sợi ruy băng. Những lá thư cuối cùng của tử tù, 1973 được viết trên hộp bằng kiểu chữ ngày xưa. Tôi mở hộp và cẩn thận lấy một lá thư ra. Giấy mỏng tang. Chữ viết tay rất khó đọc. Tiếng Pháp cổ cũng rất khó hiểu.

Xin vĩnh biệt, vợ và các con. Xin hãy yêu thương các con tôi, nói với chúng tôi từng là người như thế nào, hãy yêu chúng họ cả tôi nữa... Đòi tôi kết thúc vào ngày hôm nay...

Tôi nhặt một lá khác lên: Chiếc ga trải cuối cùng thì bẩn thỉu, tất bốc mùi, quần mòn xơ cả sợi vải. Anh chết vì đói và buồn chán... Anh sẽ không viết cho em nữa, thế giới thật bỉ ổi. Vĩnh biệt!

Và lá thứ ba: Cha không biết, người bạn nhỏ của cha ạ, liệu cha có được gặp con hay viết cho con nữa hay không. Hãy nhớ mẹ của con... Vĩnh biệt, con yêu dấu... Rồi sẽ đến lúc con đủ lớn để hiểu được cha đã phải cố gắng đến mức nào vào lúc này để không khóc òa lên khi nhớ đến con. Cha mãi mãi thương nhớ con. Vĩnh biệt...

Chúa ơi, tôi thật là một kẻ vô công rồi nghề. Tôi không thể đọc thêm nữa, vì vậy tôi bỏ thư xuống, đóng hộp lại, và tiếp tục dò dẫm xung quanh. Có một cái máy chém đồ chơi ở trên sàn, đầy đủ dao phủ, nạn nhân, và cái đầu làm bằng giấy bồi của nạn nhân kinh hoàng nhìn lên từ một cái rọ bằng liễu đan nhỏ xíu. Một đôi giày lụa màu xanh có đính hạt cườm nằm trên một cái giá. Những biểu ngữ đỏ, trắng, và xanh, đã phai màu và rách nát, chằng trên tường. Trên đó có các dòng chữ Tự do, Bình đẳng, Bác ái, và Nền cộng hòa muôn năm. Đàn ông và phụ nữ với mái tóc rắc phấn nhìn tôi từ trong những bức tranh mạ vàng. Có một bức tranh vẽ cảnh xử tử vua Louis XVI và một hình hoạt họa trông rất kinh khủng vẽ một người treo cổ trên một cái đèn đường, chân ông ta đá vào không khí. Kẻ phản bội Nhảy điệu Carmagnole, dòng chữ viết hoa đề. Những cuốn sách cũ chất thành chồng trên bàn ghế. Một cái xương sọ nhe răng cười từ trên nóc tủ búp phê.

Những vật này không im lặng. Chúng chọn rộn. Nhìn chúng thôi mà tôi có thể thấy những bà bán cá của Paris đang kéo tới cung điện Versailles, ca hát, nhổ nước bọt và gào thét đòi bánh mì. Tôi có thể nghe thấy tiếng đám đông hò reo cổ vũ khi vua bị xử tử và máu nhỏ xuống từ cổ ông ta. Tôi vọt lên và chạm vào mép một tờ biểu ngữ đã rách tơi tả và ước gì giá mình đừng có làm thế. Nó khô khốc và đầy bụi, như tro tàn và những cái xương cũ. Có cảm giác như nó dễ truyền nhiễm.

Tôi muốn tránh xa những thứ này nhưng không thể; chúng ở khắp mọi nơi. Tôi quay lại bàn, vấp phải cái gì đó, và ngã vào một cái thùng, đầu gối đập xuống. Không ai để ý. Cô Lili đang nấu ăn. Bố và bác G thì vẫn bàn bạc công việc và không để ý gì dù cho trần nhà có sập xuống đi nữa. Tôi lồm cồm đứng dậy, xoa xoa đầu gối, và rồi tôi thấy thứ tôi đã vấp phải - một cái thùng gỗ dài - loại đựng đàn guitar.

Trên mặt thùng có những hoa văn hình xoáy ốc, hình những chiếc lá và dây leo, nhưng nhiều miếng chạm khắc không còn nữa, chiếc thùng ố bẩn và xỉn màu. Một sợi dây da buộc quanh nó. Tôi cúi xuống bằng bên đầu gối không bị đau và thấy rằng cái hộp không đóng kín. Cây gậy chống hộp đàn bị kẹt ở cuối thùng.

Tôi tháo sợi dây da, mở nắp hộp ra, và há hốc mồm vì đột nhiên nhìn thấy chiếc đàn guitar đẹp nhất trên đời. Nó làm bằng gỗ hồng sắc và gỗ vân sam với cổ đàn bằng gỗ mun. Hình hoa hồng và hoa văn trang trí bên rìa được chạm trổ bằng bạc, ngà voi, và xà cừ.

Tôi khẽ chạm vào nó. Lướt ngón tay trên bề mặt gỗ. Vuốt mép ngoài. Tôi búng sợi dây và hai sợi đứt.

“Ồ! Cháu đã tìm thấy cây đàn!” bác G nói, nhìn lên từ đồng giấy tờ.

“Cháu... thành thực xin lỗi, bác G,” tôi lúng búng. “Lẽ ra cháu không nên chạm vào nó.”

“Vớ vẩn! Nó rất tuyệt phải không nào?” bác vừa nói vừa tiến lại chỗ tôi. “Nó là một cây Vinaccia. Cháu có nhìn thấy cái tên trong hộp không? Nó được làm ở Ý hồi cuối những năm 1700. Cực kỳ hiếm. Mà cũng rất đắt. Cái khóa bằng bạc. Tiếc là nó bị kẹt rồi. Có lẽ là bụi biếc gì đó chui vào bên trong. Vua Louis XVI sở hữu một chiếc đàn thế này đấy. Có tranh vẽ ông ấy cầm đàn.

“Bác mua cái đàn này ở đâu ạ?”

“Bác mua nó ba mươi năm trước từ một gã tìm thấy nó trong hầm mộ. Một công nhân. Có một đường hầm bị sập. Sự việc này gây ra rất nhiều tổn thất. Những người đi xuống đó dọn dẹp đồng đồ nát thì phát hiện ra một cái buồng nhỏ. Lối vào đã bị giấu đi từ lâu - thực ra là bị rất nhiều lớp xương chặn kín. Một người trong số họ tìm thấy cây đàn guitar nằm bên dưới mấy bộ xương. Những bộ xương không đầu. Đó là dấu hiệu của cuộc khủng bố thảm sát. Mọi người nghĩ là cái đàn đã bị phá hủy - nằm dưới mặt đất hơn hai thế kỷ - nhưng không. Có lẽ không khí lạnh đã bảo tồn nó. Bác đã trả một ngàn franc để mua nó. Lúc đó là một khoản tiền lớn nhưng so với giá trị cây đàn thì không là gì. Chơi thử đi, Andi.”

Tôi lắc đầu, sợ cả cây đàn sẽ vỡ vụn ra thành cám nếu tôi lại chạm vào nó.

“Không được, bác G. Nó mỏng manh quá. Nó cần phải được tái tạo đã. Nó cần có một chuyên gia để...”

“Nào, chơi đi,” bác nói.

Bác muốn giúp tôi. Tôi biết vậy. Có lẽ bác nghĩ cây đàn sẽ là một dạng liệu pháp chữa bệnh. Nhưng tôi không giỏi tiếp nhận sự giúp đỡ lắm.

“Được rồi,” tôi nói với bác. “Ý cháu là cháu có mang theo đàn. Cháu không cần cây này.”

Bác G tiến lại, nhắc cây đàn ra khỏi hộp, và đưa cho tôi. “Có lẽ nó cần cháu,” ông nói.

Tôi chưa sẵn sàng cho chuyện đó. Nó khiến tôi bất ngờ. Thông thường thì hầu như không ai hay bất cứ thứ gì cần đến tôi.

“Vâng. Ừm... Được ạ,” tôi nói.

Tôi đặt lại cây guitar vào trong hộp, lấy túi của mình, rồi vội vã quay lại, như thể Gollum với chiếc nhẫn “Precious” của mình, sợ bác G đột ngột tỉnh ra mà lấy lại đàn. Nhưng bác và bố tôi lại mãi mê công việc. Tôi lấy ra bộ dây dự phòng, và một cái Ziploc đầy những thứ đồ cho guitar - chất bôi trơn dây, chổi quét bụi, dầu nhờn, dụng cụ lên dây, sáp, vải đánh bóng. Rồi tôi bận rộn với cây đàn. Những cái chốt cứng đơ. Phím đàn thì đầy bụi bẩn. Gỗ xám xịt.

Cô Lili mang tới một chai rượu nữa. Cô biến mất lại vào trong bếp. Đến lúc cô mang đĩa và dao đĩa ra - một tiếng sau - cây đàn guitar đã được bôi sáp, đánh bóng và căng lại dây. Tôi lên dây đàn và khi tôi xong việc, bác G bảo: “Chơi một bản cho mọi người nghe nào.”

Tôi nhìn bác, vẫn ngại ngùng.

“Nó vẫn nguyên vẹn qua một cuộc Cách mạng. Nó sẽ nguyên vẹn dưới đôi tay cháu,” bác nói.

Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu. Tạo ra âm nhạc từ một nhạc cụ như chiếc đàn này có cảm giác như đang ở bên một chàng trai cực kỳ hấp dẫn, và đột nhiên bạn phải hôn lên khắp người chàng. Tôi hít vào một hơi và bắt đầu bản sonata Scarlatti. Rồi tới bài “Come As You Are.” Tôi tiếp tục chơi Rameau. Rồi Bach. Rồi vài điệu của Gomez. Và tôi dừng lại vì người tôi mồ hôi mồ kê nhễ nhại và thở không ra hơi, tiếng vỗ tay làm tôi giật mình. Bởi vì tôi quên mất. Quên mất họ đang ở đây. Quên mất tôi đang ở đây.

“Hoan hô!” Cô Lili hét lên.

“Chơi thêm đi! Chơi thêm đi!” bác G nói, vỗ tay như một gã điên.

Bố cũng đang vỗ tay. Hai tay giang rộng ra mà vỗ. Như thể ai đó bắt ông phải vỗ. Tôi cho đàn vào lại thùng và đến bàn ngồi cùng họ.

“Cháu có tài năng kiệt xuất đấy,” cô Lili nói. “Tốt nghiệp xong thì cháu tiếp tục học ở đâu?”

“Vâng... Cháu đã xem trường Julliard và Manhattan School,” tôi nói.

Bác G đập tay. “Quên New York đi. Tới Paris. Tới nhạc viện.”

Tôi nhìn bố, ông đang nhìn vào ly rượu. “Vâng... có thể,” tôi nói. “Cháu chưa có kế hoạch rõ ràng ạ.”

Cô Lili rót thêm rượu. “Guillaume, món gà sẽ xong ngay đây. Anh dọn dẹp mấy thứ đó hộ em cái,” cô nói, hất đầu về đồng giấy tờ ảnh iếc.

“Cháu sẽ dọn ạ,” tôi nói. Tôi bắt đầu thu dọn đồng giấy, nhưng rồi nhìn thấy một tấm ảnh. Tôi cầm nó lên. Trong ảnh là một chiếc lọ thủy tinh cổ, có hình như quả trứng, hình mặt trời và một chữ L ở cạnh. Bên trong lọ có gì đó. Một thứ vừa đen vừa nhỏ. Tôi không thể rời mắt khỏi nó. “Cái gì thế ạ?” tôi hỏi.

Bác G nhìn thứ tôi đang cầm. “Một cảnh tượng cảm động, phải không?” ông nói. “Không dễ gì được nhìn thấy trái tim của nhà vua đâu.”

Chắc là tôi nghe nhầm. Không thể nào.

Trái tim nhà vua ư? Tim vua thường rất to. Những trái tim vĩ đại. Nếu không thế thì làm sao họ chiến đấu và tiến hành các cuộc thập tự chinh được? Nhưng trái tim này trông không hề lớn. Nó nhỏ và buồn thảm.

“Chúng ta không biết nó có phải là tim vua không, G ạ,” bố nói. “Nếu biết rồi thì tôi đã không ở đây. Về mặt vật chất thì ta biết nó là tim người. Theo như kích cỡ thì nó là tim một đứa trẻ. Đó là tất cả những gì chúng ta biết.”

“Không phải chỉ là một đứa trẻ,” bác G nói. “Nó là tim của hoàng thái tử Louis-Charles, con trai của vua Louis XVI và hoàng hậu Marie Antoinette. Đức vua bị mất tích của nước Pháp.”

“Đó là cậu nghĩ thế,” bố nói.

“Tôi biết từ trong xương mình,” bác G nói.

“Xương cậu chả ý nghĩa gì cả. Nhưng xương bà mẹ thì có, nếu chúng ta có thể lấy được chúng,” bố nói.

“Nếu?” tôi nói. “Không thể lấy được ư?”

Bác G lắc đầu. “Không được. Sau khi bị xử tử, phần cơ thể còn lại của hoàng hậu Marie Antoinette bị quăng vào một ngôi mộ thông thường. Một người hầu sau đó đã đào ra được một thứ mà bà ta nghĩ có thể là xương chân của hoàng hậu. Chúng nằm trong một quan tài ở St. Denis, nhưng” - bác G nhún vai - “ai mà biết được chứ.”

“Vậy mọi người sẽ dùng cái gì?” tôi hỏi.

“Vài năm trước, tóc của hoàng hậu Marie Antoinette đã được đem xét nghiệm. Kết quả tốt và rõ ràng, vì vậy ta có thể dùng chúng.”

“Guillaume, ly của Lewis hết rồi kia. Rót thêm rượu cho anh ấy đi,” Lili nói, đặt một ổ bánh mì lên bàn.

Bác G rót rượu cho mình và cho bố tôi. Ông mời tôi một ly nhưng tôi lắc đầu từ chối.

“Quả tim đến từ đâu?” tôi hỏi bác, vẫn nhìn vào tấm ảnh. “Ý cháu là sao nó lại nằm trong cái bình này?”

Bác G nhìn cha tôi. “Cậu chưa kể cho con bé à?”

“Tôi vừa kể xong còn gì. Tôi cho nó các thông tin cơ bản. Những thứ chúng ta biết là sự thật.”

“Cái gì thế ạ? Đó là một quả tim?”

“Đúng.”

“Lewis, Lewis, Lewis,” bác G thở dài. “Nào, đến đây ngồi Andi,” bác nói, kéo một chiếc ghế ra cạnh mình. “Câu chuyện rất hấp dẫn. Bác sẽ kể cho cháu.”

“G, tôi không nghĩ là Andi muốn biết...” cha tôi bắt đầu nói.

“Có, con muốn biết,” tôi nói, khó chịu vì ông nói thay ý kiến của tôi.

Ông ném cho tôi một cái nhìn đau đớn, rồi gật đầu.

“Được thôi,” ông nói. “Nhưng đừng có kể chuyện, G ạ. Hãy cho con bé biết sự thật. Bối cảnh chung quanh và tin đồn là không liên quan.”

Bác G ngả người ra ghế. “Vậy công việc của tôi và Aulard, Lefebvre, Schama, và Carlyle, và vô số các sử gia khác... đều là chuyện kể hết à?” bác nóng nảy nói. “Những lời kể lại của người đương thời? Những thư từ và lời khai, và những ghi chép trong tù? Không là gì ngoài bối cảnh và tin đồn ư?”

Cha tôi cầm lấy những bức ảnh từ tay tôi. Ông đẩy chúng ra xa tít tận cuối bàn. “Trái tim một con người không được tạo ra từ những câu chuyện,” ông nói.

“Trái tim nào cũng được tạo ra từ những câu chuyện,” bác G nói.

“Một trái tim được làm từ protein tạo ra bởi axit amin, hoạt động bởi các khớp thần kinh điện.”

Bác G cười khì. “Cô bạn gái Minna trẻ trung xinh xắn của cậu - cậu yêu cô ta bằng cả trái tim mình, hay một sự kết hợp ngẫu nhiên nào đó của các axit amin?”

Bố đỏ mặt. Ông nổi giận. Bởi vì cô bạn gái mới xinh xắn - và có thai - của ông hai mươi lăm tuổi. “Chẳng có gì là ngẫu nhiên về axit amin cả,” ông gắt gỏng, “còn tình yêu - và bất kỳ cảm xúc nào khác - dù chúng ta có muốn tụng ca nó đến mức nào, thuần túy chỉ là một chuỗi những dấu hiệu hóa học.”

Bác G phá lên cười. Ông hích vai tôi. “Đây chính là lý do vì sao bác tuyển bố cháu!” ông nói. “Vì bố cháu là người không có chút ảo tưởng nào. Bố cháu chính xác, công bằng và thế giới biết điều đó.”

“Vớ va vớ vẩn, Guillaume,” cô Lili nói, đặt một đĩa thịt hầm xuống bàn. “Anh tuyển anh ấy vì anh ấy là nhà khoa học nổi tiếng đoạt giải Nobel và tất cả báo chí sẽ đăng ảnh của anh ấy và không có gì anh yêu thích hơn là được công chúng chú ý.”

“Anh cần được công chúng chú ý, em yêu ạ. Cả một sự khác biệt đấy.”

“Còn em cần phải dọn bữa tối ra bàn. Anh đủ hào hiệp giúp em chứ?” Lili nói. Giọng cô lộ vẻ khó chịu.

“Anh sẽ giúp em,” bố nói, theo cô vào bếp.

“Thật hả bác G? Bố cháu tham gia vào việc này là để giành sự chú ý của truyền thông ạ?” tôi hỏi.

Nghe có vẻ không giống bố tôi cho lắm. Ông nổi tiếng nhưng ông không quan tâm chuyện đó.

Tất cả những gì quan trọng với ông, tất cả những gì từng có ý nghĩa với ông, là công việc.

“Phải, đúng thế,” bác G nói. “Nhưng đây là bác cần sự chú ý, không phải bố cháu. Bảo tàng sẽ có cả một cuộc triển lãm về câu chuyện đằng sau trái tim và quá trình xét nghiệm nó. Bố cháu biết cái bảo tàng này có ý nghĩa như thế nào với bác. Đó là lý do vì sao ông ấy đồng ý cho bác mượn tên ông ấy vào dự án này. Một khi ông ấy tham gia, đảm bảo chúng ta thu được sự quan tâm khổng lồ. Từ báo chí, truyền hình, và cả internet. Và sự quan tâm đem lại tiền.”

“Vậy câu chuyện đó như thế nào? Bác vẫn chưa kể cho cháu.”

“Ừ bác chưa kể,” bác G nói. “Điều cháu phải hiểu về Cách mạng Pháp, Andi ạ, là thế này: mặc dù nó đủ mạnh để lật đổ nền quân chủ tồn tại hàng trăm năm, nó cũng cực kỳ yếu ớt. Luôn trong tình trạng bị tấn công. Và những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn, những kẻ nhiệt thành tin rằng loài người xứng đáng được hưởng một thứ tốt hơn sự ngạo ngược của các ông vua, cố bảo vệ nó, thường là khá tàn nhẫn.”

“Ừm, bác G?” tôi cắt ngang. “Ý cháu là câu chuyện về trái tim. Còn chuyện lịch sử đó thì cháu biết khá rõ rồi.”

Bác G nhướn mày lên. “Thật à?”

“Vâng. Cháu học về Cách mạng Pháp ở trường. Và cách mạng Mỹ, Nga, Trung Quốc, Campuchia, và Cuba. Cách mạng luôn là chủ đề được yêu thích tại trường St. Anselm. Ý cháu là, ngay cả bọn trẻ chưa đến tuổi đi học cũng đội mũ của Che.”

Bác G phá lên cười. “Vậy thì nói cho bác nghe,” ông nói, “cháu biết gì nào?”

“À ừ... Nước Pháp phá sản, công nhân đói khát, quý tộc nổi điên, vân vân và vân vân. Vì vậy ba giai cấp, đại diện cho thường dân, giáo sĩ, và quý tộc liên minh với nhau, tự gọi mình là Liên hiệp Quốc gia, và lật đổ vua. Các nước Áo, Anh, và Tây Ban Nha không thích chuyện đó nên họ tấn công Pháp. Vài người Pháp cũng không ưa chuyện đó, thế là nội chiến diễn ra. Maximilien Robespierre lợi dụng hỗn loạn mà củng cố quyền lực. Rồi ông ta khuấy động thời kỳ Thống trị khủng bố và chém đầu các kẻ thù của mình, tức là gần như tất cả mọi người, bao gồm cả những nhà cách mạng ôn hòa hơn - như Georges Danton và Camille Desmoulins - những người này cố ngăn cản ông ta. Khi số người còn lại trong Liên hiệp cuối cùng cũng hiểu ra rằng ông ta là một tên thần kinh, họ chém đầu ông ta. Một chính phủ mới được lập lên, Hội Đồng Chấp Chính, nhưng nó không tồn tại được lâu. Napoleon Bonaparte đã tóm lấy quyền lực và tự xưng mình là hoàng đế. Và rồi kiểu như nước Pháp trở lại từ đầu. Vậy đấy. Nói tóm lại là vậy.”

“Nói tóm lại?” bác G cau mày nói. “Tóm lại? Đây là Cách mạng Pháp cháu ơi! Làm gì có cái gọi là tóm lại!”

Bác G ghét chuyện đi đường tắt. Bác ghét các thứ tổng kết, phát biểu ngắn gọn, những khoảng chú ý ngắn ngủi và đổ tất cả cho nước Mỹ. Cuốn sách về cách mạng của ông dài 1100 trang.

“Thôi nào bác G, kể cho cháu nghe về trái tim đi,” tôi nói. Chuyện quả tim nhỏ xíu nằm trong cái bình thủy tinh kia thật quá phi lý. Tôi muốn biết vì sao nó lại nằm trong đó.

“Được rồi,” bác thở dài. “Chúng ta tiếp tục câu chuyện vào năm 1793. Nền quân chủ sụp đổ. Chiến tranh nổ ra. Nước Pháp tuyên bố nền cộng hòa và gia đình hoàng tộc bị tống vào tù ở Paris, trong một pháo đài bằng đá cổ tên là Temple. Đức vua bị quy tội chống lại nền cộng hòa và bị chém đầu. Chẳng bao lâu sau hoàng hậu cũng đi theo ông. Sau cái chết của họ, con trai họ là hoàng thái tử Louis-Charles bị giam giữ trong Temple. Cậu là một đứa trẻ mới tám tuổi đầu, nhưng là người kế vị ngôi vua, là một mối hiểm nguy ghê gớm cho Cách mạng. Có những kẻ

muốn giải thoát cho cậu bé và nhân danh cậu mà cai trị. Để ngăn chặn việc cậu trốn thoát, Robespierre đã giam lỏng cậu một cách cẩn mật. Cậu được giam tách biệt tại một tòa tháp cao ngất và lạnh lẽo, có rất ít người lui tới. Ở đây không có lò sưởi để sưởi ấm và chỉ có giẻ rách làm quần áo. Cậu cô độc và sợ hãi. Cậu dần yếu đi và ốm đau. Cuối cùng, cậu phát điên.”

“Nhưng đó là... hành hạ trẻ em. Sao mọi người có thể để chuyện đó xảy ra?” tôi hỏi ông. “Cậu ấy chỉ là một đứa trẻ. Sao mọi người không tập hợp biểu tình? Hay là vận động hành lang để đóng cửa cái nơi đó lại? Như Gitmo ấy.”

“Tập hợp biểu tình? Vận động hành lang?” Bác G cười khúc khích nói. “Dưới thời Robespierre? Ôi, cô cháu người Mỹ bé bỏng của bác, cháu phải nhớ rằng nước Pháp lúc đó tự gọi nó là một nước cộng hòa nhưng thực chất là một nền độc tài và những kẻ độc tài không tiếp thu phê phán tốt cho lắm. Tên Robespierre ranh ma đảm bảo để rất ít người biết được chuyện gì đang xảy ra với Louis-Charles. Tuy vậy, đến năm 1795... hươm đã, bác có một bức tranh của cậu bé ở đây... một bức chân dung. Nó biến me đi đâu rồi nhỉ?” Bác với lấy chồng ảnh đen trắng, và bắt đầu tìm. “Bác đang nói đến đâu ấy nhỉ?” ông nói.

“Bác đang bảo là rất ít người biết chuyện gì đang xảy ra với Louis-Charles,” tôi nói.

“Phải rồi. Sự nghèo khổ và thiếu thốn lương thực cuối cùng cũng gây ra tác động. Tháng Sáu năm 1795, ở tuổi lên mười, Louis-Charles chết. Đây chính là điều mà Robespierre, và rồi những kẻ nối nghiệp của lão ta, muốn. Lão ta không thể sai giết chết đứa trẻ vì như thế sẽ quá man rợ - ngay cả lão ta cũng thấy thế. Nhưng lão cũng không thể để cho nó sống. Nguyên nhân cái chết được tuyên bố chính thức là do bệnh lao xương. Khám nghiệm tử thi được tiến hành và khi thi thể được mở ra, Pelletan - một trong số các bác sĩ, đã đánh cắp trái tim đứa trẻ. Ông ta dùng khăn mùi xoa bọc lại và lén đem nó ra khỏi tù và... A! Đây rồi.”

Bác G lấy ra một bức ảnh từ chồng ảnh và đưa cho tôi. “Nó đây - hoàng thái tử Louis-Charles. Bức chân dung này được vẽ khi cậu bé tám tuổi. Khi cậu và gia đình bị cầm tù ở Temple. Cháu nhìn ra được chứ? Cháu có thể thấy nét lưỡng lự trên khuôn mặt cậu bé, sự lo lắng...”

Tôi không trả lời ông. Tôi không nói gì. Tôi không thể nói gì. Bởi cậu bé trong bức tranh giống hệt Truman. Mặt em cũng có cái vẻ hệt như thế vào ngày hôm đó. Lần cuối cùng tôi tạm biệt em. “Đi đi, Tru,” tôi nói. “Cứ đi đi. Em sẽ ổn mà.”

Tôi đẩy bức ảnh đi, nhưng đã quá muộn. Nỗi đau đớn xâm chiếm lấy tôi thật quá nặng nề, tôi có cảm giác như mình vừa rơi xuống cái hố đầy mảnh thủy tinh vỡ.

“Bác đang nói tới đoạn bác sĩ Pelletan đã lấy quả tim và...”

“Chúa lòng lành, mình vẫn đang nói về quả tim à?” cô Lili nói, đặt đánh sầm một đĩa thịt gà xuống.

“... và lén đưa nó ra khỏi Temple.”

“Guillaume!” cô Lili quát. Cô nói tiếp. Tôi không nghe được từ nào bởi đang phải cố nén nỗi đau lại, nhưng tôi nghe được chuyện bác Guillaume lẽ ra không nên mang những bức ảnh này ra. Trước mặt tôi. Anh không đợi được ư? Một cậu bé bị chết? Cùng tuổi với Truman. Anh đang nghĩ gì thế? Sao lúc nào anh cũng nói về người chết thế? Con bé khốn khổ này chưa nghe đủ chuyện chết chóc ư? Nhìn nó kìa! Trông nó như một xác chết! Anh không nhìn thấy ư?

Bố nhìn tôi khi cô Lili mắng bác G. Trong mắt ông không hề có sự giận dữ, hay thất vọng, hệt như mọi khi, chỉ có nỗi buồn. “Bố xin lỗi,” ông khẽ khàng nói. “Bố không muốn kể cho con nghe chuyện xét nghiệm. Hay cho con thấy bức ảnh. Bố không muốn làm con buồn.”

“Vậy tại sao lại bắt con tới đây?” Tôi hỏi ông.

Tôi cảm thấy một cánh tay đặt lên tay mình. Đó là tay bác G. “Bác vô cùng xin lỗi, Andi. Bác không nghĩ gì cả. Lẽ ra bác không nên kể cho cháu nghe chuyện đó. Bác cứ bị cảm xúc cuốn đi,” ông nói.

“Không sao đâu ạ, bác G,” tôi nói, bởi tôi còn biết nói gì nữa? Nhưng mọi chuyện không ổn. Tôi lén nhìn thật nhanh bức ảnh lần nữa, trước khi cô Lili lấy nó đi khỏi bàn, và tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là một bé trai bé bỏng, cô độc trong bóng tối cách đây hai trăm năm, đói, lạnh, sợ hãi. Bởi một lão điên tên là Robespierre. Và nó khiến tôi nghĩ đến một thằng bé khác, nhìn lên bầu trời mùa đông xám xịt trong lúc bị chảy máu đến chết trên một con phố ở Brooklyn. Bởi một thằng điên khác.

Bác G vẫn đang nói. “Chỉ bởi vì bác muốn tìm thấy những câu trả lời nên bác mới dai dẳng theo đuổi câu chuyện đó đến vậy,” bác nói. “Bác muốn tìm hiểu lý do tại sao. Bác muốn hiểu bài học quan trọng nhất mà lịch sử dạy chúng ta.”

“Thế thì chắc là: thế giới này tởm bỏ mẹ,” tôi nói. Một cách chua chát.

Bố suýt sặc rượu. “Chúa ơi, Andi!” ông nói. “Xin lỗi ngay lập tức. Ở đây con là khách và con không được nói...”

“Không, Lewis,” bác G nói. “Con bé không việc gì phải xin lỗi. Nó nói đúng. Vào năm 1789, khi Cách mạng nổ ra, đã có rất nhiều hy vọng, cảm giác mọi thứ có thể xảy ra. Nhưng đến khi nó kết thúc - sau những cuộc nổi loạn, tử hình, tàn sát, chiến tranh - chẳng còn lại gì nhiều ngoài máu và sợ hãi. Người nghèo phải khốn khổ chịu đựng, lúc nào cũng vậy. Kẻ giàu có cũng khốn khổ; rất nhiều người bị chém đầu. Nhưng không ai khốn khổ bằng đứa trẻ ngây thơ tội nghiệp này.”

Bác G trầm ngâm nhìn vào cốc rượu của mình một lúc, rồi nói, “Bác đã dành ba mươi năm đời mình để cố hiểu điều đó. Để hiểu làm thế nào chủ nghĩa lý tưởng đã lật đổ được nền quân chủ, đã sản sinh ra những khái niệm như Tự do, Bình đẳng, và Bác ái, lại có thể biến tướng thành một sự nghiệt ngã như vậy. Ba mươi năm nghiên cứu và viết lách, vậy mà bác vẫn không có được lời giải thích.”

“Vậy thôi. Kết thúc. Chúng ta không nói chuyện này nữa,” cô Lili tuyên bố. “Anh muốn một lời giải thích phải không Guillaume? Em có ngay cho anh: Hầu hết những sự nhốn nháo được gọi là lịch sử xảy ra là vì các vị vua và tổng thống không thỏa mãn với một con gà ngon và một ổ bánh mì thơm. Giá mà họ thỏa mãn thì mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp hơn với chúng ta rất nhiều.”

Bác G rót thêm rượu. Chúng tôi ăn tối. Đồ cô Lili nấu - gà quay; bánh khoai tây bơ giòn; cà rốt trộn mùi tây; và bánh mì giòn; rất ngon nhưng tôi không nuốt nổi. Tôi chỉ muốn ra khỏi đây và đi ngủ để nỗi buồn xé nát tôi ra ở nơi không ai nhìn thấy được.

Trong bữa tối, bác G, bố, và cô Lili bàn chuyện kế hoạch. Trong vài hôm nữa bác G sẽ đi vắng, ông nói. Mai ông bay sang Bỉ, rồi Đức - miễn là hàng không không đình công - để gặp hai nhà di truyền học khác cũng tham gia vào cuộc xét nghiệm này. Ông bảo bố rằng sẽ có những cuộc họp với thành viên của quỹ, các cuộc họp báo và rằng bố cần phải tham dự tất cả.

Ngoài những xét nghiệm DNA mà bố đang tiến hành, ông còn phải làm việc của một thiên tài nổi tiếng khi ở đây - giảng bài ở đại học Sorbonne, ăn tối với tổng thống, và gặp gỡ các nhà tài chính muốn đầu tư vào dự án tiếp theo của ông.

“Thế cháu sẽ làm gì?” bác G hỏi tôi.

Bố trả lời hộ tôi. “Andi sẽ viết đề cương cho luận văn tốt nghiệp của nó,” ông nói.

“Đề tài gì thế?” bác G nói.

“Amadé Malherbeau,” tôi bảo ông, di một miếng thịt gà quanh đĩa.

“Malherbeau! Sao cháu không nói trước?” bác G nói, đứng bật lên. Ông bắt đầu tìm kiếm ở một giá sách. “Bác có vài cuốn sách về ông ấy. Và dĩ nhiên là giờ bác chả tìm thấy cuốn nào cả. Á! Đây rồi. Cháu nên đến nhà ông ấy gần Bois de Boulogne. Nhạc viện sở hữu nó. Họ tổ chức các buổi hòa nhạc thính phòng ở đó. Nơi đấy có một bức chân dung tuyệt đẹp của ông ấy. Và bác tin là thư viện Abelard có giấy tờ cá nhân của ông ấy, bao gồm bộ sưu tập bản nhạc.”

Ông đưa cuốn sách cho tôi và lại ngồi xuống. Tôi cảm ơn ông, rồi tiếp tục không ăn gì cả. Lili bảo chúng tôi hôm nào cô cũng phải dạy học. Cô bắt đầu dạy ở Trường Mỹ thuật Công nghiệp ở Bourges vào ngày mai, rồi ở phân viện Paris vào cuối tuần. Bourges ở khá xa, nên cô sẽ ngủ lại nhà một người bạn khi dạy ở đó.

“Mà nói chuyện phòng khách,” cô nói, “chắc là cháu muốn về phòng rồi, Andi nhỉ.”

Cuối cùng thì cũng được đứng lên. Tôi định dọn đĩa nhưng cô bảo thôi.

“Cứ để đó. Bác G sẽ giúp cô. Đây sẽ là việc có ích đầu tiên bác làm trong cả ngày,” cô nói. “Để cô dẫn cháu lên phòng.”

Tôi cầm túi và hộp guitar lên và theo cô đến cuối nhà. Có hai căn phòng và một phòng tắm ở đó, được ngăn cách ra với cả khoảng không gian trống bởi một bức tường đã được trát nhưng chưa sơn. Phòng tôi có một cái cửa sổ khổng lồ, một cái đệm trên sàn, và một giỏ hoa quả trên bàn đầu giường.

“Không được xa xỉ lắm, cô e là thế. Vẫn còn phải sửa chữa trang trí nhiều,” cô Lili nói. “Nhưng giường cực êm luôn.”

“Tuyệt lắm ạ, cô Lili. Thật đấy. Cháu cảm ơn cô,” tôi nói. Tôi mệt đến mức ngủ luôn trên sàn.

Cô bảo tôi cô sẽ để hai bộ chìa khóa trên bàn, một cho tôi và một cho bố, để tôi đi về lúc nào tùy. Tôi cảm ơn cô, nhưng cô phẩy tay bảo không có gì. Trước khi đi ra, cô cầm lấy tay tôi.

“Trông cháu như hồn ma ấy, Andi ạ,” cô nói. “Gần như bỏ đi rồi.”

Tôi nhìn cô. Tôi muốn nói gì đó nhưng không thốt nổi nên lời.

“Lili! Mấy cuốn sách về Malherbeau của anh đâu ấy nhỉ?” bác G gọi hỏi.

Cô Lili siết tay tôi. “Quay về với chúng ta đi nhé,” cô nói. Và rồi cô đi ra.

Tôi đóng cửa, tắt đèn, và nằm xuống giường. Tôi nhìn ra cửa sổ lên bầu trời đêm, tìm xem có sao không. Nhưng chả có sao trắng gì. Chỉ vài bông tuyết lơ lửng trong không trung. Tôi nên ngồi dậy. Đánh răng. Đi giải. Uống thuốc an thần. Nhưng tôi cứ nằm ỳ. Tôi mệt quá. Tôi nhắm mắt lại, hy vọng ngủ được, nhưng những hình ảnh cứ bập bùng trong đầu tôi - hình ảnh quả tim bé nhỏ, buồn thảm đó. Cửa khuôn mặt bé bỏng, sợ hãi đó.

Paris. Thật là một ý tưởng tuyệt vời. Nó có thể khiến đầu óc con được thư thả, bố nói.
Tôi bật cười, rồi khóc nức lên. Tôi khóc cho đến lúc ngủ thiếp đi.

Tôi tỉnh dậy, nghe thấy tiếng ồn chói tai.

Tôi ngủ quên không thay quần áo, với tất cả thứ kim loại trên người. Khuyên tai đang chọc vào đầu tôi. Vòng thì vướng vào tóc. Di động trong túi sau chọc vào mông tôi. Đôi boots làm chân tôi đau nhức.

Bên trong người tôi cũng đang có tiếng om sòm. Đêm qua tôi quên uống thuốc, một việc cực kỳ ngu xuẩn.

Tôi ngồi dậy, vào phòng vệ sinh, nuốt hai viên Qwell, rồi thêm viên nữa, dùng tay hứng nước vòi để cho chúng trôi qua họng. Tôi xem giờ - đã gần trưa - rồi đi tìm cà phê.

Bố ngồi ở bàn ăn, nói chuyện bằng điện thoại bàn nhà bác G. Ông bật loa ngoài, vì như thế ông có thể vừa nói chuyện, vừa nhắn tin cho trợ lý, vừa uống cà phê, vừa đọc một luận án. Tôi gật đầu với ông. Ông gật lại.

Trên bàn có chùm chìa khóa và một tờ giấy cô Lili viết bảo tối nay cô sẽ ở lại Bourges và ga tàu điện ngầm, cô cũng viết những nơi bán hoa quả, bánh, và pho mát gần nhất là ở đâu. Chẳng có cái nào gần cả. Ở đây thì đi đâu cũng xa lắc xa lơ.

Tôi vào bếp và sung sướng khi thấy trong bình vẫn còn cà phê. Tôi rót một cốc bọt, húp súp soap, và thở dài khi thế giới chuyển từ màu đen trắng sang đủ sắc màu sắc sỡ. Khi tôi với tay lấy một cái bánh sừng bò thì di động đổ chuông.

“Chào.”

“Vijay à? Cậu đang ở đâu? Tiếp đón chu đáo cực.”

“Tớ đang ở trên mái nhà. Trốn.”

“Trốn ai?”

“Bà già chứ còn ai nữa? Cậu đang ở đâu thế? Sáng nay tớ sang nhà cậu mà chả có ai cả.”

“Tớ đang ở Paris.”

“Chà. Tuyệt quá. Này, nếu cậu vẫn còn muốn tự sát thì chả còn nơi nào thuận lợi hơn. Nhà thờ Đức Bà, tháp Eiffel, cả đồng cầu nữa...”

“Cậu nghe chuyện rồi à?” Tôi nói, rụt người lại.

“Cả lớp nghe rồi. Có khi cả trường. Arden kể.”

“Nó nói gì?”

“Nó bảo cậu yêu Nick và yêu từ lâu rồi. Rằng cậu lao vào cậu ta. Nhưng cậu ta thì yêu nó và từ

chối cậu, thế là cậu buồn quá định nhảy xuống từ trên mái nhà cậu ta.”

“Cái gì cơ? Chuyện hoàn toàn không phải thế.”

“Chả quan trọng. Arden là một đứa thiên tài về độc ác.”

“Cậu nói đúng một nửa.”

“Giờ cậu không làm thế được.”

“Làm cái gì?”

“Tự sát. Nếu cậu làm thế thì Arden Tode được coi là nói đúng.”

“Chà. Không nghĩ ra đấy. Cậu nói đúng.”

Tôi nghe một giọng khác trong điện thoại. “Vijay? Viiii-jay!”

“Ồi không,” Vijay nói.

“Vijay? Vijay Gupta, con ở trên đó phải không?”

“Tớ phải chạy đây. Bà già tới. Mà này, mẹ cậu đâu? Bác đi với cậu hả? Làm cách nào cậu đưa bác ra khỏi nhà?”

“Không, bà không ở đây.” Tôi nói với cậu. “Bà... bà đang ở trong bệnh viện, V ạ.”

“Bệnh viện? Chuyện gì xảy ra thế? Bác khỏe không?”

“Không. Phòng dành riêng cho người tâm thần. Bố tớ đưa bà vào đó.”

“Rồi ông đưa cậu đi Paris,” nó nói.

“Ừ. Bởi vì bố con tớ rất hợp nhau, cậu biết đấy? Bố tớ với tớ thích ở bên nhau lắm. Cùng nhau ở Paris thật tuyệt quá mức. Vào một mùa đông chết chóc. Thêm vài ngày chịu đựng cái sự tuyệt vời này là tớ cũng vào viện tâm thần luôn.”

“Viiii-jay!”

“Tớ sẽ gọi lại cho cậu, Andi, nhưng mà này...”

“Sao cơ?”

“Tớ chỉ nói đùa thôi, cậu biết đấy. Chuyện tháp Eiffel các thứ ấy.”

“Tớ biết.”

Một khoảng im lặng. Tôi không nói được gì. Tôi đoán là cậu cũng không nói nổi. Hồi trước tôi đã suýt đến mức đó. Cái chết. Lần này tôi lại đang đến gần nó. Tôi biết điều đó. Và cậu cũng biết.

“Đừng,” cuối cùng cậu nói. “Đừng làm thế.”

Tôi nhắm mắt lại và siết chặt điện thoại. “Tớ đang cố, V ạ. Thực sự cố,” tôi nói với cậu.

“Nhé?”

“Ừ.”

“Thực tình, cậu ổn chứ?”

“Tớ ổn. Nào đi mà gọi cho tổng thống Kazakhstan đi.”

Tôi đập máy. Tôi không ổn. Về lâu về dài thì không. Tay tôi run bần bật. Cả người tôi run bần bật. Trái tim ám ảnh tôi. Suốt giấc mơ dài đằng đặc đêm qua tôi thấy nó. Tôi thấy cả Max nữa. Tôi thấy hắn đi đi lại lại, dậm chân và khoát tay. “Maximilien R. Peters!” hắn gào lên. “Liên khiết, tất lẽ dĩ ngẫu và bất biến!” Truman ở đó. Cố đi qua mặt hắn.

Giá như tôi có thể quay lại. Quay về phố Henry. Vào cái buổi sáng tháng Chạp xám xịt. Tất cả những gì tôi cần chỉ là một phút. Không phải lúc hệ trọng gì. Không phải là cái thời điểm để sáng tác một bản hợp xướng. Xây dựng lâu dài. Chiến đấu trong một cuộc chiến. Chỉ là vài giây vớ vẩn. Cái loại thời gian ta cần để buộc dây giày. Bóc một quả chuối. Hỉ mũi. Nhưng tôi không có được nó. Và tôi sẽ không bao giờ có được nó.

Bố cũng nói chuyện điện thoại xong. “Bác G để lại cho con mấy cuốn sách về Malherbeau,” ông bảo tôi. “Trên bàn cà phê.”

Tôi bước qua phòng để xem sách, cảm thấy biết ơn khi tìm được thứ làm mình xao lãng, và thấy một cuốn sách có cả những bản nhạc trong đó - bao gồm một bản Concerto giọng Si thăng Thứ mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Tôi quên bém cái bánh sừng bò đi. Cùng tất cả những chuyện khác. Tôi đặt sách xuống và nhắc cây guitar cũ - cây đàn bác G cho tôi chơi tối hôm qua - ra khỏi thùng. Tôi đọc bản nhạc, tay dò theo từng nốt, cố hình dung các nốt này nằm trên dây đàn sẽ thế nào. Nhưng khó quá. Malherbeau hẳn phải có ngón tay như loài tinh tinh - một con tinh tinh cực nhanh - thì mới đánh được những nốt này nhanh đến vậy. Chúng tràn lan khắp cả. Tôi bắt đầu chơi theo bản nhạc trước mắt, cảm giác như cuốn theo hoàn toàn trong niềm thích thú mà những thanh âm thể kỷ mười tám hòa điệu với nhạc cụ thể kỷ mười tám mang lại.

Và rồi, trước khi tôi chưa chơi đến nửa trang nhạc đầu tiên thì bố tôi nói, “Con đừng chơi nữa được không? Bố đang làm việc.”

“Con cũng thế,” tôi phản pháo.

Ông ngẩng lên. “Con cần phải viết luận văn, chứ không phải chơi đàn.”

“Đây là luận văn của con.” Hay nói chính xác hơn, đây sẽ là luận văn của tôi, nếu tôi tiếp tục định làm một cái luận văn.

Ông lộ vẻ nghi ngờ. “Thật à? Giả thuyết của con là gì?” ông nói.

“Vâng... ừm, về cơ bản, nếu không có Amadé Malherbeau, thì sẽ không có Radiohead,” tôi nói, hy vọng chấm dứt câu chuyện ở đó. Nhưng không.

“Tại sao lại là Malherbeau? Ông ta thì có gì đặc biệt đến vậy?” Trông bố tôi như thể ông thực sự quan tâm đến chuyện tôi đang nói vậy. Thật là bất bình thường.

“Ông ấy phá vỡ rất nhiều quy tắc,” tôi nói. “Ông ấy không chịu viết những bản hòa âm đẹp đẽ. Mà đi vào những nốt nhỏ. Và nghịch âm. Ông bắt đầu chơi với quãng ba cung, và...”

“Cái gì cơ?”

“Quăng ba cung. Con quỷ trong âm nhạc.”

“Cái quái quỷ gì thế?”

“Rất buồn cười, bố ạ.”

Ông mỉm cười trước câu đùa dở tệ của mình, rồi nói, “Không, thực đấy. Bố nghiêm túc.”

“Đó là một cái tên khác cho quăng 4 tầng,” tôi nói.

“Và quăng 4 tầng là?”

Tôi ngần ngừ trước khi trả lời. Bởi tôi thấy nghi ngờ. Thế này quá kỳ cục, đột nhiên ông lại quan tâm tới âm nhạc. Ông đang có âm mưu gì đó.

“Nó là một quăng ba cung - một quăng kéo dài qua ba nốt nhạc,” cuối cùng tôi nói. “Nó được dùng để tạo ra nghịch âm trong hòa âm.” Mặt ông đỏ ra. Tôi nghĩ một lúc, rồi nói thêm, “Bố biết khi ca sĩ Tony hát bài ‘Maria’ trong phim West Side Story chứ? Đó là một quăng ba cung. Quăng ba cung cũng nằm trong những nhịp mở đầu của ‘Purple Haze’. Và cả trong bài hát chính của phim Gia đình Simpson.”

“Nhưng tại sao nó lại được gọi là con quỷ trong âm nhạc?”

“Dạ, câu trả lời là do quăng ba cung có thể nghe như không cân đối, có vấn đề. Nhưng thật ra là do quăng ba cung tạo ra sự căng cân đối trong một bản nhạc - và rồi để sự căng đó lại mà không giải quyết. Như kiểu đặt ra một câu hỏi không thể trả lời.”

“Và vì thế mà nó như con quỷ?”

“Quăng ba có cái tên đó trong thời Trung cổ bởi vì những giới chức trách giáo hội không thích bị cật vấn. Những người hỏi quá nhiều câu hỏi thường thấy mình bị buộc vào cột và lên giàn thiêu. Giáo hội không cho phép những ai sáng tác nhạc thánh - nó như thể là hợp đồng sáng tác ngon lành nhất mà một nhạc sĩ có thể giành được vào hồi đó - dùng quăng ba.”

Giờ thì tôi lao vào rồi. Thực sự đang nói ba lách như điên. Bởi tôi không học gì ngoài một quăng ba kỳ quặc, hay ho. Quả tình, tôi mãi mê nói đến mức quên hết những nghi hoặc. Quên những nghi ngờ. Quên rằng lẽ ra mình phải khôn ngoan hơn.

“Vậy, Malherbeau là người đầu tiên dùng quăng ba à?” ông hỏi.

“Không, bố ời. Sự thay đổi về hòa âm - trong những ý tưởng đã được chấp nhận hòa âm nên là thế nào - bắt đầu từ rất lâu trước thời Malherbeau. Các nhà sáng tác bắt đầu phá luật cũ từ thời Phục hưng. Đến thời kỳ Baroque, Bach đã dùng quăng ba, tuy hiếm khi, nhưng ông đã dùng nó. Haydn cũng thế rồi sau này là Mozart. Rồi Beethoven xuất hiện và đưa nó lên thành nghịch âm. Và Malherbeau, chịu ảnh hưởng của Beethoven, đưa nó lên đến mức cao hơn nữa.”

“Nhưng Beethoven đâu có chơi guitar. Ông ấy chơi piano mà.”

“Vâng... thế thì sao?”

“Thế thì làm sao ông ấy gây ảnh hưởng lên một tay chơi guitar được?”

Tôi vỗ vào trán mình. “Ừm, bố ơ? Người chơi guitar không chỉ nghe guitar. Họ nghe âm nhạc. Bố có thể nghe thấy tiếng guitar của Malherbeau trong nhạc phẩm chơi bằng piano của Liszt. Bố cũng có thể nghe được nó, sau đó rất lâu, trong các nhạc phẩm của Debussy và Satie. Và rồi trong nhạc của Messiaen, một nhà soạn nhạc điên rồ người Pháp đi ra ngoài khuôn khổ và làm đủ trò điên rồ - những thứ chẳng hạn như sáng tạo ra nhạc cụ của riêng mình và nghe tiếng chim hót. Bố có thể nghe thấy ông ấy ở Mỹ nữa. Trông rất nhiều bản nhạc blue và jazz. John Lee Hooker học tập ông ấy. Cả Ellington và Miles Davis nữa. Rất nhiều ban nhạc alternative rock như Joy Division và the Smiths cho thấy sự ảnh hưởng của ông ấy.”

“Vậy con sẽ giải thích sự so sánh thế nào?” ông hỏi, cắt ngang lời tôi.

“Bằng các ví dụ,” tôi bảo ông, sốt ruột muốn nói nốt câu. “Và rồi cả Jonny Greenwood, tuyệt đối là người kế thừa âm nhạc của Malherbeau. Một tay guitar cũng chạm vào giới hạn, hết như Malherbeau, tạo ra những thứ mới mẻ, đẹp đẽ, và...”

“Hượm đã... Ví dụ thế nào?” bố hỏi.

“Các mẫu nhạc. Những đoạn mà con sẽ chú thích. Một phần trong trình chiếu Powerpoint. Sao cơ?”

Ông khoanh tay trên ngực và nhíu mày. “Bố không biết nữa, Andi ạ. Bố nghĩ có vẻ mạo hiểm. Khó mà thực hiện được. Bố nghĩ ở giai đoạn này viết riêng về Malherbeau thôi thì khôn ngoan hơn. Bàn về cuộc đời và tác phẩm của ông, rồi cuối cùng kết luận một chút về di sản ông để lại. Con cần đạt được điểm cao cho luận văn.”

Tôi cảm thấy như mình bị đâm. Thì ra là thế. Ông chẳng quan tâm quái gì tới âm nhạc hay tại sao nó lại có ý nghĩa quan trọng với tôi. Đây là về điểm số. Với ông mọi thứ đều liên quan tới điểm số.

Tôi hiểu điều đó. Tôi hiểu ông. Vậy mà có vì sao tôi lại hy vọng? Tại sao tôi lại nghĩ lần này lại khác?

“Những đứa khác làm gì? Vijay dùng hình thức gì?”

“Cậu ấy viết một bài luận.”

“Nghe này, bố thực sự nghĩ là...”

“Quên đi,” tôi nói, ngậm miệng. Và đóng cửa lòng lại.

“Quên đi? Quên cái gì? Luận văn của con?” ông nói, giọng ông vút lên. “Bố sẽ không quên nó đi, Andi ạ. Con cũng không quên. Con có biết chuyện này quan trọng thế nào không? Nếu con không hoàn thành luận văn thì không được tốt nghiệp. Nếu con hoàn thành nó, và nó tốt, thì có thể - bố nhấn mạnh từ có thể - giúp bù lại những môn con đã thi trượt học kỳ này.”

Ông tiếp tục nói, nhưng tôi không còn nghe nữa. Tôi đang ước. Tôi ước gì ông có thể lắng nghe âm nhạc. Ước gì ông có thể lắng nghe tôi. Ước gì chỉ trong một hai phút thôi, ông có thể nhắm mắt lại mà nghe bản Concerto dành cho Son thứ tuyệt hay của Malherbeau, bản Concerto Pháo hoa, và cảm nhận được điều mà tôi cảm nhận. Cảm thấy âm thanh vang vang trong những khúc xương rỗng của mình. Cảm thấy tim mình đập theo nhịp bốn và tám.

Tôi ước ông có thể nghe thấy tiếng kim khí lạnh lẽo trong bản “Idioteque” của Radiohead và nhận ra Hợp âm Tristan mà Wagner đã dùng ở đoạn mở đầu của bản Tristan and Isolde. Ông có thể biết rằng mẫu nhạc đó đến từ một đoạn Paul Lansky, được sáng tác cho máy tính, được

gọi là “nhẹ nhàng và chậm rãi,” hoặc ông có thể không nhận ra, nhưng chắc chắn ông sẽ nhận ra cái hợp âm bốn nốt. Ông sẽ biết rằng ngay cả trong hợp âm được đặt tên cho Wager thì cũng không phải Wager sáng tạo ra nó. Ông nghe nó trong Concerto Pháo hoa của Malherbeau và ông dùng nó, kéo nó ra và chuyển nó sang nốt La thay vì Rê. Rồi ông truyền nó lại cho Debussy. Debussy đã dùng nó trong vở opera của mình, Pelléas et Mélisande. Và Debussy truyền lại cho Berg và Berg dùng lại nó cho Lyric Suite của mình. Sau đó Lansky đã lấy nó từ Berg. Và Radiohead lấy nó từ Lansky rồi đưa cho tôi.

Ước gì ông có thể thấy rằng âm nhạc đang sống. Vĩnh viễn. Rằng nó mạnh hơn cái chết. Mạnh hơn thời gian. Và rằng sức mạnh của nó kéo chúng ta lại với nhau khi không một thứ nào khác có thể làm được.

“Andi? Con có nghe không? Nếu học kỳ tới con khá hơn, đạt được điểm A cho luận văn, và tốt nghiệp trường St. Anselm với điểm trung bình B, con có thể vào được một trường dự bị tốt. Học ở đó một năm để nâng điểm lên, rồi có thể bố sẽ giúp con vào được Stanford. Trưởng ban xét duyệt hồ sơ xin học ở đó là bạn tốt của bố.”

“Con không biết là Stanford có chương trình âm nhạc đấy,” tôi nói.

Ông nhìn tôi hằm hằm một lúc lâu rồi nói, “Trường St. Anselm đã kiểm tra con...”

“Có. Con biết mấy chuyện đó.”

“... lúc học mẫu giáo. Và lớp năm. Và lớp chín. Lần nào con cũng đạt 155 điểm. Mức của thiên tài. Như Einstein.”

“Hay Mozart.”

“Con có thể làm bất cứ điều gì trong đời mình. Bất cứ thứ gì con muốn.”

“Trừ thứ con muốn.”

“Andi, âm nhạc không đủ...”

“Âm nhạc đủ. Nó còn hơn cả đủ,” tôi nói, giờ thì giọng tôi vút lên.

Tôi cố kìm cơn giận. Cố không cãi nhau. Nhưng thật khó. Thật sự khó làm sao.

“Làm thế nào âm nhạc giúp con thanh toán các hóa đơn, hả Andi? Chơi guitar thì con có thể kiếm được tiền như thế nào? Chúng ta đâu phải ai cũng là Jonny Radiohead được, con biết mà.”

“Chắc chắn rồi.”

Ông bắt đầu nói gì đó, nhưng rồi không nói hết vì di động của ông đổ chuông.

“Ai cơ? Văn phòng bác sĩ Becker? Vâng. Vâng, tôi đây. Nối máy cho ông ấy. Matt à? Chào. Không, tôi... sao cơ? Cô ấy bị làm sao?”

Tim tôi gần như ngừng đập.

“Chuyện gì thế?” tôi nói.

Bố giơ một ngón tay lên. “Cô ấy bị thế à? Không, không... dĩ nhiên không rồi... Ừ, tôi đồng ý, Matt ạ.”

“Xảy ra chuyện gì? Con nói chuyện với mẹ được không?” Tôi điên cuồng nói.

“Matt, đợi chút,” bố nói. Ông che điện thoại lại. “Mẹ con có phản ứng không tốt với loại thuốc an thần mà bác sĩ Becker cho mẹ uống. Ông đã cho ngừng uống và gọi báo cho chúng ta biết và nói đang thử một loại thuốc mới.”

“Con nói chuyện với mẹ được không?”

“Không. Mẹ con đang hồi phục.”

“Con nói chuyện với ông ấy được không? Con muốn nói chuyện với ông ấy.” Giờ thì tôi quần bách rồi.

Bố gật đầu. “Matt à? Đây. Tôi xin lỗi. Nghe này, Andi lo lắng cho mẹ nó. Nó muốn nói chuyện với anh,” ông nói, rồi đưa điện thoại cho tôi.

“Chào cháu Andi. Paris thế nào?” bác sĩ Becker hỏi tôi.

“Mẹ cháu ổn không ạ?”

“Mẹ cháu phản ứng khá tệ với một loại thuốc. Chủ yếu là nôn mửa. Chuyện này không có gì là bất thường.”

“Mẹ cháu có vẽ không? Mẹ cháu không bị ốm đến mức không vẽ được đấy chứ?”

Có một khoảng lặng, rồi bác sĩ Becker nói, “Andi, mẹ cháu cần đối mặt với nỗi đau. Nếu có chút hy vọng nào để bà có thể trở lại bình thường, bà cần phải đương đầu với sự mất mát của mình, không chôn vùi những cảm xúc vào việc vẽ vời.”

“Vâng ạ, nhưng bà cần vẽ,” tôi nói, không lòng dạ nào mà nghe cái bài rap của ông bác sĩ tâm thần.

Thêm một khoảng lặng khác, rồi, “Không, mẹ cháu không vẽ.”

“Nhưng cháu đã chuẩn bị sơn vẽ cho mẹ. Cả giá vẽ và vài miếng vải vẽ. Cháu để chúng trong phòng bà. Cháu đã chỉ cho bà nơi cháu để chúng.”

“Bác biết cháu làm thế. Bác đã mang đi.”

“Bác làm cái gì cơ?” tôi nói. Và rồi tôi nổi đóa lên trong năm giây. “Ông là cái đồ xảo quyệt! Tôi không tin nổi là ông làm thế!”

“Đưa điện thoại cho bố,” bố nói. Ông bước về phía tôi, vươn tay ra lấy điện thoại, nhưng tôi quay đi.

“Andi, bác biết là cháu bực, nhưng bác đảm bảo với cháu, mẹ cháu sẽ có tiến bộ nhờ điều trị thuốc. Những tiến bộ có thể đo đếm, nhìn thấy được,” bác sĩ Becker nói.

“Ý ông là bà ấy sẽ biến thành xác ướp. Khi thuốc có tác dụng. Như tôi. Và khi không có thuốc thì bà sẽ là một mù thần kinh. Như tôi.”

“Như bác đang nói, chúng ta có thể theo dõi từng tiến bộ của bà...”

“Tiến bộ? Một họa sỹ không vẽ thì làm sao gọi là tiến bộ? Mẹ tôi đang làm gì? Làm miếng lót nôi? Bà cần sơn và cọ của bà. Ông có hiểu không?”

“Andi...”

“May là ông với thuốc của ông vài trăm năm trước không hiện diện, nếu không thì chẳng thể nào có Vermeer hay Caravaggio gì sất. Ông sẽ đánh thuốc tâm thần và tước đi các bức Girl with a Pearl Earring và The Taking of Christ của họ.”

“Andi!” bố nói. Giờ thì ông đã tóm được điện thoại. Ông đang giằng nó ra khỏi tay tôi.

Tôi chửi bác sĩ Becker là thằng khốn. Tôi bảo ông ta là tôi muốn nói chuyện với mẹ tôi. Ông ta bảo không được. Trong tình trạng này thì không. Tôi chỉ làm bà kích động thôi. Rồi tôi chửi ông ta còn kinh hơn nữa.

“Đủ rồi,” bố nói, giằng điện thoại ra khỏi tay tôi. Ông giơ lên tai mình. “Tôi xin lỗi, Matt. Cho tôi vài phút. Tôi sẽ gọi lại cho anh.”

Ông gác máy, rồi bắt đầu quát tôi. “Thật không thể nào chấp nhận được. Con mất kiểm soát. Con phải bình tĩnh lại rồi gọi điện lại cho bác sĩ Becker và xin lỗi ông ấy.”

Tôi quá cáu, tôi đi đi lại lại quanh bàn. “Sao bố lại làm thế?” tôi hét lên. “Sao bố lại cho mẹ vào cái nơi đó?”

“Để giúp mẹ con trở nên khỏe hơn. Bà bị ốm, Andi ạ.”

“Mẹ đang trở nên khỏe hơn! Bà đã thôi không khóc suốt nữa. Bà đã thôi không quăng quật mọi thứ. Bà cần ở nhà. Trong nhà mình. Với công việc của mình.”

Trong vài giây bố không nói gì, rồi ông nói, “Con cần phải dừng lại. Con cần phải từ bỏ. Con nghĩ là con có thể giúp. Giúp mẹ con. Con nghĩ con có thể khiến mọi chuyện trở nên tốt hơn, và nếu con có thể làm được điều đó, thì...”

“Bố có nhớ truyện ‘Hoàng tử Ếch’ không?” tôi nói, cắt ngang lời ông.

“Cái gì cơ? Không, bố không nhớ.”

“Đó là câu chuyện yêu thích của Truman khi em còn nhỏ. Chuyện như thế này: Ngày xưa ngày xưa có một hoàng tử trẻ. Chàng có một người hầu. Một ngày hoàng tử bị bắt đi và biến thành con ếch. Khi chuyện này xảy ra, trái tim người hầu đã tan vỡ. Chỉ có ba vòng sắt có thể gắn nó

lại, chỉ chúng mới có thể...”

“Đời không phải chuyện cổ tích. Đến giờ con còn chưa biết ư?”

“Tim mẹ đã bị vỡ.”

“Andi, mẹ con đã bảo con. Bố bảo con. Người tư vấn bảo con. Mọi người đều bảo con. Đó không phải là lỗi của con.”

Tôi phá lên cười. Hay ít nhất cố làm như vậy. Một tiếng rên rỉ thốt ra.

Bố tháo kính xuống và bóp bóp sống mũi. Chúng tôi cứ đứng như thế, đối diện với nhau qua căn phòng, trong chừng một phút. Và rồi tôi không thể chịu nổi nữa.

“Con ra ngoài,” tôi nói.

“Được thôi. Làm gì tùy con. Bố bỏ cuộc,” ông nói.

“Đã bỏ cuộc,” tôi sửa lại lời ông. “Từ lâu lắm rồi.”

Tôi lấy guitar và túi rồi chạy xuống cầu thang ra khỏi nhà và bắt đầu đi về phía Đông. Tới đâu, tôi không biết nữa. Nơi nào đó tôi có thể ngồi xuống và chơi nhạc để át đi không phải nghe không phải thấy cả thế giới này cũng như mọi con người trong cái thế giới đó. Nhất là cha tôi.

Bởi ông nói sai và cả hai chúng tôi đều biết điều đó.

Đó là lỗi của tôi. Trái tim mẹ tôi tan vỡ là bởi vì tôi.

Tôi chính là kẻ đã giết con trai bà.

Tôi bước đi.

Hàng dặm, hàng dặm liền. Xuôi theo phố Rue Saint-Jean tới Rue du Faubourg Saint Antoine. Rồi rẽ sang phía Tây về quảng trường Bastille. Tôi cứ thế bước. Vào trung tâm Paris. Đến lúc tôi tới Rue Henri IV thì khoảng hai giờ chiều. Hôm nay là ngày trong tuần, giữa mùa đông, và phố xá rất vắng lặng. Tôi cứ thế đi. Phía Nam. Về phía con sông.

Tôi có thể chơi ở đó. Sẽ không ai bảo tôi dừng lại. Không ai bảo tôi rằng âm nhạc là không đủ, trong khi âm nhạc là thứ duy nhất tôi có.

Tôi đi xuống chỗ mặt nước, đi xuống những bậc thềm bằng đá hẹp, và tôi ở trên bờ kè - một lối đi bằng đá rộng rãi ôm quanh con sông. Có một cái ghế dài gần đó. Tôi bỏ guitar và túi xuống, lấy di động ra và gọi tới văn phòng bác sĩ Becker. Cuộc gọi được chuyển vào hộp thư thoại. Tôi gọi vào di động của mẹ. Được chuyển vào hộp thư thoại. Rồi tôi ngồi xuống và cửi bốt với tất ra. Chân tôi đau nhừ. Tôi lấy vài miếng băng dán cá nhân, dán lên chỗ rộp, và lại đi tất vào.

Tôi dừng lại vài lần ở Saint-Antoine. Ở một tiệm bán đồ họa phẩm, ở tiệm thực phẩm Tàu, và một cửa hàng quần áo vintage. Tôi thọc tay vào túi, lấy ra những thứ mình đã mua, và đặt lên ghế băng. Màu vẽ và cọ. Một hộp trà nhỏ có in hình những bông hoa. Một hộp phấn cổ gắn trang sức trên nắp, sáu cái khay thủy tinh và một lọ nước hoa. Tất cả là cho mẹ tôi. Tôi sẽ gửi cho bà.

Tôi sẽ bịa ra các câu chuyện về từng thứ. Như bà vẫn thường làm. Tôi sẽ viết chúng ra và bảo với bà rằng những cái khay này là trên một chiếc váy của Edith Piaf còn lọ nước hoa là của Josephine Baker còn cái hộp phấn từng được một thành viên trong Phong trào Kháng chiến, người này để các tin bí mật trong đó, dùng.

Tôi ước giá chi mình được nhìn thấy gương mặt mẹ khi bà mở cái hộp ra. Tôi ước gì mình không ở đây, ngồi trên ghế băng trong cái lạnh cắt da. Tôi ước mình ở nhà với bà. Tôi ước bà đang vẽ còn tôi thì chơi nhạc. Một buổi tối trong phòng khách nhà chúng tôi. Trong ánh sáng mờ mờ của đèn điện. Trong nỗi đau chung, không thể nói nên lời của chúng tôi.

Có tiếng nước vỗ khe khẽ bên dưới. Tôi đứng lên, bước tới mép bờ kè và nhìn thấy một con chuột nước đang bơi đi. Nó lặn xuống, biến mất dưới mặt nước xám xịt của sông Seine, và tôi nghĩ đi theo nó mới dễ dàng làm sao. Tất cả những gì tôi phải làm là bước một bước. Một bước. Nước sẽ lạnh như băng. Sẽ vật vã một lúc, rồi buông xuôi.

Điện thoại đổ chuông. Tôi mở ra nhưng không nhìn số.

“Alô?” tôi nói, thật sự hy vọng là mẹ tôi chứ không phải bác sĩ Becker.

“Mình đang có giờ học vào lúc này, phải không nhờ?”

“Thầy Nathan ạ? Thầy Nathan! Ôi không. Ối, khỉ thật!”

Tôi không thể tin được là mình lại quên. Chúa ơi, ngu xuẩn thế không biết. Giờ ở nhà là buổi

sáng. Sáng thứ Ba. Tôi có giờ học với thầy Nathan vào thứ Ba và thứ Sáu lúc nghỉ giải lao.

“Sao thế?” lúc này thầy hỏi, giọng lộ vẻ lo lắng.

“Em đang ở Paris, thầy Nathan. Trong ba tuần. Em không muốn, nhưng bố em về nhà và ông ấy... ông ấy đưa mẹ em vào bệnh viện. Bệnh viện tâm thần. Ông ấy bảo bà cần phải đi và rằng em không thể ở một mình và rằng ông đi Paris làm việc và rằng em phải đi với ông ấy, vì thế em đang ở đây. Lẽ ra em phải gọi báo cho thầy biết. Em quên bống mất. Em thực sự xin lỗi, và...”

Đột nhiên giọng tôi vỡ òa và tôi bắt khóc. Tôi không ngăn nổi mình. Tôi nhớ mẹ tôi. Tôi nhớ thầy Nathan. Tôi nhớ Brooklyn. Tôi lạnh, sợ hãi và chán ngấy - chán phải giải thích, chán khi mình bị tâm thần và hoàn toàn dở hơi, chán cái sự điên rồ lén lút đi theo tôi từng giây từng phút từng ngày bất cứ nơi nào tôi đi qua.

“Andi ơi?” Thầy Nathan nói, nhưng tôi không trả lời ông được.

Làm đi, đồ thất bại, tôi tự nhủ. Làm đi, đồ hèn nhát. Làm đi và xong. Nào. Một bước thôi là mày ở dưới nước.

“Andi, nghe thầy này. Nghe này.”

Chỉ một bước nhỏ thôi.

“Em có biết là Bach đã mất đứa con gái nhỏ, ba con trai và rồi vợ mình, Maria Barbara không?” Thầy Nathan nói. “Em có biết không?”

Tôi hít thật sâu, nhanh và thở hồng hộc. “Em không biết.”

“Rồi ông và Anne Magdalena, người vợ thứ hai, mất thêm bốn đứa con gái và ba con trai nữa. Mười một đứa con thân yêu đã bị chết. Mười một!”

“Ý thầy là gì, thầy Nathan? Rằng mười một nhiều hơn một à? Vì vậy em không có quyền à?”

“Nhiều chuyên gia âm nhạc đã tự hỏi: Sao Bach có thể sống sót qua được sự đau đớn đến nhường đó? Sao phổi của ông vẫn đẩy và hít không khí được? Sao trái tim ông không ngừng đập? Và trên hết, làm thế nào mà ông vẫn tiếp tục viết nhạc được? Cho Cantata. Bản Suite dành cho đàn Cello. Bản Mass. Bản Concerto. Thứ âm nhạc đẹp đẽ nhất mà thế giới từng được nghe. Em có biết ông ấy làm thế nào không? Thầy sẽ nói cho em biết.”

“Em đang nghĩ là thầy sẽ nói.”

“Một lần một nốt.”

“Được rồi, nhưng thầy Nathan ơi, vấn đề là: Em không phải là Bach. Không ai là Bach cả.”

“Một nốt. Một nhịp. Một tiết nhạc một lần. Em sẽ làm thế nhé?”

Tôi không nói gì.

“Em sẽ làm thế.” Lần này không phải là câu hỏi.

“Được rồi. Vâng. Em sẽ làm thế.”

Chúng tôi đập máy. Tôi ngồi xuống băng ghế, vòng tay ôm chân, và gục mặt xuống đầu gối.

Một nốt, thầy nói. Tất cả những gì tôi cần chỉ là một nốt.

Tôi ngẩng đầu lên. Cây guitar nằm trên ghế cạnh tôi. Khi tôi với lấy nó, đột nhiên có tiếng phanh kít ở con phố phía trên tôi, rồi tiếng còi gay gắt. Tôi nghe tiếng một gã hét - chắc hẳn ta đã ra khỏi xe - và rồi tiếng một bài hát đang bật, có lẽ là trên radio trong xe - “Norwegian Wood.” Một giai điệu cay đắng, đẹp đẽ. John Lennon viết hồi những năm sáu mươi với sự trợ giúp của Paul McCartney ở quãng tám giữa.

Tôi ôm cây guitar và nhắm mắt lại; ngón tay tôi tìm thấy nó - cái nốt đó. Cái nốt mà Bach cần khi một đứa con qua đời. Cái nốt mà John Lennon cần khi ông thức dậy một mình. Cái nốt mà tôi cần lúc này.

Tôi gảy hỏng đoạn đầu. Hai lần. Rồi tôi thành công và cứ thế gảy, bị giai điệu đẹp của Lennon kéo đi, chìm đắm trong những hợp âm buồn bã của ông. Chìm đắm trong âm nhạc.

Tôi chơi hết bài hát và khi những nốt cuối cùng ngân vang và tắt dần, tôi nghe một tiếng bụp nhỏ. Tôi mở mắt ra và thấy một đồng euro sáng bóng nằm trong hộp đàn guitar. Một ông lão chống gậy đang bước đi.

Trong vài giây tôi không hiểu gì, rồi tôi nhận ra - ông ấy nghĩ tôi là kẻ vô gia cư. Tôi biết là ông có thể nghĩ thế, khi mà tôi ngồi trên ghế với đôi bốt cưỡi ra và tất cả đồ đạc bày ra xung quanh, nhưng dù có vậy chẳng nữa.

“Này!” tôi hét lên. “Đợi đã!”

Tôi nhặt đồng xu và đuổi theo ông trong tình trạng chân đi tất, guitar trong tay. Tôi bảo với ông là ông nhầm rồi. Tôi không phải kẻ vô gia cư, trông chỉ như thế thôi. Tôi cố trả đồng tiền lại. Ông bảo tôi là tôi hiểu nhầm. Tiền đó không phải là bố thí; nó là để trả cho bài hát dễ thương của tôi. Ông ấy rất thích nó.

Trông ông buồn bã trong chiếc áo khoác, với mái tóc bạc và hàm râu bạc, và chắc là do viên thuốc tôi uống thêm sáng nay bởi vì trong vài giây tôi nhìn thấy ông. Không phải ông của lúc này. Mà ông của ngày xưa. Khi lần đầu tiên ông nghe bài hát đó. Một chàng trai trẻ ở Paris. Liệu ông từng có một cô gái không? Tôi có thể nhìn thấy qua đôi mắt đẹp buồn, và già nua của ông rằng ông từng có một cô gái.

Ông giơ tay lên chạm vào riềm mũ. “Cám ơn, cô gái. Tạm biệt,” ông nói rồi bước đi.

Tôi trân trối nhìn theo ông, và rồi nhìn xuống đồng xu trong tay mình. Tôi cho vào túi, ngồi xuống ghế, và chơi.

Một nốt một lần.

Đó là buổi sáng thứ Tư.

Đã qua một ngày, còn hai mươi ngày nữa.

Tối qua tôi về muộn để tránh mặt bố. Ông ra ngoài ăn tối và tôi không về đây cho đến khi tôi chắc chắn là ông đã đi. Tôi ngồi bên bờ sông và chơi guitar hàng giờ liền. Rồi tôi đi tìm mua thêm những thứ đồ cổ cho mẹ tôi. Tôi gọi FedEx lúc tối muộn và gửi tất cả cho Vijay. Bác sĩ Becker sẽ chỉ chặn những gì tôi gửi trực tiếp cho bà vì thế tôi hy vọng Vijay có thể lén mang đồng đồ này vào khi tới thăm. Tôi đã gọi cho cậu và cậu bảo sẽ thử xem sao.

Lúc này đây tôi đang ngồi ở đầu bàn ăn. Tôi lấy Vinaccia ra khỏi hộp, đặt nó lên bàn và tôi nghịch cái khóa bị vỡ của cái hộp, đợi bố tôi nói xong điện thoại. Tôi muốn nói chuyện với ông. Tôi đã nung nấu một kế hoạch. Bởi vì tôi không thể chịu thêm một ngày nào nữa như ngày hôm qua, chứ nói gì đến ba tuần chẳng khác gì hôm qua.

Bố đang ngồi ở đầu kia bàn ăn, nói chuyện với bác G bằng điện thoại có micro và loa ngoài. Bác G đang đi vào vài thông tin chi tiết về dòng họ Bourbon - gia đình của vua Louis XVI - và dòng họ Habsburg - gia đình của hoàng hậu Marie Antoinette. Tôi tiếp tục nghịch cái ngạnh khóa, cố lôi nó ra từ bên dưới cái khóa, để thùng đàn đóng khít lại. Nếu ai đó cầm thùng đàn lên ở chỗ tay cầm, thì sợi dây buộc sẽ không vòng qua, chiếc guitar có thể rơi ra và vỡ tan. Tôi không thể chịu nổi dù chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi. Tôi đã thử nhét một cái kẹp giấy vào trong cái khóa và ngoáy. Nhưng không được. Đầu nắp bút, dao gọt hoa quả, mở nắp chai cũng đều không được. Giờ thì tôi đang dùng cái nĩa bằng nhựa.

Tôi nghe thấy bố chào tạm biệt bác G. Tôi vặn cái nĩa mạnh quá thế là nó gãy mất. Một mẫu bay qua bàn và rơi xuống laptop của bố tôi. Ông nhìn tôi. Tôi nhìn ông. Chúng tôi không cãi nhau vào lúc này và khi chúng tôi không cãi nhau, chúng tôi không có gì nhiều để mà nói với nhau.

“VẬY... Paris, Bỉ, và Đức à? Bác G đang làm ba bộ xét nghiệm à?” tôi nói.

“Ừ. Phức tạp lắm,” bố tôi đáp.

“Con hiểu được chuyện phức tạp. Con là thiên tài mà, bố nhớ chứ?”

Ông lờ đi. “Bác G muốn đảm bảo là không ai có thể nghi ngờ các kết quả xét nghiệm. Hoặc là khoa học đằng sau nó hoặc chương trình nghị sự.”

“Chương trình nghị sự?” Tôi nói. “Sao lại có...”

Tiếng chuông cửa vang lên, cắt ngang lời tôi.

“Taxi của bố,” bố tôi nói, khoác áo vào.

“Này bố, đợi đã...”

“Gì thế, Andi? Bố phải đi,” ông nói.

“Nếu con viết xong đề cương thì con về nhà được không?”

“Con sẽ về nhà. Chúng ta đã đặt sẵn vé máy bay quay về vào ngày hai mươi ba.”

“Ý con là sớm hơn. Nếu con làm xong trước cuối tuần này, con bay về nhà vào Chủ nhật được không?”

“Bố e là ý tưởng đó không hay lắm.”

“Sao lại không? Bố bảo con phải viết xong đề cương, vậy con sẽ viết xong đề cương. Và khi con về nhà, con sẽ cư xử tử tế. Con thề. Hàng ngày con sẽ gọi điện thoại cho bố. Bố có thể bảo Rupert Goode kiểm tra con. Chắc, có thể không phải Rupert. Bà Gupta thì sao?”

“Con đã nghĩ kỹ chuyện này?” Ông nói, cầm cặp tài liệu lên.

“Vâng ạ.”

Ông chăm chú nhìn tôi thật lâu, và tôi chăm chú nhìn lại ông thật lâu. Tôi ngạc nhiên khi thấy tóc ông đã có nhiều sợi bạc hơn, và quanh mắt ông có nhiều vết chân chim hơn, so với những gì tôi nhớ.

“Bố tưởng...” ông cất tiếng, rồi lắc đầu. “Bố không biết mình tưởng gì nữa. Ngày xưa con rất thích Paris.”

Tôi chẳng nói gì. Tôi vẫn thích Paris. Paris không phải là vấn đề và cả hai chúng tôi biết điều đó. Nhưng tôi sẽ không nói ra chuyện đó. Chỉ lần này thôi tôi sẽ ngậm miệng lại. Bởi tôi tuyệt vọng muốn ông đồng ý.

“Được rồi. Nhưng có điều kiện. Thứ nhất - đề cương phải tốt. Thực ra, nó phải xuất sắc để đưa con ra khỏi cái hố mà con đã tự đào. Bố muốn xem bài điểm A, chứ không phải C. Con định vẫn tiếp tục cái ý tưởng DNA âm nhạc đó à? Bằng Powerpoint ấy?”

“Vâng.”

“Thế thì bố muốn xem một bản nháp phần giới thiệu thật tốt, cùng với đề cương. Để bố xem thử nó sẽ được trình bày như thế nào. Với cả, bố muốn đề cương phải có danh sách chung gồm các cuốn sách viết về chủ đề đó, những nguồn trích dẫn cơ bản, và một danh sách các phương tiện con định sử dụng.”

Yeesh. Phần giới thiệu và đề cương. Trước Chủ nhật.

“Mình thỏa thuận thế nhé?” ông nói.

“Vâng,” tôi nói. Và tôi thực lòng nghĩ thế. Tôi thực lòng đến mức tôi cho chiếc Vinaccia vào lại thùng và mở một trong những cuốn sách của bác G về Malherbeau ra trên bàn trước khi bố tôi cài xong nút áo khoác.

Ông dừng lại lúc đi ra cửa. “Chà, bố mừng khi thấy có thứ gì đó có thể tạo động lực cho con,” ông nói. “Dù rằng đó chỉ là ý nghĩ được tránh xa khỏi bố.”

Tôi cố nghĩ ra gì đó để nói. Một lời tử tế, nhưng không đến nỗi giả dối tới mức nó sẽ khiến cả hai phải xấu hổ khi tôi nói ra điều đó.

Nhưng đã quá muộn. Cửa đã đóng sầm lại. Âm thanh đó vang vọng trong phòng.

Ông đã đi. Lại một lần nữa.

... như vậy chúng ta thấy rằng năm 1795 thực sự là bước ngoặt với Malherbeau. Đây là năm ông phá vỡ các quy ước âm nhạc của thời đại mình và sáng tạo ra một hình thức hòa âm độc đáo. Như thế nào? Tại sao lại là 1795? Chưa ai trả lời được những câu hỏi này. Chúng ta hoàn toàn không biết về cuộc sống niên thiếu của Malherbeau, cha mẹ ông, nơi ông sinh ra, khi còn nhỏ ông được học nhạc thể nào. Chúng ta chỉ biết rằng ông đến Paris vào mùa thu năm 1794 và khi ở đó, ông bắt đầu kiếm sống bằng cách sáng tác nhạc cho rạp hát.

Ở chương tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét một tác phẩm ở giai đoạn đầu - bản Concerto giọng La thứ, còn được gọi là bản Concerto Pháo hoa. Tại sao Malherbeau lại gọi tên tác phẩm như vậy, cũng như rất nhiều thứ khác về nhạc sỹ này, vẫn còn là điều không ai biết. Khác với, chẳng hạn như Âm nhạc cho Hoàng gia, bản Pháo hoa của Handel được vua George II của Anh đặt để tưởng niệm kết thúc cuộc chiến Kế vị ở Áo, bản Concerto Pháo hoa không được hoàng gia đặt hàng cũng như không hề có ghi chép gì rằng nó được chơi trong một sự kiện quốc gia. Mặc dù bản concerto này không có được sự phức tạp và tinh tế như trong các tác phẩm sau này của ông, nó vẫn mang một ý nghĩa quan trọng. Được sáng tác vào mùa hè năm 1795 trong căn phòng ông ở Marais, bản Concerto Pháo hoa đánh dấu bước khởi đầu cho sự thay đổi hòa âm đột ngột và đáng kinh ngạc của Malherbeau.

Tôi ngả người ra ghế và duỗi tay chân. Bụng tôi gào rú. Tôi nhìn đồng hồ. Đã ba giờ chiều và suốt cả ngày nay tôi chưa ăn gì. Tôi quá bận đọc sách. Cố tìm hiểu kiến thức nền tảng về Amadé Malherbeau.

Ông ta thật bí hiểm. Sách vở nói rất nhiều về âm nhạc của ông, nhưng chẳng nói gì lắm về con người ông cả. Ông xuất hiện ở Paris khi mười chín tuổi, về cơ bản là viết nhạc nền cho vài rạp hát thành phố, rồi bỏ và bắt đầu viết thứ âm nhạc đem lại cho ông sự nổi tiếng. Ông không kết hôn cũng chẳng có con cái, và đến năm bốn mươi tuổi, ông kiếm đủ tiền để mua một căn nhà xa xỉ cạnh Bois de Boulogne. Ông mất ở tuổi năm mươi tám và để ngôi nhà lại cho Nhạc viện Paris.

Khởi đầu là thế, nhưng tôi cần làm nhiều hơn nữa, nếu không tôi sẽ không thể thoát khỏi đây vào Chủ nhật, và tôi đã đặt vé máy bay rồi. Vì gấp rút quá nên tôi không đặt được chuyến bay bình thường đi New York - một chuyến khởi hành vào buổi sáng và đáp xuống New York trong ngày. Tôi chỉ đặt được chuyến khởi hành từ Orly lúc chín giờ tối và phải quá cảnh ở Dublin bảy tiếng đồng hồ. Chuyện đó sẽ là một cơn ác mộng nhưng hoặc thế hoặc là đợi tới ngày hai mươi ba, mà thế còn ác mộng hơn.

Nào... tôi có thể tìm thông tin về Malherbeau ở đâu nữa?

Thùng guitar cũ nằm đối diện với tôi trên bàn. Tôi kéo nó lại để vừa nghịch cái khóa vừa nghĩ. Bác G bảo có một bộ sưu tập bản nhạc của Malherbeau ở thư viện Abelard. Nơi này lại nằm ở trung tâm Paris, tôi nghĩ. Gần sông. Tôi có thể đi tới đó xem. Có khi là chụp ảnh nó. Đó sẽ vừa là nguồn tham khảo cơ bản vừa là phương tiện hình ảnh. Tôi có thể đi tới nhà Malherbeau và xem xét các thứ của ông. Xem bức chân dung treo ở đó. Rồi thì sao? Khó quá. Những người như Vijay với các câu trích dẫn từ các vị lãnh đạo thế giới thực sự làm mọi thứ trở nên khó khăn.

Cái ngành khóa vẫn kẹt. Nó không chịu nhúc nhích dù tôi có chọc bao nhiêu chăng nữa. Nó

thực sự làm tôi phát điên lên. Tôi vào bếp và tìm kiếm linh tinh. Năm phút sau, tôi đi ra với cái đĩa móng tay, cái tua vít, kim móc, và một lon dầu ô liu.

Tôi lấy cây guitar ra khỏi thùng, rồi đẩy cái thùng ra giữa bàn, ngay dưới cái chúc đèn treo để nhìn cho rõ. Tôi nghiêng cái thùng, nhỏ vài giọt dầu vào ổ khóa và bắt tay vào sửa.

Nửa tiếng sau tôi vẫn chả làm được tích sự gì. Cái giũa không lọt được vào trong ổ khóa. Tua vít chả dùng được và tôi làm cái kim móc cong oặt đi. Giờ thì tôi thực sự phát điên lên và ngã người lên trên bàn, cố nghiêng cái thùng sao cho ánh sáng từ chùm đèn chiếu thẳng vào trong ổ khóa, thì tôi nghe một tiếng cách nhỏ.

Tôi nhìn xuống. Đó là chiếc chìa khóa của Truman. Nó rơi ra khỏi áo tôi và va vào cạnh thùng đàn. Cứ thử biết đâu được, tôi bắn khoăn. Tôi tháo chìa khóa ra và thử đút vào. Nó khít trong ổ khóa, nhưng khi tôi cố vặn thì nó chả nhúc nhích gì. Tôi vặn mạnh hơn một chút. Chỉ một chút. Tôi không muốn làm gãy cái gì cả. Vẫn không có gì. Tôi kéo chìa khóa ra nhưng nó bị kẹt.

Tôi bắt đầu hoảng loạn. Đáng lẽ tôi không nên tháo nó ra. Tôi chưa bao giờ cởi nó ra. Tôi vặn lại nó - cực mạnh. Tay tôi bị trượt và cái cạnh khóa cắt vào tay. Tôi mút chỗ bị đứt rồi thử lại lần nữa. Tôi muốn lấy lại chiếc chìa khóa của Truman.

Tôi vừa kéo vừa đẩy vừa vặn mạnh hết mức có thể. Ngón tay tôi đau, nốt khức chảy máu, tôi bắt đầu chửi thề và toan bỏ cuộc thì đột nhiên có một tiếng kèn kẹt, chiếc chìa khóa xoay và cái ngạnh đưa lên rồi lại rơi xuống, nhưng chiếc chìa khóa vẫn tiếp tục xoay. Nó nên dừng lại, nhưng không. Nó vẫn tiếp tục quay và đột nhiên có một tiếng rắc và một vết nứt nhỏ xuất hiện bên hông thùng đàn.

Tôi đã làm vỡ nó. Ôi khỉ thật. Tôi nhìn kỹ hơn, tự hỏi làm thế quái nào để giải thích chuyện này cho bác G đây, và tôi thấy vết nứt thẳng băng không hề có vết lõm chồm nào, thật là kỳ quặc. Tôi chọc ngón tay vào, tách nó ra một chút, và một mùi nồng nặc kỳ lạ xộc ra. Có một thoáng ngần ngại, rồi tôi nghe một tiếng nhỏ, khẽ khàng, như một tiếng rên rỉ. Mặt trên từ từ nâng lên, và khi nó mở ra, tôi há hốc mồm.

Bởi bên dưới là khuôn mặt của Truman. Nhìn lên tôi.

Là do thuốc an thần,” tôi thì thầm. “Mình lại uống quá nhiều thuốc rồi. Mình đang thấy ảo ảnh.”

Tôi nhắm chặt mắt lại. Nhưng khi tôi mở ra, Truman vẫn ở đó.

Vài giây sau, khi tim tôi thôi chạy đua thành thịch, tôi thấy nó hoàn toàn không phải là khuôn mặt của Truman - nó là khuôn mặt của một thằng bé khác. Nhưng dẫu vậy, kiểu gì đó tôi biết khuôn mặt này. Nó được vẽ trên một hình oval nhỏ màu ngà, ngoài bọc khung vàng. Mắt thằng bé màu xanh da trời, tóc vàng và xoăn như tóc Truman, nhưng các nét trên mặt thì khác, thanh tú hơn. Nó mặc một chiếc áo kiểu cổ có đính đăng ten trên cổ và một áo khoác màu xám.

Bên cạnh nó, nằm sâu bên trong lớp đệm nhung, là một cái bao nhỏ bằng vải muxolin có thắt nơ màu xanh. Tôi cầm và đưa lên mũi - mùi đinh hương. Có cả một cuốn sách nữa - nhỏ, bọc da và không có tên. Tôi mở ra. Trang giấy cứng, các mép sách màu nâu, và kín đặc chữ. Trang đầu tiên có ngày trên đó - 20 tháng Tư năm 1795. Cách đây hơn hai trăm năm. Thật là tuyệt diệu. Cuốn sách này có thể cổ đến mức đó ư? Tôi bắt đầu đọc. Rất chậm. Tiếng Pháp cổ và chữ viết nguệch ngoạc, lộn xộn.

Ngày 20 tháng Tư năm 1795

Lịch sử là tiểu thuyết.

Robespierre nói thế và ông ta nên hiểu điều đó. Trong ba năm qua, ông ta đã viết nó.

Giờ đến phiên tôi.

Những trang mà giờ đây bạn cầm trong tay không phải là tiểu thuyết. Chúng là lời kể chân thực những ngày đầy máu và đắng cay này. Tôi viết vội vã và đầy hy vọng - hy vọng rằng khi đọc những gì được viết ra đây, thế giới sẽ biết sự thật. Bởi sự thật sẽ giải phóng bạn.

Robespierre không nói điều đó. Chúa Jesus nói. Và sợ rằng bạn có thể nghĩ tôi là một kẻ ngu xuẩn, tôi ý thức rất rõ chuyện gì xảy đến với ông ấy.

Nếu bạn tìm thấy tập sách này, thì tôi không còn nữa. Và vai diễn cuối cùng tôi đóng, vai của Người Xanh, đã kết thúc.

Nhưng cậu vẫn còn sống. Trong nỗi sợ hãi và khốn khổ - nhưng cậu vẫn còn sống. Đã có nhiều kế hoạch được đặt ra để giải phóng cậu, nhưng tất cả đều thất bại.

Hãy làm điều tôi không làm được. Mang câu chuyện này ra khỏi Paris. Dem nó sang London, tới một người ở phố Fleet có thể in nó và khiến mọi người chú ý. Một khi thế giới biết được sự thật, cậu sẽ được tự do.

Chỉ có điều là nhanh lên. Làm ơn, xin hãy nhanh lên.

Chúng giam giữ cậu trong tòa tháp, trong một căn phòng tối tăm lạnh lẽo chỉ có một cửa sổ vừa nhỏ vừa cao. Lính gác rất độc ác. Không có lò sưởi để sưởi ấm cho cậu. Không có nhà xí.

Phân của cậu ị thành đồng ở góc phòng. Cậu không có đồ chơi. Không sách vở. Không có gì ngoài lũ chuột. Thức ăn cậu nhận được, cậu cho ra một góc để dụ lũ chuột đi. Cậu không biết rằng mẹ mình đã chết và dùng đá viết lên tường: Mẹ ơi, xin mẹ...

Bạn biết tôi đang nói về ai. Tù nhân trong tháp canh. Phải, chính là cậu.

Đừng gấp những trang này lại. Hãy đọc tiếp, tôi xin bạn. Một khi bạn đã gan dạ. Một khi bạn đã tử tế. Bạn có thể gan dạ và tử tế như xưa.

Tên tôi là Alexandrine Paradis.

Tôi mười bảy tuổi.

Tôi không còn sống lâu nữa.

Tôi ngừng đọc, bối rối. Cái gì thế này? Một loại nhật ký?

Người viết nhắc tới Robespierre và tù nhân trong một ngọn tháp...

Lão Robespierre đó? Tù nhân đó?

“Không thể nào,” tôi nói. “Làm gì có chuyện.”

Tôi cảm bức ảnh cậu bé lên. Tôi nhìn khuôn mặt cậu, nhìn đôi mắt xanh nghiêm nghị, và tôi nhận ra trước kia mình đã thấy cậu - trong tập ảnh của bác G, những thứ mà bác với bố đã xem vào đêm chúng tôi đến đây. Có một bức ảnh con trai của vua Louis XVI và hoàng hậu Marie Antoinette, cùng với những tấm ảnh chụp quả tim đựng trong bình thủy tinh.

Những bức ảnh đó sao rồi nhỉ? Chúng đâu rồi? Tôi nghĩ lại bữa tối hôm đó - cô Lili cầu bác G và vợ hết chúng khỏi bàn. Cô để chúng ở đâu nhỉ? Tôi bắt đầu tìm kiếm, tay vẫn nắm chặt bức chân dung nhỏ. Số ảnh không có trên bàn ăn. Chúng không ở trong bếp. Chúng không nằm trên bàn cà phê. Và chúng cũng không có trên giá sách. Có khi chúng không còn ở đây nữa. Có khi chúng nằm trong cặp tài liệu của bố. Có khi bác G cầm chúng đi Bỉ rồi. Tôi cứ tiếp tục tìm và suýt vỡ lấy chúng khi cuối cùng tôi nhìn thấy chúng nằm trên một chồng sách.

Tôi lật vội qua các tấm ảnh, tìm tấm mình muốn, và giờ nó ra cạnh bức chân dung. Quần áo thì khác. Tóc trong bức tiểu họa dài hơn. Nhưng dù vậy, vẫn là cậu bé - Louis-Charles, vị vua bị mất của nước Pháp.

“Không thể nào,” tôi lại nói.

Nhưng đúng là thế, một giọng nói bên trong tôi thì thầm.

Đúng thế.

Tôi đặt bức ảnh sang chỗ khác. Cho bức chân dung vào lại trong hộp đàn. Và cả cuốn nhật ký nữa. Rồi khóa lại càng nhanh càng tốt.

Tôi tự nhủ đây là một chuyện xui xẻo, cái cuốn nhật ký đó, một cuộc hành trình mệt mỏi. Mà tôi không cần thêm một cuộc hành trình mệt mỏi của ai cả. Tôi đang đi cuộc hành trình của mình rồi.

Nhưng sự thật là tôi sợ nó mà không biết tại sao lại thế. Đọc nó có cảm giác như nhận kẹo từ người lạ. Đi nhờ xe. Đi tàu điện ngầm lúc nửa đêm.

Tôi nhảy lên sofa, bật tivi của bác G lên, và xem kênh CNN. Hai phút sau, tôi tắt tivi, gọi Vijay và được chuyển vào hộp thư thoại. Tôi cầm cuốn sách tôi đang đọc về Amadé Malherbeau lên và lật ra.

... những gì còn lại cho chúng ta thấy các bản nhạc viết cho rạp hát của ông êm dịu nhưng không có gì đặc sắc. Chúng không hề tiên báo được sự xuất sắc và phức tạp xuất hiện trong tác phẩm sau này của ông...

Tôi gấp sách lại. Tôi không tập trung nổi. Không thể ngồi yên. Tôi đứng dậy, lục sạo trong bếp tìm thứ gì ăn, nhưng không thấy gì cả, rồi bước lại chỗ thùng đàn, chìa khóa trong tay giống như bà vợ ngu xuẩn của Bluebeard.

Tôi lấy cuốn nhật ký ra và lật qua trang đầu tiên. Đúng lúc đó, một thứ rơi xuống bàn. Đó là một mẫu báo được kẹp kèm, nhỏ và mỏng tang.

NGƯỜI XANH LẠI CHO NỔ PHÁO HOA

Paris, 2 Floréal III - Phố Người Xanh, tên con phố dành cho kẻ sống ngoài vòng pháp luật đang khiến công dân Paris khiếp sợ với các màn nổ pháo hoa chết chóc, tối qua lại cho nổ pháo, gây thiệt hại tài sản trên phố Rue de Normandie.

Không ai biết mục đích các vụ nổ pháo hoa của gã. Vài người tin rằng Người Xanh - sở dĩ có tên như vậy là vì các nhân viên chế tạo pháo hoa từng trang bị lá tươi lên người để tránh các tàn nổ - đang bắn pháo để ra hiệu cho quân đội nước ngoài. Những người khác lại nghĩ pháo hoa là ám hiệu giao tiếp giữa các thành viên của lực lượng nổi dậy trong thành phố.

Tướng Bonaparte, người chỉ huy của Cảnh vệ Paris, sáng nay đã bị Quốc hội chất vấn rằng tại sao Người Xanh vẫn còn được tự do. Bonaparte đảm bảo với họ rằng ông đang làm mọi việc trong quyền lực của mình để bắt tên vô lại này.

"Tôi đã tăng số lượng lính gác trên phố và đặt phần thưởng một trăm franc cho đầu của Người Xanh," ông nói. "Hắn sẽ bị bắt - chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Và khi hắn bị bắt, thì công lý sẽ được thực hiện một cách nhanh chóng và nghiêm khắc."

"2 Floréal," tôi nói to. Tôi nhớ cái từ đó - Floréal - từ bài học trên lớp về Cách mạng. Quốc hội đã bỏ lịch Julian cũ và lấy ngày 22 tháng Chín năm 1792 - ngày nước Pháp trở thành nước cộng

hòa - làm Ngày thứ nhất của năm thứ nhất. Họ tuyên bố rằng thời gian sẽ bắt đầu lại - với họ. III có nghĩa là Năm Ba tức là năm 1795, tôi nghĩ.

Nhưng Người Xanh là ai?

Tôi lật lại trang đầu tiên. Người viết có nhắc tới một gã người xanh ở đây. Cô ta nói đó là vai cuối cùng mà cô ta đóng. Nhưng cô ta là con gái, không phải là đàn ông. Tên cô ta là Alexandrine, tên con gái. Cô ta giả vờ là đàn ông à? Tại sao? Và nếu vậy, cô ta sẽ làm gì với pháo hoa? Ngoài việc chọc tức Napoleon Bonaparte, mà chuyện đó có vẻ không thông minh cho lắm. Cái lão đó tính nóng. Mà lại có cả quân đội trong tay.

“Cô là ai?” tôi nói to. Chẳng với ai cả.

Điện thoại của tôi đổ chuông. Tôi giật bắn người.

“Trời ơi, Vijay! Cậu làm tớ sợ chết khiếp. Cậu muốn gì?”

“Có cậu muốn gì ấy? Cậu để lại tin nhắn cho tớ mà.”

“À ừ. Xin lỗi. Cậu sẽ không tin chuyện này đâu. Tớ vừa tìm thấy một cuốn nhật ký. Nó được giấu trong một hộp đàn guitar cũ. Tớ nghĩ nó có thể thực sự là đồ cổ. Từ hồi Cách mạng Pháp.”

“Tuyệt thế.”

“Ừ, nó đúng là tuyệt thật. Có một mẫu báo cũ đính kèm với nó. Ngày tháng kỳ quặc lắm - 2 Floréal 3. Có biết nó tương đương với tháng nào không?”

“Có khi là tháng Năm,” cậu nói. “Họm đã...” tôi nghe cậu gõ trên bàn phím, rồi, “Rồi đây. 20 tháng Tư, năm 1795.”

“Cậu làm cách nào mà nhanh thế?”

“Tớ tìm thấy một bảng quy đổi trên mạng. Thế nó viết gì?”

“Tớ không chắc nữa. Tớ chỉ mới bắt đầu đọc, nhưng...”

“Vijay!” tôi nghe tiếng gọi. “Con làm sao mà học hành được khi bụng trống rỗng hả? Tại sao vẫn chưa ăn bữa sáng mẹ làm cho con?”

“Bởi vì con đang nói chuyện điện thoại, thưa mẹ!”

“Lại đú điếc với bạn bè chứ gì! Ai thế?”

“Tổng thống Ahmadinejad.”

“Ôi trời ơi! Ông ấy nói sao?”

“Ông ấy bảo muốn xem Jeezy diễn ở Beacon tối nay. Tổng thống Putin cũng đến. Ông ấy kiếm được một vé từ chỗ Tổng bí thư Kim Chính Nhật. Các vị tai to mặt lớn đều đi xem hết.”

“Đừng có mà táo bạo quá cậu ơi!”

“Tớ phải gác máy đây,” cậu nói với tôi. “Quân địch vừa ném một quả bom Mẹ xong.”

“Bình sỹ, lùi lại. Rút lui.”

“Tháng Tư 1795,” tôi tự nhủ.

Tôi vuốt bìa da cuốn nhật ký, nghĩ đến cô gái đã viết nó, và cô ấy đã hy vọng chuyển được nó ra khỏi Paris đến nhường nào. Chuyện đó không xảy ra, bởi hơn hai thế kỷ sau nó vẫn nằm ở Paris.

Còn cô ấy thì sao - Alexandrine ấy? Số phận cô ấy ra sao?

Chẳng phải bác G nói chiếc guitar được tìm thấy trong hầm mộ ư? Chắc hẳn là cô đã bỏ nó ở đó. Có vẻ như cô đang chạy trốn. Có thể là cô giấu trong hầm mộ cho an toàn rồi không lấy lại được. Hoặc có thể có chuyện rủi xảy ra và cô ấy chết ở dưới đó. Và cái thùng đàn nằm sâu trong lòng đất cho đến khi nó được đào lên và người tìm thấy nó chưa bao giờ thử mở cái đáy giả bởi ai lại nghĩ trong thùng đàn guitar lại có một cái đáy giả cơ chứ. Dù sao thì kẻ đó cũng không có chìa khóa.

Nhưng tôi thì có. Kiểu gì đó tôi lại có chìa khóa. Làm thế nào mà chiếc chìa khóa từ thế kỷ mười tám ở Paris lại sang được Brooklyn ở thế kỷ hai mốt?

Cô ấy đã trốn sang New York chứ không phải London? Chìa khóa để trong túi áo khoác? Và kiểu gì đó nó lại nằm trong hộp đồ đồng nát ở chợ trời? Hoặc cái chìa khóa của Truman hoàn toàn không phải là chìa khóa của cô ấy. Có thể nó là một loại khóa cũ chuyên mở thùng đựng các nhạc cụ. Khả năng là thế.

Dù thế nào, tôi không nghĩ là cái ngăn bí mật trước đây đã được mở ra. Nếu thế thì cuốn nhật ký với bức tiểu họa chả còn trong đó nữa. Tôi không nghĩ là nó được mở ra kể từ lúc Alexandrine đích thân khóa nó lại và chạy trốn. Hay khóa nó lại rồi chết.

Không được mở ra cho đến tận bây giờ.

Không được mở ra cho đến khi tôi mở ra.

Tôi nhét mẩu giấy vào lại cuốn nhật ký và đọc tiếp.

Ngày 22 tháng Tư năm 1795

Chính may mắn đã đưa tôi đến với cậu. Hay tôi từng nghĩ như vậy.

Đó là một ngày Chủ nhật hồi tháng Tư. Nhiều năm trước. Vào năm 1789. Robespierre đã cấm Chủ nhật. Và năm 1789. Nhưng tôi tính theo lịch cũ, không phải lịch mới.

Thời trước đó. Trước khi người dân Paris lật đổ một nhà tù, một cung điện, một đức vua.

Cả nhà tôi tụ tập trong một căn phòng ẩm thấp khổ sở. Bà tôi đang khuấy súp. Súp thỏ, bà nói, nhưng không ai tin lời bà. Quá nhiều mèo bị mất tích rồi.

Chúng tôi về nhà - bố tôi, chú tôi và tôi - không mang theo rương và thùng.

Các con rồi đâu rồi? mẹ tôi hỏi.

Bọn anh biểu diễn về cách mạng Mỹ, bố tôi nói với bà. Đột nhiên bọn anh bị bọn lính tấn công. Chúng bảo màn diễn xúi giục nổi loạn. Chúng đâm nát rồi, lật đổ sân khấu, và đốt tất cả.

Ôi Chúa ơi, chúng ta xong đời rồi! Mẹ tôi kêu lên. Làm thế nào nuôi bọn trẻ đây? Mình sẽ làm gì đây? Nói cho em biết... làm gì đây?

Mình sẽ làm rồi mới, chú tôi nói.

Để bọn lính lại đâm nát hết à? Mẹ tôi nói.

Mình sẽ làm rồi hề, chú tôi nói, và sẽ giàu to. Ông quay sang bố tôi và nói, Paris muốn các trò hề, không phải ý tưởng gì cao siêu, anh Theo ạ. Anh phải làm việc này.

Tôi phải làm việc này. Tôi phải làm việc kia. Tôi là con rồi của chú, René ạ, cha tôi lâu bàu.

Cha tôi từng là nhà soạn kịch, còn chúng tôi là diễn viên của ông. Kịch của ông bị thảm và sâu đau, như chính ông vậy, nhưng rạp hát không chịu công diễn chúng vì chúng đề cập tới tự do và việc kết thúc chế độ quân chủ. Vì không đưa kịch của mình lên sân khấu được, ông cho diễn chúng ngoài đường phố, và ông đã bị những kẻ kiểm duyệt bắt giam ba lần. Lần thứ ba, chúng cấm ông không bao giờ được phép diễn nữa. Vì thế ông làm rồi và để chúng nói ra những lời mà ông không thể nói.

Bố sẽ làm chứ ạ? Chị gái Bette của tôi nói với mẹ tôi. Con đói quá!

Tất cả chúng tôi đều vừa đói vừa gầy rạc, bởi vụ mùa thu hoạch kém mà mùa đông thì dài dằng dặc. Sáng nào chúng tôi cũng thấy những thi thể tím bầm và cứng đờ nằm trên phố. Đàn ông, đàn bà, trẻ con. Chết vì đói và lạnh. Được đưa tới nhà xác như những khúc gỗ.

Chỉ có Betty là không gầy. Làm thế nào giữa trận đói mà chị ấy vẫn béo múp múp là điều chúng tôi không hiểu nổi. Mẹ tôi ngờ rằng chị ấy bị giun. Còn bà tôi thì bảo là do thừa mật.

Bố và chú tôi tiếp tục cãi cọ chuyện rồi riết. Mẹ tôi nức nở. Các em trai tôi, tất cả năm đứa, cũng khóc với bà. Bà tôi thì chửi rủa.

Còn tôi? Tôi quyết định thử vận may đi diễn Shakespeare ở Cung điện Hoàng gia. Tôi sẽ diễn Juliet, Rosalind, và Kate, rồi mặc quần ống túm vào và diễn Hamlet, Romeo, và vua Henry trẻ tuổi.

Giờ đây, cung điện là nơi rất buồn - phòng trống không đầy bụi và những kẻ lang thang ngủ dưới gốc cây - nhưng hồi xưa nó từng là trái tim của Paris, một nơi hào nhoáng với những cửa tiệm, nhà hàng, và nhà thổ. Đó là nơi ta có thể mua một cốc nước chanh hay cả cô gái bán cốc nước ấy. Một nơi có thể thấy một nữ chiến binh quần da cộp. Một nơi mà một nữ công tước có thể băng qua, áo lông thú quệt dài trên đất, và một gã ăn xin sẽ cho bạn xem những vết thương hoại tử của gã để xin một đồng xu. Một nơi mà những diễn viên nhào lộn, người đẩy dạn, chân đế trần, nhún nhảy, và những thằng bé người sơn màu biểu diễn các trò, những lão lang băm cho thiên hạ xem những đứa trẻ quái dị đã chết có hai đầu bốn tay nằm trong lọ thủy tinh.

Tôi yêu cái nơi ấy làm sao.

Cung điện thuộc sở hữu của Duc D'Orléans. Tôi chưa bao giờ thấy ông ta bởi ông sống ở những căn phòng cao phía trên những mảnh sân nóng như thiêu như đốt, và ông được coi là người giàu có và độc ác nhất nước Pháp.

Tôi hy vọng sẽ kiếm được vài xu ở đó. Tôi sẽ chẳng kiếm được ở nơi nào khác. Hôm trước tôi đã đi diễn thử ở rạp Comédie và Opéra. Tôi cũng đã thử diễn hề kịch ở năm rạp hát lớn nhưng chả được gì cả. Đến một vai hầu gái cũng không. Mà tôi có thể đóng tốt hơn những vai hầu gái. Tôi có thể đóng vai chính. Nhưng tôi là một cô gái có ngoại hình tầm thường, không xinh đẹp, vì thế chẳng quan trọng.

Tôi đang khoác áo vào thì chị gái tôi lại chỗ bức tường để ngấm mình trong chiếc gương vỡ. Chị nghĩ là không ai nhìn cả, nhưng tôi nhìn và thấy chị lấy một thứ trong túi ra và cho vào miệng.

Đó là một cái bánh. Con lợn béo đó ăn bánh trong khi tất cả chúng tôi ăn súp thịt mèo. Tôi thấy chị lấy thêm một miếng nữa. Em trai Émile của tôi cũng thấy. Nó giơ tay lấy một miếng nhưng chị đánh bật tay nó đi. Nó rít lên và bà mẹ đang cáu giận của tôi, không nhìn thấy toàn bộ câu chuyện, lại tát nó một cái.

Tôi nhìn Émile, thằng bé khóc vì không có đủ cái ăn. Và mẹ tôi, bà khóc vì không có gì cho con ăn. Và rồi tôi lại chỗ Bette và xé toạc túi của chị ra. Một cái bánh bơ rơi xuống sàn nhà.

Nhìn kìa! Chị ấy có bánh mà không chia cho ai cả! Tôi hét lên.

Con chó! Bette rít lên. Mày sẽ phải hối hận nếu mày còn mở miệng ra nữa, tao thề đấy!

Cha và chú tôi, vẫn còn cự nự nhau, không nghe thấy tiếng chúng tôi, nhưng những người khác thì có. Bà tôi nhìn lên từ nồi súp, mẹ tôi nhìn lên từ đồng hồ đang khâu.

Mặt mẹ tôi trắng bệch ra. Bà cầm cái bánh lên. Con lấy cái bánh này ở đâu? Bà hỏi.

Từ chỗ Claude, Bette nói, má chị đỏ rực lên.

Claude là thằng cha giúp việc trong bếp ăn ở một nhà quý tộc, một gã ngốc cao lênh khênh mà Bette rất hâm mộ.

Chính bánh của thằng Claude đã làm cho chị Bette béo ú! Tôi chế nhạo.

Im đi, con ngốc! Không phải do bánh của Claude đâu, bà tôi nói.

Nó sẽ phải lấy mày! Mẹ tôi hét lên. Dù tao có phải xách tai nó đến chỗ linh mục chẳng nữa!

Anh ấy không lấy được! Bette gào lên.

Tại sao không? Nó có ai khác hả? Trả lời tao, con đĩ con này!

Không, mẹ ơi! Anh ấy chỉ còn phải học nghề một năm nữa thôi. Anh ấy thề là bọn con sẽ lấy nhau ngay khi anh ấy được tự do. Ngay ngày hôm đó!

Thật nhục nhã, Bette ạ, mẹ tôi nói. Bụng chửa vượt mặt mà không có chồng. Cái nhà này làm sao dám hé mặt ra đường đây? Tao làm sao mà nuôi thêm được một miệng ăn nữa đây?

Bette nức nở chạy đến chỗ bà tôi và gục đầu vào lòng bà. Khi mẹ và chị tôi đã thôi la hét, chúng tôi nghe thấy tiếng bố nói, từ nãy giờ ông không nghe thấy gì cả.

Thế nếu tôi làm con rối hề như chú bảo rồi thì sao nữa, René? Ông hét lên. Sẽ được ích gì chứ? Chẳng ai đến xem cả. Và nếu có chẳng nữa, dù chúng ta kiếm được một ngàn livre một ngày, thì làm gì có bánh mì mà mua. Ở Paris này chúng ta chết đói, trong khi ở Versailles thì họ ăn bánh ngọt!

Bette ngẩng đầu lên. Chị lấy tay áo quạt mũi. Bánh? Ở Versailles có bánh à? Chị nói. Sao mình không tới đó? Mình sẽ được ăn rất nhiều bánh!

Bette đã sai lầm về Claude. Hắn không bao giờ lấy chị.

Chị đã sai lầm về Versailles. Chị không được ăn nhiều bánh ở đó như chị hy vọng.

Nhưng chị đã nói đúng về tôi. Tôi hối hận, rất hối hận, khi đã mở miệng.

Sao cô ấy phải hối hận? Tôi tự hỏi. Và rồi tôi lại có cảm giác đó - cái cảm giác khi tôi mới bắt đầu đọc cuốn nhật ký - cảm giác sợ hãi. Và tôi không muốn biết.

Tôi không muốn biết điều gì đã làm cô gái đó hối hận. Hay tại sao cô không sống lâu. Hay làm cách nào mà chiếc guitar lại nằm trong hầm mộ - một cái nghĩa địa khổng lồ nằm bên dưới những con phố Paris. Bởi dù lý do là gì, thì chắc chắn là không hay ho và giờ tôi phải bình tĩnh. Tôi sẽ không cãi nhau với bố. Tôi đang làm việc. Thuốc an thần giúp kìm chế nỗi buồn. Và tôi muốn được ở yên trong trạng thái này.

Bụng tôi lại cuộn lên đau đớn và tôi nhận ra mình đói ngấu. Từ tối qua tới giờ tôi chỉ ăn có một miếng thịt hun khói và bánh crêpe pho mát trên đường về đây. Tôi gấp cuốn nhật ký lại và cho nó vào lại trong thùng. Lần này là lần cuối cùng tôi lấy nó ra. Khi bác G về tôi sẽ kể với bác. Và bức tiểu họa. Bác sẽ giải quyết chúng.

Tôi khoác áo jacket vào và túm lấy túi. Tôi sẽ chạy thật nhanh đi kiếm đồ ăn rồi quay về đây đọc tiếp về Malherbeau. Từ giờ đến Chủ nhật tôi còn rất nhiều việc phải làm.

Không đọc thêm chuyện buồn nào nữa.

Hôm nay thế là đủ rồi.

Tôi còn phải bắt máy bay về Mỹ.

Sau mười phút đi bộ, tôi đến một cửa hàng thực phẩm trên phố Rue du Faubourg de Saint-Antoine. Vừa lúc định vào trong thì tôi nhớ ra hôm qua mình có rút tiền vài lần nhưng tiêu sạch rồi, thế là tôi lại cuốc bộ thêm một đoạn tới một cây ATM. Tôi đứng đó, đợi tiền chạy ra thì một thông báo xuất hiện bảo tôi không kết nối được vào tài khoản. Tôi nghĩ mình bấm nhầm mật khẩu và thử lại nhưng vẫn không được.

Tôi rút thẻ ra và gọi điện cho bố. Ông không trả lời. Dĩ nhiên là ông không trả lời. Ông có đôi đâu. Có khi ông đang dùng bữa trà chiều với tổng thống. Tôi gọi số khác. Tiếng tín hiệu truyền qua Đại Tây Dương, rồi một giọng nói vang lên, “Minna Dyson nghe đây.”

“Chào cô Minna.”

Mất vài giây để cái máy Cylon ở đầu dây bên kia chạy chương trình nhận dạng giọng nói. Rồi tôi nghe thấy, “Andi? Cháu đấy hả?”

“Vâng ạ. Ừm... Cháu vừa thử rút tiền ở thẻ ATM. Tài khoản của bố. Và nó bị sao đó. Cháu đang muốn mua đồ ăn mà nó không cho cháu rút tiền.”

“Bởi vì cô đã đóng cái thẻ đó,” cô Minna nói. “Hôm qua có hai lần rút tiền cách nhau một tiếng đồng hồ. Lần đầu một trăm euro rồi lần sau là hai trăm. Ngân hàng gọi cho cô. Cô nghĩ là thẻ bị đánh cắp.”

“Cháu rút đấy. Cháu cần tiền mua mấy thứ.”

“Cháu cần ba trăm euro?” cô Minna nói. “Đó là một khoản tiền khổng lồ đấy Andi ạ. Cháu không thể cứ đi loay quanh rồi rút ba trăm euro bất cứ lúc nào cháu muốn được.”

“Giờ cô là Giám đốc tài chính đấy à?”

Im lặng. Rồi, “Hỏi xin tiền bố cháu ấy.”

“Thử rồi. Bố không trả lời điện thoại.”

“Cô không biết phải bảo sao. Cô chắc là cháu còn ít tiền lẻ đâu đó từ lần tiêu xài vô độ. Kiểm một cái sandwich mà ăn.” Tín hiệu bị mất, rồi trở lại. “... phải cúp máy đây. Cô đang ở phòng thí nghiệm.”

“Đợi đã! Cô Minna? Này cháu đang chết đói ở đây đấy!” Tôi hét vào điện thoại.

Cô ta dập máy. Tôi không tin nổi. Lúc này tôi đói đến mức run lấy bẫy. Tôi nhét điện thoại vào túi áo khoác và tìm thấy một thứ trong đó. Một đồng xu. Tôi lấy ra. Đó là đồng euro vàng sáng bóng - đồng xu mà ông lão đã cho tôi ở bờ kè ngày hôm qua. Tôi quên bém mắt mình có nó. Nhưng nó cũng chả giúp được gì. Không đủ tiền mua nửa cái bánh sandwich.

Rồi tôi nghĩ ra: nếu tôi có được một euro khi chơi trên bờ kè nơi chả ai tới vào mùa đông, thì tôi sẽ kiếm được bao nhiêu euro nếu tôi chơi chỗ có khách du lịch?

Tôi chạy về nhà bác G và tóm lấy cây guitar.

Tôi chơi dở ẹc.

Trời lạnh đến nổi ngón tay tôi tê buốt và tôi không nhấn đúng nốt.

Tôi đang chơi gần tháp Eiffel. Nơi này đông đúc khách du lịch. Tôi đã ở ngoài này nhiều giờ rồi. Dốc hết tâm can ra mà gảy đàn. Cố lờ đi bọn bồ câu, tuyết, và cả đám những tay chơi guitar khác đang cố xông ra trước mặt tôi.

Đã gần sáu giờ và trời tối đen, mà tôi thì đói như chưa bao giờ đói hơn. Tôi kiếm được vài xu trong thùng đàn, có lẽ chừng năm euro tất cả. Gần như chỉ đủ cho bánh mì và pho mát.

Tôi lóng ngóng chơi bài “Come as You Are,” bỏ đàn xuống và thổi vào tay, nhưng chả ích gì cả.

“Nhét vào nách ấy.”

Tôi nhìn lên. Một gã mặc bộ áo liền quần màu da cam đứng đó. Ở chân gã là túi đồ nghề. Trông gã như một tên giết người hàng loạt.

“Ừm... sao cơ?”

“Như thế này này,” anh ta nói, khoanh tay trước ngực và nhét tay vào trong nách. “Ấm hơn là thổi.”

Tôi thử làm theo. Anh ta nói đúng.

“Tôi thích nhạc cậu chơi,” anh ta nói. “Muốn chơi cùng không?”

“Này cậu hai, bằng cái gì? Búa à?”

Anh ta quay lại. Anh ta đeo cái giống như là một hộp đàn mandolin trên vai.

Tôi nhún vai. “Ừ. Được thôi.”

Tôi đang nghĩ là có thể hai người chơi sẽ hay hơn. Hay ít nhất là to hơn. Kiểu gì thì chúng tôi cũng sẽ kiếm được tiền mà tôi cần thêm tiền. Anh ta chuẩn bị rồi chúng tôi chơi “Pennyroyal Tea” rồi vài bản của Elliott Smith và Nada Surf. Mọi người dừng lại nghe. Vài đồng xu quăng xuống. Chúng tôi chơi chừng nửa tiếng, rồi chia tiền. Mỗi đứa được hơn bảy euro.

“Nhân thể, tôi là Jules,” gã kia nói. “Tôi làm việc ở kia,” anh ta chỉ ngón tay cái về phía Đông, “cho một xưởng nội thất.”

Thì ra vì thế mà anh ta mặc bộ áo lao động màu da cam. Tôi nghĩ vậy.

“Tôi là Andi,” tôi nói.

“Cậu muốn tới quán Rémy với tôi không? Một quán cà phê. Trên Rue Oberkampf. Tôi chơi ở đó

vào thứ Tư và Chủ nhật hàng tuần. Nhưng mấy tuần nay rồi không chơi vì một đứa trong nhóm... tay guitar? Nó bỏ việc. Quay về Moldova để lấy răng?”

“Lấy cái gì?”

“Răng. Nó cho anh nó mượn hàm răng giả để đeo trong lễ cưới. Chụp ảnh cho đẹp. Nó bảo là cho mượn luôn vào kỳ trăng mật. Nó tử tế nhỉ? Nhưng giờ anh nó không chịu trả. Lễ ra phải gửi trả nhưng anh ta không làm. Vì thế thằng này phải đi lấy lại. Thế cậu có muốn đi không? Chúng ta có thể đi tàu điện. Sẽ được cho ăn tại Rémy.”

“Tôi không biết nữa,” tôi nói. Tôi vừa đói vừa lạnh. Với cả, tôi chỉ vừa gặp tay này mà anh ta nói rất nhiều về răng và tôi thấy một cái que lòi ra từ túi của anh ta.

Jules nhún vai. Anh ta chào tạm biệt rồi bỏ đi. Tôi bập bùng gảy guitar, nghĩ rằng mình sẽ chơi thêm một tiếng nữa. Có lẽ kiếm thêm vài euro. Rồi tôi sẽ được ăn một bữa nóng trong một quán cà phê rẻ tiền. Tôi vừa mới dạo được vài nhịp bản “Wake Me Up When September Ends” thì dây Sol bị đứt. Tôi không còn sợi dây thừa nào.

Tôi nhìn quanh, tìm gã trai mặc đồ da cam. Tôi thấy anh ta. Anh chỉ đi cách đó vài mét, chuẩn bị rẽ qua góc phố.

“Jules! Này, Jules!” Tôi hét lên.

Anh ta quay lại. “Sao?”

“Cậu có dây đàn nào dư ra không?”

“Có.”

“Được rồi.”

“Được rồi cái gì?”

Tôi lo ngại chuyện gì cơ chứ? Một tên giết người hàng loạt sẽ giải quyết tất cả những rắc rối của tôi.

“Được rồi, đợi chút. Tôi đi cùng.”

“Cô ấy chơi giỏi lắm,” Jules nói.

“Nó gãy trơ xương,” gã hói nói, trông khó chịu.

“Thì sao?”

“Thì sao ư? Thì nó sẽ ăn hết đồ ăn trong bếp của tao! Sao lúc nào mày cũng mang bọn chó hoang về cho tao thế? Constatine. Virgil. Giờ thì con này!”

Jules hôn một cái lên đỉnh đầu hói của Rémy. Rémy chửi bới anh ta. Jules kéo áo tôi. “Đi nào. Lối này.”

Tôi nghe Rémy nói với một hầu bàn, “Ai mà quan tâm nó chơi giỏi hay không. Khách hàng đâu có muốn thấy con gái tài năng. Họ muốn thấy gái xinh. Ngực bự.”

“Lần sau chắc chắn tôi sẽ mang theo một ít,” tôi nói. Rémy không nghe thấy nhưng Jules thì có.

“Đừng để ý tới ông ta,” anh ta nói. “Ông ta lúc nào cũng thế.”

“Cậu nghĩ ai cũng cảm râm với Jack White về bộ ngực phụ nữ của anh ta à?”

“Kệ đi. Quan trọng là đồ ăn. Tối nay ông ta nấu món hầm. Tớ nghĩ thấy rồi.”

Chúng tôi bước qua cái nhà hàng nhỏ xíu, qua một quầy bar, tới một sân khấu không to hơn cái lỗ cống. Không có mic. Không loa. Không gì cả.

Tôi thay dây đàn đứt, lên dây, và rồi bọn tôi chơi. Ban đầu thì dở tệ, nhưng rồi tay bọn tôi ấm dần lên, và hay hơn một chút. Jules hát chính. Tôi hát bè. Nó không đến nỗi dở lắm nhưng mọi người lơ chúng tôi đi. Tôi liếc thấy Rémy loay quanh. Ông ta cau có. Ông ta bước tới nói, “Hát bài nào buồn ấy. Khi buồn thì người ta uống nhiều hơn.”

Thế là chúng tôi làm theo. Chúng tôi chơi nhạc của Jeff Buckley, vài bài của Simon và Garfunkel, và nhiều bài buồn thê thiết trong khoảng một tiếng, cho đến khi Rémy ra hiệu cho chúng tôi lại chỗ quầy bar. Có hai bát bò hầm và một ổ bánh mì giòn đang đợi chúng tôi.

Jules mỉm cười với tôi. “Tớ đã bảo là mình sẽ được ăn mà.”

Bò hầm ngon kinh khủng. Còn hơn cả ngon cơ. Nó như thể là máu truyền vào người tôi.

“Này, Jules, tuyệt quá. Cảm ơn vì đã đưa tôi tới đây,” tôi vừa ăn vừa nói.

Anh định đáp lại gì đó, thì có một gã bước tới cầm lấy thìa trong bát của anh và bắt đầu ăn. Tôi hơi bối rối cho đến khi tôi thấy họ hôn lên má nhau.

“Đây là Virgil,” Jules bảo tôi. “Virgil, đây là Andi. Tớ tìm thấy cô ấy ở tháp Eiffel. Cô ấy chơi giỏi lắm.”

“Thế cô ấy đang làm gì với cậu thế?” Virgil nói.

Cậu ta quay sang tôi và... ôi trời, cậu ta rất đẹp. Mẹ kiếp. Ý tôi là, cực kỳ đẹp. Cậu ta cao và thon thả với tóc tết kiểu Lil Wayne và một chòm râu nhỏ dưới môi. Má cậu ta cao, da màu nâu nhạt, mắt ấm áp như cà phê. Cậu ta kéo một cái ghế ra cạnh Jules rồi ngồi xuống.

“Cậu làm gì ở đây thế? Tối nay có đi hầm mộ không?” Jules hỏi cậu ta.

“Không, tớ làm việc. Chỉ tới xem cậu chơi thôi.”

“Hầm mộ?” tôi bối rối hỏi.

“Nghĩa địa,” Jules nói. “Virgil là người chuyên hướng dẫn tour đi tham quan hầm mộ.”

Tôi biết hầm mộ là cái gì - một cái nghĩa địa khổng lồ nằm dưới Paris - nhưng tôi chưa bao giờ nghe tới người hướng dẫn tour cả. “Nghe có vẻ hơi bất hợp pháp,” tôi nói.

“Nó cực kỳ bất hợp pháp,” Virgil nói. “Bọn tôi đi vào những khu đã bị bịt vào buổi tối. Cố gắng tìm ra những đường hầm mới. Tìm những địa phận mới. Sẽ rất nguy hiểm nếu không biết mình đang làm gì. Chủ yếu là vui ấy mà.”

“Đường hầm tối và người chết,” tôi nói. “Phải, nghe vui thật đấy.”

“Ca của cậu bắt đầu khi nào?” Jules hỏi anh ta.

“Nửa đêm,” Virgil nói. Cậu ta bảo chúng tôi cậu ta phải vào thành phố sớm. Lại có rắc rối. Giữa vài đứa nhỏ và cảnh sát. Cậu ta muốn ra khỏi đó trước khi trời tối. Trước khi có người dừng tới xe taxi của cậu ta.

Cậu ta bảo tôi cậu ta là tài xế taxi và rằng cậu ta sống với bố mẹ trong nhà dự án của thành phố - ở khu ngoại ô Clichy-sous-Bois, cách trung tâm thành phố chừng mười dặm. Tôi có nghe đến Clichy rồi. Nó là một nơi nguy hiểm, giống như nhiều khu ngoại ô khác. Vài năm trước, hai đứa nhỏ đã chết trong lúc bị cảnh sát rượt đuổi. Cái chết của chúng làm dấy lên các cuộc bạo động trong nhiều ngày.

“Tôi cứ nghĩ là hết rắc rối rồi,” tôi nói.

Cậu ta lắc đầu. “Chả bao giờ hết rắc rối.” Cậu ta đổi nội dung. “Cậu quê ở đâu?”

“Brooklyn.”

Mắt cậu ta sáng rực lên. “Cậu biết Jay-Z không?”

“Ừm, không. Bọn tôi không hẳn thuộc về cùng tầng lớp, Jay và tôi ấy. Sao? Cậu là MC à?”

“Tôi là siêu sao hip-hop,” cậu ta nói.

“Cậu là thảm họa hip-hop,” Jules nói.

Virgil gạt đi. “Tôi đang viết nhạc của riêng mình,” cậu ta bảo tôi. “Nó là một thể loại pha trộn. Hip-hop. World. Funk. Roots. Tất cả đều ở đó.”

“Bạn ký hợp đồng chưa?” Tôi hỏi cậu ta.

Cậu ta lắc đầu. “Tôi muốn tạo ra nhãn hiệu riêng.”

Jules cười khểnh. “Tốt lắm. Bởi vì Cash Money không muốn cậu làm thế trên nhãn hiệu của họ.”

Virgil lờ cậu ấy đi. “Sau khi có được thương hiệu riêng, tôi sẽ mở câu lạc bộ riêng. Một chuỗi nhà hàng và một dòng quần áo.”

“Tất cả chỉ có thể thôi à? Cậu sẽ chả làm được gì lớn nếu suy nghĩ nhỏ nhặt thế,” tôi nói. “Hãng hàng không riêng thì sao? Hay đội bóng rổ riêng? Một kênh truyền hình cáp? Mà cậu cần có biệt thự ở Shamptons nếu muốn chơi với Jay.”

“Bạn nói đúng. Đúng thế,” Virgil nói. “Ngay khi tôi mua được nhà thì cậu sẽ được mời.” Cậu ta hất ngón cái về phía Jules. “Cả cậu ấy nữa. Sẽ phải đi đổ tất cả xe vào bãi cho tôi.”

Tôi bật cười. Tiếng cười nghe như sắt rỉ. Như tiếng của người sắt trước khi Dorothy tra dầu cho nó. “Bạn viết lời tiếng Pháp hay tiếng Anh?” Tôi hỏi cậu ta.

Cậu ta cười khịt mũi. “Bạn có thể kể tên bao nhiêu nghệ sĩ hip-hop Pháp?”

“Joey Starr...”

“Ai nữa?”

“Ừ... ừm...”

“Chính xác. Cho đến khi Weezy bắt đầu lấy vần bằng tiếng Pháp, tôi lấy vần bằng tiếng Anh.”

Cậu hỏi tôi đã bao giờ xem Team Robespierre chưa. Fischerspooner. Spooky Ghost. Và một đồng những ban nhạc vô danh ở Brooklyn mà không ai ở Brooklyn biết cả.

“Fischerspooner?” tôi nói, lại phá lên cười. “Sao cậu lại biết bọn họ?”

“Bạn ấy biết tất cả các bài hát được viết ra,” Jules nói. “Bạn nên xem phòng cậu ấy, đĩa hát chất từ sàn đến trần. Cậu ta có những bản nhạc điên rồ nhất. Săn lùng những bài hát từ Somalia. Thánh ca của thầy tu ở núi Carpathian. Nhạc Circus từ thập niên hai mươi. Raga. Zouk. Những ban nhạc diễu hành từ Tennessee. Cứ kể tên ra đi, cậu ta có tất.”

“Tại sao?” tôi hỏi, thực sự tò mò.

Virgil nhún vai. “Tìm cảm hứng, chắc thế,” cậu ta nói.

“Bạn ấy muốn viết những bài hát hoàn hảo,” Jules nói.

“Phải, đúng thế.”

“Một bài hát có toàn bộ thể giới trong đó. Tốt và xấu, cái đẹp, nỗi đau,” Jules nói.

“Giáng sinh và đám tang, cà phê và mưa. Vết thâm tím và hoa hồng và cứt và sâm panh,” Virgil hát rap.

“Thuốc lá, sọt rác, nhãn đầu lâu bạc. Đây là những thứ tôi thích,” tôi chêm thêm, bằng giọng

Julie Andrews hay nhất của mình.

Virgil giơ tay lên đập tay với tôi.

Jules chen thêm vào. “Thôi nào, Kanye, cho chúng tôi nghe một ít đi.”

“Bằng cái gì? Đàn mandolin à?”

“Cung ơi,” Jules nói. “Gái vừa thôi. Cậu có phải đàn ông không? Bước lên đi.”

Cậu ta nhào qua quầy bar, lấy một cái xô đựng đá không, biến nó thành beatbox. Tôi bước lên sân khấu, cầm guitar lên, và bắt đầu gảy vài nốt Chili Peppers.

Virgil cười toét miệng. “Chơi nhé?” Cậu ta nói, nhìn tôi.

“Ừ,” tôi nói, nhìn lại.

“Được rồi!” Rémy nói. “Cậu muốn được ăn hả? Lê cái móng gầy trơ xương của cậu lên đó đi.”

Virgil vỗ vào cái đầu sáng bóng của Rémy lúc đi lên sân khấu. Rémy chửi rửa cậu ta. Ba chúng tôi đánh dạo một chút, tìm nhịp. Jules gảy một nốt, kéo dài ra, điểm trang thêm cho nó.

“Chính nó,” Virgil nói. “Ngay đó.”

Tôi thử vài nốt cho đến khi tôi tìm được nốt nhạc có thể làm điệp khúc, thứ gì khác có thể hòa với đoạn xướng.

“Ồ, hay lắm. Tôi thích cái đó,” Virgil nói.

Cậu ta cởi áo ra. Bên trong mặc áo phông trắng. Cánh tay cậu ta nổi gân cuồn cuộn. Cặp móng tuyệt đẹp trong chiếc quần jean. Thực ra là đẹp đến nỗi tôi làm hỏng một nốt do mãi ngắm nó.

Cậu ta quay sang tôi. “Căng thẳng à?”

“Ừ. Không. À ừm.”

Có người chụp ảnh tôi.

“Tôi cũng vậy. Khi tôi giơ tay lên - như thế này - nghĩa là đổi sang điệp khúc,” cậu ta nói. Rồi cười phá lên và nói, “Thế này sẽ chẳng ra làm sao. Cậu biết điều đó, đúng không?” Cậu ta quay sang khán giả. “Bài này tên là ‘Bạn ơi’” cậu ta nói với họ.

Jules và tôi bắt đầu chơi. Virgil nghe vài nhịp, rồi giơ tay lên. Bọn tôi đổi qua điệp khúc. Cậu bắt đầu ngân. Và ngân rất hay. Cậu ngân cực hay. Bọn tôi chuyển sang lời, chập choạng một chút, rồi cuối cùng nâng lên được. Rồi đột nhiên nó xảy ra. Nhịp, vắn và nốt hòa cùng với nhau, và mỗi thứ chúng tôi đang tạo ra đều trở nên lớn hơn và mạnh hơn chính chúng tôi. Trở thành âm nhạc. Trở thành phép màu.

Này bạn ơi

Gọi tôi là cướp, là ma men

và gã nghiện

Này bạn ơi

Gọi tôi là kẻ lừa đảo tiền trợ cấp,

mưu mẹo chiếm tiền phúc lợi.

Tôi không hề muốn làm

Người xấu trong cuộc đời này

cảm thấy đầy rẫy

sự bất hòa

và con dao

cắm sau lưng

Nhưng tôi sống ở ngoại ô

cố không bị tổn thương

sống trong hoang mạc

đầy đói nghèo và sợ hãi

Tôi cố làm theo

không phá hoại gì, sống bình thường

nhưng tôi không thể đổi thay.

Tôi chỉ có thể bèn gan

Tôi đi phỏng vấn

cố tới được chỗ anh

cho thấy tôi có thể làm gì

nhưng anh không muốn nghe

anh cười nhưng chẳng chịu thuê tôi

mà nếu có thuê thì anh sẽ sa thải tôi

bởi anh không ưa tôi

anh mong tôi biến đi

Này này bạn ơi

Gọi tôi là đứa cướp xe, đứa quăng bom

Gọi tôi là kích xe, quăng bom

Chiến hạm tên lửa có điều khiển

Này này bạn ơi

khi tất cả muốn nói là tránh xa

thời sự buổi tối, ngài

Sarkozy

ông có nghe lời khẩn cầu của tôi

nhìn tôi đi

ông thấy gì

ông thấy kẻ tội phạm

nhưng tôi làm việc để kiếm tiền trả tiền thuê nhà

Và tôi muốn

mình không còn khổ nữa

Ông Le Pen

ông chả phải bạn tôi

Pháp bảo chẳng bao giờ nữa

Nhưng ông được bầu vào rồi

tôi bảo đã đến lúc thay đổi rồi

đến lúc hối hận, để chuyển hóa

trước khi lịch sử lại lặp lại

một lần nữa và một lần nữa

Này này bạn ơi

Cứ gọi tôi là đầu gấu, là lưu manh

Bạn nghĩ như vậy đấy

Này này bạn ơi

Không thể chịu thêm nữa

Phải đối mặt với kẻ buộc tội tôi

Cảm nhận cơn giận, tham vọng của tôi

Nó là cuộc chiến của lời, cuộc chiến của sám hối

Sẽ thay đổi đời tôi, hoàn cảnh tôi

Nhờ lựa chọn của bạn

Bởi ngoài đây là cuộc tranh giành

Mỗi ngày là một nhiệm vụ chiến đấu

Tôi phải xin phép

Khi tôi chỉ muốn được nhận vào

Tôi chẳng phải chính trị gia

Chỉ là một nhạc sĩ giản dị

Dùng nhịp điệu làm lý lẽ

Và hát nhạc rap bày tỏ sự chống đối

Bởi dễ dàng nhìn thấy

ở ngoài Clichy này

Tự do, Bình đẳng, và Bác ái,

cho bọn nhỏ ở Sixth

Không phải cho tôi

Cậu hát xong. Một tràng pháo tay, huýt sáo, cổ vũ nổi lên. Thành công rồi. Chả hiểu thế quái nào mà nó đã thành công. Cả bọn cười phá lên. Cả tôi cũng cười. Jules túm lấy cái giỏ bánh mì không trên bàn và chuyển đi. Nó quay về đầy những tờ tiền và xu. Bọn tôi hát thêm. Vài bài là giai điệu do Virgil sáng tác mà Jules biết và tôi cố hết sức để đàn theo. Vài bài là hát lại những bài mà tất cả bọn tôi cùng biết. Khoảng chừng một tiếng sau, bọn tôi lại truyền cái giỏ đi và rồi nghỉ để Virgil ăn.

“Tiền ngon lành đây. Bọn mình nên diễn lại,” Jules nói, giơ số tiền nhận được ra. “Này, Rémy,” cậu ta hét lên, “Chủ nhật bọn tôi quay lại.”

“Tôi sẽ báo cho cánh báo chí,” Rémy nói.

“Hai cậu chơi chứ?” Jules hỏi.

Virgil nhìn tôi, rồi nói có.

“Andi này?” Jules nói.

Tôi nhìn lại Virgil. Vào đôi mắt nâu ấm áp của cậu. “Ừ, có,” tôi nói. “Nếu tôi còn ở đây. Có thể Chủ nhật tôi sẽ bay về nhà.”

Cậu ta nhìn đi chỗ khác, liếc đồng hồ. “Tớ phải đi rồi,” cậu ta nói. Cậu ta húp nốt chỗ súp. “Cậu ở lại hả Jules?”

Jules lắc đầu. “Mai tớ phải đi làm.”

“Còn cậu thì sao?”

“Tôi cũng phải về,” tôi nói.

“Bằng gì?”

“Tàu điện ngầm.”

Cậu ta nhìn đồng hồ. “Gần nửa đêm rồi. Muộn quá không đi tàu điện ngầm được đâu. Tớ sẽ đưa cậu về.”

“Còn tớ thì sao?” Jules nói.

“Nhà cậu cách đây có hai phố. Đi bộ đi.”

Bên ngoài tiệm Rémy, Jules hôn tạm biệt tôi và nhắc tôi nhớ đến hôm Chủ nhật.

“Xe tớ đỗ đằng kia,” Virgil nói, chỉ qua đường vào một chiếc Renault màu xanh cũ kỹ. Bên hông xe có một nhãn dán. Trên đó viết EPIC TAXI - GỌI 01 EPIC RIDE.

Bọn tôi vào xe và cậu hỏi tôi sống ở đâu. Tôi nói với cậu và hỏi ca làm việc của cậu kéo dài bao lâu.

“Nửa đêm đến tám giờ sáng.”

“Vất vả nhỉ.”

“Cũng không đến nỗi. Tớ về nhà, đi ngủ, rồi dành cả buổi chiều sáng tác nhạc.”

“Cậu có thể ngủ vào ban ngày à?”

“Ừ. Em gái và em trai tớ đi học. Bố mẹ thì đi làm.”

“Gia đình cậu, tất cả đều là...”

“Người Pháp. Họ là dân Pháp. Tớ là người Pháp. Tất cả đều là người Pháp,” Virgil nói về cau có.

“Ừm, thực ra là... Tớ định nói là nhạc sỹ.”

“Xin lỗi,” cậu nói, và qua giọng cậu tôi biết cậu thực lòng. “Chỉ là... khó khăn quá.”

“Tớ cũng hiểu ít nhiều. Từ bài ‘Banloser’.”

“Tớ sinh ra ở Paris. Bố mẹ tớ đến đây từ Tunisia khi họ còn nhỏ, nhưng nhà tớ vẫn là dân ngoại quốc. Ả Rập. Dân đen. Cạnh bã. Chúng tớ chính là thứ không ra làm sao ở cái đất nước này và sẽ luôn là vậy.”

“Tên cậu là gì? Tên đầy đủ ấy?”

“Virgil Walid Boukadida. Còn cậu?”

“Diandra Xenia Alpers.”

“Chà.”

“Cậu có thể gọi tớ là Andi.”

“Tớ sẽ gọi thế.”

“Tớ có thể gọi cậu thế nào?” tôi nói, nhìn cậu đầy ẩn ý.

“Mẹ tớ dạy văn học cổ điển,” cậu nói, phá lên cười. “Thi sỹ yêu thích của bà là Virgil.”

Ban nhạc Decemberists xuất hiện trên radio. “Grace Cathedral Hill.” Hai chúng tôi đều lao người tới nút âm thanh. Tay cậu chạm lên tay tôi.

“Xin lỗi,” cậu nói. Nhưng tôi thì không thấy có gì phải xin lỗi.

DJ cho chơi thêm hai bài nữa từ album Castaway and Cutouts. Chúng tôi không nói gì. Chỉ lắng nghe. Hầu hết mọi người không làm được việc đó - chỉ im lặng lắng nghe. Tôi nhắm mắt lại, chơi vài nốt nhạc trong không trung. Album này đẹp tuyệt vời. Khi bài hát kết thúc, Virgil nói rằng Picaresque hay hơn. Tôi không chịu được, thế là chúng tôi tranh cãi cho đến khi bài “Reckoner” được bật lên, và rồi chúng tôi lại im lặng. Khi bài đó hết, Virgil hỏi tôi đã bao giờ xem Radiohead ở buổi hòa nhạc chưa. Tôi bảo rồi và bảo buổi gần đây nhất của họ tuyệt lắm.

“Bạn có không?” cậu kích động hỏi. “Làm thế nào thế? Đĩa vẫn chưa phát hành mà.”

Tôi bảo với cậu rằng họ biểu diễn một buổi nhỏ ở Los Angeles tuần trước và thử vài bài hát mới với đám đông. Có người đã ghi lại chúng rồi gửi lên YouTube. “Tớ để trong iPod. Nếu muốn thì cậu nghe đi,” tôi nói. “Bạn có tai nghe không?”

“Không cần,” cậu nói, chỉ vào cái lỗ trên bảng điều khiển.

Tôi nhét iPod vào và vặn to âm thanh lên. Nghe xong ba bài hát, chúng tôi dừng xe lại trước nhà bác G. Virgil cau mày nhìn ra từ cửa xe vào hai cánh cửa xộc xệch.

“Bạn ở đây à?” cậu hỏi tôi, cho nhạc nhỏ xuống.

“Bên trong đẹp hơn.”

“Hy vọng thế.” Rồi cậu nói, “VẬY... ỜM... cậu ở đây bao lâu rồi?”

“Lâu bố mẹ,” tôi nói.

Những từ đó thoát ra khỏi miệng tôi trước khi tôi kịp ngăn chúng lại và tôi ước giá gì chúng nghe không dở hơi đến thế. Tôi không muốn mình nói năng kiểu thế với cậu, nhưng tôi không ngăn được mình. Tôi lúc nào cũng ăn nói dở hơi. Bác sĩ Becker bảo tôi đó là cơ chế tự vệ, là việc tôi làm để đẩy mọi người ra xa. Nó thành công. Cậu thậm chí không còn nhìn tôi nữa.

“Này, cảm ơn cậu đã đưa về,” tôi nói, cố tỏ ra dịu dàng hơn.

Cậu nhún vai. “Không có gì,” cậu nói, nhào sang hôn cả hai má tôi.

Cậu là người Pháp, nên nó chẳng có nghĩa gì cả, nhưng tôi ước nó có nghĩa gì đó. Tôi thật sự ước ao như thế. Mặc dù tôi biết nó sẽ chẳng hay ho gì. Ý tôi là, tôi đã phải rời khỏi một đất nước vì một gã trai rồi.

“Vào nhà đi,” cậu nói. “Tớ nhìn cậu vào.”

Không ai đợi nhìn tôi vào nhà kể từ khi tôi học lớp một và tôi bảo với cậu thế, nhưng cậu chẳng dịch chuyển. Vì thế tôi làm như cậu bảo. Thật là một chuyện mới mẻ. Mãi đến khi tôi vào tới sân sau và cửa khép lại sau lưng thì cậu mới lái xe đi. Tôi nghe tiếng xe nhỏ dần và trong một thoáng tôi ước đây là Hollywood chứ không phải Paris, để tôi có thể ném đồ xuống đất mà chạy ra hét gọi cậu và đuổi kịp cậu chỗ đèn giao thông rồi bảo cậu rằng tôi thật là một con bé ngu xuẩn.

Nhưng đây không phải Hollywood. Vì thế tôi tìm đường đi qua những bức tượng đáng sợ, cột nhà, đài phun nước của bác G, cố không vấp vào cái gì. Một mình trong đêm tối. Lúc nào cũng thế.

Bố vẫn chưa về. Hơi kỳ quặc.

Tôi ngồi xuống bàn, nhìn chòng chọc lên trần, và tự hỏi tại sao mọi thứ tôi sờ vào đều biến thành dờ hơi hết. Tôi vừa làm hỏng mọi thứ với một anh chàng cực kỳ hay ho - thực ra là anh chàng hay ho nhất mà tôi từng gặp. Và chuyện đó xảy ra chỉ trong vài phút qua. Trong hai năm rồi tôi đã làm hỏng rất nhiều chuyện.

Tôi ước giá gì mình có thể ngừng cái chuyện dờ hơi đó lại nhưng tôi không biết bằng cách nào. Thứ gì có thể hàn gắn những con người đã rạn vỡ nhỉ? Chúa Jesus? Sô cô la? Giày mới? Tôi ước giá có ai đó có thể nói cho tôi biết. Tôi ước gì mình có câu trả lời. Có lần tôi từng hỏi thầy Nathan câu trả lời là gì. Tôi nghĩ có thể thầy biết, khi mà chuyện gì thầy cũng đã từng trải nhưng thầy bảo tôi sẽ phải tự tìm lấy cho chính mình. Rằng ai cũng phải tự tìm lấy.

Tôi thò tay vào túi, lấy chai Qwellify ra và đếm ba viên. Đó là câu trả lời của tôi. Uống đủ liều Qwell và tôi quên đi sự giận dữ và nỗi buồn. Thậm chí tôi quên luôn cả câu hỏi.

Cây guitar của bác G vẫn nằm trên bàn, ngay nơi tôi đã bỏ nó. Tôi vượt hộp đàn, rồi lấy cây guitar ra và chơi một lúc. Nhưng không được gì. Bởi đầu óc tôi giờ đây không nghĩ đến âm nhạc. Nó nghĩ đến thứ khác nằm trong cái hộp - cuốn nhật ký - mặc dù tôi không muốn thế.

Tôi đang nghĩ đến cô gái đó, Alexandrine. Mẫu báo cắt ra. Hoàng thái tử Louis-Charles. Và có cảm giác như những trang giấy kia đang gọi mời tôi. Một thứ âm thanh chẳng lành. Nó giống như tiếng bước chân ở sau ta trong bóng tối hay tiếng cửa nhà chậm chậm mở ra khi bạn nghĩ mình đang ở một mình. Tôi nên để yên nó ở đó; tôi biết điều đấy. Nhưng tôi hầu như chả bao giờ làm cái điều mình nên làm cả.

Tôi lấy chìa khóa của Truman ra, mở cái đáy giả, và cầm cuốn nhật ký lên.

Ngày 23 tháng Tư năm 1795

Chúng tôi đến không đúng lúc một chút nào. Chúng tôi đến Versailles vào giữa tháng Năm năm 1789, chỉ để thấy đầy những người dờ tợn và ủ rũ ở đó.

Họ là ai? Bọn mày bị dờ hơi à? Levesque - tên chủ nhà trọ quắt. Họ là những kẻ đại diện cho ba đẳng cấp. Họ ở đây vì nước Pháp đã phá sản! Những gì các cuộc chiến chưa lấy đi, thì nữ hoàng chó má của chúng ta đã làm thế!

Chú tôi hỏi ông ta những gã trông có vẻ quan trọng kia là ai và hỏi thuê một phòng rẻ. Giờ chúng tôi không có tiền, chú nói, nhưng rồi sẽ có nhiều tiền thôi. Chúng tôi có những con rối hay ho nhất ở nước Pháp và chẳng chóng thì chầy sẽ kiếm được ổi tiền nhờ chúng.

Levesque phá lên cười. Giờ chả ai thèm xem rối riếc nữa, ông ta nói. Họ chỉ khát những tin tức mới nhất từ cung điện thôi. Liệu giới tăng lữ có hòa về phe thường dân không? Mirabeau đã nói gì? Liệu nhà vua có chịu nghe lý lẽ không?

Xin ông, cho chúng tôi thuê một phòng được không? Chú tôi lại hỏi.

Chúng tôi đã bị bộ suốt từ Paris với con lừa Bernard gầy trơ xương kéo theo mọi thứ chúng tôi có trong một cái xe kéo bằng gỗ. Chúng tôi vừa mệt vừa đói, lúc nào cũng đói. Các em trai tôi đang khóc. Mẹ tôi thì cố kiềm chế không bật khóc theo.

Levesque nhìn khắp lượt chúng tôi. Ông ta mắt môi. Hát cho khách trọ của tôi nghe vào các buổi tối trong quán rượu của tôi rồi thì các người được ngủ trong chuồng ngựa, ông ta nói. Những bài hát buồn. Thiên hạ uống nhiều hơn khi họ buồn.

Chuồng ngựa không đến nỗi tệ lắm. Nó khô ráo và có cỏ sạch để nằm lên và bọn họ chết cũng chả kém gì ở Paris. Levesque khoái chú tôi. Đêm muộn, họ ngồi với nhau trong chuồng ngựa, vừa uống vừa nói chuyện. Tôi nghe tiếng họ từ vựa cỏ khô.

Cái bọn đại diện cho ba đảng cấp kia đêm đêm lại cãi nhau, Levesque có lần nói. Nhà vua ra lệnh cho chúng phải hợp tác với nhau giải quyết các khó khăn tiền nong của nước Pháp, nhưng chúng chả làm. Tăng lữ và quý tộc thì không đóng thuế, còn thường dân, những kẻ đóng thuế, thì đã chịu hết nổi và không chịu hợp tác.

Nước Pháp sẽ phá sản, nhà vua sẽ đi săn, và chúng ta sẽ là những người phải trả tiền. Như mọi khi, chú tôi nói.

Levesque lại nói. Giọng ông ta khẩn thiết, nhưng nhỏ, như thể ông không muốn ai khác ngoài chú tôi nghe được. Không phải lúc này, bạn của tôi ạ, ông nói. Có các yêu cầu giới hạn quyền lực của nhà vua. Có tin đồn là sẽ có nổi loạn.

Sáng sáng chúng tôi kéo xe ra quảng trường thị trấn biểu diễn rồi. Chú tôi vội vã dựng một cái rạp từ bàn bếp của chúng tôi trước khi chúng tôi đi khỏi Paris. Nó nằm trên xe kéo của chúng tôi. Tuy vậy có vài người đến xem. Chúng tôi phải giặt quần áo thuê - mẹ tôi, dì tôi, chị tôi và tôi - để khỏi chết đói. Và rồi mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn.

Đầu tháng Sáu, con trai cả của nhà vua, hoàng thái tử Louis-Joseph bị chết do lao phổi. Cậu mới bảy tuổi và cái chết của cậu làm cả hoàng gia đau buồn ghê gớm. Triều đình khóc than cùng họ. Cả thị trấn nữa. Các quán cà phê và cửa hàng đóng cửa. Chúng tôi, với những trò hề rồi, bị thị trấn coi như là dịch hạch.

Tình hình như vậy kéo dài cho đến hết tháng Sáu. Chúng tôi ăn bánh mì cứng và pho mát mốc, đôi khi là vài quả dâu tôi ăn trộm từ ngoài đồng. Các em trai tôi đen sạm đi dưới ánh nắng mặt trời. Chị tôi thì béo núc. Còn mẹ tôi, thêm cà phê và một lần được tắm rửa mà không bị các gã trai chặn ngựa nhìn trộm, trở nên bản tính.

Một tối, Levesque chạy vào chuồng ngựa, vẫy một tờ báo lớn. Ông ta bảo có cuộc nổi dậy. Ông ta bảo chúng tôi rằng cuối cùng thường dân đã thuyết phục được quý tộc và tăng lữ tham gia cùng họ, và họ không còn tự gọi mình là ba đảng cấp nữa, mà là Hội đồng Quốc gia, và rằng họ định tạo hiến pháp cho nước Pháp. Duc d'Orléan, em họ của nhà vua và người thứ ba trong hàng những người kế vị, là một trong số họ.

Nhà vua, giận điên lên với những kẻ nổi loạn, khóa cửa không cho họ vào phòng họp, vì thế họ phải gặp nhau ngoài sân tennis và thề thốt với nhau họ sẽ không chia tách chừng nào có hiến pháp. Nhà vua sai quân lính giải tán họ, nhưng họ vẫn không chịu đi. Bá tước Mirabeau đứng lên ghế hét, Bảo với chủ các người bọn ta ở đây là do ước muốn của dân chúng và sẽ không chịu thua trừ khi đem lưỡi lê ra đây!

Thật là một hành động dũng cảm, Levesque nói, nhưng cũng ngu xuẩn. Mirabeau có thể đã bị bắn tại nơi gã đứng. Nhưng gã ta không bị, và trước sự kinh ngạc của mọi người, thì không phải

Mirabeau nhượng bộ mà chính là nhà vua.

Mùa hè dần trôi. Nhiệt độ và sự tức giận tiếp tục tăng cao. Một nhóm diễn viên sân khấu từ Paris dừng ở quán của Levesque. Họ đeo phù hiệu đỏ, trắng, và xanh. Đó là màu của cách mạng, một người trong số họ nói. Giờ mọi người đều đeo cả.

Họ cũng mang đến các tin tức khác cho chúng tôi. Giá bánh mì đã tăng vút lên. Người đói đã tấn công các phòng thuế vụ để lấy gạo bên trong. Người ta hét lên trên phố rằng nhà vua đã tiêu sáu trăm ngàn livre cho đám tang con trai ông, trong khi hàng ngàn đứa trẻ khác chết đói mỗi ngày. Họ bảo với chúng tôi rằng diễn viên Talma đã ngạo ngược đóng vai Brutus - kẻ giết vua mặc bộ đồ kiểu Roma, tay và chân để trần. Chưa từng có ai làm việc đó cả. Các nhân vật, dù ở thời đại nào, khi đóng đều mặc quần áo kiểu của chúng tôi. Các nhà phê bình gọi ông ta là kẻ làm cách mạng trên sân khấu. Mọi chỗ ở rạp hát đều đặc kín.

Cha tôi bảo, Đây là một điều tuyệt vời. Tôi sẽ đi Paris để xem.

Mẹ tôi năn nỉ ông ở lại. Để diễn thêm một buổi rồi nữa. Chỉ một buổi nữa thôi. Họ sẽ tới xem mà, anh Theo, bà nói, bế đứa em bé nhất của tôi lên ngực bà. Sao họ lại không tới chứ? Không ai làm rồi đẹp được bằng ông cả.

Nghe những lời này cha tôi mỉm cười. Mẹ tôi yêu ông, và ông cũng yêu bà, đến mức điên rồ. Tôi không thể hiểu được tại sao. Bà đâu còn là cô gái má hồng. Bà đã ba mươi sáu tuổi. Bà cũng không đẹp. Mái tóc nâu của bà điểm bạc. Răng thì khắp khềnh. Lúc nào người bà cũng có mùi sữa chua và nước tiểu.

Ông cúi xuống bà, và nghĩ không ai nhìn thấy, đặt một tay lên ngực bà. Ông hôn lên trán đứa bé và hôn lên miệng bà. Điên rồ, thực thể. Tôi quay đi. Tôi không chịu nổi những cảnh như thế nữa. Tôi thề mình sẽ không yêu cái gì và yêu ai như thế. Tôi sẽ luôn và chỉ thuộc về tham vọng của mình mà thôi.

Ngày hôm sau, mẹ tôi mỉm cười. Cha tôi cũng mỉm cười. Ngày hôm sau chúng tôi đi biểu diễn lần cuối cùng ở thị trấn.

Cô ấy nghèo. Và là một diễn viên. Cô ấy thẳng thắn và có một gia đình. Và họ tới Versailles. Nơi nhà vua và hoàng hậu ở. Ngay trước khi Cách mạng. Đây là một điều rất tuyệt vời. Đó có phải là nơi cô gặp hoàng thái tử Louis-Charles không? Chắc hẳn thế. Tôi muốn biết thêm. Về Versailles và những gì cô thấy ở đó. Về cô.

Chiếc đồng hồ đặt trên giá sách đồ chuông. Đã một giờ sáng. Tôi mệt nhoài. Tôi nên đi ngủ. Mai tôi muốn dậy sớm đi thư viện. Tôi nên cho laptop và vở vào túi. Đánh răng. Sạc điện thoại. Ngủ một giấc thật ngon.

Nhưng tôi tiếp tục lật sang trang tiếp theo.

24 tháng Tư 1795

Chúng tôi đang diễn Punch và Judy thì chuyện đó xảy ra. Chúng tôi có một đám đông khán giả nhỏ, đám đông đầu tiên của chúng tôi. Đến tận hôm nay tôi vẫn không hiểu tại sao. Có lẽ mọi người linh cảm thấy chuyện gì đang tới và muốn cười đùa trong khi còn có thể.

Ha, ha, ha! Nhận lấy đi! Punch rít lên khi dùng dùi cui nện Judy, đập vào đầu cô. Khán giả cười rú lên. Rèm buông xuống. Judy đưa cái đầu bị vỡ xuống dưới rèm, một mắt còn dính trên sợi dây, và thề sẽ trả thù.

Cô ta rút lui và tôi xuất hiện. Tôi có nhiệm vụ phải nhảy nhót trước đám đông trước các hồi diễn. Tôi cực ghét việc này - phải làm hề cho bất cứ kẻ ngu xuẩn nào có xu trong túi. Khi diễn vai này, tôi lúc nào cũng mặc quần và áo gi lê, mặc cho chú tôi phản đối. Ông muốn tôi mặc váy đỏ, ngắn và đi tất có đăng ten, nhưng đàn ông có bóp hông chú ta đâu. Khi tôi hát và nhảy, cảnh trên sân khấu được thay và các con rối sẵn sàng. Khi rèm kéo lên, tôi lui vào trong.

Judy, giờ thì vừa mỉm cười vừa ăn nói ngọt ngào, dọn cho Punch một đĩa đậu. Nó nấu dở tệ và khiến ông ta xì hơi. Bụng ông ta trướng lên. Khán giả cười rú lên khi ông ta đánh rắm bay cả cái đĩa đậu xuống khỏi bàn và Judy bay ra ngoài cửa sổ. Rồi ông ta làm con chó nhà hàng xóm bay vào một cái cây. Hàng xóm phàn nàn và cảnh sát tới. Punch đánh rắm bay cả viên cảnh sát lên ống khói, làm bay cả quan tòa ra khỏi phòng xử án và kẻ treo cổ tù nhân khỏi giá treo cổ. Chú tôi tạo ra các tiếng rắm bằng tay và miệng.

Thêm nhiều người đến xem chúng tôi diễn, bị tràng pháo tay thu hút. Và rồi một chiếc xe ngựa trắng lộng lẫy chạy vào quảng trường và dừng lại. Cửa sổ xe mở ra. Tôi nhìn những người bên trong và máu tôi như đông lại. Tôi biết họ. Tôi đã thấy ảnh họ trên báo. Họ là nhà vua, hoàng hậu, con gái của họ - Marie-Thérèse, và bà Elizabeth - chị của đức vua.

Con trai cả của nhà vua mới mất được một tháng. Khi trăn trở nhìn họ, ngồi cứng đờ, lưng thẳng đứng, tôi nghĩ chắc chắn là chúng tôi sẽ bị phạt vì đã diễn trò vui trong khi mọi người còn đang để tang. Chúng tôi sẽ bị tống vào ngục và để cho chết rục trong đó. Tôi đứng yên, không dám thở, đợi nghe tiếng quát nạt bắt chúng tôi lại. Nhưng cái tiếng đó, khi xuất hiện, lại nhẹ nhàng. Nó là tiếng cười, tiếng cười của một đứa trẻ.

Và rồi tôi nghe một giọng nói, ngọt ngào và thỏ thẻ: “Me có thấy không? Punch thổi bay cả con chó của ông kia vào cái cây! Mấy con rối này nghịch thế không biết!”

Một cậu bé, lúc trước tôi không thấy, đứng ở cửa chiếc xe ngựa. Cậu là Louis-Charles, em trai của hoàng thái tử, và giờ chính là hoàng thái tử. Cậu xinh xắn, sạch sẽ, và khác với những đứa em bắn thủ rách rưới của tôi như thiên nga khác với quạ.

Khi buổi rối kết thúc, tôi được gọi lại chỗ chiếc xe. Tôi đến, cúi đầu xuống cả ngàn lần. Louis-Charles nhào ra cửa sổ và đưa cho tôi một đồng tiền vàng. Tôi cảm ơn cậu và lại cúi lần nữa. Biết là không được xây lưng lại với gia đình hoàng tộc, tôi lùi lại một bước, vẫn nhìn họ. Và khi tôi lùi bước, có tiếng rắm to ùng. Tôi lùi bước nữa, lại thêm một cái rắm. Đó là ông chú tham lam của tôi, mẹ kiếp ông ta. Nếu thêm được vài đồng xu vào túi thì ông ta sẵn lòng cho tôi treo

cổ.

Mắt nhà vua mở to. Nữ hoàng áp tay lên ngực. Đám đông im lặng. Không ai dám cười. Tôi lùi thêm một bước, giơ chân lên trước khi đặt xuống mặt đất, khiến mọi người chờ cái âm thanh đó - không bao giờ, dù cho có nguy cơ bị chết đi nữa, tôi vẫn cưỡng lại khán giả.

Tôi hạ chân xuống, cái âm thanh thô bỉ kia xuất hiện, cùng với tiếng cười khúc khích của hoàng thái tử. Đó là tất cả những gì tôi cần. Tôi điên cuồng giậm tới giậm lui, khiến chú tôi phải làm theo nhịp của tôi. Tôi đi quanh đám đông, xoay vòng và nhảy nhót, nhảy vào vòng tay một ông béo rồi nhảy xuống, và cuối cùng, vênh váo và ồn ào nhảy điệu múa thủy thủ.

Tôi kết thúc, mọi người vỗ tay ầm ĩ. Một làn mưa tiền xu rơi xuống chân tôi, nhưng tôi có còn sống để mà tiêu chúng không? Tôi quay lại chỗ chiếc xe ngựa. Bà Elizabeth đang hăng tiết quạt. Nữ hoàng cũng dùng quạt, nhưng để che đi nụ cười của bà. Tôi nhìn đức vua, nghĩ là sẽ thấy cơn thịnh nộ trong mắt ông, nhưng ông không nhìn tôi. Ông đang cười với đứa con trai nhỏ của mình, cậu bé nhoài người qua cửa sổ, cười ngật nghèo.

Tôi đã làm việc đó - làm cho hoàng tử buồn bã cười. Làm cho cha mẹ đang đau buồn của cậu cười. Không ai làm được trừ tôi. Nghĩ rằng chỉ vua chúa mới có quyền lực? Hãy đứng lên sân khấu và nắm giữ trái tim của khán giả trong tay bạn. Khiến họ cười bằng một cử chỉ, khóc vì một lời nói. Khiến họ yêu bạn. Và bạn sẽ biết quyền lực là gì.

Một người hầu được cử tới mang theo một túi tiền xu và một tin nhắn. Cậu ta bảo chúng tôi đến chuồng ngựa cùng điện vào sáng hôm sau. Trợ lý thứ tư của người Phụ trách các hoạt động giải trí sẽ tìm phòng cho chúng tôi. Trước trưa là chúng tôi phải sẵn sàng.

Để làm gì? Chú tôi hỏi.

Dĩ nhiên là để biểu diễn rồi, người hầu nói. Cho thái tử, công chúa, và những đứa trẻ khác trong cung. Hoàng hậu đã yêu cầu.

Chú tôi không nói nên lời mất một lúc. Mẹ tôi thì không. Bà hôn tay người hầu. Bà cảm ơn anh ta, hoàng hậu, và Chúa.

Chúng tôi nghĩ vận mệnh của chúng tôi đã tới. Chúng tôi nghĩ mình không thể may mắn hơn được nữa. Tối đó chúng tôi ăn mừng. Tại một phòng tử tế trong quán của Levesque. Tắm rửa. Ăn cho tới khi no lặc lè. Và khi bóng tối đổ xuống, chúng tôi ca hát và nhảy múa.

Chúng tôi biết ơn. Chúng tôi hạnh phúc. Chúng tôi là những kẻ xuẩn ngốc.

Ngày 25 tháng Tư năm 1795

Tôi đóng một vai. Các diễn viên đều làm thế.

Nhưng tôi đóng nó quá đạt. Tôi đã đi quá xa. Và đến lúc tôi muốn dừng lại, cúi đầu và rời khỏi sân khấu, thì đã quá muộn.

Chúng tôi đến cung điện cùng với chiếc xe kéo bằng gỗ cột kẹt. Bernard đứng chết trân khi trông thấy cung điện. Chân cứng đờ và không chịu đi tiếp.

Cha tôi cũng vậy. Tất cả chỗ này, ông nói, giọng run lên vì giận dữ. Tất cả chỗ này cho một người.

Chúa trời ời, dì Lise nói. Đức mẹ và thánh thần ời, cứ nhìn thử mà xem!

Bánh rum, Bette nói, liếm môi. Bánh bơ. Bánh anh đào có kem.

Nào nào, Bernard! Chú tôi nói. Và chúng tôi đi tiếp.

Tôi vẫn có thể mừng tượng ra cung điện. Nếu tôi nhắm mắt lại, tôi có thể nhìn thấy nó. Tôi sẽ kể về nó với bạn. Nó nguy nga và long lẫy, nhưng trên hết, nó đồ sộ. To hơn cả nhà thờ. Lớn hơn thánh đường. Chắc hẳn nó phải làm Chúa ghen tị.

Giờ bạn hãy nhắm mắt lại. Tưởng tượng một đêm hè đẹp đẽ. Không khí mềm mại và màn đêm đang dần buông. Bạn đứng đó, cuối lối đi dẫn tới cung điện, hai bên là hai hàng cây, một bãi cỏ dài mềm mượt như nhung. Hương thơm tỏa ra từ những cây cam, hoa nhài và hoa hồng. Nến bập bùng trong những ngọn chúc đài treo trên hàng ngàn cành cây. Từ nơi bạn đứng, bạn hãy nhìn sang phía tây, và cứ thế nhìn mãi. Nhìn sang phía đông và thấy nó lấp lánh trong bóng chiều - Versailles.

Họ từ trên bậc thềm bước xuống - nhà vua và hoàng hậu, đẹp rạng rỡ dù trong thời kỳ để tang. Phía sau họ là một ngôi vườn sống động - các cận thần mặc áo lụa màu oải hương với những đường chỉ bằng bạc, quần áo xa tanh màu đỏ tươi có gắn ngọc trai. Màu mơ, màu cánh gián, màu mận, màu cây thiên thảo. Đáng lẽ họ nên mặc những màu tím buồn bã và màu xám, nhưng nếu mặc những màu đó họ chả thể nào tỏa sáng được, trong khi họ buộc phải tỏa sáng, bởi nếu không thì làm cách nào những kẻ hầu người hạ nổi bật được đây? Tất cả phụ nữ đều búi tóc tròn và bộ ngực trắng như trứng gà bóc. Đàn ông thì mặc áo khoác ôm sát đến nỗi họ không dám thở, viền裳 ten từ cổ tay áo rủ xuống, nhún lấp lánh trên các ngón tay.

Nhà vua bước tới. Ông gật đầu. Ánh nhìn liếc qua của ông chẳng khác nào cái chạm vào của Chúa - lướt tới đâu mọi thứ bùng lên sự sống. Tay ông vẫy một cái và hàng trăm nhạc sĩ chơi bản nhạc của Handel, tạo ra thứ âm thanh chưa bao giờ bạn nghe thấy trước kia và sẽ không bao giờ được nghe lại nữa. Âm thanh thấm vào bạn, xuyên qua thịt xương bạn, và khiến cho nhịp tim bạn như được sắp xếp lại.

Một đoàn người hầu xuất hiện mang theo champagne. Bốn chục thợ làm vườn đứng sau hàng rào, chạy tới bữa tiệc hoàng cung, mở vòi nước và các van, và đột nhiên Apollo vĩ đại nổi lên từ dòng nước nổi bọt của đài phun mạ vàng. Trong các lùm cây tối thẫm, những thần rừng bằng đá hoa cương như đuổi người và nháy mắt, những thần đá thờ khe khẽ.

Nếu bạn mà chứng kiến cảnh này, tôi cam đoan với bạn, những nguyên tắc cứng nhắc của bạn, nếu có, sẽ tan chảy như sáp. Bạn sẽ không bao giờ mong một cảnh đẹp như thế tan biến đi.

Vài ngày sau khi chúng tôi đến, cha tôi bảo tôi rằng trong ba mươi năm, vua Louis XIV, vị Vua Mặt trời, đã giành lấy một phần thuế cho riêng mình để xây cung điện và rằng người nghèo phải làm việc cho đến chết để cung cấp tiền cho sự xa hoa của ông ta. Vào lúc đó tôi chẳng lòng dạ nào mà nghe những bài diễn văn chán ngắt của ông, bởi tôi đã thấy những căn phòng làm bằng gương và kim cương to bằng quả nho. Tôi đã thấy những chú chó được ăn sô cô la, những đôi giày gắn đầy đá quý và tôi không muốn nghe gì về những người nghèo cả. Tôi chán ngấy người nghèo. Lúc nào cũng khóc lóc, rên rỉ, bốc mùi.

Chúng tôi diễn rối trong cung điện. Tất cả bọn trẻ hoàng tộc đến. Quản gia và gia sư của chúng đến. Cha mẹ quý tộc của chúng đến. Thật là một cảnh tượng kỳ quặc - những kẻ cao quý nhất nước Pháp ngồi ở cái rạp rối xập xệ của chúng tôi, nhưng đi thăm các khu nghèo khổ đang là mốt vào thời đó.

Sau các buổi diễn, tôi chơi nhạc cho bọn trẻ bằng đàn guitar của mình. Tôi dạy chúng hát và nhảy. Tôi dắt chúng đi dạo hành một cách ồn ào và náo nhiệt qua các khu vườn. Trên hết, tôi khiến cho vị hoàng tử buồn bã bật cười. Và để thưởng cho việc tôi làm, hoàng hậu cho tôi tiền.

Tôi nhảy lò cò cho cậu xem như một đứa điên. Mặc quần ống, tóc dài tết lại, tôi kể chuyện cười và các câu đố. Chơi trò ảo thuật. Lộn, nhào và đẩy xe kéo. Tôi nhảy ra từ sau cây hù các quý bà. Ném đá vào vòi phun để bắn nước vào các quý ông. Đốt pháo khiến đám người hầu giật mình rơi khay. Thoạt đầu hoàng thái tử Louis-Charles không thích ồn ào nhưng rồi cậu dần quen, bởi cậu thích trò nghịch ngợm.

Lão công tước de Noailles kinh hoàng khi thấy hoàng tử nước Pháp cư xử như một thằng bé gypsy, nhưng hoàng hậu không quan tâm. Bà thấy con trai mình lớn lên vui vẻ và đó là điều mà bà mong muốn nhất. Bỏ qua ngoài tai những gì một vài người nói.

Mọi chuyện diễn ra tốt đẹp. Tôi có một chỗ khô ráo để ngủ và một ít tiền xu mà chú tôi không biết. Tôi uống rượu và ăn những quả anh đào ngọt lịm.

Và rồi, vào một ngày, mọi chuyện trở nên tốt đẹp hơn. Một người hầu của hoàng hậu đến phòng chúng tôi và bảo hoàng hậu muốn có một yêu cầu - liệu Alexandrine có đồng ý sống trong cung điện và trở thành bạn của hoàng thái tử không?

Suýt nữa thì tôi sắc đình hương đang nhai trong mồm. Trước khi tôi kịp nói trả lời đồng ý hay không thì chú tôi nói, Alexandrine sẽ vô cùng vinh dự được chấp nhận yêu cầu của hoàng hậu, thừa cô. Tất cả chúng tôi sẽ được vinh dự. Người phụ nữ mỉm cười. Một tiếng nữa hoàng hậu sẽ gặp cô trong phòng bà, cô nói với tôi.

Ngay khi cô ta đi khỏi, tôi quay sang chú tôi. Lẽ ra chú phải để cho cháu trả lời, tôi giận dữ bảo ông. Đây là lựa chọn của cháu, không phải của chú. Trong cung điện ngọt ngào lắm. Có quá nhiều quy tắc. Quá nhiều con mắt. Quá nhiều miệng lưỡi. Cháu không muốn sống ở đó.

Ông phá lên cười. Điều mà cháu muốn chẳng có ý nghĩa gì cả. Đó là việc quan trọng.

Thế nếu cháu không làm thì sao? Tôi hỗn xược hỏi.

Tôi bị ăn một cái tát vào mặt cho câu trả lời. Mà sẽ làm, Alex, chú tôi nói, nếu không tao sẽ đập cho mày bất tỉnh. Mất lòng hoàng hậu và chúng ta sẽ phải cút khỏi đây.

Lòng hoàng hậu. Những lời đó như một xô nước dội xuống cơn giận dữ của tôi và xoa dịu chỗ đau trên má tôi.

Mày sẽ đến chỗ hoàng hậu, chú tôi nói. Mày sẽ đóng vai bè bạn với hoàng thái tử và đóng tốt. Mày không được cãi lời tao. Mày sẽ...

Dĩ nhiên là chú nói đúng, tôi nói.

Tao cảnh báo mày, không được... cái gì? Ông ấp úng, ngạc nhiên bởi tự dưng tôi lại ngoan ngoãn nghe lời.

Chú nói đúng. Cháu sẽ làm. Gia đình mình phụ thuộc vào việc này.

Mắt ông nheo lại. Ông nghi ngờ. Cũng nên nghi ngờ, bởi tôi không nghĩ đến gia đình, mà là nghĩ cho riêng tôi.

Tôi rửa mặt, đánh giày rồi ra khỏi phòng. Không còn phải diễn cái bọn rối vớ vẩn nữa, tôi nghĩ

khi bước qua sân đá hoa cương. Không còn phải nghe lời chú tôi nữa. Tôi sẽ là bạn của hoàng tử nước Pháp. Và rất nhanh thôi, chỉ trong chừng một hai năm, khi cậu bé lớn hơn và không cần tôi nữa, tôi sẽ xin hoàng hậu giúp đỡ. Và bà sẽ giúp tôi, bởi tôi được bà yêu quý. Khi đó thì điều gì có thể ngăn cản tôi? Một lời của bà thôi là tôi sẽ được đứng trên sân khấu ở Paris. Khi đó tôi mười bốn tuổi. Ban đầu tôi sẽ đóng Ophelia và Marianne, rồi Suzanne, Zaire, và Rosalind. Chả phải Caroline Vanhove làm cả Paris sững sờ khi đóng vai Iphigénie ở tuổi mười bốn ư?

Cô không có áo đầm à? Cô chỉ có quần áo thể thôi à? Cô hầu gái hỏi tôi khi tôi đến phòng hoàng hậu. Khi tôi bảo với cô ấy tôi chỉ có một bộ đầm mà nó thậm chí còn tồi tàn hơn quần tùm, cô bắt tay lính canh cởi áo choàng ra và quàng lên người tôi. Tôi được bảo đứng đợi ở sảnh. Một tiếng. Hai tiếng. Những người khác đứng đợi phía trước tôi. Những công sứ. Những đại sứ. Một bà hầu tước già mang theo bốn con chó mà không để ý gì đến chúng khi chúng nhai một cái chân ghế hay ị ra tăm thắm

Cuối cùng tôi cũng được cho vào. Hoàng hậu đang ngồi viết thư bên một cái bàn mặt đá hoa cương, trong một căn phòng đẹp hơn bất cứ nơi nào tôi từng thấy. Có những bức tranh vẽ mây và thiên thần trên trần nhà. Đồ nội thất như thể được làm bằng vàng và thảm dưới chân tôi dường như được dệt từ hoa. Hoa hồng đủ sắc màu cắm trong các bình. Hương hoa ngào ngạt không trung.

Tuy vậy, hoàng hậu lại trông khác với những lần trước tôi nhìn thấy bà. Bà mặc một bộ đầm đơn giản. Bà không đeo tóc giả. Tóc bà xõa thoải mái sau lưng. Tôi có thể thấy những sợi tóc bạc ở sau lưng và trên trán bà. Đứng từ xa tôi không nhìn thấy những điều này. Khi bà nhìn lên tôi, tôi thấy đôi mắt xanh của bà lo âu và buồn bã, và tôi nhớ ra bà vừa mất con. Thật dễ dàng quên đi chuyện đó khi ta thấy bà rạng rỡ tại các bữa tối cung đình, hay mỉm cười nhân hậu với những kẻ nhà quê hơi thở bốc mùi với trang kim dính trên áo khoác.

Tôi nhún đầu gối cúi chào bà, việc này khiến cái quần bị căng ra, và tôi gián chặt mắt xuống sàn. Bà ra hiệu cho tôi lại gần, rồi nhìn chằm chằm vào mặt tôi một lúc, như thể để nhớ kỹ mặt tôi. Đưa con bé bỏng của ta yêu cháu, cuối cùng bà nói. Nó là một đứa trẻ vui vẻ cho đến khi bị mất anh trai. Lúc này nó suy nghĩ ủ ê và sức khỏe suy giảm. Ta muốn cháu làm bạn với nó. Khiến nó vui vẻ. Hát và nhảy cho nó. Để trái tim buồn khổ của nó được vui sướng. Cháu làm việc đó nhé?

Tôi nói với bà đó là vinh dự lớn nhất mà tôi có thể hình dung ra. Tôi nói tôi yêu hoàng thái tử hơn cả đời mình. Tôi rặn ra nước mắt và tiếng hức trong giọng nói mình và bảo tất cả các cậu bé khác chả là gì với tôi cả.

Hoàng hậu mỉm cười, tin vào màn diễn của tôi. Bà cho tôi một túi đồng xu và cho tôi ra về. Người hầu của bà bảo tôi thu xếp đồ đạc và nhanh chóng quay lại. Cô ta sẽ đưa tôi tới phòng mới của tôi, cạnh phòng hoàng thái tử.

Tôi lấy nửa số tiền trong túi và nhét vào quần tùm. Số xu còn lại tôi sẽ đưa cho chú tôi, bởi ông ta chẳng mong đợi gì từ cuộc gặp gỡ này ngoài thứ đó. Rồi tôi bắt đầu chạy - ra khỏi phòng hoàng hậu và xuống cầu thang, qua cánh cửa cung điện khổng lồ, tới bậc thềm trước.

Hoàng thái tử yêu tôi! Tôi hét lên. Và một ngày nào đó, Paris sẽ yêu tôi! Và tôi sẽ trở thành diễn viên nổi tiếng nhất nước Pháp!

Thỉnh thoảng tôi vẫn thấy cô bé đó, trong ký ức mình - tôi của ngày xưa. Cô bé chạy nhảy và cười đùa trong chiếc quần ống tùm bạc phếch và cái áo choàng đi mượn. Nó chạy vòng tròn trong sân đá hoa cương, cười khúc khích trước vận may của mình.

Tôi biết cô bé đó, nhưng không hiểu gì về cô.

Tôi bỏ cuốn nhật ký xuống một lúc và nhắm mắt lại. Tôi thấy cô gái đó. Trong tâm trí mình. Tôi nghe thấy giọng cô. Và tôi muốn cô kể với tôi toàn bộ câu chuyện của cô.

Tôi vừa mở mắt ra thì nghe tiếng chìa khóa ở cửa. Bố về. Không hay rồi. Tôi tin chắc cô Minna đã bảo với ông là hôm qua tôi đã tiêu năm nghìn euro. Ông sẽ hỏi tôi mà tôi thì không muốn nói với ông. Lúc này tôi không thể kích dậy cuộc Đại chiến thế giới lần thứ ba được.

Tôi vợ lấy túi, nhét cuốn nhật ký vào, và lượn về phòng. Tôi cởi quần jean ra, leo lên giường. Tôi nghe tiếng chân ông bước vào và bỏ đồ xuống. Một cái giày rơi ra, rồi chiếc kia. Tôi nghe tiếng bước chân đi về phía phòng tôi.

“Andi ơi?” ông thì thầm, qua kẽ cửa.

Tôi không trả lời. Tôi chỉ thở. Chậm rãi và đều đặn. Tôi nằm nghiêng để ông không thấy mặt tôi. Ông đẩy cửa mở hé ra. Đèn trên hành lang hắt bóng ông nơi bức tường xa xa.

“Andi? Con ngủ chưa?”

Ông thường hôn chúc ngủ ngon chúng tôi trên giường khi chúng tôi còn nhỏ, tôi và Truman. Khi ông xong việc về nhà. Nhưng giờ ông không làm thế. Ông chỉ đứng đó vài giây. Rồi khép cửa lại.

Tôi thở hắt ra thật lớn, thấy nhẹ nhõm.

Và buồn.

Sáng hôm sau. Tôi nghe tiếng chuông nhà thờ ngân. Và tiếng ngựa hí trong chuồng. Tôi ngủ thấy mùi cỏ và bò.

“Dậy đi, Alex,” một giọng nói thì thầm vào tai tôi. “Bố bảo chị ra giúp việc mùa rồi. Dậy đi, đồ ngủ nướng, dậy đi...”

Tôi mở mắt ra. Một con rối khổng lồ bằng giấy bồi đang đứng chỗ giường tôi. Tôi có thể thấy cái mũi khoằm và cái cằm nhọn của nó, cái miệng nhỏ xíu xấu xí của nó. Đôi mắt sáng điên rồ của nó nhìn đăm đăm xuống tôi. “DẬY ĐI!” nó hét lên.

Tôi cũng hét. Và ngồi bật dậy trên giường. Tôi nhìn quanh phòng, hốt hoảng. Nhưng không có ai ở đây cả. Không con rối thần kinh nào hết. Không ngựa và bò. Tôi không phải ở trong chuồng ngựa. Tôi ở trong nhà của bác G và cô Lili. Trong phòng khách của họ. Chỉ là mơ thôi, tôi tự nhủ. Bình tĩnh nào. Tôi hít thật sâu, cố để tim đập bình thường trở lại, để tay bớt run lẩy bẩy.

Là do thuốc Qwell. Lại một lần nữa. Tôi phải dùng đúng liều lượng. Chịu đựng nỗi buồn thì rất kinh khủng, nhưng một con rối thần kinh cao hơn một mét tám thì cũng chẳng hay ho gì.

Ánh sáng màu xám buổi sáng rọi qua cửa sổ phòng tôi. Mấy giờ rồi nhỉ? Tôi tự hỏi. Tối qua mấy giờ tôi mới ngủ? Tôi với lấy đồng hồ đeo tay để trên bàn cạnh giường. Chín giờ sáng. Không hay rồi. Tôi muốn dậy, ra khỏi đây và đáng lẽ phải ở trước cửa thư viện Abelard lúc này cơ mà. Hôm nay đã là thứ Năm rồi và tôi có một núi việc phải làm nếu tôi muốn thoát khỏi đây vào Chủ nhật. Tôi uống thuốc - lần này hai viên chứ không phải ba, rồi với lấy quần áo. Chúng vẫn nằm trên sàn chỗ tôi thả xuống tối qua. Tôi mặc quần áo vào trong lúc vẫn chui trong chăn. Nơi này nóng quá. Hệ thống sưởi ở chỗ này hoạt động quá kém cỏi. Cứ như là không có nó tồn tại vậy.

Đúng lúc tôi chuẩn bị ra khỏi giường thì di động đổ chuông. Tôi sờ soạng tìm rồi nhìn số điện thoại bằng cặp mắt lơ mơ. Tôi không nhận ra số này.

“Alô?” tôi nói, cố tỏ vẻ như không phải mình vừa ngủ dậy.

“Chào. Tớ Virgil đây.”

“Virgil?” tôi nhắc lại, nghĩ chuyện này thật bất ngờ. Tự hỏi có phải tôi lại đang bị ảo giác không.

“Ừa. Cậu vẫn đang ở Paris đấy chứ?”

“Ừa, vẫn.”

“Tớ ngạc nhiên đấy. Tớ tưởng là giờ cậu đã đi rồi.”

Tôi cau mặt, nhớ lại đêm hôm qua và những chuyện dở hơi mà tôi đã nói. “Này, xin lỗi chuyện hôm qua. Không phải lúc nào tớ cũng khốn nạn thế đâu,” tôi bảo cậu. “Hầu hết là thế, nhưng không phải lúc nào cũng vậy.”

Tôi nghe tiếng cười khúc khích, rồi cậu nói, “Tớ gọi vì tớ cầm iPod của cậu. Tớ qua tớ quên trả lại khi đưa cậu về. Tớ không muốn cậu phát hoảng khi nhận ra nên tớ gọi vào số viết ở đằng sau cái iPod. Tớ nghĩ chắc là số di động của cậu.”

“Chà. Tớ thậm chí còn chưa nhận ra là nó đang lang thang ở đâu cơ. Cảm ơn cậu. Thực lòng đấy. Cả đời tớ nằm trong cái máy đấy.”

Tất cả đĩa nhạc của các ban nhạc mà tôi thích đều nằm trong đó, cũng như các bản nhạc từ các nhạc sĩ, sống hay chết, mà Nathan đã nhắc tới.

“Ừa, tớ biết,” Virgil nói. “Tớ hy vọng cậu không thấy phiền, vì tớ cứ nghe nó suốt cả tối qua. Trong ca làm việc của tớ. Nhạc trên đài không phải lúc nào cũng hay mà tớ thì chán ngấy mấy bản nhạc trong iPod của tớ rồi.”

“Có gì đâu,” tôi nói, “nhưng có một thứ tôi thực sự hy vọng là cậu không nghe...”

“Plaster Castle,” cậu nói. “Bản đó làm tớ chết mê đi được.”

Khỉ thật.

“Nó hay. Rất hay,” cậu nói.

“Ừa?” tôi nói, cố sao cho giọng có vẻ thản nhiên. “Thầy giáo dạy nhạc của tớ bảo nó là một mớ ồn ào tạp nham.”

Virgil bật cười. “Đúng thế mà.”

“Này, cảm ơn.”

“Chắc chắn là cậu bị các loại ứng dụng làm cho mê mải, và cậu có thể để bình thường ở các đoạn khác nhau, đặc biệt là ở ‘Girl in a Tower’ và ‘Lock It Up’...”

Nỗi đau bắt đầu nhẹ đi vì cảm giác bức tức đang thay thế nó. “Thật buồn cười; vì tớ không nhớ là đã hỏi...” Tôi cất tiếng.

Cậu cắt ngang lời tôi. “... bởi vì cái bài nhạc acoustic đó - ‘Iron Band’ - khỉ nó chứ. Ý tớ là, nó rất tuyệt, chuẩn bị kết thúc. Quá đẹp. Tớ muốn nói là nó gần với tuyệt hảo.”

Có một giây im lặng giữa chúng tôi, rồi cậu nói, “VẬY... chuyện gì đã xảy ra? Ý tớ là, ‘Broken Clock’ và ‘Little Prince’... hai bài này chả biết ở đâu ra.”

Không phải thế. Cả hai bài đều là về Truman. Và tôi không muốn nói về em hay chuyện gì xảy ra. Không phải với Virgil. Hay bất kỳ ai khác.

“Andi? Cậu vẫn nghe đấy chứ?”

“Ừm, nghe này... tớ phải đi. Dành trọn một ngày dài ở thư viện, cậu biết đấy? Và tớ không có gì để mặc cả.”

Thêm một giây im lặng nữa, và rồi, “Xin lỗi. Chắc giờ tớ là đứa khốn nạn rồi.”

Vì lý do nào đó, câu ấy khiến tôi bật cười. “Cảm ơn cậu đã cùng chung thân làm đứa khốn,” tôi nói với cậu. “Nó giúp tớ bớt bị áp lực.”

Chúng tôi nói chuyện làm cách nào để trả iPod lại cho tôi. Virgil bảo cậu có thể đưa cho tôi vào Chủ nhật. Nếu tôi đến quán Rémy. Tôi nhắc cậu. Tối hôm đó tôi phải bay về nhà.

“Được rồi, vậy tớ sẽ tìm ra cách nào đó. Có thể tớ sẽ trả lại nó vào ca làm tiếp theo,” cậu nói. “Tớ cũng phải đi đây.”

Đột nhiên tôi nghe tiếng nhạc kỳ quặc từ bên phía cậu, “Cái gì thế?” tôi hỏi cậu.

“Tớ chả biết. Một gã dở với cái mông bự chẳng.”

“Cái gì cơ?”

“Hắn đang ở trong phòng khách của tớ.”

“Ừm, cậu có say rượu hay gì không?”

“Trên tivi, ý tớ là thế. Đây là chương trình yêu thích của em trai tớ. Nó người Mỹ. Có khi cậu biết nó.”

“Ai cơ? Em trai cậu?” tôi nói, giờ thì hoàn toàn chả hiểu gì.

“Không, cái thằng béo mũm mĩm cơ. Tay nó nhỏ xíu còn răng thì to và trắng loáng.”

“Đây là chương trình trẻ con à?”

“Nó lúc nào cũng bảo là nó yêu tớ. Và rằng tớ yêu nó. Trong khi sự thực là bọn tớ chưa bao giờ gặp gỡ. Thậm chí tớ còn không biết nó cơ. Nó là con thần lẩn, tớ nghĩ thế. Bernie.”

Tôi lại phá lên cười và không kìm lại được. Khoảng một phút sau tôi mới bình tĩnh lại được. “Ý cậu là Barney? Nó là con khủng long.”

“Xin lỗi,” Virgil nói. “Tớ mệt. Nói năng linh tinh.”

Cậu ngủ vào ban ngày. Tôi quên mất điều đó. Tôi nghĩ ca của cậu chắc hết cách đây khoảng một tiếng. Cậu chắc hẳn là mệt tơi bời sau khi lái taxi suốt cả đêm. Chắc hẳn là cậu chỉ muốn nằm lẩn ra giường, nhưng cậu vẫn gọi cho tôi để tôi không phát hoảng khi phát hiện ra bị mất iPod. Và rồi tôi nhận ra một điều - một việc tốt lành để làm.

“Nghe tiếng cậu mệt mỏi quá. Tớ để cậu ngủ đây. Cảm ơn vì đã cho tớ biết về cái iPod,” tôi nói.

“Đừng lo. Có gì đâu.”

“Được rồi, vậy tạm biệt...” tôi nói.

“Andi, đợi đã. Tớ có ý tưởng này. Cho bài ‘Little Prince.’ Tớ biết cậu không muốn nói về nó, nhưng nó quan trọng lắm. Cậu cần phải có hợp âm khác. Sau vắn thứ hai và trước điệp khúc. Cậu cần một cái đổi lại với Fà thứ. Thứ gì đó để làm nó tươi vui lên. Nếu không nghe nó như là điệu ca ấy.”

“Ừm, phải, bởi vì nó là một bài điệu ca,” tôi nói với cậu, lại thấy cáu giận.

“Được thôi, nhưng hãy làm cho nó hay lên. Một bài điệu ca hay thì thú vị hơn nhiều.” Và trước khi tôi kịp nói gì, trước khi tôi có thể khiến cậu im lặng, thì cậu đã hát giai điệu đó lên, chuyển từ nốt Đô sang lời thứ hai. Và cậu nói đúng, khỉ thật. Tôi nghe. Không nghĩ đến Truman. Hay

nổi buồn. Chỉ lắng nghe nhạc. Và cảm nhận nó. Và hòa mình vào trong nó.

Chúng tôi cứ thế nói chuyện. Một hồi lâu. Ít lời. Chỉ có âm thanh và nhịp điệu. Với những nốt, nhịp và khoảng lặng giữa chúng. Cho đến khi giọng cậu khẽ dần và chậm dần. Nhỏ đến mức nghe như tiếng thì thầm. Không còn nghe thấy tiếng nhạc Barney nữa.

Tôi nhìn đồng hồ. Đã gần mười giờ. “Cậu đang ở đâu?” tôi hỏi cậu.

“Trên giường.”

“Tớ làm cậu phải thức. Tớ thực sự xin lỗi. Tớ...”

“Không. Cứ hát tiếp đi,” cậu nói.

“Sao cơ?”

“Giọng cậu. Các bài hát của cậu. Chúng thực sự rất hay. Chúng hay hơn Barney. Chúng đưa tớ vào giấc ngủ”

“Chà. Tớ chắc chắn sẽ cho những dòng đó lên bìa chiếc CD đầu tiên của tớ. “Hay hơn Barney! Đưa bạn vào giấc ngủ!” Tôi đùa. Bởi vì tôi căng thẳng.

Virgil khẽ cười. “Nào, hát đi,” cậu nói.

Tôi không muốn hát. Thật kỳ quặc. Nhưng dẫu sao tôi vẫn làm theo. Tôi hát cho cậu nghe “Vòng sắt.” Tôi viết bài này cho mẹ tôi. Nhưng tôi chưa bao giờ hát cho bà nghe cả. Tôi chưa bao giờ hát cho ai nghe cả. Cả thầy Nathan cũng không. Tôi chỉ vừa mới thêm nó vào Plaster Castle mấy tuần trước.

Nếu tôi có than và lửa

Và kim loại đẹp và bền

Tôi sẽ làm một vòng sắt

Một vòng sắt cho em

Tôi nhặt tất cả các mảnh

Từ nơi chúng đã rơi ra ngày hôm đó

Lắp chúng lại với nhau

Và xóa tan nỗi đau

Nhưng tôi không có sắt

Cũng chẳng có thép

Để bọc trái tim tan vỡ của em

Và dạy nó cách lành lại

Đâu đó trong ngọn lửa

Đầu đó trong nỗi đau

Tôi tìm thấy sự kỳ diệu tôi cần

Để chữa lành cho em

Tôi làm vòng sắc thật mạnh

Tôi làm nó sáng bóng lên

Tôi sửa những thứ mình đã làm vỡ

Tôi sửa chỗ đúng thành sai.

Nhưng tôi không có sắt

Cũng chẳng có thép

Để bọc trái tim tan vỡ của em

Giá chi tôi chữa lành được nó

Giá chi tôi chữa lành được nó

Tôi hát xong. Mắt nhắm lại. Hai tay ôm chặt lấy cơ thể. Chống lại thứ tôi đang cảm thấy. Chống lại điều cậu đang nghĩ. Có thể cậu không thích bài hát đó nữa. Có thể cậu không thích giọng tôi. Tôi đợi cậu nói gì đó, bất cứ thứ gì, ghét làm sao khi việc đó lại có ý nghĩa với tôi. Ghét cái việc vì một lý do nào đó đột nhiên tôi có vẻ quan tâm xem cậu nghĩ gì.

Nhưng cậu chẳng nói gì cả.

“Virgil?” tôi nói. “Này, Virgil?”

Tôi dí điện thoại lại sát tai, nghĩ có lẽ là tín hiệu kém, và rồi tôi nghe - tiếng cậu thở. Cậu ngủ thiếp đi rồi.

Tôi không biết mình nên cảm thấy thế nào. Xấu hổ? Tức giận? Ý tôi là, tôi hát một bài hát chính tôi viết cho cậu nghe, một bài hát cực kỳ quan trọng với tôi, còn cậu thì ngủ thiếp đi.

Tôi định gác máy, nhưng hơi thở của cậu đều đặn và bình yên đến nỗi tôi không làm nổi. Tôi nhắm mắt lại lắng nghe mặc dù tôi không biết mình có nên làm thế không. Và tôi nhận ra mình không giận dữ. Tệ hơn, tôi nhận ra tôi có thể hát cho cậu suốt cả ngày nếu cậu muốn.

Tôi tưởng tượng ra bàn tay cậu khi tôi lắng nghe - một tay vẫn còn cầm điện thoại. Tay kia có lẽ đặt trên ngực. Tôi tưởng tượng ra khuôn mặt cậu, đẹp trai và bình yên, và tôi ước giá gì mình có thể thấy nó. Tôi ước mình có thể chạm mu bàn tay vào má cậu. Chạm ngón tay lên môi cậu.

Ai có thể biết rằng việc lắng nghe một chàng trai ngủ có thể sâu sắc hơn nhiều so với việc ngủ với một chàng trai.

Tôi nghe thêm vài phút nữa, và rồi thì thầm vào điện thoại. “Này, Virgil... chúc ngủ ngon.”

Thoạt đầu tôi bối rối. Tôi không biết thủ tục. Nhưng giờ thì tôi nghĩ ra rồi.

Nhiệm vụ của tôi, tại thư viện Abelard, là lấy thông tin. Và nhiệm vụ của Yves Bonnard là ngăn tôi lại. Yves G. Bonnard, Tổng Lưu trữ viên, còn gọi là Phù thủy xứ Oz Vĩ đại và Quyền năng, còn gọi là Đại Phán Quan, còn gọi là Kẻ phản Chúa.

“Tên cháu là gì?” Yves Bonnard hỏi tôi, chỉ mấy giây trước, bút của ông ta còn đặt trên tờ giấy xin mượn sách của tôi.

“Arthur, Vua của Người Anh,” tôi nói. Tôi nghĩ nó hài hước. Tôi nghĩ nó có thể khiến ông ta mỉm cười và để cho tôi yên. Tôi nghĩ thậm chí ông ta sẽ khúc khích mà nói, “Người muốn tìm gì? Vận tốc bay của một con chim nhận không phải mang gì là bao nhiêu?”

Nhưng không. Yves Bonnard không cười. Ông ta không bật cười. Và ông ta không để tôi yên.

“Cháu tìm gì?” ông ta hỏi.

“Cháu tìm Chiếc Chén thánh,” tôi nói. Bởi vì tôi rất ghét uy quyền. Và tôi là một con ngốc.

“Tốt thôi,” ông ta nói. Rồi ông ta đưa tờ mượn sách lại cho tôi và bảo tôi quay lại khi nào điền cho đúng.

“Nhưng cháu đã điền hai lần rồi cơ mà!” tôi phản đối.

“Thế thì có lẽ cháu sẽ điền đúng lần thứ ba,” Yves Bonnard nói. “Bảng hướng dẫn được dán rõ ràng trên tường phía trên thẻ danh mục tài liệu.”

“Vâng, cháu biết. Cháu đọc chục lần rồi,” tôi bảo ông ta, nhưng ông ta đã chuyển sang nói chuyện với người phụ nữ đứng sau tôi.

Tôi đã phải đứng xếp hàng đợi ba mươi phút tới lượt mình để đưa tờ phiếu mượn sách, nhìn Yves Bonnard đặt chúng vào một cái tuýp nhỏ trống, rồi chuyển chúng xuống phòng lưu trữ, nơi các nhân viên mặc áo choàng phòng thí nghiệm màu xanh đi lấy thứ viết trên chúng và đặt nó lên một cái xe sắt. Nhìn số người đứng trước tôi, giờ tôi sẽ phải đợi thêm ba mươi phút nữa.

Cái lão Yves Bonnard này thực sự làm tôi phát điên. Tôi đến đây lúc mười một giờ và ông ta làm tôi mất hai tiếng đồng hồ chạy quanh khắp Paris. Ông ta bảo tôi không được phép thoải mái sử dụng phòng lưu trữ khi không có thẻ ra vào, và để có thẻ ra vào tôi phải trình ra một giấy chứng nhận nhân thân hợp lý. Tôi cho ông ta xem Thẻ Thư viện Công cộng Brooklyn, nhưng không được. Thế là tôi về tận nhà bác G để lấy hộ chiếu. Rồi quay lại phòng lưu trữ. Rồi ra một tiệm chụp ảnh lấy ảnh để dán vào thẻ ra vào. Bởi đó là loại thẻ bắt phải có ảnh. Rồi quay lại phòng lưu trữ, đã bị đóng cửa vào giờ nghỉ trưa. Đương nhiên rồi. Tôi nghĩ gì cơ chứ? Đây là nước Pháp. Cả nước dừng lại để nghỉ trưa. Vì thế tôi ra một tiệm cà phê để giết thời gian. Rồi tôi lại quay về phòng lưu trữ, và quay lại bàn của Yves Bonnard, ông này hỏi tôi - không, tra khảo tôi - về dự án của tôi, bắt tôi điền ba cái đơn, và rồi cuối cùng cho tôi cái thẻ ra vào.

Mà đó mới chỉ là bắt đầu thôi.

Tôi lại đứng xếp hàng, ở một bàn khác, để xin một chỗ ngồi trong phòng đọc. Sau khi xin xong, tôi được cho xem thẻ thư mục tài liệu. Phải, một cái thẻ danh mục tài liệu, bởi trong thư viện Abelard vẫn là thế kỷ mười ba. Tôi tìm chữ Malherbeau, Amadé, và phát hiện ra thư viện này có các bản nhạc viết tay, thư từ cá nhân, giấy tờ nhà, di chúc, và giấy chứng tử của ông. Tôi quay lại bàn Yves Bonnard đề nghị được mượn bản nhạc của Malherbeau và rồi được thông báo rằng tôi không thể cứ thế mà yêu cầu thứ mình muốn: Tôi phải điền vào phiếu mượn. Thì tôi điền. Nhưng tôi điền không đúng. Lần đầu không đúng mà rõ là lần thứ hai cũng không.

Tôi lết về lại chỗ thẻ thư mục. Một người có vẻ là giáo sư đang dò tìm ở mục chữ N. Tôi nhờ ông xem hộ phiếu mượn của tôi và chỉ cho tôi biết tôi điền sai chỗ nào. Ông cầm lấy rồi bảo rằng tôi điền nhầm giữa mục phần và khu vực và rằng khi viết tên tôi phải viết sao cho nó nằm gọn trong cái ô nhỏ dành cho nó.

“Bác đùa ạ.”

Ông lắc đầu. “Bọn tôi gọi ông ta là Cerberus,” ông thì thầm với tôi. “Con chó ba đầu gác cửa địa ngục.”

“Cháu có thể nghĩ ra các thứ khác để gọi ông ta.”

“Ông ấy khó tính, đúng thế. Nhưng không ai hiểu rõ phòng lưu trữ bằng ông ấy. Bác khuyên cháu là nên nhìn vào mặt tốt của ông ấy.”

Tôi cảm ơn ông, điền một phiếu mượn khác, và quay lại hàng. Đã gần ba rưỡi mà phòng lưu trữ đóng lúc năm giờ. Tôi thực sự muốn lấy những bản nhạc đó, ngay bây giờ. Tôi đã mượn máy ảnh kỹ thuật số của cô Lili. Tôi sẽ chụp tất cả và dùng ảnh cho bài thuyết trình PowerPoint. Tôi sẽ chụp ít ảnh nhà của Malherbeau và con phố nơi ông sống và cho cả chúng vào bài nữa. Xen lẫn hình ảnh và âm nhạc, riêng phần giới thiệu của tôi cũng sẽ hay ho hơn một bộ phim của Ken Burns.

Mười phút trôi qua. Hàng người không hề nhúc nhích. Yves Bonnard nhắc lại quy tắc trong phòng lưu trữ với từng người khi họ đưa phiếu mượn. Giọng ông ta đều đều. Tất cả những người trong hàng đều có sách và báo để đọc trong lúc đợi. Tôi không có gì. Tôi lục trong túi áo khoác tìm iPod, nghĩ nó sẽ giúp mình tiêu thời gian, rồi nhớ ra là mình đang không cầm theo - Virgil cầm rồi.

Rồi tôi nhớ lại chuyện sáng nay và tự hỏi không biết nó có thực sự xảy ra không hay là tôi nằm mơ. Nó thật dễ chịu. Và kỳ quặc. Và dịu dàng. Tôi không quen với dịu dàng. Nó là một thứ hóa thạch. Cái từ đó. Thời tiết thay đổi và cái từ đó chết đi. Như con ma mút mình đầy lông lá. Nó không thể nào sống trong cùng một thế giới với bạn trai. Bạn gái. Hay thứ gì đó tương tự.

Trong vài giây, tôi cho phép mình băn khoăn nó có nghĩa gì không, cái cú điện thoại kỳ lạ đó. Rồi tôi quyết định rằng nó nghĩa là Virgil đã cầm iPod của tôi và tất cả chỉ có thế. Bởi không có gì nguy hiểm hơn hy vọng.

Tôi lục tìm trong túi, đựng nào ví, chìa khóa, và thuốc, nghĩ có khi mình có mang theo tạp chí, hay một cuốn catalog Muscian’s Friend cũ gì đó, và rồi tôi thấy nó - cuốn nhật ký.

“Quên bég mất mày,” tôi nói. Tôi nhớ tối qua đã nhét nó vào túi khi tôi chạy về phòng để tránh mặt bố.

Có một băng ghế dựng sát tường. Tôi ngồi xuống. Chạy đi chạy lại suốt cả buổi sáng khiến tôi mệt nhoài, và chân tôi đau vì phải đứng suốt. Tôi sẽ chỉ đọc một chút, dõi mắt theo hàng người, và quay lại khi nó bắt động. Yvess Bonnard vẫn nói đều đều. Giọng ông ta như tra tấn. Nghe ông ta nói chỉ khiến tôi muốn dộng đầu vào tường.

“... rồi một trong những nhân viên lưu trữ trẻ sẽ mang tài liệu đến cho bạn. Giữ chúng trong hộp khử axit cho đến khi bạn sẵn sàng sử dụng,” ông ta đang nói. “Bạn chỉ được phép dùng bút chì để ghi chép, không được phép dùng bút mực. Nếu bạn dùng bút mực, chúng tôi sẽ tịch thu. Nếu bạn dùng lần thứ hai, bạn sẽ bị cấm đọc trong ngày hôm đó. Bạn phải mang găng tay vải chúng tôi cung cấp khi cầm tài liệu. Không làm theo sẽ bị cảnh cáo. Lần thứ hai tái phạm, bạn sẽ bị cấm đọc trong ngày hôm đó. Bạn được phép chụp ảnh tài liệu. Trong phòng ảnh. Không được bật đèn flash. Không tuân theo những quy tắc này sẽ bị nhận cảnh cáo. Lần thứ hai tái phạm thì sẽ bị cấm đọc trong ngày...”

Tôi nhìn xuống tác phẩm lịch sử hai trăm tuổi vô giá trong đôi tay không đi găng của mình. May là Yves Bonnard không biết là tôi có nó. Ông ta sẽ ra lệnh xử bắn tôi không chừa.

Tôi mở cuốn nhật ký ra và lật qua vài trang đầu tiên, đọc lại trang tôi đã dừng lại - chỗ hoàng hậu yêu cầu Alexandrine làm bạn với hoàng thái tử Louis-Charles - rồi đọc tiếp sang trang sau.

Ngày 26 tháng Tư năm 1795.

Biến đi! Đi mà tự sát đi, cái đồ ngu xuẩn chết tiệt, chứ đừng có giết tao! Bọn nó nghi ngờ tao! Bọn nó theo dõi nhà tao!

Đó là cách mà Fauvel, đội trưởng lính cứu hỏa Quốc gia, chào tôi sáng hôm nay.

Nhưng chúng ta đâu có ở nhà ông, phải không Fauvel? Tôi nói với ông. Chúng ta đang uống cà phê ở Café Foy mà. Hai người dân đang đùa với nhau vào một buổi sáng mùa xuân tươi đẹp. Còn gì có thể tinh khôi hơn?

Khi nói, tôi nhét tay vào túi áo khoác và lấy ra một cái nhẫn vàng to nặng gắn kim cương. Một trong những chiếc cửa của tiệm Orléans. Khi tôi đặt tay vào bàn tay đầy mồ hôi của Fauvel, ngón tay tôi siết chặt cổ tay ông. Tôi cảm thấy mạch đập của ông tăng lên.

Tôi cần hai mươi quả pháo hoa, tôi bảo ông.

Quá nhiều! Thế thì sẽ thiếu thuốc pháo! Cô không biết là đang làm tôi gặp nguy hiểm thế nào à? Ông ta rút lên.

Tôi giơ tay ra đòi lại chiếc nhẫn.

Mai lấy, ông ta nói.

Tối nay, tôi nói.

Ông ta chửi tôi, nhưng nhét cái nhẫn vào túi. Cô có còn nhiều những cái này nữa không? Ông ta hỏi.

Tôi còn có nhiều hơn tất cả những thứ này ấy chứ. Một cái đồng hồ vàng này. Một cái khung tranh bằng kim cương này. Cả một viên đá sa phia to bằng trứng bồ câu.

Dối trá, tất cả đều là dối trá. Tôi chỉ còn ít nữ trang, vài cái nhẫn, sáu đồng tiền vàng. Nhưng ông ta không thể phát hiện ra được. Tôi cần ông ta tin rằng tôi sống giá trị hơn chết. Tôi phải lấy được pháo hoa từ chỗ ông ta.

Tôi để pháo hoa ở đâu đây? Fauvel hỏi.

Ở Nhà thờ Sainte-Marie-Madeleine. Trong mộ Valois, tôi nói.

Đó là nơi an toàn nhất. Từ đó tôi có thể mang chúng dưới đường ngầm và giấu chúng trong hầm mộ. Fauvel, kẻ ném sét lên sân khấu, kẻ làm quỷ xuất hiện trong một tia sáng, có thể đi trên phố mang pháo hoa và thuốc súng mà không sợ gì cả bởi chúng là phương tiện nghề nghiệp của ông ta, còn tôi thì không được quyền làm thế.

Vậy hẹn tối nay, ông ta nói.

Tôi chúc ông ta một ngày tốt lành, nhét một cái bao tay vào miệng, rồi cầm tờ báo mà Fauvel đã bỏ lại, hy vọng, như mọi khi, đọc được tin gì đó về đứa trẻ mồ côi trong tòa tháp - mà Đại tướng Barras đã thương cảm, bảo rằng cậu sẽ được thả sớm. Nhưng chẳng có gì cả.

Gã Người Xanh lại cho nổ pháo hoa, một dòng tiêu đề được giật. Một người đại diện nói lại rằng Người Xanh là một người Áo trả thù cho cái chết của hoàng hậu. Một bà nội trợ bảo rằng bà chắc chắn chính Lucifer đã ném lửa hỏa ngục, trong khi một thành viên của Viện Hàn Lâm khẳng định rằng các vụ nổ pháo là do thừa dịch trên mặt trăng.

Mặt trăng đánh rầm. Hoàng thái tử Louis-Charles sẽ phá lên cười trước cái ý tưởng này, tôi nghĩ. Với các cậu bé thì không gì buồn cười hơn một cái rầm. Một ngày nào đó tôi sẽ kể với cậu. Sớm thôi. Tôi sẽ cầm tay cậu và nói...

Cậu sẽ không trả lời bạn. Cậu không còn nói nữa. Cậu không thể. Không lời nào diễn tả được sự khổ sở của cậu. Nhưng sẽ chẳng bao lâu nữa cậu sẽ lại bước đi tự do. Với chúng tôi.

Tôi ngược lên và thấy một phụ nữ ngồi xuống chỗ Fauvel đã ngồi, máu chảy xuống vạt váy trước. Tôi biết cô. Cô là Công chúa de Lamballe. Bị giết vì cô đã khóc cho đức vua. Danton thả đàn chó tháng Chín và chúng xé nát cô ra.

Tôi nhắm mắt lại. Khi tôi mở mắt ra, cô đã biến mất. Lúc đầu họ làm tôi kinh hoàng, công chúa và những người khác như cô, nhưng giờ tôi đã quen với họ.

Tôi tiếp tục đọc báo và biết rằng Quốc hội đã giận điên lên vì những hành động của Người Xanh. Và rồi tôi thấy câu này: Bonaparte nâng mức thưởng cho đầu tôi. Giờ ông ta đưa ra giá hai trăm franc.

Tôi hãnh diện quá. Judas bán chúa Jesus giá còn bèo hơn. Và một ngày nào đó, chẳng bao lâu nữa, Fauvel sẽ bán đứng tôi.

Chà,” tôi tự nhủ, lật sang trang tiếp theo. “Kính phết nhỉ. Alex nói chuyện với người chết.”

Lúc ở Brooklyn tôi cũng làm thế, nhưng tôi có lý do. Tôi bị say thuốc Qwellify. Cô này đâu có say thuốc.

Tôi nhìn lên và thấy hàng người chả nhúc nhích gì, thế là tôi đọc tiếp.

27 tháng Tư năm 1795

Lúc này tôi phải viết về cậu, về Louis-Charles. Tôi phải kể với bạn cậu là người như thế nào. Chúng - những kẻ bắt giam cậu, gọi cậu là Kẻ thù của Nền Cộng hòa, Kẻ tráo trở và Con sói con. Bởi vì chúng thông minh. Đánh đập một đứa trẻ, giam cầm một đứa trẻ, bỏ đói một đứa trẻ - và thế giới sẽ gọi bạn là ác thú. Đánh đập một con sói con, giam cầm và bỏ đói nó, và thế giới sẽ gọi bạn là anh hùng.

Cậu không phải là con sói con. Cậu dịu dàng và tốt bụng. Nhã nhận và dũng cảm. Cậu là chính khách ở tuổi lên bốn, tránh những câu hỏi từ các công sứ và quý tộc khi những đứa khác cùng tuổi cậu còn chưa biết nói chữ cái.

Chà, giờ đây, thưa ngài! Đại sứ người Ý the the. Xin nói cho tôi biết quân đội nước Áo mạnh hơn hay Tây Ban Nha mạnh hơn?

Đây là một câu hỏi không thể trả lời được. Nước Áo do bà ngoại cậu cai trị, Tây Ban Nha thì do anh họ. Ngợi ca một nước tức là sỉ nhục nước kia. Tất cả mọi người quanh bàn đều quay lại nhìn. Cả mẹ cậu cũng vậy. Cả cha cậu nữa. Mọi con mắt đều đổ dồn vào cậu.

Thưa ngài, tôi không thể trả lời quân đội nào mạnh hơn, chỉ biết là quân đội nước nào mạnh nhất, cậu khôn khéo đáp. Không phải Áo hay Tây Ban Nha, mà là nước Pháp vinh quang của tôi.

Các vị khách bật cười và vỗ tay. Tất cả đều hài lòng. Cậu mỉm cười, ngồi nghiêm ngắn lưng, nhưng bên dưới bàn, hai bàn tay nhỏ của cậu buộc nút khăn ăn.

Ngay khi có thể, tôi lén đưa cậu đi. Chúng tôi ra ngoài hiên nghe cú kêu và xem dơi sà xuống đài phun nước, và tôi kể cho cậu nghe các câu chuyện về Paris. Tôi kể cho cậu nghe về tên lùn Luc, kẻ không có tay mà lại có vây và chơi kèn trumpet bằng chân. Tôi kể cho cậu nghe về Seraphina, người đứng trên lưng ngựa mà cười đi. Về Tristan và đàn chuột biết nhảy múa của ông.

Tôi kể cho cậu nghe về Cung điện Hoàng gia lúc nửa đêm, nhạc nhẽo âm âm, đèn đuốc sáng rực, và tất thấy những thứ kỳ khôi để xem ở đó: những kẻ thối miên rần bằng ống tiêu của mình, biến ma nơ canh thành người mà qua cái lỗ trên ngực gã ta có thể nhìn thấy quả tim đang đập.

Cậu không tin là tôi từng lang thang tới những nơi như vậy. Hay tôi có thể một mình làm việc đó. Cậu chưa bao giờ tới đó một mình, cả đời chưa một lần, và không thể tưởng tượng nổi chuyện đó.

Khi trời tối, mọi người trong cung điện ra ngoài xem pháo hoa. Chúng tôi ngồi trên cỏ và ngắm pháo hoa nổ bung trên bầu trời. Cậu thích pháo hoa hơn cả sô cô la hay những chú lính chì hay thậm chí cả con ngựa Pony của cậu. Cậu thích những đài phun và thác nước lấp lánh và nói những điều kỳ lạ nhất khi nhìn chúng.

Trông chúng như những vì sao đang vỡ ra.

Hay, trông chúng như kim cương của mẹ vậy.

Hay, trông chúng như những linh hồn trên thiên đường.

Và có một lần, Chúng làm ta buồn vì chúng đẹp quá.

Những thứ đẹp dễ lẽ ra phải làm Người vui chứ, thừa hoàng thái tử Louis-Charles, tôi bảo cậu. Ông đội trưởng lính cứu hỏa sẽ không mất công đến vậy để làm Người buồn đâu.

Chúng khiến ta vui mà. Chỉ có điều đôi khi thì không.

Tại sao Người không vui?

Những thứ đẹp dễ chả bao giờ sống được mãi. Cũng như hoa hồng, hay tuyết, hay răng của dì ta. Và cả pháo hoa nữa.

Tôi không biết đáp lại câu thế nào, thoát tiên là thế, nhưng tôi biết mình phải đáp lại, bởi nhiệm vụ của tôi là làm cậu vui. Tôi nhìn quanh, vậy Người nhìn kìa - tôi đáp lại.

Vài thứ đẹp dễ thực sự sống được, tôi nói.

Không mà.

Có chứ. Người nhìn kìa. Đằng sau Người. Ở bàn nơi gia đình Người ngồi. Tôi thấy ba thứ đẹp dễ. Thứ nhất, hoàng hậu mẹ của Người. Thứ hai, cái tách thanh nhã mà Hoàng hậu đang uống nước, và thứ ba, cung điện Versailles ở sau Hoàng hậu. Lúc này đây tất cả những thứ đó đều có mặt và ngày mai cũng sẽ ở đây và ngày kia và ngày kìa nữa.

Cậu mỉm cười và ôm tôi, vui vẻ trở lại.

Giờ đây mẹ cậu đã chết. Cái tách xinh xắn của bà bị đập vỡ. Cung điện hoang tàn và trống không.

Tôi đã dối trá. Tôi đã lường gạt. Tôi hủy hoại người và vật. Ấy vậy mà không gì làm tôi buồn khổ bằng việc nghĩ giờ đây cậu luôn nhớ tới cái đêm đó.

Và gọi tôi là kẻ dối trá.

“Mẹ khỉ,” tôi nói lớn. “Pháo hoa là để cho cậu bé. Cho hoàng thái tử. Cho Louis-Charles. Cô ta...”

“Xin trật tự!” Yves Bonnard quát, lườm tôi.

“Xin lỗi!” Tôi thì thầm, náu mình xuống ghế.

Nhưng đúng thế. Chắc hẳn là thế. Louis-Charles thích pháo hoa. Đó chính là lý do vì sao Alex trở thành Người Xanh. Để cậu bé có thể nhìn thấy pháo hoa từ trong buồng giam và biết rằng

cô ở đó, rằng vẫn có ai đó ở bên cậu.

Trông chúng như những ngôi sao đang vỡ tan ra, cậu nói. Như tất cả các linh hồn trên thiên đường.

Nghe giống như điều Truman nói.

Em cũng thích pháo hoa. Chúng tôi đã ngắm pháo hoa ở Promenade ở Brooklyn không biết bao nhiêu lần. Ngày Chiến sỹ trận vong. Mừng bốn tháng Bảy. Ngày Lao động. Thỉnh thoảng pháo hoa được bắn chẳng vì lý do gì cả. Chúng tôi nghe tiếng nổ từ trong nhà và túm lấy giày. Ký ức bốn người chúng tôi chạy xuống phố, cười đùa trong đêm tối còn rõ mồn một trong đầu tôi và trong vài giây, tôi thấy hạnh phúc vô cùng. Và rồi tôi nhớ ra mọi thứ đã trôi qua. Truman chết. Mẹ tôi nhập viện. Cha bỏ chúng tôi.

Tôi cúi đầu xuống và tiếp tục đọc. Thật nhanh. Để không ai có thể thấy những giọt nước mắt.

28 tháng Tư năm 1795

Nhà vua ngu xuẩn, sự thật là thế. Ông ta cậy quyền cậy thế, không dứt khoát, và quá mức thoải mái với tiền bạc của đất nước, nhưng tội lỗi tệ hại nhất của ông ta lại không phải là những thứ trên - mà chính là việc ông không có trí tưởng tượng chút nào.

Ông ta phải bắt ai đó chuẩn bị đồ lót cho mình vào buổi sáng và kẻ khác trả lại vào buổi đêm. Ông ta có một cung điện hai nghìn cái cửa sổ. Đèn chúc đài bằng bạc. Các bức họa trên nhà xí. Còn gì để cho ông ta tưởng tượng nữa?

Giá như ông ta nhìn thấy một đứa trẻ, gầy gò xương, đứng trên cánh đồng cỏ cỗi; giá như ông ta nghe thấy tiếng rên rỉ của một người nghèo, bà mẹ rách rưới quỳ xuống một ngôi mộ nhỏ; ông ta có thể luôn an ủi chính mình với ý niệm đầy tình yêu thương của một bậc hoàng tộc hay người tốt phúc, rằng đứa trẻ kia là một đứa trẻ đói khát, còn bà mẹ là một bà mẹ sầu khổ trong khi ông ta là một ông vua béo ị bởi Chúa muốn như vậy.

Dẫu vậy tôi lại thấy rất khó để ghét ông, bởi tôi tin ông không hề có ác ý. Ta không đánh con chó của mình bởi vì nó không phải là một con mèo. Nó sinh ra là một con chó và không thể thay đổi điều đó. Nhà vua sinh ra là một nhà vua và cũng không thể thay đổi điều đó.

Ông đã nghe những lời cảnh báo. Quá nhiều. Mà không lưu tâm gì hết. Thỉnh thoảng ông tập hợp binh lính và dọa sẽ dẹp yên đám đông Paris nổi loạn. Hay nói tới chuyện di rời triều đình đến nơi an toàn là một thị trấn sát biên giới, ở đó nó có thể dễ dàng được bảo vệ. Nhưng ông không làm gì cả. Ông không hành động. Sự nổi loạn ở Paris không buộc ông phải làm vậy. Hay sự họp mặt của ba đảng cấp. Hay lời tuyên thệ mà các quần thần của ông đã thề ở Cung điện Tennis. Hay ngày mười bốn tháng Bảy năm 1789.

Vào ngày hôm đó, giá bánh mì ở Paris tăng vùn vụt, và có tin đồn là các tiểu đoàn lính đang tập trung ở ngoại ô thành phố. Tức giận và sợ hãi, hàng nghìn người dân Paris tập trung ở Cung điện Hoàng gia, nơi Desmoulins nhẩy lên một cái bàn và thúc giục họ tập trung vũ khí và đạn dược để bảo vệ mình và bảo vệ tự do. Họ tấn công ngục Bastille - một nhà tù vững chãi nơi người dân bị tống vào không qua xét xử - để lấy vũ khí và kho thuốc súng. Nó là một dấu hiệu rất hiển nhiên, một đoạn mở đầu mạnh mẽ đến mức một kẻ thộn cũng hiểu được ý nghĩa của nó. Vậy mà đêm hôm đó, nhà vua KHÔNG viết gì trong nhật ký của mình. Tôi nghe thấy giọng hoài nghi của hoàng hậu khi nói chuyện đó với một trong những cận thần của mình.

Những ngày sau đó, chúng tôi đọc trên báo về đội quân nghèo khổ của Desmoulin đã chiếm nhà ngục Bastille và cả Paris, người giàu cũng như người nghèo đều ăn mừng sự sụp đổ của nó.

Đàn ông và đàn bà, từ những kẻ ăn xin thô thiển nhất tới những bá tước mặc quần áo lụa, đều đục đá của nhà ngục và ném chúng xuống từ trên thành lũy.

Mùa hè trôi qua. Những cuộc nổi dậy từ Paris càng mạnh mẽ hơn. Công nhân ở St. Antoine trong trang phục quần dài mũ đỏ đi lại nghênh ngang trong thành phố, tấn công bất kỳ ai mặc quần áo đẹp. Chủ tiệm bánh không có bánh mì bị kéo ra khỏi cửa hàng và đánh đập. Vở kịch chống lại đức vua Charles IX được tung hô nhiệt liệt. Từng chút một, thế giới cũ tan rã, nhưng nhà vua, không hề có khả năng hình dung, chưa bao giờ tưởng tượng là vài mẫu thế giới cũ đó có thể rơi xuống ông.

Tháng Tám, Quốc hội tuyên bố quý tộc phải trả thuế, và rằng họ không còn được phép đánh thuế thập phân lên nông dân. Rồi họ thậm chí còn đi xa hơn. Họ xuất bản một thứ gọi là Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền.

Tôi đang về thăm nhà, ăn bữa sáng với cả nhà, thì nghe thấy chuyện này. Gia đình tôi đã thay đổi hoàn toàn. Các em trai tôi béo múp ma múp míp. Mẹ tôi thì sạch sẽ và luôn miệng mỉm cười. Cô chị gái xấu xí của tôi đã sinh ra một đứa con xấu xí. Chúng tôi đã có vị thế mới và thấy hài lòng - trừ cha tôi. Ông ủ ê. Ông thở dài. Ông muốn xem các vở kịch mới được diễn ở Paris. Ông muốn mình sáng tác ra vài vở kịch.

Nếu ông về lại Paris thì về một mình, mẹ tôi cảnh báo ông. Tại sao chúng ta lại rời khỏi nơi này khi mà ở đây chúng ta được cho cái ăn và chỗ ở?

Như thỏ chuẩn bị lên nôi, ông làu bàu.

Người rao báo đến khi chúng tôi đang uống nốt cà phê. Cha tôi chạy ra mua một tờ, rồi chạy lại về nhà cầm theo nó.

Nghe này! Cả nhà nghe này! Ông hét lên. Chúng ta tự do rồi! Cả nước Pháp tự do rồi!

Chú tôi đang đóng cái lều mới cho sân khấu diễn rối của chúng tôi. Tự do khỏi cái gì? Ông hỏi.

Khỏi chuyên chế! Quốc hội đã viết một văn bản tuyên bố các nhân quyền. Họ kêu gọi nhà vua chấp nhận nó, cha tôi hỗn hển nói. Nó nói rằng - Chúa ơi, tôi gần như không tin nổi - nó nói rằng tất cả con người có quyền tự do, sở hữu tài sản và được an toàn, và rằng không gì có thể áp chế. Nó nói rằng tất cả con người đều bình đẳng!

Suyttt! Mà muốn cả nhà bị bắt à? Nói năng như thế là phản quốc!

Suyttt, mẹ ơi, nghe này! Bố tôi nói, Điều Một: Người ta sinh ra có quyền tự do, bình đẳng, và phải luôn luôn được hưởng quyền tự do và bình đẳng đó. Chẳng đáng kinh ngạc sao? René, nó có nghĩa là anh với em có mọi quyền ngang với nhà vua!

Còn phụ nữ thì sao? cô tôi hỏi. Họ có tạo ra quyền gì cho phụ nữ không?

Không hề nói gì đến phụ nữ, Lise ạ! Phụ nữ chẳng liên quan gì tới nó cả. Nhân-Quyền, chả phải nó nói thế ư? cha tôi nói, chỉ vào dòng tiêu đề. Và đây, René, nghe này... Điều Hai: cơ sở của tính tự chủ nằm ở Dân tộc. Không một cá thể hay tổ chức nào có thể thực thi quyền hành mà không xuất phát trực tiếp trên cơ sở đó.

Thế nghĩa là sao? cô tôi hỏi.

Thế nghĩa là nhà vua không cai trị theo mệnh lệnh của Chúa như chúng ta đã luôn được bảo mà là cai trị theo ý chí của con người. Thôi đừng có đóng đinh nữa, René! Nghe Điều Mười Một

này. Đây là điều đáng kinh ngạc hết thảy: Tự do trao đổi suy nghĩ và ý kiến là một trong những quyền quý giá nhất của con người. Vì thế, bất kỳ công dân nào cũng có thể nói, viết và công bố tự do.

Ông choáng váng quá mức. Ông lần lượt nhìn từng người chúng tôi với đôi mắt đăm lẹ. Sao mọi người không vui mừng? ông hỏi. Sao mọi người không khóc lên vì sung sướng? Mọi người không hiểu à? Nó có nghĩa là chúng ta có thể biểu diễn mà không sợ sự trừng phạt của nhà vua. Nghĩa là chúng ta có thể viết và diễn kịch như chúng ta mong muốn.

Em không hiểu à René? cha tôi nói, giọng ông run lên vì xúc động. Nó là sự khởi đầu của một thứ, một thứ tuyệt vời.

Chú tôi quay lại nói với ông. Đúng thế, Theo ạ, ông nói. Nó là khởi đầu của kết thúc.

Tôi đọc xong trang này và liếc qua hàng người trước bàn nhân viên lưu trữ. Trước tôi vẫn còn mười người nữa. Người phụ nữ đứng sau tôi đã bỏ đi. Tôi đoán là cô ta bỏ cuộc. Đã gần bốn giờ. Hy vọng không lâu nữa là tới lượt tôi.

Tôi lật trang giấy, nghĩ đến bài giảng về Cách mạng Pháp trên lớp, nghĩ đến thời gian diễn ra các sự kiện. Nhà ngục Bastille đã bị phá ngay trước lúc khởi màn. Mọi thứ sẽ trở nên tồi tệ ở Versailles. Cực kỳ tồi tệ. Rất nhanh thôi. Mà Alex ở đó, ngay giữa trung tâm.

29 tháng Tư 1795

Ta sẽ trốn, Alex! Hoàng thái tử Louis-Charles hét lên. Đếm tới mười rồi tìm ta đi!

Cậu vụt ra từ dưới cái bàn nơi bọn tôi ăn sô-cô-la lấy trộm từ đĩa của mẹ cậu. Tôi kéo mặt nạ ra khỏi và bắt đầu đếm.

Đó là một đêm giữa hè. Hoàng hậu và những cận thần tham dự vũ hội giả trang trong khu rừng nhỏ Obelisk với con cái họ. Bà hy vọng việc này sẽ làm hoàng thái tử Louis-Charles vui vẻ. Hoàng hậu là Titania. Ngài Bá tước Fersen điển trai là Oberon. Đức vua, mệt mỏi sau cả ngày săn bắn, đã lên giường đi nghỉ. Nhạc được bật lên. Đèn rực sáng trong các lùm cây. Đã có một bữa tối nhẹ, rồi ăn kem và uống sâm panh. Suy cho cùng thì tất cả đều đang chơi trò trốn tìm.

Hoàng thái tử Louis-Charles đeo một cái mặt nạ khỉ. Tôi đeo mặt nạ chim, chim sẻ. Tôi đếm xong và chạy theo cậu. Tôi thấy cậu quỳ sau một bụi hồng, nhưng giả vờ không nhìn thấy. Cậu chạy vụt đi và tôi thờ thần đi tìm cậu, gọi cậu, lật các hòn đá lên nhìn xuống dưới chúng, hay lạy các cành hồng, hy vọng cậu sẽ rơi ra từ một cành hồng nào đó. Trong lúc ấy, cậu lại bùm miệng cười khúc khích và chạy xa hơn vào trong rừng. Trong đó tối đen. Không treo đèn. Chỉ có ánh trăng đôi đường.

Hoàng thái tử Louis-Charles? Tôi gọi, dò tìm cậu. Ra đi nào. Mình đi xa quá rồi. Phải quay lại thôi.

Nhưng cậu không trả lời.

Tôi bước tiếp, xa hơn nữa xuôi theo con đường mòn. Các bức tượng sáng rực lên như ma dưới ánh trăng. Lá cây sột soạt do gió đêm. Tôi đi qua một cái ao nhỏ, một bụi hồng trắng. Rồi tôi rẽ qua một góc và thấy ông ta - không phải Louis-Charles, mà là một người đàn ông đeo mặt nạ sói, ngồi trên chiếc ghế dài.

Louis-Charles! Tôi gọi, đột nhiên thấy sợ. Louis-Charles, cậu đâu rồi?

Cái gì thế này? Người kia nói. Một con chim nhỏ từ phố phường Paris? Một con sẻ không còn ăn phân ở máng nước mà ăn sô-cô-la từ đĩa của hoàng hậu. Mà bay đi xa thật đấy, chim sẻ ạ.

Louis-Charles! Tôi hét lên, lùi lại. Cậu đâu rồi?

Tôi e là không có ở đây đâu, người đàn ông nói.

Louis-Charles? Louis-Charles ơ? Tôi gào lên, giọng vỡ òa.

Không gian tĩnh lặng quá. Tĩnh lặng đến nỗi tôi không nghe thấy gì ngoài tiếng tim đập thình thịch trong lồng ngực. Rồi người kia nói, Nào ra đi, Louis-Charles. Cú lừa của chúng ta đã xong.

Louis-Charles thò đầu ra từ phía sau ông ta. Bọn ta đã lừa chị, Alex! Bọn ta lừa chị! Cậu hét lên, nhảy múa xung quanh tôi.

Tôi túm lấy cậu và kéo cậu lại gần, nỗi sợ hãi vẫn còn quá mạnh mẽ trong tôi. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là, Nếu mình để lạc mất Hoàng thái tử thì sao? Tôi chịu trách nhiệm trông cậu. Nếu cậu bị bắt cóc thì sao? Nhà vua sẽ lột da sống tôi.

Ông là ai? Tôi hỏi người kia.

Ông ta cười mặt nạ ra. Cặp mắt ông ta còn đen hơn cả bóng đêm, nhìn vào mắt tôi. Phillipe, Duc d'Orléans, ông ta nói.

Duc d'Orléans. Em họ của đức vua. Thế mà vừa rồi tôi nói với ông ta như thể với một thằng phụ bếp.

Tôi vội nhún chân, mắt nhìn xuống đất. Tôi xin lỗi, thưa ngài, tôi lắp bắp. Ông ta miễn lễ cho tôi, rồi tôi nói chúng tôi phải quay lại nếu không hoàng hậu sẽ lo lắng. Tôi chúc ông ngủ ngon. Bọn tôi đi chưa được mười bước thì Louis-Charles kêu lên, Mặt nạ của tôi!

Tôi quay lại. Orléans đang cầm nó. Ông ta buộc tôi phải lại gần để lấy. Ông ta mỉm cười khi tôi lấy nó, nhưng mắt ông ta không cười. Nhanh như rắn, ông ta túm lấy cổ tay tôi và kéo tôi lại gần. Cô đang chơi một trò nguy hiểm đấy, ông ta khẽ nói. Cẩn thận nhé. Không phải trò nào cũng dễ chơi đâu.

Ông ta thả tôi ra. Tôi lùi lại, quay người và chộp lấy tay Louis-Charles.

Tôi chưa bao giờ sợ đến thế. Ý ông ta là sao? Ông ta đọc được ý nghĩ của tôi ư? Biết rằng tôi chỉ lợi dụng đứa trẻ này? Ông ta sẽ kể với hoàng hậu?

Tôi mắng mình vì xuẩn ngốc. Không ai có thể đọc được ý nghĩ người khác. Chỉ có Chúa với quỷ mới làm được điều đó. Ngài công tước chỉ mắng tôi vì để cho hoàng thái tử đi quá xa khi bọn tôi chơi trốn tìm.

Hoàng thái tử Louis-Charles vừa nhảy nhót vừa riu rít trò chuyện khi chúng tôi quay lại bữa tiệc. Cậu kể lại đã lừa tôi hay ho thế nào và huênh hoang về trí thông minh của mình. Tôi bật cười và hòa theo bảo cậu rằng tôi tưởng bọn digan đã bắt cóc cậu rồi, nhưng trong lúc đó, có một chuyện khiến tôi run sợ.

Cú lừa ngoạn mục nhất là người anh họ Orléans của cậu đã trốn suốt bữa tiệc tài tình thế nào, tôi nói. Tôi không hề thấy một cái mặt sói nào trong bữa tối cả. Không một cái nào.

Ồ, ông ấy không được mời, Louis-Charles nói. Ông ta chẳng bao giờ được mời. Mẹ không thích ông ta. Ta nghe mẹ nói chuyện với dì Elizabeth về ông ta. Mẹ bảo ông ta đóng vai kẻ nổi loạn, nhưng lại muốn làm vua. Ta không nghĩ ông ấy lại là người xấu.

Tôi ngoái nhìn lại, hy vọng nhìn thấy ông ta vẫn ngồi đó, Orléans, im lặng và bất động, ánh trăng rọi xuống những chiếc nhẫn của ông ta.

Nhưng cái ghế trống không.

Con sói đã biến mất.

30 tháng Tư năm 1795

Mùa thu đến. Lá rơi, trời chuyển sang màu xám, và những kẻ quý tộc cảnh giác, như thiên nga trong truyện cổ tích, ngộ ra nhiều chuyện. Họ bị phỉ nhổ trên phố. Họ bị ném cứt đá vào xe

ngựa và bị ném đá qua cửa sổ. Họ đã nhìn thấy những việc mà đức vua bắt lực.

Comte d'Artois, người em điển trai của đức vua đang cười đùa, tung Louis-Charles lên không trung rồi hôn tạm biệt cậu, và hứa sẽ mang về cả một đội lính chì khi ông quay lại.

Nữ công tước de Polignac, gia sư yêu quý của cậu, nháy mắt cho nước mắt khỏi rơi khi ôm cậu.

Chỉ một thời gian ngắn thôi, tình yêu của ta, bà bảo cậu. Ta sẽ quay lại sớm. Vào mùa xuân khi hoa anh đào nở. Ta hứa với cậu. Chúng ta sẽ treo cây và xem xe ngựa của họ chạy đi cho đến khi chỉ còn một đám bụi sót lại.

Ngày mừng năm tháng Mười năm 1789, mưa nặng hạt dần. Hôm đó chẳng có tí bụi nào. Nếu có thì có lẽ đức vua đã được cảnh báo. Có lẽ ông đã có thời gian để suy nghĩ. Để quyết định. Để đưa gia đình lên một chiếc xe ngựa thật nhanh mà chạy đi. Nhưng chỉ có bùn. Bám đầy chân phụ nữ và binh lính ở Paris. Họ đến mang theo dao và giáo, đói khát và giận dữ. Họ đến tính sổ với đức vua và hoàng hậu.

Một người cưỡi ngựa đi trước họ. Tôi thấy ông ta. Tôi ở trong phòng hoàng hậu, chơi đùa với hoàng thái tử Louis-Charles. Đột nhiên có tiếng hò hét bên ngoài. Một người đàn ông vấp ngã ở sân đá hoa cương và trên bậc thềm, để lại vệt bùn dài. Ông ta cúi đầu vội vã, và run rẩy nói, Tôi từ Paris đến, thưa Hoàng hậu. Ở tòa thị chính sáng nay có cuộc bạo loạn. Phụ nữ bán hàng ở chợ đã tập trung đến đó đòi bánh mì. Khi thị trưởng bảo ông ta không có, họ đã cướp phá tòa nhà. Lấy đi vũ khí và thuốc súng. Lính cận vệ Paris được gọi ra nhưng không chịu nổ súng vào họ. Một phụ nữ hét lên rằng họ phải đến Versailles để hỏi xin nhà vua bánh mì. Cả thành phố vùng lên và họ đi tới đây. Lafayette ước chừng có khoảng sáu ngàn người.

Ở đây chúng ta có trung đoàn Flanders và cận vệ, Hoàng hậu nói. Họ sẽ dễ dàng chặn một đám phụ nữ.

Người đàn ông lắc đầu. Binh lính ở Paris đi cùng họ, ông ta nói.

Nhưng Lafayette là tướng thống lĩnh của họ! hoàng hậu nói. Sao ông ta không ngăn họ lại?

Ông ấy đã cố nhưng binh lính mạnh hơn rất nhiều, phải đến mười lăm nghìn người. Nếu ông ta không chịu đi cùng họ, họ sẽ bỏ mặc ông ta. Hoặc giết ông ta. Ông ta không thể làm dịu họ được. Không thể.

Mặt hoàng hậu trắng bệch ra. Đức vua, hoàng hậu nói. Đức vua đâu rồi.

Đi sẵn, thưa hoàng hậu, có tiếng trả lời.

Tìm Người ngay! Trước khi đám nổi loạn tìm thấy! Bà hét lên.

Vệ sĩ của nhà vua được phái đi. Họ tìm thấy ông và đưa ông vào lại trong cung điện. Cổng cung điện được khóa lại. Nhóm tham vấn được tập trung. Người phải chấp nhận Dân quyền, các bộ trưởng của ông nói, và các sắc lệnh tháng Tám. Không, Người phải chạy trốn ngay lập tức. Không, Người không được làm gì cả và giữ vững lập trường.

Bản thân nhà vua chỉ muốn đưa hoàng hậu và con cái tới nơi an toàn, nhưng bà không chịu rời ông. Vì thế ông ở lại và tất cả đều phải chịu số phận bất hạnh.

Đám phụ nữ buôn bán ở chợ đến nơi vào buổi tối, mệt mỏi, lạnh và ướt, để rồi thấy cổng cung điện khóa trước mặt mình. Nhà vua nói chuyện với vài người trong số họ. Ông bảo với họ ông rất lấy làm tiếc cho những rắc rối của họ và hứa ngũ cốc sẽ được chuyển tới Paris ngay lập tức.

Ông hạ lệnh mang thức ăn và rượu đến cho họ, và làm họ dịu đi chút ít.

Nhưng đến nửa đêm, đám lính Paris đến và họ không dễ gì bị lung lay. Xung đột bùng nổ giữa họ và vệ sĩ của nhà vua trong sân. Tôi lo lắng quá không ngủ được, tôi thức nói chuyện với Barère, đội trưởng nhóm bảo vệ hoàng thái tử, và từ cửa sổ, tôi thấy trận giao tranh đang diễn ra. Một trong những người hầu của nhà vua, là bạn của đội trưởng, lúc tờ mờ sáng thông báo với chúng tôi rằng Lafayette, thay mặt binh lính và đám đàn bà ở chợ, đã đọc một danh sách các yêu sách cho nhà vua.

Thứ nhất - Người phải giải tán đội vệ sĩ hoàng gia và để cho lính Paris bảo vệ Người; Thứ hai - Người phải bảo đảm cung cấp lương thực cho thành phố, và thứ ba - Người phải rời khỏi Versailles và sống ở Paris. Nhà vua đồng ý hai điều đầu tiên, nhưng bảo rằng Người phải suy nghĩ điều thứ ba, người hầu đó bảo với chúng tôi. Rồi Người về cung nghỉ ngơi trong khi Lafayette đi vào một quán rượu trong thị trấn, hy vọng tìm được một chiếc giường ở đó.

Người lính bảo vệ hoàng thái tử bảo tôi quay về giường, nhưng tôi không làm thế. Bên ngoài cửa cung điện, đuốc thắp sáng rực. Tôi không nhìn thấy đám nổi loạn trong bóng tối nhưng tôi nghe được tiếng họ. Tiếng chửi bới, thề thốt, la hét, tiếng cười của những kẻ say xỉn, vang đến tận cửa sổ. Họ mệt mỏi vì đi một chuyến đi dài. Sao họ không ngủ đi nhỉ?

Họ khiến tôi bất an đến mức tôi rời khỏi cung điện, trèo qua hàng rào sắt - việc này làm khá dễ vì hàng rào tiếp giáp với bức tường ở phía tây - và đi lại chỗ họ đang túm tụm ngồi cạnh đồng lửa, hy vọng nghe được chuyện của họ để mà biết họ nghĩ gì. Sau đó người ta bảo rằng, những người lãnh đạo cuộc cách mạng, rằng những người hành quân tới đây là những bà vợ trung thực ở Paris. Tôi dám cá rằng chỉ vài người trung thực còn rất nhiều người thì không. Có cả bọn gái điếm và móc túi lẫn trong đó. Có cả đàn ông nữa - trộm cắp, ma cô, bọn phe vé. Tôi biết chúng đến từ Cung điện Hoàng gia.

Và còn có một người nữa - một kẻ đi lại dễ dàng giữa họ, mặc áo choàng màu xám, đội sùm sụp chiếc mũ ba sừng. Ông ta quàng khăn che mắt khuôn mặt như một kẻ cướp đường và không nói chuyện bánh mì và tự do, mà nói chuyện ma quỷ và giết người. Ông ta đi tới đi lui, chìa đồng xu ra, giục những người biểu tình đứng lên, bắt họ cầm giáo và gậy gộc lên. Ông ta liếc tôi một lần và mắt ông ta, đen thẫm hơn cả bóng đêm, khiến máu tôi đông lạnh. Lúc sau, ông ta đưa một túi tiền qua hàng rào cho hai tên lính đứng bên trong. Khi tôi nhận ra việc ông ta làm thì đã quá muộn - dứt lốt để chúng mở cửa. Tôi gào lên xin giúp đỡ, nhưng giọng tôi bị đám đông giận dữ điên loạn nuốt chửng.

Giết bà ta đi! Một phụ nữ hét lên khi bà ta chạy qua cổng. Giết hoàng hậu! Mọi tìm bà ta ra!

Giết hết chúng đi! Một kẻ khác hét lên.

Tôi sợ hãi đến mức gần như mất trí. Tôi chạy qua cổng, băng qua sân, vào cung điện. Rất nhiều kẻ nổi loạn đã đi trước tôi. Những kẻ khác ngay sát gót chân tôi. May mắn là họ nghĩ tôi là một trong số họ. Họ chạy lên cầu thang dẫn tới phòng hoàng hậu, nhưng tôi, lấy lại sự tỉnh táo, chạy vòng qua nó và xuống một hành lang hẹp dẫn tới phòng của hoàng thái tử. Súng giương lên chĩa vào tôi khi tôi bước vào nhưng người đội trưởng biết tôi và ra lệnh lính dừng lại.

Họ vào trong cung điện rồi! Tôi hét lên với ông ta.

Ông ta giận dữ túm lấy tôi. Ở đâu?

Cầu thang lên phòng hoàng hậu. Nhanh lên!

Ông ta chạy vào phòng của hoàng thái tử và kéo chặn cậu đang đắp ra. Louis-Charles sợ hãi

tỉnh giấc. Cậu nhảy ra khỏi giường và bò xuống gầm. Đội trưởng cố kéo cậu ra, nhưng cậu gào rú, đá chân và không chịu ra. Từ tầng trên có tiếng thét và tiếng súng nổ.

Đưa hoàng thái tử ra! Đội trưởng hét lên với tôi.

Tôi quỳ xuống giường. Hoàng thái tử, ra đi, tôi nói. Cậu phải ra ngay bây giờ.

Ta không ra! Bảo tên lính đi đi!

Ông ấy không phải là lính, ông ấy là thống lĩnh chiến trường, tôi nói, cố biến chuyện này thành trò chơi. Nước Anh ở sát biên giới nước ta. Ta phải lui binh.

Louis-Charles ló đầu ra khi nghe câu đó. Tiến lên. Cậu hét lên. Hoàng tử nước Pháp không bao giờ rút lui!

Thưa tướng quân, chúng tôi chỉ làm vậy theo mệnh lệnh của nhà vua, tôi nói. Tại đây chúng ta bị lấn át, nhưng lực lượng tiếp viện đang đợi chúng ta ở Harfleur.

Có thêm tiếng súng. Rồi gào thét. Quỷ tha ma bắt! Không có thời gian cho trò này! Viên đội trưởng hét.

Tôi quỳ xuống, giả làm ngựa. Hoàng thái tử Louis-Charles bò ra khỏi gầm giường và nhảy lên lưng tôi. Tôi tóm lấy một cái giá nệm từ chiếc bàn cạnh giường cậu và đưa cho cậu.

Quân lính, lui binh! Cậu hét lên, hươu hươu nó như thanh gươm.

Chúng tôi vọt ra khỏi phòng, có binh lính canh phòng phía trước và đằng sau. Chúng tôi chạy lên cầu thang dành cho người hầu, vào Sảnh Gương. Tôi nghe tiếng súng nổ. Tiếng thủy tinh vỡ. Tôi liếc qua cửa sổ và thấy một người lính bị bắn, một anh khác bị đâm. Một cái đầu treo trên ngọn giáo đang được giễu quanh trong khi những phụ nữ gào rú nhảy múa xung quanh.

Đội trưởng dừng lại nhìn vào một tấm gương và đập vỡ nó. Tôi nghĩ ông ta điên cuồng lên cho đến khi tôi trông thấy bản lề cửa. Tàu Hoàng thượng! Ông ta hét. Tôi là đội trưởng Barère! Tôi mang theo hoàng thái tử. Hoàng thượng, xin ngài hãy mở cửa! Ông đập một cái nữa, nhưng không có ai trả lời. Chúng ta phải thử cách khác. Nhanh lên! Ông quát, giục chúng tôi đi mau xuống cuối sảnh.

Khi chúng tôi tới đó, ông phái ba người lính đi trước qua lối thoát. Họ trở lại ngay lập tức. Không hay rồi, một người nói. Bọn chúng đã vào trong dinh lớn rồi.

Chúng tôi cố quay lại lối đã đi nhưng tiếng khóc lóc và kêu gào vang lên tận cuối sảnh. Chúng tôi bị mắc kẹt. Những nữ thần mạ vàng trần trối nhìn chúng tôi khi chúng tôi cứ đi qua đi lại. Các tượng thần được sơn bất động nhìn xuống chúng tôi. Hình ảnh của chúng tôi được phản chiếu hàng ngàn lần trong các tấm gương - một chục lính gác và một cô gái mặc quần ống túm, bị ra lệnh, có vẻ như vậy, bởi một thằng bé cầm cái giá nệm.

Đội trưởng ra lệnh quân lính tập trung đội hình. Họ quỳ gối xuống hai bên chúng tôi và giơ súng trường lên. Chúng tôi có cơ hội nào không? Vài người lính sẽ bị lượt đám đông đầu tiên đánh bại và khi họ lên lại được đạn vào súng thì đám đông kia đã đè bẹp chúng tôi rồi.

Hoàng thái tử Louis-Charles không còn hét ra lệnh nữa. Cậu đã làm rơi cái chân nệm. Ta sợ, Alex, cậu thì thào vào tai tôi, tay ôm chặt cổ tôi. Tôi không còn lòng dạ nào mà chơi cái trò chơi này.

Tôi sợ đến nỗi không trả lời được cho cậu, hay nhắc nỗi chân. Trong đầu tôi hiện lên hình ảnh cái đầu bị chặt đó, và những bàn tay vấy máu của những người nhảy múa xung quanh nó. Tôi thấy cũng những bàn tay đó tóm lấy hoàng thái tử Louis-Charles và thế là tôi bừng tỉnh. Như thế bị điên, tôi lao mình vào cánh cửa gương. Gương vỡ tan trên bàn tay đang nện thành thịch của tôi.

Mở cửa ra! Mở ra! Tôi công hoàng thái tử! Người không nghe tôi nói à? Mở cái cửa chết tiệt này ra!

Tôi cầm lấy một cái ghế và ném vào cửa. Làm thế nào hoàng thái tử Louis-Charles vẫn nằm trên lưng tôi, tôi không biết. Tôi cứ thế nện vào cửa. Tiếng đám đông gào thét càng lúc càng gần. Họ ở khắp mọi nơi. Tôi nghe tiếng đội trưởng bảo quân của mình, Khoan! Khoan bắt đã... Chưa... Đứng thẳng lên, khoan! Cái ghế bị gãy. Tôi cầm một chân ghế lên, đập bôm bốp như kẻ man rợ, và cuối cùng, cửa mở.

Bố ơi! Hoàng thái tử khóc lóc.

Louis-Charles! Nhà vua hét lên. Ôi, cảm ơn Chúa con được an toàn!

Nhà vua ôm lấy hoàng thái tử. Phía sau ông, hoàng hậu đang chạy tới. Đội lính cận vệ đẩy tôi vào trong phòng đức vua. Họ khóa cửa lại và đẩy đồ đạc ra chặn cửa. Đám nổi loạn có nhìn thấy chúng tôi không? Chúng đã lên tới sảnh lúc chúng tôi đi qua cánh cửa này chưa?

Tôi đứng dờ ra, không dám thở, đợi tiếng đập phá. Nhà vua, bản thân cũng đang rất rối loạn, cố an ủi hoàng hậu lúc bấy giờ cũng đang khóc lóc. Ông đã đi đưa bà đến nơi an toàn. Đó là lý do vì sao ông không nghe thấy chúng tôi đập cửa. Bà suýt nữa đã bị giết. Đám nổi loạn đã xông vào phòng bà và bà chỉ thoát trong gang tấc, chạy chân trần qua hành lang lâu đài. Bà ôm chặt lấy hoàng thái tử Louis-Charles và công chúa Marie-Thérèse và cương quyết không rời họ.

Nhưng hoàng thái tử cưỡng ra. Bố, mẹ, nhìn kìa! Cậu nói, chỉ vào tôi. Alex bị thương! Tay chị ấy đang chảy máu!

Tôi nhìn xuống tay mình. Nó đầy máu là máu. Tôi không hề biết.

Chị ấy đập cửa để bố nghe được tiếng gọi. Và gương bị vỡ nên tay chị ấy bị đứt, hoàng thái tử nói.

Tôi đã chạy vào cung điện trong khi lẽ ra ở ngoài thì an toàn hơn. Tôi đã mạo hiểm mạng sống của mình vì Louis-Charles. Tôi đã làm tay mình bị đứt nát ra mà không cảm thấy gì cả. Không đau đớn, chỉ thấy sợ hãi - vì cậu.

Tôi nghĩ chính lúc đó cách mạng bắt đầu.

Không phải cho Paris hay cho nước Pháp.

Mà cho tôi.

Tim tôi đập thành thịch khi tôi đọc hết trang nhật ký. Tôi sợ thay cho họ. Sợ rằng họ sẽ không mở được cửa. Tôi cảm nhận được nỗi sợ hãi của Alex. Trong một khoảnh khắc, tôi cũng ở đó. Tôi ở ngay đó với cô, chạy trên những bậc thang tới Sảnh Gương. Tôi cảm thấy trái tim của cô đập thành thịch. Tôi nghe tiếng hét của đám đông khi họ đến gần hơn.

Cái gã đội mũ ba sừng là ai? Gã đã kích động đám đông bên ngoài cung điện là ai? Chuyện gì xảy ra với Alex sau khi Versailles bị chiếm? Cô có ở cùng hoàng thái tử Louis-Charles không?

Tôi lật sang trang tiếp theo, tuyệt vọng muốn tìm cho ra câu trả lời. Có thể hai ba đoạn nữa là đến thì hệ thống loa báo đột nhiên có tiếng sột soạt và một giọng nói vang lên thông báo thư viện sẽ đóng cửa trong mười lăm phút nữa, đề nghị mọi người trả tài liệu về lại bàn của thủ thư.

Cái khi thế này?

Tôi nhìn lên. Hàng người đã không còn. Nó hoàn toàn biến mất. Yves Bonnard đang xếp các hộp lên một cái xe đẩy. Những người đã nghiên cứu ở đây cả ngày đang đóng túi lại, mặc áo khoác, mang tài liệu tới quầy. Tôi nhìn đồng hồ trên tường. 4:45. Tôi đã đọc suốt bốn mươi lăm phút qua. Tôi quên bég mất mình ở đâu và lẽ ra mình phải làm gì. Tôi đã đánh mất cơ hội được thấy bản nhạc của Malherbeau.

Tôi không thể tin nổi chuyện này. Tôi đã ở đâu chứ? Bị thôi miên à?

Tôi đứng lên và bước lại chỗ bàn đọc tôi ngồi. Tôi thu dọn vở, cặp tài liệu và bút rồi nhét chúng vào túi. Một phụ nữ cổ đeo ngọc trai đi giày ken kết đã đẩy vào cho thẳng hàng một cái ghế bị kéo lệch ra ngoài, hất một cái bút chì đỏ xuống khỏi bàn, đóng cửa ra vào.

“Vài phút nữa chúng tôi sẽ đóng cửa,” bà ta nhanh nhẩu nói.

Ở phía bên kia chiếc bàn thủ thư, Yves Bonnard đẩy xe vào thang máy. Cửa đóng lại sau lưng ông ta. Từng cái một, bóng đèn trên đầu tôi tắt đi. Tôi giận bản thân mình đến nỗi có thể hét lên. Mai là thứ Sáu rồi. Cuối tuần thư viện đóng cửa. Tôi chỉ còn một ngày nữa. Chỉ một ngày thôi. Làm sao mà tôi hoàn thành tất cả công việc chỉ trong một ngày? Với tốc độ này thì Chủ nhật tôi sẽ chẳng đi đâu cả.

Tôi nhét cuốn nhật ký vào túi, và khi làm thế, một ý tưởng nảy ra trong tôi, một ý tưởng cực kỳ kỳ quặc: Alex muốn như vậy.

“Phải, đúng thế. Alex muốn như vậy,” tôi tự nhủ. “Alex đã chết hơn hai trăm năm rồi. Ai mới là người điên đây?”

Ngọn đèn cuối cùng tắt phụt. Lúc này phòng đọc vắng tanh.

Không còn ai ngoại trừ tôi.

Cô Lili đã về nhà.

Còn hai con phố nữa tôi mới về đến nhà của cô và bác G nhưng tôi đã ngửi thấy mùi thức ăn cô nấu trong gió - bơ, hành, bánh mì nóng. Tôi rảo bước, và năm phút sau, tôi đang lên cầu thang vào nhà.

“Andi? Cháu đấy à?” cô gọi từ trong bếp với ra khi tôi mở cửa. “Cháu về cô mừng quá! Bật hộ cô tivi lên nhé? Kênh bốn. Bác G mới gọi. Bác ấy với bố Lewis của cháu chuẩn bị xuất hiện trên Agenda. Bố Lewis đang ở studio ở Paris. Còn bác G thì truyền hình trực tuyến từ Brussels.”

“Agenda là cái gì ạ?” tôi hỏi, treo áo lên và đặt túi xuống bàn. Bố lên tivi rất nhiều nhưng tôi nhớ là ông chưa bao giờ xuất hiện trong chương trình này.

“Nó giống như Larry King ấy mà,” cô nói.

Tôi bật tivi lên. Chương trình đã bắt đầu rồi. Khi tôi ngồi xuống sofa, người dẫn chương trình, Jean-Paul gì đó, một gã hippie mặc áo cổ lọ và đeo kính kiểu emo, đang tường thuật vắn tắt tin buổi tối. Cô Lili vội chạy lại, trên tay bung một cái khay có hai bát xúp bốc khói. Cô đặt khay xuống bàn cà phê và đưa cho tôi một bát.

“Cám ơn cô,” tôi nói, nhận lấy từ tay cô.

Xúp hành - món yêu thích của tôi - với một miếng bánh mì nướng to bự phủ một lớp pho mát dày. Thơm kinh khủng. Tôi cắn miếng bánh mì, mắt nhìn màn hình tivi, đợi xem bố với bác G được giới thiệu, nhưng vị khách đầu tiên là Carla Bruni, nói về album mới nhất của cô ấy.

Cô Lili vội chạy vào trong bếp lấy cốc rượu. Carla nói chuyện, hát, rồi đến chương trình quảng cáo. Khi chương trình tiếp tục, Jean-Paul ngồi đối diện với bố tôi. Mặt bác G trên màn hình phía sau họ.

“Kính thưa quý vị khán giả đang theo dõi chương trình tại nhà và tại studio này, xin mời quý vị xem hình ảnh này,” Jean-Paul nói. Máy quay tập trung vào một bức ảnh đen trắng ông ta đang cầm. “Các vị có thể thấy một chiếc lọ thủy tinh. Nhìn gần hơn. Có thấy lọ thủy tinh này đựng gì không? Đó là một quả tim. Đúng thế. Một quả tim con người.” Có tiếng rì rầm từ phía khán giả. Một hoặc hai người há hốc mồm. “Phản ứng của tôi cũng hết như vậy,” Jean-Paul nói. “Quả tim này, bé bỏng và mỏng manh, tượng trưng cho một bí ẩn vĩ đại và vĩnh viễn - bí ẩn bắt đầu ở Paris hai trăm năm trước, vào những ngày cuối cùng của Cách mạng, và hy vọng sẽ kết thúc tại Paris trong vài ngày tới.”

Máy quay tập trung vào Jean-Paul. “Trái tim nhỏ bé này thuộc về ai?” ông ta nói. “Có người bảo nó là trái tim của vua Louis XVII, vị vua mất tích của nước Pháp. Những người khác phản đối lời tuyên bố đó. Tại sao quả tim lại bị lấy ra khỏi cơ thể? Làm thế nào nó tồn tại nguyên vẹn qua hai trăm năm? Để trả lời những câu hỏi này, Ủy ban hoàng gia Pháp đã viện đến sự giúp đỡ của nhà di truyền học người Mỹ nổi tiếng - tiến sĩ Lewis Alpers, người đoạt giải Nobel cho công trình về giải mã bộ gen người của ông, và nhà sử học người Pháp lừng danh Guillaume Lenôtre, tác giả cuốn Tự do, viết về lịch sử cuộc cách mạng Pháp. Tối nay chúng ta vinh dự được trò

chuyện với cả hai. Xin chào mừng hai vị.”

Mọi người vỗ tay, rồi Jean-Paul nói, “Giáo sư Lenôtre, xin nói chuyện với ngài trước. Hãy cho chúng tôi biết lịch sử trái tim này. Tại sao Quý hoàng gia lại liên quan tới nó?”

“Sự liên quan của quý bắt đầu từ thế kỷ mười chín khi hậu duệ của Don Carlos de Bourbon, một cựu công tước của Madrid và họ hàng xa của vua Louis XVI, trao trái tim cho quý,” ông nói. “Họ bảo rằng nó trở thành sở hữu của tổ tiên họ vào năm 1895, và ông ta tin rằng nó là của vua Louis XVII, người con trai nhỏ của vua Louis XVI và Hoàng hậu Marie Antoinette.”

“Cả hai người đã bị tổng giam và xử tử trong Cách mạng,” Jean-Paul nói.

“Đúng thế. Sau khi cha mẹ mình bị giết, hoàng thái tử Louis-Charles vẫn ở trong tù dưới sự trông coi của một kẻ tàn bạo, Antoine Simon - một kẻ làm giày và thành viên của phe cầm quyền vào lúc đó.”

“Tại sao cậu bé vẫn còn bị giam cầm trong tù?”

“Lẽ ra cô không nên nói điều này, Andi,” cô Lili nói, cố hết sức để nói át giọng bác G - không dễ dàng lắm - ông đang trả lời câu hỏi của Jean-Paul và miêu tả cuộc sống trong tù của hoàng thái tử Louis-Charles. “Cháu có chắc là muốn tiếp tục xem không?”

“Vâng ạ. Không sao đâu cô Lili.”

Tôi muốn nghe. Tôi muốn biết. Quả tim... Nó không chỉ còn là một bức ảnh buồn với tôi nữa. Nó là thật. Tôi đang dần biết đứa bé mà trái tim đó có thể là của cậu. Và cô gái đã chăm sóc đứa bé. Đấu tranh cho nó. Bảo đảm an toàn cho nó.

“... và, thực ra mà nói, bị cầm tù sống,” bác G nói.

“Chúa ơi, khủng khiếp quá,” Jean-Paul nói.

“Đúng thế.”

“Không có ai giúp cậu bé à?”

“Cuối cùng thì thông tin về hoàn cảnh cậu bé bị giam cầm cũng bắt đầu rò rỉ ra nhưng những ai lên tiếng đấu tranh chống lại việc đối xử tàn tệ với cậu bé đều bị nguy hiểm tới tính mạng.”

“Sao lại thế?”

“Tôi cho anh một ví dụ,” bác G nói. “Sau khi Robespierre bị lật đổ, vào năm 1794, cậu bé được một bác sĩ tới thăm - Pierre-Joseph Desault. Theo những báo cáo của mình thì Desault vào trong ngục và thấy... tôi trích dẫn, ‘một đứa trẻ điên rồ, đang chết dần, nạn nhân của sự khốn khổ tột cùng và của sự bỏ rơi, là sinh linh bị đối xử tàn bạo bậc nhất.’ Cậu bé bần thủ, rách rưới, chỉ có giẻ rách che thân. Cậu không đứng nổi và không cất nổi tiếng. Desault, một người tốt bụng, đã giận điên lên vì cách đối xử với hoàng thái tử Louis-Charles và nói như thế. Thực ra ông ấy gọi đó là một tội ác. Chẳng bao lâu sau khi nói ra điều này, ông ta được mời tới một bữa tối do đảng cầm quyền tổ chức. Vài ngày sau, ông bị chết. Bị đầu độc.”

“Những kẻ làm việc đó có bị kết tội không?” Jean-Paul hỏi.

Bác G bật cười. “Những kẻ làm việc đó là những kẻ có quyền kết tội người khác thì có. Anh phải nhớ rằng đây là một thời kỳ rất khó khăn của nước Pháp. Chúng ta đang nói về cái chết và sự

tái sinh của một quốc gia. Đất nước vừa biến đổi từ một nền quân chủ sang nền cộng hòa và đã phải trải qua cuộc cách mạng dài dặc và đẫm máu để làm được điều đó. Nhiều người vẫn còn căm ghét nhà vua và gia đình ông ta. Và vì thế bày tỏ sự quan ngại với đứa trẻ hoàng tộc này là một việc rất không khôn ngoan.”

“Số phận cậu bé ra sao?”

“Nó chết, rất khốn khổ, khi mười tuổi. Khám nghiệm tử thi được tiến hành và một trong những bác sĩ thực hiện, Phillipe Pelletan, đánh cắp quả tim.”

“Rồi mang nó tới St. Denis. Bởi vì truyền thống là thế - phải không?” Jean-Paul hỏi. “Trước Cách mạng, tim các vị vua được ướp hương và lưu giữ ở nhà thờ St. Denis.”

“Phải, chính xác,” bác G nói. “Tuy vậy, nhà thờ đã bị báng bổ trong Cách mạng. Nhiều hầm mộ đã bị mở ra và những gì nằm bên trong bị ném ra ngoài đường. Người ta nghĩ rằng Pelletan muốn giữ trái tim đến lúc nào đó có thể giữ nó an toàn ở St. Denis. Ông cho nó vào một cái lọ và đổ rượu vào để bảo quản.”

“Ông ta mang nó đến St. Denis vào lúc nào?”

“Ông ta đã không mang đến. Ông ta giữ nó lại. Lâu đến mức rượu bốc hơi hết và quả tim khô dần. Trong lúc đó, nước Pháp trở lại thành một nước quân chủ. Pelletan cố trao quả tim cho vị vua mới, nhưng ông ta không muốn nhận lấy. Cuối cùng, Tổng giám mục của Paris nhận. Vào năm 1830, cuộc cách mạng thứ hai diễn ra và dinh thự của tổng giám mục bị cướp phá. Một kẻ nổi loạn đã đập vỡ cái lọ và quả tim mất tích. Nhiều ngày sau, con trai của Pelletan quay trở lại nền dinh thự tìm kiếm. Ông ta tìm thấy nó, cho vào một cái lọ mới, và bịt kín. Nhiều năm sau, trái tim được trao cho Don Carlos de Bourbon. Ông ta để nó ở nhà nguyện của một lâu đài Áo nơi chị gái của hoàng thái tử Louis-Charles và công chúa Marie-Thérèse, người sống sót qua tù đầy, đã sống ở đó vài năm. Trong suốt Đại chiến thế giới thứ hai, lâu đài đã bị cướp phá, nhưng gia đình công tước đã cứu được quả tim, và như tôi đã đề cập, trả nó lại cho nước Pháp. Cho Duc de Bauffremont, người cai quản đài tưởng niệm hoàng gia ở St. Denis. Quả tim được đặt trong một hầm mộ ở đó, lúc này đây nó đang an nghỉ.”

“Một câu chuyện tuyệt vời, thưa giáo sư Lenôtre. Nhưng nếu chúng ta biết tất cả những chuyện này, nếu chúng ta biết quả tim thuộc về hoàng thái tử Louis-Charles, thì tại sao - tiến sĩ Alpers - lại có mặt ở đây? Tại sao Quý Hoàng gia lại phải mất công sức và tiền của để tiến hành các xét nghiệm DNA?” Jean-Paul hỏi.

“Bởi vì chúng ta không biết chắc,” bố nói.

“Nhưng các sách lịch sử...” Jean-Paul cất tiếng nói.

“Lịch sử là hư cấu,” bố cắt lời.

“A! Thôi rồi,” bác G nói.

“Giời. Đừng có nói với cháu là họ sẽ bắt đầu tranh cãi trên tivi đấy,” tôi nói với cô Lili.

Cô Lili nhún vai. “Sao lại không? Họ cãi nhau ở bất cứ đâu.”

“Giáo sư Lenôtre, xin lỗi ông nói gì cơ?” lúc này Jean-Paul nói.

“Tôi đang tự hỏi ông bạn sẽ nói mất bao lâu,” bác G nói.

Jean-Paul, e ngại mỉm cười, quay sang bố tôi. “Tiến sĩ Alpers, xin ông phát biểu quan điểm của một người làm khoa học.”

“Hoàn toàn không phải. Quan điểm tôi vừa nêu là của Robespierre.”

Jean-Paul cố nói gì đó, nhưng bác G cắt lời ông ta. “Thôi nào, Lewis, cậu không thực sự tin rằng lịch sử là hư cấu đấy chứ.”

“Dĩ nhiên là tớ tin như thế. Lịch sử là một nghệ thuật, thứ phụ thuộc vào diễn dịch và ước đoán. Khoa học chỉ đơn thuần dựa vào sự thật,” bố nói.

“Sự thật, phải,” bác G sôi nổi nói. “Sự thật nói cho chúng ta biết chúng ta là cái gì - những chuỗi hóa chất cũng vậy. Nhưng chúng có nói cho chúng ta biết chúng ta là ai không?”

“Nếu những chuỗi hóa chất này tình cờ lại chứa vật liệu gen, thì có, chúng có nói cho chúng ta biết chúng ta là ai,” bố nói.

“Cậu đang cố tình nói cùn, Lewis ạ. Lý do duy nhất mà tớ nghĩ cậu làm thế là do đang ở trước máy quay,” bác G nói.

“Nói cùn? Tại sao? Bởi vì tớ không lẫn lộn tin đồn với phân tích ư?” Bố nói, giọng vút lên. “Bởi vì tớ biết sự khác biệt giữa câu chuyện và sự thật ư?”

“Bởi vì cậu không chịu thừa nhận bất kỳ một sự thật nào ngoại trừ cái xuất phát từ đĩa Petri !”

“Ôi thôi xin cậu!”

“Giáo sư Lenôtre...” Jean-Paul nói, nhưng bác G lại cắt lời ông ta.

“Tất cả chúng ta đang nói về quả tim này,” ông nói, ngả người tới trước trong ghế đến mức trông như thể ông sắp sửa xuyên qua cả màn hình, “liệu nó có ý nghĩa bởi vì nó được tạo ra bởi protein này hay protein kia không? Không! Nó có ý nghĩa vì hoàn cảnh của nó. Nó có ý nghĩa bởi những cái gọi là câu chuyện xung quanh nó. Nó có ý nghĩa bởi vì chúng ta biết - hay chẳng mấy chốc sẽ biết - rằng nó thuộc về cơ thể của một đứa trẻ không có khả năng tự vệ bị các nhà cách mạng cầm tù, những kẻ khước từ chính những thứ mà họ đấu tranh để giành lấy cho nhân loại - cụ thể là: tự do, bình đẳng, và bác ái - và những nỗi nhục nhã vô bờ bên không thể nói ra của họ mà mọi nhà chính trị, mọi chiến lược gia, tất cả những người làm khoa học, nhà cổ vấn, và người nghiên cứu vấn đề tử mĩ - hồi đó và bây giờ - những người cho rằng các kết quả lý tưởng của Cách mạng có thể biện minh cho tính chất dã man bạo lực của nó.” Bác G ngồi lại trong ghế, mắt trừng trừng, rồi đột nhiên lại nhoài tới trước mà nói, “và tất cả cái thứ của nợ DNA trên thế giới này không thể diễn đạt được một cách hùng hồn như tôi vừa làm!”

Tôi suýt sặc súp. Tôi không tin nổi là bác G vừa chửi tục trên truyền hình quốc gia.

Bố khịt mũi. “Giờ thì ai diễn trước máy quay đây?” ông nói.

Ông và bác G cãi cọ thêm chút nữa. Jean-Paul thì sờ vào tai nghe.

“Sao họ có thể là bạn được nhỉ?” Tôi vừa lắc đầu vừa nói với cô Lili. “Họ chỉ toàn cãi nhau thôi.”

“Lúc nào chả thế. Từ hồi họ còn là sinh viên cơ,” cô Lili nói.

“Cháu đoán là những người trái ngược thì hấp dẫn nhau.”

“Họ không trái ngược,” cô Lili nói. “Họ giống hệt nhau - đam mê và nồng nhiệt. Đó là lý do vì sao họ là bạn thân đến vậy.” Cô mỉm cười, rồi nói thêm, “Lý do đó và còn một sự thật là chẳng ai khác có thể chịu nổi họ.”

Máy quay chuyển lại về Jean-Paul, ông này vẫn đang sờ tai nghe và trông rất điên. Tôi thấy thương ông ta. Tôi cá là ông ta không hề biết mình dính phải vụ gì. Cuối cùng thì bố và bác G cũng ngừng lại để thở, và Jean-Paul lại cố gắng để nói.

“Có rất nhiều... à ờ... câu chuyện,” ông ta nói, cau mày trước từ này, “liên quan tới quả tim. Một trong số chúng là về một đứa trẻ thể thân. Vào lúc Louis-Charles chết, có nhiều người khẳng định rằng hoàng tử nhỏ không chết trong Tháp, như các nhà cầm quyền tuyên bố. Họ tin rằng cậu đã được lén đưa ra khỏi tù và rằng một đứa trẻ chết được đặt vào chỗ của cậu, được khám nghiệm tử thi, và đem chôn. Giáo sư Lenôtre, xin cho chúng tôi biết thêm về ý tưởng đứa trẻ bị tráo đổi này.”

“Dĩ nhiên rồi. Sau Cách mạng, những năm đầu 1800, có vài kẻ đứng ra, ai cũng tuyên bố mình là vị vua mất tích của nước Pháp, rằng anh ta đã được lén đưa ra khỏi tù vào năm 1795. Người thuyết phục nhất trong số họ tên là Karl Wilhelm Naundorff. Vài người hầu trước kia của hoàng gia tin rằng anh ta đích thực là Louis-Charles.”

Tôi ngừng ăn, ngạc nhiên. Tôi không hề biết là có chuyện này. Trong vài giây, tôi đã rất hào hứng và hy vọng, nghĩ rằng có thể kiểu gì đó Louis-Charles đã trốn thoát được. Có thể cậu bé đã ra khỏi Tháp canh, đổi tên, và nhiều năm sau công bố danh tính, sau khi nguy hiểm do những người làm cách mạng đe dọa đã chấm dứt.

“Thế Naundorff có phải là vị vua mất tích không?” Jean-Paul hỏi.

“Không,” cha tôi đáp, đánh tan hy vọng của tôi. “Vào những năm 1990, xét nghiệm DNA tóc và một phần xương của anh ta đã được tiến hành so với xét nghiệm DNA tóc của Hoàng hậu Marie Antoinette. Kết quả bác bỏ bất cứ mối liên hệ nào giữa anh ta và hoàng hậu.”

“Nhưng hậu duệ của anh ta không chấp nhận các kết quả này. Họ vẫn tuyên bố anh ta là vị hoàng tử mất tích,” bác G nói thêm.

“Chuyện này có ý nghĩa lớn với nước Pháp không?” Jean-Paul hỏi.

“Rất lớn,” bác G nói. “Nếu Naundorff là con trai của vua Louis XVI, chà, nó sẽ thay đổi sách lịch sử kha khá. Nó cũng sẽ đưa ra những vấn đề gai góc về việc thừa hưởng di sản. Thực ra, chính tổng thống cũng quan tâm đến vụ này. Ý nghĩa vô cùng quan trọng - và sự nhạy cảm - trong những phát hiện của chúng tôi chính là lý do vì sao chúng tôi đã mời tiến sĩ Alpers, một người Mỹ, đứng đầu quá trình xét nghiệm,” bác G nói. “Khi không chọn một nhà di truyền học người Pháp, chúng tôi hy vọng tránh được những lời buộc tội rằng chúng ta đang tiến hành bất cứ một chính sách đặc biệt nào. Chúng tôi biết phương pháp của tiến sĩ Alpers sẽ chính xác và những phát hiện của ông là không thể nghi ngờ.”

“Tiến sĩ Alpers, tại sao việc tiến hành xét nghiệm quả tim lại phải chờ đợi lâu như vậy?” Jean-Paul hỏi. “Nó được trao cho quỹ từ hồi giữa những năm bảy mươi, vậy mà đến lúc này mới tiến hành xét nghiệm.”

“Trong nhiều năm, quỹ đã ngần ngại không muốn cho phép việc lấy các mô từ quả tim. Họ quan ngại về sự mỏng manh của nó và độ chính xác của kết quả. Dĩ nhiên, từ hồi những năm bảy mươi tới nay việc xét nghiệm DNA đã có những tiến bộ lớn lao và giờ đây quỹ đã tin vào công nghệ.”

“Có phải có hai nhà di truyền học khác cũng tham gia vào việc xét nghiệm?”

“Phải,” bố nói. “Tôi sẽ tiến hành xét nghiệm ở Pháp. Giáo sư Jean-Jacques Cassiman ở Bỉ và giáo sư Bernard Brinkmann ở Đức sẽ tiến hành các xét nghiệm ở nước mình. Vì ba xét nghiệm đến từ ba phòng lab hàng đầu thế giới, chúng tôi hy vọng đưa ra kết quả đáng tin cậy.”

“Tuyệt vời!” Jean-Paul nói. Ông ta quay sang máy quay. “Kết quả những xét nghiệm DNA sẽ được tuyên bố tại St. Denis vào những tuần tiếp theo, và khi đó, Agenda cũng sẽ có mặt ở đó. Liệu quả tim có hé mở bí mật của nó chẳng? Liệu nó đích thực thuộc về vị hoàng tử nhỏ Louis-Charles? Những câu hỏi hết sức quan trọng! Hãy tham gia cùng chúng tôi để có được câu trả lời. Cám ơn hai vị, giáo sư Lenôtre và tiến sĩ Alpers.”

Cô Lili tắt tivi đi.

“Cháu không biết là có nhiều nghi ngờ đến thế,” tôi nói.

“Về cái gì?”

“Về việc trái tim thuộc về ai. Cháu không nghĩ là nó có thể không phải của Louis-Charles. Ý cháu là, nghe bác G nói thì có vẻ rất chắc chắn chuyện đó. Cháu nghĩ lẽ ra mình phải nghi ngờ. Nếu không thì cha cháu không đến đây, đúng không ạ?”

“Ừ,” cô Lili nói. Cô nhấp một ngụm rượu. “Cháu nói đúng về bác G - bác ấy chả nghi ngờ gì. Bác ấy tin chắc quả tim thuộc về Louis-Charles. Bác ấy ám ảnh nó hàng mấy thập kỷ rồi và bác ấy muốn có một đáp án cuối cùng. Còn cô, cô chả biết là mình muốn có đáp án không nữa. Có lẽ quả tim đó nên giữ các bí mật của nó. Những điều quá đau đớn ta không nên biết.”

Rồi cô đổi đề tài. Cô hỏi tôi có ổn không, và việc nghiên cứu cho luận văn tới đâu rồi. “Ngài Malherbeau bí ẩn sao rồi?” cô hỏi.

Tôi nhăn mặt. “Bí ẩn,” tôi nói.

“Đừng bỏ cuộc. Và đừng quên căn nhà của ông ấy. Bác G bảo bức chân dung ở đó khá bất ngờ.”

Tôi nghĩ đến việc cả ngày ở phòng lưu trữ mà chả làm được việc gì vì quá mải mê đọc cuốn nhật ký và suýt nữa tôi đã kể cho cô, nhưng rồi không. Tôi đã kể cho Vijay nhưng tôi không muốn kể cho ai nữa. Tôi không muốn cho bất cứ ai thấy Alex. Hay chia sẻ cô. Tôi sợ rằng họ sẽ tước cô ấy khỏi tay tôi. Đặt cô vào một cái hộp khử axit. Bắt tôi đeo găng tay trắng tinh khi chạm vào cô.

Tôi sẽ kể với cô Lili. Và bác G nữa. Về cuốn nhật ký và cả bức tiểu họa. Chỉ có điều không phải bây giờ.

Tôi cầm đĩa ăn ra bếp rồi rửa chúng. Sau vài phút, cô Lili gọi bảo cô xuống lầu vào studio của cô để làm việc và không cần thức đợi cô. Khi rửa xong bát, tôi tiến lại về phía chiếc bàn ăn. Thùng guitar vẫn nằm trên bàn, trước đó tôi đã đặt nó ở đó. Tôi lại gần cái thùng nhưng rồi lại lấy cây guitar ra. Được ôm nó vẫn khiến tôi cảm thấy phấn khích. Tôi lướt tay trên những đường cong đẹp đẽ của nó, khẽ gảy dây đàn.

Đồng hồ của bác G điểm giờ - tám giờ tối. Tôi biết mình phải dừng ngay cái việc trì hoãn không chịu làm việc lại - tôi phải viết đề cương và phần giới thiệu - vì thế tôi đặt cây đàn vào lại thùng, cầm một cuốn sách của bác G viết về Malherbeau lên, và bắt đầu đọc.

Bốn tiếng sau, tôi đọc xong cuốn sách và mắt mờ đi, nhưng tôi tìm thấy vài tư liệu hay cho bài

mở đầu. Tính tới lúc này tôi đã đọc ba cuốn sách của bác G, và còn phải đọc thêm hai cuốn nữa, nhưng tôi e là giờ mình không thể đọc nổi thêm một trang phân tích chi tiết từng hợp âm, nhịp, đoạn, và nốt tám mà Malherbeau từng sử dụng. Tôi dụi mắt, nghĩ đến chuyện đi lấy một cốc nước rồi nghỉ ngơi. Cô Lili đã đi ngủ rồi và mai tôi phải dậy sớm, đến phòng lưu trữ đúng giờ, và phải làm việc tích cực. Nhưng khi tôi lại mở mắt ra, tôi thấy cuốn nhật ký, vẫn nằm trên bàn.

Tôi cầm nó lên và lật qua lật lại trong tay. Tôi có thể cảm thấy cô ở bên trong đó. Tôi có thể thấy cô - một cô gái dẻo dai mặc quần túm. Nhảy điệu đánh rắm nghịch ngợm ở sân làng. Nhào lộn trên bãi cỏ của lâu đài Versailles. Dẫn đầu một bầy trẻ con cười đùa trong một cuộc điều hành ồn ào.

Chuyện gì đã xảy đến với cô? Đã có chuyện tồi tệ gì?

Chuyện gì đã biến cô từ một cô gái nhanh nhẹn trong đoàn xiếc ở Marble Courtyard, mơ đến tương lai được lên sân khấu lại trở thành một kẻ bị truy nã và là người đã viết rằng: Tôi mười bảy tuổi. Tôi không còn sống lâu nữa.

Tôi có thực sự muốn tìm ra không?

Tôi nghe giọng cô Lili văng vẳng trong đầu, “... cô chả biết là mình muốn có đáp án không nữa... Những điều quá đau đớn ta không nên biết.”

Rồi tôi nghe giọng của Alex. To hơn, mạnh mẽ hơn. Đừng gấp những trang này lại. Hãy đọc nó, tôi xin bạn.

Chỉ vài trang thôi, tôi tự nhủ. Hai hoặc ba, rồi tôi sẽ đi ngủ. Thật đấy.

Ngày 1 tháng Năm, 1795

Tối qua tôi đã suýt chết. Chúa ơi, suýt tí nữa. Giờ thì tôi an toàn rồi, dưới hầm mộ một mình cùng những người đã chết. Tôi đã cầm được máu và băng lại vết thương, nhưng tôi vẫn run lẩy bẩy, bởi trong đầu tôi vẫn còn nghe thấy tiếng họ. Tôi nghe tiếng chân họ chạy thành thịch phía sau tôi, hơi thở hôi hám và những lời chửi bới tục tằn.

Tao bảo dừng lại, con chó cái kia! Tên lính hét. Hắn túm lấy váy tôi, kéo tôi lại phía hắn. Mày là ai? Giấy tờ của mày đâu?

Tôi sống ở Rue de Berri, tôi bảo hắn. Tôi chạy việc cho ông chủ...

Tôi nghe thấy nỗi đau trước khi cảm thấy nó. Bàn tay hắn bóp cổ tôi kêu răng rắc.

Giấy tờ đâu! Hắn gầm lên. Hắn cầm lấy cái giỏ của tôi, rút tấm vải phủ ra. Cây nến rơi xuống đất. Rồi đến đoạn dây kim loại rơi ra. Hắn nhặt đoạn dây lên, ngửi ngửi, đưa mắt nhìn vào mắt tôi. Lưu huỳnh, hắn nói. Chúa ơi, là mày, Người Xanh. Hoàn toàn không phải đàn ông mà là một đứa con gái.

Thả tôi ra, tôi cầu xin. Xin anh. Cậu ấy chỉ có tôi mà thôi.

Nhưng hắn không nghe. Không ai ở Paris chịu nghe cả. Họ đã kéo sụp cái mũ tự do xuống tai họ rồi.

Blanc! Aubertin! Hắn quay đầu lại gọi. Lại đây! Nhanh lên! Tao túm được...

Hắn chưa nói hết câu. Hắn cầm cái giỏ của tôi, nhưng để tôi cầm cái đèn. Khổ thân hắn quá. Tôi đập đèn vào đầu hắn. Lửa cháy bùng lên và thủy tinh vỡ. Hắn loạng choạng lùi lại, gào thét.

Đại úy Dupin? Một gã gọi. Đại úy Dupin, chuyện gì thế?

Hai tên nữa đến, nhanh như cắt, chạy rượt theo tôi. Tôi chạy. Xuống con phố tối tăm, càng nhanh càng tốt. Đờn tôi xong rồi, tôi biết điều đó, và rồi tôi thấy một cánh cửa mở ra trước mình. Một cái cửa xe ngựa hơi mở hé. Tôi chạy qua, đóng sập lại, chốt then. Tôi loạng choạng chạy qua sân, vấp phải cái cào cỏ, đập phải cái bồn giặt quần áo. Tiếng chó sủa. Tiếng la hét từ ngoài phố.

Tôi chạy vòng tròn, không biết làm sao. Một ngọn đèn trong nhà bật lên. Dưới ánh sáng của nó, tôi thấy một bức tường đá ở cuối sân. Tôi chạy tới, cố leo lên sau. Một gã đi lại chỗ tôi, tay cầm cái còi lửa. Tôi nhảy lên tường lần nữa. Rồi lần nữa. Rồi chân tôi tìm được chỗ để và tôi leo lên. Đúng lúc tôi cho được tay lên tường thì cái còi lửa dí vào chân tôi. Nó cháy xuyên qua váy vào da thịt tôi. Tôi hét vào bức tường đá cứng và chân kia đá tới tấp.

Có tiếng bóp khi chân tôi đập vào đầu gã kia, rồi cái còi lửa dí hệt vào người tôi va vào đá. Tôi ráng nâng người qua thành tường và xuống đầu bên kia. Cái chân bị thương của tôi đau đớn dữ dội. Tôi loạng choạng rồi ngã. Tôi muốn gục xuống, nhưng tôi lại nghe thấy tiếng lính. Tôi nghe

chúng quát tháo, nghe chúng chửi thề, và tôi biết nếu chúng bắt tôi thì sẽ chẳng có máy chém nào cho tôi cả, chẳng có cái chết nhanh chóng - sẽ là một sợi dây thừng treo qua một thanh sắt gần nhất.

Tôi đứng dậy chạy. Không phải tới Cung điện Hoàng gia, nơi tôi tên là Alexandre và mặc quần ống túm, mà theo hướng tây tới Nhà thờ Saint Roch và mộ nhà Valois. Có một lối đi dẫn từ hầm mộ xuống đường hầm. Orléans đã bảo cho tôi trước khi ông chết. Ông bảo một ngày nào đó nó sẽ có ích. Tôi có giấu một cái đèn ở đó. Một ngọn lửa vĩnh cửu, đốt cho những người chết trong nhà Valois, thắp sáng cái đèn.

Tôi có một quy tắc khi ở dưới hầm mộ: mắt nhìn xuống đất. Nhưng thỉnh thoảng tôi lại quên và rồi những bàn tay co quắp vẫn siết lại trong sợ hãi; và những cái quần ống túm dính phân; những cái đầu đang rữa thối chất cao lên một bức tường, khiến tôi muốn gào lên. Nhưng tôi không hét, bởi tôi biết nếu tôi làm thế thì sẽ không dừng lại được nữa.

Tôi cất một cái chân ở dưới đó. Một khúc pho mát to. Tôi có cả rượu. Tôi thường nốc rượu thật nhanh khi người chết nói chuyện với tôi để tôi có thể tự nhủ rằng mình chỉ bị say thối, không phải điên. Lúc này tôi uống chậm hơn.

Tôi sẽ nghỉ ở đây một đêm, có lẽ hai đêm, và viết nhật ký, cũng bởi tôi chẳng làm được gì khác. Từ giờ trở đi có lẽ mọi chuyện còn khó khăn hơn nữa. Chúng sẽ chờ tôi, mà tôi thì không thể leo tường hay chạy nhanh được với một cái chân bị thương, trong khi tôi phải làm được cả hai nếu không muốn bị bắt. Tôi không thể bị bắt tối nay. Ngày mai cũng không. Không bao giờ.

Bởi trong một căn phòng nhỏ tối tăm, có một đứa trẻ ốm yếu nằm trên cái giường bẩn thỉu và nhìn ra khung cửa sổ cao.

Cậu bé ấy cũng đợi tôi.

Và tôi - kẻ đã thất bại trong mọi chuyện và đã làm thất vọng tất cả mọi người - tôi không được, tôi không thể, tôi sẽ không làm cậu thất vọng.

Tôi lật sang trang tiếp theo, nhưng trang đó trống không. Thêm một đoạn báo tin tức được dính vào giữa.

NGƯỜI XANH SUÝT BỊ BẮT

Paris, 13 Floréal III - Một viên đại úy lính Paris đã bị thương nặng tối hôm qua khi anh cố khuất phục kẻ được tin là Người Xanh.

Đại úy Henri Dupin ngăn một phụ nữ trông khả nghi đi bộ từ Rue de Berri ngay sau khi pháo hóa được bắn ở đó. Á mang theo một cái giỏ mà Dupin đã khám xét.

“Cái giỏ trống không, trừ một ít dây kim loại. Nó, và cả ả ta, nồng nặc mùi lưu huỳnh,” Dupin nói. “Khi tôi ngăn ả lại, ả dùng đèn dầu đập vào mặt tôi. Bác sỹ lo ngại tôi không nhìn được nữa.”

Việc suýt tóm được người phụ nữ nguy hiểm này khiến nhiều người nghi ngờ rằng Người Xanh không phải đàn ông, mà thực ra hẳn ta là phụ nữ.

Phản ứng lại việc một người lính của mình bị tấn công, Đại tướng Bonaparte nói, “Tôi xin được đảm bảo với cả thành phố Paris rằng tôi đang làm hết sức mình để bắt tên điên này, và tôi mong tất cả công dân hãy cảnh giác và báo lại bất cứ hành vi khả nghi nào.”

Không bao lâu sau lời tuyên bố này, Bonaparte nâng mức tiền cho đầu của Người Xanh lên hai trăm năm mươi franc.

Ngày 4 tháng Năm 1795

Giờ chúng gọi tôi là một phụ nữ bị điên. Chúng viết trên báo. Chúng hò hét trên phố. Bonaparte đọc diễn văn tại Quốc hội, so sánh mình với Shakespeare ngẫm chỉ sự vĩ đại của chính mình; và cười cợt mà nói rằng tôi, một kẻ mất trí, một đêm sẽ đi bộ cạnh dòng sông Seine rồi cứ thế trầm mình xuống nước như công chúa Ophelia điên khùng. Sao mà tiện lợi thế.

Ophelia đáng thương. Nàng là kẻ thông minh nhất trong tất cả, cao quý hơn ông bố xu nịnh của nàng, gã anh trai bịp bợm của nàng, và hoàng tử Dither cộng lại. Chỉ có nàng mới hiểu rằng một người phải đối mặt với sự điên rồ của thế giới bằng sự điên rồ ở mức độ lớn hơn.

Để cho chúng quát tháo. Để cho chúng dọa nạt. Nếu chúng muốn tôi chết, chúng sẽ buộc phải làm tôi chết. Tôi sẽ không chết vì chúng.

Tôi đã ở dưới hầm mộ ba ngày nhưng giờ thì quay lại với thế giới người sống rồi. Chân tôi không còn chảy máu nữa. Tôi đã đốt chỗ vải dính máu và buộc một lớp vải mới quanh vết thương, và mặc dù tôi đau đến nỗi muốn gào lên, tôi vẫn đi thẳng chân trên phố trong bộ quần áo tím, áo khoác sọc, chào buổi sáng tốt lành với người bán hoa Camille và bác bán thịt Raymond và Luc, đầu bếp của nhà Foy, và tất cả chào tôi - Alexandre diễn viên, người kể chuyện ở Cung điện Hoàng gia - và không ai đoán ra tôi chính là Người Xanh.

Tối nay tôi sẽ lại ra ngoài với dây kim loại và pháo hoa. Tôi sẽ thối tung chúng đi mà không chút do dự ngay trên những chiếc giường êm ấm của chúng. Nổ bay mái nhà của chúng. Nổ tan cái đêm đen tối khốn nạn ra thành từng mảnh.

Tôi sẽ không dừng lại.

Tôi có thể điên, nhưng tôi sẽ không bao giờ chịu khuất phục.

Không, cô ấy không chịu khuất phục, tôi nghĩ. Nhưng cô ấy thông minh. Cô ấy nhiều mưu mẹo, dũng cảm, và nhanh trí.

Thế đủ chưa nhỉ? Thông minh và dũng cảm? Đủ để cô ấy vượt qua bọn lính gác? Đủ để giúp cô ấy sống sót?

Tôi hy vọng thế. Tôi thực sự hy vọng. Và hy vọng khiến cho tôi căng thẳng.

Như ngày hôm nay. Lúc ở thư viện. Khi tôi đang nghĩ đến Virgil.

Tôi không thích hy vọng nhiều. Thực ra là tôi ghét chuyện đó. Nó là thứ thuốc gây mê trong suốt như pha lê của cảm xúc. Nó chiếm lấy ta nhanh chóng và giết gọn ta. Nó là tin xấu. Tin tệ nhất. Nó là những cây gậy nhọn và những quả bom anh đào. Khi hy vọng xuất hiện, việc ai đó bị tổn thương chỉ còn là vấn đề thời gian.

Tôi nghe tiếng đồng hồ của bác G lại điểm chuông. Đã mười hai rưỡi. Tôi phải chớp mắt chút. Tôi mang cuốn nhật ký vào phòng và đặt lên bàn cạnh giường. Mười phút sau, tôi đã nằm trên giường. Răng đã đánh. Mắt đã rửa. Thuốc đã uống. Đèn đã tắt. Vấn đề duy nhất là tôi bị câu chuyện của Alex ám ảnh đến nỗi không ngủ được.

Tôi nhắm mắt lại, xoay bên này xoay bên kia. Quyết định nghe chút nhạc. Tôi lần tay lên bàn lấy iPod thì nhớ ra là tôi đang không cầm nó. Virgil giữ rồi.

Tôi với lấy di động.

Alo?” vài giây sau một giọng cất lên.

“Chào, Virgil.”

Một phần tư giây im lặng, rồi, “Andi à?”

“Ừa.”

“Chào cậu,” cậu nói, và tôi có thể nghe thấy tiếng cười trong giọng cậu.

“Chào cậu,” tôi nói, mỉm cười lại.

“Cậu đang làm gì thế?”

“Không ngủ được. Còn cậu?”

“Cũng không ngủ. Thực ra là tớ đang chạy xe quanh Khải hoàn môn.”

“Chà. Hay quá.”

“Việc tớ lái xe quanh Khải hoàn môn á?”

“Việc cậu không ngủ. Và lái xe. Cùng một lúc,” tôi nói, rúm người lại. Chúa ơi. Cái khi gì thế? Sao cứ nói chuyện với cậu ta là tôi lại dở hơi thế?

Cậu bật cười. “Ừm. Chắc thế.”

“Tớ chỉ đang băn khoăn... Liệu tối nay tớ có thể lấy lại iPod được không?”

“Ừm... không. Tớ thực sự xin lỗi. Tớ định đem trả lúc sớm nhưng rồi một người bạn làm việc từ tám giờ đến nửa đêm bị ốm và tớ làm thay và không có thời gian chạy qua chỗ cậu.”

“Vậy tối nay cậu lái xe mười hai tiếng liền á? Chà. Được rồi. Hiểu rồi, nhưng cậu vẫn còn nợ một chuyện.”

“Chuyện gì?”

“Một bài hát. Tớ không ngủ được mà năm tiếng nữa tớ phải dậy rồi. Hát cho tớ nghe đi.”

Cậu bật cười. “Được rồi. Nhưng nếu có khách là tớ phải dừng lại đấy.”

Cậu bắt đầu ngâm nga. Cậu hát bài về châu Phi. Và một bài về New York. Một bài về tài xế taxi. Bạn thân của cậu, Jules. Và hàng xóm của cậu. Cậu hát một bài về Paris, thành phố của cậu, thành phố của những giấc mơ nơi cậu. Cậu hát trong lúc lái xe suốt đêm dài; và tất cả những người cậu gặp vào buổi đêm; và rồi dừng lại ở nhà thờ Sacré-Coeur, nằm trên cao phía trên thành phố, để nhìn mặt trời lên. Tôi lắng nghe cậu hát các bài ca. Những giấc mơ và nỗi sợ hãi

của cậu. Tài năng hát rap của cậu. Sự tử tế và nổi tức giận của cậu. Tôi nghe thấy tâm hồn cậu trong những bài hát, và tôi có thể nghe tiếng của nó suốt đêm.

Một khách lên xe lúc cậu hát đến nhà thờ Sacré-Coeur, và cậu phải im lặng một lúc. Khi gã kia xuống xe cậu bắt đầu ngâm nga lại.

“Đợi đã...,” tôi ngăn cậu lại.

“Sao?”

“Cậu thực sự làm thế à? Lang thang ở Sacre Coeur xem mặt trời mọc?”

“Ừa. Thỉnh thoảng tớ đem theo guitar. Đó là nơi yêu thích của tớ ở Paris. Nó và hàm mộ. Đây, cậu vẫn chưa ngủ hả? Hơn hai rưỡi rồi.”

“Chưa.”

“Được rồi. Tớ chơi liều mạnh đây. Nếu cái này mà không được nữa thì thôi đấy.”

Cậu bắt đầu hát. Bằng thứ tiếng gì tôi không biết. Nghe nó cổ xưa và tuyệt đẹp. Giọng cậu trầm bổng, như được giai điệu chuyên chở đi. Trầm bổng như tụng kinh, một lời cầu nguyện. Nước mắt tôi chảy ra và rơi xuống gối khi tôi nghe cậu hát.

“Đáng yêu quá,” tôi thì thầm khi cậu hát xong.

“Ừa.”

“Công tử ơi, cậu khiêm tốn quá,” tôi mơ màng nói.

Cậu bật cười. “Ý tớ là bài hát, không phải giọng tớ.”

“Nó tên gì?”

“‘Ya Gamrat Layl.’ Nó là một bài hát ru của Tunisia. Cậu nên nghe Sonia Mbarek hát. Hay tuyệt hơn nữa, mẹ tớ hát.”

“Hát lại đi,” tôi rì rầm. “Đi mà.”

Cậu hát. Hát đi hát lại. Tôi không biết bao nhiêu lần. Tôi không đếm xuể. Tiếng hát của cậu làm tôi quên đi. Quên đi thuốc an thần, quên đi nỗi đau. Nó đưa tôi đi cho đến khi tôi cảm thấy yên bình. Và an toàn. Cho đến khi giấc ngủ cuối cùng cũng đến và thấy tôi được bao bọc trong giọng hát ấm áp mềm như nhung của cậu.

Yves Bonnard nhìn tôi như thể tôi vừa đổ một đồng phân lên bàn ông ta.

“Sao cơ?” tôi nói, đẩy cái túi giấy nâu về phía ông ta. “Bánh mì sừng bò. Cho bác. Cháu nghĩ biết đâu bác đói.”

“Cô không hề biết - không hề biết chút gì - là mỡ có thể ảnh hưởng thế nào tới giấy à?” ông ta hỏi tôi, giọng run lên vì tức giận. “Cầm đi ngay lập tức. Và rửa tay trước khi quay lại.”

“Này, được thôi,” tôi nói, cầm lấy cái túi.

Nhìn ông ta, vị giáo sư hôm qua bảo tôi. Trông có vẻ như tôi đang làm quá tốt. Tôi ra ngoài sân trước tòa nhà. Có vài công nhân làm việc ngoài đó, lắp ống nước. “Anh đói không?” tôi hỏi một người, rồi nhét cái túi vào tay anh ta trước khi anh ta kịp trả lời.

Vài phút sau, tôi quay lại hàng, tay rửa sạch và bốn tờ phiếu mượn điền đúng hoàn hảo. Sau chừng mười phút đợi thì tới lượt tôi. Tôi đưa phiếu mượn cho Yves Bonnard và ông ta xem xét chúng, từng cái một. Tôi chắc chắn là chắc ông ta lại bảo tôi biến đi nữa cho mà xem, nhưng không.

“Tốt,” ông ta nói, cho chúng vào cái ống chân không. “Cô thực sự có khả năng điền phiếu mượn chính xác. Tôi đã nghi ngờ.” Ông ta bảo tôi rằng những giấy tờ tôi yêu cầu sẽ được mang lên ngay, rồi bắt đầu đọc đồng quy tắc. Ông ta cứ thế đọc, nhưng tôi chẳng quan tâm. Tôi sắp lấy được thứ mình cần.

Cuối cùng ông ta nói xong, đưa cho tôi cây bút chì từ chiếc hộp trên bàn, và một đôi găng tay cotton mỏng màu trắng. Tôi cầm lấy và ngồi xuống chỗ của mình ở bàn đọc sách. Tôi liếc đồng hồ trên tường. 9:52 sáng. Không tệ chút nào, khi mà tôi chỉ mới vào đây lúc 9:30. Tôi hy vọng tới sớm hơn, nhưng tàu chậm quá và khi xuống khỏi Métro thì tôi gặp phải chuyện bất ngờ. Khi tôi bước ra khỏi ga cùng một đàn người thì điện thoại đổ chuông.

“Tới phiên cậu,” Virgil nói.

“Ừm, không được. Tớ đang đứng giữa Paris vào giờ cao điểm.”

“Thì sao?” cậu nói, giọng lộ vẻ khó chịu.

“Sao thế?” tôi hỏi cậu, thấy lo lắng, nhìn quanh tìm một chỗ kín đáo hơn cái Đại lộ Henri IV để nói chuyện.

“Không có gì.”

“Thôi nào,” tôi nói, tạt vào một phố nhỏ. “Có chuyện gì thế?”

“Sáng nay có vài đứa gây phiền hà với chiếc taxi của tớ.”

“Bọn nó ăn trộm gương hay làm gì?”

“Không... bọn nó cố lấy xe của tớ. Khi tớ đang ở trên xe.”

“Ôi trời ơi. Cậu bị cướp xe à?”

“Gần như thế.”

“Virgil, cậu không sao chứ?”

“Ừa. Chỉ mệt thôi.”

“Chuyện thế nào?”

“Có đánh nhau. Cảnh sát tới rồi...”

“Đánh nhau?”

“Tớ không sao. Thật đấy. Cậu cứ hát thôi được không?”

“Được rồi. Ừm... không. Tớ không hát được. Cho đến khi tớ biết cậu thực sự ổn?”

“Ổn mà. Thật đấy. Một đứa giờ tay đấm nhưng tớ né được. Hầu như. Thằng đó chỉ làm sướt da tớ thôi. Tớ bị một vết xước trên má, thế thôi. Hát đi, Andi. Đi mà. Tớ mệt. Tớ mệt chết được.”

Thế là tôi hát. Tôi ngồi xuống băng ghế trong công viên và hát cái bài chúng tôi đã hát ở quán Rémy đêm trước. Rồi các bài trong Plaster Castle. Nhưng chả có tác dụng. Cậu ấy vẫn thức chong chong. Vẫn bị kích động. Tôi có thể nghe thấy điều ấy trong giọng cậu.

Mình cần một bài hát ru, tôi nghĩ. Tôi vặn nát cả óc nhưng chỉ nghĩ ra được mỗi bài “Rock-a-bye Baby,” cái bài hát ru đáng sợ nhất tệ hại nhất mọi thời đại. Một chiếc taxi chạy qua khi tôi đang nghĩ, bên hông có dán quảng cáo về một công ty du lịch Anh, Smith và Barlow, và những chuyến bay giá rẻ tới London. Smith và Barlow. Nhóm The Smiths. “Asleep.” Hoàn hảo, tôi nghĩ.

Nhưng tôi hát không hay lắm. Lẽ ra tôi phải có piano bè sau. Và Morissey. Nhưng không quan trọng. Cậu ấy cần một bài hát. Do tôi hát. Và tôi cần hát cho cậu một bài.

Cậu hát đoạn cuối với tôi. Thực ra là lầm bầm.

Có một thế giới khác

Một thế giới tốt hơn

Chà, phải có

Chà, phải có

Và rồi cậu thì thầm, “Cám ơn cậu,” rồi đập má. Còn tôi thì ngồi trên ghế sau đó. Mắt nhắm lại. Tay siết chặt điện thoại. Nghĩ đến chuyện vừa mới xảy ra. Nghĩ đến chuyện đã xảy ra tối qua. Ước gì tôi được ở bên cậu. Nằm cạnh cậu. Nghe cậu thở. Tôi không biết chuyện này là gì, nếu nó có là gì đó. Nhưng tốt hơn nó không nên là gì cả bởi tính cậu quá hay và cậu quá hấp dẫn. Cậu là điều gì đó trước đây tôi chưa bao giờ biết. Một thứ thực sự và tuyệt vời. Còn tôi vài ngày nữa là đi khỏi đây rồi.

Vì thế tôi cố gắng hết sức để không nghĩ đến cậu, nhưng tôi lại ngân nga bài “Asleep” suốt trên đường tới thư viện.

Lúc này tôi nhìn quanh xem những nhân viên phụ trách đang đẩy xe đẩy chưa nhưng chắc họ vẫn còn ở dưới tầng hầm, vì chả thấy ai cả. Chắc phải mất vài phút nữa, vì thế tôi lấy cuốn nhật ký ra. Sáng nay tôi đã mang nó theo để có thể đọc trong lúc nghỉ trưa, khi thư viện đóng cửa.

Tôi mở ra, hy vọng. Hy vọng còn nhiều hơn tối qua. Hy vọng rằng Alex sẽ sống sót. Hy vọng rằng tối nay Virgil sẽ gọi cho tôi. Hy vọng nhiều đến nỗi tôi làm chính mình sợ hãi.

5 tháng Năm 1795

Bọn lính chưa bắt được tôi. Chúng chưa giết được tôi. Vết thương của tôi chưa bị nhiễm trùng. Đau đớn đã giảm. Có lẽ tôi sẽ còn sống để kể nốt câu chuyện này.

Tôi đang viết về Versailles trước khi tôi bị rượt đuổi, và về các bà bán cá. Chúng tôi đã sống sót qua cuộc tấn công, tất cả chúng tôi.

Lúc bình minh, tướng Hoche, thủ lĩnh đội lính Paris - chính những người lính đã hành quân tới cung điện trước đó - nhận được tin về cuộc tấn công của đám nổi loạn và đến cứu nhà vua. Hoche và quân của ông xô đẩy đám đông ra khỏi cung điện. Tướng Lafayette đến và dàn hòa bằng cách yêu cầu đức vua bước ra ban công và nói chuyện với dân chúng. Việc này nhà vua thực hiện, hứa rằng ông sẽ đi Paris, nơi ông tin chắc vào tình yêu của những công dân trung thành và tốt bụng.

Tôi nói với bạn là ông ấy ngu xuẩn chưa nhỉ?

Sau đó, hoàng thái tử Louis-Charles và gia đình cậu vội vã chạy đi còn tôi bị bỏ rơi, bị gạt qua một bên hết như rác rưởi bởi bọn lính Paris. Tôi cố đi theo cậu nhưng họ không cho phép.

Tôi thấy mình bị đẩy ra khỏi phòng nhà vua, về lại Sảnh Gương, một vài người - xanh xao và sợ hãi - thu lượm xác chết. Những người khác vội vã đi tới đi lui, gói ghém váy vóc, giày dép, khăn khiếm, nước hoa - tất cả những thứ mà hoàng hậu cần khi đi xa. Những kẻ khác thì lang thang, vạ vật. Làm ơn, xin bà, mang theo tôi, một con bé hầu bếp cầu xin, túm lấy tay áo của thị tỳ. Tôi biết nấu ăn và chăm sóc trẻ con... Làm ơn, xin bà!

Hầu gái và viên thị thần, thằng bé nhóm lò và hầu nam, đầu bếp, thợ làm vườn và người giữ ngựa - tất cả đều được bảo là ra về. Họ không còn cần cho Versailles nữa. Nhà vua và hoàng hậu giờ sẽ sống ở cung điện khác - cung điện Tuileries ẩm ướt và đổ nát - bị quản thúc tại gia.

Bên ngoài, vài kẻ trong đám nổi loạn vẫn hát hò, vẫn gào thét, vẫn nhảy múa. Tự do! Một phụ nữ hét lên. Tự do cho tất cả!

Tự do. Đám đông nổi loạn đã hét đi hét lại cái từ đó, suốt cả đêm. Họ mang biểu ngữ có viết từ đó thật lớn. Đây là tự do ư? Nếu thế, tôi không muốn là một phần của nó. Giờ tôi tự do, đúng thế. Tự do buộc những sợi ruy băng ngu xuẩn lên mũ mình. Tự do hát những bài hát ngớ ngẩn. Tự do quay lại Paris để mà chết đói.

Trên bậc thềm cung điện, một người đàn ông đang lau máu. Hai người khác dọn các mẫu thủy tinh. Tiếng thủy tinh lúc bị đổ vào thùng rác nghe thật kinh khủng.

Tôi đã nghe cái tiếng đó và tôi biết - nó chính là tiếng những giấc mơ của tôi vỡ vụn.

“Cô gái? Đây là hộp của cô.”

Giọng nói làm tôi giật bắn cả mình. Tôi lại chìm đắm trong cuốn nhật ký. “Sao cơ?” tôi nói. Quá to.

Người đàn ông giơ một ngón tay lên môi. “Đây là tài liệu cô yêu cầu,” ông nói, ra hiệu về mấy hộp thẻ cạnh mình. “Xin ký tên vào đây. Có năm hộp tất cả. Một đựng giấy chứng tử và di chúc của Amadé Malherbeau. Ba hộp đựng bản nhạc của ông. Một hộp đựng giấy tờ cá nhân. Ông ta đặt các hộp lên bàn, rồi đưa cho tôi tờ phiếu.

“Vâng ạ. Cám ơn,” tôi vừa nói vừa ký. “Này, bác có biết tại sao không có giấy khai sinh không?”

“Cháu nói sao?”

“Giấy chứng tử của Amadé Malherbeau thì có trong catalog ở đây nhưng không có giấy chứng sinh. Tại sao lại thế?”

“Ông ấy sinh năm bao nhiêu?”

Tôi biết năm ông chết, và khi chết bao nhiêu tuổi, nên tôi nhắm tính. “1775,” tôi nói.

Người đàn ông mỉm cười. “Lâu quá rồi. Có khả năng là giấy khai sinh của ông ấy đã bị tiêu hủy trong những năm tháng thăng trầm của Paris. Nó có thể bị cháy. Hay bị bom đánh nát vụn. Hay bị ẩm ướt làm hỏng nếu nó được cất trong tầng hầm, như rất nhiều sổ sách. Nếu Malherbeau sinh ra ở đây, thì có thể nó vẫn nằm trong tầng hầm của một tòa thị chính cổ nào đó.”

Ông ta lấy lại các tờ phiếu, cho lên xe đẩy rồi đẩy đi. Nhưng rồi đột nhiên ông dừng và quay lại. “Hoặc...,” ông nói.

“Hoặc sao ạ?”

“Hoặc nếu ông ấy sinh ra không có tên là Amadé Malherbeau. Có lẽ ông ấy có tên khác. Giấy tờ khai sinh và chứng tử của chúng tôi có đối chiếu chéo theo năm nếu cháu muốn xem xét.”

Hừm. Không nghĩ ra chuyện đó. “Năm 1775 có bao nhiêu bản ạ?” tôi hỏi.

“Vài ngàn.”

“Ừm, thôi ạ, cháu cám ơn. Cháu chỉ có mỗi hôm nay thôi, bác thấy đấy? Không phải cả đời.”

Người thủ thư đi khỏi và tôi bắt tay vào việc. Giờ đã 10:15 rồi mà tôi còn rất nhiều việc phải làm trước giờ nghỉ trưa. Tôi bắt đầu mở hộp có giấy chứng tử ra thì nghe thấy một tiếng nện đánh sầm.

Tôi giật bắn cả mình nhìn lên. Đó là Yves Bonnard. Ông ta dùng một cái búa nện xuống bàn. “Số mười hai! Xin đeo găng vào!” ông ta quát.

Dĩ nhiên số mười hai là tôi. Tất cả những người khác đều đang nhìn tôi như thể tôi vừa giết một người. “Lỗi của cháu,” tôi nói. Tôi đeo găng vào và giơ tay chào Yves. Ông ta nheo mắt nhìn tôi, giơ một ngón tay lên. Tôi tin chắc ý ông ta là tôi đã phạm lỗi một lần.

Tôi mở hộp đầu tiên và cẩn thận lấy giấy chứng tử và di chúc của Amadé Malherbeau ra. Mọi thứ khá rõ ràng. Ông chết vào tuổi năm mươi tám, tại gia. Ông không có vợ và người thừa kế, vì thế ông để lại tất cả mọi thứ cho Nhạc viện Paris. Tất cả tài liệu đều nói lên những điều tôi đã biết rồi, nhưng trông chúng rất hay, những chữ cái to bay bướm viết bằng mực. Lên ảnh chắc chắn là sẽ rất đẹp.

Tiếp theo, tôi mở hộp giấy tờ cá nhân và bắt đầu xem xét. Trong đó có các hóa đơn. Hàng đồng hóa đơn. Tất cả mọi thứ từ ngựa cho tới đồ đạc cho tới quần áo cho tới xe ngựa.

Có thư từ của các nhà xuất bản nhạc, của các chủ sở hữu rạp hát, của những người muốn ông biểu diễn tại nhà họ. Có một lá thư của nhà soạn nhạc và nhạc sĩ violon Paganini có địa chỉ gửi thư ở London. Tôi lấy nó ra và hào hứng đọc, nghĩ có thể các học giả đã bỏ qua cái này bởi tôi chưa đọc được nó trong bất cứ cuốn sách nào; hy vọng sẽ được đọc một cuộc thảo luận dài, hay ho, đầy tri thức về những triết lý âm nhạc chung của họ.

Nhưng không. Cả bức thư Paganini than phiền về đường xá Anh, khán giả Anh, những khách sạn ẩm ướt ở Anh, cái thứ thời tiết tệ hại ở Anh, và thức ăn không nuốt nổi ở Anh. Ông kết thúc thư bảo rằng ông rất mong ghé qua Paris vào tháng Sáu, trên đường về Genoa, và uống cà phê với ông bạn Malherbeau dưới dàn hoa hồng trong vườn của ông.

Tôi thất vọng đặt nó vào lại hộp. Tôi sẽ phải chụp rất nhiều ảnh, hóa đơn và thư từ - nếu tôi làm chúng mờ đi, nó sẽ là phong nền tuyệt vời cho các slide Powerpoint của tôi - nhưng tôi vẫn phải nói về Malherbeau trong phần giới thiệu, tôi vẫn phải nói điều gì có ý nghĩa về ông, mà không thứ nào trong số này, không thứ nào trong những kiến thức tôi đọc được trong sách, khiến cho tôi có thể hiểu ông hơn. Ý tôi là, tôi biết nói gì đây? Rằng ông thích cà phê và hoa hồng? Nói thế thì tôi sẽ chẳng ra sân bay được.

Rồi tôi mở cái hộp đựng nhạc đầu tiên của ông. Bản “Concerto giọng La thứ” của Malherbeau nằm ngay trên cùng. Tôi đã nhìn thấy bản nhạc. Tôi có một bản cho riêng mình, bản “Concerto Pháo hoa.” Tôi đã chơi bản này hàng trăm lần rồi. Nhưng tôi vẫn bất ngờ khi thấy nó - hay khi nhìn thấy những nốt và nhịp chính xác như ông đã viết ra - khi cảm thấy bàn tay của người nghệ sĩ lớn trên trang giấy.

Tờ giấy vẫn có màu trắng đục, nhưng các mép đã rách và có màu nâu. Tôi cẩn thận cầm bản nhạc ra và bắt đầu chơi. Vài nốt bị biến dạng. Có những nốt chấm và gạch chéo và tôi nhận ra bản mình đang nhìn không phải bản cuối cùng mà là bản nháp. Và nó không hay cho lắm. Thực ra thì nó khá lộn xộn.

Tôi nhìn bản nhạc tiếp theo trong hộp. Lại một bản nháp khác của chính bản concerto đó. Bản này thì có cải thiện rõ rệt. Tuyệt không? Có thêm bốn bản nháp của bản concerto đó. Tôi đặt chúng theo thứ tự lên bản trước mặt mình để có thể nhìn tất cả các trang đầu tiên cùng một lúc. Nhìn từ bản này sang bản kia, tôi có thể thấy Malherbeau đã thay đổi những gì và tại sao lại thế. Tôi có thể thấy đầu óc ông làm việc như thế nào. Tôi có thể thấy sự độc nhất vô nhị. Phẩm chất thiên tài.

Tim tôi bắt đầu đập dồn dập. Tôi bị kích thích bởi tất cả những thứ này đến nỗi tay tôi bắt đầu nhún nhịp trên một cái cần đàn vô hình, mà không nghĩ ngợi gì. Còn chân thì nhịp nhịp. Và hát các nốt. Ba ba ba BAH da dadadada DAH da...

Và rồi tôi lại nghe thấy nó. Tiếng búa nện. Giọng của Chúa vang lên: “Số mười hai, yêu cầu trật tự!” Tôi nhìn lên. Yves Bonnard đang giơ hai ngón tay lên. Thêm lần nữa là tôi toi.

“Xin lỗi!” tôi thì thầm.

Đúng lúc đó, đúng giây phút đó, điện thoại tôi đổ chuông. Sẽ không đến nỗi quá tệ nếu nhạc chuông của tôi là bản Suite dành cho Cello số 1 của Bach và âm lượng được cho nhỏ. Nhưng không. Nhạc chuông của tôi là “Kashmir.” Bật to. Rất to. Mà tôi thì không tìm thấy điện thoại ở đâu cả. Tôi thọc tay vào túi xách rồi túi áo khoác. Robert Plant đang hát lú lo về thời gian và không gian mà tôi thì không thể nào tìm được nó. Tôi lại túm lấy túi. Tôi điên cuồng trút hết mọi thứ ra - ví, chìa khóa, nhật ký của Alex - rồi thấy nó. Cuối cùng cũng thấy. Nó nằm dưới cuốn nhật ký.

Tôi tắt nó đi. Xung quanh im lặng như tờ. Không ai lật trang giấy, ho hay viết lách gì cả vì họ đang bận trở mắt nhìn tôi trong nỗi sợ hãi và kinh hoàng. Tôi không muốn nhìn lên bàn thủ thư, nhưng tôi đã nhìn. Và tôi thấy đúng thứ mà tôi nghĩ mình sẽ thấy - Yves Bonnard giơ ba ngón tay lên.

Vâng, đúng thế, tôi bị cho ra ngoài. Đúng vậy. Yves Bonnard đuổi tôi ra.

Thậm chí chưa tới mười một giờ. Lẽ ra tôi phải ở trong thư viện, chụp ảnh giấy tờ của Malherbeau. Nhưng tôi lại đang ngồi ở một quán cà phê, dìm nỗi sầu khổ vào một tách cà phê to đùng. Tiết trời ẩm áp, có nắng và tôi ngồi bên ngoài nhìn thế giới đi qua.

Tôi vẫn không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ý tôi là, không đeo găng tay là một lỗi ngu xuẩn. Còn hát hò? Phải, lẽ ra tôi không nên làm thế. Nhưng thiệt tình, tôi đâu có biết là mình làm thế đâu. Âm nhạc dẫn đường tôi đi. Còn cái điện thoại - rõ ràng không phải lỗi của tôi. Tôi biết mình đã tắt chuông đi sau khi nói chuyện với Virgil. Tôi vào tiệm bánh, mua cái bánh sừng bò cho Yves Bonnard. Tôi nhớ quy tắc không mang di động vào thư viện khi đứng xếp hàng trả tiền và tôi đã đặt chế độ rung cho điện thoại. Cẩn thận. Cho an toàn. Vậy chuyện gì đã xảy ra? Thứ gì đó trong túi tôi chắc đã đụng phải phím chuông và cài đặt lại. Có khi là cuốn nhật ký. Nó nằm trên cái điện thoại. Kỳ lạ là, người gọi không để lại tin nhắn và cũng không có số để gọi lại.

“Ông không thể đuổi cháu ra được. Xin ông đấy. Cháu vừa mới lấy tài liệu. Cháu cần phải đọc xong. Cháu cần phải chụp ảnh. Và cháu cần phải làm trong hôm nay. Hôm nay là thứ sáu, Chủ nhật cháu phải rời khỏi Paris rồi mà thư viện Abelard lại đóng cửa vào thứ Bảy.”

“Cô nên nghĩ đến chuyện đó trước khi làm náo loạn cả phòng đọc lên. Ba lần. Những người xung quanh cô đến đây để làm việc.”

“Cháu cũng làm việc,” tôi bảo ông ta. “Cháu thực sự làm việc. Chỉ có điều công việc của cháu hơi ồn ào một chút, ông biết đấy?”

Ông ta bảo ông ta không biết và rồi chào tạm biệt tôi. Thế là tôi ngồi đây. Hoàn toàn bất lực. Nếu tôi không chụp được số ảnh đó thì tôi chẳng làm được gì cả.

Tôi hít một hơi thật sâu và nghĩ rất lung. Tôi biết phải làm gì - tôi sẽ tránh xa thư viện cho đến sau bữa trưa. Đợi cho Yves Bonnard bớt cáu giận. Khi thư viện mở cửa lại, tôi sẽ lén vào và quỳ xuống cầu xin ông ta cho tôi một cơ hội nữa. Từ giờ tới lúc đó tôi còn hai tiếng để giết thời gian. Tôi có mang theo nhật ký, thế nên tôi ngồi đây đọc nó.

“Đúng như ý muốn của cô ấy,” một giọng nói thầm thì trong tôi. Cũng giọng nói đó đã vút lên ngày hôm qua khi thư viện đóng cửa. “Ý tao là, thật là kỳ quặc khi mà đã tắt điện thoại rồi mà tự dưng chuông lại đổ, đúng không?”

Những lời đó khiến tôi khẽ rùng mình dọc sống lưng, nhưng tôi mặc kệ. Là do thuốc an thần, có thể thôi. Quá nhiều thuốc Qwell. “Nhưng sáng nay mà chỉ uống có một viên,” cái giọng đó nhắc tôi. “Mày lại nhấn nút gọi trên điện thoại rồi.”

“Im đi,” tôi thì thầm. Tôi uống cà phê và bắt đầu đọc.

6 tháng Năm 1795

Nhà vua và gia đình đi xe đến Paris sau khi Versailles thất thủ. Gia đình tôi và tôi đi bộ.

Chúng tôi kiệt sức khi cuối cùng cũng về tới thành phố. Sau khi tìm kiếm rất lâu, chúng tôi tìm được một căn phòng ở Marais. Nó nhỏ và ẩm ướt, nhưng với tôi chẳng quan trọng gì vì tôi ít khi ở nhà. Tôi hầu như ở ngoài đường cả ngày lẫn đêm, nắng hay mưa, cố vào trong cung điện Tuileries. Vì tôi đã yêu hoàng thái tử Louis-Charles và hy vọng nhìn thấy cậu. Và bởi vì tôi cũng thích cả sự thăng tiến, và vẫn hy vọng hoàng hậu có thể giúp tôi.

Tôi chơi guitar ở cổng, cạnh Queen's Walk, và dọc theo hàng rào bằng sắt cao ngoài lối đi trồng cây hạt dẻ, luôn hy vọng có thể thoáng nhìn thấy hoàng thái tử Louis-Charles, nhưng tôi chẳng có cơ hội nào vì bọn lính gác đuổi tôi đi. Tôi buộc thư vào hòn đá và ném chúng qua tường. Và có lần ném một con rối, nhưng sau đó tôi thấy đứa bé con bà đầu bếp cầm nó. Tôi giả trang làm chị thợ giặt và cố lén vào trong cùng với họ vào một buổi sáng thứ Hai. Lần khác tôi trốn trong xe của người bán thịt. Cả hai lần tôi đều bị phát hiện và đánh đập.

Cung điện Tuileries nằm ở trung tâm thành phố. Mặt nền của nó rất nhỏ, được tường và hàng rào vây quanh. Chúng không hề giống như những cánh đồng rộng bao la và những khu rừng rợp bóng cây của Versailles. Khi đi vòng quanh chúng tôi thường tự hỏi không biết hoàng thái tử chạy nhảy và chơi đùa ở đó bằng cách nào. Ai sẽ ngồi với cậu dưới bầu trời đêm mà đếm sao? Ai sẽ lấy trộm pháo từ chỗ thợ làm pháo và bắn lên cho cậu xem? Cậu là một đứa trẻ kỳ lạ, lúc nào cũng dễ u sầu. Hoàng hậu đã yêu cầu tôi phải làm cho cậu vui vẻ. Nếu tôi không làm được thì ai sẽ làm đây?

Tôi muốn tìm cách đi vào. Tôi muốn tiếp tục cố gắng nhưng tôi phải dừng lại bởi gia đình cần tôi biểu diễn múa rối. Chúng tôi nghèo hơn và đói hơn bao giờ hết bởi bây giờ kiếm được bánh mì ăn hàng ngày còn khó hơn lúc trước. Paris đã thay đổi. Nó không còn là cái thành phố mà chúng tôi ra đi sáu tháng trước nữa.

Trên phố, chẳng ai nói chuyện phiếm. Báo chí chẳng còn đưa tin về các diễn viên và gái điếm hạng sang. Chẳng ai ngạc nhiên trước chiếc xe ngựa mới của một ông công tước hay đôi ngựa đồng màu ông mua để kéo xe. Chẳng ai cãi cọ chuyện nhà ai có món óc bê ngon nhất - nhà Chartres hay nhà Foy. Phụ nữ không đội tóc giả rắc phấn nữa. Họ nhét áo đầm lụa vào tủ và mặc váy bằng muslin. Đàn ông mặc comple bằng vải bông thô giản dị.

Những chuyện diễn ra trong Quốc hội giờ đây là thứ thành phố quan tâm. Sáng nay Danton nói gì? Marat gọi ai là thằng chó chết? Bà Roland viết gì trong cột báo của bà? Tại câu lạc bộ Jacobin, câu lạc bộ Cordelier người ta đã nói gì? Liệu nhà vua có chấp nhận Nhân quyền không? Và cái gã Robespierre, luật sư từ Arras này là ai?

Một luồng tinh thần mới phủ trùm trong không khí, tinh thần của sự hy vọng, đổi thay. Trong thành phố có một thứ năng lượng mới, một sự hào hứng đích thực. Người ta không còn gọi người khác là quý ông hay quý bà, mà là công dân. Họ nói chuyện công khai về một hiến pháp cho nước Pháp, về tự do và bình đẳng.

Đây là thời của những điều kỳ diệu, cha tôi nói. Mọi thứ có thể xảy ra.

Kỳ diệu? Chú tôi phì nhổ. Mình không chết đói là kỳ diệu rồi. Cái cuộc cách mạng này của anh không có lợi cho làm ăn.

Chú nói đúng. Những người làm tóc giả khốn đốn. Thợ dệt lụa cũng vậy. Thợ làm trang sức, người bán hoa, và người làm bánh kẹo đều khổ sở. Ở những tiệm bán đồ trang trí, bàn mạ vàng và tượng đá hoa cương có thể được đổi lấy chỉ bằng một bài hát. Và cả chúng tôi nữa cũng phải vật lộn vất vả hơn. Dân Paris, đầu óc cấp tiến mới mẻ, không còn cười khi nghe những con rối đánh rầm nữa, vì thế chúng tôi phải diễn những vở mới - những vở kịch của cha tôi. Chúng là những chuyện kể chân thực về tên bạo chúa Caesar hay việc thực thi quyền hành quá đáng của

vua George điên rồ, và chúng chán đến nỗi tôi thường ngủ gật ngay hồi đầu tiên, hay lén trốn đi đến các buổi thử vai. Tôi chẳng quan tâm gì tới công dân hay hiến pháp; tôi chỉ quan tâm tới diễn kịch. Nếu tôi không vào được lâu đài Tuileries và giành lại sự sủng ái của hoàng hậu, tôi sẽ phải tìm cách khác để lên sân khấu.

Tôi nghĩ đây chỉ là một sự đam mê nhất thời, cái lòng nhiệt tình cho cách mạng, nhưng tôi đã sai. Nó càng lúc càng nồng nhiệt hơn mỗi ngày cho đến khi Paris, thành phố sáng chói rực rỡ của tôi, trở nên nhàm chán như một cô gái ở rạp xiếc ngộ đạo.

Dẫu vậy, có một nơi không hề thay đổi - là Cung điện Hoàng gia. Vốn luôn là nhà cho những kẻ lêu lổng và nổi loạn, giờ đây nó là nơi gặp gỡ của những tiếng nói cấp tiến nhất của cách mạng. Desmoulins thường xuyên có mặt ở đó, uống cà phê ở nhà hàng Foy. Cả Danton nữa. Ông ta ở bất cứ đâu có đồ ăn ngon và gái đẹp. Tôi thấy Marat và Hébert ở đó, chìa ra những tờ báo lá cải rẻ rách của họ, thì thầm với người này và chỉ trỏ người kia. Ta có thể nói bất cứ điều gì mình muốn ở đó. Ta có thể nói quá đáng - gọi nhà vua là thằng ngu và hoàng hậu là ả điếm - mà chả ai làm gì cả bởi Cung điện Hoàng gia thuộc quyền sở hữu của Duc d'Orléans giàu có và quyền lực mà Orléans tuyệt đối không đáp lại lời nào.

Tôi biết mình có thể kiếm được tiền ở đó bằng cách diễn lại các đoạn kịch của Molière, Voltaire, và Shakespeare, nhưng một thời gian dài tôi chẳng tới đó. Tôi nhớ Orléans - gã đeo mặt nạ sói, ngồi trong khu rừng ở Versailles. Tôi nhớ ông ta cảnh báo tôi và đôi mắt ông ta, đen sẫm như bóng đêm, và tôi tránh xa chốn đó bởi tôi không muốn nhìn vào đôi mắt đó một lần nào nữa. Nhưng rồi Bette và con chị bị ốm, và cả mẹ tôi nữa, và tất cả số tiền chúng tôi kiếm được ở Versailles phải trả cho bác sĩ, chẳng còn lựa chọn nào khác.

Tôi thấy Cung điện Hoàng gia lộn xộn như xưa, đầy những kẻ lập dị, bọn đánh bạc, gái điếm, và bọn chửi chuốt. Đêm đêm tôi mặc quần ống túm đội mũ diễn trong sân trong. Như một kẻ đi săn, tôi sẽ nhắm con mồi và đuổi theo nó. Tôi tránh tất cả những kẻ cười cợt, mặc những kẻ say xỉn và tình nhân lại với những cuộc truy hoan của họ. Hạnh phúc vô dụng với tôi. Chỉ có sầu khổ mới giúp ví tôi đầy. Người hạnh phúc nào mà lại cần nghe Shakespeare cơ chứ?

Tôi đổi các vai cho phù hợp với khán giả. Tôi đóng vai Hamlet với các luật sư buồn khổ. Figaro cho các nhân viên văn phòng bị sức ép. Tôi từng đọc lời của Tartuffe khi tôi theo một giám mục vào trong nhà thổ, và thế là tôi kiếm được không biết bao nhiêu là tiền từ các quý cô ở trong đó.

Lần khác, một quý ông tóc hoa râm mặc đồ tang tiến tới góc nơi tôi đọc lời kịch. Cặp mắt ông trĩu xuống, vai thì so lại. Tôi dừng lời kịch của Molière mà đọc một đoạn diễn văn của vua Lear cho ông - đoạn nhà vua nói sau khi công chúa Cordelia yêu quý chết. Thoạt đầu ông cố tránh tôi đi, nhưng rồi ông dừng lại và nghe, bị những lời đó dụ dỗ. Khuôn mặt già nua của ông đầy những nếp nhăn sầu khổ. Nước mắt ầng ậng trong đôi mắt trắng đục. Khi tôi đọc xong, ông trút tiền vào mũ tôi.

Một lần khác, một cô gái đi từ cửa hiệu làm giày Gaudet ra. Hai phụ nữ - nhìn vẻ ngoài có vẻ là mẹ và dì - đi hai bên cô như cai tù. Cô gái cúi gằm xuống, mặt như cái mặt nạ cứng đờ. Cô cầm một cái hộp xinh xắn. Một đôi giày bằng xa tanh để đi với chiếc váy cưới, tôi đoán thế. Cô còn trẻ, chưa tới mười lăm, có khi chưa ra khỏi tu viện lâu lắm. Yêu thầy dạy nhạc đẹp trai của mình nhưng bị gả cho một gã dâm dật ngón tay chuối mẩn già gấp ba lần cô.

Tôi xõa tóc, dắt một bông hoa lên tai, và tôi là Juliet. Tôi chạy tới phía cô gái. Bà mẹ cố đuổi tôi đi nhưng tôi cầm lấy tay cô. Trao cho tôi Romeo của tôi đi, tôi nói, và khi chàng chết, lấy xác chàng và cắt thành các vì sao nhỏ, và chàng sẽ trở thành khuôn mặt của thiên đường đẹp đến nỗi cả thế giới này sẽ yêu buổi đêm, và chẳng còn đoái hoài gì tới mặt trời chói gắt nữa.

Nghe những lời này, mặt cô gái nhả lại. Trước khi bà mẹ dì hơm của cô kịp ngăn lại, cô cho tay vào ví và ném cho tôi một đồng xu. Đó là một hành động nổi loạn. Hành động duy nhất của cô. Tôi chụp lấy đồng xu và cúi đầu chào cô. Cô mỉm cười với tôi qua nước mắt, và tôi biết những lời tôi nói với cô sẽ mãi mãi ở bên cô những năm sau này - khi lão già cô lấy ngủ say như chết cạnh cô, ngáy và đánh rầm và lẩm bầm về sổ sách của lão - cô sẽ nhìn lên những vì sao qua cửa sổ phòng ngủ và nghĩ đến những lời đó.

Tôi dùng những đồng xu kiếm được để mua bánh mì và bơ. Tôi mua hành tây, rượu, thịt gà - và củi để nấu đồ ăn. Tôi còn mua lá thuốc để giảm sốt, giảm đau và lành mụn mủ. Mẹ tôi khỏi bệnh. Cả chị tôi cũng qua được, nhưng con chị thì không.

Tháng Mười một rồi đến tháng Mười hai rồi đến tháng Mười hai năm mới - năm 1790. Có những đêm tôi chẳng kiếm được gì, không một xu, bởi trời lạnh, sự cực khổ và mọi người ở trong nhà. Nhưng vào những đêm đó, tôi vẫn diễn. Dù không ai nghe tôi diễn và không ai trả tiền cho tôi nhưng chuyện đó chẳng quan trọng.

Vào những đêm đó, những lời kịch là dành riêng cho tôi. Chúng được nói ra một cách tự nhiên từ trái tim tôi. Chúng tuôn qua lưỡi tôi mà ra khỏi miệng tôi. Và nhờ chúng, tôi, kẻ chẳng là gì và chẳng là ai cả, trở thành hoàng tử Đan Mạch, cô tiểu thư thành Verona, nữ hoàng Ai Cập. Tôi là kẻ ghét đời tính tình cáu kỉnh, kẻ đạo đức giả, con gái pháp sư, một tên vua sát nhân điên rồ.

Vào những đêm đó trời vừa tối vừa lạnh. Thế giới thật nghiệt ngã còn tôi thì đói khát. Nhưng tôi vẫn có được niềm vui từ những lời đó. Niềm vui bất tận.

Có những lần tôi ngửa mặt lên trời, vươn tay ra trong đêm mùa đông, và cười lớn, tôi hạnh phúc làm sao.

Giờ đây những ký ức đó khiến tôi bật cười, nhưng không phải vì hạnh phúc.

Cẩn thận với những gì bạn trưng ra cho thế giới.

Bạn chẳng bao giờ biết khi một con sói đang nhìn bạn.

Tôi đặt cuốn nhật ký xuống bởi tôi lại thấy cô. Alex. Cô đang đóng vai Hamlet và Juliet và Cleopatra trong một phòng trống vào một đêm lạnh giá tối đen. Chỉ có một mình cô. Hơi thở của cô phả ra thành hơi trong không khí khi cô đấu kiếm cho đến chết với Laertes hay nhảy với Romeo. Hai gò má nhợt nhạt của cô ửng hồng lên. Cô gầy gò và rách rưới, nhưng cô rực sáng.

Tôi chạm những ngón tay vào từng chữ của cô. Những từ ngữ được viết vội. Viết khi đang chạy trốn. Viết khi cô bị thương, sợ hãi và trốn trong hầm mộ.

Ở dưới đó không biết sẽ thế nào? Đơn độc, sợ hãi trong bóng tối và lạnh lẽo, không có gì và không có ai ngoài những người chết quanh mình. Tôi chưa bao giờ xuống hầm mộ. Tôi không biết các đường hầm rộng hay hẹp. Không biết mình có thể đứng thẳng người hay phải khom khom.

Và đột nhiên, tôi muốn ở đó. Trong hầm mộ. Tôi muốn ở nơi cô từng ở. Như tôi muốn ở trong phòng của Truman sau khi em chết. Ngồi trên giường mà nhìn đồ đạc của em. Như tôi muốn ở trong phòng làm việc của bố sau khi ông bỏ đi, nghe tiếng đồng hồ tích tắc trên bàn. Như tôi muốn đứng trong bếp khi mẹ tôi dừng nói mà dí tạp dề của bà lên mặt tôi.

Tôi tự hỏi cô có chết dưới hầm mộ không. Bác G bảo người công nhân, người tìm ra chiếc guitar cổ, tìm thấy nó bên dưới một đồng xương. Liệu xương cô có nằm trong đó? Sao cô lại chết? Cô có chết trong những ống ngàm đen tối của hầm mộ không? Hay bị chém đầu? Hay cô

đã trốn thoát?

Có một thứ gì đó nhỏ nhắn bay vút qua mắt tôi. Tôi nhìn lên. Một con vẹt đậu xuống cái bàn cạnh bàn tôi. Nó ngẩng đầu lên, nhìn tôi chăm chăm bằng đôi mắt đen sáng, cho đến khi một phụ nữ ngồi đó, đang buồn điện thoại, thấy nó và dùng cái thực đơn xua nó. Nó bay đi.

“Cô có dùng thêm gì không?” người bồi bàn hỏi. “Bánh sừng bò nhé? Hay bánh mì tartine?”

“Không, cảm ơn,” tôi nói, lấy ví trong túi ra và đứng lên.

Tôi cần phải nhanh lên. Lối vào hầm mộ ở phía đầu kia của con sông. Tôi phải đi tới tận đó, đi xuống các ống ngầm, rồi phải quay lại thư viện đúng giờ để cầu xin Yves Bonnard cho tôi vào. Tôi nhét cuốn nhật ký vào túi, lấy hai euro trong ví ra, và để xuống bàn. Rồi tôi dọn đồ và bước đi. Đầu đó trên cao, tôi nghe thấy tiếng chim hót.

Hầm mộ không dễ tìm. Nó giống như một thứ bí mật.

Tôi ra khỏi ga Denfert-Rochereau và đi bộ chừng mười phút thì thấy một biển nhỏ chỉ đường. Rồi tôi phải vòng qua một cái bùng binh và đi tiếp, quanh một công viên, rồi mới tìm thấy lối vào. Dòng người xếp hàng vào trong khán đài. Tôi không hiểu tại sao. Ý tôi là, có phải Jim Morrison được chôn ở đây đâu. Ông ta nằm ở Père Lachaise cơ mà.

Tôi đứng sau một gia đình người Mỹ đang nói chuyện om sòm. Họ có năm người: ông bố bà mẹ, hai đứa con gái mới lớn, và một thằng nhỏ chừng mười một mười hai gì đó. Họ sạch sẽ và bóng bẩy. Giày không một vết bẩn. Họ có túi đeo hông, chai nước, bản đồ, và sô cô la. Trông họ như thể sẵn sàng cho bất cứ thứ gì trong chiếc áo khoác chống gió chống nước kia, Ông Bà Sẵn Sàng và con cái của họ.

Thằng nhỏ đang đọc từ một cuốn sách hướng dẫn. Nó bảo với cả nhà là nghĩa địa thành phố trở nên cực kỳ đông đúc vào cuối thế kỷ mười tám và những thi thể thối rữa là mối đe dọa nghiêm trọng về mặt sức khỏe. Bệnh tật sinh ra từ dưới hầm mộ và do cả lũ chuột nữa. Mùi hôi thối không chịu nổi. Tường nghĩa địa thỉnh thoảng bị sập, làm thi thể đổ đầy ra ngoài đường. Công dân than phiền ngày một nhiều cho đến khi lãnh đạo thành phố quyết định đào tất cả các mộ lên và chuyển xác vào trong những mỏ đá vôi trống nằm dưới thành phố Paris.

Người chết được chất lên xe và đẩy qua thành phố vào giữa đêm. Các xe này được phủ vải đen và do linh mục đẩy đi, vừa đi vừa tụng bài kinh chôn cất.

Thằng nhỏ cứ tiếp tục nói. Hàng người dịch chuyển chậm chạp. Tôi lấy cuốn nhật ký của Alex ra.

7 tháng Năm 1795

Tôi cảm thấy có người nhìn mình.

Nhưng ai? Khi tôi quay lại, chẳng có ai ở đó cả.

Đã gần nửa đêm. Sương mù giăng khắp sân vắng của Cung điện Hoàng gia. Tôi đã diễn kịch của Voltaire cho một gã say chệnh choạng nhưng gã bỏ mặc vở kịch của tôi mà lao theo lời quyến rũ của một ả điểm gầy gò đứng dưới cột.

Đồng hồ điểm nửa đêm. Tôi cúi xuống nhặt mũ và số tiền trong đó thì tôi thấy nó - một đồng Louis vàng sáng chói giữa những đồng xu bẩn thỉu xỉ màu. Tôi nhìn quanh. Gã ném nó chắc là ở cạnh đó, đang liếc nhìn và ra hiệu. Chuyện này đã xảy ra trước đây rồi. Diễn viên kịch và gái điểm thường bị nhầm lẫn với nhau. Nhưng cũng như lần trước, chẳng có ai ở đó cả.

Tôi nghĩ đến những thứ mà đồng xu có thể mua được - một đĩa vịt quay, cà phê, tất len, một aoxơ đình hương để nhai. Những ý nghĩ này lẽ ra làm tôi cảm thấy ấm áp. Nhưng tôi lại run lạnh bầy. Tôi nhét chỗ tiền vào túi rồi vội ra khỏi Cung điện Hoàng gia, xuống phố.

Tôi đi dọc phố Saint-Honoré một lúc, rồi rẽ sang Sainte-Anne. Sương mù phủ những ngón tay

nhọt nhọt của nó lên đèn đường, làm chúng trở nên mù mịt. Tôi đi qua cầu lạc bộ Jacobin, đóng cửa chớp lại, rồi rẽ sang Mill, một con phố hẹp, không rộng hơn một cái xe bò.

Và lúc đó tôi nghe thấy chúng. Tiếng bước chân. Đằng sau tôi trong bóng tối.

Chính là hắn - gã đã ném đồng Louis - muốn đòi giá trị cho đồng tiền của hắn. Tôi đoán chắc điều đó. Tôi quay lại, sẵn sàng xua hắn đi.

Ai đó? Ông là ai? Tôi hét lên.

Không có tiếng trả lời.

Chắc là tên nghiện rượu Benôit, gã phụ bếp ở nhà hàng Foy, đang trêu tôi, tôi tự nhủ.

Benno hả?

Lại không có tiếng trả lời. Chỉ có tiếng bước chân. Nhịp nhàng. Không vội vã. Tự tin nhắm tới con mồi.

Nếu không phải tối nay, những bước chân nói, thì là ngày mai. Nếu không phải ngày mai, thì chẳng bao lâu nữa.

Kể cả lúc đó, hắn đang rình tôi.

Dò xét tôi.

Chờ đợi.

Kể cả lúc đó.

Một bàn tay đặt lên vai tôi. “Ổ cha mày!” tôi ré lên, suýt tí làm rơi cuốn nhật ký.

Đó là thằng nhỏ. Thằng bé con của ông bà Săn Sàng. Trông như thể nó chưa bao giờ nghe thấy từ đó.

“Xin lỗi,” tôi nói. “Gì thế?”

“Anh kia gọi chị,” nó nói, chỉ ra phố. “Anh ấy bấm còi với vẫy tay này giờ.”

Tôi nhìn theo hướng nó chỉ và thấy một chiếc Renault màu xanh cũ đậu chỗ đèn đỏ. Một anh chàng nhoài ra khỏi cửa xe, ra hiệu cho tôi đi lại chỗ vệ đường. Đó là Virgil. Virgil với đôi mắt ấm nồng, khuôn mặt đẹp dễ và giọng nói mềm như nhung. Jules đi cùng cậu. Tôi tự nhủ phải bình tĩnh, nhưng khi tim mình đập nhanh như điên thì thật khó mà làm được thế.

“Em sẽ giữ chỗ cho chị,” thằng nhỏ nói. Có khi nó là một tình nguyện viên Eagle Scout hay gì đó.

Tôi tiến về phía vỉa hè, nhưng còn cách vài bước nữa thì từ trong chiếc Renault Virgil hét lên “Chụp này!” và một cái túi nhựa trong bay đánh vào trong không khí. Tôi chụp lấy nó.

“Cái gì thế?” tôi hỏi cậu.

“Những giai điệu hay nhất mà cậu từng nghe.”

“Của cậu à?” tôi nói. Một cách ngu xuẩn. Virgil đảo mắt. Jules thì cười phá lên.

“Còn iPod của tớ thì sao?” Tôi hỏi.

“Tớ để ở nhà mất rồi. Xin lỗi cậu. Tớ sẽ mang đến nhà cậu. Xin thề. Cậu đang định đi xem hầm mộ hả?”

“Ừa.”

“Hay quá,” Virgil nói.

Jules bắt đầu cười rất kỳ quái. Đèn xanh bật lên. Xe cộ bắt đầu dịch chuyển tới trước. Trừ xe của Virgil. Người ta bắt đầu bấm còi inh ỏi.

“Cậu sẽ tới quán Rémy chứ?” Jules hét át tiếng ầm ĩ.

Tôi lắc đầu. “Tớ bay hôm Chủ nhật,” tôi hét lại.

“Thế thì hủy đi!” cậu hét lên.

“Không... được.” Tôi cố nói vẻ hối tiếc, nhưng những lời này thốt ra nghe tuyệt vọng và khi nói tôi lại nhìn Virgil chứ không nhìn Jules.

Còi tiếp tục bấm to hơn. Gã đằng sau Virgil nhào người ra khỏi xe và chửi ầm lên. Virgil mặc kệ. Thế là gã bắt đầu chửi. Chửi tôi. Tôi không muốn đứng trên vỉa hè giữa Paris, hét lên để át tiếng còi và bị chửi vào mặt. Tôi muốn ở một nơi nào khác. Một nơi yên tĩnh và an toàn. Với Virgil. Tôi muốn nhắm mắt lại và nghe giọng nói của cậu, dịu dàng và nhỏ nhẹ.

Cậu cũng đang nhìn tôi. Và đôi mắt cậu dường như nói rằng cậu cũng muốn điều đó. Hay có lẽ chỉ là tôi quá mong muốn chúng nói như vậy.

“Gọi cho tớ nhé,” cậu nói. “Tối nhé, nhé?” Tôi gật đầu. Cậu giơ nắm tay lên, chìa ra. Tôi cụng vào nó. Jules thì vẫy. Thế rồi họ đi.

“Cám ơn em,” tôi nói với đứa bé khi quay lại hàng. Nó vẫn chưa nhúc nhích gì lắm. Tôi nhét cái CD vào túi, cố để tim đập chậm lại, và bắt đầu đọc tiếp.

8 tháng Năm 1795

Tôi đã ăn cắp. Phần lớn là thức ăn. Hay những thứ tôi có thể đổi lấy thức ăn. Tôi ăn cắp như chim cắt. Đó là mùa thu năm 1790. Mẹ tôi lại ốm. Chúng tôi không có tiền.

Tôi ăn cắp khoai tây từ xe kéo của người bán hàng. Xúc xích từ quầy ở chợ. Tôi lén lấy quạt và hộp thuốc lá hít từ quầy cửa hàng và các bàn cà phê, ở đó những người chủ đăng trí đã bỏ lại chúng. Tôi lấy bao tay từ các quý bà phấn khích, ví tiền của bọn say xỉn. Tôi trộm chó con rồi trả lại chúng để lấy tiền thưởng. Tôi cắt đuôi ngựa rồi bán cho người làm tóc giả.

Vào một đêm, tôi gần như chết đói, nếu không tôi đã mặc kệ nó - một chiếc ví nhỏ màu nâu, trưng phòng lên như một con chuột chết.

Lúc đang trên đường về nhà từ Cung điện Hoàng gia, dạo cụ trong túi đeo, không một xu dính túi, tôi trông thấy nó. Người sở hữu nó đang cãi nhau với một bồi bàn. Ông ta đặt nó trên bàn và xây lưng lại. Sẽ dễ như không để cuồn lấy khi tôi đi ngang qua.

Tôi nhìn quanh. Chẳng thấy một bóng lính của Cung điện Hoàng gia nào cả. Tôi đi chậm rãi, lần duy nhất hài lòng với con người mình - một diễn viên kịch đường phố nghèo đói, một đứa đầu đường xó chợ không ai thèm nhìn đến lần thứ hai. Khi đi ngang qua cái bàn, tôi tóm lấy cái ví. Nó ở trong tay tôi, nặng đến kỳ lạ, rồi tôi nhét vào trong áo.

Vài giây sau, tôi đã đi được nửa đường xuống chỗ hàng cột. Tôi sắp ra tới phố thì họ tóm được tôi. Một người giật cái túi dạo cụ ra khỏi tay tôi. Một người đẩy tôi vào tường. Đầu tôi bị đập đánh bốp vào đá. Pháo hoa nổ bung trong đầu.

Tôi cố chạy nhưng bị bắt lại và gí sát vào tường. Một tên lính bóp cổ họng tôi. Một tên khác xé áo tôi ra và lấy cái ví. Đứa này chả phải con trai đâu, hẳn nói, liếc nhìn tôi dâm dặt. Tôi đá hắn, nhưng hắn chỉ phá lên cười. Tôi không thở nổi. Phổi tôi như nổ tung. Pháo hoa trong đầu tôi nhạt dần. Tất cả chuyển sang màu đen.

Lúc đó tôi nghe một giọng nói. Giọng của hắn.

Đủ rồi.

Tên lính buông tay. Tôi khụy xuống, há mồm ra hớp lấy không khí.

Đi với ta nào, chim sẻ.

Tôi nhìn lên. Có một người đàn ông đứng trước tôi. Mái tóc đen của ông ta búi lại. Một chiếc khuyên vàng đeo ở tai. Đôi mắt mang sắc màu của đêm đen.

Nếu tôi không đi thì sao? Tôi nói, cố không lộ vẻ sợ hãi trong giọng mình.

Thì đi với chúng - hẳn hất đầu chỉ đám lính - tới Sainte-Pélagie.

Sainte-Pélagie, nhà tù tồi tệ nhất ở Paris. Tôi nhìn tên lính, kẻ đã xé áo tôi. Từ cách hắn nhìn tôi, tôi biết đầu tiên phải rẽ vào một chỗ đã. Bốn đứa bọn chúng trong một con ngõ bẩn thỉu nào đó.

Lúc đó tôi nghe thấy tiếng bà tôi, ở trong đầu. Hồi nhỏ tôi thường đi lang thang. Xuống một con phố rồi lên một con phố khác. Ra bờ sông. Thỉnh thoảng qua cổng thành. Ra ngoài đồng. Vào rừng.

Một ngày nào đó cháu đi tới chỗ con quỷ đấy, cháu gái của ta, bà bảo tôi, lúc đó thì không quay về được nữa đâu.

Vẫn quỳ chân, tôi với lấy túi đạo cụ.

Kệ nó. Cô không cần nó nữa đâu, Orléans nói.

Và tôi biết ngày đó đã đến.

10 tháng Năm 1795

Hắn đưa tôi vào phòng của hắn.

Phòng? Nhưng căn phòng là một cung điện được thu nhỏ. Như bên trong cái đèn của thần đèn. Khắp nơi là những tấm kính bằng gương và mạ vàng, thủy tinh và bạc, tất cả phản chiếu ánh sáng của một trăm cây nến. Dầu thơm ngan ngát trong không khí. Tiếng nhạc văng vẳng xa.

Hắn ném áo choàng cho một người, rồi quát một kẻ khác dọn đồ ăn và rượu. Hắn dẫn tôi qua một cái sảnh rộng như sảnh ở chợ, qua các phòng khách, ba thư viện, hai phòng đánh bài, và phòng khiêu vũ, tới phòng ăn.

Tôi lấy trộm một con dao bằng bạc đang nằm trên bàn, cho vào trong ống tay áo khi hắn xây lưng lại.

Ngủ xuẩn. Cô sẽ chả đạt được gì trong thế giới này nếu cô hài lòng với việc làm một kẻ thấp hèn, hắn nói.

Làm sao hắn thấy được nhỉ? Hắn quay lưng lại với tôi, mở nút một chai rượu.

Chỉ là cái đĩa thôi mà, hắn nói.

Hắn cầm một đĩa muối lên và đổ xuống. Tôi run lấy bầy. Muối bị đổ sẽ đem lại xui xẻo. Cho hắn, tôi hy vọng. Hắn ném cái đĩa vào tôi. Tôi bắt lấy.

Bằng bạc đấy. Độ sáng của nó tinh tế hơn nhiều. Cô học trở thành thứ như thế được không?

Hắn rót hai ly rượu, đưa cho tôi một ly. Tôi cẩn trọng nhận lấy, như một con thỏ hít ngửi cái bầy. Cuối cùng tôi uống và nó có vị như hồng ngọc chảy trên lưỡi tôi.

Ngồi đi, hắn bảo tôi, đá một cái ghế từ bàn ra. Hắn ngồi xuống đối diện tôi, gần lò sưởi, và tháo cà vạt ra.

Đã gần nửa đêm rồi, dân Paris đã lên giường hết, vậy mà chưa đầy năm phút sau, một người hầu - một ông già - mang bữa tiệc vào. Tôi ăn hầu, tôm hùm, cá hồi hun khói phủ kem. Một đĩa chim sẻ rừng được bùng lên. Orléans cầm một con lên, cắn nát cái sọ bé tí của nó. Một đĩa bí xanh với bạc hà được bê lên. Khoai tây con, chưa bằng đốt ngón tay của tôi. Rồi thì cừu. Cả cái

đùi cừu. Nhồi hương thảo và rắc muối. Đầu bếp đã lấy bột mỡ ra và nhét các lát tỏi vào bên dưới. Thịt cừu, vừa ngọt vừa mỡ màng, ngon đến nỗi khiến mắt tôi chảy cả nước khi tôi nhai.

Cô đói nhỉ, Orléans nói, nhìn tôi từ bên kia bàn. Nhưng mà cái đói trong bụng cô chả là gì so với cái đói trong tâm hồn cô.

Tôi thôi ăn. Tôi, kẻ đang chết đói, dừng ăn và nhìn ông ta chăm chăm, sững sờ khi ông ta đã nhìn thấu tôi. Ông ta, ông ta chẳng là gì với tôi cả.

Cô là diễn viên đường phố. Người bạn của hoàng thái tử. Con chim sẻ trong rừng. Cô bay cao, chim sẻ nhỏ, nhưng giờ cô lại rơi xuống mặt đất rồi. Thay vì diễn cho hoàng tử nước Pháp, giờ đây cô diễn rồi cho những đứa bụi đời ở Paris.

Miệng tôi đầy thức ăn. Tôi chỉ có thể gật đầu.

Và khi cô không diễn rồi được nữa, cô đến đây để đọc lại lời từ các vở kịch. Tôi đã xem cô diễn rất nhiều. Cô là kẻ có khả năng biến đổi - một cô gái có thể biến mình thành bất cứ cái gì - thẳng bé, con quỷ, ăn mày, yêu quái. Sao cô lại làm thế?

Tôi nuốt thức ăn. Làm một thằng bé hay con quỷ thì dễ sống hơn trong thế giới này rất nhiều so với việc làm một đứa con gái, tôi nói.

Đúng thế, Orléans nói. Nhưng đó không phải là lý do cô làm việc đó.

Tôi nhìn đi chỗ khác. Được rồi, tôi nói. Tôi làm là vì tiền. Tôi phải ăn.

Nếu như cô chỉ muốn tiền, cô có thể kiếm gấp năm lần bằng cách hát những bài tục tĩu. Tại sao lại là Shakespeare? Tại sao lại là Molière? Bây giờ hãy trả lời ta một cách thành thực. Thôi đối trá đi nếu không ta giao cô cho bọn lính gác. Hắn đứng dậy từ ghế và vừa bước quanh phòng vừa nói.

Tôi không ngăn lại được, tôi nói. Những lời...

À, lời kịch. Cô yêu những lời kịch đẹp đẽ.

Phải.

Lại đối trá! Nếu cô yêu lời kịch thế thì cô sẽ viết kịch, không phải diễn kịch. Nào, sự thật! cô yêu các nhân vật của kịch gia, không phải là ngôn từ của ông ta.

Phải, tôi nói, rất khẽ khàng.

Bởi vì... hẳn gợi ý.

Bởi vì khi tôi là họ, tôi không phải là tôi nữa.

Orléans gật đầu. Không phải là con chim sẻ trong rãnh nước, hẳn nói. Không tuyệt vọng và đói khát. Không bẩn thỉu. Bị lừa đi. Bị bỏ qua. Bị bỏ bê.

Tôi lại không nói nên lời. Không phải là do số thức ăn tôi ngậm trong mồm, mà là trái tim tôi.

Thức ăn được mang thêm vào. Tôi ăn những miếng dưa ngọt lừ và một đĩa cải lông với các mẩu phô mát Parma, bánh ngọt nhúng rượu rum, sô cô la có vị đinh hương, bánh hạnh nhân, mận tẩm đường và mút vỏ cam, và như một kẻ đang chết đuối được kéo lên từ biển, tôi chỉ vui

mừng vì được cứu mà không một lần nghĩ tới việc hỏi lý do tại sao.

Chỉ đến khi no đến không thở được tôi mới dừng ăn. Chỉ đến khi đó tôi mới nhận ra những người hầu đã đi hết, nhạc đã dừng, và nến đã tàn. Và lúc đó đã quá muộn, đột nhiên hắn ở gần ngay tôi. Phía sau tôi. Gần đến nỗi tôi ngửi thấy mùi thịt cừu trong răng hắn.

Dù cho có kinh hãi, tôi vẫn nhớ tới con dao mà tôi ăn cắp. Tôi kéo nó ra từ trong ống tay áo, đưa xuống ghế, và dí vào cổ họng hắn.

Chầm chậm, cẩn thận, hắn đẩy tay tôi ra và lấy con dao. Rồi hắn kéo tôi ra khỏi ghế và đánh tôi. Nắm đấm làm tôi choáng váng. Bàn tay công tước trắng trẻo của hắn mạnh như tay thợ thuộc da. Tôi loạng choạng lùi lại và ngã. Hắn lôi tôi lên và kéo tôi tới chỗ bức tường gương. Hắn vẫn cầm con dao. Nó lóe lên ánh bạc.

Tôi nhắm mắt lại, sợ đến nỗi không hét được. Các ả điếm ở Cung điện Hoàng gia đều bảo rằng hắn có những sở thích đen tối và tôi biết sẽ không dễ dàng gì cho mình. Tôi cảm thấy tay hắn lằn vào tóc tôi, túm chặt. Thứ gì đó lỏng ra. Rơi tuột đi. Thứ gì đó đã mất. Mạng sống của tôi.

Tôi mở mắt. Không có máu. Không bị thương. Hắn không cắt cổ họng tôi, mà là tóc tôi. Búp tóc nâu của tôi, từng dài xõa ngang lưng, giờ chỉ còn chấm vai. Hắn dứt một mẫu đăng ten ở tay áo và buộc tóc tôi thành cái đuôi ngựa.

Sau đó, những ngón tay của hắn cởi những cái khuy còn lại trên áo ghi lê của tôi. Hắn cởi áo ra khỏi người tôi. Rồi hắn xé áo sơ mi của tôi và giật ra. Trên người tôi chỉ còn cái quần ống bần thỉu vá chằng vá đụp. Hắn bảo tôi cởi ra rồi đá vào một góc nhà.

Tôi đứng đó khóa thân trước gương, yếu ớt, chờ đợi cảm giác bàn tay thô lỗ của hắn sờ lên người. Nhưng thay vào đó, tôi lại thấy choáng vì nước lạnh. Tôi há hốc mồm, chớp mắt cho nước khỏi vào mắt. Nước rỏ xuống từ tóc tôi, cầm tôi, vai tôi. Tôi thấy hắn đặt lại bình nước bằng bạc lên bàn. Hắn cầm một cái khăn lên rồi lau mặt và cổ tôi cho đến khi tấm khăn đen thui vì bụi bẩn.

Khi làm xong, hắn mở tủ, lấy một mảnh vải lanh hẹp ra, và quấn quanh ngực tôi, làm gò ngực nhỏ của tôi lép xuống. Sau đó hắn đưa cho tôi một chiếc sơ mi bằng vải lanh trắng. Bít tất lên. Quần ống túm màu vàng nhạt. Một cái áo ghi lê xanh có khuy bằng bạc.

Hắn rót thêm rượu khi tôi mặc đồ, và khi tôi mặc xong, hắn bước quanh tôi, nhìn xem sự biến đổi.

Hắn mỉm cười, nhúng ngón cái vào rượu, chấm lên trán tôi, và làm dấu thánh giá. Nhân danh cha, con, và thánh thần, nói một cách giễu nhại.

Và rồi tôi hiểu ra. Và việc hiểu ra làm tôi còn sợ hơn bất cứ thứ gì đã xảy ra trước đó.

Đêm hôm đó tôi không chết. Đó là điều may mắn.

Tôi được tái sinh.

“Xin lỗi.”

Tôi ngược lên thì chạm phải đôi mắt đen thẳm. Trong vài giây tôi hoảng loạn. Tôi không biết mình đang ở đâu. Hay tôi là ai.

“Hàng người... đang tiến tới,” một ông giọng Ý nói.

“Ồ vâng. Xin lỗi,” tôi nói.

Gia đình nhà Săn Sàng cách tôi chừng gần chục mét. Tôi nhét cuốn nhật ký vào túi và chạy theo họ. Tôi không thể ngừng nghĩ đến những trang vừa đọc. Sao Orléan lại biến Alex thành con trai? Ông ta đã làm gì cô ấy để đến nỗi cô nghĩ rằng so với việc đó thì chết còn là may mắn?

Tôi sẽ phải đợi để tìm ra câu trả lời vì giờ tôi chỉ cách lối vào hầm mộ có vài bước. Một biển hiệu ở cửa đề giá vào cổng, và nói phải đi bộ rất nhiều, và rằng hầm mộ không dành cho trẻ con và những người thần kinh dễ bị căng thẳng.

Tôi trả tiền cho người thu ngân mặt lạnh như băng, bước qua bảo vệ, và đi xuống một cái cầu thang bằng đá dốc đứng ngoằn ngoèo. Bên dưới ẩm ướt, lạnh lẽo, và sáng lơ mơ. Một gã đang trước tôi đùa bảo rằng đây là Địa ngục của Dante và rằng chúng tôi đang đi vào vòng đầu tiên của địa ngục. Một người khác bảo, “Không, là cung điện Louvre mới đúng.” Mọi người bật cười. Quá to.

Chúng tôi tiếp tục đi xuống, hơn tám mươi bậc, và vào một cái phòng, một dạng gallery, đầy những đồ trưng bày có tính chất cung cấp thông tin. Tôi bước quanh, đọc lịch sử. Hóa ra là có hàng dặm những đường ngầm bị bỏ hoang bên dưới Paris - không phải bảy hay tám dặm, mà những 186.

Người ta đào đá vôi và thạch cao dưới lòng thành phố từ thời La Mã cho đến thế kỷ mười chín, để lại một mạng lưới khổng lồ những đường hầm và phòng ốc. Tất cả việc khai thác đó biến nền đá thành pho mát Thụy Sĩ và đó là lý do không có tòa nhà chọc trời nào ở trung tâm Paris - số đá còn lại không đỡ nổi sức nặng của chúng. Hầu hết các đường hầm đều dễ đổ, nguy hiểm, và dân chúng không được tới. Khu hầm mộ mà tôi sắp sửa bước vào là một khối dài 780 mét bên dưới một nhánh phụ thứ mười bốn và chứa hài cốt của khoảng sáu triệu người. Sáu triệu.

Tôi đi qua các gallery và đọc thông tin về một số người có xương được chọn ở đây. Madame Elizabeth, chị gái vua. Madame de Pompadour, người tình của vua Louis XV. Robespierre và Danton. Nhà văn Rabelais và diễn viên Scaramouche. Tôi cá là vào buổi đêm dưới này có vài cuộc trò chuyện thú vị đây.

Tôi đọc tiếp và biết được rằng sau khi Robespierre bị lật đổ, có một phản ứng dữ dội chống lại nhóm chính trị mà ông ta đứng đầu - Jacobins. Những nhà quý tộc trẻ sống sót sau chế độ cai trị của ông ta đã thực thi Thống trị khủng bố và đánh đập nhóm Jacobins trên đường phố. Họ cũng tổ chức Vũ hội cho Nạn nhân - cuộc khiêu vũ cho những người có người thân bị đưa lên máy chém. Các vũ công sẽ cắt tóc ngắn, như những người bị kết tội, và buộc nơ đỏ quanh cổ để đánh dấu chỗ lưỡi dao rơi xuống. Thậm chí vài cuộc vũ hội còn được tổ chức trong hầm mộ.

Tôi tìm kiếm thêm thông tin, cố tìm hiểu những người trốn trong hầm mộ trong khi Cách mạng nổ ra, ngu xuẩn hy vọng rằng có thể có gì đó - một đoạn hay một dòng - về cô gái điên rồ ăn mặc như con trai, cho nổ pháo hoa và viết nhật ký. Nhưng làm gì có.

Gallery kết thúc. Một biển hiệu trên tường chỉ lối xuống chỗ lưu giữ hài cốt và nói với tôi rằng trong trường hợp điện bị tắt thì đèn khẩn cấp sẽ bật lên và tôi nên đi theo dòng kẻ đen, được sơn xít trên trần của đường hầm để ra ngoài.

Tôi bước đi, sau một cặp lớn tuổi hơn, một nhóm thanh niên, và một đám dân Mỹ, và thấy mình đi trên hàng lang trần thấp, nơi từng là mỏ đá, với những hõm đá vôi rỗng và cột đá. Trong này rất lạnh và tôi phải khom người khi bước đi. Sau vài mét tôi vào trong gallery Port Mahon, nơi một người thợ mỏ từng là lính trong quân đội của vua Louis XV, khắc hình một người mẫu lên một cái trụ nơi ông ta từng bị giam giữ. Sau đó tôi đi qua bồn rửa chân của thợ mỏ - một cái giếng sâu có nước ngầm trong vát - và rồi tôi ở lối vào các ngôi mộ.

Hai cái bảng ở hai bên cửa sơn trắng đen. Bên trên có dòng chữ Dừng lại! Đây là đế chế của cái chết. Và đột nhiên tôi muốn quay lại. Đi qua gallery, lên cầu thang, ra ngoài ánh sáng. Nhưng không. Tôi lấy tinh thần vì tôi muốn biết nơi này như thế nào. Tôi muốn biết nơi Alex đã từng ở.

Tôi đi qua cửa. Và rồi nhìn thấy chúng, những khúc xương. Hết bức tường xương người này đến bức tường xương người khác. Nhìn thấy chúng khiến tôi đứng chết sững. Xương sọ chồng lên xương sọ. Xương đùi chồng lên xương đùi. Một vài cái được xếp gọn gàng. Những cái khác thì xếp thành hình trang trí - đường ngang đường dọc, bắt chéo, hình hoa. Tôi có cảm giác như mình vừa rơi vào tầng hầm của một tên giết người hàng loạt có tài trang trí nột thất.

Những người xung quanh tôi mới vài giây trước còn đùa cợt chuyện trò giờ đây đã im bật. Vài người im lặng sợ hãi bước quanh. Vài người không chịu nổi và muốn quay lại. Tôi nghe tiếng khịt mũi, tiếng khóc nức nở. Tôi quay lại và thấy gia đình Săn Sàng hóa ra lại không sẵn sàng cho mọi thứ. Bà mẹ buồn rười rượi. Có vẻ như áo nỉ chỉ chống mờ hôi thôi, chứ không chống được cái chết.

Tôi tiếp tục đi. Những đường ngầm cũng vậy. Chúng tiếp tục kéo dài. Tôi đi tiếp mười phút, hai mươi, ba mươi, mà vẫn có thêm xương người. Có cả núi nữa, và bia mộ, thập giá, và đài tưởng niệm. Có cả thơ và điệu văn. Có những cảnh báo và cổng sắt để chúng tôi không đi sai đường. Các tấm bảng giải thích rằng những bộ xương mà tôi đang nhìn thấy là từ Nghĩa địa Những người vô tội hay Nghĩa địa Thánh Nicholas, nhưng chúng không giải thích tại sao lại có quá nhiều xương đến thế.

Tất cả những người này là ai?

Tôi tiếp tục bước. Và tôi phải bước thật chậm hoặc thật lâu, bởi tất cả những người khác đang ở trước tôi. Tôi chỉ có một mình và chỗ này yên tĩnh quá. Vừa đi tôi vừa nghĩ đến Alex và cảm giác ở dưới đây một mình thì như thế nào, chỉ có ánh sáng duy nhất từ chiếc đèn lồng. Và ý nghĩ đó quá khủng khiếp, tôi bước nhanh hơn. Vài phút sau, tôi đến một ngã rẽ trong đường ngầm và không biết phải đi lối nào. Đường kẻ màu đen trên trần rẽ về phía trái, nhưng tôi nghe thấy giọng nói, tiếng thì thầm nho nhỏ từ đường hầm phía bên phải, vì thế tôi chọn lối này.

Đường hầm này tối hơn và hẹp hơn. Các bộ xương gần tôi hơn. Tôi đi qua một cái xương sọ to dùng nằm trên tường, và đột nhiên tôi nhìn thấy người đàn ông có cái sọ đó. Ông ta là một gã đồ tể to cao vạm vỡ hát những bài hát tục tĩu khi chặt một con lợn. Còn cái xương sọ cạnh ông ta, có trán cao - của một hiệu trưởng, xanh xao và cổ cứng đờ. Cái sọ nhỏ đằng kia, là của một cô bé. Cô xinh xắn, má ửng hồng và tràn đầy sinh khí. Hết sọ này tới sọ khác. Với những hốc

mắt rồng không nhìn thấy.

Những giọng nói tôi nghe thấy trở nên to hơn, khẩn thiết hơn. Tôi tự nhủ đó là của những người đi trước. Hoặc thể hoặc là tiếng nước nhỏ giọt. Tôi đã nhìn thấy những vết ướt trên nền và nước trên tường. Nhưng chẳng có ai cả. Và các bức tường khô ran. Và rồi tôi nhận ra nó là gì - chính là các xương sọ. Tất cả chúng. Chúng đang thì thầm với tôi.

“Tôi muốn lại được ngửi mùi mưa,” cái xương cạnh tôi nói.

“Tôi muốn ném quả dưa. Ấm áp từ mặt trời,” cái khác nói.

“Tôi muốn nghe tiếng cười của chồng tôi. Cảm giác làn da của anh ấy trên da tôi.”

Nhiều tiếng thêm vào cho đến khi đó là một bản hợp xướng buồn bã của những ước mong. Họ muốn gà nướng. Váy lụa. Nước chanh. Giày đỏ. Hoa tulip. Trà. Mùi ngựa. Tiếng mưa rơi trên mái nhà.

Tôi bị điên rồi. Chắc chắn thế. Và rồi một ngọn gió thổi qua đường hầm. Không thể thế được, bởi chúng tôi đang ở dưới mặt đất hai mươi lăm mét, và tôi ngửi thấy một mùi lạ, cay và nồng - mùi đinh hương. Giờ thì tôi tá hỏa lên rồi. Những giọng nói trong tai tôi, mùi trong mũi trong miệng tôi và rõ ràng đến mức khiến tôi ngạt thở.

“Cứu tôi với,” tôi nói. “Làm ơn.”

“Cô gái? Xin lỗi cô, nhưng cô không nên xuống dưới này.”

Tôi quay lại nhìn. Một anh bảo vệ đứng ở đường hầm, rọi đèn pin vào người tôi.

“Cô gái? Cô ổn chứ?” anh ta hỏi.

“Tôi e là không.”

Anh ta bước về phía tôi và cầm lấy tay tôi. “Đi lối này,” anh ta nói. “Dựa vào tôi nếu cô muốn.”

Tôi muốn chứ. Tôi loạng choạng đi cạnh anh ta và sau vài phút chúng tôi quay lại chỗ rẽ. Anh ta đóng cái lưới sắt lại ở lối cửa đường hầm và khóa lại. Bên trên có biển hiệu màu đỏ và trắng viết MÁY PHÁT ĐIỆN - CHỈ DÀNH CHO NHÂN VIÊN. Lúc này tôi đâu có thấy cái cửa đó. Khi tôi cố quyết định xem phải đi lối nào.

“Tôi xin lỗi. Tôi... ừm... tôi không thở được,” tôi xấu hổ nói.

Anh ta mỉm cười. “Cũng thường xuyên. Nhiều người cảm thấy không khỏe. Họ thấy mệt, chóng mặt hoặc bị mất định hướng. Chỗ này rất có thể khiến ta bị choáng.”

Nhưng thực ra chả liên quan gì đến việc tôi thở được hay không. Tôi nói dối. Chính là Alex. Cô ấy muốn tôi đi xuống dưới đó. Đi xuống cái đường hầm đó. Cô ấy muốn tôi đi theo cô. Tìm cô.

Người bảo vệ đỡ tôi đi vào đường hầm đúng và cho tôi ngồi xuống một cái ghế gấp. Có hộp cứu thương cạnh đó, và một chiếc điện thoại. Anh bảo tôi ngồi xuống vài phút. Tôi ngồi xuống, gục đầu xuống tay.

Đó là do thuốc Qwell. Chắc chắn là thế. Tôi đã uống quá liều trong một thời gian dài và giờ nó đầy trong người tôi, và nó thực sự khiến tôi xử lý tình huống rất kém. Khiến tôi nhìn thấy và nghe thấy những thứ đó. Trên phố Henry. Trên ke. Và giờ ở đây, trong cái nhà ma ghê rợn này.

Nó khiến tôi nghĩ rằng tôi có mối quan hệ kỳ quái với một cô gái đã chết.

Người bảo vệ để tôi ngồi thêm vài phút nữa, rồi đưa tôi đi đoạn đường hầm còn lại lên cầu thang đi ra ngoài.

“Tôi khuyên cô nên uống chút nước khi ra ngoài. Và ăn gì đó,” anh bảo.

Một nhân viên bảo vệ khác kiểm tra túi tôi để đảm bảo tôi không lấy gì. Như thể tôi đã lấy không bằng. Và rồi tôi ra ngoài. Trên mặt đất. Quay lại thế giới của người sống.

Tôi mua ngay một cái bánh kẹp pho mát và một chai nước, rồi ngồi xuống ghế dưới gốc cây trong công viên và ăn. Khi ăn xong, tôi nhắm mắt lại. Ngẩng lên phía mặt trời. Hít vài hơi thật sâu. Sau một lúc, tôi thấy tỉnh táo hơn. Bình tĩnh hơn. Chuyện xảy ra trông hầm mộ chỉ là một thứ kỳ quặc nữa do uống quá nhiều thuốc an thần. Như mọi thứ kỳ quặc khác xảy ra với tôi gần đây. Tôi phải uống bớt thuốc đi. Và tôi sẽ thế. Bắt đầu từ tối nay.

Tôi mở mắt ra và nhìn đồng hồ. Một giờ mười. Giờ tôi sẽ đứng dậy, quay lại phòng lưu trữ, và quy lụy cầu xin Yves Bonnard tha thứ. Nếu thành công, tôi sẽ chụp ảnh càng nhiều giấy tờ của Malherbeau càng tốt, rồi tôi sẽ về nhà bác G và viết đề cương. Và mọi thứ sẽ ổn cả.

Khi tôi thu dọn rác từ bữa trưa, một bé gái chập chững đi lại chỗ tôi. Mẹ nó gọi bảo quay lại. Nó dừng bước, quay lại, và chân hơi chao đảo, như thể nó vẫn còn đang làm quen với hai chân.

Nó nhìn tôi, hai mắt mở to và nghiêm nghị, rồi thận trọng bước vài bước về phía tôi và dứ nắm tay vào tôi. Nó đang nắm thứ gì đó.

“Bé ơi,” tôi nói với nó. “Em đang cầm gì thế?”

Nó xòe từng ngón tay ra cho đến khi tôi trông thấy, nằm trong lòng bàn tay nhỏ xíu mập mập của nó.

Một cái lông, nhỏ xíu màu nâu. Của một con chim sẻ.

“Hôm nay bác sĩ Becker gọi cho bố,” bố nói.

Tôi dừng việc đang làm lại, tôi đang dùng Photoshop chỉnh sửa một cái khuyên mũi trên mặt Beethoven, và nhìn lên.

“Ông ấy nói gì ạ?”

“Mẹ con đang dần khỏe lên. Bà chịu được thuốc mới. Bà đã ăn uống và tham gia điều trị nhóm.”

“Ông ấy có bảo mình được phép nói chuyện với mẹ chưa hả bố?”

“Ông ấy bảo một hai ngày nữa.”

“Vâng,” tôi nói vẻ đồng ý.

Hắn rồi. Sao lại không? Thực ra thì tôi sẽ đợi hai ngày nữa - thứ Bảy và Chủ nhật. Nhưng thứ Hai tôi sẽ đích thân đến bệnh viện thật sớm. Và rồi bác sĩ Becker sẽ cần tất cả bảo vệ ở đó thì mới ngăn được tôi không nói chuyện với mẹ.

“Con viết đề cương đến đâu rồi, Andi?” ông hỏi. “Có tiến triển chút nào không?”

“Có bố ạ. Con vừa làm xong bản nháp đầu tiên. Vẫn còn phải làm nhiều thứ, nhưng khởi đầu là thế. Và con đã viết được kha khá phần giới thiệu,” tôi vừa nói vừa mỉm cười.

“Tuyệt quá,” ông nói, cũng mỉm cười lại.

“Vâng,” tôi nói. “Việc xét nghiệm thế nào ạ?”

“Thực sự thì khá tốt. Bọn bố hy vọng sẽ có kết quả trước thứ Hai.”

“Hay quá,” tôi nói, cười nhiều hơn. Khiến mặt tôi đau.

“Sẽ có một bữa tối tại điện Élysée vào thứ Tư. Con có thể tới. Nếu con muốn,” bố nói.

“Chà. Vâng ạ. Chỉ có điều là con đặt vé máy bay về tối chủ nhật rồi. Bố không nhớ à?”

“Ừ nhỉ. Con sẽ viết xong đề cương chứ?”

“Vâng.”

“Sẽ tốt chứ?”

“Con nghĩ thế.”

Ông gật đầu, quay lại chiếc laptop. Tôi cũng làm thế. Tối nay bố về nhà sớm. Chúng tôi gọi đồ ăn Thái về nhà với cô Lili. Sau đó cô vào studio làm việc, còn bố và tôi dọn bàn. Giờ thì ông

ngồi một đầu còn tôi ngồi đầu kia. Cả hai đã im lặng làm việc mấy tiếng rồi. Không cãi nhau. Một chuyện tốt lành. Tôi chỉ còn phải trải qua tối nay, ngày mai, và Chủ nhật mà không để xảy ra một vụ cãi vã lớn nào.

Tôi chỉnh xong cái khuyên mũi và quyết định cho nhạc sĩ Beethoven ít tóc. Rất hợp với ông. Ông sẽ lên ảnh rất đẹp trong phần giới thiệu. Tôi đã trích vài nhịp tôi cần từ Allegretto trong bản symphony thứ bảy của ông và hòa lẫn chúng với "Paint It Black" của Stone để đưa ra ví dụ cho giả thuyết của tôi. Nó minh họa khá chuẩn một hòa âm song song La thứ- Mi7/Đô-Sol7. Tôi cũng dùng máy quay của di động quay chính mình, giải thích việc Malherbeau sử dụng La thứ trong vài tác phẩm trước đó của ông rất có khả năng là do chịu ảnh hưởng từ Allegretto. Tôi gửi cái đoạn clip đó vào email rồi xuất nó sang PowerPoint. Chất lượng hơi kém, nhưng thế là đủ cho bố tôi xem. Khi về đến nhà, tôi sẽ làm lại trên thiết bị quay video của trường St. Anselm.

Tôi hoàn thành xong ảnh nhạc sĩ Beethoven và tắt máy. Tôi mệt rồi. Tôi đã làm việc như điên kể từ lúc tôi năn nỉ được Yves Bonnard cho tôi vào lại thư viện. Thực ra là cầu xin ông ta cho tôi vào, thề sống chết là tôi sẽ để ý tới những người khác và không gây rối. Tôi chụp ảnh giấy tờ của Malherbeau suốt cả buổi chiều, về nhà, và bắt đầu viết đề cương ngay sau khi ăn tối xong. Tôi viết xong bản nháp lúc tám giờ, rồi bắt đầu viết phần mở đầu.

Tôi nghĩ mình đang thực sự hoàn thành được nó. Tôi sẽ làm xong cả đề cương và phần giới thiệu trước tối mai - để bố có nhiều thời gian đọc và ngừng nói chuyện.

Lúc này tôi chúc ông ngủ ngon, dọn dẹp đồ đạc, và về phòng. Ngay khi vào phòng, tôi đổ hết mọi thứ trong túi ra và xục xạo tìm cái đĩa CD của Virgil. Tôi đã muốn nghe nó kể từ lúc cậu ném nó cho tôi ở chỗ hầm mộ. Khi về đến nhà, tôi hỏi cô Lili cô có máy nghe nhạc không và cô đưa cho tôi một cái Discman cổ.

Tôi cho đĩa vào, nhấn nút play, và nghe. Một giọng cất lên, chỉ một giọng đàn ông, hát bài nghe có vẻ giống bài thánh ca châu Phi. Giọng hát nhỏ dần, rồi tiếng trống nổi lên, rồi rất nhiều giọng hát cùng bài thánh ca, phải đến một trăm, và rồi Virgil hát rap. Hay. Cực kỳ hay. Hay đến mức rùng sống lưng.

Bài hát tiếp theo là về New York, về một ca sĩ nhạc rap thề sẽ cai trị nó. Trong đó có bài "Banloser", nghe khác đêm hôm trước - được chuốt nhiều hơn. Cậu có một bài tên là "I'm Shillin" về sự phản bội. Và một bài tên là "Morning Light," về việc ngắm mặt trời mọc ở Paris trên đồi Sacré-Coeur. Tôi nhận ra bài này. Tối qua cậu đã hát bài này cho tôi nghe.

Nhịp các bài hát rất mạnh và nhạc thậm chí còn mạnh hơn. Cậu cho guitar chơi nhạc reggae trong một bài. Nhạc jazz funk trong một bài khác. Các đoạn trống sách phúc âm Mỹ. Đàn xi-ta. Tiếng gọi của thầy tu báo giờ. Học sinh Pháp hát đồng dao. Violin Trung Quốc. Những bài hát với cả thế giới trong chúng, đúng như cậu nói.

Tôi lấy di động ra ngay khi đĩa hết. Để gọi cho cậu và bảo với cậu tôi rất thích các bài hát của cậu.

"Cái gì!" cậu quát.

"Ừm... chào. Tớ đây. Andi," tôi nói, hơi ngần ngại.

"Chào cậu. Đợi tớ chút."

Tôi nghe tiếng phanh kít, rồi tiếng Virgil chửi nát nước một gã.

“Xin lỗi,” cậu nói với tôi.

“Công việc hôm nay không tốt à?”

“Tệ kinh dị. Tối nay cái thành phố này hoàn toàn mất kiểm soát rồi. Tớ gọi lại cho cậu sau được không? Nửa tiếng nữa?”

“Ừa, dĩ nhiên rồi.”

Tôi cúp máy và nhìn lên trần nhà, không biết phải làm gì trong lúc đợi. Tôi hơi đói. Từ lúc ăn tối tới giờ cũng lâu rồi. Tôi có thể vào bếp. Ăn món mì Thái còn thừa. Một quả cam. Một miếng pho mát. Tôi có thể rửa ráy rồi chuẩn bị đi ngủ. Một ý tưởng hay, khi mà ngày mai đã là thứ Bảy rồi mà tôi còn cả đống việc phải làm. Tôi định đi thăm nhà Malherbeau rồi chụp ít ảnh. Rồi tôi phải viết cho xong bản nháp thứ hai của đề cương.

Mắt tôi nhìn xuống giường, chỗ đồng hồ tôi đổ ra. Cuốn nhật ký nằm ở đó, bên dưới chùm chìa khóa. Tôi không chết tối hôm đó. Đó là một may mắn. Tôi được tái sinh. Alex đã viết thế. Tái sinh thành cái gì? Để làm gì?

Tôi vừa muốn tiếp tục đọc lại vừa không. Tôi vừa tò mò vừa sợ hãi. Tôi cần phải biết chuyện gì đã xảy ra với Alex, với hoàng thái tử Louis-Charles, nhưng lỡ nó lại khiến tôi phát điên lên thì làm sao? Như lúc ở trong hầm mộ ấy?

Tôi tránh xa khỏi nó đi vào phòng tắm. Không phải cuốn nhật ký khiến tôi bị điên lúc trong hầm mộ, tôi tự nhủ khi đánh răng. Bởi vì không thể nào như thế. Nó là một cuốn nhật ký. Chữ nghĩa nằm trên giấy. Chỉ có thể thôi. Là do uống thuốc an thần. Tôi phải đối diện với sự thật là tôi uống quá nhiều.

Tôi quay lại phòng ngủ, cầm lọ thuốc từ bàn cạnh giường lên, và dốc ra hai viên. Tôi muốn giảm liều xuống. Tôi muốn, nhưng tôi lo ngại. Vài ngày qua tôi thấy khá ổn định, khá an lành. Ít nhất là về mặt xử lý nỗi buồn. Tôi đã thấy và nghe các thứ, nhưng tôi không thấy mình đứng ở mép thứ gì cả. Không ở mép sông Seine mà cũng không ở rìa mái nhà. Tôi không muốn sự đen tối quay trở lại. Nhưng tôi cũng không muốn những nỗi sợ biết thì thầm, những con rối giọng rít lên và những ông già biến thành trai trẻ ngay trước mắt mình.

Tôi đứng đó, cố quyết định. Một quả cam? Ít pho mát? Ngủ? Nhật ký? Tự dung muốn tự sát hay ảo ảnh? Hai viên? Hay một?

Tôi nuốt một viên Qwell và bỏ viên còn lại vào lọ.

Tôi sẽ đọc nhật ký, xin cảm ơn. Xin ngồi thẳng dậy, và ôm kẻ điên này.

Ngày 12 tháng Năm 1795

Chỉ những kẻ cùng quần mới yêu Chúa.

Bạn đã bao giờ thấy một cô gái xinh đẹp phải ở lại thêm một giây tại lễ Misa chưa? Một kẻ giàu có liệu có quỳ gối nếu không ai nhìn thấy hắn ta?

Những kẻ xấu xí, béo ị, nghèo đói, và hôi hám. Những kẻ bị hủ tay chân rơi rụng. Những kẻ hơi thở đầy mùi pho mát và mặt đầy nốt đậu mùa. Những kẻ cà-cà-cà lăm. Những kẻ chảy dãi và bị co giật. Những kẻ điên. Những kẻ bị bệnh tràng hạc. Chẳng ai yêu họ cả, ngay cả mẹ họ, ấy vậy mà họ nói với ta rằng - giọng đầy hân hoan, họ sẽ nói - Chúa yêu tôi, họ khao khát tình yêu, bất cứ tình yêu nào, ngay cả sự ban tặng còm cõi của Người.

Bạn sẽ hỏi tại sao tôi lại làm thế. Bạn sẽ phán xét tôi. Nhưng chỉ có thánh mới làm ngược lại mà tôi thì không phải là thánh.

Tôi phát chán sự im lặng liên tục của Người. Tôi muốn ồn ã. Tôi muốn hàng tràng pháo tay rền rĩ. Tiếng huýt sáo, tiếng hét thét và hoan hô vang dậy. Cả biển hoa hồng tung lên sân khấu.

Tôi không muốn tình yêu lạnh lẽo của Người. Tôi muốn tình yêu con người - ôm siết, ích kỷ, và nóng bỏng. Tôi muốn ngửi mùi mồ hôi chua nồng của đàn ông ở chợ buôn bán khi họ gặm lên và giậm chân quật tay, và mùi nước hoa nồng nặc của lũ gái điểm cao giá trong ghế ngồi ở rạp hát của họ. Tôi muốn các bà bán cá phơi ngực trần còn bọn lái buôn thì quảng cả ví đi. Tôi muốn tình yêu - thứ tình yêu nồng nặc, say xỉn, thêm khát.

Diễn viên nào lại muốn ít hơn thế cơ chứ?

Trước đây với tôi là như thế. Trước khi quý dữ dẫn đường tôi. Trước khi Orléans biến tôi thành vật sở hữu của hắn...

Tôi đứng một mình trên sân khấu ở rạp hát Beaujolais xập xệ, đầu cúi xuống, bứt bứt một cái seo ở lòng bàn tay mình. Tôi đã thoát khỏi được ông chú và đám rối khỉ gió của ông ta để tới đây. Tôi vừa đọc các dòng thoại của Juliet cho tay chủ Audinot. Buổi thử vai của tôi khá tốt. Tốt đến nỗi người nhắc vở đang ăn bỗng dừng lại. Kẻ kéo màn sân khấu thôi nện búa. Còn thằng bé treo đèn lồng thì chảy nước mắt. Nhưng chẳng có nghĩa gì cả. Chuyện đó chẳng bao giờ có ý nghĩa gì cả.

Cô ta không đẹp, Audinot nói. Với cả cô ta không có ngực.

Ông ta thậm chí không cố hạ giọng xuống. Tôi ghét ông ta vì điều đó.

Cô ta đọc lời thoại tốt và nét mặt rất biểu cảm, tay đầy tớ ngồi cạnh lão nói.

Khán giả không trả tiền để nhìn các cô gái biểu cảm. Chỉ để xem gái đẹp thôi, Audinot đáp. Ông ta cười ngọt xót với tôi. Cám ơn cô. Người tiếp theo!

Và sau này mọi chuyện sẽ như thế này. Trong một năm, có lẽ hai năm. Khi cách mạng kết thúc, sự điên rồ qua đi, nhà vua quay lại Versailles. Đây là điều mà Orléans hứa với tôi nếu tôi làm theo lệnh của hắn...

Một lệnh triệu tập sẽ đến từ Quốc gia, gọi Alexandre Paradis, bởi Alexandrine giờ không còn nữa. Không ai thương tiếc cô, ít nhất là tôi, bởi cậu trai Alexandre dễ thương gấp mấy lần so với cô gái Alexandrine. Lúc đầu tôi sẽ đóng các vai nhỏ - người hầu, lính, kẻ ngu ngốc và kẻ đào mộ. Rồi đóng vai Cherubino trong Figaro và được nhận xét rất tốt. Đích thân Orléans xem. Tiếp theo tôi sẽ đóng vai Tybalt của Shakespeare. Claudio và Ferdinand. Rồi Damis trong Tartuffe. Rodrigo trong Le Cid. Cho đến một đêm, tôi đứng trên sân khấu trong ánh mắt bao người, pháo tay vỗ rền vang như sấm cho vai Romeo của tôi. Nào là giẫm đạp, vỗ tay, hò hét - mà không ai trả tiền cho họ làm thế cả. Một người bị đè bẹp trên sàn. Phụ nữ ngất trên ghế. Ngày hôm sau, một nhà phê bình viết rằng diễn xuất tự nhiên của tôi sánh ngang với cả Talma vĩ đại. Một ông khác bảo vai diễn của tôi là vô tiền khoáng hậu trong lịch sử rạp hát. Người thứ ba so sánh tôi với một vị thần trẻ.

Mặc dù đó là tháng Mười hai, nhưng phòng thay đồ của tôi đầy hoa là hoa. Có cả rượu và bánh. Một chiếc nhẫn từ cửa hàng Boehmer's. Phụ nữ và đàn ông đến để nhìn tôi khi tôi rửa lớp hoá trang đi. Họ ấn những đồng xu vào tay tôi và hôn tôi. Có cả những lời cầu hôn tôi. Và cả những thứ khác nữa, nhưng tôi trả kha khá cho gã phụ bếp Nenôit để hắn bảo vệ tôi. Hắn ngồi trên một chiếc ghế, một chân thông xuống. Bọn tôi giả làm một đôi đầu gối và trả tiền cho bọn dẫn chỗ trong rạp hát để bịa chuyện về việc chúng tôi đánh nhau và đi nhà thổ. Và tôi, kẻ đã đói khát và lạnh cóng, giờ được ăn gà trống thiến và ngủ trên giường da.

Tôi cố tỏ ra duyên dáng. Tôi cố sùng đạo. Nhưng tôi chán ngấy việc mình bị lừa dối.

Khóc lóc về nỗi khổ sở của bạn với Chúa. Gào rú với trời. Xé áo. Bứt tóc. Xẻo thịt mình. Móc cả mắt ra. Móc cả trái tim ra. Và ta sẽ nhận được gì từ Chúa. Chỉ có sự im lặng. Thờ ơ.

Nhưng chỉ có đứng trước bảng yết thị, thờ dài vì tên mình không có trên đó, và con quỷ thì lại xuất hiện bên cạnh mình đầy cảm thông và gợi ý.

Và đó là lý do vì sao tôi làm vậy. Tại sao tôi lại phụng sự hắn. Tại sao tôi ở lại.

Bởi vì Chúa thì yêu chúng ta, nhưng quỷ mới quan tâm.

13 tháng Năm 1795

Hoàng hậu không biết tôi. Tôi cũng chả biết bà. Chỉ mới một năm trôi qua kể từ lần cuối tôi nhìn thấy bà, vậy mà bà đã già đi như thế qua hai mươi năm. Mái tóc vàng của bà đã ngả bạc. Trên gương mặt bà lộ vẻ hốc hác và quanh mắt hắn lên những nếp nhăn sâu hoắm.

Tôi được viên quản lý cung điện Tuileries đưa đến phòng bà. Gã thông báo với bà rằng người hầu mới cho hoàng thái tử đã được chỉ định. Bà ném cho gã cái nhìn khinh bỉ và hỏi gã về gia đình tôi. Gã cho bà biết rằng tôi xuất thân trong gia đình Cộng hòa, biết Nhân quyền và bốn phận của tôi, rồi quay gót đi ra.

Thưa Hoàng hậu, chính là hạ thần, Alex, tôi thì thăm, sau khi gã ta đóng sập cửa lại.

Bà nhìn tôi lần nữa. Cặp mắt bà mở to. Bà mỉm cười. Tôi nói với bà tôi đã cố lén vào để gặp hoàng thái tử Louis-Charles rất rất nhiều lần, nhưng lúc nào cũng bị đuổi đi. Tôi nói với bà tôi chưa bao giờ từ bỏ và nghĩ dù mất rất nhiều thời gian nhưng cuối cùng tôi cũng đã tìm được cách. Tôi kể với bà tất cả những điều này, như tôi đã được chỉ dẫn.

Bà cho gọi hoàng thái tử Louis-Charles đến. Cậu nhận ra tôi ngay lập tức. Cậu chạy tới chỗ tôi, hôn tôi và bám lấy cổ tôi. Tôi ôm cậu thật chặt, nhấc bổng cậu lên, và xoay tròn. Hoàng hậu bật cười khi nhìn chúng tôi. Niềm vui sướng của cậu cũng là của chính bà. Kể từ đó, ngày nào chúng tôi cũng ở bên nhau. Tôi làm nghĩa vụ của mình - giúp hoàng thái tử Louis-Charles dậy và mặc quần áo, phục vụ cậu trong các bữa ăn, dọn dẹp sạch sẽ phòng cậu. Nhưng phần lớn là tôi hát cho cậu nghe, kể chuyện, chơi trò chơi như hồi tôi ở Versailles. Cậu đã rất cô đơn và giờ thật sự vui mừng khi có tôi bầu bạn.

Ta yêu chị, Alex, cậu nói khi bọn tôi chơi với những chú lính chì. Chị đừng bao giờ rời xa ta nữa.

Tôi cũng yêu Người, thưa hoàng thái tử Louis-Charles, tôi nói. Tôi sẽ không bao giờ rời xa Người nữa. Tôi hứa.

Tôi giữ lời hứa đó. Tôi thực sự yêu cậu. Trong gần hai năm, gần như giờ nào khi còn thức tôi đều ở cạnh cậu. Cho đến khi cậu bị tước đi khỏi tay tôi. Nhưng tôi không bao giờ bỏ cậu. Và tôi sẽ không bao giờ bỏ cậu.

Orléans đã mua vị trí đó cho tôi. Hắn dứt lột viên quản lý của cung điện Tuileries. Hắn nói với ông ta rằng tôi là thằng con chết tiệt của hắn và rằng hắn muốn giúp tôi có việc làm. Hắn đảm bảo với ông kia tôi là một công dân Cộng hòa tử tế và là một Jacobin. Như chính hắn.

Hắn ta muốn tôi là mắt là tai của hắn trong cung điện. Đi đến nơi mà hắn - giờ đây là một người cách mạng, phải giữ khoảng cách với nhà vua - không đến được và báo lại cho hắn tất cả những gì tôi phát hiện ra. Hôm đó nhà vua làm gì? Nhà vua gặp ai? Hoàng hậu viết thư cho ai? Ai dạy học cho hoàng thái tử? Cậu ta có nhận được quà gì không? Tin đồn lan khắp Paris - những lời thầm thì chống cách mạng, âm mưu nước ngoài, những kế hoạch giải phóng nhà vua.

Tôi sẽ là gián điệp của Orléans.

Tại sao lại là tôi? Tôi hỏi hắn vào cái đêm hắn đưa tôi về phòng hắn. Tại sao ông không để một thằng con trai làm việc của một thằng con trai?

Ta đã thuê ba lần rồi, hắn nói. Lần đầu tiên - một thằng chăn ngựa - làm cho hầu gái chữa. Đứa thứ hai - người hầu - nhập ngũ vì thích đồng phục lính hơn. Đứa thứ ba - đầu bếp - bị giết chết vì cãi lộn. Ta cần một đứa biết nghĩ chuyện lớn chứ không phải mấy chuyện cón con. Một đứa như thế không tồn tại, nên ta phải tạo ra một đứa theo cách của ta.

Hắn đã theo dõi tôi bấy lâu nay. Ở Versailles, nhảy nhót cho hoàng thái tử Louis-Charles xem trong chiếc quần ống túm và đội mũ lưỡi trai. Ở Cung điện Hoàng gia, đóng vai Hamlet và Romeo. Tôi, tôi, chính tôi, đã đem lại ý tưởng này cho hắn.

Hãy làm việc này cho ta, hắn nói. Làm thật tốt vào, và khi ta không cần cô nữa, ta sẽ cho cô lên sân khấu. Ở Nhà hát Quốc gia. Nhà hát Opéra.

Tôi không ngu xuẩn như hắn nghĩ.

Tôi sẽ không bao giờ được lên sân khấu ở Paris, và ông biết quá rõ điều đó, tôi nói. Về ngoài tôi quá tầm thường không thể đóng vai Juliet hay Iphigénie được. Mà lại quá giỏi không đóng tó gái được.

Vậy thì đóng Romeo. Benedick. Philinte. Cô có thể làm được. Chả phải cô đã làm việc đó hàng trăm lần rồi ư? Hàng đêm ở Cung điện Hoàng gia?

Đây là một ý tưởng mới. Tôi cân nhắc, rồi nói, Thế nếu tôi không làm việc này thì sao?

Thì cô sẽ vào tù. Bốn thằng lính thấy cô lấy ví của ta. Cô quên mất lời hứa vào Sainte Pelagie rồi ư?

Lời hứa ư? Tôi nói, cười khẩy. Tôi nghĩ là đe dọa.

Orléans mỉm cười. Ta chẳng cần phải đe dọa, hắn nói.

Lúc đó một thứ nảy ra trong tôi - một nỗi sợ hãi đen tối, chết chóc. Tôi không muốn trở thành gián điệp, một đứa hót lẻo. Tôi lo những báo cáo của tôi kiểu gì đó có thể làm hại hoàng thái tử Louis-Charles và gia đình cậu. Nhưng trong tôi cũng có một thứ khác nữa, một thứ không hề cao quý, và những lời của hắn đã làm bùng lên những ngọn lửa cháy tàn của nó.

Orléans nhìn thấy nó trên nét mặt tôi, chắc hắn là thế - một thoáng ý thức nhột nhạt đấu tranh với tham vọng bùng cháy của mình - và hắn vội vã dập tắt nó.

Chim sẻ, nghe ta đây, hắn nói. Ta không hề muốn hại nhà vua. Ông ấy là anh họ của ta, máu thịt của ta. Ta chỉ mong giúp ông ấy. Những báo cáo của cô sẽ giúp ta làm việc này. Nếu cô bảo ta rằng đại sứ Tây Ban Nha đã gửi cho hoàng hậu một tấm thảm thêu hay đồ chơi cho hoàng thái tử, ta biết có lẽ là có hy vọng giúp đỡ nhà vua từ Tây Ban Nha. Cô không thấy những chuyện xảy ra xung quanh cô à? Cô không thể mù mịt đến mức đó. Giới quý tộc đã bị sụp đổ rồi, cả tầng lớp cũng thế. Những kẻ làm cách mạng sẽ không dừng ở đó. Tiếp theo sẽ là nhà vua. Phải, nhà vua.

Tôi muốn tin hắn biết nhường nào. Tin rằng hắn có ý định tốt. Tin rằng mình cũng vậy.

Nhưng nhà vua đã giành lại được tình yêu của dân chúng, tôi nói, thử hắn. Mùa đông năm ngoái Người đã đến Quốc hội. Người thề ở đó sẽ bảo vệ tự do. Người hứa sẽ ủng hộ hiến pháp. Người đến Lễ kỷ niệm Hợp nhất hồi tháng Bảy và thề sẽ ủng hộ các nghị quyết của Quốc hội. Tất cả dân chúng Paris có mặt ở đó và tất cả đều thấy Người làm vậy.

Không phải tất cả Paris đều nghe nhà vua, Orléans nói. Ta thì có. Ta nghe những lời đó dính vào trong họng Người. Những lời thề của nhà vua là không đủ. Với Roland thì có. Với Desmoulins và Danton. Nhưng với Robespierre thì không. Hắn là loại người nguy hiểm nhất, Robespierre ấy - một kẻ sẽ thực hiện việc của mình bằng bất cứ giá nào. Nhà vua đang gặp nguy hiểm lớn và gia đình của Người nữa. Đó là lý do vì sao cô phải làm việc này. Để giúp ta giúp ông ấy. Để giúp tất cả bọn họ. Có lẽ còn kịp để ngăn chặn tai họa.

Tôi vẫn ngờ hoặc. Ông không thực sự quan tâm đến chuyện xảy đến với nhà vua, tôi nói. Ông muốn lợi dụng tình yêu mà tôi dành cho hoàng thái tử Louis-Charles. Sử dụng tình yêu đó cho các mục đích riêng của mình. Dù chúng có là gì chẳng nữa.

Nghe vậy hắn ta bật cười. A, chim sẻ, nếu muốn thì người cứ tự nhủ như thế, hắn nói. Như thế dễ dàng hơn là chấp nhận sự thật.

Và cầu nguyện, thưa ngài, nó là cái gì?

Rằng ta lợi dụng một thứ, và chỉ một thứ duy nhất - tình yêu người mang trong mình.

14 tháng Năm 1795

Tôi quay về nhà nói với cả nhà rằng tôi tìm được việc chỗ Duc d'Orléans nên sẽ rời khỏi nhà. Công việc ở rạp hát, tôi nói. Nó không hắn là một lời nói dối.

Bà tôi phản đối chuyện đó. Bà biết Orléans là kẻ thế nào. Hắn ta sẽ hủy hoại con bé, bà nói. Có

khi hắn đã hủy hoại rồi.

Hủy hoại nó ư? Chú tôi cười khẩy. Vì cái gì? Hôn nhân? Ai mà muốn lấy nó? Nó không xinh xắn gì mà mình lại không có tiền. Tốt nhất là nó đi với hắn ta và mình cũng thế.

Tôi nhìn họ. Nhìn những đứa em trai gầy gò của tôi. Nhìn bà mẹ lo lắng của tôi. Tôi yêu họ theo cách của mình, quả thực thế. Nhưng tôi bị đói. Và họ cũng vậy.

Orléans cho tôi một căn phòng nằm trên cao bên trên phòng hắn. Hắn cho tôi tiền để sinh sống. Tôi đưa gần hết cho mẹ, hôn tạm biệt bà, và ra đi. Vài tháng sau, tôi nghe tin bà tôi mất. Tôi nghe bố tôi đã cho diễn một vở kịch chế nhạo kẻ độc tài mới, Robespierre. Và có lệnh bắt ông và họ đã bỏ trốn đi London.

Tôi nghe được như thế. Tôi không biết chắc chắn. Tôi chẳng bao giờ gặp lại họ nữa.

Tôi đang nhìn ra ngoài cửa sổ chỗ những bóng đèn của tòa nhà đối diện thì điện thoại đổ chuông. Mưa đập lên cửa kính, phản chiếu ánh sáng thành hàng triệu giọt nhỏ xíu. Tôi ước gì nó có thể cuốn trôi những lỗi lầm. Những hành động xấu. Tội lỗi và nỗi khổ đau. Của tôi. Của Alex. Của cả thế giới.

“Hát cho tớ đi,” tôi nói vào điện thoại. “Hát cho tớ bài về Sacré-Coeur. Nó hay lắm.”

“Tớ không thể. Tối nay diễn kinh khủng, Andi ạ. Có ba hội nghị ở thành phố cuối tuần này. Tớ bắt đầu ca lúc bốn giờ và tới giờ chưa được ăn gì. Trong cái xe của nợ này tớ đang nhét tới bốn người. Tắc đường kinh dị. Nhưng nghe này... tớ sẽ đến chỗ cậu. Bỏ quần áo của cậu ra.”

“Cái gì cơ?”

“Bỏ ít quần áo ra sàn phòng để cậu không phải tìm chúng trong bóng tối. Rồi đặt chế độ rung cho điện thoại để tớ không làm cả nhà tỉnh dậy, rồi bỏ nó lên gối của cậu.”

“Và tại sao tớ lại làm như thế?”

Virgil lại cười thế. Không phải cười tôi. Mà là thì thầm. Tôi có thể nghe tiếng khách hàng của cậu ở đầu dây kia, gào thét và cười bới.

“Cứ làm đi,” cậu nói với tôi.

“Kỳ lắm.”

“Ừa, tớ biết. Việc hát ru qua điện thoại cũng thế. Mọi thứ đều kỳ lạ từ lúc tớ gặp cậu, Andi ạ. Ngủ đi. Sớm gặp lại cậu.”

Điện thoại của tôi rung rung đập vào má tôi như một con rệp khổng lồ gớm ghiếc.

“Ừa?” tôi trả lời the thé.

“Này, Andi, tớ đây. Cậu sẵn sàng chưa? Xuống lầu đi.”

“Virgil à?” tôi nói, nhắm mắt nhìn đồng hồ trên bàn cạnh giường. “Bây giờ là bốn rưỡi sáng.”

“Ừa, tớ biết. Mình sẽ phải đi ô tô. Tắt điện thoại rồi xuống đây.”

Trước khi tôi kịp phản đối, cậu đã cúp máy. Tôi nhìn trần trần lên trần nhà mấy giây, đợi não hoạt động, rồi ra khỏi giường và sờ soạng mặc quần áo vào. Tôi làm siêu khế khàng khi đi vào nhà tắm. Tôi không muốn đánh thức bố tôi dậy. Tôi có thể tưởng tượng ra cuộc trò chuyện đó.

Chào bố! Bốn rưỡi sáng ă? Thật ă? Chà, bố biết gì không. Con đang làm gì ă? Con ra ngoài. Với ai ă? Ô, bố không biết cậu ấy. Con cũng vừa mới gặp cậu ấy thôi. Bọn con đi đâu ă? Câu hỏi hay! Con chả biết.

Tôi khẽ mở cửa phòng tắm khi xong xuôi, rồi rón rén xuống hành lang, qua phòng khách. Tôi ra ngoài, đi xuống hai tầng cầu thang, và khéo léo len mình qua tất cả những đồng của nợ trong sân. Trời lạnh và tối, tôi gần như chẳng thấy nổi đường. Tôi ra khỏi cửa, nghĩ chuyện này thật điên rồ, tự hỏi không biết cậu còn ngoài đó không.

Cậu còn. Cậu vẫn ở đó. Ngồi trong cái xe của nợ của cậu. Nó đang xập xình, xả khói, và trông còn thảm hơn lần trước tôi thấy nó. Cậu mỉm cười khi thấy tôi và mở cửa dành cho hành khách. Tôi mỉm cười lại. Cậu đang mở bài “Marry Me” của St. Vincent trên iPod của tôi. Tôi thích cái đĩa đó.

“Chào cậu,” tôi nói. “Chào,” cậu nói, và hôn lên má tôi.

Cậu đợi tôi cài dây an toàn, rồi cài số xe và chạy đi, trên con phố vắng tanh, yên tĩnh. Cậu có hai cốc cà phê để trong chỗ để cốc.

“Tớ nghĩ là cậu có thể cần cà phê. Cậu lấy một cốc đi.”

Tôi cảm ơn cậu và cầm lấy một cốc. Cà phê đen không đường, đúng kiểu tôi thích. Nó nóng, đặc và làm tôi ấm người.

“Cậu làm việc thế nào?” tôi hỏi.

Cậu lắc đầu. “Tớ chả muốn nói về nó.”

“Kinh thế cơ à? Vậy, cậu có định nói cho tớ biết mình đang đi đâu không?”

“Có chứ.”

“Đi đâu?”

“Mình sẽ đi đến nơi đẹp nhất Paris,” cậu nói.

“Hay quá,” tôi nói. “Tớ thích chỗ đó.”

Cậu bật cười còn tôi quyết định thôi không hỏi nữa. Chỉ ngồi ngả lưng, uống và phê và lắng nghe St. Vincent nói với tôi rằng bãi cỏ xanh nhất là ở ngay đây trên trái đất này.

“Đêm của cậu thế nào?” cậu hỏi tôi.

“Ngắn,” tôi nói.

Cậu hỏi tôi có thích hăm mộ không. Tôi bảo cậu chả thích lắm. Cậu muốn biết vì sao tôi xuống đó, vì thế tôi kể cho cậu nghe về cây guitar, về cuốn nhật ký và Alex. Làm thế khiến tôi khá căng thẳng bởi nghe có vẻ điên rồ, nhưng cậu không bảo rằng nó điên rồ. Cậu bảo nó rất hay và hỏi rất nhiều chuyện. Tuy vậy tôi không kể cho cậu về những ảo giác. Hay chuyện tại sao tôi lại bị ảo giác. Bởi vì tôi muốn có cơ hội với chàng trai này. Tôi thực sự muốn.

“Tối nào đó xuống dưới đó với tớ,” cậu nói. “Tớ sẽ đưa cậu ra bãi biển. Và boong-ke.”

“Là cái gì?”

“Bãi biển là nơi tụ họp tiệc tùng. Boong-ke là một loạt các phòng mà bọn phát xít dùng trong thế chiến thứ hai. Tớ thường vào qua đường cống. Để che được miệng cống thì khó nhưng bọn tớ thường vẫn làm được khi có hai hoặc ba đứa.”

“Cống và Phát xít? Tớ đăng ký ngay,” tôi nói. “Sau đó mình có thể đi tới chỗ kho đạn.”

Cậu lại phá lên cười. Tôi cũng cười. Tôi thích làm cậu cười. Cậu hỏi tôi đang làm gì, thế là tôi kể cho cậu nghe về luận văn của mình. Cậu thực sự quan tâm. Cậu biết tác phẩm của Malherbeau, thích ý tưởng DNA âm nhạc, và hỏi tôi cả đồng câu hỏi. Cậu gợi ý một vài phép so sánh tương đương mà tôi không nghĩ ra, chẳng hạn như Philip Glass và PJ Harvey. Được nói chuyện với một người về luận văn của tôi mà người đó không nghĩ âm nhạc là dành cho những kẻ ngu xuẩn thật là tuyệt vời.

Cậu chạy xe ngoằn ngoèo trong khi bọn tôi nói chuyện, đi về phía tây, ra khỏi St. Atntoine. Cậu tới Boulevard Voltaire, chạy qua Place de la Republique, rồi chạy về phía Boulevard Magenta. Sau vài tòa nhà, bọn tôi gặp phải đường đang sửa, thế là cậu lại rẽ, chạy về phía Bắc qua các phố phụ. Tôi nhìn thành phố vẫn chìm trong bóng đêm trôi qua. Tôi nhìn những cánh cửa sổ đen kịt của các cửa hàng và nhà hàng, những ban công sắt vắng tanh của các ngôi nhà đá vôi cũ nơi các ông chồng và bà vợ và bà góa và trẻ con và gái độc thân và ông già và chó và mèo đang ngủ. Chúng tôi tiếp tục đi về phía bắc, qua ánh đèn neon sáng chói của các cửa hàng sex shop và chương trình ống nhòm ảnh của Pigalle, vào Montmartre. Tôi nghĩ tôi biết chúng tôi đang đi đâu; và tôi rất nóng lòng được tới đó.

Tôi nhìn những con người ban đêm của Paris khi họ di chuyển trên phố - một cô gái điếm mặc quần tất đen và váy ngắn run lấy lấy ở một góc phố; một gã trong bộ đồ vest, trông nhàu nhĩ và bối rối; những công nhân vệ sinh đường phố; những người thu rác; nông dân đang dựng rạp bán hàng cho chợ sáng thứ Bảy; những người buôn đồ cổ đi chợ trời.

Tôi yêu thành phố bóng đêm này. Tôi yêu cô gái điếm môi son đỏ chót đi đôi giày cao gót rêu rên. Và tên sở Khanh lên về nhà sau cuộc tình một đêm. Tôi yêu vợ bác nông dân má đỏ hây hây đội rổ pho mát trên đầu. Cảm giác như có điều gì đó khi tôi ngắm nhìn họ. Tôi không biết

chắc đó là cái gì. Tôi cảm thấy mình ngồi đó. Trong bóng tối. Với Virgil. Phải mất một lúc tôi mới nhận ra cảm giác đó bởi đã lâu lắm rồi. Nhưng rồi tôi cũng nhận ra.

Đó chính là hạnh phúc.

Chúng tôi lên cao. Cao hơn và cao hơn. Lên đồi Montmartre tới nhà thờ trên đồi Sacré-Coeur. Để ngắm mặt trời mọc.

Virgil đánh xe vào một chỗ trống nhỏ xíu trên con phố hẹp nằm ở phía Nam nhà thờ. Cậu ra khỏi xe, mở cốp xe, lấy ra một miếng vải lót, một cái túi và một cái chăn.

“Mình đi cắm trại à?” tôi hỏi, nhìn cái chăn. “Nếu không thì cậu hơi bị sốt sáng đấy, cậu bé ạ.”

Cậu đảo mắt. “Cầm lấy này,” cậu nói, đưa cái túi cho tôi. “Đi thôi. Mình không có nhiều thời gian.”

Tôi tự hỏi mình đang làm cái gì. Tôi tự hỏi liệu cậu có đang cố tán tỉnh tôi không. Bất cứ gã trai bình thường nào cũng sẽ cố làm gì đó tại một trong hơn hàng trăm cột đèn đỏ mà bọn tôi dừng lại dọc đường. Nhưng tôi biết rõ cậu không phải là người như thế.

Khi tôi đi không đủ nhanh trên con đường dốc đầy sỏi, cậu cầm lấy tay tôi và kéo đi. Chúng tôi leo lên những bậc đá và bước ra thảm cỏ dốc lớn phía trước Sacré-Coeur. Ở đây ta có thể thấy toàn bộ Paris. Những ngọn đèn lấp lánh như những vì sao trong bóng tối. Cậu chọn một chỗ giữa bãi cỏ và trải lớp vải dầu ra.

“Ngồi đi,” cậu nói.

Tôi ngồi xuống. Cậu ngồi cạnh tôi và choàng chăn qua vai chúng tôi. Tôi muốn ngồi sát cậu. Người cậu có thứ mùi rất tuyệt mà các chàng trai thường có, làn da ấm áp và mùi xà phòng Tide. Hoặc Persil. Hoặc bất cứ thứ gì họ dùng ở đây. Cậu mở túi lấy ra một phích cà phê nóng, một cái hộp nhựa đựng đồ ăn, và hai cái đĩa.

“Bánh Bistella,” cậu nói, đưa cho tôi một cái đĩa. “Mẹ tớ làm. Chán quá nó nguội tanh rồi. Bữa tối của tớ đấy. Là bánh gà...”

“... và nó được làm từ nho khô, hạnh nhân, và quế. Tớ biết món bistella mà,” tôi nói. “Tớ sống gần đại lộ Atlantic ở Brooklyn. Ở đó có một nhà hàng Ma-rốc. Một nhà hàng Syria, một nhà hàng Yemen. Và nhà hàng Tuy-ni-di.”

Tôi cắn một miếng. Ngon tuyệt, và tôi nói với cậu như thế. Tôi ăn thêm miếng nữa. Bistella là món ăn tôi cực kỳ yêu thích. Tôi cắn miếng thứ ba, rồi tự nhắc bản thân là đã ăn tối còn cậu thì chưa.

“Tớ phải hỏi cậu cái này,” tôi nói, liếm môi.

“Ừm?” cậu vừa nói vừa nhai.

“Khi nào nó xảy ra?”

Cậu nhìn tôi giả vờ bối rối ghê gớm. “Khi chuyện gì xảy ra?” cậu nói.

“Hô, hô, hô. Nó sẽ xảy ra ngay thôi, đúng không?”

“Tớ không biết cậu đang nói gì cả.” Nhưng lúc này thì cậu mỉm cười.

Tôi bắt đầu nhìn quanh, nhưng chắc chắn là tôi nhìn sai hướng, vì cậu cầm lấy cằm tôi và khẽ xoa đầu tôi. “Đó,” cậu vừa nói vừa chỉ. “Ở phía Đông.”

Tôi nhìn nơi cậu chỉ. Và rồi tôi thấy nó. Lý do cậu đưa tôi lên đây. Tôi thấy những tia màu hồng và da cam dọc chân trời. Tôi thấy những tia nắng vàng ruộm đầu tiên của mặt trời. Tôi thấy những nóc nhà phủ đầy sương giá của Paris ánh lên như thể chúng được làm bằng kim cương.

“Ôi, Virgil, đẹp quá,” tôi thì thầm. Bởi tôi không thể nói to hơn.

“Tớ nghĩ là cậu sẽ thích. Bởi vì cậu nói là cậu thích bài hát của tớ,” cậu khẽ khàng nói. “Bài về ngắm mặt trời mọc ở Paris.”

Cậu đã làm việc này vì tôi. Chuẩn bị toàn bộ những thứ này đưa lên đây. Cà phê. Vải lót. Chăn. Tất cả là cho tôi. Cậu đã phải lái xe suốt cả đêm. Hàng giờ liền. Lẽ ra cậu phải về nhà ngủ. Nhưng cậu lại đưa tôi lên đây. Để nhìn mặt trời mọc.

Tôi nên nói thêm gì đó. Tôi nên cảm ơn cậu, nhưng không thể. Trong cổ họng tôi có một cục lớn khiến tôi không nói ra được. Tôi đứng dậy bước về phía rìa bãi cỏ và dựa vào bức tường đá ở đó, nhìn xuống thành phố đang sáng rực lên phía dưới mình, nhìn con sông cổ kính đằng xa xa. Tôi nhìn sang cậu. Cậu đang ngồi đó trên bãi cỏ, mặt cúi xuống, và tôi ước sao thời gian ngưng đọng lại. Ngay ở đây. Ngay lúc này. Để tôi có thể giữ thời khắc này lại mãi mãi.

Cuối cùng khi tôi bước lại chỗ mảnh vải lót thì rằng tôi đang va lập cập. “Đẹp kinh khủng. Cảm ơn cậu,” tôi nói rồi ngồi xuống và kéo chăn quanh người.

“Đâu có gì,” cậu nói.

Nếu cậu định tán tôi thì đây chính là lúc đó. Nhưng cậu chẳng làm gì cả. Mà có lẽ chuyện này lại tốt. Ý tôi là, cậu sống ở Paris còn tôi thì ở Brooklyn. Mà ngày mai tôi lại đi rồi. Và sẽ chỉ có thế.

Giờ thì tôi run lấy bà lấy bầy. Mặt trời đang lên nhưng không khiến mọi vật ấm lên chút nào. Tôi đưa tay lấy cái bình cà phê đúng lúc Virgil với tới lấy thêm một miếng bistella và đầu bòn tôi va vào nhau đánh cốc. Tôi chửi thề và xoa đầu. Cậu cũng vậy. Và rồi tôi bật cười. Và cậu cũng vậy. Và mặt cậu sát với mặt tôi. Và đột nhiên tôi không cười nữa. Vì đột nhiên, cậu hôn tôi.

Môi và hơi thở. Mùi vị và cảm giác của cậu. Hơi ấm hút hồn của cậu. Tôi muốn những thứ này như thể tôi chưa bao giờ mong muốn thứ gì khác.

Cậu dứt môi ra rồi nhìn tôi. “Tớ hy vọng là như thế không quá sốt sắng với cậu... bé con,” cậu nói, cái miệng quyến rũ nở nụ cười tươi.

Tôi kéo mặt cậu lại sát mặt tôi. Tôi không muốn cậu nói. Tôi chỉ muốn cậu lại hôn tôi. Tôi nhào tới sát người cậu, và chạm vào cậu, và tôi có thể cảm thấy trái tim cậu đập dưới tay mình, rất nhanh.

Bọn tôi cứ ngồi như thế. Cho đến khi một bà già dắt chó đi dạo dừng lại và dùng cây gậy chống nện xuống lối đi và giận dữ bảo với chúng tôi đây là nhà của Chúa.

Tôi biết chứ. Chắc chắn rồi. Vì một kỳ tích vừa mới xảy ra.

Nhưng mặt trời đã ló dạng và mọi người lúc này đi lên đi xuống. Thành phố ban đêm giờ đã là thành phố ánh sáng, và hôn hít nơi công cộng là việc nằm trong danh sách những tội ác ghê tởm của tôi. Vì thế bọn tôi ngồi sát vào nhau và ngắm bầu trời rạng đông.

“Khi nào cậu đi?” cậu hỏi tôi. Mặc dù cậu biết rõ.

“Tối mai,” tôi bảo cậu.

“Tớ sẽ gọi điện cho cậu.”

Tôi bật cười khi nghe câu đó. Không vui vẻ lắm.

Kể từ lúc tới đây, tôi chỉ muốn quay về. Giờ thì tôi lại không muốn. Tôi không muốn rời khỏi Paris. Hay nơi này. Hay cậu. Và nó khiến tôi đau đớn. Dữ dội.

Đẩy cậu ta xa ra. Giờ thì một giọng trong tôi nói. Trước khi nó khiến tôi đau đớn hơn nữa.

“Tớ không muốn cậu gọi cho tớ,” tôi nói. “Tớ muốn cậu như thế này, như chúng ta ngay lúc này, không phải là cái thứ quan hệ vớ vẩn qua điện thoại.”

“Sao cậu không ở lại?”

“Tớ... tớ không thể. Ở nhà tớ có chuyện. Mẹ tớ. Phức tạp lắm.”

“Gì thế? Chuyện gì đang diễn ra?”

Làm sao tôi kể cho cậu? Bằng cách nào đây? Tôi đã kể cho cảnh sát nghe chuyện gì xảy ra. Và cha mẹ tôi. Và rồi tôi chưa bao giờ nói lại chuyện đó. Không nói với bất kỳ ai. Không nói với Nick hay bác sĩ Becker. Thậm chí với Vijay hay Nathan cũng không. Tôi không thể. Chỉ là tôi không thể làm thế.

“Tớ phải về,” tôi vội nói. “Tớ phải về trước khi bố tớ dậy và bắn khoản không biết tớ đi đâu mất tiêu rồi.” Tôi đóng nắp bình cà phê lại. Gói nốt chỗ bistella còn thừa lại và cho vào túi. Rồi tôi gập chăn và ôm nó trước ngực. “Tớ thực sự phải về,” tôi lại nói. “Nào.” Cả hai đứa tôi đều nghe thấy nỗi đau đớn trong giọng nói của tôi.

“Cậu thật buồn, Andi ạ. Thật giận dữ. Nó đều lộ ra trên mặt cậu. Trong mắt cậu. Trong mỗi lời cậu nói. Trong mỗi nốt nhạc của cậu. Chuyện quái gì đã xảy ra với cậu thế?”

“Đừng,” tôi nói. “Xin đừng.”

“Đừng cái gì? Đừng quan tâm? Đưa cậu tới đây? Hôn cậu, nhưng không quan tâm tới cậu?” cậu nói.

Tôi đứng dậy và bỏ đi, rồi tôi dừng lại và ôm lấy mặt. Tôi không biết phải làm gì. Tôi không muốn xua đuổi cậu, làm tổn thương cậu. Làm tổn thương ai trên thế giới này cũng được, nhưng cậu thì không. Nhưng tôi không biết phải làm gì. Kể chuyện đó ra thì tôi chết mất. Tôi biết chắc thế. Chỉ riêng nghĩ đến nó thôi là tôi đã muốn chết lắm rồi.

Tôi bước lại chỗ cậu, quỳ xuống miếng vải lót và cầm lấy tay cậu. “Tớ còn hơn cả buồn. Hơn cả giận dữ, Virgil ạ. Tệ hơn nhiều. Và cậu không muốn biết chuyện gì đã xảy ra đâu. Tin tớ đi.”

“Andi à...”

“Xin cậu đấy, Virgil. Đưa tớ về nhà được không?”

Giờ thì mắt tôi đã nhòa nước. Cậu dùng tay áo quệt đi.

“Được rồi,” cậu nói, và tôi có thể thấy nỗi đau trong mắt cậu. “Nếu cậu muốn vậy. Về thôi.”

“Đợi đã,” Virgil nói.

Cậu tháo chiếc iPod của tôi ra rồi đưa cho tôi. Chúng tôi đang ngồi trong xe của cậu, bên ngoài nhà bác G.

“Cám ơn cậu,” tôi vừa cầm lấy vừa nói. Tôi không thực lòng. Tôi không thấy biết ơn. Tôi không muốn lấy lại. Thế này nghĩa là những cuộc gọi lúc nửa đêm của tôi sẽ chấm dứt. Và cũng chấm dứt những cuộc gọi lúc sáng sớm của cậu. Không còn những bài hát và bài ru. Kết thúc niềm hạnh phúc duy nhất mà tôi được hưởng trong hai năm qua.

“Gọi cho tớ nhé?” cậu nói.

Tôi tưởng tượng mình làm việc đó. Gọi từ New York. Nghe giọng cậu, nói chuyện và cười đùa, rồi đập máy sau vài phút và cảm thấy cô đơn hơn cả ngàn lần sau khi gọi.

“Chắc chắn,” tôi nói.

Tôi mở cửa và bắt đầu ra khỏi xe, nhưng cậu chộp lấy tay tôi và không chịu bỏ ra.

“Như thế này vẫn chưa đủ khổ sở sao?” tôi nói, giọng vỡ òa.

Cậu nhào tới tì trán lên trán tôi, rồi buông tôi ra.

Bố tôi ngồi ở bàn, ăn vận chỉnh tề và đang ăn sáng. Ông ngược lên từ màn laptop khi tôi bước vào.

“Andi hả?” ông nói. “Bố cứ tưởng con còn ngủ trong phòng. Con đi đâu về thế?”

“Con ra ngoài xem mặt trời mọc.”

Ông nhìn tôi như thể tôi vừa bảo ông tôi đã vào được Harvard.

“Thật á?” ông nói.

“Thật ạ.”

“Hay quá, Andi. Bố rất vui khi con làm thế.”

“Vâng, tuyệt lắm bố ạ.”

Đó là điều tuyệt vời nhất, hay ho nhất từng xảy đến với tôi. Nhưng lúc này nó đã kết thúc. Và tôi chỉ muốn nằm xuống giường mà cuộn tròn người lại.

“Bố đã đi mua bánh sừng bò,” ông nói. “Con muốn ăn không? Có cả cà phê đấy.”

“Không ạ, cảm ơn bố. Con mệt quá. Chắc là con đi nằm đây. Ngủ thêm một chút. Hôm nay con phải tới nhà Malherbeau. Chuẩn bị thêm cho đề cương. Tối con sẽ đưa cho bố xem. Cả bài giới thiệu nữa. Bố có về nhà không?”

“Có, bố có về. Sẽ hơi muộn một chút - bố ở phòng thí nghiệm cả ngày, rồi phải đi ăn tối - nhưng bố sẽ về. Con nói có thực lòng không, Andi?”

“Thực lòng gì ạ?”

“Con thực sự sẽ xong đề cương và phần giới thiệu trước tối nay?”

“Vâng. Con làm gần xong rồi. Nhưng con cần thêm vài hình ảnh về Malherbeau. Vì thế con tới thăm nhà ông ấy.”

“Thật là một tin tuyệt vời. Bố tự hào về con. Có lẽ sau rớt chuyển đi này không phải là một ý tưởng tồi tệ.”

Tôi mỉm cười với ông. Cố hết sức để làm thế. “Vâng, có lẽ thế,” tôi nói.

Tôi vào phòng ngủ, đóng cửa lại, và ngồi xuống giường. Tôi mở túi lấy di động ra. Tôi sẽ gọi cho cậu. Bảo với cậu tôi sai rồi. Tôi sẽ nói kiểu gì đó rằng tôi muốn tìm ra giải pháp.

Nhưng tôi ngấm lại điều cậu nói, rằng tôi buồn khổ và giận dữ. Và tôi biết cậu chỉ mới thấy có một phần mười. Tôi kể cho cậu về nỗi đau thế nào đây? Về những viên thuốc an thần tôi nốc

như kẹo sô cô la M&M? Làm thế nào tôi kể với cậu việc thỉnh thoảng tránh xa khỏi rìa sông và mái nhà khó khăn đến mức nào? Làm thế nào tôi kể cho cậu nghe chuyện đã xảy ra?

Tôi không thể, nên tôi không làm.

Tôi nằm xuống và cố ngủ nhưng không ngủ nổi. Tôi cứ nghĩ mãi về Virgil. Tôi quyết định nghe vài giai điệu giúp tôi ngủ được - tôi đã lấy lại iPod rồi nên làm thế được - nhưng rồi tôi nhận ra âm nhạc chỉ khiến tôi nghĩ đến cậu nhiều hơn.

Tôi với tay lên bàn ngủ lấy cuốn nhật ký của Alex.

16 tháng Năm 1795

Giờ thì người chết ở khắp nơi xung quanh tôi.

Họ chen lấn và xô đẩy trên phố như các bà nội trợ vào ngày chợ phiên. Họ lang thang dọc bờ sông, đơn độc và im lặng. Họ ám những nơi và những người từng đem lại cho họ hạnh phúc.

Nhìn những đứa trẻ nhà Noailles đi với gia sư của chúng mà xem. Không phải gió làm tóc đứa bé gái bay đâu, mà là hơi thở của hồn ma mẹ nó. Và kia, trên Lối đi dành cho Hoàng hậu, có nhìn thấy bụi hồng rung rung không? Antoinette lại bị vướng váy. Nhìn kia, ở quán Café Foy. Thấy cái bóng trên cái ly không? Desmolins đấy. Ngày xưa ông ta nhẩy lên bàn và xúi giục toàn dân Paris đi tới ngục Bastille. Giờ đây ông ta đứng bên ngoài, tay tì lên cửa sổ mà khóc lóc.

Còn có Mirabeau, thần sấm, khuy áo khoác bằng ngọc ngà châu báu trong khi trẻ con ở Paris áo quần rách rưới. Danton, hy vọng cuối cùng của chúng tôi, cười ngạo trên đường tới máy chém. Và Robespierre, “Kẻ không thể hủy hoại,” kẻ yêu chúng tôi nhiều đến nỗi ông ta chặt đầu chúng tôi để chúng tôi không bị quá nhiều suy nghĩ làm phiền.

Bạn không thấy họ ư?

Tối muộn hôm qua, khi tôi ra ngoài để châm pháo hoa, tôi nhìn thấy một người khác. Không phải hoàng hậu đã chết hay tên nổi loạn hung hăng, mà người này yêu tôi - chính là bà tôi. Bà đang ngồi dưới một cây đèn đường, một tay cầm kim, tay kia cầm chỉ.

Chúa cần bà, Alex ạ, bà nói. Các thiên thần của Người không có đầu. Dù có phải làm đến hết đời này kiếp khác, bà cũng sẽ khâu lại mọi thứ mà lão Robespierre đã chặt đi. Cũng không cần phải có nơ hay vòng khăn cổ nữa. Khi bà làm xong rồi thì chẳng cần nữa. Không ai ở Paris có thể giấu đường khâu giỏi hơn bà.

Trên thiên đường họ có chỉ vàng không hả bà? Tôi hỏi bà.

Bà chỉ cần lụa Arras tốt thôi.

Chỗ chân bà có một cái giở. Bà với xuống và lấy ra một cái đầu phụ nữ trẻ, một bà hầu tước. Lúc chết bà ta trắng bệch, nhưng lúc này thì lại như lá cờ ba màu - má trắng, môi xanh, máu đỏ rõ xuống từ cổ. Cách mạng muôn năm.

Tiếp theo sẽ là đầu cháu đấy, bà bảo tôi. Bị ném vào giở như một củ cải dính bùn.

Chỉ khi chúng bắt được cháu thôi.

Và chúng sẽ bắt được, một kẻ khác nói. Cô không lĩnh được khỏi chúng vĩnh viễn đâu.

Orléans. Chết hai năm rồi, nhưng vẫn lộng lẫy trong trang phục bằng lụa với ren. Ông ta đi ra máy chém mà cứ như đi dự vũ hội.

Tôi sẽ sống sót mà không bị bọn chúng tóm, tôi bảo hấn. Chẳng phải tôi sống sót được với ông ư?

Đi đi. Ngay lập tức. Trước khi bọn lính canh thấy cô.

Không được. Tôi còn có công chuyện ở tháp canh.

Điên rồ! Cô đang chơi trò gì thế?

Bi kịch, thưa ông chủ của tôi. Như ông đã chỉ đạo.

Rồi, như thể đóng kịch của Shakespeare ở sân của Cung điện, tôi cất tiếng đọc đoạn điệp khúc hay nhất của mình:

Im lặng! Tất cả im lặng! Ngồi xuống và yên vị đi.

Cho người của người mang thêm hầu tước nếu người muốn.

Nháy mắt với tình nhân, nhổ lên sàn, và xong xuôi.

Bởi đây là đoạn Mở đầu, khi ta nói cho người biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Một vở bi kịch năm hồi: cách mạng, phản cách mạng, quỷ dữ, kinh hoàng, cái chết.

Có ai nghe không? Hay ta đang tốn hơi phí sức?

Thằng bé xong rồi, Orléans nói. Để nó chết. Nếu không cô sẽ chết.

Cậu ấy còn sống, thưa ngài! Tôi hét lên.

Ai ở đó thế? Một giọng vọng lên từ cuối đường. Kẻ đó không phải hồn ma và nó làm những kẻ khác im lặng. Ai thế? Lên tiếng đi!

Tôi là tớ gái của LeMieux, thưa công dân! Tôi hét lên. Ở Rue Charlot. Tôi đưa con của ông ấy tới chỗ bác sĩ. Vợ ông ấy chết chiều này. Bị lao. Chúng tôi sợ đứa trẻ bây giờ cũng bị lây rồi. Nhìn... nhìn xem này...

Tôi chạy tới chỗ hấn ta như thể tôi vừa chạy cả dặm đường, loạng choạng và thở không ra hơi. Cường điệu. Tôi vẫn luôn làm vậy khi sợ hãi. Tôi bỏ đèn xuống và cho tay vào giỏ, làm như thể đang kéo lớp vải ra. Chúng dính đầy máu đỏ. Tôi dùng một con dao gọt hoa quả cứa lòng bàn tay vài phút trước và nhỏ máu xuống tấm vải.

Gã kia lùi lại vì sợ lây nhiễm. Đi đi! Ngay lập tức! gã nói, vẫy tay với tôi. Nền Cộng hòa muôn năm!

Nền Cộng hòa muôn năm! Tôi đáp lại, vội vã chạy qua gã.

Tôi thì thầm với đứa trẻ khi tôi đi xuống con phố tối đen nhưng nó chẳng đáp lại gì. Nó không thể đáp lại được, bởi nó không phải là xương thịt, đứa trẻ đó. Nó là than và thuốc pháo. Giấy, vải, và sáp nến.

Có một ngôi nhà trên Rue Charlot. Tôi đi vào sân nhờ chiếc chìa khóa tôi mua từ đứa con gái người chủ nhà với giá hai cái thìa bạc mà tôi từng ăn cắp của Orléans.

Tôi lên cầu thang bằng đá, đi qua chiếu nghỉ này đến chiếu nghỉ khác. Có một cánh cửa hẹp trên tầng thượng. Tôi buộc váy lại và bước qua ra mái nhà. Mái nhà dốc đứng. Tôi di chuyển như một con bọ phân, cái giỏ cầm ở phía trước, răng ngậm chặt tay cầm của cái đèn. Có một hàng ống khói ở ngay bên dưới đỉnh nhà. Tôi tựa người vào chúng rồi lấy tấm vải trong giỏ ra.

Trong đó có hai chục cây pháo hoa và hai chục cái cán pháo. Tôi cúi xuống chỗ cái đèn, nhét từng cái cán vào một, rồi cho pháo dựa vào một ống khói.

Tôi không thể nhìn thấy ngọn tháp trong bóng tối được. Nhưng tôi biết nó ở đó. Cũng như tôi biết cậu ở đó - một đứa trẻ, khổ sở và đơn độc.

Chuông nhà thờ đổ hai tiếng. Tôi chùi mắt. Nước mắt sẽ làm thuốc pháo bị ẩm.

Tôi cầm cây pháo đầu tiên lên và nhét tay cầm vào khoảng trống giữa hai viên ngói. Tôi lấy một cây nến trong giỏ, châm tim chỗ cây đèn, rồi dí vào tim cây pháo. Cây pháo phun ra. Nó thổi phì phì và đánh rầm rồi thổi đánh vút lên không trung.

Tôi đợi, hai tay siết chặt, và rồi có tiếng nổ lớn rạch ngang bầu trời, lớn hơn cả đại bác. Các cửa sổ vỡ tung. Chim chóc vừa bay vừa rít lên từ chỗ ngủ. Một phụ nữ hét toáng lên. Và đột nhiên bầu trời đêm biến mất trong một chùm sáng rực rỡ.

Tôi cầm thêm một cây pháo. Nhét tay cầm vào ngói. Châm tim. Và rồi một cái khác. Liên tục làm đi làm lại, nhanh hết mức có thể.

Chẳng còn bài hát nào để tôi hát cho cậu nữa, Louis-Charles ạ, tôi nói. Chẳng còn trò gì mà chơi. Nhưng tôi có thể làm cho cậu cái này - ánh sáng này.

Tôi sẽ làm bạc và vàng rơi xuống cho cậu. Tôi sẽ đập tan đêm đen, rạch toang nó ra và đổ hàng triệu vì sao xuống. Xua đi bóng đen, sự điên rồ, nỗi đau.

Mở mắt ra đi. Để biết rằng tôi ở đây. Rằng tôi vẫn nhớ và hy vọng.

Mở mắt ra mà nhìn ánh sáng kia đi.

18 tháng Năm 1795

Tối nay tôi không dám ra ngoài. Bonaparte đã nhân gấp đôi nhóm tuần tra, hy vọng bắt được tôi. Ông ta nổi giận lôi đình vì màn đốt pháo hoa lần trước của tôi. Mà ông ta giận là phải, vì nó đẹp rực rỡ. Tôi không thể để bị bắt. Tôi sẽ đợi. Tôi sẽ ngồi ở bàn trong quán Foy và ăn súp - hình ảnh một công dân tuân theo luật pháp - và viết.

Giờ tôi quay lại. Hồi năm 1791. Về Tuileries. Sau khi trải qua gần hai năm khổ sở ở đó, chứng kiến cách mạng ngày càng mạnh hơn, nhà vua quyết định ông sẽ bỏ trốn khỏi cung điện, Paris và dân chúng của mình. Vào đầu hè, khi những cơn mưa đã ngưng và đường phố khô ráo, ông sẽ đi Montmédy, biên giới vùng đất thấp của Áo. Ở đó, với sự giúp đỡ của Marquis de Bouillé trung thành, ông sẽ tập hợp quân lính.

Họ sẽ rời Paris lúc nửa đêm, nhà vua và gia đình. Madame de Tourzel, nữ gia sư hoàng cung, sẽ giả làm một phụ nữ quý tộc Nga. Hoàng thái tử Louis-Charles và chị gái sẽ là con bà. Hoàng hậu sẽ đóng vai nữ gia sư còn nhà vua giả trang làm đầy tớ. Tất cả được sắp xếp nhờ sự giúp đỡ của em trai Hoàng hậu là ông Leopold ở Áo, bá tước Fersen - đại sứ Thụy Điển, một nhóm hầu

gái và lính canh, và tôi.

Trong suốt mùa xuân năm 1791, tôi mang tiền và châu báu gói trong vải và nhét trong quần ống túm tới cho một người làm xe ngựa. Một người coi chuồng ngựa. Một thợ may. Tôi lên mang vào một chiếc váy đen giản dị cho hoàng hậu, một áo ghi lê bằng vải lanh cho nhà vua, một cái váy cho hoàng thái tử Louis-Charles, cậu sẽ giả trang làm con gái. Tôi không biết khi nào sẽ đi. Chuyện đó chỉ vài người biết.

Không được nói với ai chuyện người làm, hoàng hậu bảo tôi, ngay cả với những người đồng cảm nhất với chúng ta, bởi một đứa hầu gái hay tớ trai có thể nghe lén được. Gián điệp ở khắp mọi nơi. Hứa với ta là người sẽ không nói. Chính mạng sống của chúng ta phụ thuộc vào chuyện đó. Rồi bà lấy cuốn kinh thánh ra và đặt tay tôi lên. Thề với ta đi, và thề với Chúa, bà nói.

Thâm tâm tôi run lấy bầy. Sao tôi làm được đây? Làm thế nào tôi thề với Chúa không nói gì cả khi tôi đã hứa với tên quý dữ kia sẽ kể cho hắn mọi chuyện? Nhưng nếu tôi không chịu thề, hoàng hậu sẽ biết tôi là một kẻ gián điệp.

Tôi phải nói dối một người - nhưng người nào? Orléans hay hoàng hậu? Nếu Orléans phát hiện ra, tôi sẽ khốn khổ. Còn nếu hoàng hậu phát hiện, tôi sẽ đánh mất sự sủng ái của bà. Giờ bà đã là tù nhân và không còn quyền lực như ngày xưa, nhưng rồi tình hình biết đâu lại khác.

Tôi đặt tay lên cuốn Kinh thánh và thề. Tôi đã nghĩ ra phải làm gì. Sau khi tin nhà vua trốn thoát lan ra, Orléans chắc chắn sẽ thẩm vấn tôi. Tôi sẽ giả vờ sốc chả kém gì hắn và bảo với hắn rằng tôi chả biết gì sất, rằng tôi chả thấy gì, chả nghe được gì. Tôi sẽ bảo nhà vua và hoàng hậu đã rất kín đáo và rằng nếu họ có dùng kẻ hầu người hạ nào cho kế hoạch của mình thì chắc chắn phải trả cho chúng nhiều tiền lắm, bởi chẳng một ai hé ra chút gì cả.

Tôi sẽ làm được, tôi tự nhủ. Chẳng phải tôi là một diễn viên ư? Orléans sẽ tin tôi. Có khi hắn sẽ chẳng thẩm vấn gì tôi cả. Mong cho nhà vua được an lành, như hắn đã nói, có khả năng là hắn sẽ vui mừng quá độ khi ông và gia đình trốn thoát an toàn.

Hàng đêm tôi gặp Orléans ở phòng hắn để báo cáo, và ở đó tôi nói dối hắn. Và nói dối những người khác. Với Desmoulins và Marat, Danton, Robespierre, Collot d'Herbois, D'Eglantine, và những thủ lĩnh chính trị quyền lực của họ - một nhóm cách mạng những tên cướp phái Jacobin bao gồm Santerre, kẻ ủ rượu từ St. Antoine; Fournier, một kẻ làm rượu rum thất bại ở Sainte Dominique, tên này kiểu gì đó luôn có mặt trong mọi cuộc biểu tình và nổi loạn; và Rotonde, một giáo viên tiếng Anh đi quanh câu lạc bộ Jacobin trong khi Robespierre nói, để ý bất cứ ai cười nhếch mép hay ngắt lời để sau đó hắn sẽ đánh đập họ.

Sự hiện diện của những kẻ này làm tôi lo lắng. Tôi không hiểu sao Orléans lại tiếp đãi chúng. Hắn, người muốn giúp nhà vua, sao hắn lại ngồi với những kẻ muốn giết các ông vua? Tại sao hắn lại cho chúng thức ăn và đồ uống và thỉnh thoảng còn cho cả vàng? Những nỗi sợ hãi lúc trước của tôi quay lại và tôi băn khoăn không biết hắn có thành thực khi hắn bảo chỉ muốn giúp nhà vua mà thôi. Chắc hắn đã cảm thấy được nỗi băn khoăn của tôi bởi có lần, sau khi Danton về, hắn vòng tay ôm lấy vai tôi mà nói, Luôn nhớ điều này, chim sẻ: Kẻ thù của kẻ thù là bạn ta.

Tôi hiểu. Hắn muốn chơi xúi người này đánh người kia và bằng cách làm vậy, dành lợi thế. Lời hắn nói làm tôi an tâm chút đỉnh. Nó khiến tôi bớt đi một chuyện phải lo, mặc dù tôi còn rất nhiều chuyện phải lo. Phải cần tới tất cả sự gian xảo trong nghệ thuật của diễn viên để giọng tôi bình thường và chân tôi đứng yên khi tôi nói dối Orléans. Tôi đã biết cảm giác bị hắn thương căng chân hạ căng tay một lần rồi, và biết mình sẽ lại bị vậy nếu hắn phát hiện ra tôi lừa hắn. Sau đó, khi còn một mình trên căn gác xép nằm phía trên phòng hắn, tôi thường nôn

vào chậu rửa vì sợ hãi.

Tôi đã muốn có sân khấu. Tôi đã muốn có các vai diễn. Orléans đã tạo chúng cho tôi - thằng nhóc, gián điệp, người hầu, công dân, kẻ khốn nạn, kẻ bảo hoàng, kẻ nổi loạn, người ái quốc, lính Jacobin. Tôi đóng tất cả các vai. Có những buổi sáng khi người hầu của gã, lão già tên là Nicolas đập cửa phòng đánh thức tôi dậy và tôi nhảy ra khỏi giường mắt lờ mờ và hoảng loạn, tôi không biết mình là ai.

Khi tay tôi không ngừng run lấy bầy, tôi rửa mặt, bó ngực và thay đồ. Bữa sáng của tôi gồm một ổ bánh mì nhỏ, bơ, mứt và cà phê mà Nicolas bỏ ngoài cửa. Sau khi hoàn tất bữa sáng, tôi đi đến cung điện Tuileries.

Trên đường đi, tôi đọc các tờ quảng cáo và nghe bọn nhỏ hét đọc tin tức. Mọi chuyện lúc nào cũng vậy - tẻ tẻ. Mùa đông lại khắc nghiệt. Sông Seine đóng băng. Sói xuất hiện ở rìa ngoài thành phố. Công nhân ở các tỉnh đình công. Áo và Anh, tức giận trước việc nhà vua bị cầm tù ở Tuileries, đe dọa gây chiến.

Buổi tối, tôi sẽ đến các câu lạc bộ chính trị Cordeliers và Jacobins - như Orléans chỉ đạo, và nghe Danton và Robespierre nói chuyện. Trên đường về nhà, những người đàn ông rách rưới sẽ nhét những truyền đơn vào tay tôi có hình nhà vua và hoàng hậu là dê và lợn, ăn ngấu nghiến nước Pháp. Và những kẻ viết truyền đơn nói, năm nay vụ mùa bội thu, nhưng tại sao lại chẳng có lúa gạo gì? Bởi vì nhà vua đã bí mật ra lệnh tịch thu hết khiến dân Paris phải chết đói để rồi phải phục tùng triều đình. Những chỉ tiêu của nhà vua đã được công khai, họ nói. Năm ngoái ông bỏ ra hai mươi tám triệu livre để trả nợ cờ bạc cho em mình. Ông rút tiền vào túi gia đình mình trong khi những đứa trẻ ở Paris khóc đòi bánh mì.

Hầu hết thời gian, tôi vẫn không biết mình là ai, nhưng có một điều tôi biết rõ - với nhà vua mọi chuyện không tốt đẹp.

Khi tôi đến Tuileries vào ngày hai mươi tháng Sáu, ngay lập tức tôi cảm thấy có gì đó đang diễn ra. Hoàng hậu nhợt nhạt và bức tức. Madame Elizabeth thì cáu kỉnh. Nhà vua không ăn uống gì. Lúc đó tôi biết rằng họ sẽ ra đi vào tối hôm đó và một nỗi sợ hãi lạnh lẽo bóp chặt lấy tôi khi nghĩ đến chuyện đó.

Họ có biết mình đang làm gì không? Họ đã quên vụ Bastille rồi ư? Cuộc nổi loạn ở Versailles? Và chuyện đám đông Paris thích chém lìa đầu khỏi thân? Họ không nghe thấy những lời đe dọa và xúc phạm dành cho họ từ bên ngoài cổng cung điện Tuileries ư? Không ai nói cho họ nghe về những lời nói ở chợ, nơi các bà bán cá thề sẽ xé gan họ ra mà ăn ư?

Tường cung điện cầm tù họ cũng ngăn chặn thế giới nghiệt ngã bên ngoài. Và giờ đây họ sẽ bước ra ngoài, vào đúng trung tâm thế giới, với bàn tay trắng trẻo, đôi chân mềm mại và những lời nói nhẹ nhàng. Họ sẽ được an toàn ở Montmédy nhưng họ phải đến được đó trước đã.

Hôm đó tôi rất dịu dàng với hoàng thái tử Louis-Charles, bất chấp sự giận hờn của đám hầu gái mà ăn cắp ga giường để làm pháo đài cho cậu. Ăn trộm món kẹo cậu yêu thích trong bếp. Phỉnh cậu ăn hết miếng bơ bít tết này đến miếng khác vào bữa tối để cậu có sức khỏe cho những gì sắp diễn ra.

Đêm đó, tôi giúp cậu tắm rửa, cho cậu mặc áo ngủ, và - sau khi cậu hôn bố mẹ, dì, và chị gái, tôi đưa cậu lên giường. Cậu lo lắng, không ngủ được và đòi tôi kể nhiều chuyện.

Đừng bao giờ bỏ rơi ta, Alex, cậu nói, sau khi tôi kể xong câu chuyện cuối cùng, truyện Con mèo trắng. Chị hứa là sẽ không bỏ rơi ta đi.

Tôi hứa, Louis-Charles ạ, tôi nói, nhưng có thể có ngày cậu sẽ bỏ tôi.

Không bao giờ. Ta sẽ không bao giờ bỏ rơi chị. Và khi ta làm vua, ta sẽ cho chị làm tổng bộ trưởng của ta, để chị lúc nào cũng ở gần ta.

Tôi mỉm cười, nhắc cậu nhớ rằng bên dưới bộ đồng phục người hầu này tôi là một cô gái và con gái thì không thể thành bộ trưởng được. Rồi tôi bảo giờ cậu phải ngủ nếu không mẹ cậu sẽ không vui. Sau khi cậu ngủ say, tôi khê khàng cho các con ngựa và lính yêu thích của cậu, trò xổ số và cò đăm, vào trong một hộp gỗ nhỏ và đặt ở chân giường, hy vọng ai đến đón cậu sẽ thấy nó và mang nó theo để cậu có thứ chơi trên một chuyến đi dài.

Chúc ngủ ngon, Alex, cậu thì thăm khi tôi ra khỏi phòng. Chúa phù hộ chị.

Chúa sẽ không phù hộ tôi. Tôi biết điều đó. Bởi tôi đã chọn con đường khác. Nhưng vì lời thăm thì của hoàng thái tử Louis-Charles, tôi quay người lại ở ngưỡng cửa và thì thăm, Chúa cũng phù hộ cậu, hoàng tử nhỏ. Cầu Chúa đem lại cho cậu sự bình an.

20 tháng Năm 1795

Trời còn sớm. Mặt trời vẫn chưa lên hẳn. Tôi ở trong phòng, thay đồ đi làm. Và rồi đột nhiên, tôi nằm trên sàn, Orléans đập lên người tôi. Nắm đấm của hắn mạnh đến nỗi nhiều ngày sau đó trên má tôi vết bầm tím hình chiếc nhẫn của hắn vẫn còn.

Bọn họ đâu rồi? Hắn hét. Bọn họ đi đâu?

Ai cơ?

Mày nghĩ tao là đứa ngu à? Hắn gầm lên, và lại đánh tôi.

Xin ngài dừng lại! Tôi khóc, cố bò ra tránh khỏi hắn.

Bọn họ đi rồi, tất cả! Bọn họ trốn lúc đêm. Mày biết bọn họ sẽ đi mà không nói cho tao! Hắn hét.

Tôi chả biết gì cả! Tôi nói dối.

Bọn họ có đồng lõa. Chắc chắn thế. Chắc hắn phải có thư từ. Tiền lót tay. Mày chắc hắn phải thấy gì đó.

Tôi đã báo với ngài tất cả những gì tôi thấy. Tôi thề!

Hắn lại đánh tôi, rất nhiều phát nữa, cho đến khi cuối cùng tôi nói cho hắn sự thật. Về kế hoạch của nhà vua và nơi ông đến. Và chuyện hoàng hậu bắt tôi thề phải im lặng.

Đồ ngu xuẩn! Hắn hét lên với tôi. Mày đã làm gì? Hắn túm lấy áo khoác của tôi và kéo tôi đứng dậy cho đến khi mặt tôi chỉ còn cách mặt hắn vài phân. Hãy cầu nguyện là bọn chúng bị bắt đi, chìm sề ả, hắn nói. Cầu nguyện như thế mày chưa bao giờ cầu trong cả cuộc đời khốn nạn của mày.

Hắn thả tôi ra và tôi ngã xuống sàn. Trong mắt tôi có nhiều máu đến độ tôi không nhìn thấy gì, nhưng tôi nghe thấy tiếng hắn ra khỏi phòng. Chỉ cử động, hay thở, hay nghĩ thôi cũng đau. Tôi nằm trên sàn không biết bao lâu, cho đến khi cuối cùng tôi nghe tiếng bước chân.

Tên diễn viên tội nghiệp, một giọng nói từ ngưỡng cửa. Ông chủ đã lợi dụng cô một cách tàn tệ.

Đó chính là ông lão Nicolas. Ông đặt một chậu nước xuống bên cạnh tôi và vắt một cái khăn. Tôi gào lên khi ông lau máu khỏi mặt mình.

Mọi chuyện trở nên tồi tệ cho công tước, ông nói. Nhà vua đi rồi và mọi hy vọng của công tước cũng biến mất với ông ta.

Còn mọi chuyện thì trở nên cực kỳ tồi tệ với tôi, tôi nói.

Công tước tức giận và ông ấy có lý do. Nếu nhà vua đến được nước Áo, ông ta sẽ huy động được quân đội. Ông ta sẽ giành lại được nước Pháp.

Vậy tại sao ông ấy lại không vui mừng? Ông ấy bảo ông ấy muốn giúp nhà vua. Còn sự giúp đỡ nào tốt hơn là tự do?

Nicolas bật cười.

Tôi không thấy chuyện gì buồn cười cả, tôi nói.

Không, cô không thấy, bởi vì ông ấy lợi dụng cô. Cô mù rồi, bé con ạ. Mù không nhìn thấy gì ngoại trừ tham vọng của chính mình. Orléans là hoàng thân và là người thứ hai kế tục ngôi vị. Cô không biết điều đó ư?

Tôi không biết và tôi không quan tâm. Tôi không còn nghe gì nữa. Tôi nghe đủ rồi. Đủ chuyện Orléans. Đủ lời Nicolas nói. Tôi cố đứng dậy.

Cô đang làm gì thế? Ông lão hỏi.

Rời khỏi nơi này. Và con quỷ Orléans. Nhà vua đi rồi, ông ta sẽ không còn cần tôi nữa.

Nicolas tóm lấy tay tôi. Ông ta không còn cười nữa. Nghe lời ta này, bé con, ông nói. Đừng đi khỏi đây trừ phi cô đi thật xa, thật nhanh.

Ông bê chậu rửa lên, hất chỗ nước đầy máu qua cửa sổ, và bỏ tôi lại. Tôi nằm gục xuống sàn. Nhiều giờ sau, khi đã đứng dậy được, tôi lò cò về giường. Nhiều ngày sau, cửa mở ra và Orléans bước vào phòng tôi. Hắn nhăn mũi lại khi mùi hôi xộc vào mũi.

Họ đã bị bắt. Thật xui xẻo cho họ. Chúc người may mắn, hắn nói, ném quần áo sạch lên giường. Tắm rửa và đi làm lại đi. Và chim sẻ này...

Vâng.

Nói dối ta một lần nữa thì người không phải bò về giường khi ta xong chuyện với người đâu, mà là bò về mộ đấy.

Tôi gập cuốn nhật ký lại và nhìn lên trần nhà.

Tôi thấy Alex nằm trên sàn trong phòng của cô, bị đánh đập máu me bê bết.

Tôi thấy hoàng thái tử Louis-Charles, trong buồng giam lạnh lẽo tối đen của cậu.

Tôi thấy Truman vậy tay chào tạm biệt.

Tôi thấy mẹ tôi ngồi ở mép giường bệnh viện.

Tôi thấy một chiếc xe Renault màu xanh tã tơi đang chạy xa dần khỏi mình. Tôi thấy nó quành qua góc ở cuối phố và mất dạng.

Rồi tôi đặt cuốn nhật ký xuống và lấy ba viên Qwell ra. Bởi vì nếu chỉ uống một viên thì tôi không thể nào chịu được ngày tiếp theo, chứ nói gì đến quãng đời còn lại.

Amadé Malherbeau là một ngôi sao nhạc rock.

Tôi đang đứng trước bức chân dung của ông, do Jean-Baptiste Greuze vẽ vào năm 1797, nhưng tôi rất có thể đang nhìn vào bức ảnh của Mick Jagger do Annie Leibovitz chụp hồi 1977. Malherbeau mặc một cái áo sơ mi trắng, cổ áo phanh ra. Mái tóc dài của ông xõa trên vai. Đôi môi ông đầy đặn, xương gò má cao, còn cặp mắt thì đen và nghiêm nghị. Tôi đã nhìn thấy bản sao của bức chân dung này trong sách vở nhưng so với bản thật nó không sao bì được.

Ông ngồi ở ghế, cầm một bông hồng nhung. Một chiếc gai trên cành hoa đâm vào ông. Máu rỉ ra từ một ngón tay. Cạnh ông có một cái bàn và trên bàn đặt một bức tranh vẽ hình một đàn ông và một phụ nữ. Người đàn ông tóc đen, mắt đen. Người phụ nữ tóc vàng, rất đẹp. Họ cũng cầm hoa hồng.

Một tấm biển trên tường giải thích rằng hai người trong bức họa được coi là Malherbeau và người phụ nữ ông yêu. Bởi Malherbeau không kết hôn, người ta cho rằng mối tình đã bị tan vỡ, và ý tưởng này được nhấn mạnh bởi hai người trong tranh cũng cầm hoa hồng và Malherbeau cũng cầm hoa hồng - một thứ đẹp để có gai khiến tay ông chảy máu.

Tôi nhìn kỹ bông hồng hơn. Cách những cánh hoa được vẽ, kích cỡ của cái gai - tôi thề là mình đã thấy nó ở đâu rồi. Tôi lùi lại và chụp ảnh bức chân dung. Rồi tôi đi tiếp, chụp bức tường, với lớp giấy sơn tay đã bạc phếch, những tấm rèm bằng lụa đa-mát cũ, khung cảnh nhìn ra từ cửa sổ nhà ông.

Tôi di chuyển khó khăn. Tôi có cảm giác như chân mình bị đau. Thuốc Qwell phát huy tác dụng. Tôi ngủ được một chút, rồi cố bò ra khỏi giường lúc gần trưa, tắm rửa, rồi đi qua cả thành phố Paris tới Bois de Boulogne. Tôi đã nói sẽ nộp bản đề cương cho bố tối nay và tôi thực lòng định thế. Mai tôi sẽ lên máy bay. Tất cả những gì tôi phải làm lúc này là bước một chân tới trước chân kia.

Tôi đến đây vào giờ cuối cùng để chụp ảnh cho luận văn của mình. Nhân viên đồng ý cho chụp ảnh miễn là không dùng đèn flash. Một phần ở tầng dưới - phòng vũ hội cũ - đã biến thành phòng hòa nhạc; toàn bộ phần còn lại được dùng để trưng bày đồ đạc của Malherbeau. Cho đến lúc này, tôi đã chụp một chiếc vihuela, một chiếc guitar baroque, và một chiếc mandolin của nhà soạn nhạc này, cùng với những bức ảnh chụp quần áo, đồ đạc, vài cái bình cà phê, bản nhạc, và tượng.

Tôi đi từ phòng này sang phòng khác, chụp thêm ảnh. Tôi lại đi qua bức chân dung, và khi đó đột nhiên tôi nhớ ra mình đã nhìn thấy bông hồng kia ở đâu - trên một cái huy hiệu ở nhà bác G. Ông bảo nó rất cổ và nó thuộc về bá tước vùng Auvergne. Trên đó có viết những từ - Từ máu hoa hồng, hoa huệ mọc lên.

Tôi tự hỏi không biết có mối liên hệ gì không. Có lẽ là không. Ý tôi là, có thể là gì chứ? Rất có khả năng bông hồng của Malherbeau là một biểu tượng đau buồn của tình yêu mất mát. Như cái biển hiệu kia viết.

Mắt tôi đưa từ bông hồng lên mắt của Malherbeau, tối sẫm và đầy ám ảnh. Tôi thấy thương cho

ông. Tôi thấy mình giống ông. Không phải giống nhà soạn nhạc thiên tài Malherbeau. Mà là một Malherbeau người tình gặp tình yêu ngang trái. Tôi tự hỏi không biết có phải chính trái tim tan vỡ là thứ khiến ông có cảm hứng sáng tác ra thứ âm nhạc tuyệt vời không. Tôi tự hỏi chuyện gì đã xảy ra giữa ông và người phụ nữ tóc vàng kia.

Có thể là họ đã cãi nhau. Có thể cô ta đã phải lòng kẻ khác. Có thể bố cô ta không thích nhạc sĩ. Có thể cô ta sống ở Brooklyn.

“Thưa cô, buổi hòa nhạc sắp sửa bắt đầu,” một nhân viên bảo tôi. “Nó là một phần của chương trình chiều thứ Bảy của chúng tôi. Nếu cô muốn tham dự, xin mời cô lên lầu và tìm chỗ ngồi.”

Tôi nhìn đồng hồ - đã bốn giờ chiều - và bảo với anh ta là tôi không xem. Tôi thực sự muốn nghe nhưng tôi phải quay về nhà bác G. Tôi vẫn còn rất nhiều việc phải làm.

Tôi nhìn Malherbeau lần cuối. Sau đôi mắt kia ẩn chứa biết bao buồn đau. Và rất nhiều âm nhạc. “Cháu ước mình biết được ông đã bị làm sao,” tôi thì thầm.

Tôi bước tới cửa và ra ngoài. Khi tôi đóng cửa lại sau lưng, một chiếc guitar đơn lẻ bắt đầu chơi.

Gần xong rồi. Gần đến rồi.

Bức chân dung trên màn hình laptop của tôi nhạt dần. Bản Concerto giọng La thứ của Malherbeau tiếp tục chơi. Một dòng chữ xuất hiện trên màn hình: ... và di sản của Malherbeau - thuộc về thời đại của nó, nhưng có giá trị mãi mãi - vang vọng suốt các thế kỷ, là nguồn cảm hứng cho ban nhạc Beatles cũng như với nhạc sĩ Beethoven, với nhóm nhạc White Stripes cũng như với nhà soạn nhạc Stravinsky.

Dòng chữ nhạt đi, tiếng nhạc dừng lại. Tôi lưu file lại và đóng chương trình PowerPoint. Rồi tôi soạn thư gửi cho bố, đính kèm file, và nhấn nút Gửi. Tôi đã email bản đề cương cho bố. Giờ ông đã có mọi thứ. Tôi đã xong việc.

Tôi tắt laptop và mang tách cà phê vào bếp. Hôm nay là tối thứ Bảy, đã gần mười một giờ. Tôi không biết ông đang ở đâu. Ông bảo sẽ về muộn, nhưng tôi không nghĩ là ông lại về muộn đến thế này. Tôi thực sự hy vọng tối nay ông sẽ đọc nó để tôi nhận được câu trả lời của ông trước khi đi ngủ. Đề cương tốt lắm. Tôi biết là thế. Nhưng tôi cần nghe ông nói vậy trước khi tôi lên máy bay. Tôi quyết định thức chờ ông.

Tôi về phòng, kéo vali ra khỏi tủ và xếp hết đồ của mình vào đó. Tôi tìm hộ chiếu và vé máy bay rồi đặt chúng lên bàn cạnh giường, chuẩn bị sẵn cho ngày mai. Rồi tôi nằm xuống giường và mở nhật ký của Alex ra. Tôi định để nó trên bàn kèm theo bức thư gửi cho bác G khi tôi đi. Tôi muốn đọc xong nó đã. Chỉ còn lại vài trang thôi.

21 tháng Năm 1795

Tối nay trời mưa. Tôi không ra ngoài được. Nước sẽ làm hỏng pháo hoa của tôi.

Thay vào đó tôi ngồi ở bàn, trên bàn có bút viết và nến tàn chảy thành nước. Trong căn phòng cũ của tôi nằm trên chóp của Cung điện Hoàng gia. Tôi không thích căn phòng này. Vẫn còn vết máu trên sàn lúc Orléans đánh tôi. Trong phòng vừa lạnh vừa tối nhưng tôi không dám đốt lửa. Riêng chuyện đến đây đã là mạo hiểm lắm rồi.

Chính quyền tước Cung điện Hoàng gia của Orléans hai năm trước, vào năm 1793, cùng năm mà họ giết hắn, và biến nó thành tài sản quốc gia. Họ cướp sạch những thứ quý giá trong tòa lâu đài nhưng không cướp được những gì quý giá của tôi. Họ không biết phải tìm chúng ở đâu. Một vài căn phòng cũ của Orléans được dùng cho công việc của chính phủ nhưng phần lớn Cung điện Hoàng gia trống không, cửa khóa kín - mặc dù ta vẫn có thể vào trong được nếu biết cách. Có một lối đi ở tầng hầm từ Foy sang bếp của Cung điện Hoàng gia. Có thời gián điệp đi dưới đó. Những kẻ lên âm mưu. Những kẻ đưa tin. Bây giờ tôi dùng nó để lên phòng mình và tên trộm Bennoit bắt tôi trả tiền cho hắn để được ưu tiên này.

Khi tôi viết những dòng này, trời mưa nặng hạt hơn. Mưa đổ xối xả xuống mái nhà. Tôi ước gì mưa nện vào tôi. Nện cuộc sống ra khỏi cơ thể tôi. Da thịt ra khỏi xương tôi. Nỗi đau ra khỏi trái tim tôi.

Hôm nay tôi dứt tiền cho tên gác ở Temple. Hắn bảo tôi rằng một bác sỹ đã được lệnh tới thăm

bệnh cho hoàng thái tử Louis-Charles. Cậu không đứng nổi nữa. Cậu không nói chuyện cũng không ăn.

Họ là cái thứ gì, khi họ làm thế với một đứa trẻ - những kẻ nói tới Tự do, Bình đẳng, Bác ái? Cái thế giới ô uế này là gì khi để cho chuyện đó xảy ra?

Tôi ôm lấy đầu, thôi không khóc nữa khi tôi nghe thấy tiếng bước chân trong phòng mình. Tôi nhìn lên. Đó là Orléans. Hắn đang đứng cạnh lò sưởi, tay miết trên mặt lò. Áo khoác của hắn bắt đầu bị mục. Máu đã làm dài nơ buộc cổ hắn cứng lại.

Tôi chùi mắt. Chết có thấy cô đơn không? Tôi hỏi hắn.

Chả cô đơn lắm.

Ông nhớ Paris à? Có phải không?

Nhớ nó á? Nó trở nên thô lương đến mức ta chẳng nhận ra.

Thế thì tại sao ông lại quay lại? Chỉ để quấy rầy tôi thôi ư?

Để giục cô đi khỏi đây. Bọn chúng tiến tới gần Fauvel rồi. Chúng sẽ không bắt cậu ta. Chưa bắt. Chúng sẽ dùng cậu ta để bắt cô.

Tôi sẽ không đi.

Vô ích thôi. Cô đang mạo hiểm đời mình chả vì gì cả.

Tôi mạo hiểm đời mình vì cậu ấy. Khi cậu vẫn còn sống thì vẫn còn hy vọng. Cậu có thể được tự do. Thời thế thay đổi. Lòng dạ con người có thể đổi thay.

Tiếng cười của Orléans nghe như tiếng lá khô trong gió.

Không có gì thay đổi trừ tên những kẻ ác có quyền hành, hắn nói. Nói cho ta nghe, chim sẻ, những trang viết này là gì thế? Chúc thư à? Một lời thú tội? Lời chuộc tội cho rất nhiều tội lỗi của cô? Cô viết gì thế?

Một câu chuyện, tôi bảo hắn. Biên niên sử cách mạng.

Để làm gì thế?

Để tôi có thể tìm câu trả lời cho tất cả những chuyện này. Nó phải ở đây. Đâu đó trong những trang này, trong tất cả những chuyện đã xảy ra. Phải có một lý do cho nó. Tôi sẽ tìm ra.

Lại một biên niên sử nữa? Chán thế nhỉ, Orléans nói. Giờ ai ở Paris cũng viết biên niên sử, mà tệ hơn, người ta viết hồi ký. Họ viết: Cách mạng bắt đầu vì nhà vua tiêu quá nhiều tiền. Hay: Cách mạng bắt đầu khi nhà vua khóa trái ba đẳng cấp ở bên ngoài sảnh quốc hội. Nhưng họ sai cả. Cô có biết vì sao nó bắt đầu không, chim sẻ? Không, ta không nghĩ là cô biết. Cô chả quan tâm gì tới tự do, bình đẳng, hay bác ái. Cô chỉ quan tâm tới danh vọng và của cải và sẽ bán cả linh hồn để có được chúng. Phải không? Tôi đang nói gì nhỉ? Đã bán rồi ấy chứ!

Xin ngài, hãy để tôi yên.

Nhưng hắn không chịu biến mất. Thay vào đó hắn đi quanh phòng, tay chấp sau lưng.

Nếu đây là câu trả lời cô muốn, thì cô sẽ có câu trả lời, hẳn nói. Ta sẽ nói cho cô biết về cách mạng, chim sẻ ạ. Nghe cho kỹ đây - nó chẳng liên quan gì tới nhà vua cả. Vua chúa chả liên quan gì tới cách mạng. Cách mạng chẳng quan tâm gì tới họ. Nó bắt đầu từ những chuyện nhỏ nhất xảy ra với những con người nhỏ bé. Nó bắt đầu với tên diễn viên kém cỏi Collot d'Herbois bị đuổi khỏi sân khấu. Và tên lang băm Marat bị cười nhạo ở Học viện vì những lý thuyết ngu xuẩn của mình. Nó bắt đầu với Fabre d'Eglantine, kịch gia dở ẹc nhất ở Pháp, đọc những bài phê bình dở tệ của ông ta.

Hầu hết, nó bắt đầu với Maximilien Robespierre. Tưởng tượng khi hẳn mười bảy tuổi - một gã trai xuất thân từ trường dành cho trẻ mồ côi, không mẹ và rách rưới giữa những đứa con nhà giàu. Có tài ăn nói, đầy các ý tưởng, hẳn ta được chọn đọc diễn văn ở trường trước nhà vua và hoàng hậu. Hôm đó trời mưa. Hẳn ta đợi bên ngoài theo đúng như phép tắc. Đợi một tiếng. Hai. Bốn. Cuối cùng thì hoàng gia tới. Họ giơ tay che miệng ngáp khi hẳn ta nói và ngay khi hẳn nói xong thì họ phúi đít bỏ đi. Vừa lạnh vừa bắn thối, giày bị hỏng, Maximilien về phòng và không bao giờ quên chuyện đó.

Chẳng kẻ nào quên cả. Chúng đợi. Đợi gì thì chúng không biết. Nhưng chúng có thể cảm thấy chuyện đó đang đến. Bị bánh xe ngựa làm tóa nước bắn lên người, chúng cảm nhận được nó. Đứng bên ngoài quán cà phê mà nhìn vào trong, chúng cảm nhận được nó. Đêm đến trong cái giường chật hẹp, đếm từng chuyện tủ nhục và mất mặt trong ngày, chúng cảm nhận được nó. Và nó làm chúng phấn khích.

Tôi xây lung lại với Orléans nhưng hẳn vẫn không chịu im lặng.

Mùa xuân năm 1789, hẳn nói. Nước Pháp phá sản và ở khắp nơi - trên góc phố và câu lạc bộ, trong quán cà phê và phòng khách - những lời giận dữ phát ra từ những người mặc áo khoác lụa và tay mềm mại - Desmoulins, Danton, Robespierre, St. Jusst, Hebert, Marat. Không ai trong số chúng là dân sinh ra ở Paris cả, nhưng tất cả lại tới đây. Tất cả bọn bắt mẫn ở nước Pháp đều tới đây, trong lòng đầy những tổn thương và hậm hực, đầu đầy những viễn cảnh vinh quang và trả thù, và mọi thứ chúng từng thất bại trong đời nằm ở dưới chân nhà vua.

Những người này có tài ăn nói lắm. Chúng khuấy động mọi người. Đến mùa hè thì trên đường phố đã có các cuộc nổi loạn. Ngục Bastille bị phá. Các bà bán cá biểu tình tới Versailles. Và đột nhiên nó xuất hiện - cách mạng. Nó hứa hẹn cho chúng ta một ngày mới, đang tới rất gần. Một kỷ nguyên vàng son với tự do cho tất cả mọi người. Và chúng ta bắt đầu tin tất cả những lời hứa đó bằng cả trái tim mình. Trong một thời gian ngắn. Trước khi một thứ gọi là máy chém xuất hiện ở Place Louis XV. Trước khi xe bò chở hàng ngàn thi thể người đi.

Bây giờ là sau đó. Sau cách mạng. Sau Nhân quyền. Sau hiến pháp. Sau các trận thảm sát. Sau chế độ quân chủ. Sau bè phái này và kia. Sau các cuộc chiến tranh. Sau thời Thống trị khủng bố.

Giờ chúng ta mặc vải muslin chứ không phải xa tanh. Chúng ta dùng dây nơ màu đen thay vì dây bạc để buộc giày và tóc thì không được phủ phấn. Tất cả chúng ta đều bình đẳng. Tên ăn mày bắn thối nhất cũng tốt đẹp như nhà vua và mọi tên sơn nhà huýt sáo nghĩ mình là Michelangelo.

Nhưng lưới chém vẫn còn nâng lên rồi hạ xuống. Đầu vẫn rơi vào trong giỏ. Những kẻ ngây thơ phải chịu khổ sở vẫn bị giam trong tháp canh. Cô có biết vì sao không, chim sẻ? Không à? Vậy thì ta sẽ nói cho cô biết.

Bởi vì sau tất cả những hy vọng tan tành, sau tất cả máu me và cái chết, chúng ta bừng tỉnh như thể từ một cơn ác mộng chỉ để thấy rằng cái xấu xa vẫn không tươi đẹp và cái xám xịt vẫn không sáng chói. Rằng người này hát hay hơn người kia. Và thằng kia được vị trí mà tao muốn. Và bà bà này cho nhiều sữa hơn. Và nhà bọn kia to hơn. Và thằng đó lấy được cô gái tao yêu. Và

không có lệnh, đạo luật, pháp luật, hay tuyên bố nào có thể thay đổi chuyện đó.

Hắn khoanh tay lại trước ngực và nói, Đó! Biên niên sử của ta đó. Cô thấy sao?

Cũng như tôi nghĩ về ông thôi: ít ỏi.

Giời! Lời kể của ta sai ở đâu?

Tôi hình dung Tháp canh, vừa tối vừa lạnh. Và đứa trẻ sắp chết đang bị giam bên trong. Và đột nhiên nỗi đau đón ập đến. Như thể tôi vừa rơi vào một cái giếng sâu, và sự sâu thẳm, như nước đen kịt, chui đầy miệng tôi, mắt tôi, tai tôi. Tôi không thấy gì hay nghe gì hay nếm thấy gì ngoài nỗi tuyệt vọng.

Nói đi! Orléans quát. Sai ở đâu?

Ngay từ đầu, tôi nói. Phần về linh hồn tôi.

Đó chả phải sai gì. Đó là sự thật.

Tôi giương mắt lên, bị nước mắt làm cho mờ tịt, nhìn vào mắt hắn.

Không phải sự thật, thưa ngài. Tôi nghĩ tôi đã đổi chác linh hồn tôi, đúng thế, và thật mừng là tôi đã bán nó bởi nó là một thứ nhỏ nhặt và không có giá trị gì với tôi. Nhưng linh hồn tôi không phải là thứ bị tước đi, không phải.

Mà chính là trái tim tôi.

23 tháng Năm năm 1795

Họ bị bắt ở Varennes và bị đưa về lại Paris.

Họ đã phạm sai lầm. Nếu không thì sao lại thế? Họ, những kẻ chưa bao giờ làm cái việc đổ mực vào lọ mực, làm thế nào mà đột nhiên lại lên kế hoạch chạy trốn được? Hoàng hậu bị lạc trên đường ra chỗ xe ngựa và khiến họ bị chậm giờ. Một bánh xe bị vỡ. Một kẻ hộ tống không đợi đúng nơi phải đợi.

Họ chỉ mới đi được cách Montmédy mười lăm dặm thì bị bắt. Làm thế nào mà chỉ một giờ bị muộn, một vài dặm, một cái bánh xe vỡ có thể lật đổ một ông vua, bắt đầu một cuộc chiến, và biến đổi một đất nước mãi mãi?

Một ông quản lý bưu điện nhìn thấy họ ở Sainte-Menehould và nhận ra họ. Hình của họ đều được đăng lên báo cả. Ông ta chạy đuổi theo họ, chặn họ ở Varennes, và đánh chuông báo động. Lính được gọi ra. Nhà vua bị giữ lại. Các thành viên Quốc hội đi đến Varennes, yêu cầu ngài trở lại Paris. Một đội quân gồm sáu ngàn người - cả binh lính lẫn công dân - canh chừng ngài khi ngài đi về.

Hàng ngàn người xếp hàng trên đường về lại Paris nhìn chăm chăm vào nhà vua. Tôi đứng trong đám đông đó, hy vọng nhìn thấy hoàng thái tử Louis-Charles nhưng không thấy được. Tôi nghĩ mọi người sẽ cười nhạo ngài khi ngài đi qua, nhưng khi xe ngựa của ngài vào thành phố, tất cả đều im lặng. Mọi người đứng trong im lặng. Không ai bỏ mũ xuống. Không ai cúi đầu. Tất cả sự giả vờ đã chấm dứt. Họ biết nhà vua của họ muốn bỏ rơi họ, bỏ rơi cuộc cách mạng của họ và họ nghĩ mình cũng có thể bỏ rơi ông ta.

Ở Paris, các cuộc nổi loạn bùng lên khi mọi người phát hiện nhà vua đã bỏ trốn. Mọi người đập

phá tượng nhà vua. Họ đập nát các biển hiệu treo trên các quán trọ hay cửa hàng có huy hiệu của ông. Con giận dữ của họ không suy giảm khi ông quay về. Họ kêu gọi ông thoái vị. Mười ngàn người diễu hành tới Quốc hội đòi một nền cộng hòa. Orléans bảo tôi diễu hành cùng họ vì thế tôi đi cùng, cờ ba màu gắn trên áo khoác của tôi.

Nhưng nhà vua không thoái vị. Danton giận điên lên, buộc tội Quốc hội đã lừa đi nguyện vọng của nhân dân và thảo một kiến nghị truất ngôi vua. Hắn và những kẻ theo hắn yêu cầu các công dân tham gia với chúng trên Champs du Mars để ký tên vào đó. Sáu ngàn người đến. Thoạt đầu họ tập trung rất trật tự nhưng sau thì ẩu đả diễn ra. Lính được gọi tới để dẹp và chúng nổ súng, giết chết năm mươi người. Nhiều người bị bắt. Tình trạng thiết quân luật được tuyên bố. Báo chí bị cấm. Nó kéo dài qua mùa thu tới mùa đông. Tuyết rơi, gió lạnh thổi, nhưng gió tuyết cũng không khiến Paris hay cơn giận ở đây hạ nhiệt được.

Các vị vua của châu Âu, không hài lòng cách nước Pháp đối xử với nhà vua, tuyên bố chiến tranh với chúng tôi. Phổ, Anh, Áo, và Tây Ban Nha - tất cả chống lại chúng tôi.

Ở Quốc hội, những kẻ cực đoan trở nên liều lĩnh hơn. Chúng tấn công giáo hội và lấy đi của cải. Chúng tấn công những người di cư. Quý tộc rời khỏi nước Pháp bị tuyên bố là kẻ phản bội và đất đai cũng như tài sản của họ bị tịch thu. Những người ở lại cũng bị nghi ngờ. Orléans thông minh đổi tên Cung điện Hoàng gia thành Cung điện Bình đẳng. Hắn đổi tên mình thành Phillipe Égalité. Hắn trở thành một nghị sĩ, từ bỏ tước hiệu quý tộc của mình, cho những đứa con trai lớn đi đánh với quân Phổ. Nhờ thế hắn được sống thêm ít lâu.

Năm 1791 sang 1792. Mùa xuân lại đến và cùng với nó, nhiều náo động nữa cũng đến. Ở phía Tây nước Pháp, nhân dân nổi loạn chống cách mạng. Họ đe dọa sẽ gây nội chiến. Tháng Sáu, nhà vua không chịu ký vào lệnh bố trí đóng hai mươi ngàn lính ở Paris - quân lính để bảo vệ thành phố khỏi những kẻ xâm lược ngoại quốc. Mọi người bảo rằng ông hoanh nghênh một cuộc xâm lăng bởi nó sẽ giúp ông giữ lấy ngôi vị của mình. Dân Paris, lại tức giận, diễu hành tới cung điện Tuileries. Chúng đột nhập vào phòng nhà vua, chìa kiếm và nòng súng vào ông, và buộc ông phải đội mũ bê rê đỏ. Chúng chửi mắng ông trong nhiều giờ liền, nhưng ông vẫn đứng cảm đứng vững. Cuối cùng, lúc sáu giờ thị trưởng Paris cũng đến và thuyết phục đám đông ra về.

Nhưng trước khi ông đến, tôi có cảm giác như việc Versailles thất thủ lại diễn ra một lần nữa. Tôi có mặt ở đó, quay lại làm việc hầu hạ hoàng thái tử Louis-Charles. Khi đám nổi loạn bắt đầu tràn vào, hoàng hậu đã sai lính của bà đưa hoàng thái tử Louis-Charles và công chúa Marie-Thérèse tới phòng ngủ của bà và khóa cửa hai lại trong phòng. Bà bảo tôi đi với họ. Tôi chơi với hoàng thái tử Louis-Charles suốt cả ngày trong khi công chúa Marie-Thérèse theo thừa. Tôi cố gắng hết sức để cho hai đứa bé thấy bộ mặt vui vẻ không lo lắng gì của mình - trong khi đó lại nghĩ đám nổi loạn phá cửa vào bất cứ lúc nào sẽ giết tất cả bọn tôi.

Tháng Bảy, Công tước Brunswick của Phổ thề rằng nếu nhà vua có mệnh hê gì thì toàn bộ Paris sẽ phải trả giá cực đắt cho chuyện đó. Lời của ông in trên tất cả các báo cho chúng tôi đọc, và mọi người bàn tán ở khắp các góc phố, và chúng tôi biết rằng đó không phải là dọa hờ bởi quân lính của ông hàng ngày hành quân qua nước Pháp. Dầu vậy, Paris không sợ hãi. Vào ngày 10 tháng Tám, bị những lời gay gắt của Danton kích động, bởi những tiếng gào réo của báo lá cải làm cho nổi điên, nhân dân lại tấn công Tuileries.

Tôi không quay về Tuileries đêm ngày hôm sau. Tôi lo lắng cho hoàng thái tử Louis-Charles và cầu xin được ở lại với cậu. Chuông báo động rung suốt đêm, gọi mọi người ở Paris tập trung lại. Tôi nghe tiếng họ và lại nhớ đến Versailles cùng cảnh những bà bán cá đã vừa chạy vừa hét trong cung điện với ý định giết người nung nấu trong tim.

Nhà vua cũng nghe thấy tiếng họ. Quân đội của ông đã được huy động và cung điện được bảo

vệ, nhưng đến sáng thì ông thấy rằng chẳng ích gì. Tất cả Paris đã đến để diễu hành chống lại ông. Tôi vội vàng thay đồ cho Louis-Charles và cho cậu ăn sáng rồi chúng tôi nhanh chóng ra khỏi phòng cậu, và ra khỏi cung điện, tới Nhà Quốc hội.

Nhà vua đã quyết định tìm nơi trú ẩn cho mình và gia đình cùng với Quốc hội, và những nghị sĩ sau khi xem xét, đã làm việc đó cho họ - bằng cách giam họ trong Temple, một pháo đài bằng đá xấu xí và cổ xưa.

Tôi được lệnh đi với họ, với tư cách người hầu của nhà vua và hoàng thái tử Louis-Charles. Tôi giúp dọn phòng cho họ tối hôm đó. Tôi trải ga lên giường họ, dọn bữa tối vội vàng cho họ, và rồi một lần nữa không chịu đi khỏi vì tôi đã nghe thấy tiếng súng nổ ở Tuileries và biết rằng từ đó tới Temple không xa bao nhiêu. Tôi ngủ trên sàn cạnh giường của hoàng thái tử Louis-Charles. Có người đưa quần áo ngủ cho tôi nhưng tôi không nhận. Tôi nói mình muốn mặc quần áo và sẵn sàng cho bất cứ chuyện gì xảy ra, nhưng sự thật là tôi không thể cởi quần áo ở đó được. Những người hầu khác, hay một tên lính, sẽ phát hiện ra tôi không phải là con trai. Họ sẽ đưa ngay tôi tới chỗ tên giám sát. Hắn sẽ biết tôi là gián điệp và rồi tôi cũng sẽ bị tổng vào tù.

Đến lúc tôi quay lại Cung điện Hoàng gia, tối khuya ngày hôm sau, tôi đoán chắc là bạo lực đã kết thúc. Cung điện Tuileries đã bị chiếm. Lính của nhà vua đã bị giết. Giờ thì chính nhà vua chả còn quyền lực gì. Chúng còn làm gì hơn với ông nữa? Tôi hy vọng chúng sẽ đưa ông về vùng quê, tới nhà của ông ở St. Cloud. Ở đó ông có thể săn bắn và nghịch các ổ khóa, hai thứ mà ông yêu thích. Hoàng hậu và công chúa Marie-Thérèse có thể đi dạo trong vườn. Hoàng thái tử Louis-Charles có thể chạy nhảy thoải mái.

Orléans đang đợi tôi ở Cung điện Hoàng gia. Hắn tóm lấy tôi ngay lúc tôi bước vào phòng hắn và đưa tôi sang phòng làm việc.

Mày đã biến đi đâu thế? Hắn quát.

Tôi kể cho hắn tất cả những chuyện xảy ra. Trong lúc tôi nói hắn không ngồi yên mà đi đi lại lại trong phòng.

Lúc này thì họ không còn phải chịu khổ sở nữa. Chắc thế, tôi nói khi kể xong. Chắc chắn lúc này đã hết đánh nhau rồi chứ?

Nếu tôi mong nhận được câu trả lời từ hắn thì tôi không nhận được gì. Thay vào đó hắn nói, ta hài lòng khi cô được lệnh tới Temple. Làm việc của cô ở đó và làm thật tốt, như cô đã làm ở Tuileries. Để tên giám sát không có lý do gì để đuổi cô. Để ta không có lý do gì nghi ngờ cô. Buổi tối sau khi xong việc thì về đây, dù muện thế nào, và báo cáo cho ta. Nhà vua gặp ai. Ông ta viết cho ai. Ông ta ngủ, ăn, và ỉa khi nào.

Nhưng tại sao? Tôi hỏi. Tôi nghĩ giờ mọi chuyện kết thúc rồi. Tôi nghĩ rằng...

Hắn đẩy tôi. Cô nghĩ sai! Hắn gầm lên. Nhà vua đã bị lật đổ, đúng thế, nhưng ai sẽ nhận lấy vị trí của ông ta? Ai sẽ cai trị? Tên Danton nóng nảy à? Gã Robespierre nham hiểm? Chúng sẽ đánh nhau giành đặc quyền này và kẻ nào thắng sẽ cai trị được Paris nhưng hắn sẽ không bao giờ cai trị được nước Pháp. Ở Lyons, Nantes, ở cả Vendée, nhân dân đòi nhà vua của họ. Kết thúc ư? Chúa ơi, cô mới ngu xuẩn làm sao. Mọi chuyện chưa kết thúc. Nó chỉ mới bắt đầu mà thôi.

Orléans đã đứng ở chuyện này, cũng như nhiều chuyện khác. Sau khi cung điện Tuileries bị chiếm, chuông báo động không bao giờ ngừng rung. Quân Phổ đánh tới tận Pháp. Cổng thành phố đóng chặt. Công dân được lệnh phải ở yên trong nhà. Các lũ đoàn từ St. Antoine đi tuần tra qua các phố, bắt bất cứ ai bị nghi ngờ là kẻ thù của cách mạng. Hàng ngàn người bị tổng vào tù.

Quý tộc bị bắt giam chỉ đơn giản vì họ là quý tộc. Tu sĩ cũng bị bắt giam vì họ không đặt cách mạng lên trước Chúa. Họ nhập bọn cùng với trộm cướp, ăn mày, gái điếm và thợ rèn trong những xà lim đầy chuột trong các nhà ngục Paris.

Cuối tháng Tám, pháo đài ở Valmy, thành trì cuối cùng giữa quân đội Brunswick và thủ đô, thất thủ. Tình nguyện viên là công dân tự trang bị vũ khí và ra khỏi Paris tới chiến trường. Những người còn lại sợ hãi đến điên loạn, cầm lấy bất cứ vũ khí nào họ tìm thấy, đoán chắc là quân Phổ sẽ vượt qua cổng thành phố vào bất cứ giây phút nào và giết sạch họ.

Và rồi nó đến. Không phải quân Phổ. Hay quân Anh. Hay quân Áo.

Một thứ còn tệ hại hơn nhiều.

Ngày thứ hai của tháng Chín, năm 1792.

25 tháng Năm 1795

Như thế ai đó đã đi xuống nghĩa địa của Paris, xuống tận dưới lòng hầm mộ và xa hơn, tới cổng Địa ngục để thả những con quỷ của Xa tăng ra vô lấy chúng tôi.

Kẻ nào đã làm việc đó, tôi bắn khoản, khi tôi loạng choạng trong phòng, phát buồn nôn vì sự kinh dị của nó. Ai đã mở cổng địa ngục?

Bắt đầu bằng một tiếng thì thào khàn khàn và sợ hãi. Trên phố phường. Trong quán cà phê. Qua các bức tường. Ở chợ. Các tù nhân đang bàn tính một cuộc nổi dậy - các nhà bảo hoàng, tu sĩ, tất cả kẻ thù của cách mạng, những kẻ nói thì thầm. Khi quân đội của Brunswick tới đó, chúng sẽ nhập bọn cùng họ và giết tất cả mọi người trong thành phố. Tiếng thì thầm trở nên to hơn và to hơn cho đến lúc nó thành tiếng hét chiến trận.

Lúc đang ở Temple dọn bữa tối, tôi nghe thấy tiếng hét lần đầu tiên. Một đám nổi loạn đã tập trung dưới cửa sổ căn phòng mà nhà vua và gia đình đang ăn tối. Một tên lính gác cười ngạo nhìn ra ngoài, hắc bảo hoàng hậu phải đến cửa sổ để nhìn bạn mình, Công chúa xứ Lamballe. Khi hắc làm vậy, chúng tôi thấy một cái đầu đi qua - một cái đầu tóc vàng, lơ lửng trên một cái sào. Hoàng hậu ngất xỉu. Tôi lao tới cửa sổ kéo rèm lại và thấy đám nổi loạn bên dưới, gào rú và phá lên cười, và tôi tha thiết hy vọng rằng tường của Temple mạnh hơn tường của cung điện Tuileries.

Bọn chúng ở lại nhiều giờ, hát hò, uống rượu, xỉ vả cái chết sẽ đổ xuống nhà vua, dọa sẽ xông vào Temple và đích thân giết chết ông. Cuối cùng, gã giám sát đi ra gặp đám nổi loạn, lính gác đi cùng gã, và đuổi chúng đi. Chúng bảo với gã rằng chúng, những người dân tử tế của Paris, đã thả những kẻ phản bội cách mạng trong tù của thành phố ra và nhà vua là kẻ phản bội lớn nhất trong tất cả. Tên giám sát bảo rằng rất nhiều tội ác của nhà vua vẫn chưa được vạch trần và rằng chính bản thân chúng cuối cùng sẽ vào tù nếu chúng dám cướp khỏi tay người dân Pháp một sự trừng trị thích đáng đối với ông.

Nghe thế khiến chúng bình tĩnh lại. Chúng thôi không dọa nạt nữa mà bỏ đi xuống Rue Bretagne và gã giám sát vào lại bên trong. Bọn chúng không phải là người dân tử tế của Paris, gã nói với một người của mình. Có rất nhiều đứa ta nhận ra, nhiều người đã từng ở tù.

Gã ra lệnh tăng gấp đôi lượng lính gác ở cổng, rồi cho tôi, một đứa hầu gái, và ba người nữa làm việc ở dưới bếp về nhà. Tôi đi xuống phía Nam trên những con phố nhỏ hy vọng tránh chợ và bất cứ nơi nào đám đông có thể tụ tập. Nhưng rồi tôi đi xuống một con phố có quán rượu và chúng ở đó - vài kẻ trong đám nổi loạn. Tôi cố quay lại trước khi bị nhìn thấy nhưng đã quá muộn. Một mục đã nhìn ra tôi.

A, anh chàng xinh xắn! mụ hét lên. Lại đây, anh chàng điển trai! Nàng công chúa muốn hôn chàng một cái!

Họ đã lấy cái đầu xuống khỏi cái sào và đặt nó trên bàn. Một gã say véo hai cái má không còn chút máu của nó. Một kẻ khác hôn cặp môi nhợt nhạt. Kẻ thứ ba vuốt vuốt tóc. Tôi muốn hét lên. Che mắt lại. Chạy. Nhưng tôi không dám. Tôi biết bọn chúng sẽ đuổi theo tôi.

Chả phải mày là diễn viên ư? Tôi thì thầm với chính mình. Diễn đi.

Thật là nhục nhã! Tôi sẽ không hôn bọn quý tộc chó chết! Tôi hét lại. Nhưng công chúa có thể hôn tôi. Ngay ở đây! Tôi quay lại và vỗ lên mông. Chúng cười rú lên. Một tên vỗ lên vai tôi. Tên khác đưa rượu cho tôi uống. Một tên nữa, không say, không hò hét, thậm chí vỗ tay. Mày là ai, thằng nhóc? Mày đang đi đâu? Hẳn hỏi.

Tôi bảo hẳn tôi là người hầu ở Temple đang trên đường về nhà ngủ. Hẳn hỏi tôi có phải người ái quốc không và tôi bảo hẳn phải. Tôi có gắn cờ ba màu và khuy áo khoác có viết chữ, Sống Tự do Hay Chết. Nhìn thấy thế, hẳn bảo tôi là một đứa con đích thực của nước Pháp. Hẳn nói cho tôi biết tên hẳn - tên là Jean - và bảo tôi ở lại. Hơn một tiếng đồng hồ, tôi uống với chúng, cười với chúng, hát với chúng.

Và rồi hẳn bảo đã đến lúc phải quay lại với công việc quốc gia. Hẳn khuấy động những kẻ khác, hứa hẹn sẽ có thêm rượu nữa nhưng phải làm việc đã. Tôi cố ra về nhưng hẳn không chịu nghe.

Tôi phải ngủ, tôi bảo hẳn.

Kẻ thù của cách mạng không bao giờ ngủ, hẳn nói. Những kẻ bảo vệ nó cũng không được ngủ.

Chúng ta sẽ đi đâu? Tôi hỏi khi chúng tôi bước đi.

Về lại La Force.

Khi đó hẳn quay sang nói chuyện với kẻ khác và tôi vui mừng vì tôi không thể diễn được nữa. Một nỗi sợ hãi tuyệt vọng đã tóm lấy tôi. Tôi biết La Force là gì - một nhà tù, chính là nơi Princesse de Lamballe đã bị giam. Tôi cố gắng lùng khùng, để trốn đi, nhưng tôi bị đám đông nổi loạn kéo dài. Thoạt tiên tôi nghe tiếng thét khi chúng tôi tới gần tường nhà tù.

Nào, thằng nhóc! Jean hét lên, kéo tôi qua cổng. Chúng ta sẽ tưới cây tự do bằng máu những kẻ thù của nó!

Bên trong sân đã có sẵn người. Một dàn lửa khổng lồ đang cháy. Cạnh nó là hàng chông thi thể đàn ông và đàn bà, tất cả đều đã chết. Khi tôi đứng đó, choáng váng đến đờ đẫn, một phụ nữ chạy vụt qua tôi. Váy của cô bị xé rách. Ba người đàn ông rượt theo cô, cười phá lên. Cô re lên khi một tên tóm được cô. Làm ơn, cô hét lên. Cứu tôi với! Và rồi một cái dùi cui đập xuống đầu cô và cô không còn hét nữa.

Jean nhét gì đó vào tay tôi. Tôi nhìn xuống. Nó là một miếng ván đóng thùng, đầy đinh. Để làm việc, công dân ạ! Hẳn hét lên.

Tôi ném nó xuống đất. Hẳn tóm lấy gáy tôi. Bảo tôi nhặt lên. Đấm vào mặt tôi khi tôi không chịu nhặt. Tôi giằng co với hẳn, gào hét và đấm đá, tin chắc mình sẽ là người tiếp theo bị giết thì tôi nghe có người hét Jean! Dừng lại! Thằng nhỏ đó là người của công tước!

Đó là Rotonde. Tôi đã thấy hẳn ở phòng của Orléans. Rất nhiều lần.

Sao tao lại phải dừng? Tao không tin hắn, Jean nói. Hắn không phải người yêu nước. Hắn ảo là như đàn bà và là một kẻ phản bội.

Nói cho mày biết, hắn là người của Orléans. Giết hắn thì mày sẽ phải đích thân đi trả lời ông ấy đấy, Rotonde nói.

Jean phỉ nhổ. Biến đi, thằng nhóc, hắn gầm ghè, đẩy tôi mạnh tới nỗi tôi ngã lồm cồm xuống mặt sỏi. Về với ông chủ của mày đi. Nói với ông ấy công việc của chúng ta diễn biến tốt đẹp.

Hoảng sợ điên lên, gần như không nghe hắn nói, tôi bò đứng dậy và bỏ chạy. Những con phố tôi loạng choạng đi qua đều tối kịt và những ngôi nhà trên phố cũng vậy. Tôi gõ cửa các nhà, hy vọng ai đó sẽ cho tôi vào, bởi tôi không biết liệu tôi có khiến đôi chân mang được mình về tận Cung điện Hoàng gia hay không. Không ai mở cửa. Những người tử tế của Paris đã trốn kỹ sau những cánh cửa đóng kín như đúng kiểu những người tử tế vẫn luôn làm. Chính vì những người tử tế mà các cuộc thảm sát đã xảy ra.

Khi chạy, tôi cố nép người trong bóng tối, trốn vào những ngõ nhỏ mỗi khi nghe giọng nói hay tiếng bước chân. Khi về đến Cung điện Hoàng gia, tôi lò dò lên cầu thang và ngã sục xuống giường. Một phút sau, Nicolas đến báo ông chủ cho gọi tôi.

Nói đi, Orléans nói, khi tôi bước vào phòng ngủ của hắn.

Và tôi kể. Bằng một giọng trống rỗng, thần thờ, tôi kể cho hắn tất cả những gì tôi đã thấy. Đầu của công chúa. Đám nổi loạn ở Temple. Và ở nhà tù La Force.

Có rất nhiều xác chết, tôi nói. Xác chết bị chặt tay và chân. Những cái bị mất đầu. Thi thể đàn ông. Thi thể phụ nữ. Có cả xác một thằng nhỏ. Nó chưa đầy mười hai.

Orléans đang chuẩn bị đi ra ngoài, thay đồ trước gương. Hắn không chọn quần áo đắt tiền như mọi khi mà chọn những thứ giản dị hơn. Hắn mặc một chiếc áo khoác màu xám, đội một cái mũ đơn giản và trông là một người khác hoàn toàn. Một người tôi có thể đi ngang qua trên bất cứ con phố nào của Paris. Một người có thể trà trộn vào đám người mà không ai để ý. Diềm mũ che khuất một phần mặt hắn, nhưng tôi vẫn thấy mắt hắn trong gương, hấp háy dưới ánh nến, đen thẫm.

Và đột nhiên tôi không thở nổi.

Tôi đã thấy chính người đàn ông này trước kia. Vào cái đêm kinh khủng nọ, cái đêm Versailles thất thủ. Tôi nhớ một kẻ đi giữa đám đông khi đó, mũ kéo xùm xụp xuống tận lông mày, phân phát những đồng tiền vàng, gieo rắc sự độc ác và các vụ án mạng. Mắt hắn ta cũng đen thẫm.

Orléans quay lại tôi. A, chim sẻ, hắn nói. Cái thời chúng ta sống mới hay ho làm sao.

Tôi gật đầu, không thốt nổi nên lời.

Ta tin rằng Paris đã bị điên rồi.

Vâng, tôi thì thăm. Tôi tin là thế.

Hắn lại gần, hất đầu về phía tôi. Trông cô không được khỏe, hắn nói. Hắn rót một ly rượu mạnh rồi đưa cho tôi. Uống đi, hắn nói. Cô sẽ cảm thấy đỡ hơn.

Ngay khi cửa đóng lại sau lưng hắn, chân tôi bắt đầu run lẩy bẩy. Cái ly rơi từ tay tôi xuống nền

đá hoa cương vỡ tan. Bởi lúc đó tôi biết ai đã thả địa ngục ra vồ lấy chúng tôi.

Tại sao? Tôi thì thầm, trong căn phòng vắng lặng. Tại sao?

Như thể để trả lời, những giọng nói dồn dập trong tôi. Những giọng nói trong đầu tôi. Tôi ôm chặt lấy hai tai, nhưng không thể bắt chúng im lặng.

Giọng của tên giết người Jane - Về với ông chủ mày đi. Bảo ông ấy công việc tiến triển tốt đẹp.

Giọng của bà tôi - Một ngày cháu sẽ đi cùng quý dữ, cháu gái ạ.

Giọng của hoàng thái tử Louis-Charles - Mẹ không thích ông ta. Mẹ bảo ông ta đóng vai nổi loạn nhưng muốn được làm vua.

Và của hắn, Orléans - kẻ thù của kẻ thù là bạn.

Lâu nay hắn đã lừa dối tôi. Hắn chưa bao giờ muốn giúp nhà vua cả. Nhà vua là kẻ thù của hắn, và kẻ thù của nhà vua - những kẻ làm cách mạng - là bạn bè của hắn. Vàng của hắn trả cho chúng diễu hành và nổi loạn. Vàng của hắn đã trả cho những việc mà tôi thấy tối nay.

Tôi đập tay lên đầu, muốn đẩy những thông tin đó ra khỏi não. Tại sao? Tôi rít lên trong căn phòng im lặng. Tại sao, mẹ nó chứ, tại sao?

Một cơn giận dữ điên người chiếm lấy tôi. Tôi tóm lấy một cái giá nển và ném vào tường. Tôi đập tan một cái bình. Hất hết chai lọ và lật đổ một cái bàn.

Đột nhiên tôi cảm thấy một bàn tay vờ lấy mình, nghe một giọng hét lên, Dừng lại! Tôi bảo cô dừng lại đi!

Đó là Nicolas. Tôi hất tay ông ta và vẫn tiếp tục xé quần áo của Orléans, ném trang sức của hắn, cho đến khi lão già tát vào mặt tôi.

Cái gì thế? Chuyện gì xảy ra? Ông hỏi tôi.

Chính hắn, Orléans, tôi nói. Hắn chính là kẻ đứng sau những cuộc giết người. Hắn đã trả tiền cho chúng.

Ngậm mồm lại, ông nói. Cô nói những điều cô không hiểu.

Suốt thời gian qua, tôi tin mình đã giúp ông ta để giúp nhà vua, tôi nói. Ông ta bảo với tôi thế - rằng ông ta muốn giúp nhà vua.

Nicolas phá lên cười. Tin ư, nhóc con? Hay thuần túy là muốn tin như vậy? Ta nghĩ chuyện đó chẳng quan trọng. Kiểu gì thì diễn viên cũng đã được diễn, ông ta nói. Chỉ có một chuyện mà công tước muốn - cai trị nước Pháp. Tối nay ông ấy sẽ giúp các lãnh đạo cách mạng tiêu diệt hết kẻ thù của chúng. Vàng của ông ấy trả cho bọn rác rưởi của Paris để làm việc xấu xa. Những người làm cách mạng nợ ông ta một món nợ lớn và chẳng bao lâu họ sẽ phải đền đáp. Chẳng bao lâu nữa họ sẽ cho ông ta làm vua.

Tôi không tin ông. Những người làm cách mạng muốn tiêu diệt các vị vua. Họ nói thế hàng triệu lần rồi.

Chuyện những người cách mạng muốn làm và họ phải làm gì là hai chuyện khác nhau. Cách mạng đang bấp bênh bên bờ vực thẳm. Nếu quân Phổ không tiêu diệt nó, thì bọn bảo hoàng sẽ

làm. Chúng ta phải có một người mạnh mẽ để cai trị chúng ta. Một người được tất cả mọi người chấp nhận. Orléans chính là người đó. Ông ấy là người hiếm nhất - một Hoàng tử kế vị theo phái Jacobin, vừa dòng dõi hoàng tộc vừa theo cách mạng. Còn ai phù hợp hơn để thống nhất một nước Pháp bị chia cắt?

Nhưng nước Pháp có vua. Vua Louis vẫn là vua, tôi nói.

Không còn lâu nữa đâu.

Ý ông là họ sẽ đuổi ông ấy đi. Về miền quê.

Họ sẽ đuổi ông ấy đi, đúng thế, nhưng không phải về quê đâu. Đầu tiên sẽ có phiên xử đã. Hình thức là thế. Rồi tới máy chém.

Con giận dữ mà tôi cảm thấy từ từ tan biến. Nỗi sợ hãi thế chỗ. Nhưng nhà vua có con trai, tôi nói, tóm lấy tay áo của Nicolas.

Ông ta gật đầu. Phải, đúng thế, và chính hoàng thái tử Louis-Charles sẽ được tuyên bố là vua, nhưng công tước sẽ cai trị giúp cậu bé, làm quan nhiếp chính.

Cho tới khi Louis-Charles trưởng thành. Ông ta sẽ chỉ cai trị cho đến khi Louis-Charles trở thành vua, tôi nói. Giọng tôi nghe như giọng một đứa ăn mày, quần rách và nài nỉ.

Hoàng thái tử là một thằng bé yếu ớt như anh trai nó trước kia. Nhiều người tin rằng nó sẽ không sống nổi tới mười tuổi, nói gì tới trưởng thành.

Không, tôi nói, lắc đầu, không muốn nghe gì nữa.

Suốt lâu nay, Orléans đã cố chống lại nhà vua, lên kế hoạch lật đổ ngài. Mọi sai lầm mà nhà vua phạm phải đều giúp hắn. Mọi chiến thắng mà dân cách mạng giành được giúp hắn. Những vụ mùa thất thu giúp hắn. Những mùa đông lạnh lẽo. Thiếu bánh mì. Những dọa nạt từ ngoại quốc. Nội chiến. Tất cả đều giúp hắn.

Và tôi, tôi, chính tôi, đã giúp hắn.

Biết được chuyện này cảm giác như một con dao găm vào tim tôi. Tôi đã nói cho hắn ta những cái tên mà tôi không nên nói? Có ai đó đã bị giết đêm nay vì tôi bảo với Orléans người đó đã đến thăm nhà vua hay viết thư cho nữ hoàng? Liệu hoàng thái tử Louis-Charles và gia đình cậu có bị vào tù bởi vì tôi đã nhìn thấy gì đó? Vì điều gì đó tôi đã nói? Tôi rên rỉ như một con thú và sụp xuống sàn nhà, nức nở.

Nicolas cúi xuống bên tôi. Giờ mà khóc thì quá muộn rồi, ông ta nói. Đứng dậy đi. Nhặt những thứ mà cô đã đập vỡ lên. Đừng có ở đây khi công tước quay về.

Tôi không đứng dậy, tôi nằm trên sàn một lúc, cho đến khi nén tàn gần hết. Cho đến khi ánh sáng đầu tiên của buổi sớm mai xuất hiện trên nền trời. Và rồi tôi nhớ ra công việc của mình ở Temple và rằng hoàng thái tử Louis-Charles đang đợi tôi.

Khi lồm cồm sắp sửa bò dậy thì tôi nhìn thấy mình trong gương của Orléans. Dường như một kẻ lạ đang nhìn lại tôi. Một kẻ xa lạ khuôn mặt trắng bệch như vôi. Má đầy vết nước mắt. Mắt trũng sâu và vô hồn.

Tôi bò lại gần hơn, qua thủy tinh vỡ, quần áo bị xé rách và trang sức bị vứt vung vãi, rồi tôi chạm tay lên người lạ kia.

Paris đã hóa điên ư? Tôi hỏi cô ta. Hay chính mày hóa điên?

Tôi ngừng đọc. Tôi không tin nổi Alex đã chứng kiến các vụ thảm sát. Tôi nhớ là đã đọc về chúng ở lớp học. Chúng rất kinh khủng. Sau khi chúng tôi đọc một đoạn về chúng, cô Hammond, giáo viên của chúng tôi, đã bảo với chúng tôi rằng có rất nhiều chuyện thêu dệt về chúng - vào lúc chúng thực sự xảy ra và kể từ đó trở đi.

“Vài sử gia gọi những cuộc thảm sát này là sự bùng nổ ngẫu nhiên của bạo lực, một phút lăm lặc đáng hổ thẹn bị kích động bởi nỗi sợ hãi và điên rồ. Những người khác bảo rằng việc giết chóc đã được lên kế hoạch sẵn, rằng nó bị những kẻ nắm quyền lực hợp pháp chỉ huy nhằm quét sạch bọn phản cách mạng khỏi Paris,” cô nói.

“Vậy, thực ra thì nó là cái nào?” Arden Tode hỏi.

“Hoặc cái này hoặc cái kia. Hoặc cả hai. Hoặc không cái nào cả.”

“Có phải cô đang cố tỏ ra vui tính không ạ?”

“Việc mà tôi đang cố làm, cô Tode ạ, là cho các em thấy rằng câu trả lời phụ thuộc vào điểm nhìn của các em. Marie Antoinette chắc chắn là nhìn những cuộc thảm sát này dưới một góc nhìn khác với một công nhân nhà máy chứng kiến con mình bị chết đói và nghĩ mình sẽ bị một tên lính Phổ giết bất cứ lúc nào. Đối với Antoinette, đây là một hành động giết chóc sa đọa. Đối với người kia, có lẽ là một sự độc ác cần thiết.”

“Ừm, bài cuối kỳ em viết thế có được không?”

Cô Hammond thở dài. “Các em ạ, lịch sử giống như một bài trắc nghiệm Rorschach,” cô nói. “Những gì các em thấy khi các em nhìn một thứ cho các em biết về chính mình cũng nhiều như điều về quá khứ.”

Tôi nhớ những lời của cô Hammond và tôi nghĩ tới Alex. Chính bản thân cô nhìn cận kề lịch sử. Và điều cô thấy đã khiến cô phát điên.

25 tháng Năm 1975

Tối nay tôi ngồi cạnh dòng sông chờ bóng tối. Trời còn sáng và cái giỏ đựng pháo hoa đặt cạnh tôi.

Madame du Barry, một bà gái điểm hạng sang béo núc, ngồi cạnh tôi và cầm lấy tay tôi. Tôi nhớ bà chết thế nào. Tất cả Paris đều nhớ. Bà gào thét đến rơi cả đầu. Gần như chính xác là vậy. Xin cô, bà nói, lúc này đồ ngon đồ ngọt, hãy nghĩ đến quả mơ, hương hoa hồng, sâm panh tan ra trên lưỡi.

Những người chết là những kẻ trộm góm hơn cả tôi lúc trước. Họ ăn cắp những thứ quý giá nhất của tôi. Cảm giác sờ vào lụa. Tiếng mưa rơi tí tách trên sỏi. Mùi tuyết trong gió. Họ lấy những thứ này để bỏ lại tôi với vị đất và tro tàn.

Tôi không nghĩ đến quả mơ, mà nghĩ tới máy chém và nấm mồ.

Bà ta cau mày. Với những thứ đó thì ta không cần cô giúp, bà nói, và hối hả đi.

Tôi bảo với Benoit rằng tôi thấy họ. Ông bảo rằng thế nghĩa là tôi thật sự điên rồi và ông ấy có thể đúng, nhưng tôi không giận dữ với người chết vì chuyện đó. Kẻ làm tôi điên không phải họ.

Cũng không phải là cuộc thảm sát hồi tháng Chín, mặc dù chắc chắn chúng là một phần.

Cũng không phải cái chết của nhà vua ở máy chém gây ra điều đó. Hay biết được việc Orléans ở trong số nghị sĩ bỏ phiếu cho việc đó.

Không phải là những câu chuyện ở Vendée, nơi toàn bộ những thi trấn bị đốt và người Pháp bắn người Pháp. Và phụ nữ. Và trẻ em. Hay xích họ lại với nhau và dìm họ chết đuối.

Nó không phải trong thời Thống trị Khủng bố của Robespierre, khi hàng trăm người bị chém đầu ở Paris và có quá nhiều máu trên phố đến nỗi người ta bị trượt trong máu và chó liếm máu còn ruồi bu đầy thành những đám đen khổng lồ.

Cũng không phải lúc Orléans bị bắt vì mưu phản và bị bỏ tù.

Nó là ngày mà chúng mang hoàng thái tử Louis-Charles đi.

Những kẻ tổng giam cậu bảo rằng chúng phát hiện ra một âm mưu cứu hoàng tử và mẹ cậu khỏi Temple và rằng Quốc hội đã quyết định họ không được ở cùng nhau nữa bởi nếu họ bị tách ra thì việc giải phóng họ sẽ khó khăn hơn. Đã đến lúc phải dạy cho Louis-Charles cách làm một người Cộng hòa tử tế, chúng nói. Đến lúc giáo dục cậu theo cách của cách mạng.

Hoàng hậu đấu tranh với chúng. Bà dùng thân thể che lấy Louis-Charles và không để chúng lại gần cậu. Bà bảo chúng phải giết bà trước đã. Chúng bảo bà chúng sẽ không giết bà mà là con gái bà, và cuối cùng bà phải nộp cậu, để cứu công chúa Marie-Thérèse.

Chúng kéo cậu đi. Cậu mới chỉ tám tuổi đầu.

Khi chúng đưa cậu đi tôi đang ở trong hành lang. Gần phòng nơi gia đình ăn tối. Tôi chỉ vừa từ bếp lên mang theo bữa tối cho họ. Bọn lính đẩy tôi sang một bên khi chúng giằng cậu khỏi mẹ cậu. Tôi ngã. Thức ăn văng tung tóe khắp nơi. Đĩa vỡ. Khay đập đánh choang xuống nền đá.

Dẫu vậy tôi chả nhớ chuyện đó lắm. Thứ tôi nhớ là khuôn mặt của Louis-Charles. Mắt cậu đỏ ngầu vì khóc. Cậu quay lại dõi tìm mẹ nhưng không thấy bà. Cậu chỉ thấy tôi và vội lấy tôi, và tôi vội ra chỗ cậu. Trong một giây chúng tôi nắm tay nhau. Trong đôi mắt cậu có sự hoảng loạn, có nỗi buồn, sự ngây thơ và cả thứ gì khác - thứ mà tôi cầu Chúa tôi đã không nhìn thấy, bởi nó dọa dầy tôi.

Khoảnh khắc đó luôn ám ảnh tôi. Nó hành hạ tôi. Tôi ước mình có thể quay ngược thời gian mà làm lại. Tất cả. Ngay từ lúc đầu. Tôi ước gia đình mình chưa bao giờ tới Versailles. Tôi ước xe ngựa của nhà vua chưa bao giờ dừng lại ở quảng trường thị trấn. Tôi ước tôi chưa bao giờ nghe tiếng cười của cậu bé đó.

Tôi không còn sợ bị đánh đập hay máu me nữa. Tôi không sợ lính gác hay máy chém.

Giờ đây chỉ có một thứ duy nhất tôi sợ: tình yêu.

Bởi tôi đã thấy nó và tôi cảm nhận được nó, và tôi biết rằng chính tình yêu, chứ không phải cái chết, hủy hoại chúng ta.

Tôi ngã đầu xuống gối. Tôi sợ quá không dám đọc tiếp.

Làm ơn hãy cho chuyện này có một kết thúc có hậu. Để cho một thứ trong cái thế giới chết tiệt này có một kết thúc có hậu.

Tôi nghĩ lại về chương trình phỏng vấn trên tivi của bác G và bố tôi, tuyệt vọng xem xét những gì mình nhớ được để tìm chút hy vọng. Bác G bảo rằng có người tin rằng Louis-Charles đã lên được đưa ra khỏi tù và thi thể một đứa nhỏ khác được cho vào xà lim của cậu, được khám nghiệm tử thi rồi chôn. Bác bảo rằng nhiều năm sau khi Louis-Charles được coi là đã chết, có vài người xuất hiện và bảo mình là cậu. Bố bảo xương của người có khả năng nhất - Naundorff - khi xét nghiệm DNA thì không đúng.

Nhưng nếu họ sai thì sao - bố và bác G? Nếu Naundorff không phải là người có khả năng là Louis-Charles nhất thì sao? Nếu người có khả năng là cậu nhất vẫn chưa xuất hiện thì sao?

Ý tôi là, sao cậu lại xuất hiện sau tất cả những gì cậu phải khổ sở chịu đựng chứ? Để chúng lại thẩm vấn cậu ư? Có khi lại tống cậu vào tù? Không đời nào. Nhiều khả năng nhất, cậu sống ẩn danh trong một căn nhà tranh nhỏ ở một nơi hoang vu không ai biết và hy vọng tốt cùng rằng cái thế giới đã đối xử vô cùng tàn tệ với cậu sẽ quên đi việc cậu từng tồn tại.

Hãy để Louis-Charles trốn thoát, tôi thì thầm. Để trái tim không phải của cậu. Để nó thuộc về một đứa trẻ tội nghiệp nào đó đã chết rồi khi họ đưa nó vào trong Temple.

Làm ơn đi.

Tiếng cánh cửa đóng sầm lại. Tôi giật mình tỉnh giấc.

Đồng hồ trên bàn chỉ gần hai giờ sáng. Chắc là tôi ngủ quên mất. Tôi nghe tiếng chìa khóa lách cách. Tiếng bước chân trên hành lang. Bố tôi về. Sao ông về muộn thế nhỉ?

Tôi dụi mắt. Bò ra khỏi giường. Lúc tôi mặc được áo len vào và bước ra hành lang thì ông đã ở trong phòng khách. Nói chuyện điện thoại.

Ngoài đó có mùi rượu. Giờ tôi đã tới gần hơn và có thể thấy một chai rượu mở để trên bàn cà phê trước mặt ông. Ông ngồi trên sofa, xoa trán. Tôi nghe ông hỏi Minna có khỏe không, và con mèo Helix của họ ra sao. Sự hài hước của nhà di truyền học ở độ đỉnh cao. Tôi không muốn nghe chuyện riêng của họ, vì thế tôi quay về phòng. Nhưng khi ông bắt đầu nói về quả tim thì tôi dừng bước.

Tôi nghe thấy DNA ti thể và vùng điều khiển D-loop và kỹ thuật PCR khuếch đại vùng gen. Tôi lơ mơ hiểu. Ý tôi là, tôi đã nghe những thứ này từ hồi tôi còn nằm trong bụng mẹ. Bố từng lấy máu của tôi và Truman và mang tới lab xét nghiệm. Vài ngày sau ông mang kết quả về nhà.

“Con đấy,” ông nói với chúng tôi, đập đập cái bản đồ gen lên cửa sổ bếp. Ông chỉ vào những cái cột màu xám nhỏ, rồi nói, “Mọi thứ là con, mọi thứ mà con sẽ trở thành, ở ngay đó. Màu mắt, chiều cao, trí thông minh, xu hướng bệnh tật, kỹ năng, khả năng - DNA cho chúng ta biết rất nhiều về cuộc sống.”

“Không... vẫn chưa có kết quả. Bọn anh vừa mới làm xong chuỗi,” ông nói. “Anh biết, tuyệt vời lắm. Ban đầu anh chả hy vọng gì lắm nhưng mẫu thử tốt đến ngạc nhiên. Bọn anh so sánh nó với mẫu tóc của công chúa Marie Antoinette, tóc của hai chị gái công chúa, và hai hậu duệ Hapsburg còn sống. Ừ, toàn diện mà.”

Ông ngừng lại một chút, rồi nói, “À ừm. Bọn anh tiến hành việc cắt ở lab y tế Coté. Bỏ đoạn cuối ra và một mẫu động mạch chủ. Nó cứng như đá ấy. Anh phải dùng cả cưa. Bọn anh đặt mẫu thử cho Cassiman và Brinkmann vào lọ và niêm phong lại. Dấu niêm phong sẽ được công chứng viên mở ra ở Bỉ và Đức. Bọn anh trích nó ra bằng hai cách - bằng silic dioxyt và phenol-chloroform. Ừa, hơi khó khăn, nhưng không có vấn đề gì. Tình trạng của nó tốt lắm. Được bảo quản rất tốt. Anh có thể thấy cả cơ, mạch máu...”

Giọng ông nhỏ dần, rồi ông nói, “Ừ, anh vẫn nghe đây.” Ông cười nhỏ buồn bã. “Min ạ, thỉnh thoảng anh băn khoăn tại sao. Anh tự hỏi làm thế nào.” Ông lắng nghe, rồi nói, “Anh biết, anh biết. Lẽ ra anh phải khách quan nhưng anh dần trở thành kẻ ủng hộ quân chủ. Anh G đưa cho anh tài liệu lịch sử để đọc. Họ đã phải chịu những việc thật kinh khủng. Kinh khủng. Anh cảm thấy rất thương cảm cho nhà vua và hoàng hậu. Họ đã phải khổ khổ vì tội lỗi của mình. Anh không tưởng tượng nổi họ đã chịu đau đớn đến mức nào. Không, không phải việc bị mất mạng. Mà lại để con cái lại một nơi khủng khiếp với những kẻ ác độc. Biết rằng chúng sẽ bị tra tấn và biết rằng mình không làm được gì để bảo vệ chúng.”

Ông im lặng vài giây rồi nói, “Chà, có lẽ là anh có thể hình dung ra chuyện đó.” Ông im lặng thêm một lúc rồi nói, “Quả tim nó nhỏ lắm. Hai đứa cùng tuổi với nhau, em biết điều đó không.

Truman và Louis-Charles. Lúc mất bọn nó mới chỉ lên mười. Và anh không thể ngăn mình... Anh không thể ngăn mình tự hỏi trái tim của một đứa trẻ cùng một lúc sao có thể vừa nhỏ mà vừa vĩ đại đến vậy.”

Giọng ông nức nở. Ông quệt mắt. Và tôi nhận ra ông đang khóc. Và đột nhiên tôi cũng khóc.

“Anh có cảm giác mình gần nó ở đó, Minna ạ. Ở phòng thí nghiệm. Xét nghiệm quả tim. Thật là điên rồ, anh biết điều đó. Nhưng kiểu gì anh cũng có cảm giác nó ở đó. Với anh.” Ông nhấp một ngụm rượu “Ừa, đúng rồi. Sự thật là anh uống chai thứ hai rồi.”

Thêm một khoảng im lặng, “Andi à? Anh nghĩ con bé ngủ rồi. Anh hy vọng vậy. Ừ. Vẫn thế. Ghét anh. Trách anh vì những gì đã xảy ra. Anh biết thế. Anh cũng trách mình. Giá như anh ở nhà nhiều hơn.”

Tôi trách ông? Không, đâu có phải thế. Ông trách tôi; tôi biết ông trách tôi. Tôi trách bản thân mình. Bởi vì đó là lỗi của tôi. Tôi đợi cho ông nói xong, khoảng chừng một hai phút sau. Ông đặt điện thoại xuống, rồi ông ngồi im, gục đầu xuống tay.

“Chào bố,” tôi nói, tiến vài bước về phía ông. Tôi muốn thử nói chuyện với ông. Về mọi thứ. Về quả tim và Truman, về cuốn nhật ký và Virgil.

Ông giật mình nhìn lên, và chùi mặt. “Bố nghĩ con ngủ rồi, Andi. Con đã ở đâu?” Ông nói, ngượng ngùng và đột nhiên giận dữ.

Lại những từ đó. Con đã ở đâu? Chúng làm tôi cụt sạch hứng.

“Không ở nơi mà lẽ ra con phải ở, chắc vậy. Lại một lần nữa.”

“Cái gì cơ?” ông nói, trông bối rối. Và rất mệt mỏi.

“Không có gì. Bỏ qua đi. Chúc bố ngủ ngon.”

Tôi quay lại phòng và đóng cửa lại. Tôi bước về phía bức tường. Bức tường ngăn cách tôi với bố. Tôi đẩy nó. Dùng lòng bàn tay đập vào nó. Đấm nó. Nhưng nó không chịu dịch chuyển. Tôi dựa tường, ngồi sụp xuống sàn, và ngồi đó một lúc, tay ôm đầu.

Bây giờ là buổi sáng Chủ nhật muộn và cà phê ở khắp nơi. Trên quầy. Trên sàn nhà.

Trên chân tôi.

Tôi đang hơi loạng choạng. Tối qua tôi uống bốn viên an thần. Sau vụ đụng độ với bố. Thế là nhiều hơn bình thường. Chúng làm giảm nỗi đau và gần như mọi thứ khác nữa. Chân tay tôi gần như không thể cử động chính xác được. Tôi cố ra được khỏi giường, mặc quần áo vào, và loạng choạng ra bếp lấy một tách cà phê. Nhưng kiểu gì đó tôi cứ cầm trượt cái tách.

Tôi dọn dẹp chỗ cà phê bị đổ rồi vào phòng khách, ở đó bố tôi đang ngồi trên ghế, đọc đề cương của tôi. Tôi ngồi xuống đối diện và nhìn ông. Trông ông khá tập trung. Tốt lắm. Sau vài phút ông nhìn lên tôi. Như thế ông chỉ vừa mới nhận ra là tôi ngồi đó.

“Sao ạ?” tôi nói.

“Tuyệt lắm, Andi ạ. Một đề cương rất ổn. Bố phải thừa nhận là bố đã hơi ngờ hoặc về chủ đề này...”

“Thật hả bố? Con không biết gì đấy.”

“... nhưng con đã làm rất tốt. Cả đề cương và phần giới thiệu. Rất toàn diện. Ai mà biết được toán học lại hiện diện nhiều thế trong âm nhạc?”

“Ừm... nhạc sĩ ạ?”

“Giờ thì con chỉ phải viết cho xong luận văn. Chắc không vấn đề gì. Con có thời gian tới tận tháng Năm mà.”

“Hoàn thành nó để con có thể tốt nghiệp.”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Rồi thì sao? Vào Stanford ạ? Con không muốn vào Stanford.”

Ông ngập ngừng rồi nói, “Mình sẽ bàn chuyện đó sau.”

Nghĩa là ông sẽ nói và bảo với tôi tất cả những lý do tại sao trường nhạc là một ý tưởng tồi. Và tôi sẽ nghe. Chừng mười giây. Rồi tôi sẽ nổi đóa lên. Và ông sẽ nổi đóa. Và rồi sẽ là trận chiến Armageddon. Lúc nào giữa chúng tôi cũng thế. Và có lẽ sẽ luôn như thế. Nhưng tôi không nói ra như vậy. Tôi chẳng nói gì. Bởi vì ông vừa cho phép tôi bay về nhà tối hôm nay và tôi sẽ không làm gì - không làm gì cả - khiến chuyện đó bị phá hỏng.

“Vậy...” ông nói, phá tan sự im lặng. “Con có vé rồi chứ? Hộ chiếu?”

“Con chuẩn bị mọi thứ rồi, bố. Xong xuôi cả rồi.”

“Khi con đi bố sẽ không có ở nhà. Bố sẽ ở lab cả ngày. Vì thế đừng quên gọi tới hãng hàng không trước khi con đi. Phòng khi họ có biểu tình. Bố không muốn con bị bơ vơ ở Orly.”

“Không đâu ạ.”

“Gọi cho bố khi con về tới nhà. Và nhớ liên lạc thường xuyên với bác Gupta. Bố cũng sẽ gọi cho bác ấy. Và Andi này...”

Di động của tôi đổ chuông. Hoan hô. Điện thoại cứu tôi rồi. “Xin lỗi bố,” tôi nói, đi vào bếp trả lời.

“Chào cậu,” giọng ở đầu kia vang lên. Là Vijay.

“Ồ, chào,” tôi nói. Tôi đã tưởng - chà, hy vọng đến tuyệt vọng - là Virgil sẽ gọi.

“Chà. Nghe được giọng cậu vui quá.”

“Tớ xin lỗi, V. Tớ đang hơi mơ màng. Tưởng cậu là ai khác.”

“Ừm... nhắc lại cho tớ biết tại sao tớ vẫn chơi với cậu nhỉ?”

“Tớ đang nghĩ... vẫn đang nghĩ... xin lỗi. Không nghĩ ra được lý do nào cả.”

“Haha.”

“Sao cậu dậy sớm thế? Ở đây đang là buổi trưa, tức là mới sáu giờ sáng ở Brooklyn.”

“Tớ vừa nói chuyện điện thoại với văn phòng truyền thông của vua Abdullah. Phải tới lần thứ mười rồi ấy. Cuối cùng họ bảo tớ gửi luận văn tới và họ sẽ cố đưa cho ông nhận xét.”

“Tuyệt quá.”

“Ừa. Tớ vui lắm. Lần tới tớ sẽ thử gửi tới quốc vương Tajikistan xem sao. Đề cương của cậu thế nào rồi?”

Tôi kể cho cậu tất cả những việc tôi đã làm, rằng bố đã khen ngợi nó và mai tôi về tới nhà rồi. Cậu ngạc nhiên. Và sung sướng. Và đột nhiên bảo tôi phải viết cho xong chứ đừng làm hỏng nó.

“Tớ rất cảm động khi cậu tin tưởng tớ,” tôi nói.

“Nghe này, lý do tớ gọi cho cậu là báo cho cậu biết là Nhiệm vụ Van Gogh đã hoàn thành,” cậu nói. “Tớ đã lén đưa tất cả mọi thứ cho mẹ cậu vào chiều hôm qua. Tớ đã nhờ Kavita giúp tớ. Chị ấy mặc kurta và quần thụng. Bọn tớ dán các tuýp sơn và cọ vào chân chị ấy. Cho các thứ đồ mua ở chợ giờ vào ba lô và cột quanh bụng chị ấy. Giả vờ chị ấy mang thai. Đảm bảo vệ không kiểm tra chị ấy.”

Tôi không biết mình đã làm gì để xứng đáng có được một người bạn như Vijay. Nhưng dù có làm gì thì chắc là tôi đã làm ở kiếp nào đó chứ không phải kiếp này.

“Tuyệt quá, V ời, cảm ơn cậu,” tôi nói. “Cảm ơn cậu rất nhiều. Mẹ tớ có thích không?”

“Ban đầu bà hơi hoang mang. Như kiểu một bà vợ Stepford ấy. Nhưng khi bọn tớ đưa cho bà xem những thứ bọn tớ mang vào, và nói với bà là cậu gửi, thì bà phấn chấn lên. Bắt đầu vẽ ngay lập tức. Lên tường trong phòng.”

“Tuyệt quá. Thế bác sĩ có ở đó không? Một gã ngu xuẩn mặc áo choàng trắng ấy? Ông ta có cố ngăn bà lại không?”

“Có cả tá những gã ngu ngốc mặc áo choàng trắng xung quanh. Đó là bệnh viện cơ mà. Nhưng khi bọn tớ ở đó thì chẳng ai đến cả. Lúc đó là cuối giờ thăm bệnh nhân. Thứ Bảy. Có khi ông ta đang ở nhà.”

“Hay quá. Tớ nợ cậu nhiều quá, Vijay ạ.”

“Có gì đâu. À mà cảm ơn cậu về mấy con búp bê hình nộm nhé. Cực dễ thương. Medvedev với Talabani khó tìm lắm ấy.”

Tôi phá lên cười. Chỉ có Vijay Gupta mới nghĩ búp bê hình nộm các chính trị gia dễ thương. Hôm đi tìm đồ tặng mẹ, tôi thấy vài con, thế là tôi gửi FedEx về cho cậu.

“Ồ mà còn chuyện này nữa... Tớ phải chào cậu hộ Nick. Nó lại bị bắt.”

“Vì vụ gì?”

“Vì đâm vào một cái hình nộm bong bóng Ronald McDold khổng lồ ở Court Street.”

“Không thể nào.”

“Có chứ. Cái con đó lớn lắm, phải cao tới ba mét. Một đứa nhỏ khóc, không chịu đi qua. Vú em kéo nó tới quán Ăn Vui vẻ và nó cứ nói là nó không muốn vui vẻ. Nick thấy thương cho nó. Nó lấy con dao quân đội Thụy Sĩ ra và đâm vào con Mickey D. Tớ tận mắt chứng kiến luôn.”

Vijay phá lên cười nhưng tôi thì không. Tôi tin chắc là Nick lại xin. Hoặc là say thuốc. Và tôi biết vì sao cậu đã như thế, tại sao bây giờ cậu lại như thế, lúc nào cũng vậy.

“Cậu không tin nổi có bao nhiêu người đã vỗ tay đâu. Nó bị bắt nhưng rồi được bảo lãnh ra. Lại một lần nữa. Nó sẽ chứng minh là mình bị điên. Nó bảo nó bị chứng sợ các anh hề.”

Nick khổ sở, nhưng chả liên quan gì đến bọn người hề cả. “Chào cậu ấy hộ tớ nhé? Bảo với cậu ấy là tớ sẽ gọi cho cậu ấy ngay khi tớ về,” tôi nói.

“Arden đã chia tay nó rồi,” Vijay nói. “Cô ta đang hẹn hò với Mickey Rourke. Tháng này kỳ nghỉ vừa rồi đưa nó đi Bali.”

“Chả phải chuyện đó bất hợp pháp ư?”

“Thực chất là không. Hai tuần trước nó bước sang tuổi mười tám. Bender ký được hợp đồng đóng phim. Còn Simone đã vào được trường Brown.”

“Thế còn Vijay Gupta thì sao?” tôi nói. “Vào được Harvard chưa?”

“Vẫn chưa.”

“Họ sẽ nhận cậu, V ạ. Tớ biết chắc thế. Rồi khi đó cậu sẽ từ chối họ. Ai mà cần Jivey Leagues chứ? Đấu tranh chống lại kẻ có thể lực, đánh chết luôn. Phá hoại của công. Rồi đi học ở trường Bard.”

“Chà. Được đấy. Thế chắc là họ sẽ ngạc nhiên đây.”

“Vijay! Vijay Gupta!” tôi nghe tiếng gọi văng lên trong điện thoại. “Nghe có vẻ như con đang không gọi điện thoại nghiêm túc! Nghe có vẻ như con đang nói chuyện với một trong những đứa bạn ngu xuẩn của con!”

“Tớ phải gác máy đây. Bà mẹ rồ đang tới. Gọi cho cậu sau nhé, Andi.”

“Gặp cậu sau.”

Tôi mỉm cười khi gác máy, mừng khi kế hoạch của tôi đã thành công. Mừng người mẹ họa sĩ của tôi đã về trở lại - dù là về lên một bức tường. Có lẽ tôi có thể mang thêm cho bà các thứ. Sao lại không? Vài tiếng nữa tôi mới phải ra sân bay, và Clignancourt, chợ trời lớn của Paris, hôm nay có mở cửa. Tôi quyết định sẽ đi.

Tôi lấy túi và áo khoác, bảo bố tôi sẽ ra ngoài. Ông hỏi tôi có tiền euro để tới sân bay và đô-la để gọi taxi từ JFK về Brooklyn chưa. Nhưng trước khi tôi kịp trả lời thì điện thoại của ông đổ chuông.

“Chào, Matt,” ông nói. Ông nhìn đồng hồ. “Sao lại gọi cho tôi sớm thế? Có chuyện gì à?”

Matt. Đó là tên của bác sĩ Becker. Tôi tự hỏi không biết ông ta có phải đi thăm bệnh hôm nay không. Nếu ông ta nhìn thấy bức tường trong phòng mẹ thì sao? Tôi tự hỏi không biết có phải tình cờ không mà ông biết được ai đã gửi họa phẩm cho mẹ tôi. Đến lúc phải chạy rồi.

“Andi, đợi đã...,” bố nói.

“Bố đừng lo!” Tôi hét vào từ ngưỡng cửa. “Con có tiền rồi! Con sẽ ổn mà! Con sẽ gọi cho bố từ Brooklyn... Tạm biệt bố!”

Tôi đóng sầm cửa lại và té ngay.

Cũng giống như một thành phố, Clignancourt có các quận riêng của nó.

Các con phố dẫn tới chợ trời đầy những người bán hàng giá rẻ. Họ bán đồ đựng trong xe đẩy hay chỉ trải một cái chăn ra vỉa hè. Tôi bước qua những người phụ nữ và đàn ông bán chuỗi hạt châu Phi, tất, sơn môi, đồ lót, quần mặc ở nhà, cà ri dê, và pin, và cứ thế đi thẳng tới trung tâm chợ trời.

Rue des Rosiers và Biron có đồ nội thất. L'Entrepot có đồ phế thải. Serpette có quần áo kiểu vintage, những chiếc rương Louis Vuitton cổ, và rất nhiều tranh vẽ. Không muốn mua gì nên tôi đi thẳng tới Marché Vernaison, nơi càng lúc càng hay ho. Nó là nơi tập trung những quầy hàng, vừa lộn xộn vừa hẹp.

Tôi dừng lại ở một quầy mua một cái đê bằng bạc và một cái tách sứ bị nứt. Một cuốn sách dạy nấu ăn từ hồi những năm bốn mươi. Một cái hộp đựng kẹo bọc nhung đã phai màu. Tôi đi tiếp và tìm thấy những bông hồng bằng vải đã bạc màu, những cái khay đen nhánh, một cái thắt lưng bằng nơ có khay cài bằng mã não, những tấm bưu thiếp từ Deauville. Tôi khéo léo di chuyển giữa các thùng và sọt, tìm kiếm, lòng sục, nhồi các thứ mình mua vào túi.

Tôi rẽ một góc, đi qua một quầy bán áo lông, một quầy khác bán đồng hồ. Bên ngoài quầy thứ ba có một cái bàn sắt cổ và bên trên có một cái bát đựng đầy những quả bóng bi-a. Chúng có khía và có lỗ nhỏ, năm euro một quả, và tôi biết mẹ tôi sẽ rất thích chúng. Tôi chọn ba quả.

Túi tôi bắt đầu nặng. Tôi đói nữa. Nhưng tôi vẫn cứ tìm kiếm và sục sạo, đi tiếp vào trong chợ cho đến khi tôi ra ngoài ở phía bên kia chợ. Những hàng đồ cổ lại nhường chỗ cho những người bán đồ lật vật. Tôi lựa chọn, cuối cùng lấy một sợi dây chuyền bằng pha lê đỏ, và một cái hộp đựng kẹo.

Và rồi tôi tới cuối chợ và chỉ còn một người bán cuối cùng - một gã gầy nhẳng tóc đuôi ngựa. Gã đang ăn sandwich cừu bằng một tay. Tay kia thì kéo các thứ từ trong một cái Citroen rỉ sắt ra. Trông gã như vừa mới tới đây. Gã mặc một áo khoác nhung nhàu nhĩ dài bên ngoài một áo trùm đầu. Cái áo trùm đầu có hình một thành phố. Tôi yêu ORLÉAN, nó viết.

Có một hộp đồ trang sức cổ trên vỉa hè. Tôi bắt đầu lục lọi nó. Gã ngồi xuống cạnh tôi và mỉm cười. Răng gã lốm chớm. Giữa các ngón tay có vết thâm tím. Mắt thì lơ đã lơ dờ. Gã nhìn quanh rồi lấy một khúc xương trong áo ra.

"Tôi chôm được dưới hàm mộ đấy," gã bảo tôi. "Là một cái chân. Rất cổ. Cô muốn mua không? Hai mươi euro. Tôi có cả xương sườn nữa. Mười euro. Và xương sọ. Giá năm mươi."

"Ừm, không, cảm ơn."

Tôi hy vọng gã sẽ quay lại với những cái hộp của mình nhưng không. Ban nhạc Coldplay đang chơi trên đài. Gã bắt đầu hát theo Chris. Một phút tôi cầm chìa khóa/ Những bức tường mới đóng lại trước mắt tôi/ Rồi tôi phát hiện ra tòa lâu đài của mình/ Nằm trên những đụn cát to và những đụn cát to...

Gã dùng tay áo quệt mũi và nói, “Có thể là Louis XVI hát đấy. Hoặc có thể chỉ là đầu ông ta thôi. Bởi vì người ta đã chặt nó.”

“Có thể,” tôi nói, dịch ra xa hẳn một chút.

“Cái đầu biết là nó đã bị chặt. Trọng vài giây. Mười, có thể là mười lăm. Đúng như thế. Một bác sĩ đã thí nghiệm hồi năm 1905. Ông ấy nhặt cái đầu của một gã bị chém ngay sau khi nó rơi ra và gọi tên người đó. Đôi mắt đã chớp. Nó nhìn ông bác sĩ. Nó biết ông ta.” Gã huơ huơ cái xương chân trong không trung cho đến khi bài “Viva la Vida” kết thúc. Rồi gã nói, “Paris chỉ toàn là âm nhạc và hồn ma. Tôi có thể nhìn thấy chúng.”

Tôi liếc xuống phố để chắc chắn là mình đang không ở một mình với cái gã điên ăn trộm xương ở nghĩa địa này.

“Cô có thể không?” gã hỏi.

“Có thể gì cơ?”

“Nhìn thấy chúng.”

“Không.”

“Chúng ở khắp mọi nơi. Đôi khi chúng muốn thức ăn của tôi. Đôi khi chúng muốn nói chuyện. Đôi khi chúng giận dữ với tôi.”

“Chắc là thế rồi. Tôi cá là chúng muốn đá đít anh. Nhưng chúng không làm được. Anh ăn trộm chân chúng rồi mà.”

Gã phá lên cười. Châm một điếu thuốc. “Bà tôi, bà là người Roma. Cô biết... dân gypsy không?” gã nói. “Bà thường bảo với tôi đó là một dấu hiệu, khi người chết xuất hiện. Một dấu hiệu của cái chết.”

“Chà. Thật là sâu sắc quá đi.”

“Ý bà là người nhìn thấy chúng sẽ chết. Đó là lời cảnh báo. Nó có nghĩa là ta đang đến quá gần họ, thế giới của họ.” Gã lại bắt đầu huơ huơ. “Cô có thể không?” gã nói.

“Có cái gì?”

“Nhìn thấy chúng.”

Tại sao anh ta lại hỏi tôi? Tôi tự hỏi. Tôi toan nói không thì đột nhiên nhớ ra cái tối trên phố Henry khi tôi đi bộ từ trường về nhà và nhìn thấy Truman. Tôi nhớ chuyến đi của mình tới hầm mộ, khi tôi nghĩ mình nghe thấy người chết nói chuyện với tôi. Nhưng tôi vẫn bảo với gã ta là không.

“Họ thấy cô đấy,” gã nói. “Họ đang theo dõi. Đợi chờ.”

“Ừ há,” tôi nói, lo sợ nhưng cố không để lộ ra.

Tôi xem xong đồng trang sức và liếc mắt nhìn đồng hồ của gã - những cuốn sách bìa mềm cũ nát, những bình cà phê, đĩa, một cái gạt tàn Pernod, tấm bản đồ cũ, những cái cà vạt nơ nhàu nhĩ, một hộp thiếp Giáng sinh kiểu vintage. Tôi định đi rồi thì lại nhìn thấy nó - nhét trong một chiếc hộp cạnh thùng xe - một bức tranh sơn dầu nhỏ. Một bức tĩnh vật.

Tôi cầm nó lên. Nó cực kỳ cũ và rất đẹp. Sơn dầu đã rạn còn khung thì sứt mẻ. Bức canvas hơi bị rách. Nhưng bức tranh thì rất đẹp. Nó vẽ lê, vài hạt dẻ, một cái bình đồng cổ, và một con thỏ chết. Mẹ tôi sẽ thích nó. Nó là thứ bà treo cạnh khung tranh của mình. Ở nhà. Càng nhìn bức tranh, tôi càng muốn mua nó cho bà. Để mai mang tới bệnh viện và treo lên tường trong phòng bà. Nó hay hơn tất cả những thứ mà tôi đã mua cho đến lúc này. Có thể nó sẽ giúp bà. Có thể nó sẽ làm được việc mà những viên thuốc của bác sĩ Becker không làm được. Có thể nó sẽ là một cái vòng sắt.

“Bao nhiêu?” tôi hỏi gã.

“Một trăm,” gã đáp.

Tôi mở ví. Tôi không có đủ một trăm. Tôi chỉ còn đủ tiền để đi taxi ra sân bay, với vài đồng hai mươi còn lại.

“Sáu mươi được không?” tôi nói, hy vọng gã sẽ đồng ý vì tay gã đang run rẩy, nhưng gã không chịu.

“Thôi nào, anh cần tiền mà. Tôi biết là anh cần.”

“Nhưng không nhiều bằng cô đâu,” gã nói, nhìn bàn tay đang run run của tôi.

Tôi lấy hết tiền ra và đặt lên trần xe của gã. Còn năm mươi tám euro và tiền lẻ. “Tôi chỉ có ngần này,” tôi nói.

Gã nhìn hết từ đầu đến chân tôi, rồi giật thắt lưng của tôi. Gã đứng gần tôi đến nỗi tôi có thể ngửi thấy mùi thịt cừu gã ăn trong bữa trưa.

Tôi lùi đánh vụt lại. “Thôi đi, đồ chó,” tôi nói.

Gã bật cười. “Đừng có tự mãn. Cái thắt lưng này đáng tiền đấy,” gã nói.

Lúc này thì tôi cởi nó ra. Tôi cởi ra đặt lên trên đồng tiền.

“Tiếp tục đi,” gã nói.

Tôi tháo số nhẵn và đặt chúng lên trên cùng. Rồi lắc tay. Hấn lắc lắc đồng nữ trang, rồi chỉ vào khuyên tai của tôi.

“Thôi nào!”

“Cô có muốn lấy bức tranh không?”

Tôi làu bàu, nhưng tôi tháo khuyên tai ra và bỏ lên trên đồng kia. Tôi thấy mình như khỏa thân và không chống cự được gì, như thể gã đã tước sạch vũ khí của tôi. Giờ thì trên người tôi chả còn tí kim loại nào nữa. Chà, gần như là không. Mắt hấn dò xuống chiếc chìa khóa của Truman. Tôi dùng tay che lại.

“Quên đi. Cái này không bán,” tôi bảo hấn.

Hấn dăm dăm nhìn chiếc chìa khóa, rồi nhìn vào mắt tôi. Giờ chúng không lơ lơ nữa. Chúng đen và sắc lạnh. Đen như màn đêm.

Gã mỉm cười với tôi, đôi mắt điên loạn lấp láy. “Đời bị tẩy xóa,” gã nói. “Không hoàn toàn nhưng lác đác đủ những chỗ còn lại.”

“Cái gì cơ?” tôi nói, gần như nổi điên lên.

Nhưng gã không trả lời tôi. Gã chỉ bật cười.

Chỉ là gã đang ba hoa những chuyện vớ vẩn thôi, tôi tự nhủ. Gã chẳng biết gì cả. Không biết gì về tôi. Về chiếc chìa khóa. “Thế anh có bán bức tranh không đây?” tôi hỏi gã, nghe có vẻ dửng dưng hơn thực chất tôi đang cảm thấy.

Gã cắn môi một lúc, rồi gật đầu. Tôi nhét bức tranh vào dưới cánh tay trước khi gã kịp đổi ý.

“Cám ơn,” tôi nói, quay đầu đi. Tôi phẫn khích đến độ tôi nói Adieu với gã, đây là lời tạm biệt cuối cùng, gần như là nói rằng, Gặp lại anh ở thế giới tiếp theo, thay vì nói Au revoir, nghĩa là gặp lại sau. Tôi xin lỗi vì nói nhầm, rồi bảo anh ta Au revoir.

Gã lắc đầu, mỉm cười với tôi, nhe ra hàm răng sún gãy. “Cô nói câu đầu tiên mới đúng,” gã nói. “Adieu.”

Tôi đang bị muộn.

Tàu điện ngầm siêu chậm - sửa đường ray hay gì đó - và về tới nhà bác G lâu ời là lâu. Đã gần sáu giờ rồi. Đáng lẽ lúc này tôi phải ngồi trên taxi rồi, chứ không phải chạy lên cầu thang để vào cái chuồng bồ câu của bác G và cô Lili.

Cô Lili có nhà. Cô đang vừa xem tivi vừa nói chuyện điện thoại - chắc là với bác G. Có vẻ có rắc rối với chuyến bay của bác. Sau vài phút, cô gác máy.

“Công nhân hàng không đang đình công,” cô bảo tôi.

“Cái gì ạ? Không thể nào!” Không thể được. Không phải là lúc này. Không phải là tối nay.

“Phi trường Orly và DeGaulle giờ lộn xộn lắm. Lẽ ra bác G về nhà tối nay nhưng chuyến bay của bác ấy bị hủy. Bác ấy cố đi tàu nhưng khó lắm. Rõ là ai cũng muốn có vé ngay lập tức.”

“Chuyện này xảy ra khi nào ạ?” tôi hỏi cô.

“Họ thông báo một tiếng trước.”

Tôi thả cái túi xuống sàn. “Cháu không thể tin nổi,” tôi nói, hoàn toàn tuyệt vọng.

“Andi? Sao thế? Ồ! Cô quên bég mất là tối nay cháu bay. Cháu không nhận được điện thoại của hãng hàng không à?”

“Có thể có. Cháu không biết. Cháu bị kẹt trên tàu điện ngầm.”

Tôi mở điện thoại và đúng là có tin nhắn. Từ hãng hàng không.

“Họ bảo sao?” cô Lili hỏi khi tôi gác máy.

“Chuyến bay của cháu cũng bị hủy,” tôi bảo với cô.

“Cô rất tiếc, Andi ạ. Cô biết là cháu muốn gặp mẹ.” Cô tiến tới ôm lấy tôi. “Nhưng ít ra thì bác G và cô vẫn giữ thêm cháu được vài ngày. Chúng ta sẽ rất vui nếu có cháu ở cùng.”

Tôi cố nặn ra một nụ cười. “Cám ơn cô Lili,” tôi nói.

Cô bảo tôi cô chuẩn bị ra ngoài ăn tối với sinh viên và trong bếp có bánh mì, pho mát và thịt hun khói và tôi cứ tự nhiên.

Tôi cám ơn cô, cầm túi lên và mang về phòng. Rồi tôi ngồi xuống giường. Tôi không nghĩ chuyện này sẽ xảy ra và lẽ ra tôi phải lường trước được. Công nhân đã đe dọa đình công nhiều ngày nay, nhưng tôi không để ý. Tôi quá mải lo hoàn thành đề cương.

Tôi nhìn quanh phòng, băn khoăn không biết làm gì trong hai ngày tiếp theo, hay ba ngày, hay

tám ngày, hay không biết bao lâu đến khi tôi lên được một cái máy bay về lại New York. Tôi thấy hơi hoảng hốt trước ý nghĩ không có gì để làm, và không có nơi nào để đi, và phải ở cạnh bố tôi không biết trong bao lâu. Tôi thấy buồn khi nghĩ mai không gặp được mẹ.

Tôi lục túi lấy thuốc và nuốt hai viên. Qwell đã giúp tôi khá ổn định suốt cả ngày - có lẽ hơi ngu xuẩn và vụng về, nhưng ổn định. Khi bỏ lọ thuốc vào lại túi, tôi thấy cuốn nhật ký nằm đó, ngay nơi tôi để tối hôm qua. Vẫn còn bốn năm trang nữa. Tôi định đọc nốt khi đi Clignancourt về. Trước khi tôi gọi taxi ra sân bay.

“Giờ thì hài lòng chưa?” Tôi nói, vẫn nhìn chăm chăm vào nó.

Tôi với lấy cuốn nhật ký. Khi tôi mở ra, cô Lili bước vào.

“Cô đi đây, Andi ời. Cô chỉ đi vài tiếng thôi.” Cô tạm biết, nhưng rồi vẫn đứng ở ngưỡng cửa. “Cháu biết không,” cô nói, “trên Rue Oberkampf có nơi này. Bác G với cô thường tới đó. Khi bọn cô là sinh viên. Đồ ăn ngon và có nhạc sống vào Chủ nhật. Quán tên là Rémy. Cô thực sự nghĩ là cháu sẽ thích nó. Cháu tới đó ngồi thì rất hợp. Để nghe nhạc. Có thể gặp gỡ vài người bạn cỡ tuổi cháu và vui vẻ. Cháu có thể ở đây thêm vài ngày. Dân Pháp thích biểu tình lắm.”

“Quán Rémy ạ?” tôi nói, như thể tôi chưa bao giờ nghe tới cái chỗ đó.

“Ừa. Nghĩ thử xem nhé.” Cô hôn tôi rồi đi.

Tôi ngồi trên giường chừng một phút, nhìn chăm chăm vào bóng đêm, hy vọng là không quá muộn. Cho Alex. Cho Louis-Charles. Và cho tôi.

Tôi vội chạy xuống Rue Oberkampf. Đã hơn tám giờ. Tôi bị muộn rồi. Có lẽ họ đã bắt đầu chơi rồi.

Tôi thấy phấn khích. Lẽ ra tôi phải khôn ngoan hơn nhưng tôi không ngăn được mình. Tôi nóng lòng muốn gặp cậu. Có lẽ tôi vẫn chưa làm hỏng mọi cơ hội với cậu. Có lẽ bọn tôi vẫn có thể cùng ăn một bát thịt hầm ở quán Rémy sau khi chơi đàn và trò chuyện. Hoặc không cần trò chuyện. Như bọn tôi đã làm ở Sacré-Coeur. Không trò chuyện gì còn hay hơn.

Tôi mở cửa và va vào một người. Chỗ này đông kín người. Tôi đoán chắc Chủ nhật là tối đặc biệt ở đây. Tôi nhón chân, cổ nhìn lên sân khấu. Virgil ở trên đó. Cậu đang ngân nga. Cậu đang đi đi lại lại trên cái sân khấu nhỏ. Đám đông yêu thích bài hát đó. Họ cổ vũ cậu bằng mười thứ tiếng khác nhau. Cậu đang hát đến đoạn cuối một bài tên là “I’m Shillin”. Tôi nhận ra nó từ đĩa CD của cậu.

... Tôi chả là ai cả

cho tới khi đeo một cái túi LV

ngựa con, cá sấu

một chữ G to đùng, sáng bóng

cứ việc gọi tôi là thằng ba phải

nhưng tôi sẽ bắt bạn chi tiền ra

mua cái đồng hồ này, uống ly trà đó đi

bạn sẽ giống tôi ngay thôi

bán giày, bán cà phê

tiền ngọt hơn cả kẹo cà phê

bán trang sức, bán xe hơi

ừa, phúc lợi cho các vì sao đấy

con đó là con khỉ nợ

làm cho nhà nghệ thuật phát sốt lên

cứ hỏi Brad Pitt mà xem

rồi nó tốc thẳng

giờ nó là nước vitamin

và bảo tôi có nên mua một chai dầu chồn hôi

của con bé Estée Lauder kia không

nó có phong cách, rất vênh vang

nó còn hơn thằng ba hoa

bán nhạc bán nhĩc

rất nhiều lần

giờ nó giàu ngang Mick Jagger

nó bảo, tao phải chơi thật

ra giá đi

làm một bài diễn văn dài

cho mặt tôi lên cái hộp

bữa ăn giảm giá của con bạn

tôi cúi đầu trước thằng hề

vì tôi muốn có vương miện

áo ngủ bằng lụa

nhà thông tầng ở ngoại ô

giờ tôi là một thằng hút xì gà Bolivar

chơi vớ vẩn, chơi poker

tôi là đứa hết quyền hết lực

và một thằng hề của Diddy.

bán nhạc, bán tranh

bán linh hồn, chả sao cả

đừng bao giờ quên

chỗ nào có cò mồi là sẽ có cách.

Cậu giang rộng tay ra rồi cúi chào và khán giả như phát điên lên.

Jules đứng đằng sau cậu. Và vài người khác. Tối nay họ có đầy đủ dụng cụ - mic, âm li, guitar, một cái trống máy. Họ không nhìn thấy tôi. Tôi ở mãi đằng sau và không biết làm cách nào để

đi qua đám đông.

Tôi nhìn sang trái rồi phải, cố tìm ra một đường. Tôi lại nhìn lên sân khấu và thấy một người tôi chưa thấy trước đây - một cô gái da nâu thanh mảnh cao ráo xinh đẹp. Cô ấy bước tới, đưa cho Virgil một cái khăn và một cốc nước. Cô quay đi, nhưng cậu nhoài tới, cầm lấy tay cô và kéo cô quay lại với cậu. Cậu thì thầm gì đó vào tai cô, rồi hôn lên má cô. Cô bật cười. Ôm cậu. Nhảy xuống sân khấu.

Chà. Hơi bị nhanh đấy nhỉ. Chắc là cậu phải đau khổ lắm khi mà chuyện giữa tôi với cậu không thành.

Tôi chuồn ra ngoài. Thật nhanh. Trước khi có ai kịp nhìn thấy tôi là một con ngốc ngu xuẩn và buồn bã đến mức nào.

Tôi đang cố chơi bản “Norwegian Wood”. Nhưng không thành công. Tôi bập bồng dây đàn. Hồng bết cả. Tôi bỏ cuộc và thử sang Bach. Cũng chả được luôn.

Tôi chơi nhạc để khỏi phải nghĩ một số chuyện. Chẳng hạn như - Tại sao tôi lại nghĩ rằng Virgil không có bạn gái? Hai? Năm? Cả chục? Cậu ấy, một vị chúa nhạc hip-hop quyến rũ? Tôi đã nghĩ giữa chúng tôi có gì đó đặc biệt - tôi đã tin chắc là có - nhưng tôi đoán mình đã nhầm. Phán đoán sai - một tác dụng phụ hay ho nữa của thuốc an thần.

Tôi không chơi nổi bài nhạc. Tôi tự nhủ là do tay tôi bị cồng. Đang giữa mùa đông mà tôi ngồi ở Pont Neuf. Và có cả tuyết rơi. Một bông tuyết đang chao xuống. Nhưng tôi biết cái lạnh không phải là lý do khiến tôi chơi dở. Là do thuốc an thần. Tại quán Rémy tôi đã uống thêm. Và giờ thì tôi vừa loạng choạng vừa chậm chạp vừa tê dại. Tôi không cảm thấy gì cả. Tôi biết trời lạnh, nhưng tôi chả cảm thấy. Tôi biết mình buồn, nhưng tôi cũng chả cảm thấy thế luôn.

Giờ thì tôi ở cách xa quán Rémy's. Cách xa nhà bác G. Sau khi nhìn thấy Virgil, tôi không muốn quay về nhà. Cô Lili có khi đi ăn tối về rồi. Bố có thể đã từ lab về. Mà tôi thì không muốn nói chuyện. Với họ. Với bất kỳ ai. Tôi chỉ muốn chơi đàn. Để tìm được cái nốt nhạc mà Nathan đã bảo tôi.

Gió thổi tóc bay vào mặt tôi. Tôi gạt tóc và cảm thấy gì đó trên má mình. Tôi quệt đi. Lòng bàn tay tôi đầy những giọt pha lê đóng băng nhỏ xíu. Tôi nghĩ đó là nước mắt.

Điện thoại của tôi đổ chuông. Tôi móc từ trong túi ra và nhìn số. Đó là Virgil. Tôi nhét lại vào túi. Cậu đã trả iPod lại cho tôi. Tôi chẳng cần gì từ cậu nữa. Các gã trai khiến bạn buồn, chứ âm nhạc thì không.

Tôi hít một hơi thật sâu, và cố chơi bản nhạc mà không làm hỏng nó. Một nốt, chỉ một nốt thôi. Tôi chỉ cần có thế. Nhưng tối nay mới khó khăn làm sao. Khó đến nỗi tôi ngừng chơi. Và tôi nhìn lên trời. Đen kịt. Không trắng. Không sao.

Xin chào bóng tối, người bạn cũ của tôi.

Chắc trễ rồi, tôi nghĩ. Quá trưa ngày thứ Hai. Có lẽ một hai giờ chiều cũng nên. Tôi đã ngủ rất lâu. Căn nhà yên ắng. Chắc bố với cô Lili đi rồi.

Tôi mở mắt ra, nhìn đăm đăm vào tia sáng xám lợt qua cửa sổ phòng ngủ, rồi nhắm mắt lại khi nỗi buồn xộc vào người tôi - không đi vòng quanh, không lén lút, nó xộc thẳng một cách trực diện. Tôi loạng choạng ra khỏi giường và thọc tay vào túi lục tìm thuốc.

Nhưng chúng không có ở đó. Tôi bắt đầu thấy hoảng loạn. Tôi quay cả người ở giữa phòng cho đến khi thấy chúng. Ngay ở chỗ tôi bỏ quên. Trên bàn ngủ cạnh giường. Trên cuốn nhật ký.

Tôi nuốt bốn viên, nằm lại lên giường, và muốn ngủ lại. Nhưng tôi không ngủ được. Tất cả những gì tôi nghĩ đến là Virgil. Sao tôi có thể sai lầm đến thế về cậu? Tôi ước giá gì mình chưa bao giờ gặp cậu. Ước giá gì chúng tôi không có những cuộc điện thoại đó. Ước gì tim tôi đừng có cảm giác như đang vỡ vụn ra trong tôi.

Phải mất một lúc thì thuốc an thần mới có tác dụng. Tôi cầm lấy cuốn nhật ký và bắt đầu đọc, tuyệt vọng muốn tìm thứ giúp đầu óc mình khuây khỏa.

26 tháng Năm 1795

Tôi sẽ không bao giờ quên ngày 14 tháng Bảy, và không phải nó là ngày ngục Bastille bị phá. Ngày 14 tháng Bảy năm 1793 là ngày cuối cùng tôi phục vụ hoàng gia. Tôi đã được bảo là họ không cần tôi nữa. Nhà vua đã chết, bị chém đầu vào tháng Giêng của năm mới. Hoàng thái tử Louis-Charles ở trong tay của một gã tên là Antoine Simon. Một người do Quốc hội chọn. Một người của nhân dân. Một người Cộng hòa. Một con sâu rọu nhăm hiểm, ngu xuẩn.

Tôi cố chào tạm biệt hoàng hậu. Thừa hoàng hậu, tôi nói với bà. Làm ơn, thừa hoàng hậu.

Nhưng bà không nghe tôi nói. Bà chỉ nghe tiếng con mình khóc lóc suốt nhiều ngày liên tục trong căn phòng mới của cậu, ở tầng bên dưới phòng bà. Bà không nói gì. Bà không ăn gì. Bà chỉ nhìn chăm chăm vào bức tường và đung đưa người.

Hoàng hậu phải mạnh mẽ lên, bà Elizabeth bảo bà. Bà phải chịu đựng. Cả Chúa cũng nghe thấy tiếng khóc của con trai Người khi Người nằm trên thánh giá.

Đừng có nhắc đến Chúa với ta, hoàng hậu nói.

Có âm thanh như tiếng tát - đột ngột và mạnh - một tiếng rú đau đớn, rồi tiếng nước nở. Hoàng hậu đứng dậy. Bà loạng choạng đi qua phòng và cầm một cái hộp lên. Bên trong có một cây đàn guitar. Đàn của nhà vua. Tôi thường chơi nó cho hoàng thái tử Louis-Charles nghe.

Cầm lấy đi. Chơi vì hoàng thái tử, hoàng hậu nói, chìa đàn ra cho tôi.

Tên lính đang canh chừng chúng tôi.

Nhưng thừa hoàng hậu, không ai được phép gặp hoàng thái tử cả, tôi nói.

Mở ra. Chơi đi, bà nói. Xoay chìa khóa một lần để mở nó ra.

Nhưng khi bà nói một, bà lại giơ ba ngón tay lên. Bằng một cách mà tên lính không thấy.

Tôi... tôi không thể, tôi nói.

Bà bắt đầu khóc. Ta xin cô, bà nức nở. Hãy chơi vì hoàng thái tử. Để trái tim tội nghiệp của con ta được vui vẻ. Rồi bà gục xuống sàn, choàng tay ôm lấy đầu gối, và khóc than ai oán.

Cầm lấy đi! Tên lính quát. Cầm lấy và làm cho bà ấy im đi!

Ông ta là một người tử tế, một người cha, và muốn là người tốt bụng, nhưng ông sợ. Tôi có thể thấy điều đó trong mắt ông. Tất cả chúng tôi đều sợ. Chúng tôi đã thấy nhiều xe bò chở người bị chém rồi.

Tôi làm theo như ông bảo. Bên ngoài phòng bà, ông ta mở thùng đàn ra. Ông dùng dao cắt dây đàn và dò dẫm bên trong nó. Rồi ông xé toạc lớp bọc thùng đàn ra, kiểm tra xem có mặt mã không. Chỉ khi ông tin là hoàng hậu không giấu gì trong đó thì tôi mới được cầm lấy nó.

Sau đó, trong phòng tôi, tôi tìm thấy cái mà bà muốn tôi tìm thấy. Tôi xoay chìa khóa ba lần vì bà đã giơ ba ngón tay lên. Và tôi thấy một khoang bí mật. Trong đó có một bức tranh vẽ hoàng thái tử Louis-Charles - một bức tiểu họa vẽ trên ngà - và một túi tiền. Hai mươi đồng Louis vàng. Bà biết những thứ này ở trong đó. Nhìn chúng, tôi thấy giận dữ.

Tại sao bà lại đưa nó cho tôi, khổ thật? Tôi sẽ làm gì với chúng? Tôi đâu phải một ông hầu tước có cả một đội quân đâu, tôi chỉ là một người nhỏ bé, không có quyền lực gì.

Nhưng cơn giận dữ nhanh chóng tiêu tan và nỗi buồn thế chỗ bởi tôi hiểu bà hẳn phải tuyệt vọng đến mức nào mới giao phó cho tôi cuộc đời con trai bà. Tôi, trong tất cả mọi người. Không phải một hoàng đế. Không phải một vị vua. Chỉ là một đứa hầu hèn hạ. Tôi là hy vọng lớn nhất của bà. Hy vọng cuối cùng của bà. Tôi là cơ hội duy nhất mà đứa con trai bé bỏng của bà có. Bức chân dung nhỏ này, số tiền này; nó là một lời cầu xin đừng bỏ rơi thằng bé.

Tôi cầm những đồng tiền sáng bóng trong tay; thả chúng rơi qua kẽ tay. Tôi mâu thuẫn với chính mình. Với hai mươi đồng Louis vàng tôi có thể chạy trốn. Khỏi Paris và khỏi tất cả sự chết chóc của nó. Tôi có thể bắt đầu lại từ đầu ở một thành phố mới nào đó. Có lẽ tìm cách lên sân khấu. Chẳng phải đó là điều tôi luôn mong muốn ư?

Với hai mươi đồng Louis vàng, tôi có thể giúp hoàng thái tử. Tôi có thể dứt lốt Simon để hẳn đối xử tử tế với cậu, cho cậu đồ chơi và sách vở. Tôi có thể gặp cậu. Tôi có thể đền bù cho những tổn hại mà tôi gây ra, vì đã làm gián điệp, lừa dối. Tôi có thể giúp cậu ra ngoài.

Nhiều người đã bàn tới những chuyện này. Tên cai ngục luôn cảnh giác với các âm mưu và quả thực hẳn tuyên bố đã làm thất bại hơn một âm mưu định giải phóng cho hoàng hậu và các con bà. Hẳn rất cẩn trọng còn bọn lính gác thì cảnh giác. Nhưng ai cũng có cái giá của mình.

Tôi cầm một đồng tiền lên, lật nó trong tay mình. Đầu nhà vua ở một mặt. Vương miện của ông ở mặt kia. Tôi tung nó lên không trung. Chụp nó. Nắm chặt lấy.

Mặt phải hay mặt trái. Ở hay đi. Chuộc tội hay tự do, tôi tự nhủ, vờ như tôi có một lựa chọn.

Tôi hít một hơi thật sâu. Để lấy can đảm. Tôi lại hy vọng trở lại. Mặc dù tôi hiểu lý lẽ hơn.

Bởi vì Alex có hai mươi đồng tiền vàng. Và có thể chúng sẽ đủ. Đủ để đút lót cho kẻ đào mộ đẩy một cái cơ thể nhỏ bé yếu ớt vào Temple lúc giữa đêm. Đủ để thuyết phục vài tên gác quay lưng lại. Đủ để giải phóng cho cậu bé.

Ngày 29 tháng Năm năm 1795

Orléans ra máy chém vài tuần sau hoàng hậu, vào tháng Mười một năm 1793.

Con cả của hãn, Duc de Chartres, cùng với Tướng Dumouriez, đã bỏ quân đội cách mạng để ủng hộ phe bảo hoàng. Orléans từ con, nhưng rồi người ta tìm thấy thư từ liên lạc giữa hai người, cho thấy việc từ chối là giả. Hãn bị buộc tội là tòng phạm với Chartres và Dumouriez và tội cố lật đổ cách mạng.

Tôi ra khỏi căn phòng phía trên phòng hãn và tới gặp hãn trong xà lim. Tôi lại đóng kịch trong sân của Cung điện Hoàng gia để kiếm tiền và mỗi đêm sau khi xong thì về lại căn phòng đó.

Orléans đã bị bắt mấy tháng trước. Tôi không đi thăm hãn vì tôi không muốn thấy hãn, nhưng rồi phiên tòa xử hãn và lời phán quyết được đưa ra và tôi biết chẳng mấy chốc nữa hãn sẽ bị đưa tới máy chém, và tôi cương quyết là mình phải có được vài câu trả lời từ hãn trước đó.

A, chim sẻ nhỏ tới thăm đấy à, hãn nói khi nhìn thấy tôi. Sao cô vẫn ở đây? Sao còn chưa bay đi? Với ta thì xong rồi. Cô được tự do.

Ông hy vọng được làm vua, tôi nói.

Hãn nhướn mày lên. Có lẽ là cô cũng không ngu như ta tưởng, hãn nói.

Ông bỏ phiếu cho việc xử tử nhà vua cùng những người khác trong Quốc hội bởi vì ông muốn ngồi vào vị trí của ông ấy.

Ta làm thế bởi ta không có lựa chọn nào khác. Ta thuộc dòng Bourbon và vì thế ta luôn bị nghi ngờ. Ta phải thể hiện lòng trung thành của mình với cách mạng. Không bỏ phiếu xử tử nhà vua tức là bỏ phiếu xử tử chính ta.

Ông đang bảo rằng ông không muốn cai trị ư? Tôi không tin ông.

Dĩ nhiên là ta muốn. Ta đã hy vọng sẽ cai trị nước Pháp một cách khôn ngoan và tốt đẹp. Ta đã hy vọng thả tự do cho Louis-Charles và cai trị cho nó với tư cách quan nhiếp chính sau khi cha nó chết. Nhưng giờ thì chuyện đó sẽ không xảy ra. Nước Pháp đã xong với các vị vua rồi mặc dù ta e là nó chưa xong với các tên độc tài đầu.

Ông đã trả tiền cho đám đông tấn công Versailles. Và rồi tháng Chín ông lại trả tiền cho chúng, tôi nói. Những chấn song sắt giúp tôi đứng cảm.

Thế giờ ta có làm thế không? Ta chắc phải quyền lực hơn và giàu có hơn ta tưởng rất nhiều.

Đừng có nói móc tôi. Thế Louis-Charles thì sao? Cậu bé là cái gì? Chỉ là chương ngại vật cho những tham vọng của ông à?

Không. Là viên đá lót đường thì đúng hơn. Như với cô thôi.

Tôi nao núng khi nghe câu đó nhưng chỉ một giây thôi. Giờ cậu bé là trẻ mồ côi rồi, tôi nói. Một đứa trẻ khốn khổ, tội nghiệp. Ông có bỏ phiếu cho việc giam cầm cậu ấy không? Để cậu ấy bị đối xử tệ trong tay của Simon? Ông đã làm việc đó, đúng vậy, và tôi đã giúp ông. Bằng cách làm gián điệp. Bằng tất cả những thông tin mà tôi đã đưa cho ông. Ông là một con quỷ!

Orléans giương đôi mắt đen nhìn tôi. Con giận dữ bùng lên trong mắt hắn. Ta hỏi cô, chim sẻ, ai để đứa con trai duy nhất của mình chết trên một cây thánh giá, bị những tên cướp chế nhạo? Thế có phải là quỷ dữ không? Không. Cứ gọi ta là quỷ dữ nếu cô muốn. Ta nghĩ nó là một vinh dự.

Một con nhện bò qua sàn. Orléans cúi xuống, nhặt nó lên, cho nó lên chần song cửa sổ, và nhìn nó bò tới tự do.

Sao chúng vẫn cầm tù cậu bé? Sao chúng không chịu thả cậu ấy ra? Cậu ấy thì hại được gì chúng chứ? Cậu ấy chỉ là một thằng bé con, tôi nói.

Cậu ta hơn là một thằng bé con nhiều. Cô biết điều đó. Robespierre sẽ không bao giờ thả nó ra. Nó sẽ chết trong tù, Orléans nói.

Nhưng bên cạnh Robespierre còn có những người khác nữa. Những người có quyền lực, những người vĩ đại. Danton. Desmoulins. Họ có thể giúp cậu ấy.

Họ sẽ chẳng làm gì cho nó. Như bây giờ họ chẳng làm gì cho ta cả. Bởi chuyện đó không đem lại lợi ích gì cho họ. Cô chẳng học được gì trong thời gian làm việc cho ta à? Cô vẫn không biết rằng những kẻ vĩ đại hiếm khi là người tốt à?

Nhưng tôi sẽ không nghe lời hắn. Như một kẻ điên, tôi sẽ không đầu hàng. Chắc chắn còn có những kẻ khác cũng có âm mưu như ông, những người khác muốn trả tự do cho cậu ấy, tôi nói, hy vọng rằng nếu biết người nào đó, ông ta sẽ nói cho tôi biết.

Nhưng Orléans không đáp lại gì. Thay vào đó, hắn tháo nhẫn ra, thò tay qua chần song, và thả vào tay tôi. Đây, cộng với tất cả những thứ mà cô đã ăn cắp của ta - ồ có chứ, ta biết tất cả những thứ đó - sẽ là tiền giúp cô ra khỏi Paris, hắn nói.

Rồi hắn đi lại chỗ cái bàn gỗ nhỏ đặt ở góc xa trong xà lim, viết một lá thư, niêm phong lại, và đưa cho tôi.

Cái gì đây? Tôi hỏi hắn.

Thư giới thiệu. Lẽ ra là cho sân khấu Paris, nhưng cô không được ở lại đây. Đi London đi. Tới Drury Lane. Đưa nó cho một ông ở Garrick. Ông ta là bạn của ta và sẽ giúp cô.

Tôi không đi! Tôi hét lên. Tôi có tiền của nữ hoàng - hai mươi đồng Louis vàng - và giờ là mấy cái nhẫn của ông. Tôi sẽ giúp cậu bé ra ngoài, nếu không ai làm thế. Tôi, chính tôi!

Hắn nhìn tôi bằng ánh mắt mà tôi chưa bao giờ thấy hắn nhìn ai cả, một cái nhìn buồn bã không tưởng. Quên thằng bé đó đi, chim sẻ, hắn nói. Cô không thể làm gì cho nó đâu. Cô sẽ phải chiến đấu với cả thế giới để giải phóng cho nó, mà thế giới thì lúc nào cũng thắng.

Sau đó chúng đến đưa hắn đi. Hắn được đưa tới đoạn đầu đài bằng một cái xe kéo không có mui, bị đám đông khát máu chế giễu. Hắn rất cao quý, cho đến phút cuối. Hắn không thể hiện gì với đám đông cả. Không một cái cau mày. Không một giọt nước mắt. Không một lời.

Tôi khóc khi hấn chết.

Như một con chó khóc than cho ông chủ đã đánh đập nó.

30 tháng Năm 1795

Tôi cố bỏ trốn. Một lần. Vào tháng Sáu năm 1794. Vài tháng sau khi Orléans bị chém.

Tôi quần bách vì đã thất bại. Nhiều tuần liền tôi đã làm việc miệt mài để thực thi kế hoạch đưa hoàng thái tử Louis-Charles ra khỏi tù.

Tôi đã tìm thấy một kẻ đào mộ, nghèo đói và rách rưới, chịu làm như tôi bảo - mang thi thể một đứa bé, vừa mới chết chưa bốc mùi, vào nhà của bà thợ giặt của nhà tù. Tôi đã thuyết phục được bà thợ giặt và con gái bà ta đồng ý đặt thi thể ở đáy cái giỏ giặt bằng liễu gai, dùng đồ vải lạnh sạch phủ lên, mang vào trong tù, và giấu trong tủ đựng khăn ga các loại.

Sau đó, tôi sẽ cần bọn lính canh gác hoàng thái tử đi xuống tủ đựng đồ, mang thi thể vào trong xà lim, và tráo đứa trẻ đã chết lấy đứa còn sống. Rồi hấn sẽ đưa hoàng thái tử xuống phòng rửa bát, và giấu cậu trong một cái giỏ giặt khác - cái này đầy đồ bẩn. Bà thợ giặt và con gái sáng hôm sau sẽ tới, bê giỏ giặt cho lên xe đẩy và đi về nhà. Sẽ không ai nghi ngờ họ. Ai cũng biết họ và họ được tin cậy. Tôi sẽ đợi họ. Tôi sẽ tắm rửa cho cậu, thay quần áo cho cậu, và nhuộm tóc đen cho cậu. Bọn tôi sẽ đợi đến lúc trời tối, rồi ra khỏi thành phố. Hàng rào bị khóa sau khi trời tối, nhưng nếu biết tìm thì sẽ thấy các lỗ trên tường.

Đó là một kế hoạch táo bạo, và nguy hiểm, nhưng tôi tin nó sẽ thành công. Tôi sẽ trả cho tên đào mộ hai đồng Louis vàng. Bà thợ giặt và con gái muốn sáu đồng. Tôi biết việc khó khăn nhất là thuyết phục tên lính canh đêm của Louis-Charles. Tôi chỉ tới gặp hấn sau khi đã sắp xếp xong với những người kia. Tôi gặp hấn khi hấn đi từ tù về nhà, và đề nghị đưa cho hấn mười hai đồng Louis còn lại, cộng với số nhẵn của Orléans. Số của cái còn lại - những thứ tôi ăn trộm được từ Orléans - tôi sẽ cần để sinh sống sau khi tôi và hoàng thái tử trốn được ra khỏi thành phố.

Hấn không hề mỉm cười khi tôi tiếp cận hấn, nhưng để cho tôi trình bày rồi bật cười lớn khi tôi đề nghị trả hấn tiền và nhẵn.

Mày nghĩ mày là đứa đầu tiên nảy ra kế hoạch này à? Hấn hỏi tôi. Không có tuần nào mà không có người cố dụ tao tham gia vào một kế hoạch ngu xuẩn với cái giá hời hơn cái khoản còn con mày đang trả. Tao bị theo dõi rất chặt. Tao đảm bảo với mày có người đã theo tao với mày từ nhà tù ngay tối hôm nay và giờ thì vụt tới mách ngay với Fouquier-Tinville là chúng ta đã nói chuyện với nhau. Mai tao sẽ bị thẩm vấn và tao sẽ nói mày là bạn, và cần công việc, và chỉ tới hỏi xem tao có việc gì làm không.

Tôi biết cái tên đó, Fouquier-Tinville. Sau thời Robespierre, đó là cái tên đáng sợ nhất ở Paris. Fouquier-Tinville là kẻ đứng đầu Tòa Án Cách mạng, bộ phận chịu trách nhiệm xét xử những kẻ bị buộc tội chống lại nền cộng hòa và giải họ ra máy chém. Ông ta ra lệnh giết họ hàng ngày.

Dẫu vậy, nỗi sợ không ngăn tôi lại. Xin anh, tôi nói với tên kia, anh phải giúp nó nếu không nó chết mất. Tôi sẽ kiếm thêm tiền cho anh. Tôi sẽ...

Hấn mỉm cười, rồi nòng ăm vỗ lên lưng tôi - tất cả là để cho kẻ đang theo dõi bọn tôi nhìn, tôi tin chắc vậy. Vẫn mỉm cười, hấn nhoài tới sát tôi và bằng một giọng nhỏ và hăm dọa, hấn nói, Tối gặp tao lần nữa thì đích thân tao kéo mày tới Tòa Án. Tao có vợ và năm đứa con và tao mà chết thì chẳng làm gì được cho họ cả. Tin lời tao đi khi tao bảo sẽ cho đầu của mày vào giỏ trước khi mày cho đầu tao vào đó. Rồi hấn hôn lên má tôi, nói to với tôi rằng hấn sẽ xem thử có

làm được gì cho tôi không, và khởi sự đi về nhà, mồm huýt sáo.

Tôi cũng bỏ đi sau khi nhìn hắn đi khỏi. Khi tôi bước qua các con phố đêm tôi hiểu rằng mình sẽ không bao giờ giải phóng được cho hoàng thái tử Louis-Charles, rằng tôi không làm được gì cả. Tôi yêu cậu, đúng thế, nhưng tình yêu thì làm được gì trong một thế giới tăm tối như thế này?

Tôi bước đi dọc hàng rào tối hôm đó, tới một khu vực vắng vẻ cũ nát. Tôi hy vọng sẽ chui qua cái lỗ trên tường ở đó và thẳng tiến tới Calais trước bình minh. Tôi sẽ dùng số của cải bất chính tôi có được để tới London và để sống tiếp một khi tới đó. Tôi sẽ dùng thư của Orléans để được thuê ở Garrick. Cuối cùng tôi sẽ được lên sân khấu. Ý nghĩ đó lẽ ra khiến tôi thấy hạnh phúc.

Tôi quỳ xuống chân tường hàng rào và nhét cái guitar hoàng hậu đã cho tôi, và cái túi dết, qua cái lỗ. Lúc sắp sửa chui qua, tôi nghe thấy một tiếng nổ cực lớn.

Đừng bắn! Tôi kêu lên, đoán chắc là bọn lính.

Tôi quay người lại, tưởng là gặp đám lính cầm súng trường, nhưng chẳng có ai ở đó cả. Tôi nghe một tiếng nổ khác, rồi một tiếng nữa, và tôi nhận ra tiếng đó không phải là tiếng súng trường, mà là từ trên trời. Nó là pháo hoa. Ai đó đã bắn pháo hoa khắp Paris. Tôi không hình dung được lý do tại sao. Và rồi tôi nhớ ra - chúng là cho Lễ hội của những Kẻ Siêu phàm. Những người cách mạng đã chấm dứt sự thống trị của các vị vua và điều đó bao gồm cả Chúa. Sau khi cân nhắc, Robespierre đã quyết định Chúa có thể ở lại Paris nhưng chỉ với điều kiện ông phải cư xử như một người ái quốc tử tế và tự gọi mình là người theo chế độ Dân chủ. Tối nay họ đang diễn hoạt cảnh lịch sử trong thành phố để vinh danh vị chúa trời đã được tái tạo lại của họ.

Tôi nhìn lên pháo hoa. Chúng mới đẹp làm sao. Tôi không được nhìn thấy thứ như thế này kể từ hồi rời khỏi Versailles. Nhìn chúng lung linh trên bầu trời đêm, tôi lại nghe thấy giọng của Louis-Charles, ngọt ngào và buồn bã.

Trông chúng giống những viên kim cương của mẹ.

Như những vì sao vỡ tan nát.

Như tất cả các linh hồn trên thiên đường.

Cậu có nghe thấy tiếng pháo hoa trong Tháp canh không nhỉ? Tôi tự hỏi. Cậu có nhìn lên cửa sổ mà thấy chúng không? Ánh sáng của chúng có sáng lên trong đôi mắt đau buồn của cậu?

Thế giới thì tối tăm, đúng thế, nhưng dẫu vậy pháo hoa vẫn rực rỡ trên cao.

Tôi kéo cái túi dết và guitar lại qua tường và bắt đầu đi bộ thật lâu về lại phòng mình. Khi đó tôi biết mình sẽ làm gì. Và biết rằng tôi sẽ không bao giờ tới được London.

31 tháng Năm 1795

Một cái lắc làm bằng kim cương tinh xảo. Những đồng tiền vàng cuối cùng của hoàng hậu. Giờ tôi chỉ còn lại thế.

Fauvel cầm chỗ đó và lắc đầu. Tao không làm nữa, hắn nói. Đừng bắt tao.

Xin ông đẩy, Fauvel.

Ông ta cầm cái lắc lên, xem xét.

Hai mươi cái pháo hoa loại tốt nhất. Loại đẹp nhất mà ông từng làm. Đẹp đến nỗi khiến các vì sao phải hổ thẹn.

Ông ta vẫn không nói gì.

Xin ông đẩy, Fauvel.

Ông ta đút túi cái lắc và chỗ tiền rồi hôn má tôi. Và tôi biết chuyện gì đang đến. Tôi biết. Nhưng giờ ông ta chả làm gì khác được. Cả tôi cũng vậy.

Ít ra thì cuối cùng tôi cũng có được thứ mình muốn - một sân khấu để đứng lên, một khán giả vỗ tay hoan hô mình. Bởi giờ toàn bộ cư dân Paris nhìn tôi. Họ không nói chuyện gì khác. Ở Quốc hội, trong quán cà phê, trong tiệm giặt là, nhà máy, và quầy hàng ở chợ, họ đều nói đến pháo hoa. Các tờ báo viết đầy về việc tôi làm, từng hành động. Không diễn viên nào từng làm được chuyện đó, dù cả Talma vĩ đại cũng không.

Nhưng lúc này tôi chỉ quan tâm tới một vị khán giả mà thôi. Duy nhất một.

Vì cậu mà tôi đi trên các con phố ban đêm. Vì cậu mà tôi trèo lên mái nhà dốc đứng. Vì cậu mà tôi chạy trốn trong gang tấc, chỉ vượt trên bọn lính gác đuổi theo một bước. Vì cậu mà tôi lăn lê bò toài và trốn, chăm sóc cái tay bị bỏng, ngủ với người chết.

Tôi biết chuyện này không thể kéo dài lâu. Tôi biết sẽ đến lúc tôi bị bắt thôi. Tài sản của tôi ít đi dần. Bonaparte nổi điên lên. Fauvel vội vã tới chỗ bọn lính canh.

Nhưng dẫu vậy tôi vẫn tiến hành bắn pháo hoa.

Bởi ôi, nghĩ đến việc Orléans nói đúng làm tôi đau khổ quá chừng.

Nghĩ tới việc cái thế giới này luôn luôn thắng làm tôi đau khổ làm sao.

Tôi lật trang tiếp theo. Chỉ còn một trang nữa. Duy nhất một trang. Trang cuối cùng đề ngày 1 tháng Sáu 1795.

Và có vết máu loang trên đó.

“Không,” tôi nói. Tôi đóng sập cuốn nhật ký lại. “Không.”

Tôi thật là ngu xuẩn khi hy vọng. Hy vọng rằng cô và hoàng thái tử Louis-Charles sẽ sống sót. Vết xấu xí kia là máu. Máu của cô. Có chuyện không hay đã xảy ra. Đám lính bắt được cô, tôi biết mà. Cô bị dồn vào góc hoặc bị thương, nhưng còn đủ sức để viết nốt trang cuối này. Nó nói gì? Rằng cô chết trong đau đớn? Đơn độc? Rằng cô chết không vì cái gì cả?

Khi nhìn vết máu, tôi nhận ra cuốn nhật ký đang rung bần bật. Không, không phải cuốn nhật ký. Mà là tay tôi. Cả cơ thể tôi. Thuốc an thần tôi uống khi thức dậy không có tác dụng. Tôi vào phòng ngủ, lấy chai thuốc, và uống thêm nữa, rồi đi qua đi lại đợi cho thuốc có tác dụng.

Mười phút sau, tôi thấy khó chịu hơn. Thuốc chả có tác dụng gì. Tôi nhìn tay mình. Nó vẫn đang run bần bật. Trong đầu tôi có tiếng ọc ạch, một tiếng gầm. Nghe giống như động đất. Nổi đau như cơn địa chấn. Nó sẽ làm tôi run bần bật cho đến khi tôi sụp xuống mà vỡ tan thành những mảnh vụn. Tôi phải bước đi. Tới đâu đó. Bất cứ nơi nào. Tôi phải chuẩn bị trước.

Khi tôi đứng ở lối cửa vào, quyết định đi đâu, thì tôi nghe tiếng bước chân trên chiếu nghỉ và giọng nói và rồi tiếng chìa khóa cho vào ổ. Đó là bố và bác G.

“Bố và bác về nhà ạ,” tôi nói, cố tỏ ra bình thường.

“Chào con,” bố nói.

“Chào, Andi,” bác G nói.

Trông bác thật kinh khủng - mệt mỏi, nhàu nhĩ và mắt đỏ quạch. Một gã bước vào sau họ. Anh ta mặc bộ vest màu đen, đeo tai nghe, và kính râm. Anh ta rất to lớn. Tôi có thể thấy bắp tay anh ta cuộn lên bên dưới chiếc áo vest. Anh ta gật đầu với tôi. Không mỉm cười. Bố ném ít tập hồ sơ lên bàn ở hành lang, bỏ cặp xuống sàn. Cởi áo len ra và thả xuống sàn.

“Ừm, bố? Ai thế...?”

“Đây là Bertrand. Từ văn phòng mật của Pháp,” ông nói, kéo cánh cửa tủ ở hành lang mở ra.

“Văn phòng mật? Con không hiểu. Có chuyện gì thế?”

Ông lấy một áo khoác xanh ra từ tủ, khoác vào. “Bọn bố đã có kết quả cuối cùng. Về quả tim. Vào sáng nay,” ông nói. “Và có ai đó đã để lộ dữ liệu. Trong chừng một tiếng nữa thì nó sẽ tràn ngập trên internet. Mọi chuyện hỏng bét cả.”

“Tổng thống muốn có báo cáo,” bác G nói thế, “Ngay lập tức. Ông không muốn nhận thông tin

từ CNN. Văn phòng của ông gửi xe đến đón bọn bác. Sau khi xong, bọn bác phải tổ chức họp báo ở St. Denis. Quý đang phải vật lộn rất vất vả để tổ chức được nó.”

“Khoan đã... làm sao bác về đây được ạ?” tôi hỏi. “Sân bay đóng cửa mà.”

“Bác lái xe.”

“Từ tận Đức về á?” tôi nói mà không tin nổi.

“Bác bắt đầu đi từ sáng hôm qua. Tàu cũng đón được, vì thế bác thuê xe.”

“Andi, con có thấy cái cà vạt vàng của bố đâu không?” bố hỏi.

“Đây,” tôi nói, cầm lên từ sofa. Ông cầm lấy và dựng cổ áo lên. Bác G chạy vào phòng ngủ và vài phút sau đi ra, cũng mặc áo vest và đeo cà vạt.

Khi nhìn họ vội vàng đi quanh, tôi cố gắng lấy can đảm để hỏi điều tôi cần biết.

“Bố ơi...”

“Ừm sao?” ông nói, thắt cà vạt quanh cổ.

“Thế quả tim có phải của cậu bé không?”

“Phải,” ông nói.

Không, tôi nghĩ. Làm ơn là không phải.

“Bố chắc không?” tôi hỏi ông.

Bố thắt cà vạt không được, chửi ầm lên, rồi bắt đầu làm lại. “Bọn bố - chính bố và hai nhà di truyền học khác - đã xem xét DNA ti thể của mẫu thử... con biết DNA ti thể, đúng không?” ông nói. “Nó chỉ được di truyền thẳng từ mẹ sang con. Nó giúp ta dễ theo dõi hơn là DNA có thể được truyền từ cả bố lẫn mẹ...”

“Vâng, con biết cái đó,” tôi nói, cắt lời ông.

“Ừm, bọn bố so sánh DNA ti thể của quả tim với DNA ti thể lấy từ hậu duệ còn sống của hoàng hậu Marie Antoinette - nó hoàn toàn trùng hợp. Bọn bố cũng so sánh thông tin của quả tim với vùng điều khiển D-loop của DNA ti thể lấy từ sợi tóc của công chúa Marie Antoinette và tóc của hai chị gái bà. Bọn bố quan sát ở hai vùng siêu biến của vùng điều khiển D-loop - HVR 1 và HVR 2 - và thấy những trùng hợp cho HVR 1 ở cả ba mẫu...”

“Thế có nghĩa là gì?”

“Nghĩa là quả tim thuộc về một đứa trẻ có liên quan về đẳng mẹ với gia đình Habsburg, tức là gia đình của công chúa Marie Antoinette.”

“Đó là ý kiến của bố?”

“Đó là sự thật khoa học.”

“Nhưng công chúa Marie Antoinette có tới vài người con. Làm sao bố biết được nó không phải của một trong những người đó?”

Bác G trả lời tôi. “Bởi vì quả tim quá to không thể là của Sophie Béatrix, mất ngay sau khi sinh nhật một tuổi,” bác nói. “Nó cũng quá nhỏ không thể là của Marie-Thérèse, người cuối cùng được thả khỏi tháp canh và chết khi đã lớn...”

“Thế còn Louis-Joseph? Anh trai của Louis-Charles? Cậu bé cũng chết khi còn nhỏ,” tôi nói.

“Đúng thế. Nhưng cậu ấy chết trước cách mạng, và đã được tổ chức lễ tang hoàng gia. Theo đúng truyền thống, tim của cậu đã được lấy ra để ướp. Nó sẽ bị mổ ra và nhồi các loại cỏ thơm vào. Quả tim mà chúng ta có ở đây không bị ướp hương. Nó không thể là của Louis-Joseph được.”

Những hy vọng cuối cùng của tôi lập lờ và tàn lụi những ngọn nến tàn lửa.

“Thế còn anh em họ? Chẳng phải Marie Antoinette có chị em gái ư? Họ có thể có con chứ, phải không? Quả tim có thể thuộc về một trong những người đó?”

“Họ là anh em họ nhà Habsburg, đúng thế,” bác G chậm rãi nói, trông lo lắng. Tôi nghĩ là bác nghe thấy được sự tuyệt vọng trong giọng nói của tôi. “Họ đều là con cái hoàng tộc, và sống ở nước ngoài. Cái ý tưởng rằng kiểu gì đó một quả tim của một trong những đứa trẻ đó bị đánh cắp, và được bảo quản rồi lên đưa sang Paris, và rằng mọi người liên quan ở các giai đoạn khác nhau trong hành trình của quả tim đến St. Denis nằm ở... chà, đơn giản là không thể, Andi ạ. Không gì trong lịch sử có thể gợi ý - và cũng chẳng ủng hộ - cho một việc như thế có thể xảy ra. Quả tim đó là của hoàng thái tử Louis-Charles.”

“Bác có chắc chắn không, bác G... tuyệt đối chắc chắn?”

“Có.”

“Bố?”

“Là một nhà khoa học, bố không thể...”

“Chỉ giả vờ trong một phút rằng bố không phải thế đi, được không bố?” tôi nói. Tất cả chúng tôi đều nghe thấy sự tuyệt vọng trong giọng nói của tôi. Giờ thì nó lên tới mức quần bách rồi. Và tôi không thể nén nó xuống được.

“Không phải là cái gì cơ?”

“Nhà khoa học. Giả vờ bố là con người. Chỉ lần này thôi.”

“Andi,” ông nói. “Có gì không ổn à? Sao...”

“Bố có chắc không?” tôi hỏi ông.

Ông im lặng nhìn tôi, mắt ông lộ ra vẻ ông đã hiểu, rồi ông trả lời tôi. “Nếu chỉ dựa vào lịch sử thôi thì bố không dám chắc. Như con và bác G đều biết. Dựa vào bằng chứng khoa học chính xác cộng với bằng chứng hoàn cảnh lịch sử, bố phải nói là đúng, bố tin quả tim đó thuộc về Louis-Charles. Là một nhà khoa học - và một con người - bố tin như vậy. Bố xin lỗi, Andi. Bố nghĩ có lẽ con muốn có một câu trả lời khác.”

Tôi cảm thấy trống rỗng. Hoàn toàn trống rỗng.

“Tiến sĩ Alpers, Giáo sư Lenôtre, xin hai vị vui lòng,” Bertrand nói.

Bác G lấy cặp và vội đi. Bố đi sau ông. Ông quay lại với tôi trước khi đi khỏi để nói, “Sau buổi họp báo bố sẽ về nhà. Chờng bảy giờ gì đó. Gặp lại con lúc đó nhé. Mình có thể ăn tối hay gì đó.” Cửa đóng lại đánh sầm. Ông đã đi.

Tôi lấy cuốn nhật ký của Alex. Chỉ còn một trang nữa, và bên trong tôi, vẫn còn một ngọn nến nhỏ vẫn đang cháy, chỉ một ngọn mà thôi.

Có thể cô ấy đã thành công. Cô ấy sẽ ngừng việc đốt pháo hoa sau khi cậu bé chết. Thôi không mạo hiểm mạng sống của mình nữa. Thôi bỏ chạy. Có thể máu trên trang giấy chỉ là từ một vết thương, thế thôi. Cô bị thương nhưng đã sống sót, giống như trước kia. Và kiểu gì đó, cô đã sống sót mà thoát ra ngoài.

Tôi mở cuốn nhật ký lần cuối cùng và bắt đầu đọc.

1 tháng Sáu năm 1795

Tại sao hả, chim sẻ?

Đó là Orléans.

Tôi mở mắt ra, nhưng không nhìn thấy hăn. Con đau ở bên hông khiến tôi như mù. Tôi đang ở trong hầm mộ. Ngồi dựa vào một bức tường trong vũng máu của chính mình. Tôi đã bị một tên lính bắn.

Sao cô lại làm việc này? Hăn hỏi tôi. Chúng đã giết cô.

Bởi vì... bởi vì ngày xưa...

Tôi muốn nói cho hăn biết. Muốn viết ra sự thật trong lúc vẫn còn có thể. Sự thật của cách mạng. Không phải là cái họ tạo ra ở Paris năm 1789. Cái mà họ tạo ra trong tôi. Nhưng tôi không nói được. Tôi đau quá không nói nổi.

Orléans cười khe khẽ. Giờ tôi có thể nhìn thấy hăn. Máu và lụa. Mắt đen thẫm. Hăn cúi xuống sát tôi. Hơi thở của hăn có mùi như mưa.

Bởi vì ngày xưa, cái gì? Ngày xưa ngày xưa? Ngày xưa thời những ông vua chiến đấu với rồng còn hầu bếp gái nhảy múa trong giày thủy tinh. Bởi vì ngày xưa ngày xưa, hoàng tử trốn ra khỏi ngục tối.

Không. Nghe này. Xin hãy nghe lời tôi...

Hăn tắc lưỡi. Truyện cổ tích đã không giúp được cô. Ngày xưa ngày xưa chưa bao giờ có. Làm gì có thợ săn tốt bụng. Làm gì có bà tiên đỡ đầu. Chỉ có sói thôi. Giờ đã trở nên quá liều lĩnh, nó lang thang trên phố Paris xía răng bằng xương trẻ con. Không có gì thay đổi cả, chim sẻ ạ. Cô không thấy ư? Cuộc sống tiếp diễn, hôm nay cũng ngu xuẩn và bạo tàn như ngày mai.

Và mặc dù tôi run lẩy bẩy vì đau, co quắp vì đau, và nức nở vì đau, tôi vẫn phá lên cười. Bởi vì giờ tôi đã biết. Tôi biết câu trả lời. Tôi biết sự thật.

Ôi, gã đã chết kia, ông quá sai lầm rồi, tôi bảo hăn. Ông không thấy sao? Cuộc sống tiếp diễn, ngu xuẩn và bạo tàn, nhưng tôi

Và rồi dòng chữ dừng ở đó. Nó chỉ dừng ngay đó.

Và bất cứ điều gì cô muốn nói với tôi không có ở đó.

Không có câu trả lời. Không lời giải thích. Không sự thật. Không gì cả.

Tôi không biết liệu cô còn sống hay đã chết. Tôi không biết kết thúc câu chuyện của cô và tôi sẽ chẳng bao giờ biết.

Tất cả những gì tôi biết là một cậu bé chết ở Paris, cách đây lâu lắm rồi, đơn độc trong một phòng giam bẩn thỉu, tối tăm. Và một cậu bé khác chết trên phố ở Brooklyn, thi thể nhỏ bé của nó bê bết máu và nát bét.

Tôi chạm ngón tay lên vết máu. Máu bao giờ cũng biến thành màu đen. Trên giấy. Hay quần áo. Hay nhựa đường. và rồi tôi gấp cuốn nhật ký lại.

Tôi đã tưởng tất cả chuyện này sẽ có gì đó. Tôi những tưởng sẽ có gì đó trong những trang này ngoài nỗi buồn, máu, và cái chết.

Nhưng không. Và nỗi tuyệt vọng luôn ở đó, bám chặt rễ sâu trong lòng tôi, đột nhiên bùng lên to lớn, đen đúa, và dày đặc, và khiến ngạt thở đến nỗi tôi không thở nổi.

Tôi đứng dậy, cho cuốn nhật ký vào lại trong cái thùng đàn cổ, và để cái hộp mở không khóa trên bàn ăn, nơi chắc chắn bác G sẽ nhìn thấy. Rồi tôi lấy đồ của mình. Áo khoác và túi. Đàn guitar của tôi.

Hóa ra, tôi không biết kết thúc câu chuyện.

Của Alex. Và của tôi.

Tôi đã biết như thế ngay từ đầu.

Trời đã muộn và rất tối. Tháp Eiffel được thắp sáng lên rất đẹp. Tôi ngồi trên ghế dài trong khu rừng cây nhỏ ở Champ de Mars nhìn lên ngọn tháp. Tôi đã ngồi đây nhiều giờ. Trong bóng tối. Trong giá lạnh. Tôi cố chơi guitar nhưng không thể. Tôi không tìm thấy âm nhạc nữa. Không tìm được nốt nhạc đó.

Lúc này tôi ngồi nghe những người khác chơi. Tôi không nhìn thấy họ nhưng tôi có thể nghe thấy họ. Họ ở đâu đó gần đây. Tôi nghe tiếng guitar, mandolin, kèn co, một giọng con gái.

Tôi mệt mỏi. Đầu tôi choáng váng vì uống nhiều thuốc an thần quá. Chân tôi đau nhức. Tôi đã đi bộ suốt từ nhà bác G tới đây.

Nhưng không sao cả.

Tôi không phải đi xa nữa.

Chỉ một bước nữa thôi.

Tôi đang đứng xếp hàng lên tháp. Chắc chắn đây là một lựa chọn hay ho. Tốt hơn so với việc nhảy xuống sông. Thỉnh thoảng người ta nhảy xuống sông mà vẫn sống.

Quanh tôi, khách du lịch đang vừa nói chuyện vừa cười đùa. Những gã bán hàng mời mua đồng hồ hiệu Rolex, khăn quàng, móc chìa khóa. Tiếng nhạc tôi nghe lúc này giờ đã gần hơn rồi. Nó sống động, hoang dã và hay ho. Tôi nhìn quanh tìm người chơi, nheo mắt trong bóng tối, nhưng tôi không nhìn ra họ.

Hàng người dịch chuyển và tôi đi theo. Tiếng nhạc ngừng. Vài phút sau, tôi ở cửa quầy vé. Tôi lấy tiền ra nhưng bảo vệ bảo tôi không đi được - không được mang guitar theo. Tôi phải bỏ nó ra nếu muốn lên tháp, ông ta bảo tôi vậy. Tôi hỏi ông ta chỗ gửi. Ông ta bảo đây không phải sân bay, không có nơi gửi hành lý ở đây. Ông ta ra hiệu bảo tôi dịch ra chỗ khác. Những người đứng sau tôi bắt đầu lườm bàu. Gã nhận tiền nói tôi bước dịch qua một bên. Một đôi vượt qua mặt tôi.

Rồi tôi nghe thấy một giọng khác: “Này! Này, Andi ơi!”

Tôi quay lại. Virgil đang đứng đó. Cậu thở không ra hơi. Jules, và hai anh chàng nữa, và một cô gái, đang đứng cách đó một quãng, nhìn chúng tôi.

“Chào cậu.”

“Chào cậu,” tôi nói.

“Cậu đang làm gì ở đây? Tối nay cậu là khách du lịch à?”

Tôi cố rặn ra một nụ cười run rẩy. “Ừa. Tối nay tớ làm khách du lịch. Cậu đang làm gì ở đây? Không phải chạy xe à?”

“Tối thứ Hai tớ nghỉ,” cậu nói.

“Cô gái, xin cô ra khỏi hàng?” tay bảo vệ nói.

Tôi làm theo, thấy khó chịu và cáu bẳn.

“Bọn tớ vừa mới chơi xong.”

“Ồ là các cậu à?” tôi hỏi. “Chơi hay lắm. Tớ thích kèn co.”

“Cám ơn cậu. Tớ ước gì du khách cũng nghĩ vậy. Họ không có tâm trạng cho tiền lắm, với lại trời lạnh quá bọn tớ không thể ở ngoài được nữa. Mà bọn tớ sắp có một vụ đấy. Được trả tiền hàng hoàng. Tại một bữa tiệc.” Cậu dùng chân ấy chân tôi. “Đi cùng bọn tớ đi. Bọn mình sẽ thu tiền từ khán giả. Nhận được nhiều hơn nếu có thêm một cô gái nữa trong ban nhạc.”

“Virgil! Đi nào!” một người bạn của cậu hét gọi.

“Tới ngay!” Virgil hét lại.

Tôi không muốn nói chuyện nữa. Tôi muốn đi. Ngay bây giờ.

“Cầm cái này hộ tớ được không?” tôi nói, đưa cây đàn cho cậu. “Tớ không lên tháp được nếu mang theo nó và tớ không muốn... bỏ nó ở đây.”

“Không được. Tớ phải đi. Mấy đứa kia... đang đợi tớ.”

“Không sao mà. Cậu không phải đợi ở đây. Cứ cầm lấy đi.”

“Nhưng làm thế nào tớ trả lại cho cậu đây?”

“Tớ không biết. Kiểu gì đó. Cậu biết nơi tớ ở mà.”

Tôi nhìn xa xa, không vào cậu, nhưng cậu choài ra trước mặt tôi và bắt tôi nhìn cậu. Giờ cậu không mỉm cười nữa. “Cậu không nói nghiêm túc đấy chứ?”

“Này, thôi nào,” có người nói, giật tay áo của Virgil.

Họ đã lại hết đây, bạn bè của Virgil. Cậu giới thiệu họ - Constantine, nhàu nhĩ và gầy gò, với hàm răng to trắng. Charon, cầm một cây trompet. Khadija, cô gái xinh đẹp ở quán Rémy - Tôi đã biết Jules rồi. Tôi lăm bầm vài câu xin chào. Nổi đầu đang ăn tươi nuốt sống tôi.

“Cậu có đi không?” Charon nói.

“Ngay đây,” Virgil nói, vẫn nhìn tôi.

“Đủ rồi!” tay bảo vệ hô to. “Chúng tôi đã có đủ người. Không lấy thêm nữa.”

Tôi quay người lại. Ông ta đang đóng cửa thang máy.

“Không! Đợi đã!” tôi hét lên. Tôi đẩy cây đàn cho Virgil và chạy về phía buồng bán vé. Tôi đập tiền lên quầy. “Làm ơn đi!”

“Chúng tôi đóng cửa rồi,” người bán vé nói.

Tôi nhìn đồng hồ. “Nhưng mới có mười một giờ mà. Tháp không đóng cửa tới tận mười một giờ bốn mươi lăm. Biển hiệu viết thế.”

“Tháp đóng vào lúc mười một giờ bốn lăm, đúng vậy, nhưng thang máy cuối cùng đi lên lúc mười một giờ.”

“Làm ơn, chỉ thêm một người thôi,” tôi nói, đẩy tiền cho ông ta.

Ông ta đẩy lại. “Tôi rất tiếc,” ông ta nói.

Tôi chạy tới cổng, tiền trong tay, và xin ông bảo vệ cho tôi lên. Tay bảo vệ giơ tay lên như cảnh sát giao thông. Ông ta đóng cửa thang máy lại.

“Tôi phải lên đó!” tôi hét lên. Giờ thì tôi cầu xin. Nài nỉ. Giơ tiền ra. Đưa thêm cho ông ta. Những người trong thang máy đang trôn trối nhìn tôi. Tôi bắt đầu khóc.

“Đừng có lố bịch. Tháp chẳng biến mất đi đâu cả. Mai quay lại,” tay bảo vệ nói.

Nhưng tôi không thể đợi tới ngày mai được. Nỗi đau quá lớn. Tôi sẽ không bao giờ cảm thấy dễ chịu hơn. Chỉ càng tồi tệ hơn mà thôi. Tay bảo vệ nhấn một nút và thang máy đi lên. Giờ thì tôi khóc lóc. Nức nở. Tôi quỳ gối xuống và đập đầu vào cổng.

“Thôi đi! Thôi ngay! Nếu không tôi gọi cảnh sát bây giờ,” tay bảo vệ cảnh báo.

Tôi cảm thấy có bàn tay đặt lên tay mình. Kéo tôi đứng dậy. Đó là Virgil. Cậu kéo tôi lên và dắt tôi đi khỏi cửa thang máy. Bạn bè đi cùng cậu. Mắt họ trở tò mò.

Constantine cầm lấy tập brochure từ chỗ quầy vé. Cậu bước lại chỗ tôi, bẽn lẽn mỉm cười, và đưa nó cho tôi. “Bảo tàng Louvre cũng hay phết,” cậu nói. “Rất nhiều tác phẩm nghệ thuật.”

Charon nói, “Sacré-Coeur là đẹp nhất.”

Jules nói, “Cậu phải tới thăm Place des Vosges.”

“Có khi cậu thích mua sắm?” Khadija nói. “Tới Bon Marché thử xem. Ở đó có nhiều đồ trang sức lắm.”

Tôi phá lên cười. Nghe tiếng cười vừa buồn bã vừa điên loạn. “Cám ơn mọi người,” tôi nói. “Tôi sẽ đến mấy chỗ đó. Rất hân hạnh gặp tất cả các bạn. Xin lỗi vì cái màn lỗ bịch lúc này.”

Tôi bắt đầu bước đi nhưng Virgil túm lấy tay tôi. “Không đời nào. Cậu đi với bọn tớ. Đi thôi,” cậu nói. Tôi có thể thấy nỗi lo lắng trong mắt cậu.

Tôi rặn ra một nụ cười méo mó với cậu. “Không sao đâu mà. Thật đấy. Giờ tớ thấy dễ chịu hơn rồi. Chỉ là... tớ uống nhiều cà phê quá.”

Tôi lại cố bước đi nhưng cậu không buông tay tôi ra. “Tớ không thể đi với cậu vì tớ có buổi biểu diễn và không hủy được. Tớ cần tiền. Họ cần tiền,” cậu nói, chỉ tay về phía đám bạn. “Vì thế cậu đi với tớ.”

“Không.”

Cậu lắc đầu. Chửi thề với tôi. Giờ mặt cậu đầy sự giận dữ. Cậu nhào tới sát tôi và nói, “Cậu có muốn tớ bế cậu lên rồi mang đi không? Vì tớ sẽ làm thế đấy.”

Tôi không nói gì nhưng cũng không thể bỏ đi nữa.

Constantine nhìn tôi, rồi nhìn Virgil. “Giờ mình đi được chưa?” cậu e dè hỏi.

Virgil dùng gấu tay áo trùm chùi mặt cho tôi. “Ừa, Tino,” cậu nói. “Mình đi thôi.”

ĐỊA NGỤC

Tôi thấy trên cổng có hơn nghìn quỷ sứ,

Chúng nhảy xuống và hét lên giận dữ:

“Mày là ai, sao chưa chết?”

Mà lại dám đến vương quốc những người đã chết?

— DANTE —

Thế bữa tiệc ở đâu?” Jules hỏi khi bọn tôi đi về phía tàu điện ngầm.

“Ở bãi biển,” Virgil nói.

Charon lầm bầm. Constantine chửi thề.

“Giời ơi. Không phải cái nơi đó chứ,” Khadija nói. “Tớ ghét nơi đó.”

Thoạt đầu tôi không nói gì. Tôi không thể. Tôi cứ loạng choạng đi theo. Nhưng rồi tôi nhớ Virgil có kể với tôi về bãi biển. Cậu bảo đó là nơi tổ chức tiệc. Trong hầm mộ.

“Nhưng nó đóng lúc bốn giờ cơ mà. Biển hiệu viết thế,” tôi nói. Một mối. Ngu xuân.

“Cái gì đóng lúc bốn giờ?” Virgil hỏi.

“Hầm mộ. Tớ đã đi tour.”

“Ừa, tớ có nhớ,” cậu nói. “Đó là tour chính thức. Tối nay thì cậu sẽ đi tour không chính thức.”

“Tớ không muốn xuống cống,” tôi nói.

“Tại sao? Sợ cậu có thể bị gì đó nguy hiểm chết người à?” cậu nói, giọng mỉa mai. “Đừng lo. Bọn mình sẽ không đi đường đó.”

Chúng tôi tới một ga tàu điện ngầm và lấy vé đi tới trạm Denfert-Rochereau. Mọi người xuống tàu, băng qua sân ga, và bước xuống cuối ga. Tôi loạng choạng theo họ, vẫn mơ màng, ôm cái thùng đàn. Bọn tôi đợi. Chỉ vài giây. Một con tàu chạy vào. Tôi bước tới để lên tàu nhưng Virgil kéo tôi lại. Con tàu lại chạy đi.

“Cậu sẵn sàng chưa?” cậu hỏi tôi.

“Ừm, rồi, nhưng tàu vừa đi mất rồi.”

Bất thành lĩnh, cậu và Tino và cả đám còn lại nhảy xuống đường ray.

“Đi nào,” cậu nói, với lấy tôi. “Bọn mình có bốn phút.”

“Trước khi cái gì?”

“Trước khi bị cán chết.”

Tôi đưa đàn cho cậu và nhảy xuống. Tôi nên thấy sợ hãi. Chuyện này nguy hiểm. Nếu tôi biết quan tâm thì tôi sẽ sợ.

“Tớ sẽ mang đàn. Đi sát vào tớ và tránh xa cái đó ra,” cậu chỉ vào hàng lan can điện. Cậu bắt đầu chạy, chậm và thoải mái. Cậu mang cả hai cây đàn, của tôi và của cậu.

Tôi chạy theo cậu. Tôi có thể nghe tiếng những người phía trước chúng tôi. Tôi nghe thấy tiếng bàn chân họ nện xuống nền giữa hai đường ray, bắn nước lên từ những vũng nước đen đặc.

“Virgil! Có đoạn sửa đường ray. Họ đặt thanh gỗ giữa hai đường ray,” Jules hét lại.

“Cứ đi tiếp đi!” Virgil hét đáp trả.

“Mình đang đi đâu?” Tôi hét.

“Có một lối đi ở trên kia. Bên trong đường hầm. Đó là lối vào.”

Lúc đó tôi cảm thấy thứ gì đó - một luồng hơi ấm phả lên mặt.

“Virgil!” Jules hét lên.

“Cái gì?”

“Có gì đó đang tới.”

“Đừng có nhát cáy quá, Jules.”

“Không phải nhát đâu...” Khadija nói.

Jules cắt ngang lời cô. “Có tàu! Đó là tàu dùng vào việc sửa chữa! Tớ có thể nhìn thấy nó!”

“Im mồm, Jules!” Virgil hét lên. “Mọi người! Im miệng lại mà chạy!”

Cậu tăng tốc. Tất cả họ cùng tăng tốc. Họ chạy vụt đi phía trước tôi. Virgil hét bảo tôi nhanh lên. Tôi chạy nhanh hơn, cố theo kịp. Và rồi tôi thấy nó. Một luồng sáng rực. Và nó càng lúc càng trở nên sáng hơn. Mặt đất rung chuyển. Gió thổi vù vù.

Và tôi sợ.

Virgil chỉ còn là cái bóng trong ánh đèn pha chói lòa. Cậu trở nên nhỏ hơn, nhỏ hơn và rồi cậu không còn ở đó nữa. Và rồi cậu lại ở đó. Đầu cậu ló ra khỏi bức tường nơi cậu vừa biến mất vào trong. Cậu không cầm cây guitar nữa. Cậu hét lên với tôi. Với lấy tôi. Giờ tôi chỉ còn cách cậu gần hai mét. Đoàn tàu cách chừng chín mét. Nhưng tốc độ của nó nhanh hơn rất nhiều. Giờ tôi có thể thấy nó. Rõ mồn một. Tôi có thể thấy những ngọn đèn của nó, cái khuôn mặt bằng kim loại xấu xí của nó.

“Chạy đi, Andi, chạy đi!” Virgil nói. “Đừng nhìn tàu. Nhìn tớ này! Chạy đi! Chạy!”

Tôi đang chạy. Như thể tôi chưa bao giờ chạy trong đời mình - tay lắc liên tục, chân nện xuống đất. Rác rưởi trên đường ray đang bay hết về phía tôi. Virgil đang hét lên. Jules và Charon cũng đang hét. Tôi đang hét. Đèn càng lúc càng sáng hơn. Tiếng còi tàu hụ vang. Tiếng phanh đang rít lên trên đường ray.

“Đừng nhìn đoàn tàu. Nhìn tớ này! Chạy đi, đồ chết tiệt! Chạy đi!” Virgil hét.

Đoàn tàu giờ chỉ còn cách tôi vài mét. Bốn lăm phân. Hai mươi phân. Mười phân. Tôi gần tới đó rồi. Gần tới lối vào rồi. Nhưng gần không đủ. Tôi sẽ không tới kịp. Tôi sẽ chết. Dưới bánh xe của tàu điện ngầm.

Và đột nhiên tôi không muốn chết.

Tôi tuyệt vọng tăng tốc. Khi tôi tới lối vào, chỉ còn một phần tư giây trước đoàn tàu, Virgil nhào ra kéo tôi lên. Tay cậu siết vào áo tôi. Cậu bế phốc tôi lên về phía cậu, chân tôi rời khỏi mặt đất, tôi lơ lửng trên không và gào thét và lao qua lối vào. Đoàn tàu vụt qua. Tôi cảm giác không khí đập vào người chúng tôi và rồi tôi nằm trên mặt đất, nằm trên người Virgil. Cậu ôm tôi thật chặt. Cậu đang hét lên với tôi. Bằng tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Tunisia. Và rồi cậu ôm lấy mặt tôi bằng cả hai tay và hôn thật mạnh lên miệng tôi.

Và tất cả những gì tôi muốn làm cho phần đời còn lại là hôn đáp lại cậu, ngay tại đây, trên mặt đất bẩn thỉu này, nhưng tôi không làm thế. Bởi vì Khadija đứng cách chúng tôi nửa mét. Jules kéo tôi đứng dậy. Constantine vỗ lên lưng tôi. Khadija vòng tay ôm tôi, chuyện này rất kỳ cục. Ý tôi là, bạn trai cô ta vừa mới hôn tôi xong. Mọi người nhảy nhót, gào thét, cười đùa.

Trừ tôi. Tôi choáng váng tới nỗi chả nhảy được. Không phải là do tôi vừa suýt bị tàu điện ngằm chệt. Mà bởi vì Virgil hôn tôi.

Bules lấy một chai rượu trong balô ra và tay run run khui nắp. Bọn tôi đều tu rượu thẳng từ chai.

“Tớ nghĩ là tớ tè ra quần rồi,” Virgil nói, sờ hông quần.

“Nước trong đường hầm đấy,” Jules nói. “Cậu nằm lên đó.”

“Thế còn tệ hơn.”

Chai rượu được chuyền đi. Virgil uống rồi đưa cho tôi. “Này, cậu nợ tớ nhé,” cậu nói. “Tớ đã cứu mạng cậu.”

“Hai lần,” tôi nói. Mà không nghĩ gì.

“Sao cơ?”

“Ừm?” Tôi đáp.

“Cậu bảo, 'Hai lần'.”

Tôi rặn ra một nụ cười. “Tớ nói, 'Hay quá.'”

Cậu không cười. Cậu nhìn tôi, cầm guitar lên, và bắt đầu bước đi. Tôi cũng cầm đàn lên rồi bước đi. Khi chúng tôi đi xa khỏi đường hầm, ánh sáng bắt đầu nhạt đi. Cậu lấy hai cây đèn pin từ trong ba lô ra. Cậu dùng một cái dẫn đường. Jules đi lùi lại sau cũng cầm một cái. Tôi cũng có một cái. Trên móc chìa khóa. Vijay tặng tôi hồi Giáng sinh năm ngoái. Tôi lấy nó ra và rọi xuống mặt đất trước mặt mình. Sau khoảng mười phút đi bộ qua một đường hầm hẹp, bọn tôi tới chỗ một lưới sắt rỉ bụi bặm. Một cái khóa móc nằm trên mặt đất phía trước; nó đã bị cắt.

“Những người bảo vệ hầm mộ luôn tìm cách không cho chúng ta vào,” Virgil nói, đá cái khóa qua một bên và giật cửa mở ra. “Và chúng ta thì liên tục chui vào.”

Jules giả vờ tiếng ma và đi qua cửa. Bọn tôi đi theo cậu. Giờ thì Virgil đi sau cùng. Đi được vài mét thì có gì đó vỡ vụn dưới chân tôi. Tôi ré lên. Những người khác cười ầm lên. Virgil rọi đèn xuống mặt đất. Là một khúc xương.”

“Đừng chạm vào nó,” cậu cảnh báo.

“Ồ, cảm ơn. Tớ đang định chạm,” tôi nói.

“Vài khúc xương có vôi bên trong. Nó làm mình bỏng.”

Cậu rọi đèn pin lên tường đường hầm. Nhưng nó không phải là bức tường. Nó là một đồng những xương sọ và hài cốt. Và trông chúng không đáng yêu như những cái trong chuyến tour của tôi. Chúng xanh lè và nhầy nhụa. Vài cái còn dính vào nhau do xỉ măng ướt, trông như khoáng chất, rỏ xuống chúng và cứng lại.

“Stalagtites,” Constantine nói.

“Stalagmites,” Jules nói.

“Stalagfrights,” tôi lầm bầm.

Xuống thêm vài mét, tường lại đổi thành tường vôi. Chỉ có điều nó không phải màu xám như những bức tôi đã thấy trong hầm mộ; chúng đủ loại màu. Những bức vẽ graffiti ở khắp nơi. Hoạt hình. Các bức sao chép những tác phẩm cổ. Những bức tranh sáng tác. Có một bức tranh rất tỉ mỉ vẽ một người đàn ông nhảy với một bộ xương mặc váy áo cô dâu.

“Chà, đẹp quá,” tôi nói, dịch lại gần để nhìn.

Những người kia đi tiếp. Virgil đi qua tôi, liếc nhìn bức tranh. “Do một đứa thích làm tình với xác chết vẽ đấy,” cậu nói. “Cẩn thận cái bọn đó. Lúc nào chúng cũng lảng vảng dưới này. Cẩn thận bọn bán thuốc nữa - thường đi hai thẳng, đi rất nhanh. Bọn nó thích bí mật.”

Tôi rảo bước theo, vấp phải cái gì đó - có lẽ là ai đó - và loạng choạng đâm vào Virgil. Cậu cầm lấy tay tôi và giữ cho tôi đứng vững lại. Tôi không nhìn thấy mặt cậu. Không thể biết được cậu nghĩ gì. Tôi muốn cậu lại hôn tôi. Tôi muốn có lại cái cảm giác tay cậu quàng qua người tôi. Tôi mừng là dưới này tối đen. Mừng khi cậu không nhìn thấy được điều đó lộ ra mồn một trên mặt tôi. Mừng là Khadija cũng không nhìn thấy.

“Cậu ổn chứ?” cậu nói cộc lốc.

“Ừa.”

“Tốt,” cậu nói, và buông tay tôi ra.

Đường hầm ngoằn ngoèo sang trái, rồi phải, rồi hẹp dần. Tôi nghe tiếng nước rĩ. Mặt đất nhiều bùn hơn, rồi lầy lội hơn. Bọn tôi đã tới chỗ một dòng nước.

Virgil dừng lại, rọi đèn lên tường. Rue d'Acheron, có người đã viết lên tường. “Gần tới rồi,” cậu nói.

Charon nhảy qua dòng nước. Cậu ta giơ tay ra giúp tôi đi qua. Bọn tôi tiếp tục đi. Trần đường hầm mỗi lúc một thấp hơn, tường thu hẹp lại hơn. Thật ngột ngạt, đáng sợ và cũng rất hay ho. Tôi rọi đèn trên tường khi bước đi. Có thêm nhiều tranh vẽ. Một con sư tử. Một con sói. Một con báo. Có cả phác vẽ một người da trắng cao to đáng sợ nữa. Tay trái ông ta duỗi ra. Ông ta đang chỉ trở.

“Tớ thấy cái này rồi,” tôi nói. “Chỗ bộ xương khiêu vũ.”

“Ừa, ông ta xuất hiện liên tục. Ông ta được vẽ bằng phấn,” Virgil bảo với tôi. “Ông ta chỉ đường tới bữa tiệc.”

“Sao cậu biết được? Làm thế nào mà cậu biết được đường đi ở dưới này?” tôi hỏi cậu.

“Tớ biết được bằng cách nghiên cứu bản đồ. Bản đồ Giraud, được làm hồi những năm bốn mươi. Và bản đồ của Titan. Nhưng giờ tớ thuộc lòng đường rồi. Tớ đã xuống dưới này nhiều năm rồi mà.”

Vài phút sau, bọn tôi tới chỗ ai đó cào nguệch ngoạc lên một tảng đá vôi.

“Chữ viết trên tường!” Jules kêu lên. Cậu dừng lại đọc. Virgil bước tiếp, đọc thuộc lòng những dòng kia.

Đôi khi tôi như mơ

Tôi cũng sống một cuộc đời thông thái

Và từng bước đi trên những ngã đường thân thuộc.

Có nhẽ tôi bỏ mạng vì kiêu căng ngạo mạn

Thuở xa xưa; và trong hành động đó, một lời nguyện cầu

Thêm một cơ hội nữa xuất hiện quá thành thật, để

Linh cảm với ánh sáng sáng hơn dẫn vào bởi cái chết,

Rằng cuộc đời bị tẩy xóa đi - không hoàn toàn

Nhưng lác đác những mảnh xác đủ cho sự hiện tồn

Ký ức mơ hồ, vào lúc này, khi dường như thêm một lần nữa,

Thêm một lần mục đích hồ nghi.

“Chà. Sâu sắc thế,” Jules nói.

“Cậu biết ai nói không?” Constantine hào hứng hỏi. “Điện vụ Mulder. Phim Hồ sơ tuyệt mật ấy! Phần bốn. Tập năm. Cảnh đồng nơi tôi chết. Em họ tớ có đĩa DVD.”

Virgil cười khịt mũi.

“Cái khỉ gì cơ? Ai nói thế?

“Robert Browning nói thế. Ông ta viết ra. Trong một bài thơ. ‘Paracelsus.’”

“Cậu làm tớ thèm muốn khi cậu đọc thơ đấy,” Jules nói, hôn đánh chụt lên má Virgil. Virgil xoa cậu ta đi.

“Ừa. Tớ cũng thế,” tôi nói. Với mình.

Tôi đọc lại bài thơ và rùng mình khi nhận ra tôi biết vài dòng trong bài thơ. Cái tay bán hàng ở Clignancourt đã nói với tôi. Có lẽ gã đã đọc được khi xuống đây ăn cắp xương và vì lý do nào đó những dòng kia vang lên trong đầu gã hôm qua khi tôi mua bức tranh của gã. Nhưng dẫu vậy, lúc này khi đọc chúng, tự dưng tôi thấy rợn cả người. Kiểu gì đó tôi có cảm giác gã biết trước tôi sẽ xuống đây, tôi sẽ thấy chúng. Mà nó có nghĩa là gì nhỉ? “Cuộc đời kia bị tẩy xóa - không hoàn toàn”? “Nhưng lác đác những mảnh xác đủ cho sự hiện tồn?” Tôi quay sang hỏi Virgil xem cậu có biết không thì thấy chỉ còn lại mỗi mình mình. Tất cả đã đi tiếp. Tôi vội chạy theo.

Khi bắt kịp họ, bọn tôi rẽ trái xuống đường hầm chính, đi bộ thêm chừng năm phút nữa, rẽ trái, và tôi thấy ánh sáng ở cuối đường hầm, màu vàng và dịu nhẹ, và nghe thấy tiếng nhạc. Bọn tôi rẽ phải thêm lần nữa, và rồi đột nhiên vào một phòng lớn. Nó được thắp sáng bằng hàng chục cây nến và đầy người là người - tất cả đều đang cười đùa, uống rượu, nói chuyện, và nhảy nhót.

Có cả những đĩa ăn chơi và một sách. Bọn híp-pi quàng khăn trên đầu. Bọn thích khảo sát hàng động có đeo đèn trên trán. Dân Goth. Một đứa con gái đang cười như nắc nẻ. Một đứa khác đang trùm kín người đi đi lại lại. Tôi nghe thấy tiếng Pháp, Anh, Đức, Ý, Tàu. Những giai điệu từ một cái iPod. Khi tôi đứng đó, hoàn toàn choáng váng, một gã mặc độc chiếc quần sịp Speedo đi qua.

“Chào mừng tới bãi biển,” Virgil nói.

Cậu chào hỏi những người cậu quen, bắt tay, chạm nắm đấm và hôn họ. Rồi cậu dẫn bọn tôi lại một cái bàn đá khổng lồ ở giữa phòng và bọn tôi bỏ đồ xuống đó.

“Sao nơi này lại được gọi là bãi biển?” tôi hỏi.

Cậu chỉ một bức tranh vẽ con sóng trên bức tường. Và rồi xuống mặt đất, không phải là đá vôi, mà là cát. “Mọi người mang cát xuống đây nhiều năm trước. Dừng xô,” cậu nói. “Đừng có đào lên. Bên dưới toàn xương đây.”

Tôi rón rén đi trên cát, bắn khoăn không biết ai nằm dưới đó và nghĩ mọi chuyện diễn ra thế này thật kỳ quặc. Tối nay tôi đã không tự sát được nhưng kiểu gì đó cuối cùng tôi lại ở trong một hầm mộ.

Mọi người lấy nhạc cụ ra, vì thế tôi cũng lấy guitar ra, nghĩ rằng chẳng nào tới đây rồi thì mình sẽ chơi thôi. Ít nhất thì nó cũng giúp tôi không nghĩ tới cái việc tối nay tôi suýt thực hiện. Ai đó tắt iPod đi. Bọn tôi chơi nhạc của Beatles. Stones. Những bài mà ai cũng biết. Khadija hát và cô hát rất hay. Bọn tôi chơi “Alison”, “Hallelujah”, “Better Than.” Thỉnh thoảng có bài tôi không biết thì tôi ngừng chơi.

Mọi người rất khoái bọn tôi. Họ nhảy nhót, hát hò, cổ vũ và vỗ tay. Bọn lập dị đang nhảy điệu giống như vũ điệu minuet - cúi đầu, chạm tay, xoay người. Một trong số họ, một anh chàng nhìn hấp dẫn dã man, đứng cách ra, chỉ nghe nhạc thôi. Trên mặt anh ta có vẻ rất kỳ lạ - như thể anh ta chưa bao giờ nghe nhạc vậy. Có gì đó ở anh ta thực sự quen thuộc với tôi, nhưng tôi không hình dung nổi mình đã gặp anh ta ở đâu rồi. Khuôn mặt đó thì không. Hay bộ quần áo đó.

Chúng tôi chơi chừng một tiếng rồi nghỉ giải lao. Ai đó đưa cho tôi một cái cốc đầy rượu. Tôi cố tìm nước nhưng rồi chẳng có nên đành phải tu hết. Trộn thuốc an thần với rượu không phải là ý tưởng hay, chứ đừng nói gì đến trộn số thuốc tôi đã uống với rượu. Virgil và Constantine ngồi cạnh tôi. Constantine hỏi bên kia bãi biển có gì. Virgil chỉ cho chúng tôi trên một bản đồ cậu đã vẽ hằm mộ. Nó cực kỳ chi tiết, với các chỗ đánh dấu lối vào, những chỗ cụt, các phòng, và những nơi nguy hiểm.

“Sao cậu lại thích ở dưới này?” Tôi hỏi cậu.

“Nó yên tĩnh. Không có khách du lịch. Và nó là cách duy nhất để một đứa như tớ có thể có được một chỗ tử tế ở thành phố này,” cậu vừa nói vừa mỉm cười.

Cậu không nhìn vào tôi, ngay cả khi nói chuyện với tôi. Có lẽ cậu đang gặp rắc rối với Khadija. Đúng là đều canggung. Tôi vẫn không thể tin nổi chuyện đã xảy ra ở Sacré-Coeur. Tất cả những điều cậu nói. Và làm. Tôi không biết ai là đứa khốn hơn - là cậu vì đã thực hiện tất cả những trò vớ vẩn đó hay là tôi vì đã lăn vào nó.

Một nhóm khác mới tới và mọi người muốn nghe nhạc tiếp. Bọn tôi nhìn quanh tìm những người trong ban nhạc. Constatine đã đi về. Charon thì chả thấy đâu. Khadija tiến lại, cầm cái chai trên nền đất gần Virgil rót vào đầy cốc của mình, và quay người đi.

“Em đi đâu thế?” Virgil hỏi cô.

Cô nháy mắt với anh.

“Mẹ có biết là em vẫn hẹn hò với Jules không?” Cậu hỏi cô.

“Mẹ có biết là anh vẫn xuống dưới này không?” Cô hỏi cậu. Và rồi cô bỏ đi.

“Mẹ?” tôi bối rối nói. Không thể thế được.

“Ừa,” Virgil nói.

“Gượng đã... Khadija là em gái cậu?”

Cậu gật đầu.

“Nhưng tớ tưởng...”

“Gì cơ?”

“Tưởng cô ấy là... Tưởng là...”

“Cậu tưởng nó là bạn gái tớ?”

“Ừa.”

“Đó là lý do vì sao cậu bỏ đi đêm hôm trước? Ở quán Rémy?”

“Cậu nhìn thấy tớ hả?”

“Ừ, tớ thấy cậu. Cậu vào rồi lại bỏ đi. Tớ không hiểu tại sao. Tớ gọi điện cho cậu nhưng cậu không nhắc máy.” Cậu im lặng vài giây rồi nói, “Andi, cậu nghĩ tớ là loại người nào.”

Tôi không nặn ra nổi một lời giải thích nào. Tôi đã nghĩ tới trường hợp xấu nhất. Bởi vì tôi luôn làm thế. Về mọi thứ và mọi người. Hầu hết mọi lần tôi đều đúng, nhưng lần này thì không. Lần này tôi đã sai. Thật sự sai.

“Không phải chuyện cậu là loại người nào, Virgil ạ. Mà tớ là loại người nào,” tôi bảo cậu.

Ai đó hét bảo chúng tôi chơi. Rồi nhiều người tham gia hơn. Một nhóm người bắt đầu rì rầm thúc giục. Nhìn mặt Virgil tôi biết là cậu không muốn chơi vào lúc này, nhưng như cậu nói lúc trước, đây là một buổi diễn được trả tiền.

“Cậu sẵn sàng chơi tiếp chưa?” cậu hỏi tôi, nhìn quanh. “Chỉ có hai đứa mình thôi. Những người khác té hết rồi.”

Tôi gật đầu và chúng tôi bắt đầu chơi hiệp hai. Một vài bài của Nirvana. Một bài của John Butler. “Fearless” của Floyd. “Beautiful” của G. Love. Hầu như là Virgil hát. Thỉnh thoảng tôi hát cùng. Giọng tôi không hay bằng Khadija, nó quá khan, nhưng vài bài thì nghe ổn. Chúng tôi chơi một bản “Breaking the Girl” và “Snow”, rồi tôi cần nghỉ vì tôi trở nên khản giọng nhưng Virgil bảo cậu muốn chơi thêm một bài của Chili Peppers. Tôi chỉ việc gảy đàn thôi. Cậu sẽ hát.

Cậu chơi vài nốt. Tôi biết bài này. Rất rõ. Và tôi không muốn chơi. Vì thế tôi dừng lại. Nhưng Virgil thì không. Cậu vẫn tiếp tục chơi. Lần đầu tiên kể từ lúc cậu hôn tôi, cậu đang thực sự nhìn tôi. Và cậu liên tục nhìn tôi khi cậu hát.

Bạn tôi đang quá buồn

Tôi cảm thấy nỗi cô đơn của bạn

Giải bày đi... bởi tôi sẽ luôn ở bên bạn

Bạn biết tôi sẽ luôn ở bên bạn, bạn biết điều đó mà

Và tôi nhìn đi chỗ khác, bởi sự quan tâm mà cậu dành cho tôi, dù vào lúc này, dù sau khi tôi đã đẩy cậu ra và nghĩ những điều xấu xa về cậu. Tôi không xứng đáng được hưởng và tôi không

muốn cậu nhìn thấy mắt tôi ầng ậng nước khi cậu hát: “Tuởng tượng tôi, được thắm kịch dạy dỗ/ Giải thoát là hòa bình.”

Cậu chơi hay tuyệt và khi cậu chơi xong, mọi người hoan hô nhiệt liệt. Cậu cúi đầu cảm ơn và đặt guitar xuống. Cậu lại nhìn tôi khi tiếng ồn dịu xuống.

“Cậu không nói là hay,” Virgil nói.

“Xin lỗi. Đúng thế mà. Cậu chơi rất tuyệt.”

“Tớ biết ý cậu nói gì. Khi tớ nói tớ cứu mạng cậu và cậu nợ tớ, và cậu nói hai, không phải hay.”

Giờ thì tôi chẳng nói gì cả.

“Cậu định làm gì ở trên tháp thế?”

Tôi muốn nói dối. Nhưng khi nhìn vào mắt cậu, tôi không thể.

“Tớ biết mà,” cậu nói, giọng cậu nhỏ và gần. “Mẹ nó chứ. Mẹ khỉ cậu. Tại sao?”

“Tớ không muốn nói về chuyện đó,” tôi giận dữ nói. Nhưng tôi không giận dữ. Tôi sợ hãi. Tôi hoảng loạn.

“Quá tệ. Tớ đã nói là cậu nợ tớ và tớ nói thực lòng. Cậu nợ tớ một lời giải thích.”

Tôi đã không đụng đến chỗ rượu ai đó rót cho tôi. Lúc này tôi cầm lên và uống ực.

“Cậu nên nói về chuyện đó. Cậu cần phải nói về nó. Dù nó là chuyện gì thì nó cũng đang giết cậu. Thật đấy.”

“Tớ đã nói về chuyện đó. Với cảnh sát. Với bố mẹ tớ. Đó là tất cả những gì tớ cần phải làm.”

“Cậu chưa kể cho tớ.”

“Chà, nói lại cho cậu biết... cậu là thằng của nợ nào?”

Cậu lắc đầu và nhìn đi chỗ khác. Giờ cậu sẽ bỏ đi. Dĩ nhiên là thế rồi. Chẳng phải thế sao? Nhưng cậu không bỏ đi. Cậu cầm lấy tay tôi, giữ chặt và không nói gì. Chúng tôi cứ ngồi đó. Cùng nhau. Thật là ngu xuẩn và ngượng ngập và tôi không hiểu tại sao cậu lại làm thế, nhưng đột nhiên tôi hiểu ra. Cậu sẽ đợi tôi nói cho cậu biết và cho đến lúc đó sẽ không chịu buông tôi ra.

Tôi lại băn khoăn, làm thế nào để kể cho cậu đây. Tôi không thể. Đơn giản là tôi không thể.

Cậu không nhúc nhích. Không nói năng. Tay cậu siết chặt. Có cảm giác như đây là cơ hội cuối cùng.

“Em trai tớ chết,” đột nhiên tôi nói, bằng một giọng vỡ òa. “Nó bị giết. Hai năm trước. Đó hoàn toàn là lỗi của tớ.”

Em trai tớ tên là Truman và nó đang trên đường tới trường. Em đi qua cái tòa nhà xập xệ George dành cho người nghèo. Nó sắp được sửa thành chung cư nhưng những người thuê vẫn sống ở đó. Những gia đình nghèo, người già, và một gã tên là Max. Hắn gầy gò xương, răng lợi rụng gần hết. Hắn mặc những bộ vest cũ nhàu và đeo cà vạt nơ. Sáng nào gã cũng ngồi bên ngoài tòa nhà trên một cái ghế gỗ cũ.”

“Truman và tớ, cả hai đều học ở trường gần đó. Sáng nào tớ cũng phải đưa em đi học. Năm đó, vào ngày đầu tiên bọn tớ đến trường, Max xuất hiện. Hắn đã bị thành phố tống cổ ra khỏi tòa nhà. Hắn thấy bọn tớ và chạy đuổi theo, nhảy xổ ra trước mặt hai chị em. “Maximilien R. Peters! Liêm khiết, tất lẽ dĩ ngẫu và bất biến!” Hắn hét lên. “Đây là lúc để bắt đầu cuộc cách mạng, bé con ạ!” Tôi tóm lấy tay Truman và kéo em đi. “Không nói chuyện hả? Sao thế? Nghĩ mình là quý tộc sống trong tòa nhà gạch nâu hả?” gã nói.

“Truman sợ hắn, nhưng em vẫn bình tĩnh. ‘Đừng có gào lên. Nếu gào lên người ta sẽ nghe thấy,’ em nói. Chuyện này làm Max sững lại. Rồi Truman giới thiệu bản thân. Em đưa tay ra cho hắn bắt. Hắn cầm lấy. Rồi hắn gầm lên với Truman. Hắn cau có mặt mũi lại và gầm lên như một con chó. Truman nhăn mặt nhưng em không lùi lại. Max phá lên cười ngặt nghẽo. Kể từ ngày hôm đó, hắn gọi Truman là Hoàng tử Dũng cảm.”

“Sáng nào trên đường tới trường bọn tớ cũng gặp Max. Thường là hắn gào thét về cuộc cách mạng mà hắn sắp thực thi, bảo mọi người giết người giàu và trả thành phố về lại cho nhân dân. Hắn chửi rủa thị trưởng, những người trong ủy ban nhà đất, và Donald Trump. Có người bảo hắn từng là luật sư bào chữa cho công chúng. Ai cũng bảo là hắn vô hại và rồi hắn sẽ nhanh chóng biến mất thôi. Thành phố sẽ phân nhà cho những người trong tòa nhà George để những người chủ đã mua đất có thể tiến hành xây dựng.”

“Nhưng Max không vô hại. Hắn là kẻ bị tâm thần phân liệt. Hắn nổi điên lên vào cái ngày cảnh sát đến tống cổ hắn đi. Đó là vào buổi sáng. Truman đang trên đường đi học. Một mình. Lẽ ra tớ phải đi với em, nhưng tớ thích một thằng. Nó tên là Nick. Nó bảo nó thành lập ban nhạc và muốn tớ gia nhập. Nó hút thuốc. Nó bảo nó đã uống ít thuốc và ở nhà còn nhiều nữa. Nó muốn tớ đến nhà nó. Vì thế tớ bảo sẽ qua và rồi tớ bảo Truman đi một mình. Trường chỉ cách nhà có vài tòa nhà. Hai chị em đã đi nhiều lần rồi. Em biết đường. Truman không thích Nick; tớ biết. Em không tin thằng kia. Và tớ cáu vì sâu thẳm bên trong tớ cũng không thích thằng kia. ‘Chị Andi, đi nào,’ em bảo. ‘Em đi đi, Tru,’ tớ nói. ‘Chị sẽ trông cho em đi xuống phố Henry. Em đi một mình được mà.’ Em vẫy tay tạm biệt. Và tớ vẫy tay lại. Tớ... tớ vẫy tay tạm biệt em. Tớ...”

Tôi phải dừng ở đó. Và gục đầu vào hai tay. Virgil không nói gì. Cậu chỉ đợi cho đến khi tôi cất tiếng trở lại. Vài phút sau, tôi ngẩng đầu lên, chùi mặt, và tiếp tục.

“Bọn tớ quyết định nghỉ học buổi sáng, tớ và Nick, và về nhà nó,” tôi nói. “Bọn tớ vừa đi qua phố Henry tới phố nhà nó - phố Pineapple - thì nó bảo nó đói. Ở góc đó có một cửa hàng đồ ăn. Nó vào trong còn tớ đợi bên ngoài. Sau đó nó không gọi cho tớ. Không gọi một lần nào trong suốt một tháng tớ nghỉ học. Khi tớ gặp lại nó, nó đang đi chơi. Ngồi trên ghế với một đứa con gái trên đùi. Nó chẳng nhớ gì. Không gì cả. Nó ôm tớ, bảo với tớ rằng nó đã nghe chuyện xảy ra và rằng nó rất buồn. Suốt quãng thời gian qua nó đã hoàn toàn rối trí.”

“Sau đó tớ đọc báo cáo của cảnh sát. Người ta viết rằng Truman đã đi qua tòa nhà George. Em đã thấy cảnh sát. Chắc hẳn là thế. Đã có rất nhiều cảnh sát. Em không biết cách qua đường. Để thoát khỏi chỗ đó. Cảnh sát tổng cổ những người không chịu dọn đi. Báo cáo viết rằng cảnh tượng đã rất khủng khiếp. Một bà già khóc lóc. Bà cho hết đồ đạc của mình vào hai cái túi D’Agostino. Bà ấy bảo đã sống ở đó hai mươi năm qua và không muốn chuyển đi. Một bà mẹ thì gào lên bằng tiếng Tây Ban Nha rằng bà ta không muốn vào ở khu nhà tạm của thành phố với năm đứa con. Max cũng gào thét. Hắn đứng trên vỉa hè cãi nhau với cảnh sát.

“Đúng lúc đó có một bà đi qua. Bà ta mặc áo lông thú, đeo rất nhiều trang sức và đang ăn một cái bánh muffin. Chuyện đó khiến Max điên lên. ‘Vẫn còn ăn bánh được sao?’ hắn hét lên với bà. Bà ta hoảng sợ và đánh rơi cái bánh. Hắn nhặt lên và ném vào người bà. ‘Bọn tao thì không có bánh ngọt! Không bánh mì. Không gì cả. Mày có hiểu không? Bọn tao chỉ có chuột bọ và nước lạnh. Thế mà mày cũng tức đi của bọn tao ư?’”

“Một cảnh sát tóm lấy hắn và bảo hắn thôi đi. Đúng lúc đó Truman đi qua. Đúng là cảnh sát bảo Max đi lấy đồ của mình. Nhưng Max không chịu đi. Hắn gào hét. Hắn đẩy một cảnh sát. Anh cảnh sát kia cố bắt hắn và đúng lúc đó hắn bắt đầu cắn loạn xạ.

“Hắn tóm lấy Truman. Rồi hắn lấy dao từ trong túi ra và giơ lên dí vào cổ họng của em. Hắn kéo em trai tớ xuống vỉa hè, hét bảo cảnh sát lùi lại. Họ lùi lại và Max bắt đầu đưa ra các đòi hỏi. Một số khá vô lý - chẳng hạn dừng việc tổng cổ hắn ra ngoài. Một số thì điên loạn - chẳng hạn như trả Manhattan lại cho người da đỏ. Thêm nhiều cảnh sát tới. Họ cố khuyên Max bình tĩnh lại. Họ yêu cầu hắn thả Truman ra. Max bảo không. Hắn bảo sẽ mang hoàng tử đi. Hắn sẽ dạy cho em. Ai đó cần học cách cai trị thế giới đúng đắn.

“Tớ vẫn ở bên ngoài cửa hàng và tớ nghe thấy tiếng còi xe cảnh sát. Tớ đi bộ về phía phố Henry và thấy chuyện đang xảy ra. Tớ thấy em trai tớ ở trong tay Max, rồi tớ bắt đầu thét lên và chạy về phía họ. Truman đang khóc. Khi em thấy tớ, em cố thoát ra. Em giằng co với Max và con dao đã cứa vào em. Không sâu lắm, nhưng cũng đủ chảy máu. Một viên cảnh sát trẻ tuổi phát hoảng. Anh ta rút súng ra. Max nhìn thấy anh ta. Hắn hoảng loạn và lao xuống phố cùng Truman. Tay lái xe tải đưa hàng đang cãi nhau với người gửi hàng. Hắn không nhìn thấy họ. Hắn chỉ biết là đã đâm vào họ khi nghe thấy một tiếng ạch. Khi nhìn thấy việc mình đã làm, hắn ngất xỉu. Mẹ tớ cũng ngất đi khi cảnh sát đến nhà thông báo. Tớ thì ở đó. Sau đó cảnh sát đưa tớ về nhà. Bố tớ cũng ở đó. Ông vẫn chưa đi làm. Thoạt tiên, tất cả những gì ông có thể làm, là hét lên ‘Con đã đi đâu?’ với tớ. Sau đó ông xin lỗi, nhưng tớ bảo ông không phải làm thế. Ý tớ là, ông đã nói đúng. Tớ đã ở đâu? Tớ đã ở chỗ mẹ nào chứ?”

Tôi ngừng nói và nện tay lên trán.

“Này... thôi nào,” Virgil nói, kéo tay tôi ra.

Tôi lắc đầu. “Tớ liên tục thấy em tớ, Virgil ạ. Tớ thấy em vẫy tay tạm biệt tớ. Không muốn nhưng vẫn đi vì tớ bảo em đi. Tớ thấy em trong tay Max. Em rất sợ. Em giơ tay về phía tớ. Giá như tớ đi cùng em. Giá như tớ không đi gặp Nick và bỏ học. Giá như...”

“Tất cả những cái giá như đó không quan trọng. Max giết em trai cậu.”

“Giá như tớ...”

“Andi, cậu có nghe tớ nói không? Max giết em trai cậu. Không phải cậu. Hắn giết em trai cậu hai năm trước. Giờ thì hắn đang giết cậu. Đừng để hắn làm vậy.”

“Tớ không biết làm thế nào,” tôi yếu ớt nói. “Tớ cố tìm ra câu trả lời - bằng cách co mình lại, bằng thuốc, nhưng không được. Thường thì âm nhạc giúp tớ sống tiếp, nhưng giờ cả âm nhạc

cũng chẳng ích gì. Tớ có cảm giác như đã quá muộn rồi. Như thế việc rơi khỏi tháp Eiffel sẽ chỉ là một sự chính thức hóa. Như thế tớ đã chết từ lâu rồi.”

Cậu định nói gì đó nhưng có người quăng một khúc xương vào phòng. Nó suýt nữa đập vào đầu cậu. Cậu chửi gã kia. “Thảo nào,” cậu nói. “Dọn đồ đi, mình ra khỏi đây. Tớ sẽ bảo những người khác. Chỉ mất một phút thôi nên cứ ngồi yên đó. Tớ quay lại ngay.”

Cậu đi còn tôi cho guitar vào thùng. Mọi người lại hò hét đòi chơi nhạc. Một gã bật iPod lên lại. Mọi người bắt đầu nhảy. Họ nhảy như điên như dại. Thuốc được truyền đi quanh. Một gã đưa thuốc cho tôi nhưng tôi từ chối. Tôi thấy ân hận vì uống chỗ rượu kia rồi. Giờ nó đang đánh nhau với thuốc Qwell, khiến tôi thực sự đảo điên.

Tôi ước gì Virgil quay lại. Ngay lúc này. Tôi nhìn quanh tìm cậu, nhưng không thấy cậu đâu cả. Tôi dọn đồ của cậu để chúng tôi có thể ra khỏi đây nhanh hơn. Tôi cho guitar của cậu vào lại thùng, gấp tấm bản đồ lại, và nhét nó vào túi tôi. Tôi nhìn đồng hồ. Các con số mờ tịt đi, khiến tôi hơi hoảng. Khi chúng rõ trở lại, tôi thấy là đã gần nửa đêm rồi. Constantine bước qua. Tôi định hỏi cậu có thấy Virgil ở đâu không thì một bàn tay đặt lên vai tôi.

Không phải Virgil.

Mà là gã lập dị điển trai. Gã nhìn xuống tôi và cái cảm giác tôi biết gã rõ đến mức nó khiến tôi sợ hãi. Mắt gã đen sậm, gò má cao, tóc nâu dày buộc thành đuôi ngựa. Mặt gã trắng bệch như ma, môi thì đỏ choét, và trên má gã có một nốt ruồi đen. Gã mặc loại quần thụng chỉ tới đầu gối, áo sơ mi có đăng ten mở ra ở cổ, một cái áo vest lụa dài, và một sợi ruy băng đỏ buộc quanh cổ. Thật quá sức kỳ quặc.

“Nhạc gì thế?” gã hỏi tôi, hất đầu về phía cái iPod.

“Tôi không biết. Chắc là pha các bài,” tôi nói.

“Nhưng cái gì tạo ra thứ nhạc đó?” gã hỏi.

“Ừm... cái iPod?”

“Tôi chưa bao giờ thấy một thứ như thế cả.”

“Ừm, không biết phải nói với cậu thế nào. Có lẽ nó là kiểu mới,” tôi nói.

Gã ngồi xuống cạnh tôi, vuốt tay lên thùng đàn của tôi và nói, “Tôi thích bạn chơi nhạc. Rất thích. Nhạc cụ của bạn tiếng hay lắm. Ai làm ra cái đàn này thế?”

“Nó là đàn của Gibson.”

“Tôi chơi được không?” gã hỏi, chỉ vào cái thùng đàn.

Tôi lấy đàn ra và đưa cho gã. Gã xem xét nó. “Kỳ quặc thế,” gã nói. “Thân đàn lớn hơn những đàn mà tôi thấy rất nhiều. Của Ý à?”

“Ôi giời, của Gibson mà. Mỹ,” tôi nói, thấy khó chịu bởi gã và trò đùa của gã.

“Người Mỹ,” gã nói. “Tôi không biết là ở đó lại đó thợ làm đàn giỏi. Có lẽ đó là nơi văn minh hơn người ta tưởng.”

“Chắc vậy. Cậu có muốn chơi hay không?”

Gã gật đầu, rồi chơi một bản của Lully. Tôi hầu như không nghe được gì vì ồn ào quá nhưng tôi biết gã chơi hay. Gã chơi rất hay. Không, thực ra gã chơi hay đến sững sốt.

“Thật là một nhạc cụ quý báu,” gã nói khi chơi xong, cho lại nó vào thùng. “Tôi cũng sáng tác nhạc,” gã nói. “Hãy đứng hơn là từng sáng tác.”

Mắt gã nhìn lên cái ruy băng đỏ trên cổ tôi. “Tôi không biết bạn cũng thuộc hội chúng tôi. Tôi đã không thấy bạn ở vũ hội của bà góa Beauharnais hay ở bất cứ vũ hội nào cả,” gã nói. “Gia đình bạn là gia đình nào thế?”

“Anh bị làm sao thế?” tôi phản ứng. Tôi bắt đầu thấy chóng mặt. Thật sai lầm khi uống chỗ rượu kia, sai lầm lớn. Tôi muốn Virgil quay lại. Tôi muốn ra khỏi đây.

“Đừng sợ. Bí mật của bạn an toàn với tôi. Bạn bè tôi... bạn có thấy họ ở kia không? Stéphane, Francois, Henri... Họ cũng vừa mới trốn thoát thôi.” Gã khẽ chạm vào sợi ruy băng. “Bạn đeo ruy băng đỏ, chẳng phải ư? Chẳng phải chúng ta đều đeo nó ư?” gã nói, chỉ về phía bạn bè mình. “Chẳng phải chúng ta đã chịu khổ đau ư? Bạn đã mất người thân nào?”

Ngón tay tôi cầm lấy chiếc chìa khóa của Truman. Sao anh ta biết được tôi đã mất ai đó? “Em trai tôi,” tôi nói.

Anh ta gật đầu. Mắt anh ta buồn rầu. “Tôi xin gửi lời chia buồn, thưa ngài.”

Ngài ư? Anh ta nghĩ tôi là con trai? Cái khỉ gì thế này? Tôi định bảo anh ta tôi không phải là con trai thì anh ta nói, “Những người ở Vũ hội Nạn nhân kia là ai thế? Tôi không nhận ra ai trong số họ cả.”

Vũ hội Nạn nhân? Sự kỳ cục đột nhiên trở nên kỳ cục hơn bao giờ hết. Tôi nhớ cái từ Vũ hội Nạn nhân từ chuyến đi thăm hầm mộ của mình. Những người quý tộc có người thân bị chém trong giai đoạn Thống trị khủng bố đã tổ chức các vũ hội sau khi chính quyền của Robespierre bị lật đổ.

“Đây là một bài tập Lịch sử ở lớp à?” tôi hỏi anh ta. “Như kiểu diễn lại một sự kiện trong quá khứ hay gì đó?”

Giờ đến phiên anh ta trông bối rối. Anh ta định nói gì đó với tôi thì lời của anh ta bị cắt ngang.

“Chạy đi!” ai đó hét lên. “Cảnh sát tới!”

Mọi người bắt đầu chửi thề, gào thét, chôn thuốc phiện và chạy tán loạn khắp nơi, làm nền đồ linh tinh hết cả. Tôi gần như không thấy gì. Một gã nháy ra người tôi. Tôi bị một cái túi của ai đó đập vào đầu. Hai gã thích khám phá hang động chạy vụt qua tôi, đèn đeo trên đầu sáng lóa.

Tôi quàng túi lên vai, lấy guitar, và lồm cồm đứng dậy. Đúng lúc đó thì một đứa con gái lao vào tôi làm tôi suýt ngã ngửa. Tôi muốn bỏ chạy nhưng không biết lối nào.

“Virgil!” Tôi hét gọi.

“Andi! Cậu ở đâu?”

“Tớ ở đây! Ở đây!”

Tôi không thấy cậu. Tự dưng tôi thấy choáng váng đến độ nghĩ mình sắp sửa ói. Có tiếng loa pin. Cảnh sát đang bảo chúng tôi đứng im và không hoảng loạn. Khiến mọi người càng hoảng loạn. Tôi cảm thấy một người kéo tay tôi.

“Kệ nó đi!” một giọng nói.

“Không được! Cậu ta là người của bọn mình!” anh chàng như từ thời tiền sử kia hét lại. “Đi! Nhanh lên! Cậu không thể bị thấy ở đây được. Bọn mình không thể,” anh ta nói với tôi. Anh ta kéo tôi đi xuống một đường hầm. Tôi loạng choạng. Giằng co và xoay người, cố thoát ra. Tôi không muốn đi với anh ta. Tôi muốn tìm Virgil. Cuối cùng tôi thoát ra được.

“Virgil? Cậu đâu rồi?” tôi hét. Tôi không nhìn thấy cậu. Tôi không nhìn thấy gì cả bởi dưới này không có nền thì tối đen như mực. Lúc này ánh sáng duy nhất phát ra là từ đèn pin của cảnh sát. Khi tôi nhìn nó thì thấy mờ mờ. Tôi nhớ ra mình cũng có đèn pin. Tôi lấy từ túi ra rồi bật lên. Giờ tôi đã nhìn thấy. Tôi thấy một anh cảnh sát. Và anh ta thấy tôi. Anh ta bắt đầu bước về phía tôi.

Tôi thực sự không muốn gọi bố tôi đến một đồn cảnh sát ở Paris. Nhất là khi tôi đang ở trong trạng thái thế này. Tôi bắt đầu chạy về phía đường hầm. Nhờ ánh đèn pin mà tôi nhìn thấy lối vào. Tôi bị mất thăng bằng. Tôi phải cố hết sức thì chân mới nghe theo lời tôi. Đường hầm rẽ nhánh. Tôi rẽ trái. Tôi nghe tiếng cảnh sát vẫn ở sau mình. Tôi rẽ trái tiếp, chạy nhanh hết mức có thể. Vấp. Suýt ngã. Sau vài giây, tôi thấy một ánh sáng mờ mờ phía trước trông như áo sơ mi trắng của ai đó. Chắc của đám tiền sử kia, tôi nghĩ. Tôi hy vọng.

Tôi gọi họ và chạy nhanh hơn. Rồi chân tôi vấp phải thứ gì đó và tôi bay lên. Tôi rơi xuống rất đau. Tôi nằm trên mặt đất. Đầu nện mạnh. Một thứ gì đó nóng ẩm và ẩm ướt đang nhỏ xuống má tôi. Tôi choáng váng đến độ có cảm giác như mình sắp chết đến nơi. Tôi nhắm mắt lại, tuyệt vọng, cố để không bị chóng mặt nữa, rồi mở lại mắt ra. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một bóng đêm nào như thế. Hay nghe thấy sự im lặng như thế. Không một giọng nói. Không một ánh sáng.

Trong một giây tôi băn khoăn không biết mình ngủ hay ngất đi hay đã chết.

Tôi không thể chết được. Nếu chết rồi thì đầu tôi sẽ không đau đến vậy. Mà tôi có một mình. Nằm sâu dưới Paris trong khu hầm mộ. Trong bóng tối. Với vài nghìn xác chết xung quanh mình. Và không hề biết làm thế nào để ra ngoài.

Tôi lồm cồm bò dậy và sờ soạng tìm đèn pin. Tay tôi di chuyển trên mặt đất, chạm vào những khúc xương và tôi suýt tí bật khóc vì sung sướng khi tìm thấy nó. Đèn pin đã tắt, nhưng khi tôi lắc lắc thì nó lại bật lên. Tôi nhặt hộp đèn, và bắt đầu đi theo hội dã man kia. Tôi phải tìm được họ. Họ là lối ra duy nhất của tôi. Tôi hy vọng như đền đường hầm sẽ không có thêm lối rẽ. Để không rẽ nhầm lối nào. Sau vài phút, nhờ phép lạ nào đó mà tôi tìm thấy họ. Họ đi phía trước tôi. Di chuyển chậm chạp.

“Này!” Tôi hét lên bằng tiếng Pháp. “Này, đợi đã!”

Họ dừng lại và tôi bắt kịp họ, tôi hiểu vì sao họ đi chậm đến vậy. Họ không có đèn pin. Họ cầm nến.

“Đủ rồi,” tôi nói, đưa cho cái anh chàng đẹp trai đèn pin. “Đưa chúng ta ra khỏi đây thôi.”

Nhưng anh ta không chịu đi. Mà anh ta nghịch cái đèn pin. Anh ta giơ nó lên trần rồi rọi khắp các bức tường. Anh ta rọi đèn vào mặt. Bàn bẻ anh ta cầm lấy nó. Chốc đầu nó xuống. Lắc lắc. Ngẫu nhiên làm nó tắt đi. Bảo tôi bật lên lại.

Bọn này đang phê rồi. Chắc hẳn thế. Tuyệt nhỉ. Quá tuyệt. Tôi đang ở trong hầm mộ của Paris với một đám phê thuốc trong một chuyến phiêu lưu dở hơi nhất hạng. Tôi bật lại đèn pin lên và đưa cho anh chàng điển trai kia. Chúng tôi nghe thấy tiếng hét từ phía vừa đi xong nên vội vã đi tiếp. Chúng tôi đi rất nhanh. Vài phút sau, đường hầm hẹp lại. Chúng tôi lội bì bõm qua vũng nước vừa đen vừa lạnh rồi nền đất lên dốc và khô ráo trở lại.

Đột nhiên có một mùi hôi thối - một thứ mùi thối kinh khủng mà tôi chưa bao giờ ngửi thấy. Nó hiện hữu rõ ràng. Như quỷ dữ. Nó nồng nặc, nó là một thực thể. Tôi bỏ đèn và túi xuống, cúi đầu nôn. Tôi thấy buồn nôn khủng khiếp, đến nỗi tôi chẳng thấy xấu hổ. Khi không còn nôn được nữa tôi đứng thẳng dậy. Tôi ho, nhổ nước bọt và há mồm ra hít không khí. Họng tôi có cảm giác như ai đó đang rót axit xuống vậy. Nước mắt ràn rụa. Tôi nhìn những người khác. Và họ đều bình thường. Tất cả đều bình thường. Họ bối rối nhìn tôi. Như thể họ không hiểu tại sao tôi lại không như họ.

“Mấy người đùa tôi chắc,” tôi nói. “Không ngửi thấy mùi gì à?”

“Có chứ,” một người nói.

“Mùi gì thế?”

“Dĩ nhiên là người chết. Chúng ta đang trong hầm mộ mà.”

“Phải, nhưng mà...” tôi toan nói.

Và rồi tôi thấy chúng. Dưới ánh đèn pin, tôi thấy các xác chết. Rất nhiều xác chết. Một vài cái đã khô quắt lại. Một vài cái đang thối rữa. Hầu hết đều mặc quần áo. Chẳng cái nào có đầu cả.

“Không. Không thể nào. Không thể nào! Không thể được. Người chết xác còn tươi ư?” tôi hét lên, hoảng hồn. “Tôi đã đi xem hầm mộ rồi. Chẳng ai nói gì về người chết mà xác còn tươi cả. Họ bảo rằng các thi thể phải hai trăm tuổi rồi. Chuyện này không hay rồi. Thực sự không hay. Mình phải gọi ai đó. Frontline. Nighline. Geraldo. Ai đó.”

Bốn đứa kia nhìn nhau như thể tôi là đứa kỳ quặc. Như thể tôi là đứa kỳ quặc!

Lúc đó tôi rít lên. Anh chàng đẹp trai bảo tôi im lặng. “Yên nào. Lính có khi vẫn ở quanh đây,” anh ta nói. “Sao tự nhiên cậu xoắn hết cả lên thế? Chắc chắn là cậu đã thấy những thứ này ở các buổi vũ hội rồi chứ.” Anh ta lấy một cái túi nhỏ bằng muslin từ trong áo vest ra và đưa cho tôi. “Đây. Đưa lên mũi đi.”

Tôi giữ nó trên mặt mình như một cái mặt nạ phòng hơi độc. Nó có mùi quế và cam rất nồng. Nó có tác dụng chút đỉnh. Chúng tôi đi tiếp. Tôi nhìn chăm chăm thẳng vào bọn kia chứ không nhìn nghiêng nhìn ngá đi đâu cả.

Tôi biết người Pháp thích nỗi sợ hãi của họ. Tôi biết họ thích pho mát bốc mùi và bánh sô cô la. Tôi biết Napoleon viết cho Josephine từ ngoài trận mạc bảo với bà đừng tắm rửa vì vài ngày nữa là ông ta về nhà. Tôi biết tất cả những điều đó. Nhưng chuyện này đi ngược lại mọi logic. Tôi thành thực tin rằng tôi sẽ chết nếu tôi không nhanh chóng ra khỏi đường hầm này và những tên này cư xử như thể chẳng có gì khác thường cả. Tôi bắt đầu ngân nga. Tôi ngân nga nhạc của nhóm Ramones. Bởi vì ngay lúc này, tôi thực sự muốn tiêm thuốc an thần.

Cuối cùng thì bọn tôi cũng lên các bậc thang. Sàn đá dốc thẳng đứng, và rồi trở thành một chuỗi các bậc bằng sắt hình tròn ốc. Bọn tôi đi qua một cái cửa sắt như cái tôi đã qua lúc trước, rồi đến một lối đi. Anh chàng điển trai mở một cánh cửa khác, nhỏ và bằng gỗ, và tôi thấy mình vào bên trong một hầm mộ - một hầm mộ thật sự, đầy bụi và có mùi mốc. May mắn là tất cả những người chết nằm ở đây đều đã được đóng quan tài cẩn thận rồi. Bạn anh ta - tôi nghe được là Henri - đẩy cửa trước của hầm mộ và bọn tôi đi vào một nhà thờ nhỏ tối đen. Anh ta đóng cửa hầm mộ lại, rồi dẫn bọn tôi ra ngoài, trên phố có lát sỏi.

“Tớ đói quá,” anh chàng điển trai nói.

Tôi có cảm giác mình sẽ không bao giờ ăn cái gì nữa. Không bao giờ. “Cho tôi xin lại cái đèn pin được không?” tôi nói. Tôi phải ra khỏi đây ngay. Tôi sẽ về nhà. Và rồi tôi sẽ gọi cảnh sát và báo cho họ về hiện trường tội ác ghê gớm mà tôi vừa đi qua.

Anh ta đưa đèn pin lại cho tôi, rọi lên mặt tôi khi làm vậy, và nói. “Đầu cậu. Đang chảy máu” Anh ta chạm ngón tay vào trán tôi và máu đỏ dính vào ngón tay. Khi tôi tìm trong túi lấy giấy lau, anh ta hỏi Henri có muốn đi ăn cùng anh ta không.

“Không được. Tớ phải về nhà. Vợ tớ sẽ giết tớ mất.”

Vợ? Trông cậu ta như mười tám tuổi. Cùng lắm là thế.

Hai gã kia bảo họ cũng phải về nhà. Anh ta hỏi tôi nhưng trước khi tôi kịp bảo không, Henri đã kéo anh ta ra khỏi tôi nhưng không đủ xa. Tôi nghe được họ thì thầm.

“Để mặc thằng đó ở đây đi. Nguy hiểm lắm,” Henri giận dữ nói.

“Tớ không để mặc cậu ta không có ai giúp đỡ trên phố được. Mình mất bao nhiêu bạn bè rồi chưa đủ sao?”

“Này các cậu, tôi không vô dụng nhé,” tôi nói, thực sự chán ngấy cái trò bị gọi là thằng. “Tôi tự về nhà là được. Tôi chỉ phải tìm chỗ gọi taxi thôi. Hay là ga tàu điện ngầm. Tôi ổn cả. Thật đấy.”

Tôi nhìn quanh hy vọng tìm thấy Virgil. Jules. Ai đó tôi nhận ra. Anh chàng đẹp trai kia hôn tạm biệt bạn bè rồi lấy khăn giấy từ tay tôi và chấm lên đầu tôi.

“Cậu phải chăm sóc vết thương trước khi nó bị nhiễm trùng.”

“Cậu có nghĩ là cậu có thể thôi cái trò diễn kịch trong một phút và nói cho tôi biết ga tàu điện ngầm gần nhất ở đâu không?” tôi nói.

Anh ta nhìn tôi, mặt lộ vẻ lo lắng. “Tôi nghĩ cậu nên ăn gì đó. Chắc do bị ngã nên cậu hơi bị bối rối rồi,” anh ta nói. “Đi nào, Café Chartres không xa lắm. Tôi quen đầu bếp ở đó. Ông ta sẽ nấu món gì đó ngon cho chúng ta.”

“Cám ơn, nhưng thực lòng là tôi không đói và tôi phải về nhà.”

“Ít nhất để tôi đi cùng một đoạn đường với cậu.”

“Rồi. Sao cũng được.”

“Đợi đã,” anh ta nói. Trước khi tôi kịp cản anh ta, anh ta đã lấy sợi dây ruy băng cùng chiếc chìa khóa và thả vào trong túi áo tôi. Anh ta tháo sợi ruy băng của mình xuống, rồi lau phần sấp trên mặt đi bằng khăn mùi xoa. “Cẩn thận cũng không thừa.”

Chúng tôi đi về phía Đông. Tôi mừng khi được ra khỏi hầm mộ. Mừng khi đêm tối đã sắp tàn. Tôi muốn ra khỏi cái nơi ngột ngạt này. Trên hết, tôi muốn tìm Virgil.

“Nhân tiện, tôi là Andi,” tôi nói.

“Rất hân hạnh,” anh ta nói, khẽ cúi đầu với tôi. “Tên tôi là Amadé.”

“Amadé à,” tôi nhắc lại. “Kỳ quặc. Tôi đang nghiên cứu một ông Amadé. Ông ta cũng là nhạc sĩ, nhưng ông ta sống ở thế kỷ mười tám, và ông ta...”

Đúng lúc đó, chúng tôi rẽ khỏi con phố nhỏ đang đi sang Rue Rivoli và giọng tôi lạc đi. Bởi vì vào lúc đó, mọi thứ trở nên cực kỳ kỳ quặc.

Tất cả đàn ông đều cột tóc đuôi ngựa. Tất cả bọn họ. Bọn họ đều mặc quần ngắn và áo khoác chần dài. Chỉ có vài người phụ nữ tôi nhìn thấy thì trông tả tơi và tôi tự hỏi không biết có phải tôi vừa đi qua một bữa tiệc khuya khác không. Một phụ nữ tiến về phía bọn tôi. Cô mặc một cái váy dài kiểu cổ. Nó rất bẩn. Cô rất bẩn. Cô mỉm cười với bọn tôi. Rồi mở phần trên váy ra.

“Úi giời ơi! Nhét lại vào trong đi!” tôi nói. Vú thường không làm tôi sợ nhưng tôi vẫn còn ngần ngại khi đi qua cái đồng xác chết.

Amadé chỉ vậy cô ta đi như thể chuyện này xảy ra với anh suốt. Anh đi rất nhanh. Tôi phải chạy lon ton để theo kịp anh.

Tôi thấy xe ngựa chạy qua. Trông chúng như thể một bà tiên đỡ đầu đã làm ra chúng. Không có vệ đường, không vỉa hè. Chỉ có con phố đầy bùn. Sao nó có thể đầy bùn nhỉ? Trong Paris làm gì có bùn bởi vì ở Paris làm gì có bụi. Nó là một thành phố. Phố trải nhựa đường. Nếu không thì xe sẽ bị tắc. Nhưng cũng chẳng có chiếc xe hơi nào. Không taxi. Không xe buýt. Không xe máy. Không có biển báo đường, không đèn giao thông. Chỉ có vài ngọn đèn đường, và chúng có lửa cháy bên trong. Các tòa nhà trông thấp hơn. Trên trời không có máy bay. Và nó bốc mùi hôi thối. Nó thối chả kém gì như trong hầm mộ. Mùi pho mát cũ, mùi bàn chân người, mùi cái bắp thối và cống rãnh.

Nó không phải bữa đại tiệc nhảy nhót ngoài trời; không có nhạc. Không phải Halloween, bởi bây giờ đâu phải tháng Mười. Và nó cũng chả phải tiệc hóa trang, bởi đâu có ai mặc bộ đồ khỉ gorilla đâu. Thế thì chuyện quái gì đang diễn ra thế?

“Đi nào,” Amadé nói, khoác tay tôi.

“Sao cậu lại vội vàng thế?” tôi hỏi anh.

“Bị chúng bắt gặp thì không hay đâu. Đi vào lối của chúng đi.”

Và rồi tôi hiểu ra. Và nó rõ ràng tới độ tôi phá lên cười chính mình vì quá kỳ cục và ngu xuẩn. Toàn bộ cái thứ này là một phim trường lớn. Họ đang quay cảnh đêm trong một bộ phim sử thi lịch sử lớn và các nhân vật phụ đang chạy quanh và Amadé biết bọn tôi sẽ bị quát nếu phá rối cảnh quay.

Và người chết đều là đạo cụ cả. Đó là lý do vì sao Amadé và bạn anh không hoảng sợ khi thấy chúng. Còn mùi thì sao? Có khi là một thứ mùi được xịt lúc diễn viên diễn xuất.

Tôi bắt đầu nhìn quanh tìm những cái đèn khổng lồ mà đội kỹ thuật dùng để quay cảnh đêm, những đường cáp lớn, những máy phát điện và những gã kỹ thuật cơ bắp điều khiển chúng. Tôi tìm những toa xe mooc cho diễn viên nghỉ tạm giữa các cảnh quay. Và các bàn đầy thức ăn phòng khi nhân viên bị đói và những người làm công nhỏ bé đang giận dữ mà công việc của họ là giữ khoảng cách giữa những người dân thường với nam diễn viên Rob Pattinson. Nhưng tôi không thấy họ. Tôi chỉ thấy những đứa nhỏ bẩn thỉu gầy trơ xương ở khắp nơi.

“Giờ mà bọn diễn viên nhí vẫn chạy loanh quanh thì có phải là hơi muộn rồi không?” Tôi hỏi

Amadé.

Nhưng anh không nghe tôi. Anh đang sang nửa đường rồi. Tôi chạy theo. Và rồi bọn tôi ở lối vào của Cung điện Hoàng gia.

“Ồ, nó thật,” tôi bảo anh.

“Ăn gì đó trước khi đi. Nhé,” anh nói.

“Tôi phải về nhà ngay,” tôi nói.

“Tôi lo cho cậu. Nếu đám lính thấy cậu có máu trên mặt, chúng sẽ muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Chúng sẽ giữ cậu lại. Ít nhất hãy vào trong rửa sạch chỗ máu đi.”

Có lẽ anh ta nói đúng. Tôi thực sự không muốn cảnh sát chặn lại. “Được rồi,” tôi nói, theo sau anh.

Sân Cung điện ồn ào đông đúc và đầy những diễn viên phụ ăn mặc như nhân vật trong phim. Có những kẻ say xỉn, những gã chung diện và những con bạc. Chúng tôi tới Café Chartres và nơi đó cũng đông đúc. Xưởng phim chắc hẳn đã thuê nó làm căng tin. Khi chúng tôi ngồi xuống bàn, tôi nhìn quanh các diễn viên. Răng ai cũng xấu cả. Đầy sẹo. Mụn nhọt. Tóc nhờn. Móng tay bẩn thỉu. Trông quá là thực. Phần trang điểm chắc chắn giành được giải Oscar. Tôi nhìn quanh tìm dấu hiệu hiện đại - một cái điện thoại di động, xì gà hiệu Gitanes, một cái đồng hồ đeo tay, bút viết. Tôi thậm chí không tìm thấy máy pha cà phê espresso. Thật tuyệt vời. Mọi dấu vết của thế kỷ hai mốt đã biến mất.

Amadé gọi đồ ăn. Tôi bảo anh tôi không đói nhưng anh cứ nài. Bồi bàn mang rượu ra. Tôi không muốn uống. Đầu tôi vẫn còn choáng váng do chỗ rượu tôi uống ở bãi biển gây ra. Tôi đẩy cái ly về phía anh nhưng anh không uống. Thay vì thế, anh lấy một chiếc khăn mùi xoa ra, nhúng vào ly của tôi, và lau trán tôi.

“Cậu đã nghe nói tới nước bao giờ chưa?” tôi hỏi anh, nhăn mày.

Anh khịt mũi. “Cậu biết rõ chả kém gì tôi là cậu không muốn lau đầu hay bất kỳ bộ phận thân thể nào bằng nước ở Paris. Vết thương sẽ bị thối rữa trong vòng một ngày.”

Một gã lại bàn chúng tôi. Quần áo hẳn đầy vết thức ăn. Amadé nồng nhiệt chào anh ta, gọi anh ta là Gilles.

“Cậu bị làm sao thế?” anh ta hỏi tôi.

“Bị ngã,” Amadé vội nói.

Tôi chào Gilles, anh này cũng ăn vận như diễn viên, và đảm nhận việc lau vết thương cho tôi. Trên khăn có rất nhiều máu. Chắc hẳn tôi đã đập đầu mình khá nặng.

Gilles nhìn Amadé vẻ ẩn ý. Amadé nhún vai. “Uống nhiều quá,” anh làm khẩu hình. Họ nghĩ là tôi không nhìn thấy.

Hai người nói chuyện. Tôi không hiểu được hết nhưng tôi nghe từ phiên xứ cái tên Fouquier-Tinville - một lần nữa. Tôi biết cái tên đó. Ông ta là trưởng công tố viên cho Tòa án trong Cách mạng. Bộ phim này chắc là về Cách mạng Pháp.

Họ tiếp tục nói chuyện nhưng tôi không để tâm lắm.

Gilles nói, “Tiền thưởng lại được nâng lên.”

“Thật à?” Amadé nói. “Khi nào?”

“Vừa chiều nay. Tất cả đàn ông, phụ nữ, và trẻ con ở Paris giờ đây đều cố bắt Người Xanh. Sau màn pháo hoa lớn tối qua. Ai cũng mơ tới thứ mình có thể mua với số tiền đó. Lính gác tối nay cực bận. Chúng thậm chí bắt cả mọi người.”

Tôi thôi lau đầu. Giờ thì tôi để ý.

“Chúng đã làm anh ta bị thương, phải không?” Amadé nói. “Chúng bắn anh ta. Báo sáng nay viết vậy.”

Gilles gật đầu. “Tớ cá là anh ta bò vào đâu đó trốn rồi chết ở đó. Bọn lính sẽ tìm được anh ta nhanh thôi. Nhờ mùi của anh ta.”

Người Xanh. Đó là tên mà họ gọi Alex, nhưng Alex sống hai thế kỷ trước. Người ta cũng đặt tiền thưởng bắt cô. Tôi bắt đầu run. Tôi lại thấy chóng mặt. Và sợ. Nó quá hoàn hảo, cái phim trường này. Cái thế giới giả này. Có gì đó không ổn.

Amadé để ý thấy tôi run lấy bầy và bảo Gilles nhanh gọi đồ ăn tối. Có lẽ anh nói đúng. Có lẽ tôi chỉ cần ăn thứ gì đó. Vài phút sau đồ ăn dọn ra. Gà quay, anh bảo tôi, cười nhạt, rồi anh đùa về chuyện hiểm cớ qua ở Paris. Tôi thử một miếng. Dở kinh. Kinh tởm và dai nhách. Ăn nó chẳng khiến tôi thấy đỡ hơn chút nào và nhìn Amadé dùng tay ăn cũng chẳng khá khẩm gì hơn.

Đủ rồi, tôi nghĩ. Mình ra khỏi đây thôi. Mình sẽ vào phòng vệ sinh nữ, rửa trán tử tế, rồi tìm một chiếc taxi. Tôi hỏi Amadé phòng vệ sinh đâu. Anh bảo tôi phải đi qua bếp, tôi làm theo. Bếp cũng được trang trí. Chim chóc, loại có lông vũ trên người, đang treo trên trần nhà. Một cái đầu lợn đầy lông nằm trên bàn. Lươn đang ngo ngoáy trong giỏ. Tôi quay tròn người tìm cánh cửa có chữ WC nhưng không thấy đâu cả.

“Ở ngoài kia!” một gã hét lên với tôi, chỉ vào một cánh cửa mở. Tôi đi ra ngoài nhưng ngoài này chả có gì - không có gì ngoài hai gã đang tè lên một đồng rác.

Tôi bắt đầu hoảng loạn. Một ý nghĩ thì thầm trong đầu tôi kể từ lúc tôi ngã trong hầm mộ giờ đang gào lên với tôi. Tôi quay lại bàn.

“Nghe này, tôi nghĩ là mình đang bị phản ứng phụ,” tôi bảo với Amadé. “Tôi nghĩ là loại thuốc tôi uống cùng với rượu không tốt lắm. Tôi cần giúp đỡ. Tôi cần tìm một chiếc taxi. Tôi cần về nhà.”

“Phòng của cậu ở đâu?” anh hỏi tôi.

Tôi sắp sửa bảo cho anh ta biết thì tôi bị chóng mặt dữ dội. Tôi gần như không đứng nổi.

“Đi nào,” anh nói, quàng lấy hông tôi. “Tôi sẽ đưa cậu về nhà tôi.”

Tôi nửa đi, nửa loạn choạng ra khỏi Cung điện Hoàng gia. Trên phố, bọn tôi bị đám trẻ con bu lấy. Chúng rất gầy gò, ăn mặc rách rưới, và dường như chúng có mặt khắp mọi nơi. Một đứa chạy lại chỗ bọn tôi xin thức ăn. Amadé bảo anh không có.

“Đau lòng kinh khủng,” anh nói. “Các trại trẻ mồ côi ở Paris giờ chật ních người rồi. Bọn này phải sống trên đường phố. Bố mẹ chúng có lẽ bị chém đầu, hoặc cha chúng chết trong chiến

tranh. Danton và Desmoulins, cả hai đều làm cha, cố ngăn chặn sự thực thi quyền lực quá đáng của Robespierre. Họ cố yêu cầu ông ta thể hiện sự thương cảm. Nhưng Robespierre, St. Just, Hébert - không một ai có con cả, chỉ có ý tưởng, mà trong ý tưởng thì rất ít sự thương cảm. Những đứa trẻ tội nghiệp. Rồi chúng sẽ bị vây bắt và bán cho nhà máy hay trang trại. Bị bắt làm việc cho tới chết. Rồi sẽ thế.”

“Trong phim... phải không?” tôi hỏi, tuyệt vọng muốn anh đồng ý với tôi.

Anh cau mày nhìn tôi. “Đầu cậu sao rồi?” anh hỏi.

“Vẫn quay cuồng.”

Chúng tôi đi một lúc. Đường trông có vẻ hơi quen quen, nhưng tôi không nhìn thấy cửa hàng nào quen cả. Không cửa hàng Carrefour nào. Không tiệm bánh Paul nào.

“Mình đến nơi rồi,” cuối cùng anh nói.

Tôi nhìn quanh. Chúng tôi đứng ở Rue du Grand Chantier. Tôi chưa bao giờ nghe thấy nó cả, nhưng biển hiệu đường viết vậy.

“Cậu sống ở đây à?” tôi hỏi anh.

“Ừ,” anh nói. Anh phải vừa cố đỡ tôi và mở cửa ngoài. Anh cho chìa khóa vào ổ, và xoay, rồi chúng tôi vào sân.

Tôi biết khu Marais - mẹ tôi lớn lên ở đây và chúng tôi thường đi trên những con phố này cùng nhau mỗi khi đến thăm Paris - nhưng ngôi nhà này trông không hề giống với bất kỳ thứ gì tôi từng thấy ở đây. Nó xập xệ và tối tăm. Thay vì có đèn điện trên cửa, lại có một cái đèn lồng. Tôi ngửi thấy mùi ngựa. Chúng tôi vào trong và lên cầu thang đến đầu cầu thang tầng ba. Căn hộ của anh to, lạnh, đầy mùi tường bị ẩm nứt và trên trần nhà có mạng nhện.

“Cậu ngồi xuống đi. Cậu thực sự không được khỏe,” Amadé nói.

Anh dẫn tôi tới một cái bàn gỗ to đùng, kéo ghế ra, và châm nến. Tôi ngồi xuống và nhắm mắt lại, cố gắng một lần nữa để cơn choáng váng dừng lại.

“Cậu có cà phê không?” tôi hỏi anh.

Anh bảo có và rằng anh cần phải hâm nóng đã. Tôi nghe tiếng anh lạch cạch xung quanh. Vài phút trôi qua. Tôi tóm lấy mép bàn, hít một hơi thật sâu, và mở mắt ra.

Trước mặt tôi có một cái lông chim. Một lọ mực. Và một tờ báo cũ, tờ National Gazette. Tôi nhìn ngày - 14 Prairial III. Tôi cố đối chiếu ngày trong đầu và nghĩ ra đó là ngày mừng hai tháng Sáu năm 1795. Ngày sau khi Alex chết. Sáu ngày trước khi hoàng thái tử Louis-Charles chết. Nó là đạo cụ, tôi tự nhủ. Phải là thế.

Amadé đặt một bát cà phê bốc hơi xuống trước mặt tôi. Tôi cảm ơn anh, nhấp cà phê, và cẩn thận đặt cái bát xuống. Trông nó như là một thứ đồ cổ. Cái bàn cũng thế. Trên bàn trải các tờ bướm nhạc. Nó được viết bằng tay. Mắt tôi nhìn theo các nốt. Nó là một bản Rongđô. Một bản rất cổ. Có hai chữ viết tắt trên cùng trang đầu tiên - A.M. và đột nhiên tôi biết mình đã thấy anh ta ở đâu - trong một bức tranh. Một bức chân dung. Treo trong ngôi nhà cũ cạnh Bois de Boulogne.

“Anh là Malherbeau, phải không?” tôi hỏi, sợ hãi nếu nghe được câu trả lời của anh.

Anh mỉm cười. “Phải, đúng thế. Xin lỗi vì không nói họ tên đầy đủ lúc trước. Đó là thói quen thân trọng của tôi. Ta chẳng bao giờ biết được mình đang nói chuyện với ai. Tôi là Malherbeau. Amadé Malherbeau.”

“Không,” tôi nói, giọng tôi run run. “Không, không phải. Không thể thế được. Bởi vì Amadé Malherbeau sống cách đây hai trăm năm.”

Và rồi tôi cảm thấy mình ngã chúi về phía trước. Amadé hét lên. Anh đỡ tôi, nâng tôi lên, và mang tôi qua phòng tới một chiếc giường.

Chuyện gì đang xảy ra với tôi thế? Tôi thấy yếu ớt và vô dụng. Là do thuốc an thần. Tôi đã uống quá nhiều. Mà có khi không phải. Ai đó đã pha rượu mạnh vào rượu của tôi. Tôi cảm thấy Amadé cởi bớt của mình. Rút chúng ra khỏi chân tôi. Tôi sợ quá. Nếu anh ta chính là kẻ đã làm thế thì sao?

Tôi nghe tiếng đồng hồ điểm giờ. Trần nhà quay mòng mòng phía trên tôi. Amadé nhoài về phía tôi. Anh ta đang nói với tôi, hét với tôi, nhưng giọng anh ta nghe xa xăm. Mặt anh ta mờ dần, tan chảy, nhạt nhòa.

Tôi sợ quá. “Ai đó cứu tôi với. Làm ơn giúp tôi,” tôi thì thầm.

Ngay trước khi mọi thứ trở nên đen ngòm.

Tôi nghe tiếng nhạc. Ai đó đang chơi guitar. Tập ở một tiết nhạc. Tập đi tập lại. Không đánh đúng được. Lẽ ra sẽ rất hay nhưng không. Nghe thật khó chịu. Tôi tự hỏi là ai. Bác G? Cô Lili? Tôi không biết là họ có chơi đàn.

Tôi ngứa ngáy. Cầm tôi ngứa. Cổ tôi ngứa. Tai tôi cũng ngứa. Tôi đang nghĩ chắc trong phòng có muỗi nhưng không thể nào. Giờ là tháng Mười hai, muỗi miếc chết sạch rồi. Tôi cũng đau nữa. Đau khắp cả người.

Tôi mở mắt ra, rên rĩ bởi chỗ đau trên đầu, rồi nhắm mắt lại. Tối qua xảy ra chuyện gì? Tôi nhớ mình ở tháp Eiffel - và chuyện tôi suýt làm ở đó. Tôi nhớ Virgil và bạn bè cậu. Bãi biển. Cảnh sát. Tôi không nhớ mình về nhà bằng cách nào nhưng tôi có nhớ rõ một giấc mơ kỳ cục về những anh chàng mặc trang phục thể kỷ mười tám, và những thi thể trong hầm mộ, và ăn ở Café Chartres với Amadé Malherbeau.

Tôi lăn người lại, mở mắt ra, và há hốc mồm. Có người nằm cạnh tôi. Một người cực kỳ nhiều lông lá.

“Ơi. Này. Dậy đi,” tôi nói, chọc chọc anh ta.

Gã kia quay lại nhìn tôi. Mắt anh ta màu nâu còn mũi thì dài. Khi tôi kinh ngạc nhìn anh ta chăm chăm, anh ta thò lưỡi ra và liếm mặt tôi.

“Này! Tởm quá!” tôi nói, ngồi dậy. Nó là một con chó. Một con chó hôi hám to đùng. Tôi chạy khỏi nó, đoán chắc đó là lý do mà tôi bị ngứa ngáy.

“Không sao đâu. Hugo không cắn đâu,” một giọng nói cất lên làm tôi giật bắn cả mình. “Amadé. Amadé Malherbeau. Cậu có nhớ không?” anh hỏi tôi.

Máu tôi lại lạnh cứng khi tôi nhìn anh. “Không,” tôi nói. “Tôi không nhớ.”

Nhưng tôi có nhớ. Chỉ là tôi không muốn. Bởi tôi nghĩ tất cả chỉ là mơ và giấc mơ không có thật. Trừ phi mày bị điên. Tôi tự nhủ cùng một điều tôi đã nói với mình tối qua - tất cả chỉ là phim trường còn gã này là diễn viên. Anh ta đang đóng vai Amadé Malherbeau, thế thôi.

Lúc này anh ta đang ngồi trên một cái ghế chỗ bàn gỗ dài. Các tờ nhạc bướm rải khắp trên bàn. Một số nằm trên sàn. Anh chơi khi tôi nhìn anh chăm chăm. Viết các nốt nhạc. Lại chơi. Chửi thề. Và gảy các nốt nhạc.

Chuyện gì đó làm tôi lo lắng, chuyện gì đó đã xảy ra tối qua. Chuyện gì? Giờ tôi nhớ ra rồi. “Này, tối qua cậu cho gì vào rượu của tôi hả? Phải không?”

“Chắc chắn là không. Sao tôi lại làm thế?”

“Để đưa tôi về đây. Lên giường của cậu.”

Amadé cười khịt mũi. “Quý ông hiểu nhầm ý tốt của tôi rồi.”

Tối qua anh ta cũng gọi tôi là quý ông. “Này, tôi không phải là đàn ông, nhá?”

Anh ta nháy mắt với tôi. “Không phải á?”

“Không phải.”

“Nhưng quần áo của cậu... chẳng phụ nữ nào lại mặc quần ống túm.”

“Đủ rồi, được chứ? Toàn bộ mấy cái thứ thế kỷ mười tám thế là đủ rồi,” tôi gắt gỏng nói.

Tôi ra khỏi giường, tìm bột, và đi vào. Tôi không biết mình đang ở đâu. Tôi tưởng tôi ở nhà bác G, nhưng không phải, và tôi thực sự muốn ở đó. Tôi cần tắm rửa cho sạch bọn bọ chết, mùi chó hôi hám, toàn bộ cái trò kỳ quặc này khỏi người tôi.

Tôi nhìn đồng hồ. Đồng hồ chỉ 12:03. Đúng lúc bãi biển bị cảnh sát vây bắt. Nó đã ngừng chạy. Hẳn là nó đã bị va đập mạnh khi tôi ngã trong đường hầm. Tôi thực sự hy vọng bố tôi không kiểm tra phòng tôi tối qua. Nếu có thì tôi toi rồi.

“Chúng ta đang ở đâu? Ga tàu điện ngầm gần nhất là ở đâu?” tôi hỏi Amadé.

“Ga tàu điện ngầm? Là cái gì?”

Tôi thực sự muốn anh ta thôi đi. Tôi đi ra cửa sổ và kéo một tấm rèm nặng đầy bụi ra. Paris vẫn ở đó; thế được rồi. Rồi tôi thấy những thứ tôi đã thấy tối qua - ngựa và xe ngựa. Không có xe hơi. Không xe buýt. Phụ nữ mặc đồ kiểu xưa. Đàn ông bán củi và sữa đựng trong các can. Là một bộ phim, tôi tự nhủ. Một lần nữa. Tôi tìm tháp Eiffel nhưng không thấy đâu. Hay bất kỳ tòa nhà cao tầng nào. Tôi thả rèm xuống. Bên kia phòng, Amadé vẫn đang vật lộn với tiết nhạc. Nó khiến tôi đau đầu.

“Sai hợp âm rồi. Thử Sol thứ xem.”

“Thứ sao?”

“Thứ.”

“Một lựa chọn kỳ lạ,” anh trầm ngâm, chơi thử.

“Anh có dùng thêm cà phê không?” Tôi hỏi.

“Có,” anh nói, không hề nhúc nhích để đi lấy nó.

Tôi nhìn quanh tìm máy pha cà phê, tủ lạnh và bồn rửa, nhưng chẳng có gì cả. Chỉ có căn phòng lớn chúng tôi đang ở, một cái lò sưởi, và ít đồ đạc. Tôi mở một cánh cửa tủ búp phê bằng gỗ và tìm thấy một bình rượu đỏ, một miếng pho mát cứng, và ít bột cà phê ướt trong một cái bát. Cái gã này hơi bị nhếch nhác. Tôi cầm cái bát lên và nhìn quanh tìm thùng rác.

“Cậu đang làm gì thế?” Amadé nói.

“Vứt rác đi. Cậu để cà phê ở đâu?”

“Cậu ngu thế? Cà phê đấy! Đặt xuống!”

“Nhưng nó dùng rồi còn gì.”

“Mới chỉ hai lần. Trong đó vẫn còn vị. Tôi may mắn khi có nhiều thế đấy. Giờ rất ít cà phê và đường từ đồn điền thậm chí còn ít hơn. Những thứ đó ở đây đắt khủng khiếp. Cậu biết mà.” Mắt anh ta nheo lại. “Có khi cậu có mối? Mua cà phê? Và đường? Tôi sẽ trả nhiều tiền. Tôi không sáng tác được nếu không có cà phê. Thậm chí để nghĩ thôi cũng không thể.”

“Ừa. Được rồi. Giờ tôi sẽ đi mua ngay.” Một cốc espresso đôi. Cho tôi. Bởi tôi hết chịu nổi tay này và sự điên rồ của anh ta rồi.

“Gì cơ, ngay lúc này á? Giữa thanh thiên bạch nhật á? Cậu bị điên à? Cậu không biết chuyện gì sẽ xảy ra với những kẻ buôn bán chợ đen à? Nếu bị bắt cậu sẽ bị giết.”

Tôi nhìn anh ta cau có. “Cái trò đùa đó cũ rồi. Thực sự quá cũ rồi.”

“Trò đùa gì?” anh nói, trông bối rối.

“Anh biết trò đùa gì mà. Toàn bộ cái trò cách mạng cách miếc. Tôi biết nó là một phim trường, được chưa? Còn anh là diễn viên. Và chuyện đó buồn cười một lúc nhưng giờ thì hết rồi. Hết thực sự rồi. Phòng tắm đâu? Tôi phải đi vệ sinh. Gấp lắm.”

Trông vẫn bối rối, anh ta chỉ vào một cái bồn bằng thiếc cũ trong góc. “Cậu không định tắm đấy chứ?” anh nói. “Tôi không lấy đâu ra đủ củi để đun nóng ngần đó nước đâu.”

“Toilet-ở-đâu?” tôi nói. Qua hàm răng nghiến chặt.

Anh ta cho tay xuống dưới bàn và lấy ra một cái chậu đựng nước tiểu. Và tôi mất bình tĩnh. Hoàn toàn. Tôi túm lấy nó từ tay anh ta và quăng xuống sàn, làm nó vỡ tan thành từng mảnh.

“Thôi đi! Thôi ngay đi!” tôi hét vào mặt anh ta, cảm thấy như thể mình đang mất trí.

Amadé nhìn đồng mảnh sành trên sàn. Anh đứng dậy và đặt guitar xuống. “Tôi giúp cậu,” anh giận dữ nói. “Tôi cho cậu ăn. Cho cậu uống cà phê. Cho cậu ngủ trên giường tôi... Và cậu đền đáp tôi thế này à? Ra khỏi đây. Ra khỏi nhà tôi.”

“Nghe này, tôi xin lỗi. Tôi không định...”

Nhưng tôi chưa nói hết câu. Anh lấy áo khoác, túi, và guitar của tôi, mở cửa, và ném hết ra ngoài. Rồi anh đứng ở cửa, nhìn tôi trừng trừng.

Tôi bỏ đi và anh đóng sầm cửa lại. Tôi ngồi xuống đầu cầu thang và ôm lấy đầu. Ngoài này lạnh. Tôi đói. Tôi nên đi nhưng tôi không đi. Tôi sợ. Sợ phải đứng lên và bước ra khỏi căn nhà này. Sợ rằng nếu tôi làm vậy, thế giới ở thế kỷ mười tám này kiểu gì đó sẽ trở nên thật.

Nhưng tôi không thể ngồi đây vĩnh viễn được. Tôi sẽ tè ra quần mất. Tôi đứng dậy và xuống cầu thang.

Sẽ ổn thôi, tôi tự nhủ. Tất cả rồi sẽ ổn thôi.

Nhưng không.

Khi tôi xuống đầu cầu thang tầng dưới, tôi thấy một đứa trẻ đứng ở ngưỡng cửa đang nhìn tôi chằm chằm. Nó bật khóc.

“Em tưởng anh là bố em,” nó nói. “Em đã đợi bố mãi nhưng bố không về. Họ mang bố đi rồi. Em muốn bố quay về.”

Một phụ nữ xuất hiện. Bà ta kéo đứa trẻ vào trong, nhìn tôi từ đầu tới chân, và quắc mắt. Tôi hỏi bà liệu tôi dùng nhà vệ sinh của bà được không. Bà bảo tôi dùng cái ở trong sân như mọi người ấy.

Tôi băn khoăn không biết đây có phải là nhà cho sinh viên ở có phòng vệ sinh chung không. Và có khi mọi người gọi phòng vệ sinh là “sân”. Có lẽ kiểu Pháp nó thế. Nhưng không phải. Tôi tìm thấy sân và nó là một cái sân - đầy các con vật và chuồng ngựa và bọn trẻ chăn ngựa nhìn tôi bằng ánh mắt kỳ lạ. Tôi tìm được nhà vệ sinh nhờ mùi của nó. Về cơ bản nó là một cái lỗ trên mặt đất, bên ngoài phía sau chuồng bò. Tôi không muốn dính lú gì tới nó cả nhưng tôi không còn lựa chọn nào khác.

Sau khi giải quyết xong, tôi đi ra đường. Tôi cố tìm những điểm mốc quen thuộc nhưng không thấy gì cả. Tôi quyết định đi về hướng Nam tới Rue de Rivoli để tôi có thể tự định hướng mình đang ở đâu rồi đi bộ về phía Đông dọc theo Rue du Faubourg Saint-Antoine.

Trẻ con ở khắp nơi. Hết như đêm qua. Ăn xin. Khóc lóc. Nhảy ra nhảy vào các ngõ nhỏ như mèo hoang. Tôi đi qua những người bán hàng rong, ngựa, những thằng bé bán báo. Tôi bị một chiếc xe ngựa làm nước bắn lên người, suýt tí bị một chiếc khác chệt. Tôi dừng lại cạnh ngưỡng cửa một cửa hàng thịt để định hướng. Sai lầm lớn.

“Dịch ra!” một giọng lớn hét lên phía sau tôi và điều tiếp theo tôi biết, tôi bò lồm cồm trên con phố đầy bùn, túi và guitar cạnh tôi.

Một gã đang đứng dòm xuống tôi. Gã vác một con lợn chết trên vai. Máu rỏ xuống từ chỗ cổ họng bị cắt. “Tránh đường ra, thằng chó này!” gã hét.

Gần đó có người nhưng không ai giúp tôi đứng dậy cả. Một số bật cười hoặc lắc đầu. Họ mặc váy đầm dài và đeo tạp dề. Quần rách tả tơi và áo dài thắt ngang lưng. Sơ mi bằng vải lạnh thô. Họ đi tất và mặc quần ngắn. Họ mang theo giỏ. Bình nước. Những ổ bánh mì. Những bó củi. Mặt họ đầy nếp nhăn, mụn nhọt, và mụn cơm. Răng họ mọc xiên. Răng sâu. Không có cái răng nào. Và dưới ánh sáng rực rỡ ban ngày, tôi nhìn thấy tất cả đều là thật. Không có phần sấp gì trên da họ, không mũi giả, không phải những cái sọc dán vào.

Tôi đứng dậy, người đầy bùn, và đối diện với điều không thể xảy ra - cái thế giới đã đi qua này, thành Paris một thời này, quay trở lại. Còn tôi thì đứng ngay giữa nó.

“Tránh đường cho tao!”

Tôi vội quay lại. Lần này không phải tay bán thịt lợn mà là gã đánh xe. Tôi lượm đồ và loạng choạng chạy ra mép đường. Chiếc xe đi qua. Thân xe cao làm bằng các cột gỗ ghép vào nhau. Trong đó có người. Họ nhìn tôi chăm chăm nhưng dường như không nhìn thấy tôi. Họ im lặng. Có vài người đang khóc lóc. Và tôi nhận ra mình đang nhìn cái gì - một cái xe bò với một cái cũi ở phía sau. Tôi đã xem các bức vẽ về chúng. Chúng được sử dụng để đưa người tới máy chém. Những thằng nhỏ rách rưới chạy theo nó, chọc chọc những tù nhân. Một đứa bé gái chạy tụt theo sau, khóc nức nở.

“Chúa ơi. Sao không ai giúp họ?” Tôi nói.

Một gã đi ngang qua dừng lại. “Giúp họ?” hắn gầm ghè. “Chúng là đồ Jacobin! Cuối cùng chúng nhận lấy thứ mà chúng đáng bị. Tại sao lại giúp chúng? Trừ phi mày là một trong số chúng.” Hắn nhìn tôi thật kỹ. “Có khi đúng thế và mày nên nhập bọn.”

Tôi tránh xa hắn ra. Xa khỏi chiếc xe bò. Xa khỏi tất cả những con người đang chăm chăm nhìn tôi. Thoạt tiên tôi đi bộ, ôm guitar sát vào ngực, nhưng khi một trong số họ đi về phía tôi, tôi chạy, đột nhiên thấy sợ. Xuống một con phố, rồi một con phố khác, rồi chạy vào một ngõ nhỏ. Vài phút sau, tôi dừng lại để thở.

Tôi vẫn nghe thấy tiếng hò hét nhưng không phải từ những người nhìn tôi chăm chăm, mà là của bọn trẻ bán báo. Chúng la hét về những phiên tòa và án tử hình. Giá bánh mì. Một cuộc nổi loạn. Và pháo hoa. Chúng đang la hét về Người Xanh. Lính gác suýt bắt được hắn, chúng hét. Họ đã làm hắn bị thương. Giờ thì hắn là con sói bị thương, chui xuống nơi ẩn nấp, nhưng tướng Bonaparte chẳng bao lâu nữa sẽ kéo hắn ra.

Tôi lại bắt đầu chạy, vội vã tránh xa những giọng nói của chúng, tim tôi đập thành thịch vì sợ. Như thế chúng không phải đang hét lên về Alex. Mà là tôi. Như thế tôi chính là kẻ chúng muốn.

Tôi ngửi thấy mùi cà phê, xúc xích, cá, dâu, và pho mát. Hành phi bơ. Thịt hun khói. Chanh. Hạt tiêu. Hàu biển. Rau bina. Mơ. Mùi vị này tỏa ra từ các ngôi nhà. Thoảng đưa từ các quán cà phê. Chúng trông ghẹo tôi từ các xe đẩy, quầy hàng, và giỏ của người bán hàng rong.

Lúc này tôi đang đi về Cung điện Hoàng gia vì tôi cũng chẳng biết phải đi đâu. Tôi gặp chuyện lớn. Lớn nhất. Tôi đang ở thế kỷ mười tám. Trời vừa mưa vừa lạnh vừa tối. Tôi đã đi khắp Paris tìm lối ra khỏi nơi này và tôi mệt rũ. Quần áo tôi ướt sũng. Tôi run cầm cập. Nhưng tất cả những gì tôi nghĩ tới là thức ăn. Bởi tôi đói như thể chưa bao giờ đói trong đời mình. Hai mươi tư giờ qua tôi chưa có gì vào bụng. Một nắm thuốc Qwell và vài miếng thịt chim bí mật với Amadé không tính.

Lúc này tôi cố mua một ổ bánh mì trông rất thơm. Tôi đưa cho cô gái bán bánh hai euro. Cô ta lắc đầu và trả lại. Tôi cầu xin cô ta nhận chúng. Cô ta gọi ông chủ tiệm bánh. Ông ta nhìn tôi từ đầu tới chân, rồi bảo ông ta sẽ đá cái mông người Anh của tôi nếu tôi không ra khỏi cửa hàng với những đồng tiền Anh của tôi. Tôi thử lần nữa ở quầy hàng ở chợ tôi đi qua - cũng không khá hơn.

Lúc này tôi cũng ngủ nữa. Tôi cuộn mình dưới gốc cây ở Bois de Boulogne. Tôi đã quyết định tất cả chỉ là ảo giác do số lượng lớn thuốc chống trầm cảm mà tôi đã uống và khi cuối cùng thuốc hết tác dụng, tôi sẽ nằm trên giường nhà bác G. Chuyện đó không xảy ra. Thế là tôi tự nhủ đây là một loại ảo tượng gộp lại với nhau bởi tiềm thức của tôi từ những thứ mà tôi thấy gần đây - hầm mộ, bức chân dung của Malherbeau, những bức ảnh Paris cổ. Tôi cầu mình. Tát vào mặt mình. Nhưng không có gì thay đổi cả. Tôi vẫn lạnh. Vẫn ướt. Vẫn bị lạc. Vẫn đói.

Hôm tôi chơi nhạc xin tiền ở Notre Dame, tôi đã nghĩ là mình rất đói. Nhưng hôm đó so với hôm nay chả là gì. Đây là cái đói chết người. Vài ngày không đồ ăn, vài đêm ngủ ngoài đường là tôi chết ngay. Nước mắt rỏ ròng ròng xuống má khi tôi bước đi. Tôi sẽ thấy xấu hổ nhưng chẳng ai để ý tới tôi. Mấy năm vừa qua có lẽ họ còn nhìn thấy những chuyện tệ hại hơn nhiều.

Tôi tới Cung điện Hoàng gia và ngồi xuống một ghế dài bên ngoài lối vào. Ở đó có người ngồi rồi. Một ông già. Quần áo ông ta kỳ cục. Trông nó chẳng giống những bộ đồ ảm đạm mà tôi thấy ngoài phố. Nó bần thủ và lẻo loẹt. Trông như thể ông ta lấy nó từ thùng rác của vua Louis XIV vậy. Tuy nhiên giày của ông ta lại sành điệu. Nó được làm từ da đỏ.

Ông ta bảo với tôi tên ông ta là Jacques Chaussures. Tôi nói cho ông ta tên mình. Ông ta hỏi tôi có chuyện gì thế. Tôi bật cười và hỏi ông muốn nghe bắt đầu từ đâu.

“Từ chuyện tôi tệ nhất,” ông nói.

“Tôi đói,” tôi nói. “Rất đói.”

Ông cho tay vào áo khoác và lấy ra một mẫu bánh mì. Ông bẻ ra làm đôi và cho tôi một nửa. Nó vừa khô vừa bần nhưng tôi không quan tâm. Tôi ăn ngấu nghiến. Và chỉ nhớ cảm ơn ông ta khi tôi nuốt miếng cuối cùng.

Ông ta chỉ vào guitar của tôi. “Cậu biết chơi chứ?”

Tôi gật đầu.

“Vây chơi đi. Một nhạc công giỏi không bao giờ hoàn toàn nghèo đói.”

“Ừm... ở đâu?”

Ông nhìn tôi như thể tôi là đứa ngu. “Ngay sau cậu ấy.”

“Cung điện á? Ồ đúng rồi! Ý ông là đánh đàn xin tiền? Ừa, tôi có thể làm việc đó. Hoàn toàn có thể. Này, cảm ơn ông, Jacques.”

Tôi đứng lên và lấy đồ đạc của mình. Nếu kiếm được vài đồng, tôi có thể mua một ổ bánh mì. Thậm chí vài miếng pho mát để ăn cùng.

“Khoan,” Jacques nói, lấy một cái giẻ bẩn trong túi ra. “Cậu chảy máu kia.” Ông chấm lên trán tôi. “Vết thương nặng quá. Không thấy đau à?”

“Ồ. Đau suốt,” tôi bảo ông.

Tôi tạm biệt và vào trong Cung điện Hoàng gia. Ở đây kinh khủng quá. Thậm chí còn hoang dại hơn tối qua. Khi tôi bước vào sân, tóc tôi suýt nữa bị một gã thối lửa làm cháy. Có một phụ nữ đi trên dây. Cô ta đẩy một cái xe cút kít bên trong có một đứa nhỏ. Tôi thấy một gái điếm ngồi trong lòng khách hàng của cô ta. Cô ta chưa tới mười bốn. Có một thằng nhỏ mù đang ăn xin rất thảm hại. Những con chuột nháy máu. Một con khỉ gầy gò xương bị xích lại. Những nghệ sĩ tung hứng. Một con gấu bị bịt mõm. Những con bạc ném xúc xắc. Những đứa bé gái bán nước chanh.

Và một cái đầu. Trên bàn. Thoạt đầu tôi nghĩ là đồ giả, nhưng không phải. Ruồi bu quanh nó. Mọi người cười nhạo nó. Nhét xì gà vào miệng nó. Cho nó uống rượu. Tôi nghe có người bảo hắn ta là người của Fouquier-Tinville, một Jacobin. Gã đó cũng bảo rồi chả mấy chốc chính Fouquier-Tinville sẽ bị chém đầu và cả Paris sẽ đổ đi xem.

Tôi bước tiếp. Tránh xa cái đầu. Rồi tôi lấy guitar, mở thùng đàn ra để trên mặt đất trước mặt mình, rồi bắt đầu chơi. Không ai quan tâm. Tôi chơi Lully, Rameau, và Bach, nhưng thế cũng chẳng tác dụng gì. Mọi người còn nghịch cái đầu, cố làm mấy gã tung hứng bị rơi ngã, đùa bỡn chuột. Bụng tôi quặn lên đau đớn. Tôi bắt đầu cảm thấy thực sự hoảng loạn trước khả năng rất thực là tôi có thể bị chết đói. Tôi phải kiếm được tiền. Tôi phải ăn. Tôi phải giành được sự chú ý của họ.

Một cô gái bán những viên kẹo đầy sắc màu đi ngang qua và rồi tôi chợt nảy ra ý tưởng. Tôi bắt đầu chơi bản “Tôi muốn ăn kẹo” không lời. Tôi cá nó sẽ hút được sự chú ý. Tôi cố hết sức chơi giai điệu đó, và cả hát nữa. Nếu phải đứng bằng đầu thì tôi cũng làm.

Và rồi, tự dưng một gã say loạn choạng đi về phía tôi. Tóc gã vàng, râu ria lởm chởm. Gã đứng đó một phút, lảo đảo và lắng nghe. Rồi gã xông tới và thè lưỡi hôn tôi. Gã có vị như cá ươn.

“Lùi lại!” tôi rít lên, giăng ra.

Gã loạn choạng lùi lại, phá lên cười, rồi thả một nắm xu cho tôi.

“Lúc nào tao cũng muốn hôn một đứa man di!” gã nói. “Mày quê ở đâu? Châu Phi? Châu Mỹ? Tao thích tóc tết của mày. Mày là người Mohican à? Tao chưa bao giờ nghe loại nhạc hoang dã như vậy. Chơi cho tao đi, Pocahontas! Hay hơn là,” gã nói, nhìn dăm dặt, “về nhà tao. Tao sẽ trả

hời cho mày. Tên tao là Nicolas. Nicolas LeBeau. Tên mày là gì, con quỷ nhỏ yêu dấu?”

Tôi vẫn đang chùi nụ hôn của gã khỏi miệng mình thì thằng nhỏ mù xông vào và bắt đầu nhặt tiền xu.

“Này! Tiền của tôi cơ mà!” tôi hét lên với nó.

Thằng nhỏ chửi tôi và tiếp tục bốc xe. Tôi cúi xuống, cố nhặt lấy một ít cho mình. Sai lầm. Gã say kia có đồng bọn. Một gã tóm lấy hông tôi. Tôi xoay người lại để tát hấn nhưng hấn tóm được tay tôi, kéo tôi về phía hấn và hôn tôi. Tên kia thả một đồng xu vào quần tôi rồi cố lấy lại.

Tôi vung cây đàn, đập vào mặt tên đầu tiên. Hấn ôm mũi và rú lên, còn thằng kia mãi phá lên cười nên buông tôi ra. Tôi nhặt thùng đàn, đóng lại, và chạy.

Tôi tiếp tục đi cho tới khi tôi ra khỏi sân và đi dưới dãy cột. Tôi gần như ra khỏi được cung điện rồi - tôi có thể thấy những cây cột cao màu trắng ở lối vào và con phố đằng sau nó - thì một gã từ trong bóng tối bước ra và tóm lấy tôi. Tôi cố hét lên, nhưng gã bịt miệng tôi lại và kéo tôi vào trong ngưỡng cửa. Tôi giằng co và đá, cố thoát ra.

“Ồi! Đau quá! Thôi đi, đồ ngu này! Là tao đây, Fauvel!”

Tôi lạnh cứng người. Tôi biết cái tên đó. Fauvel chính là gã mà Alex mua pháo hoa. Gã đã bán đứng cô cho bọn lính.

“Đừng có đá nữa thì tao sẽ thả mày ra,” gã nói.

Tôi gật đầu. Gã buông tôi ra và tôi quay lại. Bọn tôi đối mặt nhau trong bóng chạng vạng. Ngực tôi đang căng lên. Tôi hết cả hơi vì phải giằng co và chạy.

“Tao sẽ nói nhanh thôi,” gã nói. “Tao không thể bị bắt gặp ở đây được.” Gã đeo một cái túi qua vai. Gã mở túi, lấy ra một gói bọc trong báo và đưa cho tôi. Tôi mở ra. Bên trong có pháo hoa. Pháo hoa giấy. Và cán cầm gỗ.

Tôi hết nhìn chỗ pháo hoa lại nhìn sang gã, rồi nhận ra gã nghĩ tôi là cô ấy - Alex.

“Hai chục. Như thỏa thuận. Lần tới tao muốn tiền trả nhiều hơn,” gã rít lên với tôi. “Càng lúc càng khó, mày biết rồi đó. Lấy thuốc pháo đen khó hơn. Cả kali nitrat nữa. Tao phải trả cho một thằng để nó ăn cắp từ kho hàng quân đội đấy.” Mắt hấn nhìn thấy vết thương trên trán tôi. “Mày bị thương mấy đêm trước phải không? Báo viết thế. Cần thận. Với tao mày còn sống thì đáng giá hơn chết rất nhiều. Mang cho tao thêm đồ trang sức - đồ ngon vào. Và một ít đồng Louis vàng. Tao đang ngắm thấy một căn nhà rất đẹp. Nó thuộc về một lão hầu tước.”

Chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân đang lại gần. “Tao nấn ná lâu quá rồi,” Fauvel nói. “Tao phải đi đây.”

Khi gã nói xong, một thằng nhỏ bán báo đi qua. Nó hét lớn những dòng tiêu đề và tin Bonaparte đã nâng giá tiền thưởng cho Người Xanh lên mức ba trăm francs, dù sống hay chết.

Mắt Fauvel nheo lại. “Tao đã nói một năm đồng Louis vàng phải không?” gã nói. “Cho thành một túi đầy nhá.”

“Người Xanh là ai? Người Xanh là ai?” thằng bé bán báo hét khi nó đi qua chúng tôi. Những lời đó nghe như một lời giễu cợt.

“Người Xanh là ai? Người Xanh là ai?” tiếng vọng vang xuống con đường có mái vòm dài.
Fauvel cười thầm. Gã giơ tay lên trong bóng tối và chỉ. Vào tôi.

“Làm ơn đi, Amadé. Chỉ một hay hai đêm thôi mà.”

“Không.”

Tôi ngồi ở bậu cửa nhà anh. Đã khuya. Tôi lạnh. Tôi đã ngồi đây nhiều giờ. Anh chỉ mới vừa về nhà. Cổ anh đeo sợi ruy băng đỏ và người tỏa ra mùi rượu.

“Tôi sẽ im lặng. Tôi sẽ không đập cái gì cả. Tôi thề,” tôi bảo anh.

“Tránh ra.”

Tôi đứng dậy nhưng không tránh ra. “Tôi có đồ ăn. Rất nhiều. Đủ cho cả hai chúng ta,” tôi bảo anh. Tôi mở túi và lấy ra một khúc xúc xích, một tảng pho mát, và một ổ bánh mì. Tôi ngẫu nhiên một cái cẳng gà và một giỏ dâu. Tôi mua thức ăn bằng đồng tiền mà một trong những gã say thả xuống quần tôi.

Anh đẩy tôi qua một bên. Nhét chìa khóa vào ổ.

“Tôi sẽ cho anh cái xúc xích. Cả cái luôn,” tôi nói.

“Tôi không muốn ăn.”

Chìa khóa xoay. Cửa mở ra. Tôi cho tay vào tối mò mẫm. Tôi đề nghị cho anh kẹo cao su, bút, đèn pin. Tôi phải vào trong. Tôi phải ngồi cạnh lò sưởi.

“Tôi không muốn thứ gì của cậu cả. Tôi chỉ muốn cậu đi đi,” anh vừa nói vừa đi vào trong.

“Tôi lạnh lắm,” tôi bảo anh. “Nếu không được sưởi ấm tôi chết mất.”

Anh bắt đầu đóng cửa lại. Và rồi tay tôi, vẫn để trong túi, cầm được cái iPod.

“Gượm đã!” tôi nói, chìa nó ra cho anh. “Tôi sẽ cho anh cái này. Nó là cái hộp nhạc. Như cái trong hầm mộ ấy. Nhớ không?”

Mắt anh mở to. Anh vớ lấy nó nhưng tôi đưa ra xa.

“Được rồi,” anh nói, mở cửa. “Cậu có thể ở lại. Nhưng nếu cậu mà bắt đầu gào thét với đập đồ đạc là ra vĩnh viễn luôn đấy.”

“Cám ơn anh,” tôi nói. “Anh thậm chí sẽ không biết là tôi có mặt ở đây đâu. Tôi thề.”

Tôi đưa cái iPod cho anh, bỏ đồ ăn lên bàn, rồi nhét túi và gói đồ của Fauvel xuống dưới giường. Tôi hỏi cho tôi mượn một cái áo được không rồi tôi thay quần áo ướt ra và treo lên lưng ghế để phơi khô. Tôi làm một cái sandwich rồi nhóm lửa và ngồi xuống ăn. Tôi không nghĩ là mình sẽ biết ơn sâu sắc cho bất cứ thứ gì trong đời mình như tôi dành cho ngọn lửa ấm áp và cái sandwich này.

“Ăn gì đó đi,” tôi nói với Amadé, miệng vẫn ngậm đầy thức ăn.

Nhưng anh không muốn ăn gì. Anh đang nghịch cái iPod. Cuối cùng anh đưa cho tôi và nói, “Làm sao để vặn cái này? Khóa nằm ở đâu?”

“Không có khóa,” tôi bảo anh. “Đây, nhìn đây...” Tôi chỉ cho anh nhấn vào chỗ nào để bật nó lên. “Anh cần phải có tai nghe nữa,” tôi nói, đứng dậy lấy một đôi trong túi áo khoác ra. “Đây. Đó là danh mục, thấy không? Anh muốn nghe gì?”

iPod của tôi lưu rất nhiều nhạc. Nó là một quyển sách lịch sử thực sự về âm nhạc bởi vì thầy Nathan và tất cả đồng bài tập của thầy đều có trong này. Amadé nhìn khi tôi chuyển từ văn A sang văn B.

“Beethoven?” anh nói. “Tay chơi dương cầm? Ở Viên?”

“Ừa.”

“Tôi nghe nhiều điều hay về anh ta. Họ bảo anh ta viết vài bản nhạc khá hay.”

“Ừa, một hay bản. Đây, nghe thử cái này.”

Tôi nhấn Eroica, giúp anh đeo tai nghe, rồi nhìn khi anh nghe nhạc. Mắt anh nhắm lại và khuôn mặt, vốn đã đẹp, càng lúc càng đẹp dễ hơn. Anh mỉm cười. Cau mày. Gật đầu. Há hốc miệng kinh ngạc. Anh cử động bàn tay nhạc sỹ duyên dáng của mình như thể anh đang chỉ huy dàn nhạc. Sau vài phút, tôi thấy nước mắt trên má anh và tôi ghen tị với anh. Nghe thử âm nhạc đó lần đầu tiên - không phải trong một bộ phim hay một quảng cáo xe hơi, vị tan nát thành từng mảnh, mà hoàn thiện như Ludwig muốn ta nghe - chắc phải tuyệt vời lắm.

Tôi ăn xong cái sandwich và bỏ thức ăn thừa còn lại lên bệ lò sưởi để Hugo không lấy được. Rồi tôi bò lên giường của Amadé. Tôi quá mệt, người đau nhừ.

Khi tôi kéo chăn lên đắp, Amadé bỏ tai nghe ra. Anh cố nói gì đó nhưng không thể. Anh lau mắt, rồi nói, “Anh ta viết bản này khi nào?”

“Chưa. Chưa viết. Nhưng sẽ viết. Ông ta sẽ viết xong nó vào năm 1804 và dành tặng cho Napoleon Bonaparte.”

“Tướng Bonaparte á?” Amadé hỏi, trông kinh ngạc. “Sao cậu biết được điều này?”

“Ai chả biết. Nó ở trong sách lịch sử lớp mười ở Mỹ mà,” tôi lẩm bẩm một cách mệt mỏi.

“Tôi không hiểu.”

“Ừ, tôi biết anh không hiểu. Tôi cũng không hiểu,” tôi nói. “Nghe này, Amadé, tôi biết có gì đó xảy ra khi tôi chạy qua hầm mộ với anh tối hôm qua. Tôi đã ở Paris - Paris của thế kỷ hai mốt. Giờ thì tôi ở thế kỷ mười tám.”

Amadé nhìn tôi đầy ẩn ý. “Cậu uống quá nhiều; chuyện xảy ra thế thôi. Rồi cậu ngã và bị đập đầu.”

“Không, hơn thế cơ. Chuyện gì khác nữa đã xảy ra. Tôi không biết điều gì, nhưng có gì đó.”

Nhưng anh không nghe tôi nói nữa. Anh quay lại với Beethoven. Tôi muốn nhìn anh, tận hưởng

sự sung sướng của anh, nhưng mắt tôi đang nhắm lại.

Khi nằm đó, tôi mới chợt nhận ra rằng mình đang ở với Amadé Malherbeau, đề tài luận văn của tôi, và rằng các nguồn tài liệu không hề có các thông tin cơ bản. Nếu mai anh ta vẫn còn ở đây khi tôi thức dậy - nếu tôi vẫn còn ở đây vào ngày mai khi tôi thức dậy - tôi có hàng tỉ câu hỏi cho anh ta.

“Ôi không! Nó hết rồi,” đột nhiên anh kêu lên. Anh chạy lại, đưa cái iPod cho tôi. “Bật hộ tôi thêm cái.”

Tôi cầm lấy tay anh, bắt anh trở ngón, và chỉ cho anh, một lần nữa, cách tìm bài và chọn. “Nào giờ anh làm đi,” tôi nói. “Chọn bài đó đi.”

Anh nhấn nút chọn. Nhấn Jane’s Addiction. Ritual de lo Habitual.

“Đợi đã, Amadé, anh vừa bỏ qua cả hai thế kỷ đấy,” tôi nói. “Tôi sẽ không làm thế đâu.”

Nhưng đã quá muộn rồi. Tai nghe đã được đeo. Anh nghe một vài giây, rồi tháo ra.

“Đây thực sự là âm nhạc của tương lai ư?” anh thì thầm, mắt mở to.

“Ừa,” tôi nói, hai mắt lại nhắm lại.

“Vậy thì tương lai là một nơi rất kỳ lạ.”

“Nó chẳng giống gì với quá khứ cả,” tôi lẩm bẩm.

Rồi, cuối cùng, tôi ngủ.

Người chết không thể ngồi dậy. Họ không thể rượt theo ta. Họ hoàn toàn không thể cử động. Đúng không?

Vậy thì tại sao cái người kia, cái cô mặc váy xanh, lại cử động tay?

Ồ, khoan đã. Cô ta không cử động. Tôi ngớ ngẩn quá. Là một con chuột. Một con chuột nâu chui vào trong tay áo làm tay phồng lên. Nó đang kéo. Cắn. Kéo các miếng thịt và ăn ngấu nghiến.

Phù. Tôi thấy dễ chịu hơn rất nhiều. Tôi thấy hạnh phúc. Hạnh phúc tới nỗi tôi bắt đầu bật cười. Như một kẻ điên. Cười nhiều đến mức tôi không dừng lại được. Và rồi tôi thở gấp. Và rồi tôi hét bảo chính mình im mồm và tiếp tục đi trước khi bọn đào mộ tìm thấy tôi ở dưới đây, đang hốt hoảng ở một góc.

Tôi ngửi thấy mùi tử khí trước khi tôi nhìn thấy xác họ nhưng lần này tôi đã sẵn sàng. Tôi có túi quế và vỏ cam của Amadé. Nó giúp cho mùi của chúng đỡ đi một chút. Nhưng còn cảnh tượng thì nó chẳng có ích gì. Có quá nhiều người chết. Hàng trăm. Hàng nghìn. Những thi thể không đầu ở khắp mọi nơi - nhét trong các phòng nhỏ, chất dọc các bức tường. Robespierre đã giết bao nhiêu người nhỉ?

Có lần tôi đi qua họ, tôi dừng lại và chiếu đèn pin lên bản đồ hầm mộ. Tầm bản đồ mà Virgil đã lấy. Tôi nhét nó vào túi ngay trước khi cảnh sát càn quét bãi biển. Tôi đã quên búng nó đi nhưng sáng nay tôi tìm thấy nó khi tôi lục túi tìm Tylenol. Tôi nhìn bản đồ, rồi hỏi Amadé đường tới hầm mộ - nơi chúng tôi đã từ đó đi ra cùng với bạn anh.

Anh bảo tôi nó nằm trong nhà thờ Saint-Marie-Madeleine và bảo tôi đừng để nhìn thấy khi vào trong đó. Tôi ăn thêm một miếng sandwich xúc xích cho bữa sáng, thay đồ, và dọn đồ đạc. Tôi cảm ơn anh đã cho tôi ở nhờ. Anh hầu như chẳng nghe tôi nói. Tôi cố hỏi anh những câu kiểu như: Anh sinh ra ở đâu? Sao anh không sáng tác cho các rạp hát nữa? Anh trở thành nhà soạn nhạc thiên tài vào lúc nào? Nhưng anh phủi tay bảo tôi đi. Anh vẫn đang nghe cái iPod. Anh chưa bao giờ dừng nghe nó. Cả đêm qua anh không hề ngủ. Tôi không nở lòng nào mà bảo với anh là nó sẽ hết pin trong ngày mai hay ngày kia.

Tôi tạm biệt rồi ra đi. Qua các con phố của Paris. Tới nhà thờ. Vào trong mộ và xuống cái đường hầm dài lạnh lẽo dẫn tới hầm mộ.

Lúc này tôi chăm chú nhìn bản đồ của Virgil cho tới khi tìm thấy phần chôn Madeleine. Các nét vẽ của cậu chỉ rằng đường hầm dẫn xuống từ nhà thờ bị chặn. Tôi đoán chắc vài trăm năm nữa nó sẽ bị chặn chứ hôm nay thì nó mở. Tôi đang đứng bên trong. Tôi lần tay trên tường bước đi. Sau khối chặn, đường hầm tiếp tục, rẽ nhánh và phân chia vài lần, chìm dưới dòng sông, rồi dẫn ra bãi biển. Bản đồ chỉ những lối ra khác dọc theo lối đi, và tôi quyết định sẽ đi thử xem chúng có giúp tôi ra khỏi đây nhanh hơn chút nào không.

Tôi không biết làm thế nào mà tất cả những chuyện này xảy ra. Tôi không biết vì sao mình lại ở đây. Tôi không biết vì sao tất cả cảm giác, vẻ ngoài, mùi vị lại thật trong khi hoàn toàn không thể thế được. Và tôi không quan tâm. Tôi chỉ muốn quay lại nơi trước kia. Bãi biển. Thế kỷ hai mốt. Với Virgil.

“Virgil ơi?” giờ tôi gọi lớn. “Này, Virgil, cậu có đó không?”

Chỉ có một câu trả lời duy nhất là giọng tôi vọng lại với tôi. Cậu ấy không có ở đây. Tôi chỉ có một mình. Như mọi khi. Khi ở bên cậu tôi không một mình. Cậu này nghe thật ngu xuẩn. Dĩ nhiên tôi không một mình nếu tôi ở với ai đó, nhưng vấn đề là, tôi thường cảm thấy cô đơn nhất khi tôi ở cạnh ai đó.

Tôi tiếp tục bước, chiếu đèn pin về phía trước. Dưới này hoàn toàn yên ắng. Tôi nghe tiếng nước nhỏ giọt, chuột kêu chít chít, và tiếng bước chân của tôi - chỉ thế. Nền đất dốc xuống rồi lên cao. Tôi phải cúi đầu xuống ở nhiều chỗ, men theo mép một cái giếng, trèo qua đất đá từ một bức tường bị đổ. Sau khi lê bước khoảng nửa tiếng đồng hồ, tôi tìm thấy chỗ ra đầu tiên trên bản đồ của Virgil - Saint-Roch - một nhà thờ ở trung tâm của quận St. Honoré. Tôi nhớ cái tên này trong nhật ký của Alex. Cô xuống và ra khỏi hầm mộ qua Saint-Roch. Tôi trèo lên một cầu thang hẹp cắt vào trong đá vôi. Có một cánh cửa ở trên cùng, một cái lưới sắt được trang trí công phu. Tôi thử kéo tay cầm, nhưng nó bị khóa. Tôi chiếu đèn pin qua các chấn song sắt và khi vượt thoát tầm mắt khỏi các bức tượng, thánh giá, mạng nhện và bụi bặm, tôi thấy nơi đây dẫn tới một phòng kiểu phòng kho. Tôi dõi mắt tìm bóng đèn điện trên trần, máy hút bụi, hay dấu hiệu nào đó của cuộc sống hiện đại - nhưng không có gì.

“Chỉ vì đó là phòng cũ thôi. Chả ai xuống dưới này nữa,” tôi tự nhủ. Và tôi cố tin vào điều đó.

Tôi quay lại đường hầm và tiếp tục đi về khu phía Đông. Thật khó dò tìm. Ở dưới này thực sự rất tối. Virgil vẽ nhiều đường hầm trên bản đồ hơn là số tôi đang nhìn thấy. Nhưng những đường chính đều ở đây và tôi đang đi theo chúng. Tôi suy nghĩ. Tôi hy vọng. Chỉ sau khoảng mười lăm phút, tôi lên tới một phòng tầng hầm dưới Louvre. Thế này thật hay. Thế nghĩa là tôi vẫn đi về phía Đông và đang hướng tới phía Nam nữa.

Tuy nhiên, điều không hay chính là thứ tôi tìm thấy trong phòng đó. Thịt ướp đá. Sữa trong bình, không phải trong hộp giấy. Trứng đựng trong giỏ. Gà chết treo trên trần. Tôi vẫn đang ở thế kỷ mười tám. Những giọng nói và tiếng bước chân khiến tôi sợ hãi, tôi ra khỏi đó và quay lại đường hầm.

Tôi đi một lát. Bên dưới dòng sông. Nước nhỏ xuống tôi suốt quãng đường đi và tôi vấp phải một tử thi. Không phải là nạn nhân của Robespierre, bởi vì người này vẫn còn đầu. Có một cái đèn lồng cạnh đó. Có lẽ anh ta bị lạc ở dưới này và dùng cạn nến, hoặc mỡ cá voi, hoặc cái gì gì cũng được, và bị mất phương hướng rồi hoảng hốt và chết đơn độc trong bóng tối, gào thét khóc lóc và bám lấy các bức tường.

Và tôi nhận ra một điều: chuyện đó có thể xảy đến với tôi. Nếu tôi vấp ngã, làm rơi đèn pin và nó lăn đi đâu mất. Nếu pin chết. Nếu tôi rơi xuống một cái giếng.

Ý nghĩ đó suýt nữa khiến tôi quay lại. Nhưng tôi không làm thế. Tôi đang tới gần bãi biển. Tôi sẽ phải quay lại chỗ này khi pin đã yếu hơn. Tôi tiếp tục đi và sau vài phút thì trần thôi nhỏ nước xuống. Tôi xem bản đồ. Tôi ở phía bên kia của con sông. Nửa đường tới đó rồi.

Nhưng nó không ở đó - đường hầm mà tôi muốn. Hay bất cứ đường hầm nào khác. Không có gì ngoài một bức tường, một bức tường đá vôi xám dày cộp. Họ vẫn chưa đào nó. Vẫn chưa bắt đầu khai thác đá ở đây. Năm nay mới chỉ là năm 1795. Không có đường hầm ở đây. Và trong thời gian tới cũng sẽ chưa có.

Đột nhiên tôi mất bình tĩnh. Tôi bắt đầu khóc, gào thét và đá vào bức tường. “Tại sao?” tôi hét lên với nó. “Tại sao?”

Tại sao tôi lại ở đây? Tại sao chuyện này lại xảy ra với tôi? Tại sao tôi không thể khiến cho cả chuyến đi tồi tệ này dừng lại? Nó không thể vẫn là phản ứng do thuốc gây ra được. Tác dụng của thuốc Qwellify giờ này phải tan hết rồi. Nó không thể là một thứ ảo tượng. Ý tôi là, những chuyện này sẽ kéo dài bao lâu đây? Nửa tiếng? Tôi không thể bị điên được. Tôi không thể. Tôi đã sống sót được cho đến lúc này. Tôi đã tìm ra cách kiếm được tiền. Mua thức ăn. Tìm chỗ trú ngụ. Tôi đã tìm cách quay lại được hầm mộ. Dò tìm đường qua hàng dăm đường hầm trong bóng tối với một cái đèn pin và một cái bản đồ tự vẽ. Một người điên có thể làm tất cả những việc đó ư?

“Vậy thì tại sao?” tôi hét lên. “Nói cho tôi biết tại sao!”

Nhưng những bức tường, người chết, lũ chuột bỏ đều im lặng. Tôi sụp xuống và ngồi trên mặt đất. Lưng dựa vào tường, vòng tay ôm đầu gối.

Tôi muốn đi đến Rue Saint-Jane. Tới nhà của cô Lili và bác G. Ngay bây giờ. Tôi nhớ Virgil. Và quán cà phê Rémy. Tôi cũng nhớ Brooklyn nữa. Và nhà tôi. Và Mabrouk's Falafel. Tôi nhớ mùi xe buýt thành phố. Cà phê ngon. Cây cầu sáng bừng lên vào ban đêm. Tôi nhớ mẹ. Và Nathan. Và Vijay. Và Jimmy Shoes.

Nhưng tôi không nhớ Arden. Hay Beezie. Hay trường St. Anselm's. Hay bố tôi. Chuyện đó có nghĩa gì đó. Nó có nghĩa là tôi chưa hoàn toàn tuyệt vọng. Vẫn chưa.

Có lẽ là tôi đang hôn mê. Lúc chạy trong đường hầm, tôi bị ngã và đập đầu xuống đất, phải không nhỉ? Có lẽ tôi bị đập nặng đến nỗi tôi bất tỉnh, cảnh sát đã tìm thấy tôi và đưa tôi tới bệnh viện, và rồi lúc này đây, tôi đang nằm trong phòng chăm sóc đặc biệt với hàng triệu các ống gắn vào tôi và tất cả chuyện này chỉ là não tôi đang cố giải khuây với chính nó trong khi tôi nằm bất động trong trạng thái thực vật.

Kỳ quặc thay, cái ý tưởng hôn mê làm tôi thấy vui vẻ. Nó giải thích rất nhiều chuyện - chẳng hạn như tại sao tôi vẫn chưa thoát ra được chuyện này. Tôi ngẩng đầu lên và quệt mũi vào tay áo. Ánh đèn pin rọi xuống một khoảng đất và một con nhện đen đang bò qua. Khi tôi nhìn con nhện, ánh sáng mờ mờ. Một thứ ánh sáng yếu ớt.

Đến lúc phải đi rồi. Tôi không muốn ở đây khi pin hết. Phòng khi tôi sai về cái chuyện bị hôn mê.

Tôi đứng dậy và bắt đầu quay lại đoạn đường dài đã đi.

“Hugo hôi kinh. Anh có bao giờ tắm cho nó không?” tôi hỏi Amadé.

Con chó chết bầm đang nằm cạnh tôi trên giường. Nó gầm gừ mỗi khi tôi cố đẩy nó ra xa.

“Thật tình. Anh có thể cho nó ra sông Seine bơi, anh biết đấy. Bất cứ chuyện gì cũng có thể giúp nó bớt hôi.”

Tôi chả nhận được câu trả lời nào. Vẫn cùng là một hợp âm gảy đi gảy lại. Amadé đang sáng tác, hay cố làm vậy. Tôi đang nằm trên giường, nhìn lên trần nhà. Kể từ lúc quay lại từ chuyến đi dưới hầm mộ, tôi cứ nằm ỳ ở đây. Amadé không hẳn là phần khích lăm khi thấy tôi nhưng anh cho tôi vào nhà.

Tôi trườn một cái gối lên đầu và cố chặn cái âm thanh mà anh đang tạo ra nhưng không thành công. Sao anh ta có thể trở thành một nhà soạn nhạc nổi tiếng đến vậy nếu anh ta không thể nghĩ thêm được hợp âm nào ngoài ba cái hợp âm giống nhau chứ?

Tôi không chịu được nữa. Tôi giơ gối lên. “Chuyển sang Xi thăng thứ! Phải có một quãng ba cung ở nhịp thứ ba. Chúa ơi!” tôi hét lên.

Amadé chửi thề. Anh nện tay xuống bàn. “Tôi có hỏi cậu lời khuyên không? Không! Tôi không cần lời khuyên. Thứ tôi cần là cà phê!”

Cà phê là vấn đề còn con nít nhất trong các vấn đề của bọn tôi. Bọn tôi không có thức ăn. Bọn tôi đã ăn hết những thứ mà tôi mua ngày hôm qua. Củ cũng hết sạch rồi. Tôi ngồi dậy. Mùi hôi hám của Hugo khiến tôi ngạt thở.

“Chúng ta cần phải ăn,” tôi nói. “Tôi sẽ đi tới Cung điện Hoàng gia. Để xem có kiếm được vài đồng không. Nếu được thì tôi sẽ mua ít cà phê.”

Amadé lăm bắm gì đó nhưng tôi không nghe ra. Giờ anh cúi xuống bàn, viết nhạc.

Tôi không muốn đi tới Cung điện Hoàng gia. Ký ức về những gã say sờ soạng tôi khiến tôi chùn bước nhưng tôi chả có nhiều lựa chọn. Tôi mở thùng đàn ra, lên dây trước khi đi, và thấy rằng dây Mi của tôi đã bị đứt.

“Anh có sợi dây thừa nào không?” tôi hỏi.

Anh chỉ một cái hộp trên bàn. Tôi mở ra và thấy một búi dây. Vấn đề là không có sợi nào trông giống với loại dây tôi vẫn dùng. Cuối cùng tôi tìm được sợi trông có vẻ là dây Mi. Tôi thay cái dây bị đứt, rồi cố lên dây đàn. Nhưng không thành công. Các sợi dây vang lên không khớp với nhau. Có lẽ bởi vì sợi tôi lấy của Amadé làm từ lông chó, mèo, hay sóc.

“Không được rồi,” tôi bảo anh. “Tôi cần một bộ mới.”

“Đi mà mua.”

“Bằng cái gì? Tôi không có tiền. Tôi vừa bảo anh còn gì.”

“Tới tiệm của Rivard. Ở đó tôi có tiếng tốt. Trên Rue de la Corderie. Từ đây đi về phía Bắc. Đi lên Rue d’Anjou.”

Tôi lấy bản đồ Paris ra nhưng Rue d’Anjou không có trên đó. Thật ngạc nhiên. “Về phía Bắc xa không? Hay chỉ vài con phố thôi? Anh giúp tôi có được không, Amadé?” tôi hỏi anh.

Anh quăng cái bút lông xuống. “Được rồi! Tôi sẽ đi cùng cậu tới đó. Thế cậu đã hài lòng chưa?”

“Ừa, được rồi. Thế bị đói thì anh có hài lòng không?”

Anh không trả lời tôi, chỉ nhún người khoác áo vào và cho iPod vào túi.

Ra ngoài phố, tôi nói, “Anh phải bỏ cái trò luyện hợp âm đó đi. Nó kinh khủng lắm.”

“Tôi nghe được một giai điệu quen thuộc trong hộp nhạc. Tôi muốn thử một biến tấu.”

“Anh đã nghe ai? Beethoven? Mozart?”

“Radiohead.”

Tôi phá lên cười.

Anh lấy iPod ra. “Giải thích cho tôi cái này,” anh nói.

“Cái gì?”

Anh chỉ vào nút nhấn. “Cái này... ‘Fitter, Happier.’”

Tôi lắc đầu. “Xin lỗi anh, không thể được. Tôi sẽ cần tới hai thế kỷ tới để giải thích điều đó.”

Cái thế giới đáng sợ này khá đẹp.

Tôi vẫn muốn thoát khỏi nó càng nhanh càng tốt, nhưng khi tôi nhìn quanh và thôi không nghĩ về chuyện tất cả mọi thứ điên rồ làm sao mà chỉ nhìn nó không chút hoảng loạn, nó thực sự rất đẹp. Hôi hám, nhưng đẹp.

Chúng tôi đang đi về phía Bắc qua khu Marais. Có các sân và vườn. Tôi có thể thấy chúng qua cổng các nhà lớn. Hoa nở rộ bên trong. Một ông lừa đàn cừu đi trước qua những con đường hẹp trải sỏi. Một người khác mang một tảng pho mát to như cái bánh xe bò vào trong cửa hàng của mình. Một cô gái lưng thẳng tập mặc bộ đầm màu xanh xám, mái tóc vàng búi trên đầu, lau cửa sổ. Đàn ông ngồi trong quán cà phê, uống từ những cái bát sứ và hút tẩu bằng đất sét. Amadé dừng lại và nhìn họ thêm thuồng.

“Đi nào, anh chàng cà phê,” tôi nói, kéo tay áo anh. “Tôi càng tìm được dây đàn sớm bao nhiêu thì anh càng có món cappuccino đậu nành ba suất cốc lớn lượng caffein gấp đôi sớm bấy nhiêu.”

“Cái gì cơ?”

“Không có gì.”

Chúng tôi tiếp tục đi. Trong thế giới này không có nhựa. Không có đèn neon. Không có khói dầu diesel. Không có lớp dán nhôm. Không có đèn huỳnh quang. Không có khách du lịch to mồm mặc áo phông có dòng chữ BỐ MẸ TÔI ĐƯỢC NHÌN THẤY NHÀ VUA BỊ CHÉM ĐẦU CÒN TÔI CHỈ CÓ CÁI ÁO PHÔNG CHẾT TIỆT NÀY.

Chúng tôi đi qua một phụ nữ đang đứng cạnh một đài phun nước, tay cầm một cái cốc. Bà mặc đầm đen có đính nơ màu đỏ, trắng và xanh. Trông bà rất gầy và buồn bã. Hai đứa nhỏ gầy gò ngồi trên mặt đất cạnh chân bà. Nhìn thấy chúng làm tôi đau lòng ghê gớm.

“Một quả phụ chiến tranh,” Amadé nói.

Tôi nhìn lại bà. Tôi nhìn bà cử động. Nghe tiếng bà nói. Bà còn sống nhưng tôi biết tôi đang nhìn vào một hồn ma. Hai trăm năm đã trôi qua kể từ lúc bà bước đi trên đường phố Paris. Kể từ đó đã có vô thiên lủng các cuộc chiến tranh và cách mạng. Rất nhiều người chết. Và những người còn lại, những người như bà, luôn tự nhủ rằng đáng như thế, rằng một điều tốt đẹp hơn sẽ đến từ cái đồng hồ lớn và cái chết và sự mất mát này. Tôi đoán họ buộc phải nói thế. Họ còn biết làm gì nữa?

“Tôi ước giá gì mình có tiền. Tôi sẽ cho bà ấy vài đồng,” Amadé nói.

“Tôi ước giá gì mình có dũng khí. Tôi sẽ bảo với bà ấy tôi xin lỗi.”

“Ý cậu là sao?”

“Như tôi vừa nói thôi. Tôi sẽ nói lời xin lỗi bà ấy. Từ tương lai.”

“Vì sao?”

“Bởi vì chúng ta vẫn ở trong nó. Anh nghĩ Cách mạng là tin xấu ư, anh nên xem Đại chiến thế giới thứ nhất. Đó lẽ ra được coi là cuộc chiến để kết thúc tất cả các cuộc chiến. Mọi chuyện hóa ra không phải thế.”

“Đại chiến thế giới thứ nhất?”

Tôi cố giải thích. Và đại chiến thế giới thứ hai. Nhưng anh không hiểu nổi về xe tăng và máy bay.

Chúng tôi rẽ phải vào Rue d’Anjou. Tôi cởi áo khoác ra và buộc quanh hông. Trời nắng ấm, hộp đàn rất nặng trên vai tôi và tôi đổ mồ hôi như điên. Tôi đã không tắm rửa gì. Người tôi nhờn nhờn và bốc mùi. Nhưng tôi đã phát hiện ra rằng cái mùi đó nhanh chóng đạt tới ngưỡng dừng. Khi hôi đến một mức độ nào đó rồi thì ta không hôi nữa.

Chúng tôi tiếp tục đi xuống một con phố không tên rất hẹp, tôi gần như có thể chạm được vào các ngôi nhà ở hai bên phố. Amadé lại bắt đầu nói về cái iPod. Anh hỏi tôi tại sao rất nhiều bài hát ở trong đó là tiếng Anh. Tôi bảo anh bởi vì tiếng Anh là thứ tiếng thông dụng nhất trên thế giới. Anh không chịu tin. Anh bảo không thể nào có chuyện mọi người trên thế giới lại chọn một thứ tiếng xấu xí như vậy mà không chọn tiếng Pháp. Rồi anh hỏi tôi về một người tên là Led, họ là Zeppelin, và anh ta dùng loại nhạc cụ nào để tạo ra được các âm thanh trong bài “Immigrant Song.”

“Một cái guitar điện,” tôi bảo anh. Anh nhìn tôi bối rối. “Anh có biết điện là gì không?”

“Điện,” anh lặp lại, cau mày. “Tôi nghĩ là tôi biết cái này. Đại sứ người Mỹ Benjamin Franklin sáng tạo ra nó. Có phải ý cậu là cây guitar của quý ông Zeppelin được truyền năng lượng bởi sét?”

“Không, không phải bởi... thực ra thì đúng thế,” tôi nói, bật cười. “Ý tôi đúng là thế.”

“Đây là một điều đáng ngạc nhiên,” Amadé nói.

“Ừa, đúng thế,” tôi vừa nói vừa nghĩ thật hay ho làm sao - Amadé thích kiểu chơi guitar của Jimmy Page. Bởi vì hai trăm năm sau, Jimmy Page bảo với Rolling Stone ông ta cực kỳ thích cách chơi guitar của Amadé Malherbeau.

“A! Nhìn xem chúng ta đang ở đâu. Gần đến rồi. Nào, phải qua đường thôi,” Amadé nói, cầm lấy tay tôi. Chúng tôi rẽ trái sang Rue de la Corderie, tránh một cái xe ngựa, hai cái ghế kiệu, và vô số đồng phân ngựa.

Và rồi tôi thấy nó - cái tòa nhà xấu xí cổ xưa lừng lững trên tường đá bao quanh. Một tòa tháp đen xì chọc lên bầu trời. Nhà tù ở Temple.

Khi tôi đứng đó, ngược nhìn lên, toàn bộ chuyến đi kỳ quái này trở nên thật. Lịch sử chính nó trở nên thật. Nó không còn là chuyện kể nữa. Một chương trong sách giáo khoa. Các trang trong cuốn nhật ký. Nó thật. Cậu bé là thật. Cậu ở trong đó. Cậu đang chịu khổ. Đang chết. Không phải trong quá khứ. Mà bây giờ. Ngay lúc này. Tôi có cảm giác mình không thở nổi. Như thể có những thanh sắt chèn lên ngực mình.

“Amadé,” tôi nói. “Có một thằng bé ở trong đó. Louis-Charles. Nó...”

Amadé đi trước tôi một vài bước. “Tôi biết,” anh nói cụt lủn. “Không làm được gì đâu.” Anh

bước lại chỗ tôi và cầm tay tôi, nhưng tôi không chịu đi.

“Nó chỉ là một đứa trẻ thôi, Amadé.”

“Nó là gì, là một thứ mà ta không thể làm gì cho nó nữa,” anh nói. “Đi nào.”

Nhưng tôi không đi. Tôi sẽ không đi. Tôi cứ đứng đó, nhìn lên cửa sổ. Tôi nhớ Alex đã miêu tả cậu bé đang chết. Những nỗi khổ sở của cậu. Của chính cô. Nỗi tuyệt vọng cô cảm thấy bởi cô không thể cứu cậu. Tôi nhớ quyết định ở lại Paris của cô trong khi cô có thể ra đi.

Cô chết khi cô giúp Louis-Charles. Cô chết ở đây. Ở Paris. Vào tháng Sáu năm 1795. Và lúc này tôi ở đây. Ở Paris. Vào tháng Sáu năm 1795. Đứng ở nơi cô đã đứng. Đứng ở vị trí của cô. Tôi đặt thùng đàn xuống đường, mở ra, và lấy nhạc cụ.

“Cậu bị điên à?” Amadé rít lên.

Tôi lùi lại vài bước khỏi bức tường, muốn âm thanh của tôi vọng lên cao, để không bị những tảng đá xấu xí nuốt trọn mất. Tôi thậm chí không nghĩ tới cái dây Mi bị mất vào lúc này. Tôi không cảm thấy điên rồi nữa. Phê. Hay hôn mê. Thực ra, tôi thấy hoàn toàn tỉnh táo.

Tôi bắt đầu chơi. Tôi chơi bài “Hard Sun,” cố gảy những nốt mở đầu thật mạnh và chuẩn. Tôi bắt đầu hát, chuyển tải Eddie Vedder, muốn giọng tôi thật to và rõ, muốn tiếng tôi dâng lên cao.

“Dừng lại! Bọn mình phải ra khỏi đây!” Amadé hét lên sợ hãi, kéo tay tôi.

Tôi hất tay anh ra và tiếp tục chơi. Mạnh hơn. Tơ hơn. Một ngón tay bị cứa. Tôi có thể cảm thấy máu mình rỏ trên dây đàn. Tôi nghe tiếng hét. Từ cổng tù vọng ra. Amadé chửi thề tôi. Anh bỏ đi. Một gã tiến lại chỗ tôi. Gã mặc đồng phục và mang theo súng trường. Gã bất ngờ xuất hiện.

“Đi đi!” gã hét lên với tôi.

“Xin ngài. Kê cậu ta đi,” Amadé nói, chạy lại. “Cậu ấy không được bình thường. Cậu ấy bị đập đầu và kể từ lúc đó cậu ấy...”

“Đừng có chơi nữa!” tên lính hét.

Nhưng tôi không dừng lại.

“Mày có nghe tao nói không?”

Nhưng tôi vẫn không dừng chơi. Gã giơ súng trường lên và dùng cán súng đập vào mặt tôi. Đầu tôi choáng váng. Tôi ngã khụy xuống.

“Dừng lại. Ngay. Nếu không tao bắn chết,” gã đó bảo tôi.

Tôi nhìn lên gã. “Ông từ đâu tới?” tôi hỏi gã.

Hắn lại giơ súng trường lên, dí nòng súng vào trán tôi. Tôi cảm thấy máu chảy xuống má mình. Những hình ảnh chớp qua trước mắt tôi. Những hình ảnh thầy tu thiêu trên lửa. Những thi thể trong hố. Những đứa trẻ bị bom napalm chạy trên con đường đất. Tôi gạt nòng súng ra và đứng dậy. Tôi cầm guitar bằng một tay và dùng tay kia chùi máu trên mặt.

“Một người tử tế. Cứ làm công việc của ông,” tôi bảo gã. “Ông lúc nào cũng ở đây. Và ông sẽ

luôn ở đây.”

Vẫn mấy hợp âm đó. Lặp đi lặp lại. Chẳng tiến triển gì.

Amadé đang ngồi ở một đầu bàn. Tôi ở đầu kia cố để anh nói chuyện với tôi.

“Anh muốn tôi nói xin lỗi à? Tôi không có lỗi. Tôi sẽ làm lại chuyện đó.”

Anh không đáp gì.

Tôi rời khỏi Temple sau khi tên gác đánh tôi. Tôi mua dây mới, rồi đến Cung điện Hoàng gia chơi. Gã bạn say của tôi có ở đó. Hắn ta lại gọi tôi là Pocahontas. Bảo hắn ta thích máu trên mặt tôi, nó khiến tôi trông thậm chí hoang dã hơn. Tôi bảo hắn ta tôi bị dính máu khi tôi lột da đầu cái thằng ngu vừa rồi định sờ soạng tôi. Tôi bảo hắn tôi sẽ lột cả da đầu hắn nữa, nếu hắn còn đụng tay lên người tôi.

Hắn ép tay lên tim, bảo tôi là hắn yêu tôi, và ném tiền vào thùng guitar của tôi. Và lần này tôi lượm được lên trước khi thằng nhỏ mù lấy. Tôi mua thức ăn và khúc xương cho Hugo và một nửa pao cà phê. Nó đắt kinh khủng nhưng tôi biết mình sẽ không về lại được phòng của Amadé nếu không có cà phê.

“Nó là một đứa trẻ, Amadé ơi. Cô độc và đang chết dần chết mòn,” lúc này tôi bảo anh.

“Nói thêm một lời nào về chuyện đó nữa là tôi đá cậu ra ngoài.”

“Đá đi. Tôi sẽ mang theo cà phê.”

Anh gườm tôi.

“Nó vừa lạnh vừa đói. Khổ sở trong bóng tối.”

“Không có chuyện đó. Nó được chăm sóc tốt.”

“Nó bị ốm với cả nó đau đớn và nó đã bị thế nhiều năm rồi, Amadé. Nhiều năm rồi.”

“Làm sao cậu biết được?”

“Sách vở. Hàng chục cuốn sẽ viết về Cách mạng. Hàng trăm. Hai thế kỷ sau khi nó xảy ra người ta vẫn sẽ cố hiểu nó.”

“Cách mạng qua rồi. Kết thúc rồi. Xong rồi.”

Tôi bật cười. “Nó không bao giờ kết thúc. Anh đã có một nhà vua. Trong một hai năm sau anh có một ông khác.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Tôi nói với anh rồi. Bonaparte chiếm quyền. Tự ban cho mình là hoàng đế đội vương miện.

Đó chính là điều mà tất cả mọi người đang đấu tranh để bỏ đi. Ông ta gây ra chiến tranh trên thế giới. Làm mọi chuyện hỏng bét. Lớn phết.”

“Ý tôi là với thằng bé.”

Tôi nhìn đi chỗ khác.

“Nếu cậu biết nhiều thế thì nói cho tôi biết chuyện gì sẽ xảy đến với nó.”

“Nó chết,” tôi khẽ khàng nói.

Amadé cười khịt mũi. “Vậy thì tại sao cậu lại bận tâm? Ích gì chứ?”

Tôi không trả lời anh được.

“Cậu điên rồi. Có lẽ là do cú ngã. Có lẽ cậu lúc nào cũng điên sẵn. Tôi không biết. Điều tôi biết là cậu không bao giờ được làm chuyện hôm nay cậu đã làm. Lần tới chúng sẽ giết cậu.” Đột nhiên anh dừng lại, trông như thể anh đang cân nhắc lời nói. Rồi anh nói, “Cậu cũng phải ngừng cái việc mà cậu làm vào ban đêm.”

“Ừm... tôi làm gì vào ban đêm? Ngáy à?”

Anh nện nắm tay xuống bàn, làm tôi giật bắn cả mình. “Đây không phải chuyện đùa!” anh hét lên. “Có tiền thưởng cho cái đầu của cậu đấy! Tướng Bonaparte muốn cậu chết! Cậu phải thôi đốt pháo hoa đi, nếu không sẽ chết sớm.”

Tôi không hiểu. Không một chút. Và rồi tôi hiểu ra.

“Họm đã...,” tôi nói, phá lên cười. “Amade, không phải anh nghĩ rằng tôi chính là Người Xanh đấy chứ?”

Anh không trả lời ngay. Anh chỉ nhìn tôi chăm chăm. Sau một khoảng thời gian dường như dài vô tận, anh nói, “Cậu nghĩ vì sao mà tôi giúp cậu? Cho cậu ở nhờ? Không để cậu ra đường nhờ bọn lính tìm thấy cậu? Tôi đoán được cậu là ai ngay từ lần đầu tôi thấy cậu trong hầm mộ. Từ chiếc chìa khóa trên cổ cậu. Tôi nhìn thấy chữ L trên đó. Viết tắt cho Louis, thằng bé mồ côi trong tòa tháp. Nó chính là người mà cậu đốt pháo hoa cho, phải không?”

“Không, Amade, anh sai rồi. Tôi không...”

Anh không để tôi nói nốt. “Rồi hôm nay, tại Temple. Nếu tôi mà có nghi ngờ gì thì chuyện cậu làm ở đó xóa sạch hết. Khi đó tôi biết cậu chính là Người Xanh. Cậu mạo hiểm mạng sống của mình cho nó. Cậu thấp sáng bầu trời để nó biết là nó không bị quên lãng.”

“Nghe này, tôi không phải là Người Xanh. Thề với Chúa tôi không phải.”

Anh lắc đầu, lộ vẻ kinh tởm. Anh đặt đàn xuống và đi lại chỗ bệ lò sưởi. Trên đó có một cái hộp gỗ. Anh lấy một thứ trong đó ra và đặt trên bàn trước mặt tôi. Nó là một cái khung nhỏ bằng gỗ mun có hai bức ảnh chân dung thu nhỏ. Một người đàn ông và một phụ nữ, trông vương giả và lịch lãm, cả hai đều cầm hoa hồng. Tôi đã nhìn thấy họ trước kia. Họ có trong bức chân dung của Amadé, bức treo trong nhà ông gần Bois de Boulogne. Cái bảng trên tường cạnh tấm chân dung ghi rằng đó là Amadé và vợ chưa cưới, nhưng lúc này nhìn vào họ, tôi không chắc là đúng như vậy.

“Họ là ai?” tôi hỏi anh.

“Bá tước và Nữ Bá tước d’Auverge. Cha mẹ tôi,” anh nói.

“Amadé, anh là quý tộc á?” tôi nói, sừng sốt.

Anh gật đầu.

“Nhưng trong sách vở... họ không nói thế. Họ chỉ nói anh đến Paris vào năm 1794.”

“Tôi không biết cậu nói đến sách nào, nhưng đúng thế, tôi đến Paris vào năm 1794. Tôi không còn lựa chọn nào,” anh nói.

Rồi anh ngồi xuống và kể cho tôi nghe họ đã sống như thế nào - cha anh, mẹ anh, và anh - trong một lâu đài cổ ở miền quê vùng Auverge. Ở đó rất đẹp. Anh hạnh phúc. Cha mẹ anh đều có năng khiếu âm nhạc và chuẩn bị mọi thứ để anh cũng được học nhạc. Anh học chơi dương cầm, vĩ cầm, và guitar từ hồi còn rất bé. Anh có tiềm năng lớn và sáng tác nhạc từ lúc lên tám. Họ có kế hoạch cho anh đi Viên học sau khi anh mười bốn tuổi. Đó là mùa thu năm 1789.

“Tuy vậy, vài tháng trước khi tôi đi, cha tôi, là một thành viên của giới quý tộc, bị triệu tập tới một cuộc họp của Ba đẳng cấp ở Versailles. Tôi hoãn chuyến đi - chỉ vài tuần thôi, hoặc tôi nghĩ vậy - để mẹ tôi không phải ở nhà một mình. Đó là lúc cách mạng bắt đầu. Và là lúc gia đình tôi kết thúc,” anh nói với tôi.

“Chuyện gì đã xảy ra,” tôi hỏi, sợ câu trả lời của anh.

“Như rất nhiều người thuộc giới quý tộc, cha tôi ủng hộ các cải cách mà những người làm cách mạng đòi,” anh nói. “Đất nước bị phá sản. Chế độ cai trị cũ thối nát. Nước Pháp cần thay đổi và ông nhìn thấy điều đó. Tuy nhiên, sau những cuộc tấn công vào cung điện Tuileries, sau các cuộc thảm sát, ông hết chịu nổi. Ông nhận ra một con quái vật đã được tạo ra nhưng giết nó thì quá muộn rồi. Đến cuối năm, nhà vua bị đem ra xét xử. Gần như tất cả các nghị sĩ đều bỏ phiếu đồng tình xử tử. Người nào bỏ phiếu tha bổng sẽ bị tử hình, nhưng dù sao thì cha tôi vẫn làm thế. Ông lúc nào cũng trung thành với nhà vua. Gia đình tôi có một khẩu hiệu. Nó nằm trên gia huy. Nó viết...”

“Từ máu hoa hồng, lili mọc lên.”

“Cậu biết khẩu hiệu đó à?” anh ngạc nhiên hỏi tôi.

“Phải, tôi biết,” tôi đáp. Tôi biết nó từ huy hiệu vùng Auvergne treo trên tường cầu thang nhà bác G.

“Cha tôi bị coi là một tên theo quân chủ, một kẻ phản bội Cách mạng. Vài ngày sau khi nhà vua chết, gia sản nhà tôi bị tịch thu. Những kẻ làm cách mạng lấy đi tất cả. Ruộng đất và nhà cửa của tổ tiên nhà tôi được vua Henry I ban vào thế kỷ mười một. Cha mẹ tôi bị tổng vào tù. Đêm trước ngày cha tôi bị xử tử, tôi đến gặp ông. Ông bảo tôi nơi ông chôn ít tiền vàng. Và rồi ông bảo tôi dù tôi nghe thấy gì ở phiên xử, tôi luôn luôn được ông yêu thương. Trong thế giới này và kiếp sau. “Hãy sống, con trai yêu quý.” Đó là những lời cuối cùng của ông với tôi.”

Amadé ngừng nói và nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Một lúc sau anh mới bắt đầu nói lại. “Là con trai một kẻ phản bội, lẽ ra tôi cũng bị xử và lẽ ra sẽ bị thế, nhưng ở giữa phiên xử mình, đột nhiên cha tôi đứng lên và lên án những viên chức Jacobin đang chỉ huy phiên tòa, Cách mạng, tất cả chúng. Rồi ông quay sang tôi. Ông bảo tôi là một thằng theo Robespierrie bắn thủ và một kẻ phản bội nhà vua. Ông bảo tôi không còn là con ông nữa. Ông bảo tôi là một tên dối trá và khốn nạn.”

“Tôi bàng hoàng. Tôi tranh cãi với ông. Hét lên với ông. Trước toàn bộ quan tòa Jacobin, toàn thể tòa án. Đó chính là điều ông dự định. Tất cả những gì ông nói đều là dối trá, nhưng những lời nói dối đó đã cứu mạng tôi. Tôi không bao giờ bị kết tội gì cả, không bị xử án. Sau phiên tòa của cha tôi, tên công tố viên trưởng, một gã Jacobin nhẩy thớt lợ đi đôi giày bẩn thỉu và hàm răng đen xỉ, chuyển đến ở nhà của chúng tôi. Ngôi nhà nơi các vị vua đã từng ở. Nơi các văn sĩ, họa sĩ, và nhạc sĩ - những người giỏi giang nhất trong thời họ - đã ở...”

Lời anh nói truội dần đi.

“Còn bố mẹ anh?” tôi hỏi. “Chuyện gì đã xảy đến với họ?”

“Họ bị xử chém. Trong sân làng, như những tội phạm thông thường. Tôi bị buộc phải đứng xem.”

“Ôi, Amadé,” tôi thì thầm.

Lúc này mắt anh đã nhắm lại. “Tôi rời khỏi Auvergne đi Paris. Đổi tên. Trước kia là Charles-Antoine. Trước khi đi, tôi đào chỗ vàng mà cha tôi có nói đến. Nó giúp tôi sống được chừng một năm. Tôi biết chơi đàn và sáng tác nhạc, vì thế tôi viết cho rạp hát. Những thứ hơi hợt, ngớ ngẩn, nhưng không có chúng thì tôi chết đói rồi. Nhưng tôi thấy mình không viết được chúng nữa. Tôi không viết được gì cả. Tôi đã cố, nhưng những giai điệu nhỏ nhất giờ làm tôi phát ốm. Trái tim tôi, tâm hồn tôi, tất cả con người tôi, đau đớn. Vì cha mẹ tôi, vì cuộc đời đã mất của chúng tôi, vì đất nước này...” giọng anh vỡ ra. Anh che mặt lại.

Lòng tôi tan nát vì thương anh. Tôi với tay qua bàn cố nắm lấy tay anh nhưng nó siết chặt thành nắm đấm và anh không chịu mở ra. Vì thế tôi cầm lấy guitar và bắt đầu chơi. Tôi chơi bản Suite số 1 của Bach.

Vài phút sau, anh cầm đàn lên và chơi cùng tôi. Nỗi buồn quá sâu, và không lời nói nào có thể diễn tả nỗi chúng, nhưng âm nhạc... âm nhạc cất tiếng. Tôi chơi hỏng vài lần, như mọi lần khi chơi bản này. Amadé ngừng chơi. Anh lau nước mắt trên má, rồi chỉ cho tôi cách anh đặt ngón tay gảy các nốt thế nào. Tôi theo anh. Nó thành công.

Chúng tôi chơi xong Bach. Tôi chơi tiếp “Rain Song” cho anh bởi tôi biết anh thích guitar của Jimmy Page. Anh ngồi nghe. Lần tiếp theo, anh gần như chơi được theo tôi, và sau khi chơi thêm hai lần nữa thì anh tự chơi được. Anh chơi hay tuyệt. So với anh thì tôi dở ẹc.

Tôi chơi “Bron-Y-Aur,” bản không có tiếng giậm chân. “Ten Years Gone,” “Over the Hills and Far Away,” “Stairway” và “Hey Hey What Can I Do?”

Chúng tôi dừng lại rất nhiều. Thế là tôi chơi sai một nhịp hay chơi lạc một đoạn. Để anh có thể sửa cho tôi hay chỉ cho tôi cách chơi một hợp âm khó. Chúng tôi chơi nhiều giờ liền. Zepp và nhiều người khác nữa. Những bài hát buồn ở hợp âm thứ. Cho đến khi trời tối, và tận sau đó. Chúng tôi thấp nển. Quên cả ăn.

Và sau đó, rất lâu sau đó, khi chúng tôi chơi xong, anh ôm lấy mặt tôi và hôn lên má tôi.

“Hãy thận trọng,” anh nói. “Cậu không thể sửa cho đúng những điều đã sai trong cái thế giới ác độc này. Cha tôi đã cố và nhìn xem chuyện gì xảy ra với ông. Đừng có mạo hiểm như hôm nay ở nhà tù. Đừng có đốt pháo hoa nữa...”

“Nhưng Amadé...”

“Đừng có chối. Tôi đoán được cậu là ai. Hãy cầu nguyện đi, bạn của tôi, để Bonaparte không đoán được.”

Và rồi, mệt mỏi và đau đớn, anh đi ngủ. Tôi chơi thêm một lúc, biết rằng tiếng nhạc sẽ giúp anh không nghĩ đến những chuyện tồi tệ, những ký ức khổ sở. Khi cuối cùng tôi nghe tiếng anh thở sâu, tôi dừng lại. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ một lúc, vào trong bóng đêm, suy nghĩ.

Tôi nghĩ đến Amadé, về tất cả những chuyện mà anh đã kể cho tôi - anh chứng kiến bố mẹ mình chết như thế nào, rồi anh bỏ nhà đi và đổi tên. Rằng anh không thể viết nhạc được nữa.

Tôi nghĩ đến Alex. Đến trang nhật ký cuối cùng của cô. Nguệch ngoạc. Chưa xong. Đầy vết máu của cô. Nhét vào trong thùng đàn của cô ngay trước khi đám lính đến. Hay chỉ trước khi cô chảy máu đến chết.

Tôi nghe thấy giọng Orléans vang lên trong đầu mình, già cỗi và ngạo mạn, bảo cô rằng không có gì đổi thay, rằng thế giới vẫn tiếp tục, ngu xuẩn và tàn ác.

Và rồi tôi nghe thấy giọng cô, khế khàng và rõ ràng: “Một khi ta đã dũng cảm. Một khi ta đã tử tế. Ta có thể lại như thế một lần nữa.”

Tôi lại chỗ giường của Amadé, thò tay xuống dưới và lấy cái gói bằng vải lanh ra - gói của Fauvel. Tôi mang nó lại bàn, rồi từng cái một, tôi cẩn thận nhét chỗ pháo hoa vào trong thùng guitar rỗng của mình. Rồi tôi đóng thùng lại, lấy một gói diêm trong túi mình, và khế khàng ra khỏi nhà trong đêm đen.

Bầu trời đêm đầy mây. Tôi không thấy vì sao nào.

“Đây là lý do, đúng không Alex? Đây là lý do vì sao tôi ở đây,” tôi thì thầm với bóng đêm. “Để kết thúc nó.”

Cô không thể trả lời tôi. Cô đã chết. Fauvel đã bán cô cho Bonaparte với giá một túi bạc.

Cuống pháo nằm chỗ nào nhỉ? Tự bắn khoả, nhìn chăm chăm vào quả pháo hoa. Cái thứ giống như sắp này có phải là ngòi pháo không? Nếu tôi ngã xuống từ mái nhà này thì sao? Tôi nghĩ xuống kiểu đó nhanh hơn. Nhanh hơn sáu lượt cầu thang mà tôi vừa leo lên.

Tôi nhét cuống pháo vào dưới quả pháo hoa và hy vọng có được kết quả mong muốn. Rồi tôi đuổi người hết mức, gần đỉnh mái nhà, trên một đoạn cong của ống khói, trên đỉnh một mái nhà ở Rue Charlot, và nhét cuống pháo vào giữa hai viên ngói. Tôi quẹt diêm và châm ngòi. Nó bén lửa và cháy. Pháo hoa bắt đầu phát sáng. Nhưng không có gì xảy ra. Nó cứ nằm đó.

Nó chẳng bay đi đâu cả. Tôi châm lửa nhưng pháo chẳng chịu bay. Và nó đầy thuốc súng. Thuốc súng. Nó sẽ bén lửa bất cứ lúc nào và nổ như bom và thổi bay cả cái mái nhà này. Và thổi bay cả tôi theo.

Nhưng rồi có một luồng gió, và nó bay mất. Bay mất! Tôi có thể thấy cái đuôi sao chổi sáng rực của nó vút lên trong bóng tối. Nó bay lên. Cao nữa và cao nữa. Và rồi đột nhiên có một tiếng bùm đáng sợ và rồi phía trên cao, như một phép màu, hàng triệu tia sáng lung linh nhỏ xíu đang lơ lửng trên nền trời.

“Ha!” tôi hét lớn.

Rồi tôi đập tay vào không khí, mất thăng bằng và ngã chúi xuống rìa thấp của mái nhà. Một viên ngói vỡ dưới tay tôi, tuột xuống và rơi. Tôi nghe tiếng nó đập đánh xoảng xuống con phố bên dưới. Tôi dùng hai tay bám vào và bò lên.

Tôi run dữ dội đến mức không đánh nổi cái diêm tiếp theo, nhưng tôi vẫn làm. Tôi cũng châm được cái pháo hoa tiếp theo. Nhanh hết mức có thể. Bởi tôi nhớ những lời của Alex. Tôi phải nhanh... đến lúc tôi trèo xuống thì lũ lính đã đến được con phố rồi...

Có thêm một tiếng nổ đánh bùm khác. Và rồi một cái khác. Pháo hoa đang nổ. Chúng đang làm đêm vỡ tan ra, rạch toang bóng tối.

Cậu có thể nghe thấy nó. Tôi biết cậu nghe thấy. Dù cho tường đá của Temple có dày thế nào cũng không bít được âm thanh đó. Và cậu có thể nhìn thấy. Ôi, tôi hy vọng cậu có thể thấy nó. Bởi nếu cậu thấy, cậu sẽ biết rằng có người còn nhớ mình. Rằng cậu không chỉ có một mình. Rằng ngàn trăm triệu ngôi sao đang tỏa sáng lung linh trong bóng đêm. Cho cậu.

Lúc cuối tôi cầm tay Truman. Tôi quỳ xuống trên phố. Trong máu. Tôi đẩy cánh sát ra và nắm lấy tay em. Và tôi nhìn thấy nó. Trước khi nó tắt ngấm vĩnh viễn. Tôi nhìn thấy ánh sáng trong mắt em. Lần cuối cùng.

Quay đi. Khỏi bóng đêm, điên rồ, nỗi đau.

Mở mắt ra nhìn ánh sáng.

Benôit, gã trai phụ bếp ở Foy, là một thằng xảo trá, đúng như Alex nói. Nhưng tôi cần gã. Phòng của Orléans đã bị khóa và niêm phong. Có một lối vào qua lối đi dưới tầng hầm và gã canh cái lối đi đó.

“Lâu lắm rồi tao không gặp mày. Tưởng mày đi luôn rồi. Hoặc là bị giết. Sao mày lại về đây?”

Gã cũng nghĩ tôi là Alex. Như Fauvel. Chắc trông tôi giống cô.

“Tao bỏ quên một thứ. Tao cần lấy lại,” tôi bảo gã.

“Trả tiền tao trước,” gã nói.

“Không, đưa tao vào phòng của Orléans đã.”

“Trả tiền tao trước.”

“Nghe đây, tao không có đồng nào. Cho tao vào rồi tao sẽ lấy cho mày một ít.”

Benôit đứng đó, gãi cổ. Gã tìm thấy con gì bò bò trên đó rồi dùng hai ngón tay nghiêng nó.

“Vây được rồi.” Gã cầm giỏ khoai tây lên và đưa cho tôi. “Vác lên vai. Như thế này. Để che mặt mày đi. Theo tao và đừng có mở miệng ra.”

Gã dẫn tôi vào trong bếp của nhà Foy và đảo vội mắt nhìn quanh. Đầu bếp đang quất tháo một đĩa phụ bếp. Hai gã đang nhào bột. Mấy đĩa khác thì gỡ hầu. Băm rau. Nhổ lông gà.

“Mày nhanh chân lên được không?” Benôit quát tôi, vờ như tôi là đứa đưa hàng. “Không! Không phải ở đó! Lối này, đồ đầu đất!”

Không ai để mắt đến bọn tôi khi gã dẫn tôi tới cuối bếp, rồi rẽ phải và đi xuống cầu thang đá. Tôi lẻ bước theo sau gã cho tới khi bọn tôi tới một cái phòng lớn, lạnh, rộng rãi. Trong phòng đầy hoa quả và rau.

“Đặt xuống kia,” gã nói, cầm lấy một cái đèn lồng từ trên tường. “Nhanh lên. Tao phải quay lại.” Gã đưa cái đèn cho tôi. “Nếu mày không có tiền khi quay lại thì tao gọi lính đấy. Báo với bọn nó là tao thấy mày lén vào nơi đã được quốc gia niêm phong. Mày bị sẽ bị tổng vào tù.”

Tôi không nghi ngờ lấy một giây xem gã có nói thật không. Ngay khi tôi tiếp cận gã, ở sân sau nhà Foy, gã hỏi tôi sẽ trả cho gã bao nhiêu. “Một đồng Louis vàng,” gã nói. Tôi hy vọng mình tìm được một đồng.

“Mày có một tiếng. Tao sẽ đợi mày,” gã bảo tôi, biến mất lên cầu thang đá.

Tôi bỏ giỏ khoai tây xuống và đi xuống sâu hơn vào trong hầm tối, qua những thùng rượu lớn và các chai bám bụi. Tôi không hề biết mình đang đi đâu. Nhưng tôi không thể nói cho Benôit biết điều đó. Gã nghĩ tôi là Alex và Alex sẽ phải biết đường. Tôi thấy một cầu thang khác và

theo nó xuống một cái hầm rộng hơn và lạnh hơn, nơi có các giỏ đựng đầy táo, lê, cà chua và cà rốt. Tôi đi qua các sọt đựng cá, hàu và trai đặt trên những tảng đá lớn, những giỏ trứng, những con vật đã bị chặt ra. Lại có một cầu thang khác - cái này đi lên. Ở trên cùng có một cánh cửa. Tôi huých vai mở nó ra, bước qua và nhìn quanh.

Có vẻ như tôi đang ở trong nhà kho. Các bức tường bằng đá và có những cái móc trông rất ghê thõng từ trần nhà xuống. Tôi bước sang một nơi chắc hẳn là bếp, chỉ có điều tôi không tin đây lại là bếp vì nó to hơn cả hầu hết nhà của người khác. Nó có trần nhà bằng đá vòm. Bàn bếp dài cả dặm. Lò nướng to bằng xe ô tô. Chắc hẳn là nó đông đúc ồn ào khi Orléans còn sống, nhưng lúc này nó vắng lặng và trống không. Tiếng bước chân của tôi vang vọng khi tôi đi qua bếp.

Một cung điện được thu nhỏ - Alex miêu tả nhà của ông ta như vậy. Hết phòng này tới phòng khác, tầng này sang tầng khác, mà tôi chỉ có một tiếng để tìm cái mình muốn tìm - tiền, trang sức và đồ nữ trang rẻ tiền mà cô đã ăn cắp. Tôi cần nó bởi vì hôm nay là ngày Fauvel bảo ông ta sẽ gặp lại tôi. Ông sẽ ta mang theo pháo hoa. Và ông ta sẽ không đưa chúng cho tôi nếu tôi không trả tiền cho ông ta.

Tôi không chịu nghe lời khuyên của Amadé - thôi mạo hiểm. Tôi đã mạo hiểm rất nhiều. Tôi bắn nửa số pháo hoa của Fauvel hai đêm trước và nửa số còn lại đêm qua.

“Được rồi, Alex... Tôi phải đi đâu? Tôi còn năm mươi lăm phút cho tới khi Benno gọi lính gác và chúng sẽ đánh tôi bầm dập. Tôi cần gì đó. Tiền mặt. Vàng bạc đá quý. Thứ gì đó. Đi đâu đây?”

Dĩ nhiên là không có câu trả lời. Vì thế tôi tiếp tục đi. Qua bếp, lên cầu thang vào phòng ăn. Nơi này hồi xưa chắc đẹp lắm, nhưng giờ thì hết rồi. Bàn bị khoét thủng. Gương thì vỡ. Các bức tranh đều bị rạch nát. Tôi đi tiếp, hết phòng trống này đến phòng trống khác. Vào rồi ra các hành lang. Nhìn dưới đồ đạc. Trên các kệ lò sưởi. Sau các bức tượng và tranh.

Một cái phòng cực lớn, và choáng ngợp đến độ - với những kệ lò sưởi cao vút mạ vàng và các bức vẽ nữ thần trên trần nhà - tôi quyết định đây chắc hẳn là phòng khiêu vũ của Orléans. Tôi bước qua nó và thấy một cái nơ màu xanh nhạt trên sàn, hoa hồng trên một kệ lò sưởi, một cái đàn cello bị gãy dựng ở một góc. Tôi nheo mắt lại và trong một giây tôi có thể nhìn thấy họ - công tước và giới của ông ta. Tất cả phụ nữ đều mặc váy bằng lụa và đính hàng ngàn, mặt đánh phấn và môi tô đỏ. Đàn ông thì đội tóc giả đi tất trắng. Họ khiêu vũ và cười đùa. Ánh nến lung linh lóe lên trên chén rượu bằng pha lê, hoa tai kim cương, nhẫn hồng ngọc. Có những bát hoa hồng. Nước hoa. Kẹo bi.

Rồi đột nhiên nhạc dừng lại và cùng một lúc tất cả quay về phía tôi, mắt hấp háy, mặt sáng rực lên. Và rồi họ mỉm cười. Không phải nụ cười vui vẻ hay hiền lành - mà nụ cười đói khát. Một người cúi đầu với tôi. Tôi mở mắt to ra và họ biến mất và chỉ còn bụi - lớp bụi dày trên kệ lò sưởi, bay lơ lửng dưới ánh sáng của một cái cửa sổ không rèm.

Tôi tiếp tục đi, sang một phòng ăn khác - phòng này nhỏ. Và tôi nhận ra mình biết căn phòng này. Đây chính là nơi Orléans đã đưa Alex tới sau khi cô định ăn cắp cái ví của ông ta. Đây là nơi ông ta cho cô ăn và cho cô uống rượu. Nơi ông ta cắt tóc cô và biến cô thành sở hữu của ông ta.

“Cô cần phải giúp tôi,” tôi nói lớn. “Chỗ này lớn quá. Phải mất đến một tuần mới tìm được mất. Giúp tôi đi.”

Và rồi tôi ngửi thấy nó - mùi đinh hương. Rất nồng. Trong một căn phòng trống có cửa chớp. Cô ấy ở đây. Tôi biết cô ở đây. Cô là cái bóng trong gương. Tro tàn trong lò sưởi. Tôi có thể cảm nhận được tinh thần hoạt bát của cô - nhanh nhẹn và vui vẻ - vụt qua tôi. Tôi theo cô ra khỏi phòng, xuống hành lang, vòng qua góc, lên cầu thang, cho tới khi tôi tới một căn gác xép. Nó xám xịt, rèm đã bột màu, một cái giường bừa bộn không được dọn, một cái bàn và ghế, và một

cái lò sưởi nhỏ. Đây là phòng của cô.

Tôi vội bắt tay vào việc ngay. Tôi tìm khắp mọi nơi. Dưới giường. Sau rèm. Tôi kéo cái nệm mỏng và rạch ra. Tôi quỳ xuống và cố nạy sàn nhà lên. Tôi kiểm tra chỗ lò sưởi xem có viên gạch bị lỏng nào không. Nhưng tôi không tìm thấy gì cả.

“Cô để nó ở đâu, Alex?”

Câu trả lời duy nhất tôi nhận được là tiếng chim lít rít bên trong ống khói. Chắc chúng xây tổ trong đó. Có tiếng lao xao. Chối tai hơn. Bỗng hóng rơi xuống lòng lò sưởi. Và rồi có thứ bay vụt ra từ lò sưởi. Tôi cảm thấy tiếng cánh đập trên mặt mình, những cái vuốt nhỏ trên tóc mình.

Tôi hét lên và xua con chim đi. Nó bay lên trên cao, rồi đậu xuống bệ lò sưởi. Một con chim sẻ. Một con sẻ nâu. Mắt nó đen và sáng. Tôi có thể thấy trái tim nhỏ xíu của nó đang đập trong lồng ngực. Nó kêu lên một tiếng. Rồi một tiếng khác.

“Này. Bình tĩnh đi,” tôi bảo nó.

Cử động thật chậm để không làm nó sợ, tôi đi qua phòng và mở cửa sổ ra. Con chim vỗ cánh đập chỗ bỗng hóng dính trên lông nó. Gật đầu với tôi. Nhưng không chịu dịch chuyển.

“Đi đi,” tôi bảo nó. “Bay đi.”

Nó vẫn không chịu dịch chuyển.

“Vỗ cánh đi. Đi đi, sẻ con.”

Sẻ.

Tôi đang thực sự chui vào lò sưởi. Tôi kéo tấm lưới ra, quỳ xuống, và cố nhét đầu tôi lên ống khói. Tôi có thể thấy chút ánh sáng phía trên mình, nhưng không gì khác. Tôi bò lại xuống, lấy đèn pin trong túi ra, và thử lần nữa. Ánh đèn yếu hơn, nhưng nó vẫn đủ sáng để rọi vào bên trong ống khói.

Tôi thấy rất nhiều bỗng hóng, không gì khác. Nhưng tôi tiếp tục tìm và rồi tôi thấy một thứ kỳ quặc - một khoảng nhỏ, cao bên trên, dường như đen hơn phần còn lại của tường ống khói. Như một không gian rỗng. Một cái lỗ hỗng.

Tôi vớ tay lên, nhưng không tới. Tôi bị kẹt. Vai tôi quá rộng. Tôi bỏ đèn pin xuống, giơ cả hai tay lên đầu như thợ lặn và thử lại lần nữa. Gần tới. Tôi có thể cảm thấy cái mép đầu lỗ hỗng bằng ngón tay. Tôi nhón chân lên và duỗi hết từng đường cơ thịt ở cánh tay, và rồi tôi chạm được thứ gì đó. Một thứ cứng. Một cái hộp, tôi nghĩ. Tôi cố cầm lấy nó, nhưng cuối cùng toàn đẩy nó vào sâu hơn. Tôi lại tụt xuống, lấy tấm lưới, và đứng lên đó. Không có đèn pin tôi chả thấy gì. Tôi gần như không cử động được. Một ý nghĩ khủng khiếp nảy ra với tôi: Nếu tôi bị kẹt thì sao? Sẽ không ai nghe tiếng tôi hét xin cứu.

Chỉ cao hơn một chút thôi, tôi tự nhủ. Tôi rướn ngón chân cao hết mức có thể, và sờ sẫm tìm cái lỗ hỗng. Tay tôi chụp được cái hộp. Tôi lôi nó ra. Bỗng hóng rơi xuống đầu tôi. Và rồi tới lượt cái hộp.

Tôi cầm nó bò ra khỏi ống khói. Nó to bằng hộp kẹo. Trên đó có vẽ hoa và rồng. Một tờ nhãn ghi địa chỉ một tiệm trà ở Paris. Tôi mở nắp ra. Có mười hai đồng tiền vàng bên trong. Hai cái nhẫn kim cương. Ba cái lắc ngọc lục bảo trông như đồ giả. Một cái đồng hồ bỏ túi bằng vàng. Một cái hộp đựng thuốc lá hít bằng bạc. Nửa chục khuy áo bằng hồng ngọc. Một túi nhỏ đựng

hương. Không phải kho báu của Ali Baba, nhưng thế là được rồi.

Tôi xem đồng tiền, giờ một cái nhấn lên ánh sáng, mở hộp thuốc lá ra. Tôi quên bég con chim. Cho tới khi nó bắt đầu rít lên với tôi.

“Cái gì?” tôi hỏi nó. Nó nháy mắt với tôi, rồi đậu xuống cửa sổ, và bay mất.

Tôi cũng nên làm thế. Benoit chỉ cho tôi một tiếng. Tôi phải quay lại hầm trước khi gã gọi lính tới.

Tôi lấy một đồng vàng từ trong hộp ra và nhét mọi thứ khác vào mọi nơi có thể. Trong túi áo khoác. Xuống giày. Vào trong quần lót. Rồi tôi xé một mảnh vải từ cái rèm tả tôi, cuộn quanh cái hộp và gút lại. Tôi đã bị ăn cắp tiền ăn trưa ở ngoài đường ở Brooklyn không biết bao lần rồi. Trang sức và một cái iPod nữa. Nhìn thẳng nào du côn là tôi biết ngay, và Benoit là một thằng du côn.

Tôi nhét cái hộp vào nách và bắt đầu chạy. Ra khỏi phòng Alex, xuống cầu thang và hành lang, chạy qua bếp, qua cánh cửa bí mật, và rồi vào hầm của nhà Foy.

Benoit đang đợi tôi. “Mày đã đi đâu?” gã rít lên, đứng chặn giữa tôi và lối ra.

Tôi đặt một đồng tiền vàng vào tay gã. Đôi mắt tham lam của gã mở to, rồi sục sạo dò khắp người tôi, nhìn đồng hồ hóng trên mặt và quần áo tôi.

“Đưa tao số còn lại,” gã nói.

“Còn lại cái gì?”

“Chỗ vàng còn lại. Và bất cứ thứ gì mày có trong cái hộp đó.”

“Trong cái hộp này không có gì. Chỉ có giấy tờ thôi.”

Gã tóm lấy cái hộp.

“Trả lại đâyyyy” tôi hét lên, giả vờ tóm lấy gã. Gã đẩy tôi qua một bên, rồi bỏ đi, xoay lưng lại chặn tôi. Đúng như tôi hy vọng. Tôi chạy vụt qua gã khi gã lặn mò mở cái nút gút bằng vải và chạy lên cầu thang. Trong bếp, bếp trưởng vẫn đang quất mắng. Một gã đang làm cá nhìn tôi, nhưng tôi đã đi, ra khỏi bếp và ra khỏi cửa, trước khi hắn kịp nói một tiếng.

Trên phố tôi không còn khiến ai để ý tới mình nữa. Có lẽ bởi vì giờ đây tôi bắn thiu và bốc mùi như mọi người. Tôi đi chậm lại và đánh liều liếc nhìn lại nhà Foy. Không ai đuổi theo tôi cả.

Tôi nhìn lên cái nhà hàng, nhìn những khung cửa sổ cao nhất của Cung điện Hoàng gia. Benoit tối nay sẽ lên đó, tôi chắc chắn, chọc gậy lên tất cả các ống khói của căn nhà.

Nhưng kho báu đã biến mất rồi. Cả con chim sẻ nhỏ nữa.

Và tôi sẽ đứng ở dưới dãy cột. Chờ Fauvel.

Tôi ước giá gì di động của mình hoạt động. Ngay lúc này. Tôi sẽ không gọi 911 đến cứu tôi khỏi thế kỷ mười tám. Mặc dù tôi rất muốn thế. Tôi sẽ gọi thầy Nathan.

“Nathan, thầy không tin được chuyện này đâu,” tôi sẽ nói, “nhưng em đang ở thế kỷ mười tám. Nghe bản Handel được chơi bằng nhạc cụ thế kỷ mười tám bằng những bàn tay thế kỷ mười tám trong căn phòng thế kỷ mười tám. Và nó tuyệt vời, thầy Nathan ạ. Nó len lỏi trong ta, đúng như Alex nói, và làm thay đổi nhịp đập trái tim ta.”

Và rồi tôi sẽ giơ điện thoại lên cho thầy nghe. Âm thanh này. Tiếng nhạc này. Và thầy sẽ vừa khóc vừa nghe nó. Tôi biết thầy sẽ khóc. Bởi tôi đang khóc.

Amadé đưa tôi tới đây. Chúng tôi ở trong một căn nhà ở St. Germain. Trong một vũ hội của nạn nhân. Đây là một buổi biểu diễn được thuê. Anh chơi và anh mang tôi theo để thế chỗ cho một tay guitar khác bị ốm. Tôi mặc bộ vest và sơ mi cũ của anh và buộc tóc ra sau thành đuôi ngựa. Anh đánh phấn lên mặt, tóc tôi và bảo những người khác tôi là bạn của anh ở quê.

“Người chủ, Lebon, thích Lully và Bach và cậu chơi hay tuyệt,” anh nói.

Giờ tôi đang ngồi yên, guitar đặt trên đùi, trong khi những nhạc công khác thổi sáo từ bản suite thứ hai trong Water Music. Các nhạc cụ dây là một bức tường âm thanh. Còn kèn thì đang thổi bay mái nhà của nơi này. Trống quá to còn người chơi đàn clavico thì đang nện như điên xuống phím đàn. Thật kỳ diệu.

Những nốt nhạc cuối cùng ngân lên rồi tan đi và chúng thậm chí còn đẹp dễ hơn bởi tôi biết mình sẽ không bao giờ được nghe lại nữa. Không có cách nào để bắt được chúng, giữ lại chúng. Không iPhone. Không máy thu âm. Không gì có thể mang chúng lại.

Các nhạc công kết thúc. Khán giả vỗ tay. Ai đó yêu cầu nhạc để nhảy menuet và bọn tôi - một dàn giao hưởng chừng hai mươi người - tuân theo. Tôi được chơi điệu này. Đàn ông và phụ nữ đối mặt với nhau qua căn phòng. Họ cúi đầu và khẽ nhún gối chào. Không hề có quy định trang phục Cộng hòa nghiêm chỉnh gì ở đây. Phụ nữ mặc áo dạ hội bằng lụa sáng màu còn đàn ông thì áo khoác thêu sặc sỡ.

“Ở đây, họ có thể mặc tất cả những thứ đồ họ giấu trên gác mái khi Robespierre nắm quyền,” Amadé bảo tôi khi chúng tôi đến nơi.

Cảnh tượng thật kỳ quái. Cổ ai cũng đeo nơ đỏ. Buổi khiêu vũ bắt đầu và họ tiến về phía nhau, rồi gật đầu theo một kiểu giật giật kỳ lạ trông giống như một cái đầu bị chặt lìa khỏi cổ. Nó tiếp diễn trong khoảng mười phút. Khi màn khiêu vũ kết thúc, chúng tôi nghỉ giải lao. Chúng tôi đã chơi hai tiếng liền và cần ăn gì đó cũng như duỗi chân duỗi tay.

Tôi cầm một cái đùi gà từ cái bàn dài đầy thức ăn rồi đứng vào một góc ngẫu nhiên. Những bộ ngực lồ lộ ra từ các bộ đầm ở khắp nơi tôi nhìn. Những bức chân dung nhỏ về những người thân yêu bị chêm đầu được gài vào váy, cài vào mái tóc cao đến ngắt ngưỡng, hay dựng trên bàn. Gần tôi, một phụ nữ cắn một quả dâu. Nước dâu rỏ xuống cằm. Một gã húp đánh súp đi. Một con chó hôi hám nằm ngủ trên chiếc ghế bọc xa tanh. Các cô nàng mỉm cười giấu mình sau

những cái quạt xinh xắn. Một gã đứng tè trong góc phòng. Một con vẹt bay qua phòng và ị một đống xuống vai ai đó. Ông chủ tập tễnh đuổi theo nó, gậy trong tay, hét lên, “Malvolio! Còn khốn này!”

Từ chỗ tôi đang đứng cùng các nhạc công khác ở góc xa kia của căn phòng khiêu vũ khổng lồ này, toàn bộ chuyện này trông hào nhoáng và suy đồi, nhưng giờ đây, khi mọi người đi qua sát tôi, tôi có thể thấy những vết rỗ dưới lớp phấn, chảy bò trong các bộ tóc giả của họ và sự mất mát trong đôi mắt ám ảnh, vô hồn của họ.

“Đẹp nhỉ?” một ông đứng cạnh tôi mơ màng nói.

Nhưng nó không đẹp. Khi đêm dần buông, với tôi những người kia như búp bê đang nhảy nhót, như những người máy. Lạc thời.

Mới hơn một giờ bữa tiệc đã kết thúc. Nhạc thôi chơi. Dây nơ cổ tháo xuống. Có những tiếng thở dài, những nụ hôn và lời hứa hẹn sớm gặp lại nhau. Mọi người khẽ khàng ra về và nhanh chóng tản đi khi ra tới đường.

“Đến quán Foy đi,” Amadé bảo tôi và một vài nhạc công khác đang đi cùng chúng tôi.

Tôi nán lại phía sau. Trước đó tôi có gặp Fauvel, đưa ông ta hộp thuốc lá hít, một cái nhẫn và sáu đồng tiền vàng, và lúc này tôi có một gói mới giấu dưới giường Amadé. Tôi sẽ quay lại căn hộ của anh để lấy nó rồi sẽ tìm cách trèo lên mái nhà gần nhà tù.

“Cậu có đi không?” anh hỏi tôi.

“Không, anh đi đi. Tôi sẽ gặp lại anh ở trang trại.”

“Cậu nói gì cơ?”

“Tôi sẽ gặp lại anh sau.”

Anh cau mày với tôi. “Cậu định đi đâu?”

“Gặp người này.”

“Ai?”

Tôi sắp sửa nói dối trắng trợn với anh thì Stéphane, một trong các nhạc công, cướp mất lời tôi.

“Deo, cậu nghĩ tối nay mình có lại thấy pháo hoa không?” anh ta nói. Có một phụ nữ bám lấy cánh tay anh ta. Anh ta giới thiệu cô ta là Mademoiselle d’Arden.

“Pháo hoa đẹp tuyệt, nhỉ?” cô ta nói, cười khúc khích.

“Quà tặng cho người tù bé bỏng. Bi đất làm sao. Đẹp dễ làm sao,” cô kia nói. Cô ta say xỉn và ngu xuẩn.

“Không, chả đẹp dễ quái gì,” tôi giận dữ nói. “Nó ốm. Nó đang chết. Khủng khiếp.”

“Vớ vẩn! Tôi nghe bảo thằng bé được đối xử tử tế và sẽ được thả sớm thôi,” Mademoiselle d’Arden nói.

“Ừa? Cô nghe ở đâu thế?”

Cô ta phúi tay. “Tôi chả nhớ. Báo chí. Hàng xóm. Đầu đó.”

“Các bạn, các bạn!” Stéphane nói. “Quan trọng là mọi thứ đang dần tốt đẹp hơn. Thời Cai trị khủng bố đã qua rồi. Nó kết thúc rồi. Nó sẽ không làm cho chúng ta khổ sở nữa.”

“Nhưng nó sẽ làm chúng ta khổ sở,” tôi nói. “Liên tục.”

“Dĩ nhiên là đúng thế,” có người nói. “Mọi người tưởng tượng rằng đơn giản chỉ một lão điên biến mất rồi thì không còn kẻ nào điên nữa ư? Đúng thế, Robespierre đã chết. Và Marat. St. Just. Hébert. Nhưng luôn còn nữa, chờ trong cánh gà. Lịch sử luôn tiêu diệt những con quái vật đối quyền lực này. Là bởi vì những kẻ như chúng mà cậu bé này phải khổ sở.”

Tôi nghĩ đến một thằng Max khác. Và một thằng nhỏ khác. Tôi nhớ đến tương lai. Maximilien R. Peters, Esquire. Đây là lúc để bắt đầu cách mạng, bé con ạ!” hắn đã gào lên như vậy. Tôi nhớ những người khác sống cùng với hắn ở khu nhà George. Những người nghèo khổ, tội nghiệp. Tôi nghĩ làm thế nào mà tôi bước qua họ mỗi ngày, mà không nhìn thấy họ, không quan tâm. Cho tới khi quá muộn.

Và rồi tôi nghĩ đến những người này, bạn bè của Amadé, vui vẻ thích thú với bản thân suốt đêm với những điệu múa kiểu cách và những cuộc trò chuyện hài hước, tách mình ra khỏi thế giới, trong khi một đứa trẻ yếu ớt đang chết dần chết mòn.

Rồi tôi nói, “Không, không phải bởi vì Robespierre và Marat. Hay những người như chúng. Bởi vì những người như mấy người.”

Một khoảng im lặng.

“Gặp lại sau, Deo,” tôi nói, và bỏ đi. Vào trong bóng tối.

Tôi vừa làm bỏng tay phải và đau kinh khủng. Nhưng đó không phải là lý do tôi khóc thút thít khi tôi lên cầu thang về phòng Amadé. Tôi thút thít là vì tôi sợ mình bị thương nặng quá không chơi guitar được nữa.

Tối qua tôi bị bỏng. Cái pháo hoa cuối cùng bén lửa và không chịu bay lên. Tôi phải cầm lấy nó, đang cháy bùng bùng, và ném nó xuống mái nhà trước khi nó nổ.

Lính gác đầy phố khi tôi xuống khỏi mái chuồng ngựa. Tôi lên được đó nhờ sự giúp đỡ của một cái thùng đựng nước mưa và ống thoát nước mưa. Tôi xuống nhanh hơn nhiều, trượt mông xuống, rồi chạy vào chuồng ngựa và trốn sau một cái xe kéo. Có một lớp lông trên ghế. Tôi nằm xuống sàn và kéo nó lên che người. Bên ngoài trời vẫn tối, lớp lông lại màu đen, và chắc nó đã đánh lừa được bọn lính, vì chúng nhìn qua cửa sổ xe ngựa - tôi nghe tiếng chúng - nhưng chúng không thấy tôi.

Tôi ở đó nhiều giờ liền, tay nhức nhối. Không dám cử động, không dám gây ra tiếng động. Tôi ra về trước khi trời sáng, trước khi bọn chăn ngựa thức giấc và bắt đầu làm việc.

Amadé đang ngồi làm việc ở bàn. Anh nhìn lên thấy tôi khi tôi bước vào. Mắt anh dịch xuống tay phải tôi. Tôi giấu nó ra sau lưng.

“Đêm của cậu thế nào?” anh hỏi.

“Tuyệt vời,” tôi nói, hân hoan quá thế.

“Bạn mới của cậu thế nào?”

“Tuyệt vời!:

“Anh ta đẹp trai không?”

“Ồi giời. Hẳn rồi.”

“Giàu nữa chứ?”

“Còn phải nói.

“Anh ta sống ở đâu?”

Tôi lưỡng lự. Chỉ một giây. Nhưng thế là đủ. Amadé đứng dậy. Anh đi lại phía tôi, cầm lấy cổ tay tôi, và giơ bàn tay bị bỏng của tôi lên. Tôi rú lên.

“Kỳ lạ thật. Nếu không hiểu hơn thì tôi đã nói cậu có mùi thuốc súng rồi. Bạn cậu là lính à? Không phải ư? Hừm... anh ta bán súng à? Không? Chà, vậy thì để tôi xem nào... Có lẽ anh ta làm pháo hoa nhỉ?”

“Thả ra!” tôi hét lên. “Biến đi!”

Anh thả ra nhưng không chịu buông đi.

“Tướng Bonaparte không phải kẻ rộng lượng gì,” anh nói. “Và từ những gì tôi nghe được thì ông ta không ưa pháo hoa đâu.”

Tôi không nói gì. Tôi đang bận ôm tay lên ngực.

“Chắc là cậu muốn chết,” anh nói. “Tôi nói cho cậu biết... Bởi cậu đói khát được chết đến vậy, có lẽ cậu sẽ muốn nếm thử một ít. Tôi sẽ cho cậu thử.”

Rồi anh tóm lấy tay tôi và kéo tôi, đang gào rú, qua phòng, ra khỏi cửa, và xuống cầu thang ra phố.

“Nhanh lên! Đây là rạp hát tốt nhất ở Paris đấy. Tôi muốn đảm bảo chúng ta được ngồi ghế đầu.”

“Amadé, xin anh thả tôi ra.”

“Không!” anh nói, vẫn kéo tôi đi đầy vũ lực.

“Mình đang đi đâu?” tôi khốn khổ hỏi anh.

“Place du Thrône,” anh nói. Đột nhiên anh dừng lại. “A! Cậu nghe thấy không? Đoạn mở đầu ấy?”

Tôi chẳng nghe thấy gì cả. Chỉ có tiếng gào thét. Và hoan hô.

“Chúng ta gần tới nơi rồi. Đi nào.”

Tôi đi theo anh. Tôi không còn lựa chọn nào khác. Anh siết chặt tay tôi. Chúng tôi đi tiếp lên Rue Charlot. Qua nhà tù Temple. Những con phố dần đông nghịt. Mọi người dường như đang có hứng vui chơi. Họ cười đùa, ca hát, ôm nhau.

Amadé kéo tôi qua đám đông, qua bọn trẻ bán báo đang chào hàng, và những cô nàng bán bánh. Chúng tôi tới gần quảng trường, nhưng tôi vẫn không biết mọi người tập trung vì chuyện gì.

Anh đưa tôi vào Duval's, một quán cà phê. “Tôi biết chủ quán. Ông ta để tôi đứng trên mái nhà với giá một franc,” anh nói.

Chúng tôi đi lên ba tầng lầu. Amadé đi ra phần trước của mái nhà, kéo tôi theo sau. Và rồi tôi hiểu ra. Tại sao anh lại đưa tôi tới đây. Tại sao tất cả những người này lại ở đây. Ở giữa quảng trường là một cái máy chém.

“Khỉ thật, không,” tôi hoảng sợ nói.

Anh mỉm cười với tôi, ôm lấy lưng tôi. “Khỉ thật, có chứ!” anh nói. “Cậu đã thấy lưỡi chém hoạt động thế nào, không nghi ngờ gì rồi. Ai mà chưa thấy chứ? Nhưng tôi cá là cậu chưa nhìn gần tới mức này. Quán Duval's có tầm nhìn đẹp nhất đấy. Đáng giá từng xu.”

Và rồi, một tràng hoan hô lớn rộ lên. Một cái xe bò đang đi vào quảng trường. Nó đi chậm vì mọi người đang đứng cản đường. Họ làm cho xe dừng lại để có thể ném bùn vào người đang ngồi trong xe. Họ gào thét, chửi bới, cười cợt người trong xe. Lính canh ở khắp mọi nơi nhưng chúng không làm gì để ngăn sự sỉ nhục lại cả.

“Fouquier-Tinville đấy,” Amadé nói. “Dưới lệnh của ông ta, hàng trăm người đã phải tới máy chém. Giờ tới phiên ông ta. Và những kẻ tay sai của ông ta sẽ đi theo ông ta. Chúng không hề thể hiện lòng thương cảm; giờ thì chúng không hề nhận được lòng thương cảm.”

Chiếc xe bò cuối cùng cũng tới được chỗ đoạn đầu đài. Tôi cố quay mặt đi, nhưng Amadé bắt tôi nhìn. Tôi nhìn khi từng người một, những kẻ bị kết án bị dẫn lên các bậc thang. Sững sờ. Tuyệt vọng. Yếu ớt và vô vọng.

“Xin anh, Amadé. Tôi không thể xem được nữa. Tôi không thể.”

“À, nhưng mà cậu phải xem. Cậu phải để ý để cậu biết phải làm gì,” anh nói. “Cuối cùng thì chẳng bao lâu nữa đích thân cậu sẽ đứng lên đó thôi.”

Tóc người bị kết án bị cắt đi. Cổ áo họ bị xé toạc ra. Từng người một bị buộc vào một thanh gỗ hẹp. Thanh gỗ hạ xuống đúng chỗ. Đầu được buộc chặt. Lưỡi chém giơ lên. Và rồi hạ xuống. Đầu rơi. Máu chảy xuống phía trước máy chém. Người thi hành xử tử cầm cái đầu từ trong giỏ lên, máu nhỏ giọt. Mắt nháy nháy. Miệng nhăn nhó. Và rồi nó thôi cử động.

Thi thể bị vút lên một cái xe kéo và người tù tiếp theo bị buộc vào thanh gỗ. Và người tiếp theo. Phụ nữ bu đầy quanh cái giỏ và nhúng khăn tay vào máu để bán làm đồ lưu niệm. Tôi có thể ngửi thấy mùi máu, nỗi sợ hãi, niềm hân hoan và nó khiến tôi buồn nôn. Những kẻ lúc này cười nhạo là những kẻ chỉ mới mấy tuần trước còn khóc lóc. Chúng nên hiểu đời hơn. Nhưng không. Tôi cố đưa tay lên che mặt nhưng Amadé bắt tôi phải xem tiếp.

“Giờ cậu sẽ chịu dừng chứ?” anh hỏi, giọng anh nghe rời rạc và khản đặc.

Tôi nhìn anh. Anh không tức giận nữa. Anh không ti tiện. Anh đang khóc.

“Cậu sẽ dừng chứ?” anh lại hỏi tôi.

Giờ tôi cũng khóc. Tôi ngả đầu vào vai anh. “Không, Amadé,” tôi thì thầm. “Tôi sẽ không dừng.”

Có mười bốn người bị chém. Hay anh nói vậy. Tôi không biết rõ. Tôi bị ngắt đi sau khi xem ba người.

Hôm nay là mừng 8 tháng Sáu năm 1795.

Ngày cuối cùng trong đời của hoàng thái tử Louis-Charles.

Vẫn còn rất sớm. Mới quá nửa đêm thôi. Trời tối đen. Sương mù dâng lên từ dòng sông và tôi không thể nhìn thấy các vì sao.

Tôi ở trên mái nhà một nhà thờ. Để làm nốt chuyện Alex không thể làm. Tôi lên vào lúc diễn ra lễ mixa đêm và trốn ở phía sau một ngôi mộ đá cổ. Tôi đợi cho đến khi linh mục thổi tắt nến và khóa cửa, rồi tôi lấy đèn pin từ trong túi ra và dò dẫm lên cầu thang hình xoắn ốc ra tháp chuông.

Lúc này tôi nhìn ra Temple và tôi biết rằng ở bên trong, hoàng thái tử Louis-Charles đang nằm chết. Một mình. Trong bóng tối. Điên dại. Đau đớn. Sợ hãi.

Trong khi đó, thế giới vẫn tiếp tục. Mọi người ngủ. Họ nằm mơ. Ngáy. Đá mèo khỏi giường. Cãi nhau. Khóc lóc. Cầu nguyện. Cái thế giới này không dừng lại. Không phải lúc này, ở Paris. Không phải nhiều năm sau, ở Brooklyn. Nó vẫn tiếp tục.

Và tôi không chịu nổi. Tôi muốn hét lên. Gào rú. Tôi muốn đánh thức vị linh mục đang nằm trong nhà của ông dậy. Những người trong nhà họ. Cả con phố. Cả thành phố. Tôi muốn nói cho họ biết về Louis-Charles và Truman. Tôi muốn nói cho họ biết về Cách mạng. Tôi muốn bắt họ thấy rằng không có gì đáng để đánh đổi với mạng sống một đứa trẻ.

Và nếu tôi làm vậy? Nếu tôi bắt đầu hét lên từ mái nhà này? Thì sao?

Thì bọn lính sẽ đến và tống tôi vào tù và chừng một ngày sau đầu tôi sẽ nằm trong giỏ. Vì thế tôi sẽ không hét. Tôi lau mắt và làm việc. Tôi làm chuyện tôi có thể.

Thùng guitar của tôi rất nặng. Tối nay không có đàn trong đó. Chỉ có pháo hoa. Tôi đưa cho Fauvel tất cả mọi thứ tôi còn lại từ cái hộp châu báu của Alex và bảo ông ta làm thứ pháo hoa đẹp nhất mà Paris từng được thấy.

“Hai chục pháo hoa Lucifer,” ông ta nói, khi ông đưa cho tôi. “Loại lớn nhất và đẹp nhất.”

Lucifer, ngôi sao buổi sáng. Tôi sẽ dùng chúng để thắp sáng bầu trời đêm. Biến đêm thành ngày.

Tôi sẽ trút xuống những cơn mưa vàng mưa bạc lấp lánh cho cậu. Tôi sẽ phá tan đêm đen, xé toạc nó ra và đổ xuống cả triệu vì sao. Tránh xa khỏi bóng đêm, điên loạn, đau đớn.

Hãy mở mắt ra. Và biết rằng tôi ở đây. Rằng tôi nhớ và hy vọng.

Hãy mở mắt ra và nhìn ánh sáng này.

Tôi mất quá nhiều thời gian.

Tôi bắn quá nhiều pháo.

Đến lúc tôi xuống khỏi mái nhà, xuống cầu thang gác chuông, và ra khỏi nhà thờ, thì con phố đã đông nghịt. Đàn ông và đàn bà mặc đồ ngủ chạy tới chạy lui, hò hét và chỉ lên trời. Lính ở khắp mọi nơi. Chúng chặn mọi người lại. Thấm vẩn. Hét họ vào lại trong nhà.

Tôi cúi gục đầu xuống và đi thật nhanh, thùng đàn trong tay. Suýt tí tôi đã thoát. Tôi gần đi khỏi con phố và vòng qua góc thì một thằng hét tôi. Tôi giả vờ không nghe hắn.

“Thằng kia! Thằng cầm guitar! Tao bảo dừng lại!”

Và rồi bàn tay thô ráp của hắn cầm lấy tay tôi, xoay người tôi lại.

“Giấy tờ đâu!” hắn hét vào mặt tôi. Hắn đang cầm một khẩu súng lục.

“A, công dân, tôi vô cùng xin lỗi. Tôi bỏ trong phòng rồi,” tôi nói, quay mặt đi.

“Mày là ai? Tên là gì?”

“Alexandre Paradis,” tôi bảo hắn.

“Mày đang làm gì ở đây?”

“Tôi đóng kịch. Ở một quán cà phê. Quán Old Gascon. Ngay trên phố kia kìa.”

Lỗ mũi hắn nhăn lại. Tôi sặc mùi lưu huỳnh và khói. Hắn chộp lấy thùng đàn của tôi và mở ra. Nó trống không. Gần như thế. Hắn cầm dốc ngược nó xuống. Lắc lắc. Giấy chàm ngòi rơi ra lả tả.

Tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra. “Đừng. Làm ơn,” tôi thì thầm. “Nghe này. Nghe tôi nói này.”

“Giơ tay lên trên đầu,” hắn ra lệnh.

Tôi lắc đầu và bắt đầu lùi lại. Hồi nhỏ tôi không đi nhà thờ vì thế giờ tôi không biết cầu nguyện gì. Không có lời nào để ngợi ca tâm hồn tôi. Nhưng những dòng thơ nảy đến với tôi.

“Có lẽ tôi bỏ mạng vì kiêu căng ngạo mạn,” tôi nói, “và trong hành động đó, một lời nguyện cầu...”

“Giơ tay lên!” tên lính hét.

“... một lời nguyện cầu được thêm một cơ hội nữa xuất hiện quá thành thật, để linh cảm với ánh sáng do cái chết dẫn vào...”

“Đây là cảnh cáo cuối cùng của tao!”

“... cuộc sống bị phá hủy hoàn toàn nhưng vẫn còn đây rải rác những mảnh xác trong đồng hoang tàn đổ nát, vẫn còn đây những ký ức lơ mờ, và thêm một lần hồ nghi mục đích...”

Hắn giơ súng lên.

Và nổ súng.

Tôi chạy. Một viên đạn bên hông.

Qua các con phố và ngõ ngách, qua đêm đen, qua nỗi đau, tôi chạy. Và kiểu gì đó tôi thoát. Tên lính quá chậm. Không có tên lính nào khác ở gần đó nghe hẳn gọi giúp đỡ. Quá nhiều người gào hét và chạy, sợ hãi trước tiếng súng. Tôi chạy qua họ, chạy xuống một con ngõ, qua một cái sân, và hòa vào một con phố đen kịt.

Tôi tiếp tục chạy. Về phía Nam. Về Cung điện Hoàng gia.

Nhà Foy còn mở cửa khi tôi đến đó. Mọi người đang ăn uống. Bếp vẫn bận rộn. Tôi đợi cạnh cửa, trong bóng tối. Khi có cơ hội, tôi lao vụt vào trong hầm.

Tôi đi qua được hành lang. Tôi đi qua những cái bếp trống không của Orléans, lên cầu thang, qua những phòng trống đầy vang vọng, vào phòng ăn, nơi tôi ngất xỉu trên nền đá lạnh.

Tôi nằm đó một lúc và khi tôi đủ dũng cảm, tôi sờ vào vết thương. Có một lỗ ở cuối xương sườn tôi. Trong bóng đêm, tựa như máu màu đen trên tay tôi.

Tôi nhắm mắt lại và cố nghĩ. Phải làm gì. Và đi đâu. Tôi không có tiền, không có gì cả. Tên lính đã cầm thùng đàn của tôi. Túi xách và guitar của tôi thì ở phòng của Amadé. Tất cả những gì tôi có là đèn pin nhét trong boots.

Tôi nghe tiếng bước chân. Chắc là một tên lính rồi. Hẳn sẽ kéo tôi ra khỏi đây và tôi không thể làm gì được. Tôi không có sức để trốn. Tôi nhắm mắt lại và đợi. Tiếng bước chân đến gần hơn. Chúng đến cửa và dừng lại.

“Chúa ơi. Cậu đã làm gì?”

Tôi mở mắt ra. Đó là Amadé.

“Tôi đã cố giúp thằng bé,” tôi nói.

“Đồ ngu xuẩn, cái đồ ngu xuẩn cực ngu xuẩn.” Anh quỳ xuống, mở áo khoác của tôi ra. “Cậu còn sống chứ?”

“Chắc thế.”

“Vậy thì cậu phải đứng dậy. Bây giờ. Lính đang tới.”

“Tôi không thể.”

Amadé vụt lại gần tôi. Anh cầm tay tôi và đỡ tôi đứng lên. Tôi hét lên.

“Đứng dậy!” anh hét.

Tôi đứng, và cảm thấy máu rỏ ra từ vết thương.

Anh quàng tay tôi qua cổ anh. Chúng tôi loạng choạng ra khỏi phòng ăn, và ra tiền sảnh.

“Cửa khóa rồi,” tôi bảo anh.

“Có thể có chìa khóa đâu đó,” anh nói. Chúng tôi đi rất nhanh.

“Sao anh tìm được tôi?” tôi hỏi anh.

“Tôi tới Foy để ăn. Khắp nơi náo loạn. Trong phòng ăn, trong bếp, ngoài phố. Tôi hỏi Luc đã xảy ra chuyện gì. Ông ta bảo Bênôit thấy cậu chạy vào hầm. Nó thấy cậu đang chảy máu và biết cậu là Người Xanh. Nó chạy đi gọi lính ngay.”

“Và anh đi qua hầm để tìm tôi?”

“Phải. Trên đường đi tôi cứ gào suốt là tôi sẽ tóm cậu và đích thân kéo cậu tới chỗ Bonaparte để đánh lừa chúng. Luc sợ không dám đi theo. Ông ta nghĩ cậu có vũ khí. Ông ta nói...”

Đúng lúc đó chúng tôi nghe thấy nó. Một tiếng nện trên cửa. Lớn và dứt khoát. Và rồi có tiếng gỗ nứt ra.

Amadé chửi thề. “Bọn lính đấy,” anh nói. “Mình phải quay lại. Nhanh lên!”

Anh kéo tôi đi qua khắp các phòng, khóa tất cả các cửa lại sau lưng chúng tôi.

“Bọn chúng có rìu. Cửa khóa chẳng ngăn được đâu,” tôi nói.

“Sẽ làm bọn chúng bị chậm lại.”

“Ta không thể ra ngoài. Hay xuống.”

“Vậy ta sẽ đi lên.”

Quay lại phòng vũ hội, thư viện, phòng đánh bài, phòng ăn, và lên một cầu thang. Một cái nữa. Và một cái nữa. Quần áo tôi ướt đẫm máu.

Chúng tôi nghe thấy tiếng hét từ bên dưới. Lính đã vào trong. Chúng tôi lên được tầng trên cùng, những phòng áp mái. Amadé thả tôi ra và tôi chuội xuống sàn trong khi anh chạy đi chạy lại qua các phòng và hành lang, tìm một hành lang nối liền, một cái cửa bí mật, một lối ra khỏi nhà của Orléans dẫn sang nhà hàng xóm. Và trong khi đó, tôi nghe thấy tiếng hét ra lệnh, và tiếng gỗ bị phá.

Amadé quay lại với tôi. “Tôi không tìm thấy gì cả. Không có lối ra,” anh nói, thở hồng hộc. Anh nện tay lên trán. Đi qua đi lại. Rồi đỡ tôi đứng lên lại và kéo tôi vào phòng đầu tiên anh tìm thấy. Phòng của Alex.

“Chúng ta sẽ ra ngoài cửa sổ. Lên mái nhà. Cậu rất giỏi trèo mái nhà, chẳng phải à?”

“Tôi không đi được, Amadé. Anh đi đi. Thoát khỏi đây.”

Nhưng anh không chịu nghe. Anh mở cửa sổ, và nhào người ra. “Cuối cùng thì cũng có chút may mắn,” anh nói. Anh kéo tôi sau anh, ra một ban công hẹp chạy dọc toàn bộ mái nhà. Nó là một lối đi rất hẹp. Tôi thấy cả sân bên dưới. Chúng tôi đi từ phía trông ra phố của cung điện, vào bên trong. Tôi thấy người bên dưới, nhưng họ không thấy bọn tôi. Amadé cúi xuống và bắt

tôi cúi nữa, và tôi nghĩ tôi sẽ chết vì đau mắt.

Chúng tôi đi trên ban công, lướt qua và trượt trên những viên ngói trơn, qua một cửa sổ, tới một cái khác, cho đến khi chúng tôi đi hết toàn bộ chiều dài căn nhà. Có một góc, rồi một mái nhà khác với một loạt cửa sổ chớp. Một cửa sổ sáng đèn.

“Nhảy,” Amadé nói. “Cậu phải nhảy.”

Tôi hất một chân qua chấn song ban công, rồi chân khác, rồi tôi nhảy sang phía bên kia, há hốc mồm ra thở khi tôi xuống tới nơi. Amadé theo sau và chúng tôi nhanh chóng leo qua chấn song và bước tới chỗ cửa sổ sáng. Nó mở toang. Amadé vào trong. Tôi theo anh. Một cô gái mặc đồ ngủ đang rửa mặt ở chậu rửa. Cô nhìn thấy chúng tôi và hét lên. Chúng tôi chạy qua cô, ra khỏi phòng, và xuống hết lượt cầu thang này tới lượt cầu thang kia, cho tới khi chúng tôi xuống tới tầng trệt, trong một cửa hàng trang sức.

Cửa bị khóa, nhưng Amadé tìm được khóa treo trên tường cạnh đó. Anh thọc chìa vào ổ và xoay, khi cửa sắp mở thì anh nhìn tôi. Nửa bên trái áo khoác của tôi đầm máu.

“Dựa vào tôi,” anh nói.

Anh đưa tôi ra, khóa cửa, cho chìa vào túi, rồi vội dìu tôi ra sân. Nhiều người tụ tập ở đó, do tiếng hét của cô gái.

“Người Xanh ở đó! Trên đó! Amadé hét lên, chỉ lên phía trên. “Hắn bắn bạn tôi! Còn giờ hắn đang giết một cô gái! Cứu cô ấy với! Ai cứu cô ấy với!”

Mọi người há hốc mồm và la hét. Họ chỉ lên chỗ cửa sổ sáng đèn. Lính gác ủa vào một lối đi, chừng mười hay mười hai thang, súng trường sẵn sàng.

“Hắn đang giết cô ấy!” một phụ nữ kêu lên. “Cứu cô ấy đi!”

“Người Xanh!” một gã hét. “Trên đó! Nhanh lên.”

Một tên lính cố mở cửa vào cửa hàng trang sức. Hắn nện cửa. Rồi ra hiệu cho các tên khác đập đổ. Amadé và tôi len qua đám đông. “Tránh đường! Tránh đường!” Amadé hét. “Bạn tôi cần một bác sĩ!” Chúng tôi đi qua lối đi nơi bọn lính vào và rồi ra khỏi Cung điện Hoàng gia.

Chúng tôi đi về phía Đông. Anh định đưa tôi về phòng và gọi một phụ nữ giỏi xử lý vết thương một khi chúng tôi về đến. Nhưng khi rẽ sang Rue Saint Honoré, chúng tôi thấy phố đầy lính.

“Amadé, mình không xuống đó được đâu. Bỏ tôi ở đây đi.”

“Không! Tôi sẽ không bỏ cậu trên phố!” anh tóm lấy tay tôi, bắt đầu quay lại đường chúng tôi vừa đi.

Tôi giật tay ra. “Tôi không đi được nữa. Tôi không thể.”

“Chỉ một chút nữa thôi. Vẫn còn một nơi tôi có thể đưa cậu tới,” anh nói. “Một nơi bọn chúng sẽ không tìm tới.”

“Chỗ nào?”

“Hầm mộ. Trốn ở đó tốt lắm.”

Phải, đúng thế. Và thậm chí là một nơi rất tốt để chết.

Quay lại qua nhà thờ.

Quay lại thông qua hầm mộ.

Quay lại tới chỗ mộ phần.

Amadé nửa kéo nửa đưa tôi xuống những bậc thềm bằng đá, qua các đường hầm, qua những người chết lặng im và buồn bã.

Chúng tôi loạng choạng, chỉ nhờ ánh sáng đèn lồng mà chúng tôi ăn cắp được ở nhà thờ, xuống những sảnh đá trắng, xuống sâu hơn vào trong hầm mộ, sâu dưới lòng đất. Cho tới khi cuối cùng anh dừng lại và nhẹ nhàng thả tôi xuống, cho tới khi tôi ngồi trên nền đất, dựa lưng vào tường. Rồi anh quỳ gối xuống cạnh tôi.

“Cậu có mang đèn chứ?” anh hỏi tôi.

“Ừ.” Nó nằm trong bột tôi. Tôi lấy ra. Tôi bật lên. Ánh đèn rất yếu.

“Tôi sẽ quay lại nhờ cứu giúp. Nhanh hết mức có thể. Cái bà đó có thể chữa cho cậu.”

Tôi gật đầu, nhưng tôi không tin lời anh. Mà anh cũng không tin.

“Nếu chúng thăm vấn anh thì bảo là tôi có súng lục,” tôi bảo anh. “Bảo tôi dí vào lưng anh. Rồi anh trốn thoát được ngay khi có thể.”

“Chả được đâu. Chúng sẽ tổng tôi vào tù.”

“Sẽ được. Được mà, Amadé. Cũng như quăng ba cung và La thứ. Đừng quên điều đó. Jimmy Page cần cậu. Thế giới sẽ không còn như trước nếu không có bản ‘Stairway’.” Tôi vươn tới, rên rỉ vì đau, và hôn lên má anh. “Cảm ơn anh,” tôi nói, rồi lại ngã vào tường.

Anh cầm đèn lồng lên, như thể định đi, rồi lại đặt xuống.

“Hôm nay tôi viết nhạc. Cậu biết không?” anh nói. “Nó hay lắm. “Hay hơn bất cứ thứ gì tôi từng biết. Nó sẽ là một bản concerto giọng La thứ. Tôi viết nó vì có pháo hoa. Bởi chúng tạo ra ánh sáng. Và hy vọng. Bởi chúng là điều không thể.”

“Bản giao hưởng Pháo hoa,” tôi vừa thì thầm vừa mỉm cười.

“Sao cậu lại làm việc này?” giọng anh đứt quãng. Mắt anh long lanh nước. “Sao cậu lại hy sinh đời mình không vì gì cả? Thằng bé đó sẽ chết. Chính cậu đã nói thế. Giờ thì cậu cũng sẽ chết. Và chính tôi nữa. Khi bọn lính tóm được tôi. Tôi toi luôn. Và vì cái gì? Cậu thay đổi được gì chứ? Ánh sáng cậu tạo ra đã bị tiêu hủy. Hy vọng bị giẫm đạp. Cái thế giới khốn nạn này vẫn tiếp tục, hôm nay cũng như ngày mai đều ngu xuẩn và bạo tàn.”

Tôi biết những câu này. Orléans đã nói với Alex và cô đã viết ra. Trong trang nhật ký cuối cùng.

Bằng hơi thở cuối cùng.

Tôi mệt quá, rất mệt. Và yếu. Và mọi thứ nhạt nhòa dần. Nhưng đột nhiên tôi bật cười. Tôi không kìm chế được. Giờ thì tôi hiểu. Tôi biết Alex muốn nói với tôi điều gì. Tôi biết câu trả lời. Tôi biết nhật ký của cô kết thúc thế nào. Không phải với một vết máu, không phải với cái chết.

“Ôi, người chết kia, anh sai lầm quá rồi,” tôi nói với anh. “Thế giới vẫn tiếp diễn ngu xuẩn và bạo tàn, nhưng tôi thì không. Anh không hiểu ư? Tôi thì không.”

THIÊN ĐƯỜNG

*Thầy hướng dẫn và tôi theo con đường khuất đó,
Chúng tôi trở lại thế giới sáng sủa,
Và chẳng một chút quan tâm đến việc nghỉ ngơi!
Chúng tôi trèo lên, Thầy thứ nhất, tôi thứ hai,
Cho tới khi, cuối cùng, thấy được những sự vật đẹp đẽ,
Mà trời chuyên chở và theo một lối tròn nhỏ,
Chúng tôi đi ra từ đó và thấy lại các vì sao!*

— DANTE —

“Andi. Andi, tỉnh dậy đi.”

Tôi nghe một giọng nói. Xa vắng.

“Nào, Andi, tỉnh dậy đi.”

Tôi muốn lắm, nhưng tôi không biết làm cách nào.

Tôi đang nằm trong bóng tôi. Tôi mệt. Đầu đau như búa bổ.

“Xin cậu đấy, Andi. Vì tớ mà.”

Tôi hít một hơi thật sâu. Và mở mắt ra.

“Virgil.”

“Chúa ơi, cậu làm tớ sợ quá.”

“Virgil, tớ đã đi mất.”

“Ừ, tớ biết mà.”

“Không, thực sự đi mất ấy,” tôi nói, bằng một giọng khàn khàn. “Vào thế kỷ mười tám. Ở Paris. Tớ... tớ đang chạy. Cố tìm cậu. Nhưng không được. Thế rồi tớ ngã. Và vài gã... họ ở bãi biển... họ giúp tớ. Và tớ quay lại Paris nhưng không phải Paris này. Paris khác. Từ hồi 1795.”

Trông cậu cực kỳ lo lắng. Cậu rọi đèn pin khắp mặt tôi, rồi sờ đầu tôi.

“Trán cậu đang chảy máu kia,” cậu nói. “Chắc cậu bị bất tỉnh. Cậu đã nằm mơ hay gặp ảo giác. Gì đó.”

“Tớ đã ở đó, Virgil. Tớ đã ở đó.”

“Ừa. Cái gã người thiếc có ở cùng cậu không?”

“Thật mà! Tớ thề là thế!” tôi nói, hơi kích động.

“Được rồi, bình tĩnh nào. Mình phải ra khỏi Oz. Bọn cóm vẫn còn quanh quẩn đâu đây và họ không ưa bọn trai ở khu ngoại ô lắm đâu.” Cậu cố giúp tôi đứng dậy. “Cậu có đứng được không?”

Tôi cố. Tôi cố ngồi dậy nhưng đau kinh khủng. Virgil mở áo khoác của tôi ra rồi cau mày. Có một vết thương dài và sâu ở phần dưới lồng ngực tôi. Nó cũng đang chảy máu.

“Trông có vẻ tệ thôi,” cậu nói. “Không có gì bị xuyên qua hay gãy cả.”

Virgil rơi đèn lồng xung quanh. Những khung sắt rỉ lo lửng treo trên tường. Những mẫu sắt bị bẻ cong hay gãy chọc lõm chồm ra từ sàn và trần.

“Đây là một hệ thống mạng điện cũ,” cậu nói. “Cậu may là chỉ bị cắt thôi đấy, may là cậu không bị xuyên qua. Thậm chí tớ không biết là đường hầm này lại ở đây. Nó không có trong bản đồ. Đồ đạc của cậu đâu rồi?”

Tôi nhìn quanh. Túi của tôi nằm trên sàn cạnh tôi. Đàn guitar thì nằm ngay phía trước. Virgil rơi đèn pin tới rồi cầm lấy nó. Cậu chửi thề khi nhặt nó lên.

“Sao thế?”

“Có một cái giếng. Ngay đó. Rất sâu. Nếu cậu không bị ngã khi đi. Nếu cậu chỉ đi vài bước nữa. Thực ra, chỉ một bước nữa...”

Nhưng tôi không bước. Tôi đã không bước cái bước đó.

Giờ tôi đã ngồi thẳng dậy và để ý thấy Virgil không mang theo đồ gì trừ cái đèn pin.

“Đồ của cậu đâu?” tôi hỏi cậu.

“Ở chỗ Jules... tớ hy vọng thế. Tớ tìm thấy họ - cậu ấy với Khadija - ngay trước khi cảnh sát xuất hiện. Chỗ Rue D'Acheron. Tớ nghĩ họ bỏ ra.”

Tôi nhớ Rue d'Acheron. Nó cách bãi biển khá xa. Lẽ ra cậu có thể đi tiếp một khi đã tới đó. Cậu cũng có thể bỏ đi luôn.

“Cậu quay lại,” tôi nói.

“Không phải.”

Chắc đó cũng chỉ là một giấc mơ.

“Tớ chưa bao giờ rời khỏi đây cả. Nào giờ thì đứng dậy nào.”

Cậu giúp tôi đứng dậy. Quàng tay qua eo tôi. Tôi choàng tay lên cổ cậu. Tôi quay đầu lại và nhìn lần cuối cùng - cái đường hầm mà suýt nữa tôi đã đi xuống. Nó vừa dài vừa tối, lại không có ánh sáng ở cuối. Trong một giây, mùi đinh hương vừa nồng vừa mạnh. Và rồi nó biến mất.

“Đi thôi,” Virgil nói. “Mình ra khỏi đây thôi.”

Những bước đi đầu tiên rất đau. Chúng thật khổ sở. Nhưng tôi không ngoái đầu nhìn lại.

Chúng tôi bước đi. Một lúc lâu. Chúng tôi không thể ra theo lối đã vào, vì thế chúng tôi sẽ phải đi qua bãi biển trong khi cảnh sát thì vẫn ở đó. Chúng tôi nghe thấy tiếng họ. Chúng tôi thấy ánh sáng đèn pin của họ.

Chúng tôi đi qua các đường hầm, qua các khúc xương, đường dây điện và các hốc lỗ, cho tới khi chúng tôi đến tầng hầm của một xưởng ô tô bỏ hoang. Phía nam Boulevard Périphérique. Ở Montrouge.

Chúng tôi lao lên một cầu thang sắt rỉ ra khỏi tầng hầm lên trên sàn xưởng. Quang cảnh nơi này trông như trong một bộ phim kinh dị. Các máy móc bị hỏng lù lù vẻ ám muội. Xích lơ lửng treo trên trần nhà. Nến và những mẫu thuốc lá tàn cùng lon bia vương vãi trên sàn. Có một hàng cửa sổ dọc một bên tường, từ trần tới sàn, tất cả đều vỡ và bị đóng thanh gỗ bên ngoài. Virgil tìm thấy một thanh lỏng. Cậu bò ra, rồi giúp tôi ra, và chúng tôi thấy mình đứng trên một con đường cũ, đầy đường nứt nẻ và đầy ổ gà. Một dòng suối nhỏ dùng đục, lác đác những lớp xe và xe đẩy hàng bên cạnh. Chúng tôi đi theo con đường ra trước nhà máy.

Lối vào đã bị đóng ván. Rác rưởi khắp nơi - những tảng bê tông, một cái tủ lạnh rỉ, một cái tivi cũ, và băng ghế sau của một cái xe đã rách tả tơi. Chúng tôi tập tễnh đi lại chỗ đó và ngồi xuống. Tôi vẫn thấy người run rẩy, nhưng cơn choáng váng đã hết. Không khí trong lành hơi lạnh và cảm giác thật dễ chịu. Xa xa, tôi có thể thấy ánh sáng đèn điện của Paris.

Virgil nhìn đồng hồ.

“Mấy giờ rồi?” tôi hỏi cậu.

“Một giờ,” cậu nói, thò tay vào túi quần. “Điện thoại của tớ đâu rồi ấy nhỉ?”

Một giờ. Cảm giác như nhiều ngày đã trôi qua hóa ra lại chỉ là một tiếng đồng hồ. Tôi không biết chuyện gì vừa xảy đến với tôi. Nó là thật ư? Hay không? Hay là do thuốc Qwell? Hay tôi bị ngã đập đầu? Thứ duy nhất tôi biết chắc chắn là cách đây vài tiếng, tôi ở tháp Eiffel, sẵn sàng lên thang máy lên đỉnh. Tôi muốn tự sát bởi tôi không đương đầu nổi với nỗi buồn của mình. Lúc này thì sao? Tôi ước gì mình biết được.

“Tớ sợ, Virgil ạ,” đột nhiên tôi nói.

Cậu thôi không gọi điện nữa mà bỏ điện thoại xuống. Tôi nghĩ cậu sẽ bảo tôi, “Sợ gì?” và rồi cố thuyết phục tôi đừng sợ, khiến cho tôi hiểu rằng mình đang sợ hãi vô lý. Rằng mọi người khác đều thế.

Nhưng rồi cậu lại nói, “Ừa, không sợ thì có mà điên.” Cậu nở một nụ cười buồn bã với tôi. “Tớ cũng sợ. Mỗi đêm tớ đều sợ hãi ở cái khu nhà của nợ của mình. Tớ sợ mình sẽ bị tổng khứ đi khi tớ ra khỏi nhà và khi về nhà. Tớ sợ mình sẽ không bao giờ làm được gì với âm nhạc của mình. Tớ sợ mình sẽ lái xe taxi suốt cả đời. Tớ sợ sau tối hôm nay, tớ sẽ không bao giờ gặp lại cậu nữa.”

Cậu lại nhấn số. Nói chuyện với một trong những người bạn lái taxi của mình. Cậu nắm lấy tay

tôi và siết chặt khi nói chuyện. Tôi sợ hãi không dám siết lại, nhưng tôi vẫn làm. Tôi nhìn một bên mặt cậu, lắng nghe khi cậu nói cho anh kia bọn tôi đang ở đâu, và phải, chuyện dài lắm, nhưng bạn cậu bị thương, cần phải tới bệnh viện và anh ta đến đón chúng tôi được không? Cậu cảm ơn anh kia rồi tắt máy.

Chúng tôi ngồi đó một lúc, nắm tay nhau. Cậu bắt đầu hát, khẽ khàng. Cậu hát những lời từ bài hát chúng tôi đã chơi lúc trước, “Bạn bè tôi.”

Tôi lắng nghe một cô gái nhỏ

Nói lên những điều đẹp đẽ

Hãy trao đi tình yêu dù thế nào chẳng nữa

Cô đã nói

Tôi ngẩng mặt lên nhìn trời đêm.

Nó vẫn tối đen.

Nhưng tôi có thể thấy các vì sao.

PHẦN KẾT

Mùa đông, một năm sau

Tôi ở trong phòng bệnh viện. Ngồi trên một giường bệnh. Chơi nhạc.

Có một cô bé ngồi ở góc phòng. Nó ngồi trên sàn lưng xoay lại với tôi. Đung đưa.

Tôi đã chơi cho cô nghe gần hai tiếng rồi nhưng cô không phản ứng gì. Cô chỉ đung đưa mãi.

Khăn trùm đầu của cô dịch ra một chút và tôi thấy được các vết sẹo trên cổ. Những vết sẹo đó kéo dài mãi xuống tận lưng. Nhân viên công tác xã hội của cô bé bảo với tôi vậy.

Cô bé này là dân Hồi giáo. Mười ba tuổi. Cô bị tấn công trong một công viên cạnh nhà. Cô bị đánh đập và cưỡng hiếp. Chuyện đó cách đây hai tháng. Kể từ đó cô không nói năng gì. Hay ăn uống. Hay làm gì cả ngoại trừ việc đung đưa người.

Tối thứ Năm nào tôi cũng đến vì nhân viên công tác xã hội của cô bảo rằng cô thích âm nhạc. “Chơi bài nào nhẹ nhàng ấy,” cô ấy khuyên.

Đã gần đến giờ tôi phải về rồi mà lại một lần nữa, tôi chẳng tiến được tới đâu. Tôi thôi chơi. Nhưng cô không thôi đung đưa.

Đột nhiên tôi nảy ra một ý tưởng. Chơi các bài nhẹ nhàng đủ rồi. Tôi sẽ thử bài gì khác. “Shine On You Crazy Diamond.” Khi tôi chơi, tôi nghe thấy nó - nỗi buồn trong bốn nốt nhạc - và cả cô bé cũng nghe thấy nữa, tôi nghĩ vậy, bởi cô thôi đung đưa. Cô quay đầu lại, rồi cả người. Và tôi nhìn thấy đôi mắt to buồn bã sợ hãi của cô.

Tôi tiếp tục chơi. Chơi mãi. Tôi ước giá gì cây đàn guitar điện của mình có ở đây. Và David Gilmour nữa. Nhưng tôi không có. Vì thế tôi làm việc mình có thể.

Tôi chơi xong bài đó. Những nốt cuối cùng ngân lên rồi tan đi. Chúng tôi ngồi đó thêm vài phút và rồi tôi hỏi cô có thích tôi lại đến vào tuần sau không. Cô gật đầu. Và tất cả những gì tôi có thể làm là không nhảy tung tung trên giường.

Tôi tạm biệt cô bé, lấy đồ, và ra khỏi bệnh viện, cảm giác như mình là tỉ phú một triệu đô. Bên ngoài trời tối. Và lạnh. Tôi bị muộn rồi. Tôi đã nán lại lâu hơn mức dự định. Không có thời gian về nhà tắm rửa. Mà tôi đói. Thực ra là đói cồn cào. Tôi hy vọng tối nay quán Rémy có món hầm.

Tôi quàng thùng guitar qua vai, nhảy lên xe máy, và khởi động máy. Tôi ra khỏi chỗ đỗ xe và hòa vào dòng xe cộ tiến về trung tâm Paris. Tôi đi qua Điện Invalides và tôi phải đi tới tận ngục Bastille.

Giao thông tẻ quá. Tôi bị một cái xe tải vượt mặt, rồi suýt tí thì bị một cái limo làm cho đẹp lẹp. Chiếc xe máy này là quà tốt nghiệp của bố mẹ tôi.

Cha tôi vẫn ở Cambridge. Giờ ông đã có một đứa con trai mới - Leroy. Ông dành rất nhiều thời gian cho đứa bé. Nhiều hơn ông từng dành cho tôi và Truman. Tôi đoán lẽ ra mình nên chưa

xót vì chuyện đó nhưng không. Ông như kiểu mờ tan đi với tôi vậy. Như những nốt cuối của một bài hát. Thật buồn, nhưng không sao cả. Thật khó để chúng tôi có thể bên nhau. Lúc nào cũng thế rồi.

Những ngày này ông rất bận rộn, vẽ bản đồ gene của đứa bé. Có lẽ nó sẽ giúp ông hiểu điều gì đã khiến cơ thể đứa bé này hoạt động. Ông không bao giờ hiểu được tôi. “DNA cho chúng ta biết tất cả bí mật cuộc đời,” ông thường nói. Trừ một việc - sống như thế nào.

Tôi rẽ vào Pont Neuf, một cái taxi bấm còi, rồi qua bên kia sông. Sông Seine tối nay rất đẹp, những ngọn đèn đường sáng lấp lánh trên dòng nước đen.

Mẹ tôi đã chuyển về Paris. Bà bán căn nhà ở Brooklyn và hầu hết mọi thứ khác trong nhà đi sau khi bà tự xuất viện vào tháng Giêng vừa rồi. Sau khi cuối cùng vẽ lên mọi xăng ti mét vuông trên bức tường phòng bệnh của bà. Bác sĩ Becker giúp bà, nhưng không phải theo cách mà ông định. Một hôm tôi nhận được điện thoại. “Con đến đón mẹ được không Andi?” bà nói. “Nếu bây giờ mà không rời khỏi nơi này thì mẹ sẽ chẳng bao giờ đi được.”

Bà đổ hết đồng thuốc ra khỏi cửa xe trên đường về nhà. Tôi cũng đổ chỗ thuốc của tôi. Nhiều tuần trước. Rồi bà hỏi bà nghe nhạc được không. Tôi cho bà nghe thứ duy nhất mà tôi có trong xe - một đĩa mới Plaster Castle, một đĩa nhạc không có quá nhiều hiệu ứng. Một đĩa nhạc không phải là mớ hỗn độn ồn ào.

Khi chúng tôi về tới nhà, bà vòng tay ôm lấy tôi, khóc và bảo bà xin lỗi vì đã quá điên rồ. Bà bảo tôi là trụ đỡ của bà lâu nay, tôi có biết điều đó không.

Giờ thì chúng tôi ở trong một căn hộ, bà và tôi, hai phòng ngủ ở Belleville. Bà đã khá hơn. Có những ngày tôi tệ nhưng những thanh sắt vẫn vững vàng. Bà vẽ lại - vẫn tranh tĩnh vật, không vẽ thêm bức chân dung nào. Thỉnh thoảng những bức tranh mới có những thứ dẫn chiếu tới Truman, chẳng hạn con dao nhíp từng là của em, hay một cái lông em từng tìm thấy, hay chiếc chìa khóa của em - tôi thường đeo nó ở cổ. Giờ tôi không còn đeo nữa. Tôi cho nó vào trong một cái hộp và đặt trên bệ lò sưởi và thỉnh thoảng lấy ra nhìn. Giờ đây Truman là một phần của bức tranh, không phải là toàn bộ bức tranh nữa. Có chỗ cho những thứ khác trong đời mẹ tôi. Có chỗ cho tôi. Như thế thật hay. Bởi vì giờ tôi cần bà. Tôi thực sự rất bận.

Tôi tốt nghiệp trường St. Anselm - trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người. Nhờ vào luận văn của tôi. Không phải là nhờ vào giả thuyết của tôi - cái về DNA âm nhạc ấy - mà nhờ phần kết luận, tôi đã nói rằng nhà soạn nhạc Amadé Malherbeau thực ra là Charles-Antoine, Bá tước de'Auvergne, và rằng cách sử dụng những hợp âm thứ và nghịch âm mang tính chất mới mẻ của ông xuất hiện bởi nỗi đau đớn mà ông chịu đựng trước cái chết của cha mẹ, cụ Bá tước và Nữ bá tước d'Auverge, do những người làm cách mạng gây ra, quá lớn.

Tôi cũng đề xuất tên của ông cho vở Concerto giọng La thứ - Bản Concerto Pháo hoa - được gợi cảm hứng từ những hành động vị tha của một thiếu nữ tên là Alexandrine Paradis, người đốt pháo hoa ở Paris vào những ngày cuối cùng của Cách mạng, và người để lại một cuốn nhật ký.

Tôi không thể nào nói được lý do là nhờ tôi cho ông ấy nghe Zeppelin trên iPod của tôi.

Luận văn của tôi, cuốn nhật ký của Alex - cả hai đều gây được tiếng vang lớn. Thậm chí trước khi tôi nộp luận văn, tôi được Le Monde, Die Zeit, Guardian phỏng vấn về nó, và rất nhiều tờ báo tầm cỡ thế giới khác. New York Times viết một bài với dòng tiêu đề: Thám tử tuổi teen giải quyết bí ẩn âm nhạc Malherbeau. Bài báo hay nhưng dòng tiêu đề nghe kinh quá. Ý tôi là, Vijay vẫn còn gọi tôi là Nancy Douche.

Chuyện diễn ra thế này. Khi Virgil đưa tôi về tới nhà lúc sáng mờ dật, sau một chuyến ghé thăm

phòng cấp cứu ở Paris, tôi bảo với bố tôi, bác G và cô Lili, tất cả đều hơi phát hoảng, rằng tôi vấp ngã cạnh tháp Eiffel. Ngày hôm sau, sau khi tôi ngủ và hồi phục một chút, tôi đưa cho bác G cuốn nhật ký. Tôi chỉ cho bác xem cái khoang bí mật trong thùng đàn, và bức tiểu họa về hoàng thái tử Louis-Charles. Và tôi kể cho bác nghe về những bông hồng trong chân dung của Amadé Malherbeau, và việc chúng tương đồng với bông hồng trên huy hiệu vùng Auvergne thế nào. Tôi nói với ông tôi nghĩ Amadé Malherbeau có thể là Charles-Antoine d'Auvergne.

Dĩ nhiên là bác G choáng váng toàn tập. Bác đọc cuốn nhật ký ngay lập tức. Bác đến nhà cũ của Amadé để nhìn bức chân dung. Bác chụp rất nhiều ảnh rồi so sánh chúng với chiếc huy hiệu. Vài ngày sau, tôi thấy mình đi Auvergne với bác, và gõ cửa lâu đài cổ. Chúng tôi tự giới thiệu với một bà già ra mở cửa và bác G giải thích rằng chúng tôi đang cố thiết lập mối quan hệ giữa ngài Bá tước d'Auvergne cuối cùng với nhà soạn nhạc Amadé Malherbeau và tự hỏi trong lâu đài có còn bất cứ tài sản cá nhân nào của vị bá tước và nữ bá tước quá cố không.

Người phụ nữ đó, bà Giscard, mời chúng tôi vào. Bà bảo với chúng tôi rằng một vị tổ tiên của bà đã mua lâu đài vào năm 1814 từ một viên chức Jacobin, ông này đã có được nó trong thời Cách mạng. Bà bảo rằng hệ thống sưởi và ống nước đã được lắp vào cuối thế kỷ mười chín nhưng ngoài ra chẳng thay đổi gì nhiều lắm. Rồi bà đưa chúng tôi vào trong sảnh lớn và cho chúng tôi xem vài bức chân dung đã được treo ở đó từ rất lâu rồi. Ngay lập tức bác G nhận ra vài người trong các bức tranh, chẳng hạn như vua Louis XIV và Napoleon Bonaparte.

Trong khi bác G xem tranh ở một bên sảnh, tôi nhìn phía bên kia. Tôi thấy rất nhiều khuôn mặt và nơi chốn mà tôi không biết, và rồi, ở phía bên phải một lò sưởi cực lớn, tôi nhận ra một khuôn mặt mà tôi biết - Amadé. Anh đang ngồi trên một chiếc ghế, chơi guitar. Cạnh anh, ngồi viết ở bàn, là đúng người phụ nữ mà tôi thấy được vẽ trong bức tiểu họa - mẹ anh. Phía sau họ, đứng cạnh một cửa sổ trông ra những cánh đồng và ngọn đồi xinh đẹp, là cha anh, Bá tước d'Auvergne. Ông đang cầm một bông hồng đỏ.

Thật vui khi lại được nhìn thấy anh.

Được sự cho phép của bà Giscard, bác G gọi một sử gia hội họa từ Louvre tới. Ông này nghiên cứu cả hai bức chân dung - bức ở lâu đài và bức ở nhà Bois de Boulogne của Amadé - và tuyên bố theo ý kiến của ông, các bức tranh cùng vẽ ba con người.

Bà Giscard cũng cho phép bác G lục sạo trên gác mái. Ông tìm thấy giấy tờ từng thuộc về Bá tước d'Auvergne - bao gồm sổ sách kế toán với các khoản trả cho rất nhiều chuyên gia âm nhạc khác nhau cho con trai mình, một hóa đơn cho bức chân dung treo trong lâu đài, và những sáng tác đầu đời của chàng Charles-Antoine trẻ tuổi - một vài tác phẩm trong số đó giống đến kinh ngạc những tác phẩm đầu đời của Amadé Malherbeau.

Các chuyên gia âm nhạc từ Yale, Oxford, và Bonn đến hội bàn với bác G, đọc nhật ký, và kiểm tra những tài liệu ở Auvergne. Bác G sẽ trưng bày nhật ký của Alex trong triển lãm về hoàng thái tử Louis-Charles trong bảo tàng của ông. Tôi rất vui. Cô đã muốn cả thế giới biết chuyện gì xảy ra. Giờ thì nó sẽ được biết.

Cuối cùng tôi không giành được hợp đồng làm phim như Bender, nhưng tôi được điểm A cộng. Đích thân cô Beezie đọc luận văn của tôi. Cô bảo rằng nó xuất sắc và rằng phần tìm ảnh hưởng của Malherbeau lên các nhạc sỹ hiện đại rất thú vị. Cô đặc biệt thích phần biểu diễn sự tương đồng song song giữa bản Concerto giọng La thứ và "Stairway to Heaven" của tôi. Cô bảo rằng Amadé Malherbeau hiển hiện thật sống động trong luận văn của tôi, như thể tôi biết ông vậy.

Đúng thế, tôi có biết ông.

Tôi bỏ qua lễ tốt nghiệp, và tôi hơi tiếc. Tôi nghe bảo có cảnh lộ bịch lắm. Nick xin tới mức cậu

ta ngã trên sân khấu. Chuyện đó làm tổng thống Mỹ hơi bị sốc, ông có mặt ở đó bởi vì ông tình cờ đến Brooklyn để gây quỹ ngày hôm đó và ông muốn gặp Vijay. Bà Gupta gửi cho ông một bản luận văn của Vijay. Ông rất thích nó. Ông muốn Vijay thực tập ở Nhà Trắng trong kỳ nghỉ hè khi đi học ở Harvard. Lindsay Lohan cũng có mặt ở đó. Arden hẹn hò với cô ta.

Tôi nhận bằng từ thầy Nathan. Thầy ghé qua nhà đưa cho tôi. Chúng tôi chơi Bach cùng nhau nhiều giờ liền. Thầy đưa cho tôi Hauser của thầy. Tôi bảo thầy tôi không xứng đáng được nhận một cây guitar như vậy. Thầy nói, “Không, giờ thì chưa, nhưng tương lai thì có.”

Tôi nộp đơn vào Nhạc viện Paris và được nhận. Tôi được học một giáo viên cực giỏi có bằng âm nhạc đương đại và cổ điển, và trong những thời gian rảnh không học trên lớp, tôi tham gia tình nguyện với một nhóm những người chữa bệnh bằng âm nhạc - những người giúp những đứa trẻ bị sang chấn diễn đạt bằng âm thanh điều mà chúng không diễn đạt được bằng lời.

Giờ thì cuối cùng tôi rẽ sang Rue Oberkampf rồi, và đỗ lại cạnh vỉa hè bên ngoài quán Rémy. Tôi tắt máy, cởi mũ bảo hiểm, và vào trong. Căn phòng ấm áp, đầy khói và người. Chúng tôi cực đông khách. Cứ vào thứ Tư và Chủ nhật. Tôi len qua đám đông, nhìn các khuôn mặt, tìm một người.

Và rồi tôi thấy cậu. Một cậu trai cao và gầy. Cậu đã vỗ lên cái đầu hói của Rémy và cười. Virgil. Tim tôi đập rộn lên khi nhìn thấy cậu. Nghe thật rẻ tiền, nhưng đúng là vậy. Chúng tôi bám rịt lấy nhau kể từ hồi tôi chuyển đến Paris.

Ngày hôm sau chúng tôi đi chơi, Virgil và tôi - sau ngày chúng tôi ra khỏi hầm mộ. Tôi đưa nhật ký của Alex cho cậu xem và cậu đọc một ít. Cậu hiểu mối liên hệ mà tôi cảm thấy với cô, mối liên hệ mà tôi vẫn còn cảm thấy, nhưng cậu không tin chuyện tôi quay về thế kỷ mười tám. Ý tôi là, cậu không nghĩ tôi thực sự đã trải qua nếp gấp thời gian. Và tôi không thể trách cậu được. Bởi tôi cũng chả còn tin chắc nữa.

“Nhưng mà cảm giác thật lắm,” tôi bảo cậu. Chúng tôi ngồi trong xe cậu, bị kẹt đường gần Carrefour l’Odéon, trên đường tới một quán cà phê để nghe bạn của cậu chơi. Tôi bị khâu mười mũi trên trán và thêm vài mũi nữa dưới lồng ngực. “Paris thế kỷ mười tám, hầm mộ, Amadé - tất cả có cảm giác rất thật. Thậm chí chỉ là nó tồn tại trong đầu tớ chẳng nữa. Nhưng nghe thật điên, nhỉ? Nghĩ tới chuyện tớ thực sự về quay thời Cách mạng. Quay về một chuyện đã kết thúc hai thế kỷ trước ấy?”

Cậu không trả lời tôi ngay. Cậu nhìn qua tôi, nhìn lên thứ gì đó bên ngoài cửa sổ xe. Tôi nhìn theo ánh mắt cậu và thấy thứ đó - một bức tượng sừng sững của Danton.

“Tớ không biết, Andi ạ,” cuối cùng cậu nói. “Theo một cách nó chưa bao giờ kết thúc. Theo một cách tất cả chúng vẫn còn ở đây. Những bóng ma không ngủ yên nhìn qua vai chúng ta. Chúng muốn những thứ khả thể tốt đẹp nhất, một vài trong số đó - tự do, bình đẳng, và bác ái cho tất cả. Nó là một giấc mơ đẹp. Tệ làm sao khi họ không thành công. Tệ làm sao khi chúng ta không thành công.”

Lúc đó bọn tôi nghe một dàn còi inh ỏi. Những chiếc xe phía trước đã bắt đầu đi. Virgil chuyển sang số một. “Cuộc đời là về cách mạng, chả phải ư?” cậu nói. “Thứ ở bên trong, ý tớ là vậy. Ta không thể thay đổi lịch sử. Ta không thể thay đổi thế giới. Tất cả những gì chúng ta có thể thay đổi là chính bản thân mình.

Giờ đây tôi nhìn cậu, đang đùa với Rémy. Tôi thích làm như thế, nhìn cậu trước khi cậu thấy tôi đang nhìn cậu. Cậu mặc đồ như mọi khi - quần jean và áo phông có mũ trùm đầu. Tay áo được xắn lên. Tôi có thể thấy một cái băng dán lòi ra từ dưới một cánh tay.

Một tuần trước ở khu cậu sống có ẩu đả. Cậu đang trên đường về nhà sau ca làm việc. Có một nhóm đánh nhau trên phố bên ngoài tòa nhà cậu ở. Cậu cố can ngăn và bị đâm. Kẻ tấn công nhằm vào tim cậu. Virgil dùng tay đỡ. Chỉ vừa đủ. Nhưng chỉ vừa đủ là đủ rồi.

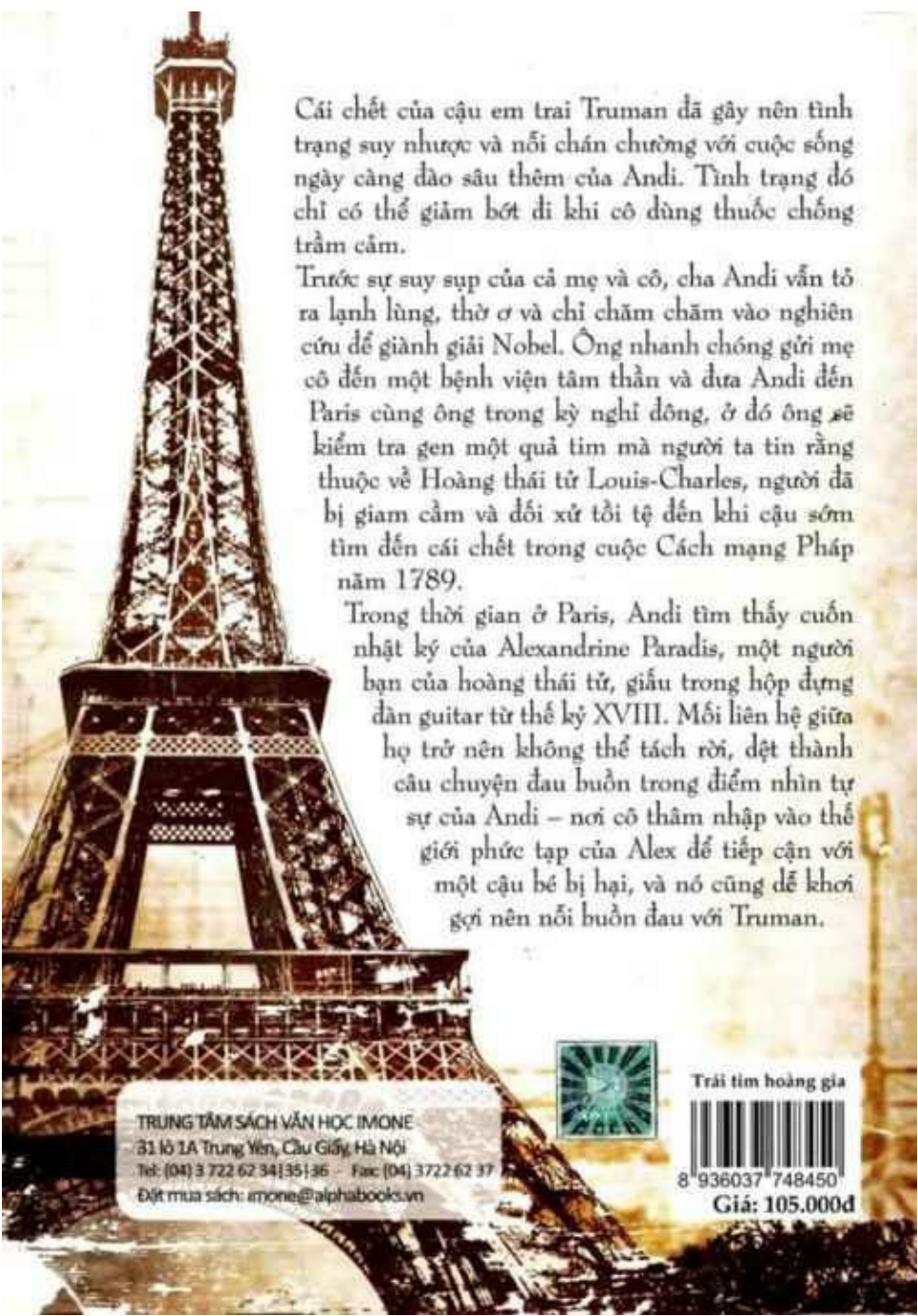
Rồi cậu quay lại, nhìn tôi, cả khuôn mặt cậu nở thành một nụ cười. Vì tôi. Và trái tim tôi cảm thấy tràn đầy đến nỗi nó đau đớn. Tràn đầy tình yêu cho chàng trai mà tôi đã tìm thấy. Cho đứa em trai tôi đã mất. Cho người mẹ đã quay lại. Và cho người cha không quay về. Tràn đầy tình yêu cho một cô gái tôi không bao giờ biết và sẽ luôn luôn nhớ đến. Một cô gái đã cho tôi chiếc chìa khóa.

Nó tiếp diễn, cái thế giới này, ngu xuẩn và bạo tàn.

Nhưng tôi thì không.

Tôi thì không.

HẾT



Cái chết của cậu em trai Truman đã gây nên tình trạng suy nhược và nỗi chán chường với cuộc sống ngày càng dào sâu thêm của Andi. Tình trạng đó chỉ có thể giảm bớt đi khi cô dùng thuốc chống trầm cảm.

Trước sự suy sụp của cả mẹ và cô, cha Andi vẫn tỏ ra lạnh lùng, thờ ơ và chỉ chăm chăm vào nghiên cứu để giành giải Nobel. Ông nhanh chóng gửi mẹ cô đến một bệnh viện tâm thần và đưa Andi đến Paris cùng ông trong kỳ nghỉ đông, ở đó ông sẽ kiểm tra gen một quả tim mà người ta tin rằng thuộc về Hoàng thái tử Louis-Charles, người đã bị giam cầm và đối xử tồi tệ đến khi cậu sớm tìm đến cái chết trong cuộc Cách mạng Pháp năm 1789.

Trong thời gian ở Paris, Andi tìm thấy cuốn nhật ký của Alexandrine Paradis, một người bạn của hoàng thái tử, giấu trong hộp đựng đàn guitar từ thế kỷ XVIII. Mỗi liên hệ giữa họ trở nên không thể tách rời, dệt thành câu chuyện đau buồn trong điểm nhìn tự sự của Andi – nơi cô thâm nhập vào thế giới phức tạp của Alex để tiếp cận với một cậu bé bị hại, và nó cũng dễ khơi gợi nên nỗi buồn đau với Truman.

TRUNG TÂM SÁCH VĂN HỌC IMONE
31 lô 1A Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (04) 3 722 62 34/35136 – Fax: (04) 3722 62 37
Đặt mua sách: imone@alpha-books.vn

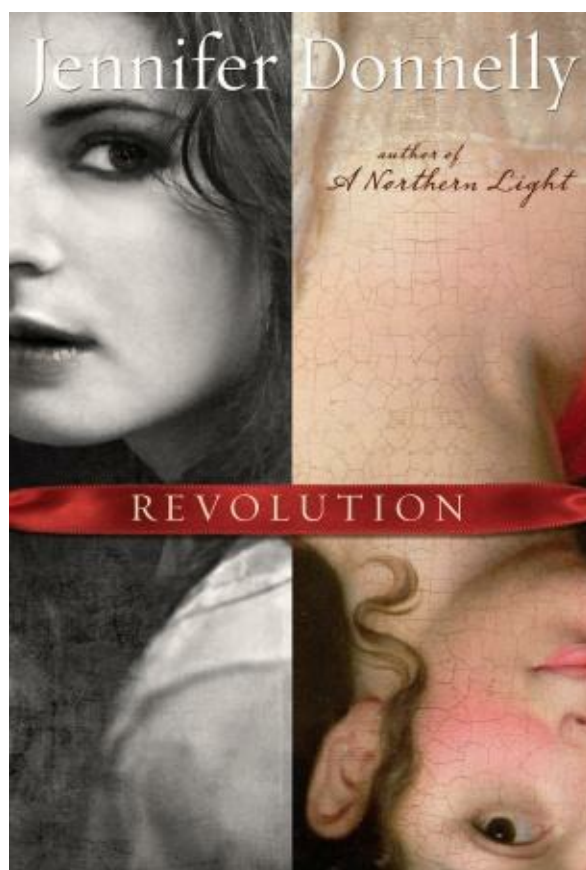


Trái tim hoàng gia



8 936037 748450

Giá: 105.000đ



-
- [1] Các phần trích trong cuốn sách này đều được lấy từ bản dịch tiếng Việt “Thần Khúc” của Nguyễn Văn Hoan, NXB Khoa học Xã hội, 2009.
- [2] Một kỹ thuật trong DJ, chuyển độ cao thấp hoặc độ dài thời gian (timestretching) trong một bản nhạc để xúng hợp tempo của nó với tempo của bản đang được phát.
- [3] John Lee Hooker: là thiên tài âm nhạc blues người da đen. Lối chơi nhạc của ông là vừa gảy guitar bass vừa kể chuyện đời sống nhọc nhằn, vừa réo rất tiếng dương cầm vừa gọi chút lạc quan còn vương lại trong những mảnh hồn rạn nứt.
- [4] Loại nhạc nhảy được ưa chuộng, pha giữa hip hop và reggae.
- [5] Memphis mod (mod là chữ viết tắt của modernist): gợi nhắc đến tác phẩm của danh ca/nhạc sĩ Bob Dylan. Bài hát của Bob Dylan kể câu chuyện tác giả (nhân vật trong bài hát) bị kẹt lại ở thành phố tiểu bang Alabama (miền Nam nước Mỹ), nơi đây là quê hương của nhạc đồng quê. Nó gợi âm hưởng buồn, náo nức của một thời kỳ quá khứ buồn bã. Cho nó là nhạc sến cũng được.
- [6] Nhân vật Norton trong loạt phim truyện dài tập The Honeymooners là người dễ tính, xuề xòa và dần dần, tối ngày tính chuyện cãi cọ đôi co.
- [7] Billboard Hot 100 là bảng xếp hạng các đĩa đơn âm nhạc tại Hoa Kỳ được người nghe yêu cầu nhiều nhất của tạp chí hàng tuần Billboard.
- [8] Flock of Seagulls: là ban nhạc đạt giải thưởng Grammy của nước Anh với các thành

viên: anh em nhà Micheal “Mike” Score (keyboard, vocals), Alister “Ali” James Score (trống) và Frank Maudsley (bas) và Paul Reynolds (guitar).

[9] Nguyên bản: *referentialist* - những người cho rằng âm nhạc có thể thực sự dẫn chiếu đến những ý nghĩa ngoài bản thân nó. Nguyên bản: *postironic* - nghĩa là “hậu châm biếm”. Một phong cách hội họa hoặc thời trang hiện đại theo sau một giai đoạn châm biếm. Đặc tính là chân thực hoặc nghiêm chỉnh đối lập với thiếu nghiêm trang mỉa mai.

[10] ASPCA (viết tắt của *American Society for the Prevention of cruelty to Animal*): Hiệp hội ngăn ngừa sự ác độc với thú vật.

[11] *Davidson Fellow*: học bổng dành cho những ai dưới 18 tuổi đạt được thành tích thực sự xuất sắc.

[12] *Presidential Scholar*: học bổng danh tiếng của phủ tổng thống.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>